

Homer H. Hickam, Jr.
THE #1 NEW YORK TIMES BESTSELLER

NHỮNG CÂU BÉ HỎA TIÊN

Ồ! Tôi vượt thoát được rồi!
Trời buộc oan khênh trái đất!
Và tôi nhảy múa giữa trời
Trên đôi cánh vui chát ngất!



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

dtbooks



Thông tin sách

Tên sách: **Những cậu bé hỏa tiễn**
Nguyên tác: **Rocket Boys (Coalwood #1)**
Tác giả: **Homer H. Hickam, Jr.**
Người dịch: **Lâm Thanh Tùng**
Nhà xuất bản: **NXB Trẻ**
Nhà phát hành: **DTBooks**
Khối lượng: **610g**
Kích thước: **13.5x20.5 cm**
Ngày phát hành: **09/2009**
Số trang: **544**
Giá bìa: **98.000 đ**
Thể loại: **Tiểu thuyết**

Thông tin ebook

Type+Làm ebook: **thanhbt**
Ngày hoàn thành: **04/09/2015**

Dự án ebook #165 thuộc Tủ sách BOOKBT 

***Ebook này được thực hiện nhằm chia sẻ cho những bạn không có điều kiện mua sách!
Còn nếu bạn có khả năng hãy mua sách ủng hộ nha!***

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giới thiệu

Nỗ lực biến ước mơ thành hiện thực.

Một câu chuyện cảm động và đầy cuốn hút về tuổi trẻ dám mơ ước và nỗ lực để biến giấc mơ thành hiện thực.

Cậu bé Homer Hickam sinh ra tại Coalwood - một vùng mỏ nghèo hẻo lánh của miền Tây Virginia, Mỹ. Tương lai của đa số trẻ em Coalwood là trở thành thợ mỏ; Homer với sức học trung bình và không có một năng khiếu đặc biệt nào, cũng sẽ khó lòng thoát khỏi vùng đất ấy. Nhưng một ngày kia, khi được chứng kiến vệ tinh Sputnik của Nga bay ngang bầu trời, cậu bé 14 tuổi bỗng bùng lên niềm khao khát chế tạo tên lửa để khám phá vũ trụ. Homer tập hợp nhóm bạn thân lại để chế tạo tên lửa. Và trái hỏa tiễn đầu tiên không bay lên bầu trời đêm như các bạn trẻ mong muốn mà như một trái bom làm nổ tung hàng rào vườn hồng của mẹ, biến Homer thành một “hiện tượng” chẳng lấy gì làm hay ho trong thị trấn. Mặc dù vậy, người mẹ tuyệt vời và khác người của Homer lại ra sức ủng hộ cho ý tưởng “điên rồ” của con, bất chấp sự ngăn cản của người chồng. Bà muốn gieo vào lòng con trai một khát vọng, một niềm đam mê để cậu có thể tìm ra con đường thoát khỏi khu mỏ, vùng đất mà theo bà đang dần tàn lụi vì sự cạn kiệt tài nguyên.

Nhờ sự hỗ trợ của mẹ và cô giáo dạy hóa Riley, Homer đã thành lập Tổ chức tên lửa Big Creek. Những bạn trẻ ấy phải đối mặt với biết bao rào cản - rào cản về tri thức, những khó khăn về vật chất và cả rào cản vô hình từ bạn bè, gia đình - những người không ủng hộ dự án của họ. Tự mày mò nghiên cứu khoa học, những trái hỏa tiễn đầu tiên mang lại cho nhóm không ít rắc rối cùng những bi hài kịch cười ra nước mắt. Các bạn trẻ này đã nỗ lực bằng mọi cách, kể cả việc vô tình vi phạm pháp luật, để tìm kiếm các nguyên vật liệu chế tạo tên lửa...

Với quyết tâm và niềm mơ ước được gia nhập đội ngũ kỹ sư NASA để khám phá vũ trụ, Homer và các bạn từng bước chinh phục được bầu trời Coalwood và tình cảm của người dân vùng mỏ này. Nhóm bạn trẻ đã đạt được huy chương vàng tại Hội chợ Khoa học Toàn quốc năm 1960 với sáng chế của họ.

Đôi dòng về Những cậu bé hỏa tiễn

Dám mơ ước và biến ước mơ thành hiện thực - đó chính là một trong những thông điệp chính của cuốn sách này. “*Tên lửa không bay lên nếu không được ai châm ngòi*” - O’Dell, một thành viên của nhóm thường lặp đi lặp lại câu nói này. Những quả tên lửa cũng như những khát vọng của tuổi trẻ và những khát vọng ấy sẽ mãi chỉ là mơ ước nếu không có một ai “châm ngòi” cho chúng. Tuổi trẻ luôn tràn đầy hoài bão lớn, song làm sao để biến chúng thành hiện thực lại là cả một hành trình đầy gian nan mà cũng thật thú vị nếu ai dám vượt lên chính mình như những cậu bé vùng mỏ nghèo xứ Coalwood. Một lần khi ngắm nhìn mặt trăng, những cậu bé hỏa tiễn nhận ra rằng từ khi quan tâm đến vấn đề khám phá vũ trụ thì mọi khái niệm về mặt trăng đã thay đổi. “*Chúng tôi phóng đi một chiếc phi thuyền nhỏ, vượt qua khỏi giới hạn vật lý của nó; vượt qua những rặng núi cheo leo, qua khỏi những sự lừa*

đôi và nước mắt của những phản đối gay gắt ban đầu; ngưỡng mộ những miệng núi lửa, những vùng tối và những ngọn núi của mặt trăng. Vậy thì một ngày nào đó, tôi tự nhủ rằng chúng tôi sẽ đến đó.”

Chính cậu bé Homer Hickam, nhân vật chính và là tác giả của cuốn sách, sau này đã trở thành một kỹ sư NASA đúng như mơ ước thuở nhỏ. Đúng như nhận xét của tiến sĩ Mark A. Hill, Giám đốc Viện Giáo dục quốc tế Hoa Kỳ (IIE) tại Việt Nam, “...câu chuyện của Homer Hickam, một câu chuyện về hy vọng, kiên trì, thắng vượt nghịch cảnh không chỉ giới hạn ở nước Mỹ, mà là một câu chuyện phổ quát diễn ra ở mọi quốc gia trên địa cầu này. *Những cậu bé hỏa tiễn* kể về niềm tin, “một niềm tin vững chắc vào một điều gì đó không có chứng cứ,” niềm hy vọng về điều mình chưa từng thấy.” Và sự chân thực của cuốn sách đã tạo nên sức lay động lớn với trái tim độc giả.

Những cậu bé hỏa tiễn là một tác phẩm đầy sức cuốn hút với giới trẻ. Bên cạnh câu chuyện chế tạo tên lửa, tác giả đã đưa người đọc đến với một vùng đất Mỹ hẻo lánh thuộc miền Tây Virginia, khám phá cuộc sống của những người thợ mỏ những năm 1950. Tác phẩm thật gần gũi với những câu chuyện tình yêu ngọt ngào và cũng không kém phần chua xót, những trăn trở của tuổi trẻ... Tác giả đã khắc họa những chân dung nhân vật thật sống động, chân thực. Homer Hickam được ngợi ca là một người kể chuyện tài tình và rất có duyên, người đã xóa nhòa ranh giới của tiểu thuyết và hồi ký. Điều đó khiến cho *Những cậu bé hỏa tiễn* có sức lan tỏa lớn đến hàng triệu người đọc trên thế giới.

Cuốn sách được dịch ra 8 thứ tiếng và được sự đón nhận nồng nhiệt của rất nhiều trường phổ thông, đại học trên toàn nước Mỹ, trở thành động lực để các bạn trẻ học tập, nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khoa học, nghệ thuật. Năm 1999, bộ phim *October Sky* ra đời dựa theo cốt truyện của *Những cậu bé hỏa tiễn* cũng thực sự tạo nên một cơn sốt trên màn bạc.

Tại Việt Nam, trong tháng 8 vừa qua, Viện Giáo dục quốc tế Hoa Kỳ (IIE) cũng đã phát động một cuộc thi “**Biến giấc mơ thành hiện thực**” (**Turning dreams into reality**), dựa trên cảm hứng của tác phẩm *Những cậu bé hỏa tiễn*, dành cho học sinh, sinh viên trên cả nước.

Đôi dòng về tác giả

Homer H. Hickam (19/2/1943), sinh trưởng tại Coalwood, miền Tây Virginia, Mỹ. Ông tốt nghiệp trường trung học Big Creek vào năm 1960, sau đó là Cao Đẳng Kỹ Thuật Virginia và nhận bằng cử nhân Kỹ sư Công nghiệp vào năm 1964. Ông cũng là một cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam. Trong thời gian này, ông bắt đầu viết sách, hầu hết là về những chuyến phiêu lưu dưới biển và về sau là về những cuộc chiến của Mỹ trong Thế Chiến Thứ 2. Sau đó ông làm việc cho NASA, huấn luyện các phi hành gia về những kiến thức và kinh nghiệm khoa học khi lên đến quỹ đạo. Homer Hickam được xếp vào danh sách một trong những tác giả có sách bán chạy nhất tại Mỹ.

Homer Hickam là tác giả của hai cuốn sách được hoan nghênh thời “hậu” *Những cậu bé hỏa tiễn*: *Con đường Coalwood (The Coalwood Way- 2000)* và *Bầu trời đá (Sky of Stone - 2001)*. Ông cũng viết *Giao lộ Torpedo (Torpedo Junction - 1989)*, *Trở lại mặt trăng (1999)* và nhiều tiểu thuyết khác, tác phẩm mới nhất là *Chiếc mũ bảo hộ màu đỏ (Red Helmet - 2008)*.

Đầu tháng 9.2009, Homer H. Hickam có chuyến viếng thăm Việt Nam để trò chuyện với sinh viên ở Hà Nội và TP.HCM xung quanh chủ đề “Biến ước mơ thành hiện thực”. Đồng thời, tác giả cũng tham gia trao giải cho cuộc thi **Turning dreams into reality**, do IIE tổ chức.

Nhận xét của báo chí quốc tế về Những cậu bé hỏa tiễn

“[Hickam] là một người kể chuyện tài tình (...) Chắc chắn rằng đây là câu chuyện mà tác giả kể cho chính bản thân mình. Một câu chuyện đầy thú vị và trong sự nghiệp của Homer H. Hickam, Jr., ông đã vượt qua rào cản cuộc sống để trở thành một kỹ sư NASA, huấn luyện các phi hành gia trước khi vào không gian - chính điều đó đã làm cho cuốn sách này thực sự khác biệt.” - *The New York Times Book Review*

“Hickam có một câu chuyện tuyệt vời để kể cho chúng ta... *Những cậu bé hỏa tiễn* chắc chắn sẽ gợi nên một nỗi hoài nhớ trong lòng bất kỳ ai đã từng lớn lên ở thời kỳ đầu của cuộc đua vào vũ trụ, nhưng câu chuyện này còn hơn thế nữa...” - *The Philadelphia Inquirer*

“Một câu chuyện sôi nổi đưa ra một vấn đề đặc sắc... thông điệp của niềm hy vọng trong một thời đại của sự hoài nghi.... Có lẽ tất cả chúng ta có một điều gì đó để học từ sáu cậu bé, những người đã dám vượt qua mọi giới hạn... và quyết tâm gửi những giấc mơ vút lên trời cao.” - *The San Diego Union-Tribune*

“Thật khó quên... Không giống như nhiều hồi ký khác, cuốn sách này mang đến cho đời sống không chỉ kinh nghiệm của một cá nhân. Nó còn mang đến cho đời sống một thị trấn đã mất của Coalwood, miền Tây Virginia.” - *USA Today*

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU

FOREWORD

1. COALWOOD

2. SPUTNIK

3. ME TÔI

4. HỘI PHỤ HUYNH BÓNG BẦU DỤC

5. QUENTIN

6. CHÚ BYKOVSKI

7. CAPE COALWOOD

8. XÂY DỰNG KHU CAPE

9. JAKE MOSBY

10. CÔ RILEY

11. CHẤT NỖ KEO NGỌT

12. NHỮNG NGƯỜI THỢ MÁY

13. CUỐN SÁCH HỎA TIỄN

14. CỘT THAN PHÁT NỖ

15. CẢNH SÁT TIÊU BANG

16. SỰ NGẠO MẠN BẨM SINH

17. VALENTINE

18. VỤ NỖ

19. VƯỜN CAO HƠN VÀ TIỀN BƯỚC

20. KHO BÁU CỦA O'DELL

21. ZINCOSHINE

22. CHÚNG TÔI LÀM TOÁN

23. HỘI CHỢ KHOA HỌC

24. BỘ LỄ PHỤC CHO INDIANAPOLIS

25. HỘI CHỢ KHOA HỌC TOÀN QUỐC

26. TẤT CẢ HỆ THỐNG ĐỀU HOẠT ĐỘNG

HỜI KẾT

Dành tặng Mẹ, Cha

và những người ở Coalwood

LỜI NÓI ĐẦU

Ô! Tôi vượt thoát được rồi
Trói buộc oan khiên trái đất
Và tôi nhảy múa giữa trời
Trên đôi cánh vui chát ngất
Tôi leo về phía mặt trời
Chung niềm ngả nghiêng hoan lạc
Cùng mây nắng rọi rạng ngời
- Tôi làm đủ điều kinh ngạc -
Quay vòng, vút lên, lượn bay,
Trên chốn thình không ngập nắng
Phóng chiếc phi thuyền ngất ngây
Rượt gió trời bao la vắng

Lên miền nắng lóa say sưa
Lên nữa cao xanh lồng lộng
Lượn bay mặc sức tha hồ
Cưỡi trên không trung gió lộng
Tìm đâu một cánh sơn ca
Đại bàng cũng không thấy bóng
Bước vào không gian thánh thiêng,
Hồn tôi lặng yên bay bổng.
Tôi chìa tay ra,
Chạm vào thánh nhan Thượng Đế

High Flight, John Gillespie Magee, Jr. (viết năm 1941)

Tên lửa sẽ không bay nếu không được châm ngòi!

(Jimmy “O’Dell” Carol, một thành viên của nhóm “Những cậu bé hỏa tiễn”)

Bạn mơ ước sẽ làm gì với đời mình? Cảm hứng của bạn bắt nguồn từ đâu? Điều gì “châm ngòi” cho bạn? Trên đây mới chỉ là một vài trong số những chủ đề của *Những cậu bé hỏa tiễn* (*Rocket Boys*), câu chuyện có thật về một cậu bé người Mỹ nuôi ước mơ đổi đời, những mơ ước bắt đầu cháy bỏng vào một tối tháng mười lạnh lẽo cách đây hơn nửa thế kỷ khi cậu đắm đắm nhìn lên bầu trời đầy sao để mong thấp thoáng thấy được chiếc vệ tinh đầu tiên bay trên quỹ đạo trái đất.

Tuy lớn lên ở Coalwood, miền Tây Virginia, một thị trấn nhỏ chủ yếu sống bằng nghề làm mỏ than,

nhưng câu chuyện của Homer Hickam, một câu chuyện về hy vọng, kiên trì, thắng vượt nghịch cảnh không chỉ giới hạn ở nước Mỹ, mà là một câu chuyện phổ quát diễn ra ở mọi quốc gia trên địa cầu này. *Những cậu bé hỏa tiễn* kể về niềm tin, “một niềm tin vững chắc vào một điều gì đó không có chứng cứ,” niềm hy vọng về điều mình chưa từng thấy.

Số phận và lịch sử đưa đẩy, làm cho cuộc đời của Homer Hickam đã có những kỷ niệm không phai mờ với Việt Nam trong thời gian ông sống ở đây vào những năm 60, một đất nước với đầy rẫy những câu chuyện thương cảm, những tấm gương về niềm tin, sự kiên trì, và chiến thắng trong các hoàn cảnh bất lợi nhất. Năm 2006, khi lần đầu tiên tôi cho chiếu *October Sky*, một bộ phim của Hollywood lấy cốt truyện từ cuộc đời của Homer Hickam, cho một nhóm sinh viên ở Hà Nội, ông đã nhờ tôi thay mặt ông chuyển đến thông điệp sau đây:

Quý khán giả Việt Nam đến xem bộ phim October Sky thân mến,

Tôi cảm thấy vinh dự được các bạn xem bộ phim về chuyện đời tôi. Các bạn nên biết rằng tôi đã từng đến đất nước của các bạn cách đây nhiều năm vào thời chiến cùng với nhiều thanh niên Mỹ khác. Tôi đến với nhiều ngộ nhận về các bạn. Khi ra đi tôi mang theo một tình yêu sâu sắc đối với đất nước và con người Việt Nam và tôi vẫn không thể quên được các bạn. Về nhiều phương diện, tôi vẫn chưa hề rời bỏ những thung lũng và núi non xanh biếc ở Tây Nguyên, vì những hình ảnh đó vẫn là một phần của đời tôi, không kém gì so với thị trấn mỏ than bé nhỏ Coalwood ở Mỹ là nơi tôi đã lớn lên.

Như các bạn sẽ thấy trong phim, từ hồi nhỏ tên lửa đã là niềm đam mê của tôi, một đam mê đã đưa tôi đến một tương lai xán lạn. Tôi hy vọng bộ phim sẽ giúp các bạn thấy được những khả năng tuyệt vời tiềm tàng trong mỗi chúng ta. Muốn thành công phải có mơ ước trước đã, vì vậy tôi khẩn khoản xin các bạn hãy nuôi những hoài bão lớn. Sau đó, với một tinh thần lạc quan và niềm hy vọng không bao giờ tắt, các bạn làm việc chăm chỉ và rồi mơ ước của các bạn sẽ thành hiện thực. Tôi cam đoan với các bạn như thế.

Niềm đam mê tuổi trẻ của Homer Hickam là cùng bạn bè chế tạo tên lửa. Mơ ước của ông lúc đó là “vượt khỏi những trói buộc của trái đất” bằng cách trở thành nhà phi hành. Tiếp đó là những tháng ngày ở Việt Nam, rồi sau khi trở về Mỹ, vào một ngày của năm 1969, ông bắt đầu theo đuổi một đam mê khác nữa: viết văn. Mặc dầu F. Scott Fitzgerald đã có một câu nói rất nổi tiếng là: “Trong vở kịch cuộc đời của người Mỹ không hề có hồi hai,” nhưng Homer Hickam về sau đã từ một kỹ sư thành công của NASA (Cơ quan Hàng không và Không gian Hoa Kỳ) dễ dàng chuyển thành một nhà văn có sách bán chạy nhất khi tác phẩm thứ hai của ông, *Những cậu bé hỏa tiễn*, được phát hành năm 1998. Cuốn này đã được dịch sang tám thứ tiếng và được đưa vào chương trình học của nhiều trường ở Mỹ cũng như ở các nước khác.

Vào những năm 60 khi còn là một cậu bé, trí tưởng tượng của tôi cứ bị cuốn theo những chuyến bay vào vũ trụ và lên mặt trăng. Những lần dõi theo các chuyến phiêu lưu vào không gian như vậy đã giúp tôi ý thức thêm về khả năng của con người và những gì con người có thể thực hiện được. Nhờ vậy, cộng thêm trải nghiệm ở những nơi tôi đi qua và những con người tôi đã gặp gỡ, trong tôi đã nhóm lên

một ngọn lửa và tôi hình dung ra được những thế giới khác, những cách sống và sinh hoạt khác mà tôi sẽ trải nghiệm trên con đường sự nghiệp tương lai.

Về phần Homer, các yếu tố thành công thì nhiều và đa dạng. Đó là sự kết hợp giữa một đẳng là sự chuyên cần, lòng tin vào bản thân và khả năng của mình; một đẳng là sự hỗ trợ từ phía những người đã nêu gương và dạy dỗ kèm cặp ông. Đó là một nhà khoa học tên lửa nổi tiếng mà ông chưa bao giờ có dịp gặp gỡ; một bà mẹ yêu thương chăm sóc ông vô bờ và góp phần nuôi dưỡng ước mơ của ông; một giáo viên đã sớm nhận ra khả năng của ông và quyết định “gửi niềm tin vào những trẻ em thiếu may mắn” mà nếu các em được tiếp tục học lên cao sau trung học thì chẳng khác gì được giải phóng và cứu thoát; một cộng đồng cuối cùng đã đứng sau lưng ông; và một nhóm bạn thân, những người bạn tâm giao tri kỷ, cùng có chung với ông một quan niệm sống rất khác với quan niệm sống mà hầu hết mọi người chọn cho mình hay được người khác chọn cho mình. Thậm chí việc một số người ngần ngại không muốn ủng hộ ông, kể cả một số người thân nhất, cũng đã là động lực giúp ông thành công.

Những ảnh hưởng mang tính biến cải nói trên đã giúp cho Homer Hickam vượt ra khỏi những hạn hẹp của một tuổi thơ tỉnh lẻ. Đây chính là lý do ông học chế tên lửa và tên lửa của ông đã bay được, mang về cho ông huy chương tại Hội chợ khoa học quốc gia, rồi đi học đại học, trở thành một kỹ sư của NASA (tuy không được làm phi công vũ trụ, nhưng lại là người giúp các phi công vũ trụ thắng được trọng lực và bay vào không gian), và cuối cùng trở thành một nhà văn chuyên nghiệp, ứng với lời thầy giáo lớp ba tiên báo rằng đến một lúc ông sẽ sống bằng nghề viết văn.

Lần đầu tiên tôi gặp Homer Hickam là vào năm 2006, không phải trực tiếp, mà qua một email tôi gửi cho ông và được ông trả lời ngay - một bằng chứng hùng hồn cho thấy Internet và đất nước Việt Nam có khả năng mang con người đến với nhau như thế nào. Trong email đó, với tư cách là một người Mỹ đang sống tại đất nước Việt Nam hòa bình, tiến bộ, tôi mời ông, một người Mỹ đã từng ở Việt Nam lúc chiến tranh, đình trệ, đến chỗ tôi chơi nếu ông có ý định qua Việt Nam. Lúc đó ông trả lời là “có lẽ đời sẽ đưa đẩy cho tôi trở lại Việt Nam. Nếu được vậy, tôi rất mong lại phiêu du một chuyến trên vùng đất quen xưa.”

Thế là những dun dủi trong một chuỗi sự kiện đã đưa câu chuyện đi trọn một chu kỳ và mong ước “lại phiêu du một chuyến trên vùng đất quen xưa” đang trở thành hiện thực với việc xuất bản bản tiếng Việt của *Những câu bé hỏa tiễn* và Homer Hickam sang thăm Việt Nam năm 2009. Phải chăng là số phận? Có lẽ. Có một điều tôi biết chắc, đó là sự kiện này là một món quà quý giá cho những bạn trẻ sẽ đọc tác phẩm của ông và đón nhận thông điệp “biến ước mơ thành hiện thực” của ông. Đây cũng là món quà quý cho Hickam, vì trước đó ông đã từng viết: “Các bạn Việt Nam yêu quý của tôi ơi, hãy hạnh phúc và phồn vinh. Các bạn sẽ sống mãi trong tim tôi.”

Mark A. Ashwill^[1]

Hà Nội, Việt Nam

FOREWORD

Oh! I have slipped the surly bonds of Earth
And danced the skies on laughter-silvered wings;
Sunward I've climbed, and joined the tumbling mirth
Of sun-split clouds, - and done a hundred things
You have not dreamed of - wheeled and soared
and swung
High in the sunlit silence. Hov'ring there,
I've chased the shouting wind along, and flung
My eager craft through footless halls of air...

Up, up the long, delirious, burning blue
I've topped the wind-swept heights with easy grace
Where never lark, or even eagle flew -
And, while with silent, lifting mind I've trod
The high untrespassed sanctity of space,
Put out my hand, and touched the face of God.

High Flight by John Gillespie Magee, Jr.

(Written in 1941)

A rocket won't fly unless somebody lights the fuse!

(Jimmy "O'Dell" Carroll, one of the "Rocket Boys")

What do dream of doing with your life? Where is your wellspring of inspiration? What "lights your fuse"? These are just some of the themes of *Rocket Boys*, a true story about an American boy whose dreams of a better life were ignited one chilly October evening over a half century ago as he gazed expectantly into a starlit sky to catch a glimpse of the first satellite to orbit the Earth.

Although Homer Hickam grew up in Coalwood, West Virginia, a small town whose existence was built on mining coal, his story of hope, persistence, and overcoming adversity is a universal one played out in countries around the globe. *Rocket Boys* is a story about faith, "a firm belief in something for which there is no proof," hope in the unseen.

As fate and history would have it, Homer Hickam's life has also been indelibly touched by Vietnam, a country filled with heart-wrenching and inspirational stories of faith, perseverance and victory

against all odds, where he spent some time during the 1960s. In 2006, when I first screened *October Sky*, the Hollywood movie based on Mr. Hickam's life story, for a group of university students in Hanoi, Homer asked me to share this message on his behalf:

To the people of Vietnam who have come to see October Sky: I feel honored that you have come to see my story. You should know that I came to your country years ago along with many other young Americans at a time of war. I arrived with so many misperceptions about you. I left with a profound love for Vietnam and the Vietnamese and I still cannot get you out of my mind. In so many ways, I have never left the emerald green valleys and mountains of the Central Highlands. They are as much a part of my history as Coalwood, the little mining town in the United States where I grew up.

As you will see, rockets were my passion when I was a boy. That passion led me to a wonderful future. I hope the movie will help you to see the marvelous possibilities we all have within ourselves. To succeed first requires a dream so please, please dream big. Then, along with eternal optimism and hope, hard work will make your dream come true. This is my promise to you.

Homer Hickam's youthful passion was building rockets with his friends and his dream was "to slip the surly bonds of Earth" by becoming an astronaut. Later, it was his experience in Vietnam and that day in 1969 when, after returning home, he began to pursue another passion of his: writing. Defying F. Scott Fitzgerald's famous quote that "There are no second acts in American lives," Homer Hickam later segued from a successful career as a NASA (National Aeronautics and Space Administration) engineer into that of a best selling author when his second book, *Rocket Boys*, was published in 1998. It has since been translated into eight languages and is studied in many U.S. and international schools.

As a child of the 1960s, my imagination was captured by space flights and trips to the moon. These extraterrestrial adventures through which I lived vicariously contributed to my sense of what human beings were capable of and what was possible. That, along with travel and contact with people different from me, lit a fire deep inside and helped me to envisage other worlds and ways of being and doing that laid out a personal and professional path before me.

For Homer the ingredients of success were many and varied. A combination of hard work, belief in himself and his abilities. The support of role models and mentors - a famous rocket scientist he never got the chance to meet, a parent who provided unconditional love and nurturing that helped keep his dream alive, a teacher who recognized his potential and chose to "believe in the unlucky ones," for whom higher education was a form of liberation and salvation, learning from failure, a community that ultimately rallied behind him, and a close-knit group of friends, soul mates, who shared his vision of a life that veered away from the path that most chose, or was chosen for them. Homer was even driven to succeed by those who begrudged him their support, including some closest to him.

These transformative influences enabled Homer Hickam to break the bonds of his insular childhood. It is why he learned how to build rockets that could fly, won the (U.S.) National Science Fair, attended college, became a NASA engineer (alas, not an astronaut, but someone who helped others

defy gravity and lift off into space), and, ultimately, a professional writer, fulfilling the prophesy of his third grade teacher, who predicted he would some day make his living as a writer.

I first met Homer Hickam, virtually speaking, in 2006, when I sent him an e-mail and received a quick reply, a poignant testament to the power of the Internet and Vietnam to bring people together. I extended an invitation, from one American here in a time of peace and progress to another who was here in a time of war and dislocation, to meet with me if he ever planned on traveling to Vietnam. His initial reply was “maybe something will happen that will lead to my return. If so, I look forward to a new adventure in an old place.”

So it is through this serendipitous chain of events that the story comes full circle and the “new adventure in an old place” becomes a reality with the publication of a Vietnamese edition of *Rocket Boys* and Homer Hickam’s 2009 visit to Vietnam. Is it destiny? Perhaps. What I know for sure is that it is a precious gift to the young people who read his book and hear his message about turning dreams into reality, and to Mr. Hickam, who once wrote to people here: “Please be happy and prosperous, my dear friends of Vietnam. You will live in my heart forever.”

Mark A. Ashwill^[2]

Hanoi, Vietnam

1. COALWOOD

CHO ĐẾN KHI bắt đầu chế tạo và phóng tên lửa, tôi không biết rằng nơi mình sinh ra đang tồn tại chiến tranh, đó là những cuộc chiến không vấy máu luôn đeo đuổi bậc làm cha mẹ về chuyện con cái sẽ sống thế nào trong tương lai; và bố mẹ tôi cũng không ngoại lệ. Tôi không biết rằng sau khi một cô gái làm tan nát trái tim bạn sẽ có một cô gái đức hạnh khác (ít nhất là trong tâm hồn) có thể hàn gắn lại nó trong cùng một đêm. Và tôi cũng không biết rằng entanpi suy giảm trong quá trình hội tụ có thể biến đổi thành động năng phản lực nếu có thêm quá trình phân kỳ. Nói chung, đó là những gì tôi rút ra, còn những thằng nhóc khác lại khám phá ra những lý lẽ riêng của chúng khi chúng tôi chế tạo tên lửa.

Coalwood, miền Tây Virginia, nơi tôi lớn lên, được xây dựng nhằm phục vụ cho việc khai thác hàng triệu tấn than đen mềm nằm dưới lòng đất. Vào năm 1957, khi tôi vừa 14 tuổi và bắt đầu chế tạo tên lửa, có khoảng 2.000 người sinh sống tại Coalwood. Bố tôi, Homer Hickam, làm công việc giám sát mỏ, và nhà chúng tôi nằm cách lối vào mỏ (một hầm thẳng đứng sâu gần 243m) chỉ vài trăm mét. Từ cửa sổ phòng ngủ, tôi có thể thấy cái tháp bằng thép đen tọa lạc trên đường hầm cùng những người công nhân tất tả ra vào mỏ làm việc.

Tại một đường hầm khác, có nhiều đường ray dẫn tới đây, là nơi được dùng vào việc chuyên chở than ra ngoài. Nơi bốc dỡ và phân loại than gọi là “nhà than”. Vào những ngày trong tuần, và ngay cả những thứ bảy đẹp trời, tôi có thể thấy hàng đoàn xe than đen chạy vào nhà than, chất đầy các đợt hàng; và rồi những đầu máy xe lửa phun khói mù mịt kéo chúng rời bến. Suốt cả ngày, âm thanh ầm ĩ phát ra từ pittông của những đầu xe lửa hơi nước vang rền khắp thung lũng nhỏ của chúng tôi, cả thị trấn rung lên theo từng tiếng rít chói tai của thép chạm vào nhau mỗi khi đoàn tàu chuyển bánh. Tầng tầng lớp lớp khói bụi than bốc lên từ các toa tàu không mui che lấp mọi thứ, len lỏi qua những khung cửa sổ và trườn vào dưới những cánh cửa nhà. Trong suốt tuổi thơ tôi, mỗi khi tôi giữ chân, một lớp bột đen lấp lánh tung ra trước mắt. Mỗi lần tôi tháo giày vào ban đêm, đôi tất của tôi đều nhuộm bụi than đen kịt.

Nhà của chúng tôi, như tất cả những nhà khác ở Coalwood, đều thuộc sở hữu của công ty. Công ty tính một khoản tiền thuê nhỏ hàng tháng và tự động trừ vào lương thợ mỏ. Một số nhà trệt nhỏ chỉ có một hay hai phòng ngủ. Số còn lại là nhà một tầng dành cho hai hộ ở, trước đây dùng làm nhà trọ cho đám thợ mỏ độc thân vào những năm 1920 thịnh vượng; sau đó được phân ra thành nhà riêng cho nhiều gia đình trú ngụ vào thời kỳ Suy thoái kinh tế. Cứ mỗi năm năm, tất cả những căn nhà đều được công ty sơn lại màu trắng nhưng rồi chúng nhanh chóng chuyển thành màu xám do bụi than. Cho nên mỗi độ xuân sang, từng gia đình đều tự động xịt nước, chà rửa bên ngoài cho nhà cửa sạch sẽ hơn.

Mỗi căn nhà ở Coalwood sở hữu một khoảng sân vuông vức với hàng rào che chắn. Nhà tôi có được khoảng sân to nhất thị trấn; nơi đó Mẹ tôi trồng một vườn hồng. Để chăm sóc nó, bà vác trên vai cả bao tải đất từ những ngọn núi về, rồi bón phân, tưới nước và tỉ mỉ tỉa tót từng bụi hồng. Rồi khi xuân đến hạ sang, bà được tưởng thưởng với những đóa hồng đỏ thắm cùng những nụ phớt hồng, vàng nhả còn chúm chím; tất cả toát ra các sắc màu lộng lẫy tương phản mạnh mẽ với màu xanh dày đặc của

rừng cây bao bọc xung quanh chúng tôi và với màu đen, xám của khu mỏ đầu đường.

Nhà tôi nằm ngay góc đường, nơi đại lộ rẽ về phía đông hướng đến khu mỏ. Ngoài ra còn có một con đường được công ty mở dẫn tới trung tâm thị trấn. Nó được gọi là đường Cái, chạy dài xuống thung lũng, nhiều đoạn nhỏ đến nỗi một cậu bé có đôi tay khỏe có thể ném hòn đá từ bên này sang bên kia đường. Vào mỗi buổi sáng suốt ba năm trước khi lên cấp 3, tôi đạp xe với chiếc túi to đựng bằng vải bạt trắng quàng ngang vai đi giao tờ *Greenfield Daily Telegraph* dưới thung lũng đó, băng qua trường Coalwood, ngang những dãy nhà nằm dọc theo con sông nhỏ, rồi lên đến những khu khác đối diện với dãy núi. Cách đường Cái một dặm là một lòng chảo lớn trong những ngọn núi, hình thành nên hai nhánh sông giao nhau. Nơi đây hiện diện văn phòng, nhà thờ, khách sạn Club House, cao ốc bưu điện, nơi ở của bác sĩ, nha sĩ và cả cửa hàng của công ty (được gọi là Big Store). Xa xa trên ngọn đồi tọa lạc một ngôi nhà to hình tháp pháo, nơi ở của tổng quản lý, người được phái xuống bởi chủ của chúng tôi từ Ohio, nhằm giám sát mọi tài sản của họ. Dọc theo đường Cái về phía Tây giữa hai ngọn núi hiện hữu khu nhà ở của thợ mỏ mang tên Middletown và Frog Level. Hai nhánh đường dẫn đến những lòng chảo của các ngọn núi thẳng đến những khu trại “da màu” của Mudhole và Snakeroot. Con đường lát đá kết thúc ở đó, và tiếp theo là những đường mòn mù bụi, chẳng chịt vết bánh xe.

Trên lối vào Mudhole, thấp thoáng một nhà thờ nhỏ bằng gỗ, được cai quản bởi Đức cha Richard “Bé Nhỏ”. Ông được gán cho cái tên “Bé Nhỏ” vì có sự tương đồng với một ca sĩ nhạc Soul. Không có ai ở Mudhole Hollow đặt báo cả, nhưng bất cứ khi nào còn dư một tờ, tôi đều để dành cho nhà thờ nhỏ này, và năm qua tháng lại, tôi và Đức cha Richard đã trở thành bạn của nhau. Tôi thích nhất khi ông rảnh rỗi ra ngoài cổng vòm nhà thờ, kể cho tôi một mẩu chuyện trong Kinh Thánh; mỗi lúc như vậy, tôi đều ngồi chống chân trên xe đạp và lắng nghe giọng kể vang vọng của ông. Tôi đặc biệt ngưỡng mộ cái cách ông miêu tả khi Daniel trong hang sư tử. Nhất là khi cặp mắt ông lồi ra diễn tả sự ngạc nhiên của những kẻ bắt giữ Daniel, lúc chúng nhìn xuống và thấy người tù nhân đang lang thang trong hầm với đôi tay ôm lấy đầu con sư tử to lớn; lúc đấy tôi chỉ biết cười một cách cảm phục. “Đó chính là Daniel, vâng, trong ông ấy có Chúa,” Đức cha tóm lại câu chuyện bằng một nụ cười tủm tỉm, trong khi tôi vẫn không ngừng cười rúc rích, “Và điều đó khiến ông ấy trở nên dũng cảm. Còn cậu thì sao hả con trai? Cậu có Chúa trong lòng hay không?”

Tôi phải thú thật rằng tôi không chắc về điều đó, nhưng Đức cha trấn an tôi: “Không sao, Chúa luôn che chở cho những kẻ ngu ngốc và say xỉn,” và rồi ông tiếp lời kèm một cái cười ngoác miệng, lộ cả chiếc răng cửa bật vàng: “Và ta nghĩ rằng ngài sẽ luôn dõi theo con, Hickam ạ!” Và rất nhiều lần trong chuỗi ngày về sau, mỗi khi gặp khó khăn, tôi lại nghĩ đến Đức cha Richard, từ những điều hài hước về niềm tin đối với Chúa đến thói quen ưa nghĩ “mọi thứ đều không hoàn hảo” của ông. Mặc dù điều này không hẳn làm cho tôi dũng cảm như Daniel xưa kia, nhưng ít nhất nó luôn làm cho tôi hy vọng rằng sẽ có Chúa giúp tôi vượt qua gian khó.

Nhà thờ của công ty nằm trên ngọn đồi um tùm cỏ, nơi hầu hết những người da trắng trong thị trấn đều lui tới. Vào những năm 50, nhà thờ được giao phó cho một công nhân của công ty Đức cha Josiah Lanier,

một thành viên của hội Giám Lý; và chúng tôi nghiêm nhiên gia nhập vào giáo phái của người thuyết

pháp mà công ty thuê về. Trước khi gia nhập vào hội Giám Lý, tôi từng gia nhập hội Tin Lành, và có một năm là Pentecostal. Người thuyết giáo của Pentecostal từng đe dọa phụ nữ, cảnh báo về cái chết, phun lửa và lưu huỳnh từ bục giảng kinh. Sau khi hợp đồng của người này chấm dứt thì Đức cha Lanier đến tiếp quản.

Tôi tự hào vì được sống tại Coalwood. Theo những gì từ các cuốn sách lịch sử của miền Tây Virginia ghi lại thì chưa từng có ai sống trong những thung lũng và các ngọn đồi của tỉnh McDowell trước khi chúng tôi đến khai thác than ở đây. Mãi đến đầu thế kỷ 19 mới có bộ tộc Cherokee^[3] thỉnh thoảng đến săn bắn, nhưng họ cảm thấy rằng địa hình nơi này quá gồ ghề và chẳng lấy gì làm hấp dẫn nên đã không định cư. Một lần, khi đó tôi 8 tuổi, tôi tìm thấy một mũi tên bằng đá cắm trên gốc của cây sồi cổ thụ đã bị chặt ở ngọn núi phía sau nhà tôi. Mẹ tôi bảo rằng chắc hẳn đã có một chú nai nào đó đã may mắn thoát chết ngày ấy. Tôi quá đỗi hứng thú về khám phá của mình đến nỗi tự sáng tạo ra một bộ tộc Da Đỏ mang tên Coalhicans, rồi cố gắng thuyết phục những đứa bạn chơi cùng tôi - Roy Lee, O'Dell, Tony, Sherman - tin rằng bộ tộc đó thật sự hiện hữu. Chúng cùng tôi lấy nước ép quả mâm xôi vạch từng vạch lên mặt và cài lông gà lên tóc. Những ngày sau đó, bộ tộc nhỏ của những tên man rợ chúng tôi tiến hành các cuộc đột kích và gây ra cuộc thảm sát rộng khắp Coalwood. Chúng tôi bao vây Club House, với những cung tên bằng gỗ bạch dương và những mũi tên vô hình, chúng tôi nhắm bắn vào đám thợ mỏ đơn lẻ vừa bước vào đây sau giờ làm việc. Nhiều người vì nuông chiều chúng tôi đã ngã lăn ra rồi quần quai như thật trên bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận của Club House. Khi chúng tôi tổ chức mai phục ở cửa của nhà than, nhiều thợ mỏ bị cuốn vào cuộc chơi, reo hò và đáp trả lại ngọn lửa tưởng tượng của chúng tôi. Bố tôi quan sát thấy sự việc từ văn phòng của mình và bước ra để thiết lập lại trật tự. Mặc dù tất cả những người Coalhicans gan dạ đều trốn thoát về đồi núi, nhưng tộc trưởng của họ bị nhắc nhở vào bữa ăn khuya hôm đó rằng khu mỏ dành cho công việc, không phải để chơi đùa.

Khi chúng tôi phục kích một số đứa trẻ lớn tuổi hơn, chúng đang đóng vai những chàng cao bồi trên núi, trong đó có cả anh Jim của tôi, thì một trận đánh giả đã nổ ra rất khốc liệt. Cho đến khi Tony leo lên cây để quan sát thế trận rõ hơn, vô tình giẫm phải một cành mục, té nhào xuống đất gãy cả tay. Tôi kết một cái cang từ những cành cây nhỏ và chúng tôi khiêng chàng chiến binh vĩ đại về nhà. “Thầy lang” Lassiter, bác sĩ của công ty, lái chiếc xe Packard cũ kỹ đến nhà Tony và bước vào nhà. Khi nhìn thấy lũ nhóc chúng tôi vẫn còn đeo lông trên đầu và mặt đầy những vết màu của thổ dân bôi khi ra trận, ông tự xưng là “thầy thuốc vĩ đại”. “Thầy lang” nắn xương và bó bột cho Tony. Tôi vẫn còn nhớ như in rằng mình viết lên đó dòng chữ: “Này Tony, lần sau nhớ chọn một cái cây tốt hơn nhé!”. Cùng năm ấy, người cha nhập cư từ Ý của Tony đã thiệt mạng trong hầm mỏ. Cậu ấy cùng mẹ rời khỏi thị trấn và từ đó không còn ai nghe tin tức gì về họ nữa. Điều này đối với tôi không bất thường chút nào: Một gia đình ở Coalwood cần một người bố làm việc cho công ty. Công ty và Coalwood tuy hai mà một.

Hầu hết những gì tôi biết được về lịch sử Coalwood và cuộc sống trước kia của bố mẹ là vào lúc cả nhà quây quần tại bàn ăn mỗi khi dọn dẹp xong chén đĩa của bữa ăn khuya. Khi đó, Mẹ thường nhâm nhi một tách cà phê, Bố thì thưởng thức một ly sữa; nếu họ không tranh cãi về một vấn đề gì đó, họ sẽ bàn luận về mọi người và những việc xảy ra trong thị trấn: những gì diễn ra ở khu mỏ, chuyện gì vừa được đề cập tại buổi họp mặt vừa rồi ở Câu lạc bộ Phụ nữ, thỉnh thoảng còn có những chuyện ngày xưa. Anh Jim tỏ ra rất ngán nghe những câu chuyện này và thường lảng về phòng, còn tôi thì luôn ở lại

hảo hức thưởng thức những câu chuyện mà cha mẹ kể.

Ông George L. Carter, người sáng lập nên Coalwood, đã đến đây vào năm 1887 trên lưng một con la, ông không tìm thấy gì hơn là khung cảnh thiên nhiên hoang dã; nhưng sau một hồi đào bới, ông đã khám phá ra vỉa than có chứa than bitum^[4] nhiều nhất thế giới. Sau đó, ông quyết tâm thử vận may của mình, mua lại vùng đất từ những người chủ đã bỏ bê nó và bắt đầu xây dựng khu mỏ. Không chỉ vậy, ông còn cho xây cất nhà cửa, trường học, nhà thờ, kho chứa, tiệm bánh mì, và cả nhà máy sản xuất nước đá. Ông còn thuê bác sĩ và nha sĩ về săn sóc sức khỏe miễn phí cho công nhân và người nhà của họ. Năm tháng qua đi, khi công ty sản xuất than của ông làm ăn phát đạt, ông Carter cho đổ bê-tông những vỉa hè, lát đường, xây hàng rào cho thị trấn để ngăn lũ bò khỏi đi lang thang xuống đường phố. Ông Carter muốn cho công nhân của mình một nơi ở tươm tất. Đổi lại, ông đòi hỏi họ phải làm việc thật nghiêm túc. Từ đó Coalwood trở thành một nơi công việc được đặt lên hàng đầu với đầy rẫy những khó khăn, đau đớn, dơ bẩn và cả chết chóc nữa.

Khi con của ông Carter trở về từ Thế chiến thứ nhất, anh dẫn theo người sĩ quan chỉ huy của mình, người đã tốt nghiệp đại học Stanford như một kỹ sư xuất sắc và có kiến thức xã hội tài hoa. Anh tên William Laird và được mọi người trong thị trấn kính trọng gọi bằng cái tên Đội Trưởng. Đội Trưởng là một người cởi mở, cao to, chừng 1,98m; anh luôn coi Coalwood là một phòng thí nghiệm, nơi đem đến hòa bình, sự thịnh vượng và thanh thản cho người dân. Từ khi ông Carter thuê anh phụ trách mọi qui trình hoạt động của khu mỏ, anh bắt đầu áp dụng vào đây những kỹ thuật khai thác tiên tiến nhất. Những hầm thông gió được xây cất, mô-tơ điện tự động được thay thế những con la để chở than từ hầm mỏ lên mặt đất. Sau đó, Đội Trưởng cho ngừng việc đào bới bằng tay và thay vào đó là những chiếc máy khổng lồ (được gọi là những thợ mỏ không ngừng nghỉ) để tách than ra khỏi quặng. Hơn thế nữa, Đội Trưởng còn khuếch trương quy mô dự án xây dựng của ông Carter. Anh cung cấp cho mỗi thợ mỏ một ngôi nhà tích hợp hệ thống ống nước, lò sưởi ấm áp vào buổi sáng trong phòng khách và các thùng đựng than luôn được công ty đổ đầy than. Nhằm cung cấp nước cho toàn thị trấn, anh dẫn đường ống từ một cái hồ nguyên thủy nằm sâu hàng nghìn thước dưới lòng đất. Anh còn xây dựng công viên ở hai đầu thị trấn, tài trợ cho Câu lạc bộ Hướng đạo sinh Nam, Hướng đạo sinh Nữ, Chim Non (nữ hướng đạo sinh từ 8-11 tuổi), Ấu sinh Hướng đạo và Câu lạc bộ Phụ nữ. Anh tích góp sách làm thư viện trường, xây sân chơi cho trường học và một sân bóng nữa. Để giải quyết việc sóng hay bị nhiễu do nằm khuất núi, anh dựng cột ăng-ten trên đỉnh núi và cung cấp miễn phí một trong những hệ thống tivi cáp đầu tiên tại Hiệp chủng quốc Hoa Kỳ.

Mặc dù mọi thứ không được hoàn hảo cho lắm, tình trạng căng thẳng giữa thợ mỏ và công ty luôn xuất hiện, hầu hết là về chuyện lương bổng; nhưng trong thời gian đó ở Coalwood, nạn bạo lực, nghèo đói, khốn khổ vẫn ít hơn rất nhiều so với những thị trấn khác tại miền Tây Virginia. Tôi vẫn nhớ những lần ngồi trên cầu thang trong bóng tối, lắng nghe Poppy, ông nội tôi, trò chuyện với Bố trong phòng khách về “vùng Mingo đầm máu”, một tình cách thị trấn chúng tôi một con đường. Nội Poppy từng làm việc tại đó một thời gian đến khi cuộc chiến nổ ra giữa liên minh thợ mỏ và những “thảm tử” của công ty. Hàng tá người thiệt mạng và hàng trăm người bị thương trong cuộc chiến không cân sức với súng máy, súng lục và súng trường. Để thoát khỏi bạo lực, nội Poppy đem gia đình tới tỉnh Harlan ở Kentucky; đến khi chiến tranh lại nổ ra ở đó, họ lại dời tới tỉnh McDowell, tại đây, ông nội làm việc cho khu mỏ Gary. Có thể xem đó là một sự cải thiện không tồi, nhưng ở Gary vẫn xảy ra biểu tình, nhà máy đóng

cửa và đồ máu triển miên.

Vào năm 1934, khi Bố tôi 22 tuổi, Bố vào làm thợ mỏ cho công ty của ông Carter vì ông nghe ngóng được rằng có thể có cuộc sống tốt tại Coalwood. Gần như lập tức, Đội Trưởng đã nhìn thấy điều gì đó (có lẽ là một tia sáng le lói từ sự thông minh chưa được mài giũa) ở anh chàng ốm o, nghèo đói đến từ Gary này và ông đã làm người bảo trợ cho Bố. Vài năm sau đó, Đội Trưởng thăng Bố lên làm quản đốc bộ phận, dạy Bố cách quản lý nhân sự và vận hành khu mỏ, làm cho Bố thấm nhuần viễn cảnh về một thị trấn sung túc.

Sau khi Bố lên làm quản đốc, ông thuyết phục ông nội nghỉ việc ở mỏ Gary rồi chuyển về Coalwood, nơi không có hội liên hiệp và ai cũng có thể làm ăn yên ổn nơi đây. Ông còn viết thư cho Elsie Lavender, một bạn học nữ cùng lớp trong trường trung học Gary đã chuyển đến sống một mình tại Florida, thuyết phục cô quay về miền Tây Virginia để kết hôn với ông. Nhưng cô đã từ chối. Mỗi lần câu chuyện được kể đến đây, Mẹ luôn xen vào và nói rằng bức thư Mẹ nhận được sau đó là của Đội Trưởng, ông đã nói cho Mẹ biết rằng Bố yêu và cần Mẹ đến mức nào, rằng Mẹ có thể hãy bỏ cái kiêu bướng bình ấy đi để quay về Coalwood kết hôn với Bố hay không? Mẹ đã nhận lời ghé thăm Coalwood; rồi trong một buổi tối đi xem phim tại Welch, Bố lại cầu hôn Mẹ. Lần này Mẹ nói rằng nếu Bố có vỏ bao thuốc lá nhai hiệu Con la Nâu (Brown Mule) trong túi thì Mẹ sẽ đồng ý; kìa lạ thay Bố có một bao và họ đã nên duyên từ dạo ấy. Đó có vẻ là một quyết định mà về sau Mẹ đôi lúc hối hận nhưng cũng chẳng thay đổi bao giờ.

Nội Poppy làm việc ở khu mỏ Coalwood đến năm 1943, tai nạn xảy ra khi một chiếc xe mỏ trật đường ray cán đứt chân ông đến tận háng; từ đó nội phải sống suốt đời mình trên chiếc ghế. Mẹ bảo tôi, sau tai nạn, nội Poppy luôn chìm trong nỗi đau bất tận. Để nguôi ngoai phần nào, ông đọc gần hết những cuốn sách trong Thư viện Tỉnh ở Welch. Mẹ kể rằng mỗi khi bố mẹ đến thăm ông, Poppy đau đớn đến mức không nói được, và điều này thường làm Bố khổ sở và trăn trở không nguôi những ngày sau đó.

Cuối cùng, may thay một bác sĩ đã kê toa paregoric^[5] cho ông nội, từ khi chích thuốc đều đặn, Poppy đã tìm được chút bình yên. Bố thấy rằng từ bây giờ nội Poppy chỉ cần paregoric để sống và Mẹ cũng không còn thấy Poppy đọc thêm cuốn sách nào từ lúc đó nữa.

Bố luôn rất trung thành và tận tụy làm việc cho Đội Trưởng và công ty nên trong tuổi thơ tôi có rất ít hình ảnh của ông. Bố luôn làm việc tại mỏ, tranh thủ ngủ trước khi đến khu mỏ và đi nghỉ ngay sau khi làm việc về. Năm 1950, khi Bố 38 tuổi, ông bắt đầu bị ung thư ruột kết. Vào lúc đó, Bố tăng ca gấp đôi, dẫn dắt một toán thợ đào sâu vào mỏ để phá vỡ tảng đá khổng lồ chắn ngang. Đội Trưởng tin rằng sau lớp sa thạch dày đặc đó sẽ là một quặng than lớn tiềm tàng. Do vậy không còn gì quan trọng hơn với Bố bằng việc xuyên thủng vách ngăn đó để chứng minh rằng Đội Trưởng nghĩ đúng! Sau nhiều tháng bỏ mặc những triệu chứng nghiêm trọng của bệnh ung thư, Bố đã ngất xỉu ngay trong hầm mỏ và công nhân phải khiêng ông ra ngoài. Người ngồi trên xe cứu thương cùng Bố là Đội Trưởng (chứ không phải Mẹ tôi) đến bệnh viện ở Welch. Ở đó những vị bác sĩ giúp cho Bố có cơ hội sống sót mong manh. Trong khi Đội Trưởng được chứng kiến cuộc phẫu thuật thì Mẹ phải ngồi ở phòng chờ tại bệnh viện Stevens. Sau khi bị cắt bỏ một khúc ruột lớn, Bố làm mọi người ngỡ ngàng vì ông quay lại làm việc chỉ sau một tháng. Một tháng sau đó, đắm chìm trong việc đục khoan, bụi mù hòa lẫn với những giọt mồ hôi mặn đắng, toán thợ mỏ của Bố đã phá tan được vách ngăn và tìm ra một quặng than đen,

mềm, tinh khiết chưa từng có. Mặc dù vậy, không có một buổi ăn mừng nào diễn ra. Bố về nhà, tắm rửa sạch sẽ rồi ngủ vùi suốt hai ngày. Sau đó Bố thức dậy và đi làm lại bình thường như mọi ngày.

Có ít nhất một vài lần cả nhà tôi quây quần bên nhau. Khi tôi còn nhỏ, tối thứ bảy là lúc cả gia đình đi đến điểm dừng chân của Welch, cách nhà bảy dặm và cách Coalwood một quả núi. Welch là một thị trấn thương mại nhỏ nhộn nhịp nằm cạnh sông Tug Fork, với những con đường nghiêng dốc tụ tập đầy đám đông của thợ mỏ và gia đình họ đến đây mua sắm. Phụ nữ thì người dắt tay, kẻ bồng con rảo từ hàng này sang hàng khác. Trong khi đó, chồng của họ lững thững đi phía sau trò chuyện với bạn bè về khai thác mỏ hay về bóng bầu dục, thường thì họ vẫn còn nguyên quần áo và mũ bảo hộ lao động trên người.

Trong lúc bố mẹ loanh quanh ở những cửa hàng, tôi cùng anh Jim đóng đô tại rạp hát Pocahontas, xem phim cao bồi và phim phiêu lưu dài tập cùng hàng trăm đứa trẻ con nhà thợ mỏ khác. Jim không bao giờ nói chuyện với những đứa trẻ khác còn tôi thì luôn hỏi thăm xem những bạn trai hay gái ngồi cạnh tôi từ đâu tới. Tôi luôn cảm thấy thích thú mỗi khi làm quen được với những đứa trẻ đến từ những nơi lạ lẫm như Keystone hay Iaeger, những thị trấn khai thác mỏ khác nằm phía bên kia tỉnh. Đến lúc tôi xem xong một phim truyện hai tập, bố mẹ đến đón anh em tôi đi dạo quanh Welch và tiếp tục mua sắm cho xong, thì cũng là lúc tôi đã thấm mệt. Vì vậy, tôi luôn ngủ gục ở băng ghế sau trên đường về nhà. Khi về đến Coalwood, Bố thường xốc tôi lên vai rồi công vào giường. Đôi khi tôi chỉ giả vờ ngủ để tận hưởng cảm giác được Bố nâng niu, chạm vào người mình.

Thay ca là sự việc diễn ra thường ngày ở Coalwood. Trước khi mỗi ca bắt đầu, thợ mỏ rời căn hộ của mình đi thẳng đến nhà than. Tại đây những người thợ mỏ vừa tan ca, nhuộm đen trong bụi than và mồ hôi nhễ nhại, xếp thành một hàng khác và di chuyển từ nhà than theo chiều ngược lại. Suốt từ thứ hai đến thứ sáu, những hàng người tập hợp lại rồi giao nhau, đến khi hàng trăm thợ mỏ đứng đầy các con đường. Trong bộ quần áo và mũ bảo hộ lao động, họ làm cho tôi liên tưởng đến các chiến sĩ miệt mài, đứng cảm nơi tiền tuyến trong những thước phim phóng sự.

Như mọi người khác ở Coalwood, tôi sống theo nhịp điệu của các ca làm việc. Tôi bị đánh thức vào buổi sáng bởi những bước chân nặng nề và tiếng va chạm lách kích của những hộp cơm trưa khi toán thợ mỏ ca sáng đi ngoài đường; tôi ăn khuya sau khi Bố giám sát xong những người làm ca đêm xuống hầm mỏ; và rồi tôi đi ngủ trong tiếng búa trên đe, tiếng máy hàn hồ quang điện khô khốc phát ra từ một cửa hàng điện máy nhỏ trong khi ca làm khuya diễn ra với tiếng hú văng vẳng giữa đêm. Đôi khi, đám trẻ tiểu học chán chơi đùa trong núi, không còn thích ném bóng cạnh các gara xe cũ hoặc đóng đô trên khu đất trống sau nhà tôi, chúng tôi sẽ giả làm những người thợ mỏ và gia nhập vào hàng ngũ công nhân đến nhà than. Đến nơi, chúng tôi đứng qua một bên, quan sát những người thợ buộc đèn vào đầu và sắp xếp dụng cụ. Một hồi chuông vang lên báo hiệu giờ vào hầm. Sau khi họ bị nuốt chửng vào lòng đất, mọi thứ trở nên im ắng một cách lạ thường. Giây phút đó đem lại cảm giác bất an, nhưng rồi lũ trẻ con chúng tôi lại hồ hởi quay lại với những trò chơi thường ngày, chúng tôi la hét ầm ĩ hơn thường lệ nhằm phá tan những phép thuật mà nhà than đã mê hoặc chúng tôi.

Coalwood được bao bọc bởi núi rừng trùng điệp với vô số hang động, mỏm đá, giếng khí, tháp báo động hỏa hoạn và những hầm mỏ bỏ hoang luôn trông chờ lũ nhóc chúng tôi khám phá và tái khám phá

khi chúng tôi đã trưởng thành. Mặc dù các bà mẹ ngăn cấm nhưng chúng tôi vẫn chơi đùa quanh đường ray xe lửa. Ý kiến thường được đưa ra nhất là đặt một đồng xu lên đường ray rồi chờ cho toa xe chạy ngang qua cán dẹp nó. Mỗi đứa trong bọn tôi đều lần lượt làm như vậy cho đến khi xài hết khoản trợ cấp nghèo nàn của mình. Cố nín cười, bọn tôi dùng những miếng đồng bẹp dí ấy để mua kẹo ở cửa hàng của công ty. Người bán hàng đã quá quen với việc này qua bao nhiêu năm nên chẳng buồn lên tiếng khi nhận tiền; hẳn họ phải chứa hàng đồng tiền xu bẹp trong kho qua bao nhiêu thập kỉ.

Còn để tạo ra những tiếng động, không gì mỹ mãn hơn việc trèo lên chiếc cầu của trường Coalwood rồi ném những chiếc vỏ chai xuống những toa xe chở than trống rỗng đang chạy vào nhà than. Khi toa xe chất đầy than và dừng lại dưới chân cầu, một số cậu nhóc dũng cảm nhảy vào trong đấy, vui mình đến khi than ngập tới ngang hông. Tôi cũng đã cố thử một lần và chỉ vừa kịp thoát ra khi xe lửa bắt thành linh chuyển bánh đi về Ohio. Tôi di chuyển một cách khó khăn trong đồng than, leo ra cầu thang bên hông toa xe rồi nhảy lặn xuống đất; hai tay, cùi chỏ và đầu gối tôi nhuộm màu đen của những đồng than xung quanh đường ray. Mẹ đã không nói tay khi cạo sạch than trên người tôi bằng bàn chải cứng và xà phòng Lava làm da tôi đau buốt, ê ẩm suốt một tuần sau đó.

Những khi không ra ngoài chơi, tôi thường ngồi đọc sách hàng giờ liền. Tôi cực kì mê sách, có lẽ đó là kết quả của nền giáo dục có một không hai của thầy cô ở trường Coalwood, những người được mệnh danh là “Bộ Sáu Siêu Đẳng” - cách nói lịch đi của cụm từ “các cấp từ 1 đến 6”. Qua nhiều năm, sáu giáo viên này đã chứng kiến bao thế hệ học sinh của Coalwood đi qua lớp học của họ. Thầy Likens, hiệu trưởng trường Coalwood, quản lý những học sinh cấp trên một cách chặt chẽ, còn lại “Bộ Sáu Siêu Đẳng” nắm đầu tất cả những cấp lớp còn lại. Việc tôi đọc sách là một điều rất quan trọng đối với sáu giáo viên này. Bước vào lớp hai, tôi đã cực kì quen thuộc và đủ khả năng để thảo luận một số chi tiết trong cuốn *Tom Sawyer* và *Chiếc lều của bác Tôm*. Riêng cuốn *Huckleberry Finn* thì phải đến lớp 3 tôi mới được đọc, càng giấu kĩ cuốn sách ấy càng giày vò sự tò mò của tôi, như thể nó chứa đựng một bí mật gì ghê gớm lắm của cuộc sống. Cuối cùng, đến khi tôi được phép đọc nó, tôi mới hiểu rõ rằng nó không phải chỉ đơn thuần là một câu chuyện về việc kết bè thả trôi sông mà nó kể về một câu chuyện mãi đi vào lịch sử Mỹ với bao vinh quang lẫn ô nhục.

Tủ sách có đủ các truyện hay như *Tom Swift*, *Song sinh nhà Bobbsey*, *Những người khôn khổ*, và *Nancy Drew* được đặt ngay phòng trước của trường và lúc nào cũng sẵn sàng cho học sinh mượn đọc. Tôi đọc ngẫu nhiên, say mê đắm chìm vào những cuộc phiêu lưu trong từng cuốn sách. Khi lên lớp 4, tôi bắt đầu lên thư viện của cấp 2 ở tầng trên, tìm đọc bộ truyện *Những con ngựa đen*. Tại đó, tôi khám phá ra Jules Verne. Tôi mê mẩn những cuốn sách của ông, chúng không chỉ chứa đầy những cuộc phiêu lưu mà còn nói về những nhà khoa học, những kỹ sư tài ba với bao thành tựu, kiến thức vĩ đại bậc nhất mà loài người luôn phải theo đuổi. Sau khi tiêu hóa hết số tác phẩm của Jules Verne, tôi luôn là đứa xếp hàng đầu tiên mượn những cuốn sách của các tác giả viết tiểu thuyết khoa học viễn tưởng hiện đại như Heinlein, Asimov, van Vogt, Clarke và Bradbury. Tôi thích tất cả, trừ những điều quá sức tưởng tượng. Tôi chẳng màng đọc sách về những anh hùng có thể đọc được ý nghĩ của người khác, đi xuyên qua tường hay thi triển phép thuật. Những anh hùng mà tôi thần tượng phải thật can đảm và hiểu biết về thực tế nhiều hơn những kẻ chống lại họ. Đến khi “Bộ Sáu Siêu Đẳng” theo dõi kỉ lục tựa sách mà tôi đã mượn và phát hiện ra rằng có quá nhiều truyện phiêu lưu và khoa học viễn tưởng, họ mới chỉ định những tác giả khác để cân bằng lại cho tôi, như Steinbeck, Faulkner, và F.Scott Fitzgerald. Dường

như suốt những năm tiểu học tôi đọc hai loại sách, một dành cho tôi và loại kia... dành cho thầy cô.

Với tất cả kiến thức và sự thoải mái mà những cuốn sách tôi đọc lúc bé đem lại, chúng xóa nhòa năm tháng xưa của tôi ở Coalwood. Hầu hết những thằng con trai trưởng thành ở Coalwood mà tôi biết đều gia nhập quân đội hoặc làm thợ mỏ. Tôi thì chẳng biết tương lai mình sẽ như thế nào. Chỉ có một điều tôi biết chắc rằng Mẹ chẳng bao giờ muốn tôi trở thành thợ mỏ cả. Một lần sau khi Bố quăng tấm séc cho Mẹ, tôi nghe Mẹ bảo Bố: “Tiền anh làm chẳng bỏ bèn vào đâu, Homer ạ!”

“Nó vẫn giữ được cái mái nhà này đây bà!” Bố trả lời.

Mẹ trầm ngâm nhìn tấm séc, cuộn nó rồi nhét vào túi tạp dề và nói: “Nếu ông ngừng làm việc trong cái hố đó, tôi ra sống dưới gốc cây cũng được!”

Sau khi ông Carter bán đi hầm mỏ, nó được đổi tên thành Công ty Than Olga. Mẹ luôn gọi nó là “Cô Olga”. Mỗi khi có ai hỏi Bố đang ở đâu thì Mẹ sẽ trả lời rằng “đang ở với Cô Olga đấy!”. Mẹ nói cứ như đó là tình nhân của Bố vậy.

Gia đình bên Mẹ không hề chia sẻ cùng bà về sự ác cảm với việc khai thác mỏ. Tất cả các anh của Mẹ - Robert, Ken, Charlie, và Joe - đều là thợ mỏ, và em gái Mẹ, dì Mary, cũng làm vợ một thợ mỏ. Bất chấp tai nạn thảm khốc của nội, hai anh em còn lại của Bố cũng làm thợ mỏ; chú Clarence thì làm việc trong khu mỏ Caretta cách Coalwood một ngọn núi, và chú Emmett làm cho những khu mỏ rải rác trong tỉnh. Em gái của Bố, cô Bennie cũng kết hôn với một thợ mỏ tại Coalwood và sống bên kia bờ sông, cạnh những cửa hàng kim khí điện máy lớn. Nhưng sự thật về tất cả thành viên hai gia đình của Bố và Mẹ đều là thợ mỏ không để lại ấn tượng tốt gì cho Mẹ cả! Bà có quan điểm riêng, có lẽ nó hình thành từ bản tính độc lập của Mẹ hay chính bởi khả năng luôn nhìn vào bản chất của sự việc chứ không mong ước viễn vông như những người khác, sự viễn vông mà đôi khi ngay cả Mẹ cũng mong ước nó thành hiện thực.

Vào mỗi buổi sáng trước khi Mẹ bắt đầu nghi thức chiến tranh với bụi bặm, bà thường ngồi nhâm nhi tách cà phê bên bàn bếp, mắt nhìn vào bức tranh tường đang dang dở. Mẹ bắt đầu vẽ bức tranh này từ khi Bố tiếp quản lại khu mỏ và chuyển vào ở hẳn trong nhà của Đội Trưởng. Đến mùa thu năm 1957, Mẹ đã hoàn thành được bãi cát, những vỏ sò và hầu hết phần bầu trời với một đôi móng biển chao lượn. Trong đó có dấu hiệu xuất hiện của một cây cọ đang lớn lên từng ngày. Có vẻ như Mẹ đang muốn vẽ nên một hiện thực khác cho mình. Từ chỗ Mẹ ngồi, bà có thể nhìn thấy những bụi hồng và những người cho chim ăn xuyên qua cửa sổ của bức tranh mà những chú thợ mộc đã lắp theo riêng ý Mẹ; nó được đặt theo một góc độ đặc biệt sao cho Mẹ không phải nhìn thấy bất cứ một dấu vết nào của khu mỏ.

Ngay khi còn nhỏ, tôi đã biết Mẹ thật khác so với những người còn lại ở Coalwood. Lúc tôi khoảng 3 tuổi, cả nhà đi thăm nội trong một căn nhà nhỏ ở Warriormine Hollow, ông bế tôi đặt lên đùi. Điều này làm tôi sợ lắm, vì nơi đáng lẽ là chân của nội giờ chỉ còn là một tấm chăn nhàu nát. Trong khi tôi vùng vẫy trong đôi tay to khỏe của nội thì Mẹ lặng vẳng xung quanh... lo lắng, sợ sệt... Tôi còn nhớ nội móm nói với Mẹ: “Nó thật giống Homer như khuôn đúc” trong khi tôi oằn người trong tay ông. Rồi nội

nói vọng ra với Bố ở phòng bên: “Homer, nó giống con như đúc!”

Mẹ rụt rè bế tôi lại từ tay ông nội còn tôi ôm chặt lấy vai bà, tim tôi loạn nhịp vì một nỗi sợ lạ lùng không thể lý giải được. Mẹ bồng tôi ra hiên nhà, vuốt ve tóc tôi dịu dàng. “Không, con không giống.” Mẹ ngậm nga vừa đủ lớn chỉ để tôi và bà nghe thấy. “Không, con không giống đâu!”

Bố xô cửa bước ra như muốn cãi nhau với Mẹ, nhưng bà vội quay mặt đi. Lúc đó, đôi mắt xanh trong hàng ngày của Bố chợt chuyển sang ngầu đục. Tôi rúc đầu vào cổ Mẹ trong khi Mẹ ôm tôi đung đưa, ru tôi bằng khúc hát trầm lắng bất di bất dịch: *Không, con không giống. Không, con không giống.* Qua những năm tháng tôi lớn lên, Mẹ luôn hát cho tôi nghe khúc hát đó bằng cách này hay cách khác. Chỉ đến khi tôi vào cấp 3, bắt đầu chế tạo tên lửa thì sau cùng tôi mới hiểu là vì sao...

2. SPUTNIK

KHI TÔI 11 TUỔI thì Đội Trưởng về hưu và Bố lên tiếp quản vị trí của ông. Nhà của Đội Trưởng, một căn nhà lớn bằng gỗ có cấu trúc giống như chuồng gia súc và nằm gần nhà than nhất, trở thành nhà của chúng tôi. Tôi thích lần dọn nhà này, vì đây là lần đầu tiên trong cuộc đời tôi không phải ở chung phòng với Jim nữa, anh ấy chưa bao giờ tỏ ra thích tôi hay muốn tôi ở quanh anh. Trong kí ức non nớt của tôi hiện lên rất rõ: anh luôn đổ lỗi cho sự xung đột căng thẳng giữa Bố và Mẹ lên đầu tôi. Có lẽ cốt lõi của sự thật cũng đúng với lời buộc tội của anh tôi. Tôi nghe Mẹ kể rằng Bố muốn con gái, nên khi tôi chào đời Bố đã hoàn toàn thất vọng và nói huých toẹt ra điều đó, và Mẹ đã trả đũa bằng cách đặt tên tôi theo tên của Bố: Homer Hadley Hickam *Con*. Tôi cũng chẳng biết sự việc trên có là nguyên nhân gây ra tất cả những cuộc cãi vã giữa họ về sau hay không, chỉ biết rằng sự bất mãn của họ đã để lại cho tôi một cái tên thật dài dòng và nặng nề. May thay rồi Mẹ đặt ngay cho tôi cái tên “Sunny” vì Mẹ bảo tôi là một đứa trẻ vui vẻ, hạnh phúc. Và từ đó mọi người đều gọi tôi với cái tên này, mặc dù cô giáo lớp 1 đổi thành một tên gọi nam tính hơn là “Sonny”.

Ông McDuff, thợ mộc của khu mỏ, đóng cho tôi một cái bàn và kệ sách đặt trong phòng mới của tôi, nơi tôi xếp đầy tiểu thuyết khoa học giả tưởng và trưng bày những mô hình máy bay. Từ đó tôi luôn có thể ngồi chơi vui vẻ hàng giờ liền trong căn phòng yêu dấu của mình.

Vào mùa thu năm 1957, sau 9 năm mài dũa quần tại trường Coalwood, tôi chuyển sang trường cấp 3 của quận mang tên Big Creek nằm bên kia núi và học hết lớp 12 ở đây. Ngoài việc phải dậy sớm để bắt kịp chuyến xe buýt đến trường vào lúc 6 giờ 30 phút sáng, còn lại tôi hoàn toàn yêu thích ngôi trường này. Ở đây tập hợp học sinh từ nhiều thị trấn nhỏ trong quận, và tôi bắt đầu làm quen với rất nhiều bạn mới, mặc dù vậy, nhóm bạn thân của tôi vẫn là những đứa từ Coalwood - Roy Lee, Sherman và O'Dell.

Có thể nói, cuộc đời tôi ở miền Tây Virginia được chia ra làm hai giai đoạn rõ rệt: trước và sau ngày 5 tháng 10 năm 1957. Sáng hôm đó Mẹ đánh thức tôi dậy sớm và hối thúc tôi nghe radio. “Gì vậy Mẹ?” Tôi làu bàu trong chăn ấm. Cao cao trên những ngọn núi, Coalwood là một nơi lạnh giá và ẩm ướt vào độ thu sang, và ắt hẳn tôi sẽ rất vui sướng nếu được vui trong chăn thêm ít nhất vài giờ nữa giữa tiết trời như thế này.

“Lại đây nghe này,” Mẹ nói, giọng bà đầy vẻ thúc giục. Tôi hé mắt nhìn Mẹ từ dưới chăn. Ánh nhìn nghiêm nghị của Mẹ nói cho tôi biết rằng tốt hơn hết là làm theo lời bà một cách nhanh chóng.

Tôi vội mặc quần áo và chạy xuống bếp, sô-cô-la nóng và bánh mì phết bơ nóng hổi đã nằm sẵn trên quầy bếp. Chúng tôi chỉ bắt được đài WELC vào buổi sáng phát từ Welch. Thông thường, vào những lúc sớm như vậy, đài WELC phát một đĩa nhạc gồm những bài hát mà học sinh cấp 3 chúng tôi yêu cầu tặng cho nhau. Jim, học trên tôi một lớp và là một cầu thủ bóng bầu dục nổi tiếng, thường được những đứa con gái hâm mộ gửi tặng bài hát mỗi ngày. Nhưng bây giờ, thay vì những âm thanh Rock ‘n’ Roll

sôi động, tôi chỉ nghe thấy một hồi tiếng “bíp bíp bíp” ngân dài. Sau đó người phát ngôn viên thông báo hiện tượng này bị gây ra bởi một vật thể gọi là *Sputnik*. Nó thuộc về người Nga và đang nằm trên không gian. Mẹ hết nhìn cái radio rồi nhìn tôi, hỏi: “Nó là cái quái gì thế, Sonny?”

Tôi biết chính xác nó là cái gì. Tất cả những cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng và tạp chí của Bố mà tôi đã đọc qua giúp tôi trả lời một cách lưu loát: “Nó là vệ tinh không gian và chúng ta lẽ ra sẽ phóng một cái giống như vậy vào vũ trụ trong năm nay, con không ngờ rằng người Nga đã qua mặt chúng ta!”

Mẹ nhìn tôi qua miệng tách cà phê rồi hỏi: “Thế nó được dùng vào việc gì?”

“Nó di chuyển theo quỹ đạo xung quanh trái đất giống như mặt trăng ấy, nhưng gần hơn nhiều. Nó mang theo các thiết bị khoa học dùng đo đạc những số liệu như độ nóng, lạnh ngoài không gian. Vệ tinh của chúng ta cũng có nhiệm vụ tương tự như vậy, Mẹ ạ!”

“Vậy nó có bay qua Mỹ không con?”

Tôi trả lời mà không chắc chắn lắm: “Có lẽ là có đấy Mẹ!”

Mẹ lắc đầu: “Nếu nó bay qua đây, Bố con sẽ bức bối chết mất thôi!”

Tôi biết đó là sự thật. Một lời đùa cợt cay nghiệt đã nói rằng đảng viên đảng Cộng Hòa sẽ không bao giờ được phép có một hơi thở nào tại miền Tây Virginia, Bố tôi ghét cay ghét đắng những Cộng sản Nga chỉ sau các chính trị gia Mỹ. Đối với Bố, Franklin Delano Roosevelt là kẻ thù của Chúa, Harry S. Truman^[6] là trợ tá kẻ thù của Chúa, và John L. Lewis, chủ tịch UMWA^[7] chính là một tên ma vương. Tôi nghe Bố liệt kê vanh vách những sự bất tài của họ mỗi khi bác Ken - anh của Mẹ - đến thăm. Bác Ken là một đảng viên trung thành của đảng Dân Chủ như ông ngoại. Bác nói rằng ông ngoại thà rằng bầu cử cho con chó Dandy nhà tôi còn hơn là bỏ phiếu cho một tên đảng viên đảng Cộng Hòa nào. Bố nói cũng sẽ làm như vậy trước khi bỏ phiếu kín cho một đảng viên đảng Dân Chủ nào đó. Dandy nghiêm nhiên trở thành một chính trị gia nổi tiếng trong nhà tôi.

Suốt thứ bảy hôm ấy, đài phát thanh tiếp tục đưa tin về *Sputnik* của Nga. Có vẻ như mỗi lần có thêm tin tức, người phát thanh viên tỏ ra vừa thích thú, vừa lo lắng. Một số lời đồn đãi về việc vệ tinh này có gắn máy quay phim và đang theo dõi từng đường đi nước bước của Mỹ. Lại có lời đoán mò rằng nó chứa cả một trái bom nguyên tử và sẵn sàng phát nổ bất cứ lúc nào. Bố làm việc ở khu mỏ cả ngày nên tôi không nghe được ý kiến nào của ông về những gì đang diễn ra. Đến khi Bố về thì tôi đã ngủ say và ông trở lại khu mỏ lúc trời tờ mờ sáng. Theo Mẹ biết thì có vấn đề gì đó với một trong những cái máy khai thác than, hình như có một tảng đá lớn đã rơi trúng nó. Tại nhà thờ, Đức cha Lanier không nhắc gì đến người Nga hay *Sputnik* trong bài thuyết giáo hôm đó cả. Hầu hết những câu chuyện bên lề nhà thờ đều về đội bóng bầu dục và một mùa giải toàn thắng của họ. Phải qua một khoảng thời gian thì *Sputnik* mới có thể ảnh hưởng đến người dân, nhất là ở Coalwood.

Đến sáng thứ hai, hầu như những gì phát ra từ radio đều nói về *Sputnik*. Johnny Villani cứ phát đi phát

lại tiếng “bíp bíp bíp”. Anh nói thẳng với toàn thể học sinh tỉnh McDowell rằng chúng tôi phải cố gắng học hành hơn để bắt kịp người Nga. Dường như anh ấy nghĩ rằng nếu tiếp tục cho chúng tôi nghe các bản nhạc Rock’n’Roll thì chúng tôi sẽ ngày càng thua kém những đứa trẻ Nga. Trong khi nghe những tiếng “bíp”, trong đầu tôi hiện lên hình ảnh những đứa trẻ Nga nhắc *Sputnik* lên rồi gắn vào đầu chiếc tên lửa to lớn, bóng lưỡng. Tôi thật lấy làm ghen tị, tại sao chúng lại có thể thông minh như vậy? Lúc này thì giọng Mẹ ngắt ngang dòng suy nghĩ say sưa của tôi: “Mẹ thấy rằng con chỉ còn 5 phút để bắt kịp chuyên xe buýt tới trường thôi, con trai ạ!”

Tôi ực vội ly sô-cô-la nóng hồi rồi lao xuống cầu thang, vượt qua mặt anh Jim. Chẳng lấy gì làm lạ khi trông thấy mái tóc vàng của Jim luôn ngay hàng thẳng lối, những lọn tóc quăn trước trán cũng vậy, đó là kết quả của việc chải chuốt cả giờ đồng hồ trước chiếc gương của hộp y tế trong nhà tắm duy nhất của gia đình. Hôm nay Jim khoác chiếc áo đồng phục xanh sọc trắng của đội bóng bầu dục, vận bên trong là somi hồng sọc đen cài nút kín từ trên xuống dưới (nhưng cổ áo thì lại bẻ ngược lên), diện chiếc quần vải Chino có khóa phía sau; chân mang tất hồng và giày da bóng loáng. Jim luôn là học sinh ăn mặc thanh lịch nhất trường. Một lần khi nhận được hóa đơn từ tiệm quần áo của Jim, Mẹ phải thốt lên: “Anh Jim mày chắc đã đi nghỉ mát nhâm với nhà Rockefeller^[8] mát rồi!”. Còn tôi thì hoàn toàn trái ngược, chỉ vận một chiếc áo len vải Flanen sọc vuông và hôm nay vẫn là chiếc quần Cotton đã mặc cả tuần trước cùng đôi giày da mòn hết cả đế mà tôi vừa mang để chạy chơi hôm qua quanh con sông sau nhà. Khi đi ngang qua nhau trên cầu thang, tôi và Jim chẳng thêm nói một lời; mà thật ra cũng chẳng có gì để nói cả. Vài năm sau nữa tôi chắc sẽ nói với mọi người rằng tôi là con một trong nhà và có lẽ Jim cũng sẽ làm điều tương tự.

Cũng không phải tôi và anh Jim không có chuyện đâu. Từ khi biết nhận thức, chúng tôi đã bắt đầu hay cãi vã. Mặc dù tôi nhỏ con hơn, thường phải lẩn tránh hơn nhưng chúng tôi đã đánh nhau quá nhiều lần nên tôi biết tất cả những đòn tấn công của Jim, và tôi biết rằng khi tôi vẫn còn nằm trong tầm những cú đấm của Jim thì anh sẽ chẳng bao giờ giết chết tôi cả. Vào mùa thu 1957, chúng tôi bắt đầu một thỏa hiệp không dễ dàng chút nào trong vòng hai tháng. Tất cả là từ cuộc đánh nhau gần nhất mà hậu quả đã làm hai anh em cực kì hoảng sợ. Chuyện bắt nguồn lúc Jim tìm thấy xe đạp của tôi nằm đè lên xe anh ấy. Có lẽ tôi đã không gạt chống xe xuống hết mức nên xe tôi đổ kênh kéo theo xe anh bên cạnh. Anh Jim tức giận đến nỗi khiêng xe tôi ném xuống sông. Lúc đó Mẹ đi mua sắm ở Welch còn Bố thì đang làm việc ở khu mỏ. Jim xông vào phòng tôi trong lúc tôi đang nằm ườn trên giường đọc sách, anh đóng sập cửa lại và nói cho tôi biết anh đã làm gì và vì sao lại như vậy. Jim còn gầm lên: “Nếu bất cứ đồ đạc gì của mày còn động vào những thứ của tao thì tao sẽ đập mày một trận không thương tiếc!”

“Vậy đánh luôn bây giờ thì sao, hả thằng mập?” Tôi hét lên rồi lao vào Jim. Chúng tôi ngã lăn xuống sàn, tôi nép vào trong rồi thụi túi bụi vào bụng Jim, còn Jim thì tru tréo lên rồi đấm đá loạn xạ vào không khí đến khi cả hai lộn tùng phèo xuống cầu thang, lăn vào phòng nghỉ; lúc đó tôi may mắn cho được một đòn cùi chỏ nặng vào tai Jim. Anh tru lên, nhắc bóng tôi ném vào phòng ăn, nhưng tôi bật phắt dậy, chộp lấy chiếc ghế gỗ xoan đào yêu quý của Mẹ, phang lại Jim đến gãy cả một chân ghế. Jim rượt tôi vào bếp, ở đó tôi chộp lấy cái nồi kim loại trong bếp lò, đập trả lại chiếc ca Jim ném tới. Rồi tôi thoát ra được hiên sau nhà, nhưng Jim đón ngã tôi và hai thằng lăn ầm vào cánh cửa bình phong, nó bị giật bung ra khỏi bản lề. Sau đó chúng tôi vật lộn trên bãi cỏ đến khi Jim nằm đè được lên lưng tôi. Lúc này tôi thấy xương sườn mình rệu rã, ngực thì đau kinh khủng và tôi bắt đầu khóc nhưng chẳng

thành tiếng vì không thở được. Chân anh nằm ngay mặt tôi nên tôi dùng hết sức bình sinh ngoạm một cú thật sâu. Jim hét to đau đớn và nhảy dựng lên, còn tôi thì nằm ngửa ra thở hổn hển. Xương sườn tôi như bẹp dúm cả lại, máu ộc ra đầy mũi. Đầu Jim nổi lên một cục u lớn và sắp tới chân anh sẽ xuất hiện vết bầm tím thật đậm từ cú tát của tôi. Chúng tôi đã đả thương nhau khá nghiêm trọng và cả hai đều biết rằng mình đã đi quá xa.

Khi Mẹ trở về thì xe đạp của chúng tôi đều được dựng lên ngay gần nhau ở sân sau, còn hai anh em ngồi nhìn nhau một cách “ngây thơ vô số tội” trong phòng khách. Jim vừa băng quơ xoa nhẹ đầu vừa đọc trang thể thao của tờ *Welch Daily News*. Tôi ngồi gần đó xem tivi, lòng cổ kìm nén những tiếng rên vì lồng ngực đau nhói mỗi khi thở ra hít vào. Xương sườn tôi đau đớn suốt cả tháng trời. Chiếc ghế được dán chân lại một cách cẩn thận và đặt ngay gần vào bàn ăn. Hai anh em luôn canh chừng không để cho ai ngồi lên nó đến khi keo khô hẳn. Nguyên nhân cánh cửa sập được đổ tội cho mấy con chó. Còn Mẹ thì không để ý hay cố tình không nhắc đến vết lõm trên cái nôi của bà.

Trong khi tôi đang cuống cuống chuẩn bị đồ đạc thì Jim đã ra đến trạm xe buýt. Tôi chỉ mất 2 phút trong nhà tắm để đánh răng và vuốt ướm tóc. Tôi thừa hưởng mái tóc đen, dày và xoăn từ Mẹ. Tóc bà bắt đầu ngả xám khi qua tuổi 30 và tôi nhắm rằng chuyện này rồi cũng sẽ xảy ra tương tự với mình. Có vẻ tôi chẳng thừa hưởng chút gien nào từ bên nội cả. Mẹ nói tôi hoàn toàn thuộc về dòng họ Lavender của bà, và Bố chẳng bao giờ cãi lại điều đó nên tôi đoán rằng bà nói đúng, chuyện này đối với tôi cũng bình thường mà thôi. Tôi cảm thấy nhà Hickam bên Bố toàn là những người nóng nảy. Bố, chú Clarence và cô Bennie không bao giờ chậm rãi được, họ lúc nào cũng nhảy nhồm lên, đi rất vội vã đến nơi họ muốn tới, thậm chí lúc nào cũng nói rất nhanh. Trong khi nhà Lavender bên Mẹ thì lại khá từ tốn, chỉ trừ ông ngoại tôi, có biệt danh “Cha Mất Nết”, ông từng bị bắn vào tay khi mò vào buồng ngủ của một quý bà nào đó trong khi chồng người ta đi làm việc ca đêm trong khu mỏ ở Gary. Mẹ kể là bà ngoại đã giúp ông khoác áo choàng đến khi tay ông lành lại, còn Mẹ thì đứng hòng như vậy trừ khi “Cha Mất Nết” chịu chạy rong trần truồng ngoài tuyết lạnh.

Trong ngày đầu tiên đi học lại sau sự kiện *Sputnik*, tôi khoác chiếc áo choàng Cotton mà Jim nhượng lại, cầm lấy mấy cuốn sách ở lan can, chộp chiếc túi nâu đựng cơm trưa từ Mẹ ở cửa nhà rồi phóng vội ra trạm xe. Chiếc xe buýt màu vàng đã đến trước ngôi nhà của gia đình Todd và tài xế Jack Martin thì chẳng bao giờ chờ đợi ai. Ông nhìn tôi một cách cau kỉnh, điều xì gà chưa châm lửa kẹp giữa hai hàm răng, tôi vừa leo kịp lên xe trước khi cửa đóng sập lại rồi nói: “Chậm chút nữa là cuộc bộ nhé, nhóc Sonny!”. Tôi biết rõ rằng lão đang không nói đùa. Jack rất độc tài, bất cứ ai trên xe mắc một lỗi nhỏ nào sẽ bị đuổi xuống, không cần biết chúng tôi đang đi đến đâu. Tôi tìm được một khoảng ghế nhỏ rồi chen vào giữa Linda DeHaven và Margie Jones, hai bạn nữ học cùng tôi từ lớp 1. Họ dịch sang một chút rồi tiếp tục ngủ. Jack sang số xe làm chúng tôi đều giật nảy người. Coalhican O’Dell, thằng bạn chí cốt của tôi, đang gà gât ở băng ghế trên cùng sau lưng Jack. O’Dell nhỏ con nhưng sôi nổi với mái tóc nhạt như màu lụa. Sherman ngồi ngủ ngay đằng sau O’Dell, cậu ấy đô con và chắc nịch với gương mặt rộng, thông minh. Tiếc rằng chân trái của Sherman bị teo lại và rất yếu ớt do bị viêm tủy sống; dù vậy từ nhỏ đến lớn cậu ấy chẳng bao giờ than phiền về điều đó và tôi cũng không hề để ý đến nó. Có lúc cậu ấy bắt kịp chúng tôi, có lúc bị tụt lại phía sau.

Roy Lee - cậu bạn gầy gò và có đôi chân dài ngoằng - vừa lên xe từ trạm kế tiếp, len lỏi dọc theo lối

đi và chen vào ngôi phía sau tôi. Trong kí ức tôi, Roy Lee từng là thằng bạn thân. Hằng ngày, hai thằng qua lại nhà nhau, rủ rê lên núi chơi trò cao bồi, phi hành gia, cướp biển hay bất cứ thứ gì chúng tôi có thể tưởng tượng ra. Roy Lee khác biệt và nổi trội nhất trong bọn. Cậu ấy sở hữu xe hơi riêng, nó là phần đền bù của bảo hiểm sau khi bố Roy tử nạn trong hầm mỏ. Mẹ Roy vẫn muốn cho cậu ấy ở lại Coalwood nên đã cố gắng vận động bằng mọi cách để giữ lại căn nhà của công ty. Thật đáng ngạc nhiên, cuối cùng họ đã được chấp thuận ở lại, có lẽ vì anh của Roy vẫn còn là thợ mỏ của Coalwood. Roy Lee khá đẹp mã và cậu ấy luôn ý thức được điều đó. Roy có một mái tóc đen nhánh như than luôn được vuốt keo rồi chải ngược vênh ra sau, chúng tôi thường gọi là Đ.V - Đít Vịt. Cậu chàng hao hao giống Elvis lúc trẻ. Roy Lee luôn cho mình là một chàng sát gái có hạng, và tôi cũng đồng tình với ý kiến đó do cậu ấy luôn hẹn hò vào cuối tuần. Việc có xe hơi riêng có lẽ cũng hỗ trợ đắc lực cho món này cũng nên!

Tôi rất lấy làm hạnh phúc khi có những người bạn như Roy Lee, Sherman và O'Dell. Từ dạo vào lớp 1, trộn lẫn giữa bọn con trai trong thị trấn, tôi hiển nhiên được chú ý bởi chức vụ của Bố mình. Trong những bữa ăn tối, hiệp hội những ông bố thường chỉ ra Homer Hickam là kẻ địch, từ đó những thằng con trai của họ luôn nảy sinh ý định trả thù. Jim luôn lớn con hơn những đứa bạn cùng tuổi và quá nổi tiếng với tính khí nóng nảy, cộc cằn. Vì thế, tôi luôn trở thành mục tiêu dễ dàng hơn của các cuộc phục kích trong giờ giải lao ở trường hoặc lúc lảng vảng quanh Big Store. Dù vậy, mỗi khi trở về nhà với mình mấy máu me, tôi chẳng bao giờ hé nửa lời với Mẹ rằng ai đã đánh mình và Bố thì không bao giờ biết về chuyện đó. Những thằng nhóc ở Coalwood chẳng hé răng về điều này. Tôi luôn chống trả quyết liệt nhằm vào những đứa nhỏ con đứng gần mình nhất và càng ngày tôi càng tự vệ tốt hơn khi đã đâm vỡ mũi được nhiều đứa khác. Riêng Roy Lee, Sherman và O'Dell thì chẳng bao giờ quan tâm Bố tôi là ai. Đối với họ, chúng tôi chỉ là những đứa trẻ ở Coalwood như nhau mà thôi.

Đường ra khỏi thị trấn băng ngang khu mỏ, mỗi lần đến nhà than Jack luôn bấm còi inh ỏi. Những đứa còn thức trên xe thường vẫy tay chào đám công nhân đứng cạnh cần trục rồi xe tiếp tục thẳng tiến tới Lòng Chảo 6 (được đặt tên dựa theo sáu cái hầm thông gió chôn ở đây với nhiều ngôi nhà xây xung quanh chúng) để đón những đứa học sinh cuối cùng. Sau đó chúng tôi bắt đầu vượt qua ngọn núi đầu tiên. Từ Coalwood tới Trường cấp 3 Big Creek là một đoạn đường ngoằn ngoèo đầy ổ gà dài khoảng 8 dặm; Jack thường mất 45 phút để vượt qua trừ khi có tuyết rơi.

Đường lên núi Coalwood có rất nhiều đoạn nghiêng dốc gấp khúc quanh co nối tiếp nhau. Lũ học sinh chúng tôi thường ngồi chêm ba người trên một băng ghế ngủ gà ngủ gật, rồi dựa hằn vào nhau, nghiêng hết bên này đến bên kia ở mỗi khúc quanh. Đến đỉnh núi thì xe bắt đầu đổ dốc, trôi lên thụt xuống từng chập tới khi đi vào thung lũng hẹp và dài. Khúc này là đoạn đường thẳng dài nhất trong vùng, và được trải nhựa khoảng một dặm. Ở giữa đoạn đường, sau hàng rào dây kẽm gai là một trong những cái quạt khổng lồ dùng thông gió cho khu mỏ. Vào những tối thứ bảy hàng tuần, đoạn đường thẳng thớm này - được mang tên Little Daytona - náo nhiệt với những tay đua choai choai so tài, và cũng là nơi của các cổ động viên nhiệt tình dừng lại để cổ vũ hay tự tình hôn hít nhau. Trong hoàn cảnh của tôi, không có băng lái, bạn gái cũng không, nên những điều đó tôi chỉ được nghe kể lại mà thôi chứ chưa được thực tế tham gia chứng kiến bao giờ. Và Roy Lee luôn là nguồn thông tin thường xuyên nhất của tôi. Cậu ấy thường chở bạn gái đến đây sau khi kết thúc cuộc chơi ở Dugout. Dugout nằm dưới tầng hầm của nhà hàng Tổ Cú đối diện trường học, có tổ chức khiêu vũ nhảy nhót vào thứ bảy hàng đêm. Tôi cũng chưa

bao giờ được đến đó chơi nhưng nghe đồn rằng nơi ấy rất vui và thú vị. Ed Johnson, một trong những người quản lý của trường Big Creek là người chỉnh nhạc, Roy Lee nói với tôi rằng anh có một trong những bộ sưu tầm đĩa nhạc đặc sắc nhất của *American Bandstand*^[9].

Sau một vòng cua gắt cuối đường Little Daytona, chúng tôi bắt đầu vào thị trấn của mỏ Caretta. Caretta và Coalwood thuộc cùng chủ quyền của một công ty. Những đường hầm của nó đã chạy xuyên qua khu mỏ của chúng tôi vào năm ngoái. Ở đây có hai sân sa thạch cực lớn nằm giữa hai khu mỏ, và Bố đã đấu tranh giành lấy nó, quyết liệt cứ như trong thời chiến vậy. Đến cuối cùng, khi khu liên mỏ hình thành thì việc thông gió trở nên cực kì phức tạp, rồi Bố phải lo giải quyết vấn đề này cho cả hai bên. Tôi nghe lỏm được Mẹ nói chuyện với bác Joe rằng rất nhiều người ở Caretta đã nói những điều khó nghe về Bố, gọi Bố là “Gã Ngạo Mạn”. Đa số mọi người đều không phục vì Bố không có bằng cấp như Đội Trưởng, nhưng tôi cảm thấy thật vô lý - bản thân họ cũng có tấm giấy lộn nào đâu mà ganh tị như vậy. Còn Mẹ bảo bác Joe rằng, với bà, những kẻ ở Caretta rất “một lũ lão xược và chẳng thú vị gì cả”. Mỗi khi nói chuyện với anh chị em trong nhà, Mẹ thường dùng tiếng địa phương, còn bác Joe thì luôn gật đầu đồng tình với Mẹ một cách rất nghiêm túc.

Sau khi qua khỏi Caretta, chúng tôi gặp một ngã ba thuộc địa phận Premier, chỗ này có một tòa nhà gạch trắng xiêu vẹo cũ kĩ mang tên nhà Spaghetti. Tôi chưa vào đó bao giờ nhưng Roy Lee thì đã từng đến rồi. Cậu ấy bảo rằng trong đó có nhiều gái điếm, toàn những mụ già nhếch nhác đem lại bệnh lậu cho khách. Tôi chẳng hiểu “bệnh lậu” là gì nhưng nghe ra tôi chẳng muốn nhận lấy nó tí nào. Roy Lee bảo lần đó cậu ấy vào chỉ để đổi 1 dollar ra tiền lẻ, nhưng thay vì tiền họ lại đưa cậu 4 cái bao cao su. Đến bây giờ cậu ấy vẫn còn giữ đủ cả 4, tôi biết vì cậu ấy từng đưa cho tôi xem. Roy luôn bỏ một cái vào trong ví, trông nó có vẻ khá cũ kĩ rồi.

Núi War không dốc như ngọn núi gần Coalwood nhưng những con đường ở đây hẹp hơn nhiều, đặc biệt có hai khúc quanh gần như nằm đầu lưng nhau. Mỗi lần đến đây, Jack thường giảm tốc độ, bóp còi và thận trọng chờ chúng tôi vòng qua. Những đũa ngò bìa ngoài thì chồm ra nhìn xuống con sông dưới thung lũng mà chẳng thấy được con đường phía dưới hay ngay cả bóng bả vai của mình; trong khi đó những đũa ngò trong thì ngấm những bờ đá cuội lởm chởm cách xe chỉ vài centimet. Qua khỏi đoạn cua đó, xe chúng tôi bon bon thẳng tiến đến thị trấn War.

Thị trấn War đã phát triển hơn nhiều so với ngày xưa. Con đường chính chỉ có những cửa hàng cũ, nhà băng, vài trạm xăng và một khách sạn đồ nát. Vào những năm 1920, theo những gì mà đám trẻ ở War được bố mẹ kể lại, thị trấn War từng là một nơi hoang dại, dâm ô của những vũ trường và sòng bạc. Có lẽ vì vậy mỗi khi quý bà nào xúc quá nhiều nước hoa đi ngang, Mẹ tôi thường bảo nghe mùi họ khiến bà liên tưởng đến “buổi sáng Chủ nhật ở thị trấn War”.

Trường cấp 3 Big Creek nằm ở rìa ngoài thị trấn War cạnh dòng sông mang mà người ta đã lấy tên nó làm tên của thị trấn. Trường là một tòa nhà gạch 3 tầng đầy bụi bặm nhưng sân bóng bầu dục đằng trước thì được chăm sóc rất kĩ lưỡng. Phía đối diện bên kia sân bóng là một đường ray xe lửa. Lớp học của chúng tôi thường bị gián đoạn bởi những đợt rung chuyển do tàu chạy qua và tiếng kêu rền rĩ của đầu máy xe lửa. Điều này thỉnh thoảng tạo cho chúng tôi cảm giác về những đoàn tàu vòng quanh thế giới cứ liên tục chạy qua không dứt ở phía xa xa.

Sau khi đến trường Big Creek, chúng tôi thường có một tiếng trước giờ học. Tôi, Roy Lee, Sherman và O'Dell tụ nhau lại trong giảng đường trao đổi bài tập đồng thời ngắm nhìn các nàng nữ sinh lượn lờ qua lại lối đi. Sáng hôm đó, tôi muốn ngồi bàn về môn đại số với họ vì tôi chưa tìm được đáp án thỏa đáng. Nhưng có vẻ chẳng ai màng đến môn đại số khi có quá nhiều chuyện để bàn tán về *Sputnik*. Roy Lee quả quyết rằng: “Người Nga không thể thông minh đến nỗi có thể chế tạo tên lửa được! Chắc chắn là họ ăn cắp công nghệ từ chúng ta rồi!” Tôi phản đối rồi nói lên suy nghĩ của mình: “Người Nga đã chế tạo được bom nguyên tử, bom hydro và cả máy bay ném bom sang Mỹ, thế thì có gì mà họ không thể làm được một thứ như *Sputnik*?”.

“Nếu mình là người Nga thì sẽ như thế nào nhỉ?” Sherman tự hỏi bằng quơ và biết chắc rằng chẳng đứa nào để ý đến câu nói đó. Nhưng chẳng có gì lạ, vì Sherman luôn tự tưởng tượng rằng sống ở nơi khác sẽ có gì thay đổi so với miền Tây Virginia, còn tôi thì không bao giờ nghĩ đến điều đó cả. Đối với tôi, nơi nào cũng như nhau, chỉ có điều theo tivi có đề cập đến, nếu muốn sống ở những thành phố lớn như New York hay Chicago, bạn cần phải thật vững mạnh và ngoan cường.

Lúc này Roy Lee lên tiếng: “Bố tớ bảo rằng người Nga từng ăn con của chính họ trong chiến trận và người Đức đã rất đúng đắn khi tấn công họ. Bố còn tiếc rằng sao chúng ta không chung sức với người Đức diệt luôn người Nga để không còn nhiều điều phiền toái do chúng gây ra như bây giờ!”

O'Dell vừa dán mắt vào một chị hoạt náo viên đứng ở lối đi vừa suy tưởng: “Nếu mà bây giờ tớ trườn tới và hôn vào chân nàng thì có được nàng âu yếm không nhỉ?”

“Ừm, thằng bạn trai của cô ta sẽ “nặng” cậu ngay”, Sherman châm biếm khi thấy một cầu thủ bóng bầu dục to kình hiên ngang đi tới và nắm lấy tay cô. Những anh chàng chơi bóng bầu dục này ít nhiều gì cũng cuốn hút các nàng ở trường hơn cả.

Đến lúc này thì tôi phải thốt lên một cách tuyệt vọng: “Trời ạ, có ai giải được bài đại số không?”

Chỉ có một trong ba đứa nhìn tôi. “VẬY CẬU LÀM XONG BÀI NGỮ VĂN CHƯA?” Cuối cùng Roy Lee hỏi.

Tôi đã làm được một số câu ngữ pháp. Thế là chúng tôi vừa bàn thảo vừa hỏi hả chép bài của nhau. Điều này cũng không phải gian lận gì, và nó cũng là cách duy nhất để tôi lấy điểm từ môn đại số. Thầy giáo dạy Toán của trường Big Creek, thầy Hartsfield, không bao giờ nhân nhượng trong bài kiểm tra, chỉ có đúng hoặc sai mà thôi. Có vẻ như càng nản chí thì tôi sẽ càng mắc nhiều sai lầm, không những với môn đại số mà trong hầu hết mọi việc.

Sputnik lại trở thành đề tài nóng hổi hôm đó trong tiết sinh học của thầy Mams. Trong khi đó, tôi lặng lẽ theo dõi con giun tội nghiệp bị xát muối đang quằn quại trong chiếc khay sắt vuông. Quả thật may mắn cho tôi vì được chung nhóm với Dorothy Plunk trong giờ thực hành giải phẫu giun đất này. Theo tôi, Dorothy Plunk, sinh trưởng tại thị trấn War, là hoa khôi của lớp hay thậm chí có thể là của cả trường Big Creek nữa. Cô có chòm tóc đuôi ngựa vàng óng ả và đôi mắt xanh trong như màu chiếc Buick 1957 của Bố tôi, cộng với một cơ thể nảy nở căng tràn nhựa sống làm tôi luôn muốn nổ tung mỗi

khi ngắm nhìn. Có đôi lúc tôi ngưỡng ngàng chào cô trong đại sảnh nhưng chưa bao giờ tìm được cách bắt chuyện thật sự cả. Ngay cả trong lúc này tôi cũng chẳng biết nói gì với cô ấy khi đứng trước xác con giun tội nghiệp đang chờ đến lúc bị mổ xẻ. Trước khi tôi kịp có hành động gì thì tiếng lạch tách phát ra từ hệ thống loa nội bộ của trường cắt ngang. Giọng nói thầy hiệu trưởng R.L. Turner vang lên một cách trịnh trọng:

“Như các trò đều biết, người Nga đã phóng vệ tinh lên không gian. Đã có rất nhiều yêu cầu nước Mỹ phải đáp trả hành động này. Hội đồng sinh viên Big Creek của chúng ta hôm nay đã có giải pháp về điều đó, thầy nhắc lại nguyên văn “hiểm họa *Sputnik*”, và nó đang nằm trong tay thầy, là tập trung trong thời gian còn lại của năm học để bồi dưỡng, nâng cao kết quả học tập. Thầy đã thông qua điều này. Mọi chuyện chỉ có vậy.”

Dorothy và tôi cùng nhìn chăm chú vào chiếc loa điện đàm. Khi chúng tôi nhìn xuống, ánh mắt hai đứa chợt bắt gặp và khóa chặt lấy nhau. Tim tôi bỗng hơi loạn nhịp. Dorothy bất ngờ hỏi: “Cậu có sợ không?”

“Sợ người Nga ấy à?”, tôi nuốt khan và cố hít vào. Thật ra, tôi chẳng hiểu vì sao, giây phút ấy Dorothy còn làm tôi sợ hơn cả tí tên Nga.

Cô thoáng trao tôi một nụ cười nhẹ làm tim tôi như muốn rớt ra khỏi lồng ngực. Giữa bầu không khí sắc mùi phoọc môn này, tôi vẫn có thể ngửi được mùi hương hoa tỏa ra từ Dorothy. “Không, mình không sợ đâu, ngốc ạ. Lo mà mổ con giun của chúng mình đi.”

Con giun *của chúng mình*! Tại sao chỉ là con giun *của chúng mình*, mà không phải là đôi tim *của chúng mình*, đôi tay *của chúng mình* hay đôi môi *của chúng mình* nhỉ? Và tôi khẳng định lại một lần nữa: “Ai chứ mình thì chắc chắn không sợ!” rồi giơ con dao mổ lên, đợi lệnh bắt đầu của thầy Mams. Khi thầy ra lệnh, tôi cắt một đường dài dọc theo thân mẫu vật. Dorothy nhìn qua một cái, bặm môi, rồi bỏ ra phía cửa lớp, chồm tóc đuôi ngựa của cô tung lên hạ xuống. “Cậu định làm gì thế hả?” Roy Lee cười như nắc nẻ từ phía sau lưng tôi. “Hẹn cô nàng đi chơi chắc?”

Tôi chưa bao giờ mời cô gái nào đi chơi cả, chứ đừng nói là một Dorothy cao quý như vậy. Tôi quay xuống thăm hỏi Roy Lee: “Cậu nghĩ là cô ấy có chịu nhận lời mình không?”

Roy Lee nhếch mày, mặt thoáng vẻ đều cáng: “Mình có xe, có băng ghế sau và mình sẵn sàng làm tài xế cho cậu bất cứ lúc nào.”

Emily Sue Buckberry, bạn thân nhất của Dorothy, nhìn chăm chăm vào tôi, cả khuôn mặt tròn vành vạnh của cô ấy toát lên vẻ nghi ngờ rồi nói thẳng: “Cậu ấy có bạn trai rồi Sonny ạ, không những một mà là hai người, một trong số họ đang học đại học đấy.”

Roy Lee đáp lại: “Ồi giời, bọn đó không đáng là đối thủ. Cậu không biết Sonny thế nào đâu. Một kẻ thành thạo ở băng ghế sau đấy.”

Mặt tôi đỏ bừng lên trước sự khoác lác của Roy Lee. Tôi chưa bao giờ ngồi với bất cứ cô gái nào ở băng ghế sau xe hơi hay một nơi nào khác cả. Duy nhất một lần tôi hôn lên trán của Teresa Anello sau khi nhảy một bản nhạc lúc còn học tiểu học, chỉ có vậy thôi! Tôi quay lại với con giun, cắt một đường nữa và cắm đinh định vị xác con giun rồi ghi chú một cách tỉ mỉ. Tôi thầm nghĩ, Roy Lee thật chẳng hiểu gì cả, Dorothy không phải là một cô gái bình thường. Chẳng nhẽ cậu ấy không thấy nàng là một tuyệt tác hoàn hảo của Chúa? Nàng phải được tôn thờ, không phải chỉ để sờ mó. Tự vui sướng với giấc mơ ban ngày của mình, tôi cắt rồi ghi, ghi rồi cắt đầy hứng khởi. Tôi làm cả phần việc cho Dorothy và chắc còn hơn thế nữa. Trong khi thực hiện xong phần việc còn lại trên con giun ngâm phoọc môn trương phình đó, tôi quyết định rằng sẽ giành lấy Dorothy về mình.

Roy Lee lảng vảng quanh bàn, nhìn chăm chú vào biểu hiện hân hoan của tôi và thốt lên ai oán: “Thượng Đế ơi! Cậu yêu mất rồi!”

Emily cũng đồng tình từ phía bên kia bàn: “Mình nghĩ cậu đúng, việc này nghiêm túc rồi đây”.

“Rồi đây cuộc tình như lá bay xa, con tim than khóc vỡ òa đúng không?” Roy Lee ngâm nga cứ như một chuyên gia tình yêu đang chất vấn một người khác vậy.

“Không còn nghi ngờ gì nữa!” Emily đáp lại. “Sonny à, hôm này là ngày gì, này, Sonny, cậu nghe không?”

Tôi bỏ mặc họ. Chỉ còn cái tên Dorothy Plunk cứ vang lên liên tu bất tận trong bản nhạc của lòng tôi. *Dorothy Plunk, Dorothy Plunk.*

NHỮNG BẬC THÈM của Big Store luôn là nơi thường xuyên tụ tập của cánh thợ mỏ vừa tan ca, ở đây họ nghỉ ngơi, nhai thuốc lá rồi cùng nhau tán gẫu. Mỗi khi có một chủ đề được đề cập đến về những việc xảy ra ngoài phạm vi Coalwood nhưng không liên quan đến khai thác mỏ hay bóng bầu dục thì chắc chắn là vấn đề quan trọng. *Sputnik* trở thành chủ đề bàn tán của họ sau nửa tuần kể từ khi nó được phóng lên không gian. Khi đi vào cửa hàng để mua chai nước ngọt, tôi tình cờ nghe một trong số họ bức xúc: “Chúng ta nên bắn rơi cái Sputnikker vớ vẩn đó xuống cho xong!”. Một khoảng lặng chột bao trùm khi mọi người ngừng nói rồi trầm ngâm nhổ bã thuốc lá vào chiếc ly giấy trên tay. Cuối cùng một người lên tiếng: “Đề tôi bảo cho các anh chúng ta nên bắn cái gì. Lũ khốn kiếp ở Charleston cố tình gian lận để đội Big Creek của chúng ta không thể giành chức vô địch làm tôi điên máu lên đây này! Tôi đang muốn vặn ngược cổ chúng ngay bây giờ đây!” Vấn đề này đã nhận được nhiều lời đồng tình từ cả nhóm, thậm chí còn được phụ họa thêm bởi những tiếng khạc nhổ cộc cằn. Ở Coalwood chỉ có việc khai thác mỏ là quan trọng hơn bóng bầu dục, còn *Sputnik* hay bất cứ thứ gì sẽ mãi đứng ở vị trí thứ 3 mà thôi!

Nguyên nhân làm cho những người thợ mỏ ở đây “*điên máu*” là đáng lẽ đội Big Creek đang thắng tiến trên con đường bất khả chiến bại trong mùa giải này, nhưng theo Hiệp hội Bóng Bầu Dục các trường Cấp 3 miền Tây Virginia thì Big Creek không hợp lệ để trở thành nhà vô địch, vì họ đã đấu với quá nhiều trường ở Virginia. Trên những chuyến xe đưa thợ đến mỏ, ở các cửa hàng hay thậm chí trong nhà

thờ, sự kiện trên trở thành vấn đề chính cho những cuộc bàn luận không ngưng nghỉ và dữ dội. Đội Big Creek tiếp tục giành chiến thắng nhưng những lãnh đạo cấp cao của môn bóng bầu dục ở Charleston vẫn khẳng khái là điều này chẳng gây ảnh hưởng gì, chẳng có cơ hội nào để chúng tôi trở thành nhà vô địch của bang. Không cần phải là thiên tài mới nhận ra rằng đang có một vấn đề gì đó tiềm ẩn phía sau câu chuyện. Cuối cùng, khi mọi việc sáng tỏ, hóa ra Bố tôi chính là nhân vật gây ra vấn đề này.

JIM là một cầu thủ bóng bầu dục mạnh mẽ. Anh luôn được giao nhiệm vụ cản phá những đợt tấn công và là trung vệ thông trong khâu phòng thủ, hầu hết những tiền vệ của đội bạn luôn chạy trốn khỏi Jim như một chú thỏ đế. Jim hung bạo như một chiếc đầu máy xe lửa và luôn là mẫu cầu thủ truy cản hủy diệt. Vào thời đó, cầu thủ sáng giá như Jim được sánh ngang hàng với những tượng đài ngôi sao trong vùng Big Creek và thậm chí còn có thể so sánh như Johnny Unitas^[10] hay Bart Starr^[11] đối với thế giới bên ngoài. Mọi người đều nể sợ hoàn toàn về năng lực của Jim trên sân bóng nên việc Bố tôi được bầu làm hội trưởng Hội Phụ huynh cầu thủ bóng bầu dục của Big Creek là điều hiển nhiên. Một đêm tôi đang xem tivi trong phòng khách, sau khi Bố vừa khoe khoang với một trong những người quản đốc dưới trướng ông về Jim thì Mẹ bảo rằng có lẽ tốt hơn hết là Bố đôi lúc hãy khoe về tôi... Bố thoáng nghĩ một lát rồi thốt lên rõ to một cách thành thật: “Khoe về cái gì bây giờ?”, mặc dù biết tôi đang ngồi ngay đấy.

Ngay cả bản thân tôi cũng chẳng biết mình có gì để khoe. Tôi không có thiên hướng giỏi về bóng bầu dục hay bất cứ thứ gì cả. Còn một điều tệ hơn nữa là tôi bị cận thị nặng. Vào năm tôi học lớp 3, “Thầy lang”

Lassiter mang đến trường một biểu đồ đo mắt và cả lớp xếp hàng để đọc những dòng chữ từ lớn tới nhỏ trên biểu đồ đó. Tất cả các bà mẹ đều được thông báo đến theo dõi sự việc này. Tôi đã học thuộc lòng hầu hết những dòng chữ trên biểu đồ, nhưng “Thầy lang” đã lừa tôi bằng cách thay bằng một biểu đồ khác và tất cả những gì tôi có thể thấy chỉ là một mớ chữ lơ mờ xám xịt. “Thầy lang” nhẹ nhàng bảo tôi hãy từ từ bước tới gần hơn đến khi có thể thấy được chữ cái trên cùng. Mãi đến lúc mũi gần đụng tường thì tôi mới reo lên mừng rỡ khi đọc được chữ “E!”; lúc đó Mẹ tôi khóc ròng trong sự an ủi của những phụ huynh khác.

Tôi cũng đã từng cố gắng gia nhập đội bóng trong 3 năm liền ở trường cấp 2 Coalwood nhưng tôi chẳng thể làm gì hơn những cú cản phá vớ vẩn. Một lần trong lúc luyện tập, huấn luyện viên Tom Morgan nói móc tôi với chú Clarence: “Sonny nhỏ con, nhưng được cái... chậm chạp nữa”. Nghe đến đây tất cả cầu thủ đứng dọc biên ngoài sân được một trận cười ra trò. Dầu vậy, tôi không bao giờ có ý nghĩ rút lui cả, nếu tôi làm vậy chắc chắn Mẹ sẽ bắt tôi quay lại ngay. Đó là một trong những điều luật nghiêm ngặt của bà: *Một khi đã bắt đầu làm việc gì thì phải kết thúc nó!*

Khi tôi vào trường Big Creek, huấn luyện viên Merrill Gainer, một huấn luyện viên có thành tích chiến thắng hiển hách nhất trong lịch sử miền Tây Virginia, đã yêu cầu tôi rời khỏi sân bóng của ông khi nhìn thấy thân thể nhỏ bé của tôi lọt thỏm trong bộ đồng phục bóng bầu dục. Sau đó tôi gia nhập đội trống diễu hành của trường. Mẹ nói bà thích bộ đồng phục của tôi, còn Bố không thèm cho một ý kiến gì. Jim thì được dịp nhục mạ, than phiền về điều này bên bàn ăn khuya nhà tôi. Vừa nhồm nhoàm nhai thìa

khoai tây nghiền đầy vung, anh vừa thao thao bất tuyệt về sự mất mát nghiêm trọng bản chất đàn ông của một thằng con trai sinh hoạt trong đội trống: “Con trai mà không chơi bóng bầu dục có vẻ là những thằng chết nhất. Còn con trai mà chơi trong đội trống thì quả là những thằng chết nhất *thực thụ!*”. Jim tham lam ngốn thêm khoai tây, nuốt vội rồi hùng hồn kết luận: “Em trai của tôi quả thật thành một em gái mất rồi!”

“Ừm, còn anh tôi là một thằng ngốc!” Tôi phản ứng ngay một cách bình tĩnh và theo tôi đó là điều hiển nhiên, khách quan mà thôi.

“Nếu hai đứa không thể nói những điều tốt lành trong bàn ăn này thì hãy làm ơn đừng nói gì cả!” Mẹ tôi thốt lên với vẻ chán nản hoàn toàn.

Những từ ngữ châm chích của Jim vẫn tuôn ra nhưng tôi thì ngoan ngoãn lặng im. Tôi chẳng thể hiểu nổi bóng bầu dục hấp dẫn chỗ nào và vì sao những thằng chơi môn thể thao này lại được tôn sùng như anh hùng. Những cầu thủ ra sân dưới sự điều khiển của trọng tài nhằm đảm bảo mọi luật lệ được tuân thủ; rồi họ còn đeo miếng đệm vai, hông, đùi, đầu gối rồi cả mũ bảo hộ trên đầu. Vậy thì anh hùng quái gì khi họ đồng loạt chấp hành luật chơi và đeo những thứ bảo vệ họ khỏi bị thương như vậy? Tôi mãi mãi không đồng cảm được với điều này.

Bố này giờ vẫn giữ im lặng nhưng lại trao đổi những ánh mắt âm thầm với Jim và theo tôi hiểu ngầm rằng ông cũng đồng tình việc tôi chơi trong đội trống là điều xấu hổ, mất mặt. Tôi quay sang Mẹ cầu cứu nhưng bà đang mông lung nhìn ra ngoài cửa sổ, có lẽ vài con chim tụ tập ở chỗ mẹ rải thức ăn. Tôi tự nhủ, mình thích bộ đồng phục này và thích chơi trống. *Đặc biệt là Dorothy Plunk cũng chung đội trống với tôi.* Suy nghĩ này là động lực để tôi bắn cho Jim một ánh nhìn tự mãn làm Jim thắc mắc không ngừng.

SUỐT MÙA THU NĂM ẤY, tờ *Welch Daily News* và *Bluefield Daily Telegraph* tràn ngập tin tức về các nhà khoa học, kỹ sư Mỹ tại Cape Canaveral^[12] ở bang Florida đang nỗ lực nghiên cứu để bắt kịp thành tựu của người Nga. Có vẻ như những thứ tôi đọc được trong các cuốn tiểu thuyết viễn tưởng đang được hiện thực hóa. Dần dần, tôi bị toàn bộ câu chuyện cuốn hút. Tôi nghiền ngẫm tất cả các bài báo về những người làm việc tại Cape và dán mắt vào tivi để theo dõi đến cùng những gì họ đang triển khai. Tôi bắt đầu biết đến Tiến sĩ Wernher von Braun, một nhà khoa học nghiên cứu về tên lửa, nghe ra có vẻ là một cái tên nước ngoài thú vị. Tôi xem tivi thấy Tiến sĩ von Braun trả lời phỏng vấn bằng chất giọng Đức đặc trưng rằng nếu được phép ông có thể phóng vệ tinh lên quỹ đạo trong vòng 30 ngày. Nhưng theo báo chí cho biết ông còn phải nhường quyền ưu tiên cho dự án mang tên Vanguard. Vanguard là Chương trình vệ tinh của Năm Dự án Địa lý quốc tế của Mỹ và vì von Braun phục vụ cho quân đội nên ông bị cản trở không được thành người Mỹ đầu tiên đưa vệ tinh lên quỹ đạo. Mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, tôi luôn nghĩ ngay bây giờ đây Tiến sĩ Braun đang làm gì ở Cape. Tôi hằng tưởng tượng thấy ông đang nằm ngửa trên giàn cần cẩu cao, như Michelangelo, cầm mỏ-lét chỉnh sửa những bình nhiên liệu cho hàng loạt tên lửa của ông. Tôi bắt đầu nghĩ đến chuyến phiêu lưu mạo hiểm khi được làm việc cho ông, giúp ông trong quá trình chế tạo và phóng tên lửa vào không gian sâu thẳm. Theo những gì tôi biết, một con người với đầy tài năng và sự thuyết phục như vậy thậm chí có thể dẫn

cả đoàn thám hiểm vào không gian như Lewis hay Clark không chừng. Và dù thế nào đi nữa, tôi cũng muốn được làm việc với ông. Tôi cũng nhận thức được rằng để làm được điều này tôi sẽ phải tự trang bị cho mình những kiến thức đặc biệt về một lĩnh vực nào đó. Mọi việc trong tôi vẫn còn mơ hồ lắm, nhưng ít nhất tôi biết được rằng tôi sẽ phải trở thành như các anh hùng trong những cuốn tiểu thuyết tôi đọc qua với lòng dũng cảm và mưu trí hơn người. Từ đó tôi dần dần cảm thấy mình vượt ra khỏi Coalwood. Và bản trường ca trong thâm tâm tôi bây giờ luôn hiện hữu hai tên gọi *Wernber von Braun* và *Dorothy Plunk*.

Khi báo chí đăng tin *Sputnik* sắp sửa bay qua phía nam của miền Tây Virginia, tôi quyết định phải tận mắt chứng kiến nó. Tôi nói cho Mẹ biết và thật nhanh chóng tin tức được lan truyền từ nhà này sang nhà khác. Những người nào muốn nhìn *Sputnik* có thể tụ tập ở sân sau nhà tôi để cùng nhau thưởng ngoạn giây phút nó xuất hiện.

Không khó để tụ tập một đám đông ở Coalwood này. Trong đêm đó, Mẹ tham gia cùng tôi tại sân sau nhà, cùng nhiều bà mẹ và trẻ nhỏ khác. Roy Lee, Sherman, và O'Dell cũng đến. Các bà tập hợp xung quanh Mẹ, và bà trở thành người chủ trì đám đông. Từ khi Bố lên nắm chức vụ mới, Mẹ luôn được tin tưởng giao phó trách nhiệm về việc nắm những thông tin mới nhất từ tổng công ty - kế hoạch gì sắp thực hiện, quản đốc nào bị sa thải, người nào được thăng chức. Tôi vừa ngắm nhìn Mẹ vừa cảm thấy tự hào vì Mẹ đẹp biết bao. Sau này, mỗi lần tôi mừng tượng lại, tôi thấy thật sự Mẹ đẹp hơn vạn lần. Mỗi khi Mẹ cười, không gian như rực sáng lên bởi chiếc bóng đèn 100watt. Mái tóc xoắn xõa ngang vai, đôi mắt màu hạt dẻ ánh xanh to tròn, giọng nói nhẹ nhàng êm ả - trừ những lúc la mắng tôi và Jim. Với sắc đẹp đó, chẳng người thợ mỏ nào có thể đi ngang cửa nhà tôi mà không dừng lại mỗi khi Mẹ đang tỉa tót vườn hoa trong chiếc quần short và áo yếm hở lưng. Họ đứng đó, vỗ nhẹ vào mũ bảo hộ trên tay, cười toe toét với những chiếc răng nhuộm màu thuốc lá nhai rồi cất giọng: “Hidy, Elsie này, những bông hoa nở thật rực rỡ trông thật đẹp mắt, chắc chắn là như vậy”. Nhưng tôi không nghĩ rằng họ đang ngắm nhìn những bông hoa ấy đâu...

Trời tối dần, những ngôi sao nối đuôi nhau lấp lánh. Tôi ngồi trên bậc thềm sau nhà, cứ vài giây lại ngoái đầu kiểm tra giờ từ chiếc đồng hồ trong bếp. Tôi sợ rằng *Spunik* sẽ không xuất hiện, hay dù có đi chẳng nữa chúng tôi cũng sẽ lỡ mất thời cơ ngắm nhìn nó. Núi đồi trùng điệp bao bọc xung quanh, chỉ chừa lại cho chúng tôi một khoảng trời nhỏ để quan sát. Tôi cũng không biết rằng *Sputnik* bay nhanh đến cỡ nào, nó sẽ chỉ vụt qua hay chậm chậm băng qua trong tầm mắt chúng tôi. Dù sao đi nữa, tôi biết rằng được thấy nó là một điều may mắn.

Bố bước ra tìm Mẹ. Nhìn thấy Mẹ tụ tập ở sân sau với đám phụ nữ ngắm sao, ít nhiều làm Bố bực mình. “Elsie? Bà ngắm cái quỷ gì trên trời đấy?”

“*Sputnik*, Homer ạ.”

“Bay ngang qua miền Tây Virginia ấy à?” Giọng Bố vang lên ngờ vực.

“Sonny nó đọc trên báo thấy nói vậy mà.”

“Tổng thống Eisenhower^[13] chẳng bao giờ cho phép điều đó xảy ra đâu.” Bố quả quyết.

“Chúng ta cứ chờ xem.” Mẹ ngâm nga, đây là câu ưa thích của Mẹ.

“Tôi đi...”

“Đến mỏ làm việc.” Bố mẹ tôi kết thúc mẫu đối thoại rất đồng thanh đồng khí.

Bố định nói gì nữa nhưng Mẹ nhướn mày nhìn Bố rồi ông có vẻ nhận ra rằng tốt nhất là im lặng. Bố là một người đàn ông cao to lực lưỡng, chỉ dưới 1,8 mét một chút nhưng Mẹ vẫn dễ dàng nắm cán được ông. Bố chụp mũ lên đầu rồi lê bước về khu mỏ. Ông chẳng ngược nhìn trời dù chỉ một lần.

Roy Lee đến ngồi cạnh tôi. Trước đó không lâu, cậu cho tôi một lời khuyên vớ vẩn về cưa đồ Dorothy, nữ thần của lòng tôi. “Cậu chỉ việc làm thế này Sonny...”, vừa nói vừa choàng tay qua vai tôi, “...mời nàng ta đi xem phim kinh dị như *Frankenstein đại chiến Người Sói* chẳng hạn. Trong lúc xem phim, cậu cứ thủ sẵn tay trên thành ghế sau lưng nàng, đến khúc ghê rợn, đợi đúng giây phút nàng ta không để ý thì nhẹ nhàng trườn tay xuống vai đến khi...” Đúng lúc này Roy chọc vào đầu ngực làm tôi nhảy nhồm lên. Roy ôm bụng cười ngặt nghẽo còn tôi thì chẳng thấy điều này đáng cười tí nào.

Jim lảng vảng bên ngoài quan sát chúng tôi, miệng gặm chiếc bánh trung thu rồi kết luận: “Lũ ngốc - những thằng lớp 10 thoái hóa”. Lúc nào Jim cũng ăn nói như vậy đấy. Đoạn Jim nhét cả chiếc bánh vào mồm nhai ngấu nghiến một cách thỏa mãn. Một cô bé hàng xóm nhìn thấy Jim và bạo dạn tiến đến thật gần anh ta. Jim cười kiêu ngạo rồi đưa tay cọ cọ vào tấm lưng nhỏ của cô bé làm nó run lên vì bối rối và vui sướng. Roy Lee nhìn chăm chăm một cách thần phục. “Tớ không quan tâm rằng chúng nó sẽ bẻ gãy bao nhiêu cái xương của mình nhưng năm sau tớ quyết tâm vào đội bóng bầu dục!”

“Nhìn kia! Nhìn kia!” O’Dell bắt thần hét toáng, vừa nhảy cẫng vừa chỉ tay lên trời. “*Sputnik!*”

Roy Lee bật đứng thẳng dậy thét to: “Tớ cũng thấy nó rồi!”, tiếp đó Sherman kêu lên một tiếng rồi chỉ tay lên trời. Tôi trượt chân khỏi bậc thềm, ngã sòng xoài nhưng vẫn cố liếc mắt nhìn về hướng mọi người cùng nhìn tới. Nhưng lúc đó mắt tôi hoa lên cả triệu ngôi sao. “Kia kia”, Mẹ nói rồi xoay đầu tôi về phía *Sputnik* đang bay.

Ở đó tôi thấy một trái bóng sáng nhỏ nhắn bay xuyên qua cả trời sao nhỏ, thấp thoáng giữa những rặng núi một cách oai vệ, uy nghiêm. Tôi ngắm nhìn nó một cách say mê cứ như đang được thật sự chứng kiến Chúa trời cưỡi xe ngựa vàng bay qua trên kia vậy. Khi nó vút qua, tôi cảm thấy như nó mang theo một ý đồ nguy hiểm, bất di bất dịch, cứ như không có gì trên dãy thiên hà này có thể cản được. Cả đời tôi, những gì quan trọng đều xảy ra ở một nơi băng quơ xa xôi nào đó. Nhưng bây giờ *Sputnik* đang ở ngay trước mắt tôi trên sân sau nhà ở Coalwood, tỉnh McDowell, miền Tây Virginia của Mỹ này. Tôi không thể nào tin nổi. Dường như nếu tôi có thể vươn xa hơn một chút nữa thôi thì tôi đã có thể chạm vào nó... Rồi chỉ không đầy một phút ngắn ngủi, nó mất hút vào không gian sâu thẳm.

“Thật là một vật xinh xắn.” Mẹ tóm lại mọi cảm xúc, phản ứng của đám đông đang đứng trong sân nhà.

Rồi bà cùng những phụ nữ khác lại quây quần nói chuyện phiếm. Một giờ trôi qua vui vẻ đến khi mọi người lũ lượt ra về, tôi vẫn còn nán lại ngửa mặt lên trời. Tôi cố khép miệng lại nhưng rồi mồm cứ há hốc ra. Tôi chưa bao giờ chứng kiến một cảnh tượng nào tuyệt vời đến vậy trong đời mình. Đến khi Bố trở về, tôi vẫn còn đứng tần ngần trong sân sau. Mở cửa bước vào, trông thấy tôi, Bố ngạc nhiên hỏi: “Mày vẫn còn đứng ngoài đây khuya như vậy à?”

Tôi không mấy may đáp lại vì không muốn phá tan phép màu mà *Sputnik* đã phủ lên mình tôi.

Bố cùng nhìn lên trời với tôi rồi gặng hỏi: “Mày vẫn còn tìm cái *Sputnik* quái quỷ đó à?”

“Thấy nó rồi”, cuối cùng tôi cũng thốt nên lời. Tôi vẫn còn quá choáng ngợp đến nỗi quên cả xưng “Bố ạ” một cách lễ phép cuối câu nói của mình.

Bố còn nhìn lên trời một lúc nữa nhưng khi thấy tôi không hé thêm nửa lời, ông lắc đầu rồi bỏ đi xuống tầng hầm. Một chốc sau tôi nghe tiếng nước chảy hòa lẫn với tiếng cọ mình bằng bàn chải và xà phòng Lava của Bố. Thông thường Bố luôn tắm ở khu mỏ trước khi về nhà, nhưng Mẹ sẽ chẳng bao giờ để ông vào nhà nếu như còn một phân tử than nào trên thân thể.

Đêm đó tôi thao thức trong phòng mình, đầu óc cứ ám ảnh về *Sputnik* đến khi không thể cưỡng lại cơn buồn ngủ nữa, tôi thiếp đi. Rồi tôi chợt bị đánh thức bởi tiếng công nhân lê giày và trò chuyện với nhau trên đường đến nhà than. Tôi quỳ gối nhìn ra cửa sổ, quan sát những bóng đen trải dọc đường. Những người thợ làm ca đêm này có nhiệm vụ làm vệ sinh bụi than và đảm bảo an toàn, họ phải phun bột đá nặng vào không khí để kéo những bụi than xuống đất. Họ cũng phải kiểm tra hệ thống đường ray trong hầm, những cột chống đường hầm, và cả những mối liên kết trên mái. Công việc của họ nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hai ca khai thác than trong ngày. Cái dáng họ dưới ánh trăng, cặm cũi trong bụi bặm, làm tôi tưởng đến những phi hành gia trên mặt trăng. Nhà than sáng lên trong ánh đèn báo hiệu nhìn như trạm không gian. Để trí tưởng tượng của tôi bay xa hơn nữa, tôi thấy những người đầu tiên khám phá mặt trăng đang cất bước về phía trạm gác sau một ngày dạo quanh những cánh đồng bao la và những miệng núi lửa im ắng. Tôi đoán rằng Wernher von Braun đang ở trên kia, chỉ đạo đội ngũ tinh nhuệ của ông. Những người thợ băng ngang qua đường ray, những tia sáng ánh lên hộp cơm của họ đưa tôi trở lại thực tại. Họ chẳng phải là các nhà thám hiểm mặt trăng, họ đơn giản chỉ là những người thợ mỏ của Coalwood đang trong ca làm việc. Và tôi cũng không phải là thành viên trong đội ngũ của von Braun, chỉ là một thằng nhóc ở Coalwood, miền Tây Virginia. Đột nhiên, tôi thấy mọi chuyện thật chẳng thỏa đáng tí nào cả.

VÀO NGÀY 3 THÁNG 11 năm ấy, người Nga lại vượt lên một lần nữa, phóng *Sputnik II* vào không gian. Lần này nó mang theo cả một con chó cái tên Laika, ảnh trên báo của nó nhìn hao hao như con Poteet nhà tôi. Tôi bước ra sân, kêu Poteet lại rồi nhắc bổng nó lên. Nó không to nhưng có vẻ nặng cân. Mẹ nhìn thấy, bước ra theo rồi hỏi: “Con làm gì với con chó vậy?”

“Con đang thắc mắc là tên lửa phải to cỡ nào thì mới mang nó lên quỹ đạo được.”

“Nếu nó cứ tiếp tục tè vào những bụi hồng của mẹ thì nó sẽ bay thẳng lên quỹ đạo ngay, chẳng cần tên lửa gì cả!” Mẹ quả quyết.

Poteet rên rỉ rồi rúc vào nách tôi. Nó không hiểu hết được mỗi từ ngữ nhưng chắc chắn nó hiểu Mẹ tôi muốn nói gì. Đến khi Mẹ bỏ vào nhà tôi mới để Poteet xuống, nó chạy ngay đến cạnh bụi hồng rồi ngồi xuống. Tôi chẳng buồn theo dõi nó làm gì tiếp theo.

Mỗi tuần Bố nhận được 2 tờ báo trong thùng thư, tờ *Newsweek* và *Life*. Khi chúng được đưa đến, Bố đọc từ bìa này sang bìa kia rồi đến lượt tôi. Trong số tháng 11 của tờ *Life*, tôi thích thú khi tìm thấy nhiều biểu đồ kết cấu máy móc bên trong của nhiều loại tên lửa. Tôi nghiên cứu chúng thật kĩ, nhớ những gì Wernher von Braun từng làm khi bắt đầu chế tạo tên lửa lúc nhỏ. Một niềm hứng khởi trào dâng trong lòng tôi. Tại bàn ăn tối hôm đó, tôi bỏ nĩa xuống rồi hùng hổ tuyên bố rằng tôi sẽ chế tạo ra tên lửa. Bố đang xì xụp với ly sữa bột bắp nên chẳng nói gì. Ông bạn giải quyết một số vấn đề về việc thông gió tại hầm mỏ, tôi đoán rằng có lẽ ông thậm chí chẳng nghe tôi nói gì. Jim thì cười khúc khích, chắc anh đang nghĩ đó lại là việc làm của một đứa em gái. Chỉ có Mẹ nhìn tôi một lúc lâu rồi nhẹ nhàng ủng hộ: “Được, cố lên, đừng nản lòng con nhé!”

Tôi tập hợp Roy Lee, O'Dell và Sherman vào phòng tôi. Nhóc Chipper, con sóc yêu của Mẹ, đang treo ngược trên rèm cửa quan sát chúng tôi bằng ánh mắt tinh quái. Chipper thường chạy vòng quanh nhà và hay tò mò tham gia vào các cuộc tụ tập. “Chúng ta sẽ bắt đầu chế tạo tên lửa”, tôi nói lúc Chipper phóng lên vai mình. Nó đáp xuống rồi rón rén xích gần bên tai tôi. Tôi lơ đãng vuốt ve nó.

Mấy đứa bạn nhìn nhau rồi nhún vai. Roy Lee mở lời đầu tiên: “Chúng ta sẽ phóng tên lửa ở đâu?”. Đây là tất cả những gì cậu ấy muốn biết. Chipper ngo nguẩy mũi nhìn về phía Roy Lee, nhảy khỏi vai tôi xuống giường rồi xuống đất. Phóng tới tấn công bất ngờ là trò chơi yêu thích của Chipper.

Tôi trả lời: “Sẽ phóng từ hàng rào cạnh những bụi hồng gai”. Nhà tôi nằm lọt thỏm giữa hai ngọn núi và con sông nhỏ nhưng có một khoảng khá trống trải đằng sau vườn hồng của Mẹ.

“Chúng ta cần đồ để đếm ngược đấy”, Sherman tuyên bố một cách thẳng thừng.

“Ừm, đương nhiên là chúng ta phải có đồ để đếm ngược rồi”. O'Dell cãi mặc dù chẳng ai màng tranh cãi với cậu ấy cả. “Nhưng chúng ta cần gì để làm tên lửa. Nói cậu cần gì đi, mình sẽ tìm cho.” Bố của O'Dell, chú Red, làm nghề thu dọn phế liệu trong thị trấn. Vào cuối tuần, O'Dell cùng anh em trong nhà đi theo giúp việc; rong ruổi trên chiếc xe tải, cậu ấy nhìn thấy hầu như mọi thứ ở Coalwood, không lúc này thì lúc khác.

Sherman luôn là người thực tế và có suy nghĩ tuần tự, hợp lý nhất. Sherman thắc mắc: “Vậy thực ra chúng ta có biết làm thế nào để chế tạo tên lửa không?”

Tôi đưa tạp chí *Life* ra và giải thích: “Bọn mình chỉ cần bỏ nhiên liệu vào trong một cái ống và đục một cái lỗ dưới đáy.”

“Phải dùng loại nhiên liệu gì?”

Tôi cũng đã chuẩn bị một số ý: “Mình còn 12 trái pháo anh đào sót lại từ ngày 4 tháng 7^[14]. Mình dành để đốt vào dịp đầu năm. Chúng ta sẽ dùng thuốc pháo lấy ra trong ruột chúng.”

Được trả lời một cách thỏa đáng, Sherman gạt đầu đồng tình: “Ok, vậy thì ổn rồi. Chúng ta sẽ bắt đầu đếm ngược vào lúc 10 giờ nhé.”

“Nó sẽ bay cao được tới cỡ nào nhỉ?” O’Dell thắc mắc.

“Sẽ cao đấy.” Tôi đoán vậy.

Chúng tôi quây thành vòng tròn rồi đưa mắt nhìn nhau. Tôi không phải nói ra, đây là thời khắc quan trọng và chúng tôi đều biết. Những thằng nhóc Coalwood chúng tôi sẽ hợp nhau tạo ra bộ phóng: “Được rồi, chúng ta hãy tiến hành đi.” Roy Lee vừa nói xong thì Chipper đáp ngay lên mái tóc Đ.V. của cậu ấy. Roy Lee đứng bật dậy rồi vục túi bụi một cách vô ích vào kẻ tấn công. Chipper cười khúc khích rồi phóng lên màn cửa.

“Chipper! Con sóc hư đốn này!” Tôi hét lên nhưng nó chẳng màng, chỉ nhắm đôi mắt tròn và tinh ranh rồi rung lên sung sướng một cách lộ liễu.

Roy Lee cuộn tờ tạp chí *Life* lại, nhưng trước khi cậu ấy kịp vung tay lên thì Chipper đã phóng đi như tia chớp xuống nửa cầu thang, nằm trong khu vực an toàn - trong tầm kiểm soát của Mẹ đứng ở bếp. Roy Lee làm bầm: “Mình mong mùa săn sóc đến sớm quá!”

Tôi tự tôn mình làm sếp đội thiết kế tên lửa. O’Dell cung cấp cho tôi một cái đèn pin bằng nhựa đã hỏng dùng làm thân tên lửa. Tôi tháo pin ra rồi dùng đinh đục một lỗ dưới đáy. Tôi vặn gãy quả pháo anh đào, trút thuốc pháo của nó vào trong thân cây đèn pin rồi quấn lại bằng băng keo quấn điện. Tôi rút ngòi nổ của một trái pháo anh đào ra gắn vào lỗ rồi dán keo dính tổ hợp thí nghiệm đó vào trong thân chiếc máy bay mô hình bằng nhựa đã được tháo mất hai cánh. Tôi đặt tên nó là F-100 Siêu Kỵ Sĩ. Do Sherman chạy không được nhanh cho lắm, hơn nữa ý kiến đếm ngược cũng từ cậu mà ra cho nên Sherman được giao trọng trách này, và được lùi ra xa hơn bọn tôi. Roy Lee đem diêm tới. O’Dell sẽ là người quẹt diêm và chuyển cho tôi. Tôi sẽ châm ngòi và chạy ra khỏi vùng nguy hiểm. Mỗi người đều được phân công rất rõ ràng.

Khi màn đêm buông xuống, chúng tôi chỉnh lại quả tên lửa cho thẳng bằng, nhìn nó thật bóng bẩy và nguy hiểm ngất ngưỡng trên hàng rào vườn hồng của Mẹ. Hàng rào đó là khơi nguồn một phần kiêu hãnh và sự hài lòng của bà. Mẹ đã mất 6 tháng để nhắc nhở Bố cho ông McDuff từ khu mỏ lên đây xây dựng nó. Đêm nay trời lạnh và trong, thật lý tưởng để chúng tôi có thể dõi theo dấu vết khi tên lửa phóng nhanh qua bầu trời tối mịt đầy sao. Chúng tôi đợi đến khi có vài chiếc xe than âm ỉ chạy ngang qua, rồi tôi châm ngòi và chạy về phía bãi cỏ trong góc những bụi hồng. O’Dell tự bịt miệng để ngăn bớt những tiếng cười thích thú của mình.

Những tia lửa xẹt ra từ ngòi nổ. Sherman đếm ngược từ 10. Chúng tôi nín thở chờ đợi trong hy vọng, và rồi Sherman cũng đếm đến 0 và hét lớn: “Nổ tung lên nào!” đúng ngay khoảnh khắc thuốc pháo của trái pháo anh đào phát nổ.

Một người thợ mỏ đang đứng đợi xe ở trạm gas bên đường đã chứng kiến tận mắt sự việc trên. Vào vai trò của một người bắt đầu nên những câu chuyện bên lề về sự kiện này, anh thuật lại điều đã trông thấy: Có một ánh chớp chói lòa từ sân nhà Hickam và nổ to như Chúa vừa vỗ tay. Sau đó một vòng cung lửa điện bắn lên cao, cao mãi vào bóng đêm, đổi hướng, quay vòng rồi xẹt ra những tia sáng lóa. Theo lời anh kể thì tên lửa của chúng tôi nhìn rất đẹp và vô cùng rực rỡ; và tôi cũng đoán rằng anh tường thuật lại đúng những gì đã diễn ra. Chỉ có một vấn đề nghiêm trọng là vật phóng lên bầu trời đêm lạnh giá, trong vắt và đầy sao không phải là tên lửa của chúng tôi...

Vật đó lại là... hàng rào vườn hồng của Mẹ!

3. MẸ TÔI

NHỮNG MẢNH GỖ vỡ vụn bay vút ngang qua tai tôi. Hàng rào tan tành thành từng mảnh lớn tung lên không trung. Đám mảnh vụn cháy xém rơi rào rào xuống đất. Một tiếng động âm vang rền rĩ khắp khu lòng chảo. Tất cả chó của phía đầu và cuối thung lũng đồng loạt sủa inh ỏi, đèn sáng lên lần lượt từng nhà. Mọi người chạy ra và tùm tùm lộn xộn trước những mái hiên. Về sau, tôi nghe thuật lại rằng nhiều người tưởng khu mỏ bị nổ hay người Nga đã tấn công vào thị trấn chúng tôi. Vào ngay lúc đó, tôi chẳng nghĩ được gì khác ngoài việc thấy một vòng tròn to màu cam lơ lửng lơ trước mắt. Đến khi tôi lấy lại chút tri giác và bắt đầu nhận thức được thì vòng tròn mới biến mất và tôi mới nhìn lại xung quanh mình. Những đũa khác đang ngồi thu lu trên bãi cỏ, hai tay bịt chặt lấy tai. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi điểm sơ qua không có đũa nào bị thương nặng cả. Chỉ có mái tóc Đ.V của Roy Lee cần được chải lại, mắt O'Dell thì căng tròn như mắt những con cú làm tổ ở nhà than, và kính của Sherman thì lệch hẳn sang một bên. Lũ chó rút hết về phía góc xa của sân nhà. Bọn chúng trườn từ từ, bụng lê sát đất về phía chúng tôi khi Mẹ bước ra và nhìn về phía khoảng không gian đen kịt. “Sonny?” Mẹ gọi tôi. Và tôi nghĩ ngay lúc đó Mẹ đã nhìn thấy số phận của cái hàng rào vì nghe tiếng thảng thốt: “Ôi, lạy Chúa tôi!”

Bố bước ra sau Mẹ, trên tay vẫn cầm tờ báo: “Có chuyện gì thế Elsie?”

Vừa nhìn thấy sự xuất hiện của Bố, tất cả mấy thằng khác vùng bỏ chạy sạch. Chắc bọn chúng từng nghe cái tiếng hung tợn như vậy của ông ở khu mỏ nên chẳng đũa nào muốn dính vào trận lôi đình của ông cả. Tôi nhanh chóng liếc được hình ảnh Roy Lee phóng qua mảnh hàng rào còn sót lại. Mấy đũa kia thì băng qua chỗ hồng vừa được tạo ra bởi vụ nổ. Lúc nguy ngập đó, tôi tự nhủ chắc phải chạy trốn theo chúng nó lên rừng tạm lánh một hay hai năm mất thôi! Nhưng không may tôi đã bị bắt lại, ý định trốn chạy đã bị phá vỡ hoàn toàn. Tôi đáp lại Mẹ một cách yếu ớt, miệng tôi vẫn chưa thể hoạt động lại bình thường được. Mẹ nói: “Sonny Hickam. Cậu lại đây ngay cho tôi!”. Tôi vượt hai tai cho bớt ừ rồi chậm chạp tiến về phía hiên sau nhà, thấp thỏm chờ đợi Bố hay Mẹ bước ra để kết liễu tôi.

“Elsie, bà có biết chuyện quái quỷ gì vừa xảy ra ở đây không?” Bố hỏi Mẹ.

Thật may là Mẹ đã nhận ra toàn cuộc. “Sonny nó hỏi mình có thể cho nó chế tạo tên lửa hay không, Homer ạ!” Mẹ trả lời và lấy làm lạ khi Bố không nhận thức ra được sự thật hiển nhiên này.

Bố vẫn còn bối rối với câu trả lời của Mẹ. “Sonny mà chế tạo tên lửa ư? Nó thậm chí còn không biết gắn lại xích xe đạp nữa là!”

“Chúng ta cứ chờ xem sao.” Mẹ hít một hơi sâu. “Sonny, vậy mấy đũa kia có bị gì không?”

Qua bao năm kinh nghiệm, mỗi lần gặp rắc rối với Mẹ, tôi biết rằng cách tốt nhất là giả bộ ngờ nghệch. “Mấy đũa nào cơ ạ?” Tôi vờ ngờ ngác. Ngay cả trong những tình huống ngặt nghèo nhất, khả năng che đậy của tôi cũng làm cho sự việc được dịu đi đôi chút. Một lần, tôi dùng chiếc xe cút kít tốt

nhất và cũng là chiếc duy nhất của Mẹ làm xe trượt xuống triền dốc của núi Substation. Sau đó tôi gắn nhầm vị trí của những cái chân mà tôi đã tháo ra trước đó và cả đám ốc vít liên kết khớp nối của chúng. Không những thế, trên đường thả dốc, xe còn trượt lên tảng đá chắn ngang đường để lại một vết lõm sâu không thể tưởng, bánh xe thì bị mòn vẹt. Đến khi trở về với những gì còn sót lại, tôi thanh minh thanh nga rằng đã thấy những bông hoa rất đẹp trên núi và định mang về cho Mẹ “nếu như chiếc xe cút kít cũ kĩ không vỡ tan ra từng mảnh như thế này!” Mẹ chẳng khờ dại tí nào để tin vào lời biện bạch của tôi nhưng bà vẫn cười ngặt nghẽo rồi vỗ tôi một cái mạnh hết sức. Dù gì đi nữa, đôi khi cũng là những việc tôi đã lỡ làm mất rồi...

“Elsie, tôi không quan tâm đến những thằng nhãi khác!” Bố bảo Mẹ, “Chỉ cần canh chừng thằng nhóc này thật kĩ trước khi nó kịp làm xấu mặt tôi với cả thị trấn Coalwood đấy!”

Mẹ cười rồi quát lại vẻ cay đắng, “Ôi, mình ơi, vâng. Thiên đường cấm không cho ông được quyền xấu hổ à! Tại sao vậy, tiếp đó thì mọi công nhân sẽ không xúc than cho ông nữa hay sao!”

Bố lườm Mẹ: “Đã 20 năm nay rồi họ có xúc bằng tay đâu, họ dùng máy móc cơ mà.”

“À, lại còn thú vị như thế đấy hả!”

Tôi nhận ra Bố và Mẹ lại bắt đầu cãi cọ như thường lệ, nên len lén thu mình vào góc tối trong sân nhà cạnh lũ chó. Dandy rúc vào tay tôi còn Poteet thì nằm dựa vào chân. Tôi cảm thấy cô nàng run rẩy, hay đó là tôi run cũng nên. Bố lại cho Mẹ một bài về việc khu mỏ đã nuôi sống Mẹ và lũ trẻ chúng tôi như thế nào, còn Mẹ thì đáp trả rằng khu mỏ đã đem lại bao nhiêu cạm bẫy chết chóc. Khi Bố lắc đầu bỏ vào nhà, bà Sharitz hàng xóm cạnh nhà khẽ gọi Mẹ rồi tựa vào hàng rào trò chuyện. Tôi chẳng nghe được họ nói gì nhưng tôi có thể đoán được hết. Tôi còn thấy bà Todd đang kiên nhẫn chờ đợi ở hàng rào bên cạnh. Bà Sharitz sẽ truyền tin tức từ Mẹ tôi sang bà Todd rồi cứ thế mọi việc sẽ đi dọc theo hàng rào qua khắp mọi nhà lân cận. Tôi biết rằng chỉ trong một giờ đồng hồ ngắn ngủi nữa thôi, cả Coalwood sẽ biết về cái tên lửa nửa vời, chuyện tôi đã kéo lũ trẻ vào sự ngu ngốc của mình như thế nào và mọi người sẽ được dịp cười hỉ hả vào mũi tôi. Sau khi nói chuyện với bà Sharitz, Mẹ đến bên cạnh tôi nhìn vào mảnh hàng rào đổ nát đang cháy âm ỉ rồi thở dài thườn thượt. Bây giờ chỉ còn hai mẹ con, Mẹ có thể thoải mái thể hiện sự thất vọng tràn trề và nổi trận lôi đình với tôi. Tôi gồng mình lấy hết can đảm chờ đợi. Ngờ đâu bà chỉ hỏi thật nhẹ nhàng: “Chẳng phải Mẹ đã dặn con đừng tự làm nổ tung mình đấy sao?”

Ngay sau đó, tôi nghe chiếc “hắc phon” réo vang và nhìn thấy bố ngang qua cửa sổ phòng khách khi ông chạy tới nhắc ông nghe. Tôi hy vọng rằng không phải là ai gọi để than phiền về tiếng ồn vừa xảy ra. Mẹ nhìn vào cửa sổ rồi lại nhìn về phía nhà than. Tôi biết rằng tốt nhất là nên im lặng khi Mẹ đang suy ngẫm mọi việc trong đầu. Một lúc sau, Mẹ chỉ về phía sân sau và bảo tôi: “Đi nào, lại ngồi xuống bậc thềm đi, Mẹ con mình cần nói chuyện với nhau.”

“Con biết là con đã làm sai, Mẹ ạ!” Tôi cố gắng phủ đầu những suy nghĩ của Mẹ.

“Homer Hadley Hickam Con. Việc này không sai, nó chỉ ngu ngốc thôi. *Mẹ bảo ngồi xuống*, nghe

không!”

Tôi chấp hành với cảm giác như một tên tử tù sắp bị chặt đầu đến nơi vậy. Dandy bò lên cạnh, rên ư ư khe khẽ rồi gác đầu lên bàn chân tôi. Poteet thì phóng đi bắt dơi. Tôi quan sát nó phóng lên không, xoay hai vòng rồi rơi, xuống tiếp tục chạy, cái mõm đen ngoác rộng.

Tôi tự nhủ, lần này mình gặp rắc rối to rồi đây. Mẹ luôn rất giỏi trong việc nghĩ ra những hình phạt cực kì sáng tạo. Một lần nọ, sau giờ học vào Chủ nhật, trong lúc vội vàng xuống sông bắt tôm với Roy Lee, tôi đã mang cả đôi giày da dùng đi lễ nhà thờ xuống nước. Khi Mẹ bắt gặp đôi giày Buster Browns ướt sũng của tôi bà đã gằn giọng: “Mẹ thề với con đây Sonny, nếu đầu óc con còn trống rỗng hơn nữa thì nó sẽ bay khỏi cổ con như bong bóng đấy!”. Để trừng phạt, Mẹ ra lệnh cho tôi trong tuần tới chỉ được mang tất khi đi lễ nhà thờ. Chẳng mất bao lâu để tin tức này truyền đi khắp thị trấn. Nhưng tôi chẳng lấy thế làm thất vọng, khi bước xuống lối đi trong nhà thờ thì mọi người thầm huých vào người đứng kế bên rồi chỉ trỏ vào tôi. Chỉ có điều tôi đã làm rách tất và ngón chân cái to oạch của tôi lòi hết cả ra ngoài. Mẹ bị mất mặt thật sự khi ngay cả linh mục cũng không thể giữ được gương mặt điềm tĩnh trong lúc đấy.

Mẹ đứng trước mặt tôi, khoanh tay lại rồi ghéech cằm về phía trước. Bố nói Mẹ nhìn thật đúng là con nhà Lavender khi làm động tác này và thông thường điều đó đồng nghĩa với rắc rối sắp xảy ra. “Sonny, con có nghĩ rằng con có thể chế tạo tên lửa được không?”

Câu hỏi của Mẹ làm tôi giật mình và quên hẳn tính rụt rè thường ngày: “Không, Mẹ ạ.” Tôi nhắc lại rõ ràng hơn: “Con không biết làm như thế nào cả.”

Mẹ đảo mắt” “Mẹ biết con không biết làm. Nhưng mẹ muốn biết nếu con thật sự nghiên cứu về nó, con sẽ làm được chứ?”

Tôi dò xét xem Mẹ có đang lừa tôi vào tròng nhằm bắt tôi làm việc gì ngoài ý muốn hay không. Tôi chắc chắn là có, chỉ có điều phải tìm ra nó mà thôi. Dù vậy, tôi nghĩ ít nhất cũng nên nói gì đó. “Xem nào... con nghĩ rằng có lẽ là con có...”

Mẹ ngắt lời tôi. Mẹ biết tôi chỉ trả lời qua loa cho xong. “Sonny,” Mẹ thờ dài. “Con là một thằng bé dễ thương. Mẹ yêu con lắm. Nhưng quỷ tha ma bắt, con luôn như đi trên mây suốt cả đời mình, tạo dựng ra những trò chơi và lôi kéo Roy Lee, Sherman, O’Dell vào những kế hoạch ngông cuồng. Mẹ nghĩ đã đến lúc con nên chín chắn lên một chút.”

Mỗi khi một bà Mẹ ở Coalwood bảo rằng con trai mình phải “chín chắn lên một chút” thì thường thiên về hướng những gì cậu ta không muốn làm cho lắm. Tôi bắt đầu cảm thấy lúng túng. Mẹ lại sắp làm mọi việc trầm trọng thêm cả chục lần rồi đây. “Đêm hôm nọ, mẹ đã lo lắng cho con khi trò chuyện với Bố.” Mẹ phân trần. “Mẹ hỏi Bố rằng con sẽ nên làm gì khi lớn lên, thì Bố bảo đã tìm cho con một công việc phục vụ trên mặt đất ở khu mỏ. Con có hiểu điều này đồng nghĩa với việc gì không hả Sonny? Con sẽ trở thành một thứ đại loại như là thư ký của Bố con, sẽ suốt ngày dính với cái máy đánh chữ lọc cọc gõ những đơn từ hoặc ghi chép bao nhiêu tấn than được luân chuyển mỗi ngày. Đó là

những gì Bố nghĩ con có thể làm tốt nhất đấy!”

Một câu hỏi bật ra khỏi miệng tôi, nó khiến chính tôi cũng phải ngạc nhiên. Tôi nghĩ rằng mình đã thắc mắc điều này rất lâu nhưng vẫn chưa có lời giải đáp. Tôi hỏi Mẹ: “Sao Bố lại không ưa con vậy?”

Mẹ như vừa bị dội một gáo nước lạnh vào mặt. Mẹ lặng im một hồi, gặm nhấm lấy câu hỏi rồi rút cuộc bà cũng mở miệng: “Không phải Bố không ưa con, chỉ vì ông ấy lúc nào cũng nghĩ đến khu mỏ nên chẳng còn nhiều thời gian để nghĩ về con mà thôi.”

Nếu như Mẹ nói để an ủi thì bà đã chẳng làm cho lòng tôi vui lên chút nào cả. Tôi biết Bố luôn nghĩ về Jim, luôn khoe khoang với mọi người rằng anh ấy là một cầu thủ bóng bầu dục tài ba đến cỡ nào, và anh ấy sẽ xé toang cả thế giới với tài năng đó ra sao khi lên đại học.

Mẹ lại ngồi xuống choàng tay qua vai tôi. Tôi co rúm trong cái ôm mang cảm giác xa lạ này, đã lâu rồi bà không ôm ghì lấy tôi như vậy. Đây cũng không phải là cách gia đình tôi thường làm với nhau. “Con phải thoát khỏi Coalwood, Sonny ạ!” Mẹ nhỏ nhẹ nói. “Jimmy sẽ đi thôi. Bóng bầu dục sẽ mang nó ra khỏi đây. Mẹ vẫn mong nó trở thành bác sĩ, nha sĩ hay một thứ gì đó tương tự như vậy, nhưng bóng bầu dục cuối cùng cũng giúp nó ra khỏi Coalwood, sau đó nó có thể trở thành bất cứ ai mà nó muốn.”

Mẹ ghì tôi lại gần hơn. Một thoáng cảm động, tôi ngả đầu lên vai bà, nhưng chợt nhận ra rằng điều này có vẻ đã đi quá xa. “Sẽ thật không dễ dàng chút nào đối với con.” Mẹ quả quyết. “Con và mẹ, mình sẽ phải làm gì đó để thuyết phục Bố thay đổi cách nhìn về con và cho con lên đại học. Mẹ đã dành dụm tiền rất lâu, bây giờ có lẽ đã tạm đủ cho con rồi đấy, nhưng nếu mẹ nói với Bố lúc này thì ông ấy sẽ gạt phắt đi thôi, sẽ cho rằng như vậy là phí phạm. Trong suy nghĩ của Bố, con sẽ chỉ luẩn quẩn ở đây, làm việc vất vả ở khu mỏ của ông mà thôi, con ạ!”

“Con đương nhiên muốn học đại học...” Tôi bắt đầu nói.

“Con phải muốn chứ!” Mẹ cướp lời tôi ngay, tay buông khỏi vai tôi. Chợt tôi cảm thấy người mình thoáng lạnh. Mẹ tuyên bố hùng hồn: “Một ngày nào đó Coalwood sẽ chết, chết dần chết mòn!”

“Gì cơ Mẹ?” Tôi không hiểu Mẹ muốn nói gì.

Mẹ đứng dậy. Tôi thấy mắt bà ngấn lệ. Là một người cứng cỏi, Mẹ không phải là một người dễ rơi nước mắt. Chỉ một lát sau, Mẹ đã hoàn toàn bình tĩnh lại. “Con không thể trông chờ vào khu mỏ sau khi học xong cấp 3, và cũng không thể trông đợi điều gì tốt đẹp từ cái thị trấn này cả. Chú ý này, con nghe không? Hãy nhìn những đứa trẻ ở Big Creek đi, từ Berwind, Bartley đến Cucumber... Bố của chúng thất nghiệp và các thị trấn đó dần tàn lụi xung quanh họ. Do nền kinh tế suy sụp hay do mỏ than cạn kiệt dần hay vì lý do gì nữa Mẹ không biết hết được, nhưng Mẹ cảm thấy rằng rồi một ngày Coalwood cũng sẽ chung số phận mà thôi. Con phải làm mọi cách để thoát khỏi đây, bắt đầu từ bây giờ, con nhé!”

Tôi chẳng biết nói gì nữa cả, chỉ đứng nhìn Mẹ trân trân. Bà lặng lẽ thở dài... “Để thoát khỏi đây, con

phải cho Bố thấy rằng con thông minh hơn ông ấy nghĩ. Mẹ tin con có thể chế tạo được tên lửa, Bố thì không. Mẹ muốn con chứng minh rằng mẹ đúng và ông ấy hoàn toàn sai. Yêu cầu này có quá đáng không con?”

Mẹ lại thở dài lần nữa trước khi tôi kịp đáp lại, lướt mắt qua hàng rào đã bị thiêu rụi, lầm lũi bước qua tôi tiến thẳng vào nhà. Tôi nhẹ nhàng rút chân ra khỏi đầu Dandy, tránh cho nó khỏi giật mình rồi rời bậc thềm. Đứng chờ vợ trong khoảng tối ở góc sân, bóng núi bao trùm lấy tôi, tôi cố gắng hệ thống và suy ngẫm lại tất cả những gì Mẹ nói. Dandy đứng dậy, rụt rè bước lại gần và liếm tay tôi. Nó bây giờ là một con chó già ngoan ngoãn. Còn về phần Poteet, nó đã thôi không còn đuổi bắt dơi nữa và nằm thiêu thiêu ngủ dưới gốc cây táo sau nhà.

Khi tôi vào trong nhà, Bố vẫn còn ôm lấy chiếc “hắc phen”. Bố luôn dùng thán từ khi nói chuyện điện thoại với người ở công ty: “Cho Số 4 hoạt động ngay lập tức!”. Số 4 là một trong những cái ống thông gió khổng lồ nằm trên mặt đất dùng để dẫn không khí xuống hầm mỏ. Người nào đó ở đầu dây bên kia đang không làm đúng theo yêu cầu của Bố. “Bây giờ tôi rời nhà đến đó đây, phải làm cho nó hoạt động khi tôi đến nơi, nghe chưa!” Bố đập máy một cách thô bạo. Tôi nhìn Bố mở toang tủ quần áo, chộp lấy áo khoác và mũ. Ông vụt qua tôi, không thèm liếc nhìn như tôi chẳng hề hiện diện rồi đi qua cửa sau. Tôi nghe tiếng cửa lách cách mở rồi đóng lại và Bố mất hút vào trong màn đêm sâu thẳm.

Tôi lên lầu, thấy Mẹ đang đợi mình trong phòng lớn. Bà chưa yên lòng với tôi: “Con có hiểu được chút nào từ những gì mẹ nói tối nay không?”

Hình như tôi đang dò dẫm lắm. “Dạ...”, tôi bắt đầu nói.

“Ôi Chúa, Sonny con ơi!” Mẹ rên rỉ một cách giận dữ. Mẹ đặt ngón tay lên mũi tôi: “Mẹ-đặt-niềm-tin-vào-con-đấy!”, từng chữ thốt ra dần mạnh cùng từng nhịp gõ. “Cho Bố thấy là con có thể đạt được một thành tựu nào đó! Hãy chế tạo tên lửa đi!”. Mẹ nhìn tôi với ánh mắt đầy ngụ ý rồi trở vào phòng ngủ.

Bố về nhà thì đã quá nửa đêm. Tôi chợp ngủ lơ mơ trong những câu nói của Mẹ. Tôi nghe Bố rón rén bước lên cầu thang và bắt đầu nghĩ lại mọi việc vừa xảy ra. Tôi nhẹ nhàng nhấc con mèo hoa Daisy Mae ra khỏi vòng tay mình rồi đặt nó xuống chân giường. Tôi nhồm dậy và mở toang cửa sổ, nhìn ra ngoài. Nhà than bao trùm lấy tôi như một con nhện khổng lồ. Theo lời Mẹ, Bố luôn nghĩ rằng tôi chỉ thích hợp làm một tên thư ký quèn ở khu mỏ mà thôi... Một luồng hơi nước thốc lên từ ống thông khí cạnh nhà than, tôi dõi theo nó bay lên trời, nhìn những giọt nước nhỏ tản mát ra xung quanh. Tối nay, mặt trăng lơ lửng trên cao, to và vàng nhũ, mờ ảo giữa vòng hơi nước băng lạnh xung quanh nó. Những ngôi sao lấp lánh trôi theo dòng sông nhỏ hẹp của bầu trời lọt thỏm giữa những ngọn núi cao. Tôi ngắm nhìn những tia sáng lóa lên từ xa xa. Tôi chẳng phân biệt được ngôi sao này với ngôi sao khác, thật tình không hiểu biết về kiến thức không gian là mấy. Và thật phũ phàng, đối với tên lửa, tôi cũng chẳng biết tí gì. Đột nhiên tôi cảm thấy mình thật sự ngu ngốc như Bố thường nghĩ. Mẹ bảo tôi phải chế tạo được tên lửa, phải cho Bố thấy tôi có thể làm được gì. Tôi cũng từng nghĩ là mình phải học hỏi như thế nào để có thể làm việc được cho Wernher von Braun. Nếu như Bố thông qua “học bổng” Elsie Hickam của Mẹ thì may ra điều đó có thể trở thành hiện thực.

Rồi tôi nhớ lại lời Mẹ nói về việc Coalwood đang dần tàn lụi. Đây là điều khó hiểu nhất trong những gì Mẹ nói tối nay. Xung quanh tôi, ngày ngày Coalwood vẫn tiếp diễn trong bản giao hưởng công nghiệp với tiếng ầm ầm của những chuyến xe than, tiếng khói phun rền rĩ của đầu tàu và tiếng nhịp chân rộn rã của thợ mỏ. Làm sao mọi thứ đó có thể kết thúc được?

Chiếc “hắc phen” lại réo lên ầm ĩ cắt ngang suy nghĩ của tôi. Có lẽ Bố chỉ vừa kịp đặt đầu lên gối lúc điện thoại reo. Tôi nghe thấy giọng nghẹt mũi của Bố và một tràng chửi tục nối tiếp sau đó. Chỉ trong vài giây, cửa phòng Bố bật tung ra rồi tôi nghe tiếng ông phóng thành thịch xuống cầu thang cứ như đang bị truy đuổi vậy. Xuống tới cuối thang thì Bố bắt đầu ho, những tiếng ho thật khàn đục. Đạo này Bố hay than phiền về chứng dị ứng của mình mặc dù tiết thu trong không khí thường có rất ít phấn hoa. Tôi thường bị đánh thức vào ban đêm bởi những tiếng ho của Bố, nhưng chưa bao giờ nghe nó trầm trọng như vậy. Ít phút sau, tôi nhìn thấy Bố qua cửa sổ phòng mình khi ông bước nhanh về phía khu mỏ, đầu cúi xuống đất và chiếc khăn rằn quấn quanh mặt. Bố đột ngột dừng lại rồi cúi gập người xuống, như đang trong cơn quặn đau dữ dội, có vẻ chứng dị ứng đang thật sự hành hạ ông. Bố gượng thẳng người và hấp tấp bước tiếp. Khi Bố đến gần đường ray thì một đoàn tàu dài chở đầy than lăn bánh ra, chừa đường đi cho Bố cứ như là nó nhận thấy được sự xuất hiện của ông vậy. Đến lúc Bố nhảy qua đường ray và mất dạng phía cuối đường thì những chiếc toa xe đi ngược trở lại che khuất tầm nhìn của tôi. Phòng Mẹ ngay cạnh phòng tôi, tôi nghe được tiếng bà kéo rèm cửa sổ xuống. Vậy ra Mẹ cũng đang dõi theo Bố.

4. HỘI PHỤ HUYNH BÓNG BẦU DỤC

TUẦN SAU, việc hàng rào bao quanh vườn hồng của Mẹ bị phá hủy trở thành đê tài bàn tán sôi nổi khắp Coalwood. Ông McDuff từ khu mỏ xuống nhà tôi đóng lại một hàng rào mới và thông báo cái cũ đã vỡ nát thành từng mảnh vụn. “Có lẽ Elsie nên kêu chồng tôi làm lại hàng rào bằng thép thì tốt hơn.” Bà McDuff kết luận như vậy với một người bạn tại Big Store. Ngay sau đó, những bà nội trợ đã truyền tai nhau câu nói ấy một cách nhanh chóng từ nhà này sang nhà khác, từ đầu này sang đầu kia thung lũng. Trên đường đến nhà than, trong chuyến xe chở công nhân, tại khu khai thác than chính hay tại khu mỏ bỏ hoang (nơi chỉ còn đá và bụi than còn sót lại của khu mỏ cũ), ngay cả lúc giáp mặt nhau, tất cả những người thợ mỏ đều nói về vụ nổ kinh hoàng đó.

Sáng hôm sau, trên chuyến xe buýt đến trường, Buck Trant, tên hậu vệ to lớn xấu xí, tuyên bố hùng hồn từ băng ghế sau: “Tất cả lũ con gái chúng mày đều thoái hóa cả.” Hắn tự cười một mình, tỏ ra rất tâm đắc với sự quan sát và nhận định thông thái đó. Cả bọn cầu thủ bóng bầu dục còn lại đồng thanh hô theo: “*Lũ con gái oắt con ngu đần thoái hóa!*”

Sau một hồi tập trung suy nghĩ, Buck nói thêm: “Lũ bé gái chúng mày thậm chí còn không tự hỉ mũi được nếu không có mẹ giúp một tay nữa kia!”.

Roy Lee, Sherman và O’Dell cùng cúi đầu tức giận một cách bất lực. Nhưng tôi thì không. Buck Trant quá dễ dãi phản kháng lại. Hắn không những đàn độn mà còn rất dễ bị tổn thương nữa. “Ít nhất thì bọn tao cũng biết được mẹ mày đang ở đâu,” tôi trả đũa. Mẹ của Buck đã bỏ nhà, ngoại tình với tên bán máy hút bụi vài năm về trước. Ngay khi nói ra lời lẽ cay độc của mình, tôi cảm thấy hối hận, song mọi chuyện đã quá muộn. Buck lờn lộn, đứng bật dậy, nhưng Jack đạp phanh và hắn ngã lăn ra sàn. Lúc này chúng tôi chỉ mới đi được nửa núi Coalwood. Không nói một lời, Jack tấp xe vào lề, quay lại chỉ vào tôi và ra lệnh: “Xuống xe!” Rồi ông nhìn sang Buck: “Mày cũng xuống, Buck!”

“Tôi ấy à?” Buck rên rỉ. “Tôi có làm gì đâu? Sonny gây chuyện trước đấy chứ. Nó luôn đầu têu mọi chuyện, ông biết mà!”

Jack chẳng bao giờ để ý đến những chuyện nhảm nhí của bất kì ai trên xe buýt của ông, kể cả của những tên cầu thủ bóng bầu dục vạm vỡ. Jack gầm gừ: “Đừng để tao phải đá mày ra khỏi xe đấy nhé, nhóc!”

Buck nhìn quanh hòng tìm kiếm sự hỗ trợ của đám cầu thủ bóng bầu dục, nhưng tất cả bọn chúng đều cúi gầm mặt xuống. Hắn ngoan ngoãn bước xuống xe, đứng cô độc trên đường đất đầy bụi bặm. Tôi đi theo sau và đứng cạnh hắn, Jack sập cửa xe lại. Ngay trước khi xe buýt kịp rẽ vào khúc cua thì Buck bắt đầu vồ lấy tôi. Tôi quăng hết cả sách vở, tránh cú chộp hùng hổ của hắn rồi chạy vụt về phía triền núi và chui vào rừng. Hắn hét theo: “Tao sẽ giết mày, đồ bốn mắt quái đản.”

“Mày và đội quân nào cơ?” Tôi núp sâu sau cây đỗ quyên nói vọng ra thách thức hắn. Buck bước dọc con đường và nạt nộ nhưng không đuổi theo tôi, chắc do hắn không muốn làm bẩn đôi giày da lộn màu xanh đang mang. Một lúc sau, Buck ra đường bật ngón tay cái và bắt được một chiếc xe con chạy ngang qua. Tôi cũng chui ra khỏi rừng và làm như vậy, đi nhờ xe đến Big Creek, vừa kịp tiết học đầu giờ. Tôi tránh Buck cả ngày hôm đó mặc dù chẳng dễ gì vì tủ đồ của hắn nằm ngay cạnh tủ của tôi. Roy Lee và những đứa khác bắt gặp tôi vào giờ ăn trưa, cậu ấy phán: “Bọn mình sẽ không chế tạo một quả tên lửa nào khác nữa đâu!”.

“Được thôi,” tôi đáp lại. Tôi đã giận cậu ta và những đứa còn lại từ lúc tụi nó không ủng hộ tôi trên xe buýt sáng nay “Mình sẽ tự chế tạo vậy!” Sự quả quyết này khiến chính bản thân tôi cũng lấy làm ngạc nhiên. Nhưng dù sao đi nữa, cho dù có thích hay không tôi cũng sẽ phải làm mà thôi.

“Cứ việc thử xem.” Roy Lee lau bầu rồi cùng O’Dell và Sherman bỏ đi. Tôi biết rằng mình gặp rắc rối to rồi đây. Tôi thật sự cần sự giúp đỡ của bọn nó. Tôi phải chế tạo tên lửa nhưng hoàn toàn không biết bắt đầu từ đâu.

ĐÊM ĐÓ, khi tôi đang loay hoay với đồng bài tập đại số thì Jim thò đầu vào phòng tôi: “Tao chỉ muốn biết cảm giác tuyệt vời như thế nào khi có một thằng em bị thoái hóa hoàn toàn.”

“Đừng lo về điều đó.” Tôi trả lời có vẻ chẳng ăn nhập gì.

“Mọi người đều cười cợt gia đình mình chỉ vì mày đấy.”

“Làm ơn biến dùm đi!” Tôi gào lên. “Tôi đang bận”.

“Bận chuyện gì hả?” Anh nói như mắng vào mặt tôi. “Quyết định phải mặc cái đầm nào à?”

Jim né kịp khi cây bút chì của tôi phóng tới rồi đóng sập cửa lại. Một sự ghen tức sôi sục giữa anh em thốt nhiên nảy nở trong tôi. Ai cần quan tâm tới Jim nghĩ gì chứ? Anh ta thậm chí còn chẳng phải suy nghĩ gì cả. Bố sẽ lo lắng mọi thứ cho anh ta, nhìn đấy, anh ta có tất cả những gì mình muốn mà. Jim nghĩ rằng tôi như một đứa em gái. Được thôi, nhưng ít nhất tôi cũng không xông xênh ra đường trong những chiếc áo màu hồng và lộn tóc vàng trên trán!

Quả tên lửa đầu tiên đã làm phiền tôi trên xe buýt, ở trường, cho đến bây giờ ở ngay trong phòng riêng. Mọi chuyện chưa kết thúc ở đó. Vào ngày thứ bảy, khi tôi vào Big Store để mua nước ngọt thì đụng mặt Pooky Suggs.

Lịch sử của Pooky Suggs thì quá phổ biến ở Coalwood này. Bố của hắn mất mạng vì trượt chân khỏi phiến đá mười hai năm trước ngay tại khu mỏ của Bố, lúc ông còn là đốc công. Để được tiếp tục ở lại Coalwood, Pooky thôi học lớp 6, vào mỏ làm việc. Hắn luôn than phiền với bất cứ ai chịu lắng nghe rằng hắn bị buộc thôi học để làm việc và trút trách nhiệm lên đầu Bố tôi. Nhưng chẳng ai thông cảm

cho hắn cả. Bố hắn đã tự ý đứng tiểu ngay khu không an toàn, chỗ phần mái không được chống đỡ; mặt khác, Pooky đã bị đúp lại lớp 6 trong 5 năm rồi. Chẳng ai nghĩ rằng hắn có thể lên nổi lớp 7. Dù vậy, trong trí nhớ của mình, tôi vẫn thường nghe thấy tên Pooky được nhắc đến trong nhà. Mỗi lần Bố than với Mẹ về những điều ngu ngốc Pooky làm hoặc những lúc bắt gặp hắn lười nhác trong khu mỏ cũ thì Mẹ nói lại rằng Bố hãy đuổi việc hắn đi cho xong. Vì một lý do nào đó, Bố chẳng bao giờ phản ứng lại Mẹ về việc này. Có lẽ Bố vẫn luôn thấy mình có trách nhiệm về cái chết của bố Pooky. Tôi không chắc, nhưng có vẻ Bố khoan dung Pooky hơn tất cả những người công nhân mắc lỗi hay lười biếng khác.

Tôi luôn cố gắng tránh mặt Pooky trong mọi tình huống, nhưng lần này tôi không nhận ra rằng hắn đang ngồi lẫn trong đám thợ mỏ trên bậc thềm của Big Store. “Ô hay, xem ai đang ở đây này, ra là cậu bé tên lửa nhà Homer.” Hắn ta cất giọng kinh tởm. “Nghe nói cái thứ kia bị nổ tung phải không. Bố mày có tiếp tay cho mày không đấy?”

Những người thợ khác quay lại nhìn tôi. Họ đều đang cầm ly giấy trên tay để hứng bã thuốc lá. “Cháu sẽ tiếp tục làm ra một quả tên lửa khác nữa chứ?” Tom Tickle, một trong những người thợ mỏ độc thân sống trong Club House, hỏi tôi.

Tom tỏ ra thân thiện và tôi hồn nhiên đáp lại. “Vâng, thưa chú, cháu sẽ làm tiếp.”

“Ừ, được đấy, cố lên nhóc!” Cả đám người đồng thanh khích lệ tôi.

“Thấy chưa. Tất cả những gì nó có thể làm là chế tạo ra một quả bom mà thôi.” Pooky nói tiếp.

“Dù sao cũng là một quả bom tuyệt vời đấy chứ!” Tom cười. Pooky đứng lên và len ra khỏi đám đông. Hành động nhục mạ của hắn nhằm vào tôi đã bị phá sản. Hắn chụp mũ bảo hộ lên đầu, rướn mình về phía tôi, hơi thở sặc mùi cồn: “Nhà Hickam chúng mày nghĩ rằng mình siêu việt lắm hả, nhưng này, lũ chúng mày chẳng hơn gì những người khác đâu!”

“Sonny có nói rằng nó khác gì đâu hả, Pooky.” Tom bênh vực tôi. “Sao mày không thôi đi trước khi mọi việc trở nên rắc rối thêm ra?”

Pooky quay đi, giậm chân lão đảo trên đôi giày đinh của hắn. Mặt hắn rất góc cạnh với cái mũi nhọn hoắt và cái cằm hình tam giác lởm chởm râu. Mặc dù nha sĩ Hale luôn sẵn sàng làm việc nhưng răng của hắn vẫn vàng khè và sứt mẻ. Giọng hắn luôn mang âm điệu rên rỉ như dây đàn violon lạc tông. “Tao cho mày biết nhé, bọn tao sẽ đình công. Tên khốn Homer định bắt chúng tao làm việc kiệt sức đến chết đấy!”

“Tao không tin rằng công việc sẽ giết chết được mày đâu, Pook ạ.” Tom nhếch mép cười và cả đám công nhân còn lại đồng loạt cười ồ lên.

“Cả lũ chúng mày chết quách hết đi cho rồi!” Pooky lầm bầm. Chắc hắn định nói ra một cách mạnh bạo nhưng rốt cuộc lại có vẻ yếu ớt. Tôi đột nhiên cảm thấy tội nghiệp cho hắn. Pooky lại ném cho tôi

thêm một cái nhìn đầy kinh tởm. “Bố mày đã giết chết bố tao,” hắn thốt lên cay đắng, “tao sẽ không bao giờ bỏ qua đâu!”

Tom đứng dậy và kéo Pooky ra khỏi tôi, quay người hắn lại và chỉ về phía bên kia đường: “Mày nên về nhà đi, Pook”.

Nhân lúc này, tôi lách qua đám đông để vào Big Store. Tôi mua nước ngọt, từ tốn nhăm nháp nó và theo dõi qua cửa kính sự việc đang xảy ra bên ngoài. Pooky và Tom như đang nhảy đầm vậy, Pooky thì cố gắng đi vào trong Big Store còn Tom làm mọi cách xoay hắn về hướng ngược lại. Tôi nhẹ nhõm khi rốt cuộc Tom đã thắng và Pooky lão đảo bỏ đi. Không lâu sau, mọi người đã hết chuyện và giải tán. Khi bậc thềm đã vắng bóng người, tôi chạy ra và đạp xe về nhà. Đoạn gần trường Coalwood, tôi đi ngang một dòng thợ mỏ đang tiến về nhà than. Họ cười nhạo nhỡ và đồng loạt hô to khi tôi phóng ngang qua: “Cậu bé tên lửa!”. Tôi đang tự đưa mình vào tình thế gì đây? Tôi đã nói với quá nhiều người rằng sẽ chế tạo ra một quả tên lửa khác, và bây giờ tôi phải thực hiện nó. Nhưng làm như thế nào? Bí mật nào làm cho tên lửa có thể bay được?

TRẬN ĐẤU BÓNG bầu dục cuối cùng của mùa giải giữa Big Creek và Tazewell - trường trung học ngay bên kia ranh giới Virginia - đã kết thúc với chiến thắng thuộc về Big Creek. Jim chỉ đạo hai tiền vệ căng ngang hai biên, cắt ngang đường chuyền rồi phản công và ghi bàn. Với chiến thắng này, đội bóng toàn thắng suốt mùa giải. Sau đó Hiệp hội thể thao các trường đại học cấp bang đã làm đúng như những gì họ định làm, kết quả là đội bóng của huấn luyện viên Gainer không đủ tư cách tham dự giải vô địch bang. Mặc dù điều này chẳng lấy gì làm lạ, nhưng sự phản đối mạnh mẽ vẫn nổ ra khắp vùng. Hội Phụ huynh bóng bầu dục bị các fan hâm mộ chất vấn và yêu cầu phải làm gì đó để giải quyết vấn đề trên. Jim liên tục hỏi Bố trong bữa ăn khuya rằng ông sẽ làm gì. Bố thì vẫn luôn miệng bảo ông đang suy nghĩ. Cuối cùng, vào một đêm nọ, Bố quyết định sẽ mời luật sư ở Welch can thiệp vào vụ việc.

Mẹ bỏ nĩa xuống và nhìn Bố ngỡ ngàng: “Homer này, tôi không nghĩ đó là một quyết định sáng suốt đâu”.

Bố xúc một thìa đầy đậu và bánh mì bột bắp. “Elsie, tôi biết rõ mình đang làm gì.” Bố trả lời một cách thờ ơ, thậm chí chẳng thèm nhìn mặt Mẹ.

Mẹ tỏ ra lo lắng: “Không, ông không biết đâu. Bọn Charleston rác rưởi đó không muốn cho chúng ta tham dự thì sẽ làm mọi cách để ngăn chặn. Chẳng có luật sư nào thay đổi được cả. Ông chỉ rước phiền phức vào người mà thôi.”

“Nhưng Mẹ à, Bố phải làm một cái gì đó chứ.” Jim van nài. “Tụi con xứng đáng được tham dự mà”.

“Mẹ biết con xứng đáng, Jimmie ạ!” Mẹ ôn tồn trả lời. “Nhưng đôi lúc chúng ta không thể làm được gì, mặc dù chúng ta xứng đáng. Đó là sự thật xảy ra cho tất cả mọi người, kể cả con. Mẹ biết điều này làm con rất ngạc nhiên, nhưng đời là vậy con ạ!”

Mặt Jim tối sầm lại, anh đẩy ghế ra khỏi bàn ăn: “Con xin phép đi đây!” Jim thốt lên một cách rầu rĩ.

Bố đưa tay che mặt, như để tránh cái nhìn chăm chặp của Mẹ: “Jim, mọi việc sẽ ổn thôi.” Bố khẳng định. “Bố sẽ lo việc này.”

“Homer -” Mẹ cao giọng cảnh báo.

“Elsie -” Bố đáp lại với ngữ điệu ám chỉ rằng đừng-có-làm-phiền-tôi.

Jim đứng dậy thét lên: “Ai đó phải làm gì đi chứ!”

Tôi bắt đầu hành động. Những thằng chơi bóng bầu dục, ngay cả anh tôi, thật dễ bị đả kích. “Anh có thể dời lên Charleston, ở đó sẽ được chơi thôi.” Tôi khuyên với giọng đầy đạo đức.

Jim quay sang tôi, nắm chặt nắm đấm: “Mày sẽ chết ngay đây Sonny.”

“Jim, về phòng đi.” Mẹ ra lệnh. Mẹ dõi theo đến lúc Jim đi khuất rồi lườm tôi đe dọa trước khi nhìn qua Bố: “Homer à, hãy bỏ mặc chuyện này đi.”

Bố xoay khớp cổ, tôi nghe tiếng răng rắc phát ra. Vùi đầu suốt ngày trong cái hầm mỏ đó hẳn chẳng tốt gì cho cái cổ của Bố. “Đây không phải việc của bà đâu, Elsie.” Bố nói.

“Chỉ dừng lại và bình tĩnh suy nghĩ, tôi yêu cầu ông có vậy thôi.”

“Nhưng còn Hội Phụ huynh bóng bầu dục -”

“Trời ạ, tất cả óc của các ông trong Hội Phụ huynh bóng bầu dục đây còn không đủ đầy được tách cà phê của tôi nữa là. Ông phải suy nghĩ thế cho tất cả bọn họ chứ.”

“Bọn tôi đã quyết định rồi Elsie ạ. Bọn tôi sẽ lên Welch.”

Mẹ thuộc Kinh Thánh lâu lâu và luôn biết vận dụng nó thành vũ khí hiệu quả chống lại Bố: “Nếu như để một kẻ mù dẫn dắt một kẻ mù khác, cả hai ắt sẽ cùng té xuống hố.” Mẹ bảo Bố, chuyển cuộc đấu khẩu nghiêng hẳn về phía Mẹ vì nó được sự hỗ trợ mạnh mẽ của Chúa.

Sau một lúc bối rối ra mặt, Bố trả lời: “Cám ơn lời góp ý chân tình của bà, Đức Bà Lavender”. Chiếc “hắc phen” reo lên ngay lúc đó, nó luôn là cách tốt nhất để kết thúc những cuộc tranh cãi trong nhà tôi. Bố quát ai đó qua điện thoại một cách dữ dội rồi khoác vội áo, mũ và phóng ra cửa. Tôi biết rằng ông rất biết ơn sự gián đoạn này. Bố đi đến quá nửa đêm mới về nhà. Mỗi khi Bố làm vậy, tôi tự hỏi không biết có khi nào ông chỉ quanh quẩn trong văn phòng, ngồi đếm thời gian, đợi đến khi Mẹ ngủ rồi mới về hay không.

Một tuần sau, đúng như những gì Mẹ lo sợ, Hội Phụ huynh bóng bầu dục đã đệ đơn kiện. Trận đấu chung kết chỉ còn cách một tuần nên họ phải tác động tòa án giải quyết vụ việc một cách nhanh chóng. Ba ngày sau khi lập hồ sơ, quan tòa bang ở Bluefield liếc sơ qua và loại bỏ vụ kiện do vấn đề liên quan đến chuyên môn. Ông phán rằng, theo tiền lệ, chưa có một tổ chức cá nhân nào đi kiện một cơ quan cấp bang tại tòa án của ông cả. Trận chung kết vẫn diễn ra theo đúng ngày quy định và mùa giải chính thức kết thúc. Jim rất giận dữ và tự nhốt mình trong phòng suốt ngày, trừ những lúc xuống nhà ăn hoặc xem tivi hay nói chuyện điện thoại với mấy đứa con gái. Tôi tránh mặt anh ta, rút lui vào chiếc ghế trong phòng khách ngồi đọc số *Newsweek* mới nhất của Bố.

“Tôi mừng vì mọi việc cuối cùng cũng kết thúc.” Mẹ nói khi nhìn Jim rầu rĩ bước lên xuống cầu thang.

“Bọn tôi sẽ kháng cáo.” Bố nói vọng ra từ chiếc ghế bành của ông. Bố đang nằm đọc báo. “Bọn tôi sẽ thay đổi chính kiến của lão quan tòa đó”.

“Nhưng trận đấu đã diễn ra rồi cơ mà!”

“Nó thuộc về vấn đề nguyên tắc.” Bố đáp lại.

Mẹ bước vào phòng khách và đứng trước mặt Bố. “Nguyên tắc gì? Chỉ là bóng bầu dục cấp trường thôi mà!”

Bố lật sang trang kế tiếp cứ như vừa đọc xong một bài báo. Nhưng từ vị trí của mình, tôi nhìn thấy Bố đang lật đến trang truyện tranh mà ông chẳng đọc bao giờ. Mẹ cứ đứng nhìn Bố trân trân, cuối cùng ông cũng chịu mở miệng trong khi mắt vẫn dán vào những hình ảnh vui nhộn trên báo: “Đây là việc của đàn ông, Elsie à.”

“Có lẽ là vậy, Homer ạ.” Mẹ đáp lại. “Nhưng người đàn bà này đang nói cho ông biết rằng điều đó sẽ gây ra nhiều thảm họa đấy.”

“Chúng ta cứ chờ xem”, Bố nhại lại bằng câu nói ưa thích của Mẹ.

MIỀN TÂY VIRGINIA năm ấy mùa đông đến muộn. Trước đó mùa thu cũng đẹp tuyệt vời, lá mang màu vàng cháy rực ngời đến tận tháng 11 và bầu trời dần nhạt đi nhưng vẫn ửng xanh như màu trứng chim kết. Ngay trước Lễ Tạ Ơn, cái lạnh từ Canada cuối cùng cũng tràn về làm lá trên cành đột ngột trút xuống, để lại những thân cây đen, trơ trọi, khẳng khiu. Mây bão mùa đông ùn ùn kéo về và mắc lại vật vờ trên những ngọn đồi xung quanh thị trấn. Mọi vật dường như đều chuyển sang màu đen, xám và nâu.

Coalwood có những hoạt động thường lệ vào mỗi đầu mùa và mùa đông năm nay cũng vậy. Bà Eleanor Marie Dantzler, vợ của ông Devotee Dantzler - giám đốc cửa hàng của công ty - lên kế hoạch cho những buổi ngâm thơ bên đàn dương cầm vào mùa đông, một sự kiện cộng đồng thường niên.

Những chiếc xe than của công ty đảo vòng và tiếp đầy than cho từng nhà. Câu lạc bộ Phụ nữ Coalwood thì lo chuẩn bị xe rước cho buổi diễu hành vào ngày Cựu chiến binh ở Welch. Vào năm 1957, Jim cùng những cầu thủ bóng bầu dục khác vận động phục hải quân và diễu lại cảnh phát cờ chiến thắng ở Iwo Jima. Rất nhiều cựu chiến binh đã khóc nức nở trên đường khi nhìn thấy cảnh tượng đó. Đội trống Big Creek đi ngay sau xe diễu hành, và tôi hãnh diện là một trong năm tay trống. Mẹ đứng cùng Bố trên lề đường, ông liên tục vỗ tay và tung hô mỗi khi xe diễu hành đi ngang qua, mắt thì luôn dán chặt vào Jim, tỏ vẻ tự hào. Trước khi tôi đi ngang qua thì ông đã ngoái lại phía sau nói chuyện với một người nào đó và dĩ nhiên là không nhìn thấy cậu con trai út của ông. Trong nhịp trống vang dồn tôi chỉ nghe tiếng Mẹ hô: “Được lắm, Sonny”.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU cộng đồng Coalwood là chú Dubonnet, từng là bạn học của bố mẹ tôi ở trường cấp 3 Gary. Trong Thế chiến thứ 2, rất nhiều thợ mỏ, trong đó có cả Bố tôi, được miễn quân dịch; thời điểm này than rất cần thiết cho cuộc chiến và họ được ở lại tập trung khai thác. Lẽ ra chú Dubonnet cũng được quyền ở lại miền Tây Virginia nhưng chú đã quyết định gia nhập quân đội. Khi chú đến Normandy thì Bố tôi vừa bắt đầu khai thác một vùng mỏ mới, nơi có đầy những mạch than “cao”. Sở dĩ nó được gọi như vậy vì than rất dồi dào, một người lớn có thể đứng thẳng trong đường hầm sau khi than đã được đưa ra ngoài. Khi chiến tranh kết thúc, hoạt động của mỏ than Coalwood liên tục sinh lợi và trở thành mục tiêu ghen tị khắp tỉnh. Vào lúc đó, Tổ chức UMWA bắt đầu chú ý đến khu mỏ này của ông Carter. Những người công nhân được hưởng sự hòa bình trong vòng hơn 50 năm trước khi mọi việc đột ngột chuyển xấu. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc ông Carter từ chối dự định cải cách của Liên minh Công nhân, dẫn đến việc bãi công của công nhân. Đáp trả lại hành động này, ông Carter bắt đầu cho đóng cửa nhà máy không cho công nhân vào làm việc để gây áp lực lại họ. Một vài cuộc xô xát, tiếng gào thét diễn ra quanh khu mỏ, có người còn đồn đại rằng họ nổ súng trong những khu thung lũng nữa. Để làm dịu tình hình, Tổng thống Truman điều động Hải Quân Hoa Kỳ đến trấn áp và mở cửa cho khu mỏ hoạt động trở lại. Sáu tháng sau khi quân đội chiếm đóng ở Coalwood, ông Carter bị buộc phải kí kết hòa ước với Liên minh Công nhân và không lâu sau phải bán khu mỏ trong sự căm phẫn. Đội Trưởng và Bố tôi thì tiếp tục ở lại đây làm việc.

Một thập kỉ sau, nền hòa bình giữa công nhân và ban quản lý ở đây được thiết lập lại tạm ổn, thỉnh thoảng bùng lên những cuộc đình công nhỏ nhưng nhanh chóng được dập tắt ngay. Hoạt động của khu mỏ Coalwood ngày càng phát triển lớn mạnh hơn. Khi Đội Trưởng về hưu, ông nài nỉ Bố tôi thế chỗ ông để trở thành người quản lý khu mỏ. Về việc này, do Bố tôi chỉ mới tốt nghiệp cấp 3, nên rất nhiều người ở Coalwood, trong Liên minh Công nhân và cả công ty thép chủ của chúng tôi đều nghĩ rằng ông không xứng đáng với vị trí ấy. Nhưng Bố tôi đã chứng tỏ rằng họ đều sai qua khối lượng công việc khổng lồ được tạo ra bằng tất cả năng lượng và sự thông thái của ông. Bố tôi vẫn tiếp tục mang tầm nhìn của Đội Trưởng về một thị trấn giàu mạnh ngay cả sau khi mọi người hầu như đã quên bẵng về nó.

Đến năm 1957, hầu hết những người lãnh đạo cao tuổi của Liên minh Công nhân cũng nghỉ hưu theo Đội Trưởng; đây là cơ hội cho lớp người trẻ tuổi hăng say, tham vọng thể hiện khả năng và giá trị của mình. Dubonnet là một trong số họ, chú nhanh chóng chiếm lĩnh vị trí lãnh đạo ở địa phương của UMWA Coalwood. Đến khi mọi người nhận ra rằng để chú Dubonnet và Bố tôi ở hai chiến tuyến là cốt lõi của những mâu thuẫn triền miên thì mọi việc đã quá muộn.

Đúng như Mẹ dự đoán, vào một ngày chớm đông, Bố đứng trước nhà than và điểm danh những công nhân bị thôi việc. Sự suy thoái kinh tế đang bầu đầu diễn ra trên cả nước, nhu cầu về thép giảm đi và hiện thời Coalwood đang khai thác ra lượng than vượt quá con số công ty thép cần. Vì vậy công ty phải cắt giảm 25 công nhân. Khi việc này xảy ra, người công nhân không những bị mất việc mà còn bị mất nhà ở, vật chất từ những cửa hàng của công ty và cả quyền công dân ở Coalwood. Những người bị sa thải bị buộc rời khỏi nhà trong vòng 2 tuần. Một số người lén lút dựng lều bên bìa rừng ở Snakeroot mong chờ đến ngày được thuê làm việc lại. Công ty ra lệnh cho Bố tôi phải cưỡng ép họ cuốn gói khỏi đó nhưng ông đã không tuân theo. Nhà thờ gom góp những giỏ đồ ăn vào Lễ Tạ Ơn và Lễ Giáng Sinh để giúp đỡ cho các gia đình này. Và lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi nghe đến việc những đứa trẻ trong trường Coalwood cần được hỗ trợ quần áo và lương thực.

Sau biến cố sa thải, Liên minh Công nhân không biết làm gì để cải thiện tình hình, họ lo sợ và đình công. Một tối nọ, chú Dubonnet đến trước cửa nhà chúng tôi, Mẹ ra mở và kêu lên tỏ vẻ hài lòng khi được gặp chú ấy: “Ồ, xin mời vào, John...!” Lúc này tôi đang nằm ườn trên tấm thảm trong phòng khách, mê mẩn đọc cuốn *Cuộc Phiêu Lưu của Gián Điệp Không Gian* của A.E. van Vogt. Ông đã viết rất nhiều về quả tên lửa mà người hùng trong truyện dùng để di chuyển, nhưng lại chẳng đề cập đến nguyên lý hoạt động của nó. Thật là quá đổi thất vọng.

“Elsie” chú Dubonnet đứng trước thêm nhà, chào hỏi Mẹ tôi lấy lệ, tháo chiếc mũ lao động đen xin ra rồi hỏi ngay: “Có Homer ở nhà không chị?”

Bố ở trong bếp, chắc hẳn đang ăn táo. Sau khi cắt bỏ té bào ung thư, bác sĩ buộc Bố phải ăn càng nhiều táo càng tốt, từ đó ông đã cố gắng ăn rất nhiều trái cây này. Bố ra cửa rồi hát hăm bằng một giọng điệu cay cú nhất từ trước đến giờ mà tôi từng nghe: “Dubonnet, nếu ông muốn nói chuyện với tôi thì ra văn phòng mà nói!”.

“Có chuyện gì xảy ra với ông vậy, Homer?” Mẹ há hốc miệng ra. “Xin mời vào nhà, John!”.

Vị Chủ tịch Liên minh Công nhân không nhúc nhích: “Được rồi Elsie ạ. Homer, anh có thể ra ngoài này không? Tôi cần bàn thảo với anh trước khi xuống họp với cộng đồng Liên minh.”

Bố cau mày nhưng vẫn bước ra và đóng sập cửa lại. Tôi không nghe thấy họ nói gì nên chạy ra phòng giải lao để nhìn lén nhưng Mẹ lờm tôi tỏ vẻ không hài lòng. Tôi đành rút vào phòng khách, cẩn thận nép vào vị trí có thể quan sát được diễn biến sự việc. Lúc đó, tôi nhớ rằng những gì tôi nghe được họ nói hầu hết đề cập đến Gary. Tôi còn nhớ chú Dubonnet từng là đại biểu học sinh chung lớp với bố mẹ, đồng thời là một ngôi sao bóng bầu dục. Tôi không chắc lắm nhưng tôi đoán rằng người đàn ông này cũng từng hẹn hò với Mẹ một vài lần. Một lúc sau, Bố mở cửa bước vào nhà. “Công ty cho anh một công việc ổn định, một mái ấm và một cuộc sống sung túc Dubonnet ạ, nhưng anh cứ muốn hủy hoại nó.” Bố tiếp tục nói.

“Việc sa thải không hoàn toàn chiếu theo hợp đồng của chúng ta, anh biết mà Homer.” Chú Dubonnet đáp lại một cách từ tốn.

Bố đặt tay lên tay nắm cửa và nói: “Công ty làm điều mà họ cần phải làm.”

“Tôi chẳng hiểu nổi làm sao họ có thể biến anh thành một kẻ sống chết cho công ty thế hả?” Lần này chú Dubonnet thốt lên nặng nề và cay đắng.

“Còn hơn là bị ném vào với một lũ “đỏ” của John L. Lewis đây!” Bố phản ứng lại.

Chú Dubonnet lắc đầu phân trần: “Vấn đề ở chỗ anh không thấy được ai thật sự là bạn của mình, Homer ạ. Khi công ty gặp rắc rối thì họ sẽ quăng anh ra đường như một con chuột chết thôi.”

Bố lại bước ra thêm nhà và hậm hực bảo: “Còn vấn đề của anh là anh không thể chấp nhận được việc tôi tiếp nhận lại vị trí của Đội Trưởng”. Bố còn định nói thêm nữa nhưng ông bắt đầu ho và ôm ghì lấy ngực.

“Thấy chưa Homer.” Chú Dubonnet châm chích. “Ho lòi cả phổi ra kìa. Anh có thể là quản đốc khu mỏ thật đấy, nhưng anh cũng mắc phải căn bệnh chung ở đó rồi”.

Mẹ xen vào: “Cả hai ông thôi ngay đi!”

“Bà đừng xen vào việc này Elsie.” Bố thở hắt hắt và hít vào rất khó khăn.

“Nhìn anh ta kìa.” Chú Dubonnet bảo Mẹ. “Chị có nghĩ rằng công ty quan tâm đến cái phổi của anh ta hay bất cứ người nào khác? Chắc chắn là không rồi! Đây là tất cả những gì ngài Đội Trưởng đáng kính đem lại cho chúng ta với những cỗ máy đào than của ông ấy đấy.”

Bố lắc đầu nguầy nguậy và cố hít không khí vào buồng phổi. “Anh đừng có đụng chạm đến Đội Trưởng.” Ông lại há hốc mồm ra. “Ông ấy là một con người vĩ đại. Tôi chỉ bị dị ứng thôi. Hãy nhìn bố tôi và cả bố anh nữa. Họ làm việc trong khu mỏ suốt cả cuộc đời nhưng có bao giờ phổi họ có vấn đề gì đâu.”

“Bố chúng ta đào than bằng cuộc chim, Homer ạ.” Chú Dubonnet có vẻ bình tĩnh trở lại. “Những cỗ máy đó nghiền nát than làm không khí tràn ngập bụi than. Sau khi giải quyết xong việc sa thải này, bụi than là vấn đề tôi muốn đề cập đến đây. Chúng ta phải có biện pháp để bảo vệ công nhân khỏi bụi than.”

“Tôi sẽ rất lấy làm cảm kích nếu anh biến mất khỏi thêm nhà tôi.” Bố ghen lòi.

“John, tôi nghĩ tốt nhất anh nên làm vậy.” Mẹ nhẹ nhàng nói và đặt tay lên tay Bố. Ông lại gạt ra.

Chú Dubonnet đội mũ vào và nói: “Elsie, chị là một người phụ nữ tốt. Tôi luôn nghĩ chị xứng đáng được những gì hơn thế này.” Chú quay lưng, bước ra cửa và băng qua đường đi về phía trạm xăng.

Bố lão đảo bước vào nhà và ngồi phịch xuống chiếc ghế bành của mình. “Cái lũ Liên Minh John L. Lewis khốn kiếp,” ông lầm bầm “hắn vẫn nghĩ hắn còn là ngôi sao bóng bầu dục à. Tôi không thể chơi bóng nữa, vì tôi phải làm cái việc đào than này ngay sau khi tốt nghiệp mà.”

“Tôi biết điều đó mà, Homer.” Mẹ đứng trong phòng giải lao vừa nhìn Bố vừa nói. Giọng nhẹ nhàng của Mẹ làm tôi rất đỗi ngạc nhiên.

Tay Bố run rẩy lúc với lấy tờ báo rồi bảo Mẹ: “Bà là một người phụ nữ tốt, Elsie ạ”.

“Tôi cũng biết điều đó mà, Homer.” Mẹ đáp lại từ tốn.

“Bà đã có thể chọn lựa đấy chứ!”

“Tôi đã chọn rồi mà”. Bà nhìn sang tôi, dường như vừa nhận ra sự hiện diện của tôi trong phòng khách và quát lên: “Về phòng học bài mau!”

Tôi ngoan ngoãn vâng lời, bước lên cầu thang, phóng hai bước một. Ngoài kia, một đoàn xe than rầm rập tiến vào trạm xăng, tôi nhìn ra cửa sổ quan sát xem chuyện gì đang xảy ra. Chú Dubonnet bước lên xe, đi dọc theo đường Cái. Tôi đoán rằng họ đang đến phòng họp của Liên minh Công nhân.

NGAY TRƯỚC LỄ TẠ ƠN, “Thầy lang” Lassiter yêu cầu Bố chụp phim x-quang nhưng ông nhất quyết khước từ nên đành nhờ cậy đến ông Van Dyke, người duy nhất trong thị trấn có tiếng nói đối với Bố. Ông Van Dyke là tổng quản đốc khu mỏ được công ty phái tới để giám sát mọi hoạt động và tài sản ở đây. Ông nhìn rất lịch sự, phong nhã với mái tóc bạch kim. Bố là người nhất mực tuân thủ mọi qui định của công ty nên đương nhiên phải nghe theo lời của ông Van Dyke. Rót cuộc ông đến khám ở phòng mạch Stevens tại Welch. Khi Bố về nhà, tôi đang trong phòng nằm đọc sách tại phòng tôi ở trên lầu và nghe tiếng ông nói với Mẹ. “Chỉ là một cái chấm to bằng đồng xu thôi.”

“Lạy chúa, Homer, anh định làm gì?” Tôi nghe Mẹ cất giọng lo lắng, trước giờ bà chưa từng nói như vậy.

“Anh chả định làm gì cả,” Bố lạnh lùng đáp. “Sao em nhìn anh như vậy? Đừng lo. Anh chỉ nói cho em nghe vì dù sao em cũng sẽ biết. Muốn giữ được bí mật ở thị trấn này thì chỉ có cách phá sập hết mấy cái hàng rào sau nhà đi thôi.”

Nói rồi Bố trở ra phòng khách, lạch xạch lật giở tờ *Welch Daily News* ra đọc. Mẹ nhìn lên và trông thấy tôi, bà cau có khoanh tay lại trước ngực, quay trở vào bếp. Một lúc sau, tiếng nồi niêu loảng xoảng quen thuộc lại vang lên. Tôi trở về phòng, dỗi dằn dằn vào khoảng không trước mặt mà không nhìn thấy gì cả, lòng gợn lên nỗi hoang mang lo lắng. Tôi đã ở Coalwood này đủ lâu để hiểu được rằng một người thợ mỏ có những vết đen ở phổi thì phải nghỉ việc rồi. Việc cả đám thợ mỏ ngồi trước Big Store hoặc bậc thềm của bưu điện khắc ra cả đống bụi than chẳng phải là điều xa lạ. Nếu như vì bệnh phổi làm họ phải nghỉ việc thì công ty vẫn cho phép họ ở lại Coalwood nếu vẫn chi trả nổi tiền

thuê nhà. Nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn không thể tưởng tượng được rằng những căn bệnh thông thường ở khu mỏ có thể đánh gục Bô tôi, ông mạnh mẽ lắm cơ mà! Ông có một vết đen to bằng đồng xu trên phổi, tôi phải hỏi thăm xem mức độ nghiêm trọng của nó. Chắc Roy Lee biết, anh của cậu ấy làm việc ở công trường nơi có mật độ than dày đặc nhất. Chắc hẳn cậu ấy biết, phải hỏi Roy Lee thôi!

VÀO THÁNG 12 NĂM 1957, nước Mỹ thử nghiệm việc phóng vệ tinh *Vanguard* lên quỹ đạo. Tôi theo dõi kết quả trên tivi. *Vanguard* chỉ bay lên được khoảng gần 1 mét rồi mất phương hướng và nổ tan tành. Cả nước đều thất vọng, tôi cũng vậy. Trên báo chí và tivi có vài lời bình luận rằng không biết sắp tới đây cư dân phương Tây có bị tuyệt chủng hay không một khi trình độ kỹ thuật công nghệ của Nga phát triển vượt bậc như vậy. Nếu như không có những vấn đề về tên lửa của chính mình thì tôi cũng chẳng quan tâm đến thất bại của *Vanguard*. Dù sao đi nữa, *Vanguard* cũng bay cao hơn tên lửa của tôi gần 1 mét và nó còn được rất nhiều con người thông thái đầu tư tâm trí và công sức, sớm hay muộn họ cũng sẽ tìm ra giải pháp thôi. Riêng tôi chỉ có một mình, vì vậy tôi quyết định, dù muốn hay không, tôi phải nói chuyện với Quentin!

5. QUENTIN

QUENTIN LUÔN LÀ TRÒ CUỒI CỦA LỚP TÔI. Cậu ấy thường sử dụng những từ ngữ đao to búa lớn bằng thứ giọng Anh giả tạo và luôn mang bên mình một chiếc cặp da cũ nát chứa đầy sách và thứ gì nữa chẳng ai biết được. Khi chúng tôi chơi bóng ném hoặc những môn thể thao vận động trong giờ thể dục hay giờ giải lao thì cậu luôn tìm đủ mọi lý do để từ chối tham gia, hết đầu mắt cá lại đến nhức đầu, rồi ngồi một mình trên giảng đường đọc sách. Trong khi mọi học sinh khác trò chuyện, bàn luận trong giảng đường vào buổi sáng thì Quentin luôn lẻ loi một mình. Theo tôi thấy thì cậu ấy chẳng có một người bạn nào. Mặc dù mọi người, kể cả tôi hay chòng ghẹo Quentin nhưng có một điều tôi không phủ nhận: cậu ấy là một thiên tài. Quentin có thể diễn giải đến từng chi tiết về mọi chủ đề cho đến khi thầy cô yêu cầu dừng lại mới thôi. Và tôi chưa bao giờ thấy cậu đạt được dưới 100 điểm trong bất kì bài kiểm tra nào cả.

Tôi nhận ra rằng người có thể biết chế tạo tên lửa chẳng ai khác ngoài Quentin. Sáng hôm sau trước giờ vào lớp, tôi ngồi xuống cạnh Quentin trong giảng đường. Cậu giật mình và hạ cuốn sách xuống khỏi tầm mắt. “Tớ chẳng cho ai chép bài tập đâu.” Cậu nói, tỏ vẻ nghi ngờ.

“Tớ không muốn chép bài tập của cậu.” Tôi trả lời, mặc dù thật ra tôi sẽ luôn sẵn sàng chép bài đại số của Quentin nếu có thể. “Cậu có biết gì về tên lửa không?”

Một nụ cười thoáng hiện trên mặt cậu. So với các đứa trẻ thần đồng khác thì tính ra dung mạo của Quentin cũng không đến nỗi nào. Cậu sở hữu khuôn mặt thon dài, mũi nhọn, cặp mắt xanh sinh động và một mái tóc đen óng mượt nhìn như được làm bẹp xuống bởi keo vuốt hiệu Wildroot vậy. “Tớ đã tự thắc mắc rằng bao lâu thì cậu mới chịu hỏi. Tớ có nghe nói về quả tên lửa của cậu, cụ non ạ. Nổ tanh bành phải không? Điều gì làm cậu tin rằng *cậu* có thể chế tạo tên lửa? Môn đại số cậu còn làm không xong nữa là.”

“Tớ đã khá hơn rồi mà.” Tôi làm bầm. Cứ mỗi lần có ai, hay như Quentin bây giờ, biết được yếu điểm này đều làm tôi bối rối cả.

“Một trong mấy đứa em gái nhỏ của tớ cũng làm được đại số.” Cậu thành thật khuyên nhủ. “Tớ dạy nó đấy, cũng đơn giản thôi mà.”

Chỉ chưa đầy một phút, cậu ta đã nhục mạ tôi quá mức. “Xem nào, cậu biết gì về tên lửa?” Tôi vặn lại Quentin. “Có biết chút nào không?”

“Tớ biết tất ấy chứ,” cậu hùng hồn đáp lại.

Cậu ấy nói ra có vẻ quá dễ dàng. “Vậy nói tớ nghe xem nào.” Tôi lên giọng nghi ngờ.

Quentin nhún cái bả vai xương xẩu của mình tỏ vẻ khinh thường. “Vậy tớ được lợi gì nào?”

“Cậu muốn gì?”

“Muốn giúp cậu chế tạo quả tên lửa tiếp theo.”

Thật là một điều đáng ngạc nhiên. “Cậu hiểu biết nhiều mà, sao không tự đi chế tạo nó một mình đi?” Tôi thách thức.

Quentin thật sự từng tự tay xây một nhà thờ nhỏ. “Cho cậu biết, tớ đã từng nghĩ đến việc chế tạo một quả tên lửa đấy chứ, nhưng có vài yếu tố khách quan cản trở. Công việc này cần một tập thể và nguyên vật liệu. Theo tớ quan sát, cậu có tư chất... lãnh đạo, điều mà tớ không có”. Cậu nhìn chăm chú vào tôi. Ánh mắt thật mãnh liệt, như tia lửa đạn vậy. “Những thằng khác sẽ tuân theo lệnh cậu.” Quentin nói tiếp. “Còn nữa, cậu là con của quản đốc của Coalwood, dư sức thu thập những nguyên vật liệu cần thiết.”

Ánh mắt hình tia lửa đạn làm tôi muốn tránh đi chỗ khác nhưng tôi vẫn không nhúc nhích. “Mục đích của cậu là gì?” Tôi hỏi gặng.

“Hô hô!” cậu chàng cười phá lên. “Giống như cậu thôi, bạn già ạ! Nếu tớ biết chế tạo tên lửa, tớ sẽ có cơ hội đến Cape làm việc.”

“Cậu phải vào đại học trước chứ.” Tôi nhắc nhở Quentin.

“Tớ sẽ vào đại học,” cậu quả quyết. “Nhưng cũng chẳng có hại gì nếu tớ có kinh nghiệm thực tiễn về chế tạo tên lửa, đúng không.” Nói xong Quentin chìa tay ra. “Sao, cậu muốn hợp tác không?”

Từ lúc tôi bắt đầu sự nghiệp chế tạo tên lửa đến nay thì đây là lời đề nghị hấp dẫn nhất, dù sao đi nữa tôi vẫn cảm thấy có gì đó miễn cưỡng. Tôi không có danh tiếng gì cho lắm ở Big Creek song ít ra cũng còn hơn Quentin. Nhưng mặc cho tôi bất động, Quentin tự chộp lấy tay tôi, bắt lấy bắt đề. Tôi rút nhanh tay lại rồi nhìn quanh xem có ai để ý đến mình không. Tôi biết chắc rằng nếu ai đó trong đội bóng bầu dục trông thấy cảnh tôi nắm tay Quentin thì họ sẽ lại gán cho tôi những điều không lấy gì làm thơm tho.

“Rồi, vậy cậu biết gì nào?” Tôi hỏi gặng, mặt hiện rõ sự ngại ngùng.

“Bình tĩnh nào bạn già.” Cậu chàng nói. “Mọi chuyện sẽ sáng tỏ ngay thôi”. Cậu ngả người ra sau, hít một hơi thật sâu rồi bắt đầu thao thao bất tuyệt như đang trực tiếp đọc mọi thứ từ một cuốn sách nào đó ra vậy. “Người Trung Quốc được mệnh danh sáng chế ra tên lửa học. Vào thế kỷ 13, ở châu Âu và Trung Đông từng nhắc đến nó với cái tên “Những mũi tên Trung Hoa”. Sau đó, người Anh mang theo tên lửa lên tàu chiến của họ trong thời đối đầu với Napoleon và chiến tranh năm 1812. Đó là nguồn gốc của “hào quang đỏ của hỏa tiễn” trong bài “Lá cờ ánh sao chói lọi”^[15]. Tiếp đó là những

Tsiolkovsky^[16] (Nga), Goddard^[17] (Mỹ), và đương nhiên là cả von Braun. Mỗi người trong số họ bồi đắp thêm những kiến thức hữu ích cho việc chế tạo tên lửa. Tsiolkovsky chỉ là một nhà lý thuyết, còn Goddard lại áp dụng những nguyên lý khoa học, và...”

Tôi ngắt lời cậu ấy: “Tớ không cần biết về những thứ này. Tớ chỉ muốn biết hỏa tiễn hoạt động ra sao thôi.”

Quentin gật gù. “Nhưng đó là những điều cực kì *cơ bản*. Định luật 3 của Newton. Đối với mỗi lực tác động bao giờ cũng có một phản lực cùng độ lớn.”

Tôi nhớ mang máng một ít về Newton từ các tiết khoa học trong lớp, nhưng tôi chẳng thể nào hiểu được những định luật của ông ấy. “Làm sao cậu biết được điều đó?”

“Tớ đọc ở đâu đấy.”

“Đọc ở *đâu*?”

Quentin tỏ vẻ không hài lòng và cảm thấy khó chịu vì những nỗ lực của tôi nhằm cắt ngang những lời khoác lác của cậu ấy.”Chắc là từ một cuốn sách vật lý,” cậu ấy quả quyết. “Tớ không nhớ chính xác là cuốn nào. Thứ bảy nào tớ cũng đến xem sách ở thư viện Welch của tỉnh mà. Tớ cứ chọn đại một kệ sách rồi đọc mọi cuốn trên đó đến khi nào chán thì thôi.”

Tôi nhận ra rằng cần phải hỏi rõ vào vấn đề hơn với Quentin. “Phải dùng loại nguyên liệu gì cho tên lửa?”

“Người Trung Quốc sử dụng thuốc súng đen.”

“Thuốc súng đen?”

Cậu nhìn tôi chăm chú cứ như xem thử tôi có đang nói đùa hay không. “Thuốc súng đen. Nó bao gồm kali nitrat,... như cậu đã biết đấy, rồi than và lưu huỳnh.”

Kali nitrat? Quentin thở dài rồi lý giải thêm vài chi tiết những nhân tố hóa học. Nó là một chất ôxy hóa, khi phản ứng với những chất hóa học khác sẽ sinh ra nhiệt và khí ga, yếu tố cần thiết giúp cho tên lửa bay được. “Nó cũng có thể giết chết phần dưới của cậu đấy”, cậu ấy kết thúc bằng cái chỉ tay xuống đũng quần.

“Cậu nói vậy là sao?”

“Nó làm cho đàn ông không thể... cậu biết mà.”

“Biết gì cơ chứ?”

Quentin đỏ mặt. “Cậu biết...”. Cậu ấy vươn thẳng ngón tay đang cong ra “...chỗ đó đó”.

“Thật thế à?”

“Ừm, thì điều họ nói trong sách là vậy đây.”

Tôi nghĩ mình nên quay lại đề tài tên lửa thì hơn. “Tớ có thể mua thuốc súng đen này ở đâu?”

“Theo tớ biết thì cậu không thể mua nó đâu.” Quentin nói. “Cậu phải pha trộn ra nó. Xanpet, lưu huỳnh và bột than là những thứ chúng ta cần. Cậu có thể tìm ra chúng không?”

Tôi không chắc lắm nhưng không để cho cậu ấy biết. “Được thôi, tớ sẽ tìm ra chúng.”

Quentin hét toáng lên rồi trở nên cực kì hào hứng y như tôi là bạn chí cốt của cậu ấy vậy. Quentin mở toang cặp ra rồi cho tôi xem những cuốn sách nằm trong đó, đa số là sách về khoa học thường thức, chỉ duy nhất có một cuốn tiểu thuyết có tựa đề *Hạ Chí Tuyền*^[18]. “Cậu muốn hiểu biết về con gái không? Hãy đọc cuốn này đi.” Giọng cậu đột nhiên trở nên ranh mãnh.

“Tớ biết về con gái rồi.”

Cậu ấy gập sách lại: “Không, cậu chưa biết gì đâu.”

Khi chuông báo giờ học vang lên, chúng tôi cùng đứng dậy. Lần đầu tiên tôi để ý đến chiếc áo sơ-mi sờn cũ nhất là phần cùi chỏ, chiếc quần vải Cotton vá chằng vá đụp và đôi giày ống cao mòn gót của Quentin. Cậu tới từ Bartley chứ không phải đang sống ở Coalwood và là một trong những đứa trẻ mà Mẹ bảo tôi phải chú ý tới. Khu mỏ ở Bartley luôn xảy ra tình trạng sa thải và đình công; vài năm gần đây, nhiều gia đình ở đó đã rơi vào tình cảnh nghèo đói, khổ cực. Có lẽ bố của Quentin cũng đang trong tình trạng thất nghiệp. Vào năm 1957, nếu ở tại phía Nam của miền Tây Virginia thì bạn cũng sẽ không bị đói dù không một xu dính túi vì chính phủ luôn trợ cấp bánh mì và phô mai. Nhưng đó là tất cả những gì bạn có được.

Roy Lee chặn tôi lại trong sảnh và gặng hỏi: “Cậu nói cái quái gì với thằng thoái hóa Quentin đó vậy? Tớ còn thấy cậu nắm tay nó nữa à?”

Tôi đã đủ phiền phức nên không muốn trả lời Roy Lee nhưng sau đó tôi nhận ra rằng mọi việc còn phiền hơn khi tôi cho cậu ấy biết sự thật: “Tớ và cậu ấy sẽ cùng chế tạo tên lửa.”

Một đám bạn đi ngang qua chúng tôi, Dorothy Plunk có mặt trong đó cất giọng thiên thần: “Chào Sonny, Roy Lee”. Tôi mở miệng nhưng chẳng thốt nên lời.

Roy Lee lắc đầu rồi tựa vào tủ đồ. “Trời đất quỷ thần ơi. Cậu định từ bỏ một cuộc sống bình thường à? Dorothy Plunk mà thấy cậu chơi cùng với Quentin thì sẽ chẳng màng đến cậu nữa đâu.”

Tôi dõi theo, cố không nhìn chằm chặp vào cặp mông xinh xắn của nàng đang đong đưa từng nhịp xuống cuối sảnh. “Dù sao đi nữa Dorothy cũng đâu để ý gì đến tớ.” Tôi nói như ngừng nghĩ.

Roy Lee thì chẳng cố giấu diếm rằng cậu đang nhìn vào cái gì. Mắt cậu chàng hau háu dõi theo Dorothy suốt chặng đường. “Whew,” cậu ấy huýt sáo rồi quay lại nhìn tôi. “Sonny, dù sao thì cậu cũng có gu khá đấy. Sao lại không rủ cô ấy đi chơi? Hai cặp tụi mình hẹn nhau vào cuối tuần tới đi, đậu xe ở khu người hâm mộ Caretta ấy.”

“Cô ấy sẽ từ chối mà thôi.”

Roy Lee lại lắc đầu chán ngán cứ như tôi là một gánh nặng của đời cậu ấy vậy. “Nếu cậu không mời thì tớ sẽ làm đấy.”

“Cậu sẽ không làm thế thật chứ!” Tôi ré lên.

Cậu ấy nhướn mày, cong môi lên nở một nụ cười nham nhở đầy vẻ dâm dăng. “Ồ, tớ sẽ làm thật đấy!”

Roy Lee đã nhốt tôi vào rọ rồi. Nếu cậu ta ngỏ lời mời Dorothy và nàng nhận lời thật thì tôi không biết mình có thể chịu nổi không, nhất là khi đã biết rõ rằng Roy Lee có mưu đồ gì với nàng. Và nếu như nàng chấp nhận cho Roy Lee hành động như vậy hay cậu ấy khẳng định rằng nàng đã làm vậy thì sao? Chắc hẳn cuộc đời tôi sẽ tan nát từ đây. Không còn đường lựa chọn, tôi bèn đuổi theo Dorothy và bắt kịp nàng đang đứng cùng Emily Sue trước cửa vào lớp sinh học. “Cho tớ xin lỗi, tớ ngán mấy con giun lắm.” Dorothy nói ngay.

“Dorothy,” tôi mở lời mà nghe tim mình đập thình thịch, “cậu đi nhảy cùng tớ vào tối thứ bảy nhé? Cùng với Roy Lee nữa? Ý tớ là đi cùng xe hơi với cậu ấy? Ý tớ là...”

Đôi mắt xanh của nàng chớp chớp. “Nhưng tớ có kế hoạch mất rồi!”

Mặt tôi khô ngắt không còn một giọt máu nào. “Ồ...”

“Nhưng cậu có thể đến nhà tớ vào chiều Chủ nhật,” nàng cất giọng ngây thơ, “tớ thích học sinh học với cậu lắm.”

Đến nhà nàng! “Tớ sẽ đến!” Tôi thề thốt. “Tớ nên mang theo gì nhỉ? Ý tớ là...”

“Chỉ mỗi thân cậu là đủ rồi, ngốc ạ.” Nàng nhìn tôi, tỏ vẻ dò xét, tôi có cảm nhận rằng nàng hài lòng với những gì vừa thu được rồi kết luận: “Chúng mình sẽ rất vui đấy”.

Emily Sue nãy giờ đã quan sát mọi diễn biến và lên tiếng: “Hãy thận trọng với điều này, Dorothy ạ”

“Cậu nói thế là có ý gì?” Dorothy hỏi lại cô bạn của mình.

Họ nói chuyện với nhau cứ như không có mặt tôi ở đó vậy. “Sonny tốt lắm.” Emily nói ngắn gọn.

“Ừm, thì tớ cũng vậy mà!” Dorothy đáp lại rồi bỏ vào lớp học.

Roy Lee lảng vảng xung quanh nghe ngóng rồi đến gần Emily Sue hỏi: “Cậu nghĩ sao?”

Họ lại nói với nhau cứ như tôi không hề hiện diện trên cõi đời này. “Nguy hiểm đấy.” Emily trả lời. “Nhưng có lẽ không đến nỗi là thảm họa”.

Trong suốt giờ học đó, tôi không thể nhìn liếc trộm sang bàn Dorothy lúc nàng đang vẽ mớ ruột của con ếch. Mỗi khi tập trung cao độ nàng có một thói quen cực kì đáng yêu là thường để lộ đầu lưỡi hồng hồng xinh xinh nhô ra khỏi đôi môi chín mọng trông thật ngon lành. Nàng đang khoác một chiếc áo choàng không tay màu trắng với một dải băng xanh quấn quanh cổ áo; trông nàng thật thơ ngây. Và mỗi lúc nàng hát áo khoác ra làm tôi khổ sở với những ý nghĩ đen tối cứ lớn vờn trong đầu mình. Nàng bắt gặp tôi nhìn trộm một lần và trao cho tôi một nụ cười kín đáo làm tôi ngượng chín cả mặt. Thật tình tôi không thể lý giải nổi sự hoàn hảo toát ra từ con người này. Bất chợt, một nỗi đắn đo ập đến trong tôi. Nếu như Dorothy đã có kế hoạch cho tối thứ bảy, chắc chắn không phải là ở nhà nướng bánh với mẹ nàng rồi.

HÀU HẾT mỗi thị trấn thuộc miền Tây Virginia đều hiện hữu hệ thống cửa hàng của công ty. Những cửa hàng này rất đặc trưng với việc dễ dàng cho mua chịu và giá cả lạm phát. Một khi thợ mỏ thiếu nợ công ty quá mức giới hạn thì họ sẽ không được trả lương bằng tiền mặt nữa, thay vào đó họ nhận được một dạng *ngân phiếu tạm thời* - đồng nghĩa với việc chỉ sử dụng giao dịch được trong chuỗi cửa hàng của công ty mà thôi. Thật là một hệ thống xảo quyệt. Vào những năm 1950, bài hát “16 Tấn” của Tennessee Ernie Ford viết về một người thợ mỏ bán linh hồn mình cho hệ thống cửa hàng của công ty, trở nên nổi tiếng khắp đất nước. Dù sao, nó cũng đã phản ánh đúng sự thật về số phận nhiều người thợ mỏ ở miền Tây Virginia này.

Trong một lần nghị sự thường lệ, Đội Trưởng bác bỏ những mặt tối tệ nhất của hệ thống cửa hàng ở Coalwood. Ông ấy còn dẫn tới ông Devotee Dantzler, một quý ông tốt nghiệp đại học đến từ Mississippi, nhằm đảm bảo rằng giá cả được giữ ở mức hợp lý và không có người thợ mỏ nào bị lừa bịp cả. Đội Trưởng cũng khẳng định rằng việc mua chịu vẫn được tiếp tục tiến hành khi cần thiết nhưng sổ sách sẽ được kiểm kê rất chặt chẽ. Không có thợ mỏ nào được nợ quá nhiều và ngân phiếu tạm thời ở Coalwood được phát hành rất dè sẻn. Mặc dù có nhiều cửa hàng nhỏ mọc rải rác khắp thị trấn để phục vụ cho người dân nhưng dưới sự quản lý của ông Dantzler, Big Store trở thành nơi tụ tập thường ngày và là biểu tượng đoàn kết của thị trấn.

Big Store bán đủ loại hàng hóa, mỗi thứ một ít, từ giày đinh, thắt lưng da, mũ bảo hộ lao động, bộ áo liền quần, hộp cơm trưa hình trụ ưa thích của công nhân; đến quần áo gia đình, rau củ; và cả ô, tủ lạnh, xe nô, radio, tivi (miễn phí lắp đặt vào cáp truyền hình của công ty), đàn dương cầm, ghi-ta, máy quay đĩa, quầy bán đĩa nhạc cũng có nốt. Big Store còn có quầy dược phẩm với nhiều loại thuốc đã được

kiểm định đảm bảo đáp ứng được mọi toa thuốc của bác sĩ. Cạnh đó là một máy bán nước sô-đa, nơi có thể mua nước ngọt, kẹo và sữa lắc với lớp bọt dày đến nỗi ống hút cắm vào có thể đứng thẳng được. Ngoài ra, Big Store còn cung cấp cả linh kiện ô tô và gỗ; xẻng, cuốc chim, cào, và cả hạt giống cho thợ mỏ gieo ở những khu vườn nhỏ mà họ đào xới dọc sườn núi. Big Store có cả một số ít loại quan tài nữa, chúng được cất giấu trong phòng sau. Mặc dù việc chôn cất người chết trong lãnh thổ của công ty là bất hợp pháp nhưng người da đỏ vẫn tổ chức những nghi lễ trong thung lũng Snakeroot. Tuy nhiên, công ty và Bố tôi bỏ mặc điều này.

Big Store cung cấp hầu hết mọi thứ phục vụ cho người dân trong Coalwood, nhưng liệu nó có nhiên liệu cho tên lửa không nhỉ? Tôi gom góp tiền dành dụm đựng hộp xì gà và mớ ngân phiếu tạm thời còn sót lại từ những ngày giao báo xa xưa của mình đến gặp Junior - anh chàng bán được phẩm - để thử vận may. Junior trông nhỏ nhắn và tròn trĩnh với gương mặt bầu bĩnh hiền hậu; anh thông minh và rất được lòng mọi người trong thị trấn. Thời Junior còn lái xe tải đi giao hàng cho khách, nhất là những mặt hàng nặng như tủ lạnh, anh luôn được mời vào nhà họ, mặc dù anh là người da đen. Hầu hết mọi phụ nữ đều yêu mến anh, đôi khi còn tỏ thái độ âu yếm nữa kìa. Junior khó lòng thoát khỏi họ nếu không uống một tách trà, cà phê hay ăn một miếng bánh. Có lần tôi nhìn thấy anh đứng cạnh Mẹ, tỏ lòng ngưỡng mộ bức tranh tường trong bếp khiến bà tươi cười rạng rỡ. Có người đồn rằng Junior từng học đại học, nghĩa là học thức còn hơn Bố tôi. Junior vừa nghe lời yêu cầu của tôi liền héch mặt lên tỏ vẻ nghi ngờ. “Kali nitrát ấy à?” Anh vặn hỏi, giọng bức bối. “Bố mẹ sai chú mày mua à?”

“Em tự mua.” Tôi quả quyết. “Dùng cho dự án khoa học. Em còn cần lưu huỳnh và than củi nữa.”

Junior chỉnh lại gọng kính bằng dây kềm và bắt đầu tính toán. Đoạn anh vào bên trong rồi đem ra lưu huỳnh và kali nitrát, mỗi thứ một can, cả một túi than củi nặng khoảng 4,5kg nữa. “Nghe này, nhóc tên lửa,” anh bảo. “Mấy thứ này có thể làm nổ cả vương quốc của chú mày đấy nhé. Chú mày có hiểu ý anh không?”

“Vâng thưa anh.” Tôi lẩm bẩm, lấy ngân phiếu tạm thời ra để trả cho mớ hàng. Rồi tôi bỏ mọi thứ lên xe và chở về nhà. Trên đường, tôi đi ngang một hàng công nhân đang trên đường đến khu mỏ, trong đó có chú Dubonnet. Chú chặn tôi lại hỏi: “Ta nghe cháu định làm tiếp quả tên lửa nữa.”

“Vâng, cháu vẫn theo đuổi việc đến Cape Canaveral và cùng làm việc với Wernher von Braun mà.”

Chú có vẻ hào hứng với thông tin này: “Tốt, tốt đấy. Cháu quá thông minh, ở lại nơi này sẽ uống mất.”

Đoàn tàu chở than sau lưng chúng tôi bất thành lĩnh va vào nhau loảng xoảng trước khi chui vào nhà than. Tiếng ồn đó có thể sánh ngang với cả trăm vụ tai nạn ô tô xảy ra đồng loạt ấy chứ, nhưng chẳng ai, kể cả tôi, thềm quan tâm hay nhìn xem nó đi về hướng nào cả. “Chú Dubonnet à, chú cũng thông minh vậy.” Tôi nói nhằm tìm hiểu lý do vì sao dạo này dường như mọi người đều muốn tôi rời khỏi thị trấn. “Sau chiến tranh, sao chú lại quay về miền Tây Virginia nếu chú đã nhận ra nơi này không phải miền đất hứa?”

Chú bật cười. Dubonnet có một kiểu cười hô hô sáng khoái nghe rất thú vị. “Cháu năm cán được ta

“rồi, Sonny ạ.” Chú bắt đầu cất bước còn tôi đẩy xe theo. “Chú nghĩ rằng những ngọn núi, những khu mỏ và những con người ở đây đã ăn vào máu thịt của mình rồi. Ngay sau khi về nước, chú đã nôn nao được về tỉnh McDowell ngay, chú thuộc về nơi này mà.”

Thì ra là vậy. Chú vừa chạm ngay vào những thắc mắc đeo đuổi tôi từ cái lần được Mẹ giáo huấn ở sân sau nhà. “Sao chú biết rằng cháu không thuộc về nơi này?” Tôi hỏi.

Ông dừng lại, nhướn mày lên ngạc nhiên cứ như tôi vừa nói một điều gì lạ lẫm vậy. Chắc có lẽ sự ngớ ngẩn của tôi còn tiếp tục làm nhiều người khác trong thị trấn ngạc nhiên nữa cho mà xem. “À không, đương nhiên cháu thuộc về nơi này chứ. Ai sinh ra ở đây cũng thuộc về nơi đây thôi chứ đâu thể thuộc về chỗ khác.” Chú trả lời.

Cả đoàn xe rỗng rít lên khi đầu tàu đang nằm cách mỏ 1 dặm bắt đầu đẩy chúng về phía nhà than. Tôi hét toáng lên để mọi người có thể nghe thấy: “Vậy thì cháu không hiểu sao mình lại phải ra đi cả!”

Ông lại dừng bước, những người thợ mỏ khác mệt mỏi băng ngang qua chúng tôi chuẩn bị cho giờ thay ca. “Cháu không hiểu à?” Chú hét to. “Vài năm nữa thôi, tất cả những thứ ở đây sẽ đều tan biến như chưa bao giờ tồn tại”. Đoàn xe bắt đầu chuyển động và tiếng ồn dần giảm bớt thành những âm thanh rầm rầm sâu thẳm. Chú Dubonnet hạ giọng theo: “Ngay cả Liên minh Công nhân cũng không thể để làm đầy lại những quặng than trong lòng đất này đâu.”

Nhìn vào ranh giới giữa người đàn ông này và Bố, tôi biết có lẽ không nên hỏi han gì về Bố mình, nhưng tôi vẫn buột miệng: “Bố cháu có biết về việc này không?”

Chú Dubonnet nhăn mặt: “Ông ấy biết chứ, nhưng vẫn vờ như không thấy thôi.”

“Sao vậy ạ?”

“Đi mà hỏi bố cháu ấy.” Chú Dubonnet trả lời, mặt tối sầm lại. “Chúc cháu thành công với chiếc tên lửa của mình nhé, Sonny.” Nói rồi chú đi lẫn vào đoàn người và nhanh chóng biến mất. Lại thêm một chiếc mũ bảo hộ màu đen hòa vào dòng sông đen của những chiếc mũ khác, lắc lư chảy về phía nhà than. Tôi nhìn xuống những căn nhà dưới thung lũng. Những người phụ nữ đang bận bịu với xô và bàn chải trước sân nhà, vật lộn trong cuộc chiến bất tận với bụi than. Đoàn xe tiếp tục lăn bánh đến khi chiếc đầu tàu đen ngòm xuất hiện, phụt ra một đám khói trắng mù mịt. Nó vụt qua, khuấy tung làn khói. Người lái tàu vẫy tay chào tôi và tôi vẫy lại lia lịa. Với tất cả những hoạt động tiếp diễn liên tu bất tận như vậy thì làm sao mà mọi thứ có thể kết thúc được nhỉ. Có lẽ tôi và Bố cùng mù quáng về việc này như nhau.

Cạnh chiếc máy giặt dưới tầng hầm là một cái quầy to và một bồn sắt lớn. Tôi quyết định nơi đây sẽ trở thành phòng thí nghiệm cho quả tên lửa của mình. Khi tôi vừa đặt những nguyên liệu hóa học lên quầy thì cửa tầng trên bật mở. “Sonny.” Mẹ gọi và tôi vâng dạ đáp lại bà. “Nhớ mẹ nói gì không. Đừng tự làm mình nổ tung lên đấy nhé.”

Đúng là tin tức ở Coalwood lan truyền nhanh hơn đạp xe thật.

QUENTIN đi nhờ xe đến nhà tôi vào thứ bảy. Khi tôi giới thiệu Mẹ, cậu khẽ nghiêng mình cúi chào - một kiểu của Errol Flynn^[19], tôi chắc rằng cậu ấy đã bắt chước sau khi xem phim. Mẹ tỏ ra rất ấn tượng và đưa tay lên miệng cứ như một cô bé đang bẽn lễn vậy. Mẹ rất hiếm khi làm bánh qui nhưng một lát sau tôi đã ngửi thấy mùi thơm len lỏi ra từ bếp. Lúc Mẹ thỉnh thoảng bưng bánh và 2 cốc sữa xuống cầu thang tầng hầm, tôi nhận thấy chồng bánh của Quentin cao gấp đôi của mình. Sau khi nhấm nháp một miếng, Quentin phát biểu với Mẹ: “Ngon quá cô ạ, không nghi ngờ gì nữa, đây là những cái bánh ngon nhất trong lịch sử mà cháu được nếm thử.” Mẹ tỏ ra xao động và hỏi han xem còn có thể làm gì cho chúng tôi nữa không.

“*Không cần gì đâu Mẹ,*” tôi trả lời. Tôi chỉ muốn bà nhanh chóng rời khỏi đây để chúng tôi có thể bắt đầu làm việc.

Mẹ có vẻ muốn tiếp tục lảng vảng xung quanh: “Nếu có gì cần thì cứ gọi mẹ nhé.”

“Chúng con sẽ gọi mà. Gặp Mẹ sau ạ.”

Sau khi Mẹ đi lên bếp, tôi đứng nhẩn nại chờ Quentin nhấm nháp thêm bánh qui. Cuối cùng, cậu ấy cũng nốc hết ly sữa, chùi miệng vào tay áo rồi nhắc bao kali nitrat lên, nhìn vào trong, “Có vẻ tinh khiết đấy”. Tôi tự hỏi bằng cách nào cậu ấy có thể biết được điều này.

Chúng tôi bắt đầu làm việc dưới sự quan sát lén lút của Dandy và Poteet từ trong góc tối cạnh lò sưởi than. Đầu tiên chúng tôi trộn nhiều mẻ nhỏ từ đồng nguyên liệu mà chúng tôi mong rằng nó là thuốc súng đen. Để thử nghiệm, chúng tôi mở vỉ lò ra và cho mỗi thứ một muống đầy vào lò đun nước nóng bằng than đốt nằm cạnh chiếc máy giặt. Những hỗn hợp đó chỉ xì xèo một cách yếu ớt nhưng cũng đủ làm cho lũ chó hoảng sợ đòi rút lui. Tôi mở cửa tầng hầm và bọn chúng phóng ra ngoài mất dạng. “Cậu nghĩ sao?” Tôi hỏi. Quentin nhún vai. Chẳng đứa nào biết nhiên liệu tên lửa cháy ra sao.

Chúng tôi quyết định thử nghiệm 2 hỗn hợp tốt nhất trong những dụng cụ mô phỏng như tên lửa. Có vài chiếc ống nhôm rộng 2,5cm nằm dưới hiên sau nhà, Bố đã đem chúng từ khu mỏ về dùng làm chỗ đứng cho những người chăm sóc chim. Tôi chiếm đoạt chúng và tự trấn an lương tâm mình rằng họ sẽ chẳng bao giờ sử dụng đến. Tôi cưa 2 đoạn dài khoảng 30cm mà Quentin gọi nó là “khung cửa sổ”. Sau đó chúng tôi nện dẹp một đầu dài bằng cán chổi rồi đổ hỗn hợp vào; bóp đầu kia bằng kim để tạo thành chỗ thắt mà theo một sơ đồ trong tạp chí *Life* gọi là “miệng tên lửa”. Thành phẩm nhìn thật thô thiển, nhưng không sao vì cũng chỉ dùng cho việc thử nghiệm thôi mà. Tiếp theo, chúng tôi lấy keo dùng cho mô hình máy bay để dán chân đế bằng những miếng giấy cạc tông hình tam giác. Chúng tôi thừa biết rằng chúng sẽ bị đốt cháy nhưng ít nhất cũng có thể làm bệ đỡ cho tên lửa. “Chúng ta cần nhìn thấy thuốc súng phản ứng như thế nào dưới sức ép. Dù cho kết quả ra sao chúng ta cũng sẽ có được cơ sở để cải tiến.” Quentin giải thích.

Tôi bắt đầu nắm bắt được cách Quentin đưa ra sự việc. Điều cậu vừa nói có nghĩa là chúng tôi phải

bắt đầu từ một điểm nào đó, thành công hay thất bại cũng giúp chúng tôi chế tạo tiếp dựa theo những gì học hỏi được trong quá trình đó. Cứ cho rằng những quả tên lửa được chế tạo tại Cape Canaveral mà tôi biết được đều nổ tung hết, đối với tôi, đó cũng chỉ là cách mà Wernher von Braun và những nhà khoa học tiên hành mà thôi. Không có Quentin, chắc chắn tôi sẽ ngượng chết thôi nếu như làm nên bất cứ thất bại nào trước Chúa hay bất kì ai. Nhưng khi có Quentin, dù có gì xảy ra đi nữa tôi cũng cảm thấy đó là “khoa học”. Thất bại, xét cho cùng cũng làm dày thêm khối kiến thức của chúng ta. Đây cũng chính là cách nói của Quentin. *Khối kiến thức của chúng ta*. Tôi cảm thấy thích thú với ý nghĩ mình đang xây dựng một thứ như vậy.

Sau khi chân đế khô hoàn toàn, tôi quyết định sẽ thử nghiệm sáng chế của chúng tôi bên kia con sông sau nhà. Tôi nghĩ rằng chẳng thứ gì bị chúng tôi làm nổ ở đây lại có người quan tâm đến. Thật bất ngờ, Roy Lee xuất hiện và giải thích rằng cậu ấy tình cờ đang ở quanh đây. Tôi nghĩ cậu ấy đã lãng vãng quanh khu vực này để chờ tôi và Quentin đến.

Quả tên lửa đầu tiên bốc lên một đám khói vàng sôi sục, hôi thối và ghê tởm rồi lăn kênh ra. Thì ra là lớp keo của chân đế bị chảy. “Tuyệt vời,” Roy Lee lầm bầm, tay bịt mũi. Quentin chỉ lặng lẽ ghi lại kết quả vào mảnh giấy vỡ. *Khối kiến thức của chúng ta*.

Quả tên lửa thứ hai nổ tung. Một mảnh khá to bật vào chiếc xe bỏ trống mà chúng tôi đang ẩn nấp ở phía sau nó. Một đám khói nhòn nhọt bao quanh chúng tôi. Bố bước ra hiên sau và hét lên: “Sonny! Bước lại đây ngay!” Ngoan ngoãn, chúng tôi nườngtheo làn khói đến chỗ ông đang đứng. Bố nhăn mũi. “Không phải Bố đã bảo con đừng có làm cái trò này nữa à?”

Tôi chưa kịp trả lời thì Mẹ bước ra. “Homer, có điện thoại.” Bà xua đám khói và mỉm cười với chúng tôi.

Bố nghe điện thoại xong lại trở ra. Ông bỏ mặc Quentin và Roy Lee, chỉ nhìn chăm chăm vào tôi. “Ngay khi Bố vừa cúp điện thoại thì chuông lại reo. Mọi người đang than phiền về mùi hôi và khói con tạo ra đây. Bố muốn mọi việc dừng ngay lại. Con có nghe rõ không?”

Mẹ nhanh nhẩu chữa ngay lời Bố. “Đừng làm ngay sau nhà, con yêu. Con cần tìm một chỗ thích hợp hơn.”

Bố quay lại phía Mẹ. “Elsie, bọn chúng cần phải ngừng cố gắng đốt trại cả cái Coalwood này đi chứ!”

Mẹ vẫn tươi cười với lũ trẻ chúng tôi. “Được thôi, em sẽ bắt chúng hứa. Tụi con sẽ không đốt trại cái thị trấn xinh đẹp tuyệt vời này chứ?”

“Không đâu, thưa cô!” Chúng tôi đồng thanh.

“Anh thấy chưa?”

Bố lườm Mẹ, lắc đầu rồi bước vào nhà. Bà theo gót ông, để lại lũ chúng tôi chiêm ngưỡng những thất

bại đầy mùi hôi và cháy rụi của mình. Quentin vừa hoàn thành xong phần ghi chép. “Mẫu thử đầu tiên quá yếu, cái thứ hai lại quá mạnh,” cậu ấy kết luận. “Bây giờ chúng ta biết chúng ta đang làm được tới đâu. Tốt, rất tốt.”

Bên kia sông, một vài đứa trẻ tụ tập - toàn một lũ nhóc bụi đời dơ bẩn còn nhầy nhựa nước mũi. “Này, những cậu bé tên lửa! Sao tên lửa của các cậu không bay vậy?” Chúng đồng thanh châm chích.

Roy Lee lượm một hòn đá lên, ngay lập tức bọn chúng bỏ chạy hết trong tiếng cười khúc khích.

TÔI ĐI NHỜ XE đến War vào chiều Chủ nhật. Nhà Dorothy nằm trên núi phía bên kia đường ray, nơi có thể nhìn xuống quan sát toàn thị trấn. Mẹ nàng chào đón tôi bằng một nụ cười rạng rỡ cứ như bà chẳng còn cần gặp một người nào khác nữa trong đời mình vậy. Tôi nhận thấy được đường nét của Dorothy từ bà, nhưng trái ngược với con gái mình, bà rất to con và lực lưỡng. Mặc dù mái tóc Dorothy hung hung đỏ, tóc bà lại ngả màu cam. Bố nàng thì gầy, cao lêu nghêu và gần như hói đầu, ông bước ra từ nhà bếp rồi bắt tay tôi một cách uể oải. Là chủ của một trạm xăng ở War, tôi chắc rằng ông để bà Plunk đảm đương mọi chuyện xã giao. Hai ông bà cùng rút vào bếp, để lại tôi và Dorothy trong phòng khách cùng với những cuốn sách sinh học. Thật ra, chúng tôi chẳng học được bao nhiêu. Suốt buổi nàng chỉ muốn biết tất cả về những quả tên lửa của tôi. “Mình thật tự hào được biết một người đang làm một điều thật thú vị như cậu!”

Được khuyến khích, tôi cho nàng biết rằng mình đang cố gắng học hỏi như thế nào để được đến làm việc cùng Wernher von Braun tại Cape Canaveral. “Ồ, Sonny, mình biết cậu sẽ trở thành một nhân vật quan trọng vào một ngày không xa. Khi cậu đến Florida, cậu sẽ viết thư và kể mọi thứ cho mình nghe chứ?” Nàng hỏi.

Tôi cố gắng tìm can đảm để nói cho nàng biết rằng tôi đâu muốn viết thư mà chỉ muốn có nàng cạnh bên mình mà thôi. Nhưng trước khi tôi kịp mở miệng thì nàng đã nói tiếp: “Mình muốn trở thành cô giáo và muốn làm mẹ, một người mẹ tuyệt vời nhất chưa từng có. Mình yêu trẻ con lắm...”

“Mình cũng vậy!” Tôi kêu lên mặc dù điều này thật mới mẻ đối với mình. Nhưng có sao đâu, ước muốn của nàng cũng là của tôi thôi.

Chúng tôi tiếp tục trò chuyện về bạn bè và bố mẹ. Tôi kể nàng nghe về Mẹ mình, về bao nhiêu thứ thú vị mà bà từng làm, về Chipper, con sóc bà nuôi trong nhà và bức tranh tường bà vẽ ở bếp. Đến khi tôi miêu tả về Bố thì tất cả những gì tôi có thể nói là ông làm chủ quán khu mỏ và toàn tâm toàn ý với nó, ông còn đại diện cho vụ kiện của đội Big Creek nữa. “Cảm giác làm em của Jim như thế nào?” Dorothy hỏi dù tôi chẳng nhắc gì đến anh ấy.

Tôi cũng chưa bao giờ nghĩ đến việc này cả nên chỉ có thể nói: “Cũng tạm tạm thôi.”

“Anh ấy là một cầu thủ bóng bầu dục *cừ khôi* đấy chứ!”

Tôi nhún vai: “Ừ...”

“Nhưng mình nghĩ cậu thú vị hơn nhiều,” nàng tiếp lời.

Điều này làm tôi tươi tỉnh trở lại, xem ra bây giờ là thời điểm thích hợp để mời nàng đi chơi đây. “Dorothy, cậu biết Roy Lee có xe hơi mà, mình nghĩ rằng nếu có thể, tụi mình có thể...”

“Cậu biết gì không, Sonny?” Nàng ngắt lời tôi. “Mình chưa bao giờ được ra khỏi miền Tây Virginia. Thật là đáng buồn phải không? Còn cậu thì sao?”

Câu hỏi của nàng làm câu hỏi của chính tôi tắt lịm trên môi. Tôi kể cho nàng nghe rằng mình từng tới bãi biển Myrtle, miền Nam Carolina nhiều lần. Rằng Mẹ tôi rất thích nơi đó. Bố cũng từng lái xe chở cả nhà đi Canada khi tôi học lớp 3, đến cả Quebec.

Nàng tỏ vẻ cực kì xúc động. “Kể cho mình nghe về Quebec đi.”

Tôi nhớ mọi thứ ở nơi ấy mới sạch sẽ làm sao, ngay cả tiếng Pháp cũng ấn tượng nữa. “Nó nghe rất thú vị đấy,” tôi bảo nàng.

“Một ngày nào đó mình cũng sẽ đến Quebec và nghe thử xem sao.” Dorothy phát biểu một cách nghiêm túc.

Đi được nửa đường về nhà thì tôi chợt nhận ra rằng Dorothy đã cố tình tránh lời hẹn hò của tôi. Tôi quyết tâm thực hiện điều này vào sáng ngày hôm sau. Tôi đảo mắt quanh giảng đường và nhìn thấy nàng đang túm tụm cùng với đám bạn gái xung quanh ba gã cầu thủ bóng bầu dục. Hôm nay Dorothy xúng xính trong chiếc áo len dài tay màu hồng bó sát và chiếc váy phòng màu đen. Nàng đang quỳ lên chiếc ghế trước mặt mấy tên đó, đưa tay che miệng và cười khi vừa nghe một thằng trong bọn chúng nói điều gì đó. Tôi chen vào đứng cạnh nàng và đứng lơ xớ vụng về trong khi nàng đùa cợt qua lại với hắn. “Vây tối thứ bảy nhé?” Hắn ta ngỏ lời, và nàng hớn hờ gật đầu.

“Ồ, chào Sonny!” Nàng chào vui vẻ rồi lướt ngang qua tôi, tản bộ về phía cùng với kẻ mình sắp hẹn hò. Tôi đứng chết chân ở đó và thấy tim mình như chìm xuống đáy vực sâu.

6. CHÚ BYKOVSKI

Auk I - IV

VÀO NGÀY 31 THÁNG 1 NĂM 1958, Cơ quan Tên lửa Đạn đạo Quân đội (Army Ballistic Missile Agency - ABMA), được Tiến sĩ von Braun chỉ đạo sẵn sàng thực hiện việc phóng vệ tinh *Explorer-I* bằng tên lửa *Jupiter-C*. Thời khắc phóng tên lửa xảy ra vào ban đêm nên tôi thao thức ngồi xem tivi để ngóng chờ những tin tức tốt lành. Khoảng 11 giờ đêm, một bản tin ngắn xen ngang chương trình *Tonight Show*, thông báo rằng việc phóng tên lửa đã thành công tốt đẹp và những thước phim về sự kiện này sẽ được phát ngay tức khắc. Tôi nằm lăn ra tắm thăm trước tivi, nhìn chăm chú vào màn hình đang hiển thị vồn vện chữ TAM NGƯNG và bắt đầu cầu nguyện. Mẹ, Bố và Jim đã đi ngủ từ lâu rồi. Chỉ còn Daisy Mae bò lên thăm rồi cuộn mình lên đùi tôi. Cả con mèo già Lucifer cũng không chịu được cái rét ngoài trời và đang nằm cuộn tròn trong chiếc ghế bành của Bố. Thật tuyệt khi ít ra cũng còn chúng ở đây cùng tôi. Tôi dựa ra sau rồi vỗ nhẹ lên đầu Daisy Mae. “Mày thật là một bé gái già ngoan, à, một con mèo già ngoan ngoan chứ.” Tôi thủ thỉ với nó. Nó đáp lại bằng một tiếng gừ nhẹ và liếm láp tay tôi.

Daisy Mae là một con mèo hoa tròn trịa rất dễ thương và rất quan trọng đối với tôi. Bốn năm trước, tôi thấy nó lang thang vào nhà từ phía những ngọn núi và đã bí mật lén nuôi nó dưới tầng hầm suốt cả ngày. Đến khi Mẹ bắt gặp, bà bảo tôi phải tìm một nhà khác nhận nuôi nó thôi. Xét cho cùng nhà tôi cũng đã có 2 con chó, 1 con sóc và 1 con mèo; đã đủ súc vật trong nhà rồi. Nhưng tôi nhăn nhó dỗi hờn suốt một ngày và sau cùng Mẹ cũng chịu nhượng bộ. “Nếu con muốn nuôi con mèo này thì phải tự chăm sóc cho nó đấy nhé,” Mẹ bảo. Tôi sẵn sàng nhận lời ngay, cũng dễ thôi mà (thật ra gật đầu đồng ý thì dễ thôi). Sau đó Daisy Mae đẻ ngay một lũ mèo con và bị hàng xóm nhanh chóng bắt về nuôi hết sạch. Từ đấy Mẹ mới thật sự cho nó chính thức gia nhập vào gia đình và dĩ nhiên tôi biết rằng bà sẽ đối xử với nó đồng đều như những con vật khác trong nhà, sẽ cho nó ăn và bắt bọ chét cho nó. Mẹ thấy rằng Daisy Mae là một con mèo dễ thương nhưng lại quá ốm yếu nên bà quyết định cải thiện sức khỏe cho nó. Và theo tôi được biết thì chưa có con chó hay mèo nào ở Coalwood này bị kế hoạch hóa cả. Mẹ lái chiếc Buick của Bố chở tôi và Daisy Mae đến bác sĩ thú y ở Bluefield, cách nhà 40 dặm và 6 quả núi. Đó là lần đầu tiên mà một con vật nuôi trong nhà tôi phải đi bác sĩ thú y. Sau khi lành lại, Daisy Mae càng trở nên đáng yêu hơn, nó luôn chờ tôi tan học về và ngủ chung giường với tôi mỗi tối. Tôi cũng thường trò chuyện với nó trước khi ngủ, nhất là những lúc tôi lo lắng hay sợ hãi. Nó luôn cho tôi cảm giác thoải mái vào những lúc mọi người trong nhà tỏ thái độ lạ lùng. Dĩ nhiên là tôi chẳng tiết lộ cho ai kể cả những thằng bạn biết rằng tôi nói chuyện với con mèo của mình. Và tôi cũng sẽ chẳng bao giờ bỏ rơi nó.

Khoảng nửa đêm (đó là thứ sáu, mai không phải ngày đi học), tôi bất ngờ nghe tiếng gõ cửa; thì ra Roy Lee, Sherman và O'Dell đến tham gia cùng tôi. Cả bọn ngồi xuống ghế sofa và sàn nhà. Chúng tôi nói chuyện phiếm, hầu hết về bọn con gái, một lúc sau thì O'Dell và Sherman tỏ ra ngán ngẩm. Tôi nhân lúc này để hỏi Roy Lee về cái chấm đen trong phổi Bố. Cậu nghe rồi rúc vào góc sofa và nhìn tôi tỏ

về lo lắng. “Tớ sẽ hỏi Billy cho,” Lee nói. Billy là anh trai cậu ấy.

“Đừng nói cho anh ấy biết vì sao cậu hỏi nhé. Bố tớ chẳng muốn ai biết về việc này đâu.”

Roy Lee ném cho tôi một cái nhìn hài hước. “Sonny, tớ biết từ lâu rồi và tớ đoán rằng mọi người ở Coalwood này đều biết cả đấy.”

Tôi gục đầu xuống thảm và chẳng lâu sau thì ngủ thiếp đi. Giữa đêm tôi giật mình thức dậy nhìn thấy tivi đang chuyển thành một màn hình trắng xóa. Tôi mặc kệ và tiếp tục ngon giấc. Tôi thức giấc khi bình minh vừa lên và phát ngôn viên trên tivi thông báo rằng mọi người hãy chờ trong chốc lát. Tôi đánh thức cả bọn dậy, ngay sau đó, không có một lời mở đầu giới thiệu, thước phim về khoảnh khắc phóng tên lửa được trình chiếu. Quả tên lửa của tiến sĩ von Braun rời khỏi bệ phóng trong cả vạc lửa và mù mịt khói. Nó bay thẳng lên vùng trời đêm không một phút do dự. Chúng tôi hò reo mừng rỡ dõi theo dấu vết của nó. O’Dell đứng dậy và nhảy tung tăng một chốc rồi thả mình xuống sofa và giơ cả hai chân lên trời làm động tác như đang đạp xe vậy. Tôi không biểu hiện ra mặt nhưng trong lòng cảm thấy thật tự hào và yêu nước vô hạn. Lúc đó Bố xuống nhà thả Lucifer và Daisy Mae ra ngoài rồi nhìn thấy lũ nhóc chúng tôi đang quây quanh cái tivi. Ông nhòm sang hỏi: “Nó hoạt động được chứ?”

Đó là lần đầu tiên mà tôi nhớ được là ông tỏ vẻ quan tâm đến không gian. “Vâng, thưa chú!” Chúng tôi rống lên.

Ông nhìn chăm chú vào tivi đang phát đi phát lại cảnh tên lửa của tiến sĩ von Braun được phóng lên như thế nào. “Bố chẳng biết rằng cái thứ này có tác dụng gì nữa,” ông lên tiếng. Tôi chưa bao giờ nghe ông nói như vậy cả.

“Chúng ta sẽ đi vào không gian Bố ạ,” tôi giải thích cho ông.

“Cậu nhỏ à,” ông trả lời “trong trường hợp của cậu thì đôi lúc tôi nghĩ rằng cậu đang ở trên đó rồi đấy.” Tôi xem đó như một lời khích lệ và mặt tôi rạng rỡ hẳn lên. Ông nhướn mày nhìn lại tôi.

Mẹ xuất hiện trong chiếc áo khoác mặc ở nhà. Bà nở nụ cười uể oải với tôi và mấy đứa còn lại. “Nó hoạt động chứ?”

“Vâng, thưa cô!”

“Em thấy điều này thật tuyệt đấy. Còn anh nghĩ sao, Homer?”

Bố đã đi vào bếp. “Tuyệt vời,” ông nói vọng lại từ xa.

Mẹ nhìn lại phía chúng tôi. “Các con muốn ăn sáng không? Bánh quế nhé?”

“Vâng thưa cô!”

Cùng ngày hôm ấy, tôi tụ tập Roy Lee, Sherman và O'Dell vào phòng. “Được rồi, bây giờ là những gì chúng ta sẽ làm,” tôi nói.

Roy Lee nằm vật ra giường rồi rên rỉ. “Mỗi lần cậu nói vậy là chúng ta đều gặp rắc rối cả.”

Tôi từ từ giảng giải kế hoạch của mình. Rằng tôi đang thành lập một câu lạc bộ mang tên Tổ chức Tên lửa Big Creek (Big Creek Missile Agency - BCMA), phỏng theo ABMA của von Braun. Quentin và tôi sẽ là các thành viên đầu tiên. Chúng tôi sẽ học hỏi mọi thứ về tên lửa và bắt đầu chế tạo chúng. Điều này thật sự nghiêm túc chứ không phải chuyện đùa. Nếu có ai muốn tham gia thì chúng tôi sẵn sàng chào đón. Thông thường, tôi biết rằng Roy Lee thà đứng dậy bỏ về còn hơn là dây vào bất cứ thứ gì có liên quan đến Quentin; nhưng không, cậu ấy ngồi dậy trên giường rồi gãi cằm ra vẻ tư lự. “Sonny, tớ thích việc này, nghe có vẻ thú vị đấy, cho tớ gia nhập với nhé.” Tôi nghĩ rằng cậu ấy được khích lệ bởi sự thành công của *Explorer*. Sherman và O'Dell cũng hồ hởi đồng ý theo.

“Tổ chức Tên lửa Big Creek chính thức được thành lập.” Tôi tuyên bố. “Tớ sẽ là chủ tịch. O'Dell, tớ muốn cậu làm thủ quỹ và chịu trách nhiệm về nguồn nguyên vật liệu. Roy Lee, cậu có xe hơi, bọn tớ sẽ cần cậu lo về phần di chuyển. Sherman, nếu cậu có thể lo về việc quảng cáo và tìm chỗ để phóng tên lửa thì tớ rất cảm ơn. Quentin sẽ là nhà nghiên cứu của chúng ta. Có thắc mắc gì không?”

Roy Lee nói, “Có cô bé nào trong câu lạc bộ này không nhỉ, hay là phải có tên lửa trong túi quần đã nhỉ?”

“Hoặc trong trường hợp của cậu là cây viết chì đấy,” O'Dell chế nhạo Roy Lee.

“Cậu phải biết thôi,” Roy Lee đáp trả, nháy mắt liên hồi. O'Dell đỏ mặt. Đấu khẩu nhục mạ với Roy Lee không bao giờ là ý kiến hay, ngay cả với một đứa thông minh như O'Dell.

“Vậy chúng ta nên phóng tên lửa ở đâu?” Sherman hỏi tôi.

“Chúng ta phải cùng xem xét vấn đề này,” tôi nói.

“Có một khu để đổ than cám đằng sau mỏ”, Sherman nói, “nơi đó có thể được đấy.”

Than cám là đồ thải của khu mỏ, là loại than có lẫn quá nhiều đá. Và nếu đổ chúng xuống chỗ nào thì chả có gì mọc lên được từ đó cả. Tôi nhận thấy ý kiến của Sherman khá tốt. “Chúng ta sẽ thử xem,” tôi đồng tình.

“Vậy bây giờ chúng ta phải làm gì nào?” O'Dell hỏi.

“Chúng ta chế tạo tên lửa.”

“Làm như thế nào?”

“Phải tiếp tục nghiên cứu thôi,” tôi thừa nhận.

Sau khi kết thúc buổi họp, chúng tôi chưa quyết định được điều gì khác ngoài việc sẽ họp lại lúc nào vào tuần tới và cả đám về nhà. Tôi chặn Roy Lee lại ở cửa. “Đừng hỏi anh cậu về cái chấm của Bố tớ nhé,” tôi nói.

Roy Lee gật đầu. “Cậu không muốn biết là nó đang trầm trọng như thế nào à?”

“Không, tớ không muốn biết nữa.” Mọi chuyện đã như vậy rồi, tôi cũng chẳng thể làm gì hơn.

TRONG GIỜ ĂN TRƯA hôm sau, Quentin và tôi tiếp tục bắt tay vào nghiên cứu làm sao chế tạo tên lửa, vẽ ra những mô hình thô thiển và lý thuyết chúng tôi tưởng tượng ra theo cảm tính. Mặc dù đã cố gắng lục tung thư viện tỉnh McDowell lên, Quentin vẫn chưa tìm ra thứ gì có thể giúp chúng tôi cả. Trong khi làm việc, cả hai cùng ăn hộp cơm của tôi. Cậu ấy bảo rằng thường bỏ ăn trưa vì ăn nhiều không tốt cho sức khỏe. Dù đã định ra chế độ ăn uống như vậy nhưng Quentin vẫn luôn xâm lấn đến hơn nửa phần cơm của tôi. Tôi về nhà kể cho Mẹ nghe, ngay lập tức bà cho thêm vào hộp cơm trưa của tôi một phần bánh xăng-đuych và giải thích rằng: “Con đang trong tuổi lớn.” Nhưng tôi đâu có ngốc đến vậy, rõ ràng là Mẹ như đã viết tên QUENTIN to tướng lên đấy rồi còn gì.

Một ngày nọ, khi đang trên đường lên lớp sau giờ cơm trưa, chúng tôi đi ngang tủ đựng cúp của đội bóng bầu dục Big Creek. Quentin dừng lại và đặt tay lên mặt kính. “Có thể một ngày nào đó chúng ta sẽ có được một chiếc cúp đặt trong này, tưởng thưởng cho tên lửa của chúng ta, Sonny ạ.”

“Cậu đang đùa đấy à?”

“Đương nhiên là không. Mỗi độ xuân sang, những học sinh ngành khoa học đều thuyết trình về dự án của họ tại hội chợ khoa học của tỉnh và sẽ được chấm điểm hàng hoàng. Nếu thắng ở đó, cậu sẽ được lên cấp tiểu bang và sau cùng sẽ đến cấp toàn quốc. Big Creek chưa bao giờ thắng được lần nào cả nhưng tớ cá với cậu là tên lửa của chúng ta sẽ thành công.”

Vào lúc này, tôi và Quentin nhìn thấy bóng của Buck và mấy cầu thủ bóng bầu dục khác phản chiếu trên gương, nhìn chúng thật to lớn trong chiếc áo khoác được khen thưởng màu xanh trắng. “Lũ thoái hóa chúng mày làm cái quái gì trước những biểu tượng chiến thắng của chúng tao đấy?” Buck gắng hỏi, liếc nhìn qua chúng tôi rồi rống lên: “Ồi, không! Kia có phải là dấu tay dơ bẩn của chúng mày dính trên tủ đựng cúp của chúng tao không vậy?”

“Giết quách mấy bé gái này đi,” một tên hậu vệ gầm lên. Những tên quái vật còn lại cùng gầm gừ theo tỏ vẻ đồng tình.

Chúng tôi quay mặt lại đối diện với bọn chúng. “Tôi xin cam đoan với các ông tướng con...” Quentin bắt đầu giải thích.

“Tôi xin cam đoan với các ông tướng con!” Buck xách mé Quentin. “Mày thật sự là một bé gái phải không?” Hắn chường mặt lại gần chúng tôi, cầm hăn lỏm chồm râu, có cả một vết bã thuốc lá nhai còn dính lại dưới mép trái. Tôi ngửi được rõ cái mùi ngọt ngào của nó từ trong hơi thở của hắn. “Tao cam đoan rằng sẽ đá văng hết đuôi của tụi bay, nhất là mày đấy Sonny, mày còn nợ tao một vỏ lớn đấy.”

Đúng lúc này thì Jim đi ngang qua, tay đang ôm nhỏ bạn gái mới nhất. Anh ấy đưa cô nàng xuống cuối sảnh rồi quay lại xem chuyện gì đang diễn ra. Khi trông thấy tôi, anh nói gọn lọn: “Để chúng nó yên đi Buck.”

Buck biết rõ rằng Jim dư sức đập hăn tơi bời. “Tao không định đụng chạm gì tới thằng em gái bốn mắt thoái hóa của mày,” Buck rít qua kẽ răng. “Nhưng còn bé gái này,” hắn hất đầu về phía Quentin, “tao sẽ đá văng đuôi nó.”

“Mày cứ việc đá văng đuôi của cả hai chúng nó, tao không quan tâm, nhưng hãy làm ở một nơi nào khác.” Lời nói của Jim làm tan biến mọi suy nghĩ của tôi rằng ít nhất anh ấy cũng có chút gì đó bận tâm đến mình. Anh hất đầu về phía phòng hiệu trưởng. “Tao chỉ không muốn đội bóng gặp rắc rối thôi.”

Ngay lúc này, thầy Turner từ trong văn phòng đi ra với dáng điệu oai vệ cùng một người phụ nữ trẻ. Tôi nhận ra đàn chị Riley, cô tốt nghiệp từ trường đại học Concord và được điều về đây làm trợ giảng cho môn khoa học. Nếu tôi không lầm thì cô sẽ bắt đầu chính thức dạy môn hóa cho lớp tôi vào năm tới. Thầy Turner thuộc vào loại nghiêm khắc và luôn nắm cả trường học chặt chẽ trong tay. Ông liếc đám đông đang tụ tập trước tủ đựng cúp và phán: “Nếu trong vòng 2 giây nữa tôi còn thấy bóng một chiếc áo khoác khen thưởng nào ở đây thì biết ai không được tiếp tục chơi bóng rồi đấy nhé.”

Jim, Buck và lũ cầu thủ bóng bầu dục biến mất tức khắc cứ như vừa bốc hơi lên trần nhà vậy, để lại tôi và Quentin đứng trơ khấc ra đấy. Thầy Turner nhìn qua chúng tôi dò xét. “Hai cậu đang có mưu đồ bất chính gì đấy?”

Quentin quá hoảng sợ đến lộ hết cả ruột gan ra. Ngoài ra, cậu ấy cũng hiểu rõ ý nghĩa của từ bất chính. “Em chỉ bảo Sonny rằng một ngày nào đó chiếc cúp dành cho Tổ chức Tên lửa Big Creek có thể hiện diện ở đây ạ.”

Thầy Turner suy tư một lúc rồi hỏi. “Tổ chức Tên lửa Big Creek là cái quỷ gì vậy?”

“Là câu lạc bộ tên lửa của chúng em ạ,” tôi đỡ lời cho Quentin đang trong tình trạng bối rối cực độ.

Ông sẫm soi tôi. “Ngài Hickam phải không? Em trai của Jim? Chẳng phải tôi nghe nói cậu làm nổ tung hàng rào vườn hồng của mẹ cậu à? Vậy là giống bom nổ hơn là tên lửa đấy. Nghe rõ này các quý cậu, tôi sẽ không gánh chịu rủi ro của một câu lạc bộ bom nổ nào có mặt trong ngôi trường này đâu. Còn về việc đoạt thêm cúp thì ngài Hickam nghe này, anh cậu và đội bóng không cần thêm sự giúp đỡ của cậu đâu.”

“Nhưng tôi thấy ý kiến của mấy cậu bé này tuyệt vời đấy chứ, thầy Turner,” cô Riley phản biện rồi

nhìn tôi mỉm cười. Cô có một khuôn mặt đầy tan nhang và hiện rõ vẻ tinh quái. “Tôi từng học ở đây và chưa bao giờ nghe gì khác ngoài bóng bầu dục cả. Nếu như các môn khoa học có thể trở thành một con đường khác để giành lấy cúp thì không phải càng tuyệt sao?”

“Đó là ý em vừa định nói đây cô Riley ạ!” Quentin buột miệng.

“Nhưng bây giờ thì tôi vẫn phải răn đe những cậu nhóc này thôi, cô Riley!” Thầy Turner vừa nói vừa ném cho Quentin một cái nhìn cảnh báo. Đột nhiên chuông vang lên và học sinh bắt đầu ủa vào lớp ngang dọc hành lang. “Thôi được rồi, các cậu không vào lớp à?” Thầy Turner ra hiệu cho chúng tôi.

“Cô phụ trách giúp đỡ cho những sinh viên tham gia hội chợ khoa học của tỉnh,” cô Riley nói với chúng tôi qua tiếng ồn của đám đông. “Nếu các em thích thì hãy đến trao đổi với cô nhé.”

“Vâng, thưa cô!” Quentin nhỏ nhẹ đáp lại.

Tôi chỉ muốn bóp cổ Quentin ngay lúc này thôi. Những gì chúng tôi đã làm được là cho hàng rào của Mẹ nổ tung và làm hôi thối cả thị trấn Coalwood vì những thất bại của mình. Xấu hổ quá mà. “Chúng ta không đủ tư cách để tham gia hội chợ đâu,” tôi lầm bầm.

Cô Riley thăm dò tôi cứ thể như có thể nhìn xuyên thấu tim gan tôi vậy. “Sao lại không, hả Sonny?”

“Không thể là không thể, thế thôi,” tôi trả lời một cách bướng bỉnh. Tôi cũng chẳng buồn giải thích một chút nào cả vì chỉ muốn kết thúc đề tài càng nhanh càng tốt.

“Đi học đi các cậu.” Thầy Turner thúc giục. “Ngay bây giờ, mau lên.”

Tôi mừng rỡ chộp lấy thời cơ và chạy biến đi. Quentin khệ nệ kéo lê chiếc cặp to tướng và đương nhiên không thể đi quá nhanh, nhưng sau cùng cậu cũng đuổi kịp tôi trước cửa lớp lịch sử. “Nghe này Sonny,” cậu thở hổn hển, cố lấy lại hơi, “chúng ta sẽ chiến thắng trong hội chợ khoa học bằng tên lửa của mình, nó sẽ giúp đưa ta đến Cape.”

Ngoài thực tế rằng chúng tôi không biết chế tạo tên lửa như thế nào, tôi còn đưa ra cho cậu ấy nhiều lý do phản đối khác. “Quentin, chúng ta chỉ tự làm xấu mặt mình mà thôi một khi đấu với tụi học sinh của trường Welch.” Tôi nghĩ tôi vừa nói ra suy nghĩ riêng của mình. Học sinh ở Welch sinh trưởng trong những gia đình bác sĩ, luật sư, quan tòa, thương nhân, và nhân viên ngân hàng; họ được học trong ngôi trường có trang thiết bị đầy đủ, mới và tốt nhất trong tỉnh. Tờ *Welch Daily News* luôn đưa tin về những học sinh tốt nghiệp từ trường này và giành được nhiều giải thưởng danh giá hoặc đạt được nhiều thành công vang dội. Mặc dù chúng tôi chiến thắng họ hoàn toàn trong bóng bầu dục nhưng chẳng học sinh nào có cơ hội đối đầu và chiến thắng họ trong lĩnh vực khoa học cả. “Cậu muốn báo chí loan tin khắp nơi rằng chúng đã sẽ bị đè bẹp ra sao à? Tiến sĩ von Braun sẽ nghĩ như thế nào về chúng ta? Nếu cậu còn chút minh mẫn, cậu sẽ phải từ bỏ ý định này đi thôi,” tôi nói với Quentin nhưng thật ra, tôi hoàn toàn nhận ra rằng cậu ấy không còn một chút minh mẫn nào cả.

“Bi quan như vậy chẳng giống cậu tí nào cả,” Quentin lạnh lùng bảo. “Tớ hoàn toàn chết lặng người đi qua thái độ của cậu. Mất hết tinh thần nữa chứ.” Khi không thấy tôi phản ứng, cậu ấy tiếp thêm một loạt, “Ngạc nhiên, chán nản và buồn bã.”

Tôi không để mình mắc vào cái bẫy đầy những ngôn từ khích tướng của Quentin. Tôi chỉ lắc đầu và bỏ lại cậu ấy một mình ở cửa lớp. Tôi không còn muốn nghe một điều gì về việc này nữa.

Trong năm đó, gần như tôi đều đi nhờ xe đến War để cùng học thêm với Dorothy vào mỗi chiều Chủ nhật. Nàng có vẻ thích sự có mặt của tôi, nhưng cũng chẳng trách được vì tôi yêu nàng mà. Vào một ngày Chủ nhật nọ, nàng đột nhiên dừng bút và ngược lên nhìn tôi đang ngồi phía đối diện. “Sonny à, mình rất vui vì chúng ta là bạn rất tốt của nhau!” Nàng buột miệng.

“Mình cũng vậy, Dorothy à,” tôi trả lời, tự dối lòng mình. Từ “bạn” chưa bao giờ lại trở thành tệ hại đến thế.

Một sáng, Emily Sue bắt gặp tôi đứng thẫn thờ buồn chán nhìn Dorothy ở giảng đường. Dorothy đang tay trong tay với bạn trai mới nhất, một chàng cầu thủ bóng bầu dục học lớp trên; tôi đứng đó, môi trề cả ra. Emily Sue lại gần ngồi xuống trước mặt, đặt tay lên ghế rồi nhìn tôi. Emily là một học sinh giỏi, với thân hình mập mập và cặp mắt kính cận to tròn làm mặt cô bạn nhìn như cú vọ vậy. Lẽ ra cô ấy không thuộc loại được các chàng ưa thích nhưng sự thật thì ngược lại do Emily là một trong những học sinh khiêu vũ giỏi nhất trường. Nhưng theo cảm nhận bản năng của tôi, Emily là một người bạn thân thiết, người tôi có thể trò chuyện bất cứ điều gì mà không cảm thấy ngại ngùng. Và cô còn sở hữu một trí tuệ hơn hẳn các bạn cùng trang lứa. “Bây giờ cậu định làm gì với cậu ấy?” Cô bạn hất đầu về phía Dorothy và hỏi tôi.

“Mình có làm được gì nữa đâu.” Tôi nhún vai, cố tỏ ra hờ hững với sự việc.

Emily Sue quan sát tôi. “Cậu ấy thích cậu đấy, Sonny à. Nhưng đối với Dorothy, cậu chỉ là một người bạn nhỏ đặc biệt và điều đó lẽ sẽ chẳng bao giờ thay đổi đâu.”

Lời nói của Emily như vết dao đâm sâu vào tim tôi. Tôi thôi ngay sự giả vờ của mình và rên rỉ. “Nhưng tại sao? Mình có vấn đề gì chứ?”

“*Cậu* chẳng có vấn đề gì cả,” Emily khẳng định. “Cậu là một trong những người bạn tốt tính và thân thiện nhất trường ấy chứ. Ai cũng yêu mến cậu mà. Nhưng cậu biết sao không? *Cậu luôn là chính mình*. Hãy nhìn anh trai của cậu đi. Anh ta ăn mặc sành điệu, là một ngôi sao bóng bầu dục, còn là một bạn nhảy cực giỏi nữa - xin Chúa chứng giám, tớ cực kì thích khiêu vũ với anh ta - và có rất nhiều cô nàng theo đuổi Jim mọi lúc mọi nơi. Anh ta rõ ràng là một chàng trai vĩ đại trong trường đấy, nhưng sự thật anh ta đâu có mấy người bạn đâu. Tớ nghĩ đó là lý do vì sao anh cậu hẹn hò với quá nhiều con gái. Anh cậu luôn mòn mõi tìm kiếm người thích con người thật của mình chứ không phải cái mác ngôi sao bóng bầu dục. Dorothy cũng thế đấy. Cậu ấy rất vui vì có người bạn nhỏ như cậu nhưng sẽ tìm tình yêu ở một chàng trai khác mà thôi.”

Trong khi Emily thao thao bất tuyệt thì tôi mỗi lúc một tuột người sâu xuống ghế. Jim và Dorothy là cùng một loại người ư? Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều này cả. Và tôi sẽ suốt đời chỉ là bạn của Dorothy chứ không thể tiến xa hơn nữa sao? Càng nghĩ tôi càng chìm vào một nỗi buồn vô tận sâu như hầm mỏ vậy. Đến khi chuông reo, tôi cảm ơn Emily Sue về những điều tốt đẹp cô dành cho tôi và chẳng buồn tranh luận về những luận điểm khác. Nhưng cả ngày hôm ấy tôi chẳng nghĩ được gì ngoài những lời nói của Emily. Tôi chẳng thể nào tin vào chúng. Phải có một cách nào đó như chiến thuật hay thủ đoạn gì để chiếm được Dorothy chứ. Cũng giống như chế tạo tên lửa thôi, nếu tôi đủ thông minh, tôi sẽ làm được.

Vài tuần sau, tôi và Quentin tiếp tục công việc thực nghiệm, chúng tôi lần lượt thử trộn những hỗn hợp thuốc súng đen khác nhau trong bình nấu nước nóng. Tôi khắp khởi mừng thầm vì cậu ấy không còn nhắc đến hội chợ khoa học nữa. Phương pháp thử vi sai của chúng tôi cuối cùng cho ra một hỗn hợp phát sáng và tỏa ra nhiều khói nhất. Quentin còn muốn thử cả chất nổ đẩy nữa. “Tớ đang nghĩ về điều này, bạn già ạ. Tớ không thích hỗn hợp lỏng lẻo này chút nào cả. Theo tớ, chúng ta nên thêm vào một ít keo bắt lửa để định hình nó lại. Sau đó mình đục một cái lỗ xuyên tâm, tăng diện tích đốt cùng một lúc. Điều này sẽ tạo nên lực đẩy mạnh mẽ hơn đấy.”

Việc có thêm lực đẩy làm bùi tai tôi. Tôi đi vội đến Big Store, đợi đến khi Junior phục vụ xong hết những khách khác, tôi hỏi anh tìm cho mình một loại keo có thể cháy được. Anh gắng hỏi đến khi tôi chịu thừa nhận rằng mình đang làm gì thì mới đem ra một can keo bột. Đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu vì sao họ lại trữ thứ này trong Big Store nữa, nhưng quả là nó đã tồn tại ở đó. “Thứ này cũng giống như keo dán tem. Trộn nó chung với thuốc súng của chú mày, đổ nước vào rồi chờ cho nó khô hoàn toàn. Anh nghĩ là nó sẽ cháy đấy. Hết 15 cent cả thảy.”

“Cám ơn anh Junior,” tôi vừa nói vừa đếm tiền lẻ. Tôi xài sắp hết ngân phiếu tạm thời rồi, chắc phải sớm tiêu vào khoản tiền dollar Mỹ dành dụm ít ỏi thôi.

“Anh nghe phong thanh là em định đến Cape Canaveral làm việc hả? Anh từng đến vùng đó rồi, ở Florida và tắm ở bãi biển dành riêng cho người da đen nữa kìa.”

Tôi chưa bao giờ có ý niệm rằng người da đen phải cần có bãi biển riêng cả. Ở Coalwood này họ có những trường học và nhà thờ riêng, lẽ ra cũng phải có cả bãi biển luôn chứ nhỉ? “Anh có thích nơi đó không?” tôi hỏi.

Junior tỏ vẻ khó chịu. “Anh thì thích rồi đó nhưng anh có dẫn mẹ theo nữa và bà cứ nằng nặc đòi về lại vùng núi này cho mau.” Anh suy ngẫm một lúc rồi nói tiếp. “Khi mẹ mất, anh chôn cất bà trên ngọn núi sau nhà thờ của Cha Richard Bé Nhỏ.”

“Cho em gửi lời chào Richard Bé Nhỏ nhé,” tôi nói.

“Anh không đi cái nhà thờ dành cho người da đen đó,” anh ngắt lời. “Anh chỉ lên núi cầu nguyện là đủ.” Junior cau mày nhìn tôi. “Đi về tiếp tục chế tạo tên lửa của chú mày đi. Nhưng cẩn thận đấy, nghe không?”

Tôi chẳng biết mình đã làm gì để phiền lòng Junior nữa. “Em nghe rồi ạ,” tôi hứa.

Junior vội vã quay lại với những người khách đang xếp hàng trước quầy. “Anh sẽ nói với Cha Bé Nhỏ rằng chú mày gửi lời chào,” anh có vẻ dịu lại khi tôi bước ra khỏi cửa.

Về đến nhà, tôi lấy ra một vài cái muống dùng để đông, vài cái ca, một thố để trộn và que đánh trứng từ tủ bếp của Mẹ đem xuống tầng hầm. Chúng tôi trộn thuốc súng đen theo đúng liều lượng đã tính toán một cách chính xác nhất với nước và bột keo cho đến khi chúng quánh lại thành một hỗn hợp sền sệt màu đen. Sau đó tôi ghi chép cẩn kẽ mọi thứ mình đã làm vào sổ tay. *Bề dày tri thức*. Tôi đổ mớ sền sệt đó vào đĩa rồi đặt xuống dưới lò đun nước chờ cho khô. Hai ngày sau, nó đóng bánh cứng ngắc. Thấy mất mấy cái ca, muống và thố trộn, Mẹ lò dò xuống phòng thí nghiệm của tôi, sau khi nhìn thấy sự thật phũ phàng thì bà chỉ biết thở dài rồi ra Big Store mua lại một loạt để thay thế. Rồi Mẹ kể tôi nghe rằng bà và Junior đã cười ngặt nghẽo về sự việc này như thế nào. Đến thứ bảy tiếp theo, khi tôi cùng Quentin quăng bánh thuốc nổ ấy vào lò đun nước nóng thì nó phát sáng mạnh mẽ. “*Phi thường* quá, bạn già ạ!” Cậu hét toáng lên, vẫn là thói quen dùng những từ ngữ thậm xưng mỗi khi quá phấn khích của mình.

Chúng tôi tiếp tục tìm cách giải quyết cả vấn đề “vì sao” lẫn “như thế nào”. Mặc dù Quentin chưa tìm ra sách về tên lửa nhưng cuối cùng đã kiếm lại được cuốn sách vật lý trong thư viện ở Welch, có đề cập đến định luật 3 Newton về lực tác động và phản lực. Ví dụ, trong sách miêu tả một quả bóng bay được mở nút thắt và bay vòng vòng trong phòng. Không khí trong đó chịu áp lực từ bên ngoài, và khi xì ra khỏi miệng quả bóng (tác động) thì nó bị đẩy về phía trước (phản lực). Vậy thì tên lửa cũng có thể được muông tượng như một quả bóng đặc cứng.

Theo bản năng, chúng tôi biết rằng miệng tên lửa (lỗ hồng ở đáy của nó) cũng giống như nút thắt của quả bóng, phải nhỏ hơn phần thân. Nhưng phải làm nhỏ hơn bao nhiêu, và miệng tên lửa hoạt động ra sao, rồi làm thế nào để chế ra nó thì chúng tôi hoàn toàn mù tịt. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là phỏng đoán mà thôi. “Hay là chúng ta thử hàn một cái vòng đệm hoặc một thứ gì tương tự vậy vào phần thân để tạo nên phần miệng?” Tôi đề xuất với Quentin trong giờ ăn trưa.

Quentin vừa nhóp nhép bánh qui của Mẹ gửi vào hộp cơm trưa của tôi cho cậu, vừa trầm tư suy nghĩ. “Ừm, tớ nghĩ ý kiến này có vẻ khả thi đấy, nhưng ai sẽ hàn đây?”

Tôi có biết 3 người thợ hàn ở Coalwood này. Hai trong số họ làm việc trong cửa hàng kim khí điện máy lớn bên kia sông đối diện Big Store. Chú Leon Ferro đang là quản đốc, là người của công ty như Bố, tôi không nghĩ rằng chú ấy sẽ giúp mình. Có chăng thì phải hy vọng vào chú Issac Bykovski. Chú làm thợ hàn độc lập trong một shop nhỏ ở nhà than vào ca khuya. Esther, con gái của chú từng học chung lớp với tôi đến khi mắc chứng bại não thì phải chuyển sang trường đặc biệt. Mẹ từng bảo rằng vợ chồng chú ấy hay hỏi han về tôi, học hành thế nào, sống ra sao. Trong giờ ra chơi, đôi lúc tôi nhìn về phía họ và hai vợ chồng Ike và Mary Bykovski mỉm cười lại với tôi, thân thiện như thể đang nhìn con của mình vậy. Có lẽ tôi đã tìm được thợ hàn cho mình rồi.

Đêm đó, sau khi ca tối đã tan và những người công nhân ca khuya khuất vào hầm mỏ, tôi chuồn ra cửa sau đi đến khu mỏ. Phòng trường hợp Bố bị chiếc phon đen sì gọi bất ngờ lên mỏ sẽ phát hiện ra mình, tôi bèn đi ẩn dưới bóng cây. Tôi còn cẩn thận đi theo con đường bí mật đến khu mỏ mà bọn tôi khám phá trong lúc chơi trò cao bồi và da đỏ lúc nhỏ. Vào ban đêm, các lối vào khu mỏ đều bị khóa lại nhưng tôi biết trong hàng cây trên núi có một rãnh thoát nước chạy dài xuống dưới hàng rào. Gần đó là cánh cửa bị khóa trái hiểm khi được sử dụng tới dẫn đến ngay cửa hàng. Tôi tìm thấy rãnh nước rồi mò mẫm trong đêm tối đến khi chạm được vào cánh cửa. Tiếp đó, tôi nắm lấy hàng rào rồi bắt đầu tuột xuống núi đến khi đứng trên vách đứng cuối rãnh nước. Một tay nắm lấy mỗi nối của hàng rào, tôi đu người xuống để chân chạm xuống ống nước rồi chui qua dưới hàng rào sang phía bên kia. Cửa hàng điện máy chỉ cách đó khoảng 11 mét, ánh sáng phát ra soi rõ cánh cửa và cả con đường.

Tôi hé nhìn qua lớp kính bẩn thỉu của cửa sau. Chú Bykovski đang vận bộ đồ áo liền quần rộng thùng thình, đứng làm việc bên chiếc máy tiện. Chú nhỏ con và có đôi tai bé tí nhưng vênh ra ngoài, nhìn cứ như chiếc mũ bảo hộ đang nằm tựa lên chúng vậy. Lấy hết can đảm, tôi mở cửa bước vào. Chú nhìn tôi gật đầu chào sau đó tôi đứng đợi chú kết thúc công việc đang dang dở. “Cháu khỏe không, Sonny?” Chú hỏi, cứ như chuyện tôi xuất hiện trước mặt ông vào lúc nửa đêm là rất bình thường vậy.

Giọng của chú Bykovski còn chút lơ lơ, tôi chẳng lấy làm lạ với điều này bởi số lượng người nhập cư ở Coalwood cũng tương đối đáng kể. Một số người Ý đã trảm chỗ những công nhân đình công vào những năm 1920 và 1930, sau đó thì gia nhập UMWA trong Thế chiến thứ II. Sau đó một số người Hungary, Nga và Phần Lan cũng đến đây; còn có thêm hai gia đình người Ireland, Anh và một người Mexico nữa. Mặc dù người lớn trong những gia đình này vẫn còn nói giọng lơ lơ nhưng con cái của họ thì không. Bộ Sáu Siêu Đảng luôn chú trọng việc đọc và viết tiếng Anh trong mỗi tiết học thường nhật của chúng tôi. Không có sự khác biệt nào được tồn tại giữa những đứa trẻ gốc miền Tây Virginia và những đứa nhập cư. Nếu như chúng tôi phát âm “chái” thay vì “cháy”, hoặc “sanh” thay vì “sinh”, hay như “rỗng tếch” thay cho “rỗng tuếch” thì sẽ bị bắt lặp lại đến khi nào nói thật chuẩn mới thôi. Và chắc chỉ có thiên đường mới cứu rỗi được một học sinh tốt nghiệp ở Coalwood mà đi phát âm “thư vặng” thay cho “thư viện”.

Tôi trình bày với chú Bykovski rằng mình đang chế tạo tên lửa và cần phải hàn một cái vòng đệm vào đáy chiếc ống làm phần thân. “Và cháu muốn chú giúp?” chú hỏi.

“Chú sẽ giúp cháu chứ ạ?” tôi nín thở hồi hộp.

Chú cởi mũ bảo hiểm ra, lấy tay áo lau mồ hôi trên chiếc trán gần như hói rồi ôn tồn nói: “Chú có một ít ống nhôm có thể sử dụng được. Nhưng hàn hồ quang lên cái vòng đệm thì hơi gay go đấy. Hàn gió đá thì sẽ dễ dàng hơn.”

“Như thế cũng được ạ,” tôi đáp. Chỉ cần cái vòng đệm được gắn chặt vào là được rồi, hàn gió đá nghe cũng tạm ổn mặc dù tôi chẳng hiểu nó là gì.

Chợt chú quắc mắt nhìn tôi. “Chú chỉ được phép làm việc trong cửa hàng này một khi nhận lệnh của bố cháu. Ông ấy có biết cháu đang ở đây không?”

Tôi lắc đầu. “Không thừa chú.” Tôi có cảm giác rằng đối với người như chú Bykovski thì tốt nhất là nên nói rõ sự thật, không nên che giấu bất cứ điều gì cả. “Ông ấy phản đối cháu chế tạo tên lửa nhưng Mẹ cháu thì tán thành. Cháu cần sự giúp đỡ và chú là hy vọng duy nhất của cháu đây ạ.”

Chú nhìn tôi suy xét một lúc, gương mặt tối sầm lại. Tôi biết vẻ mặt mình bây giờ trông tội nghiệp lắm vì trong lòng đang thật sự khổ sở mà. “Cháu có biết hàn gió đá như thế nào không?” Chú hỏi sau một hồi suy nghĩ.

“Không thừa chú.”

“Vậy để chú dạy cho. Chắc bố cháu sẽ không phiền gì đâu. Nào, lại đây làm cùng với chú. Cháu cần đoạn ống dài bao nhiêu?”

Tôi cũng không chắc nhưng cứ nói đại là khoảng 30cm. Sau đó ông hỏi đến bề rộng và tôi cũng mù tịt nên áng chừng một vài centimet. Khi ông cắt một đoạn rộng 2,5cm đưa cho tôi thì tai hại thay, nó quá nhỏ. Nhận ra điều đó, ông lấy ống có đường kính lớn hơn, khoảng 3cm và dài 35,5cm; bây giờ nhìn nó ổn hơn rất nhiều. Sau khi chuẩn bị xong vật liệu, ông dạy nhanh cho tôi cách hàn gió đá. Mọi thứ có vẻ khá đơn giản, chỉ việc giữ cho que sắt nóng hồi trên cuộn dây hàn (nhìn giống một mớ kim loại mềm), nung cho nó tan ra và chảy vào nơi cần bít kín. Nhưng thực hành thì không dễ dàng như vậy. Tôi thao tác trên đồng chất lỏng vừa chảy ra làm nó be bét hết cả, chất hàn lan xuống thân ống và vòng đệm thì bị gấn lệch. Một giờ sau, chú Bykovski quay lại xem xét thành quả của tôi. “Lần đầu làm vậy là không thể đâu,” chú nói thế để gạt tôi mà thôi. “Chú sẽ làm nốt cho cháu trong giờ giải lao. Tối mai cháu quay lại lấy nhé.”

Tôi đang muốn gục xuống vì buồn ngủ nên chẳng cần đợi chú đề nghị đến lần thứ hai mà đồng ý ngay. Đêm sau, tôi lại lần mò theo con đường bí mật quay lại khu mỏ, quả tên lửa được đặt trong hộp giấy các tông đang nằm ngoài cửa chờ tôi. Mỗi hàn bao thành một vòng tròn hoàn hảo xung quanh chiếc vòng đệm được gắn vào ngay ngắn dưới đáy, chú thậm chí còn hàn thêm một chiếc mũ sắt trên đầu quả tên lửa và dán lên đó một cái chóp bằng gỗ hình viên đạn. Thật là một quả tên lửa đẹp nhất mà tôi từng thấy. Tôi đem về và dùng băng keo quấn dây điện dán phần đế bằng giấy vào đáy rồi dùng sơn móng tay của Mẹ để viết tên lên phần thân. Tôi đặt tên nó là *Auk I*, dựa theo tên của chim anca vĩ đại, một giống chim không bay được và đã bị tuyệt chủng. Nguyên cớ là một ngày trước đó, Quentin đột nhiên chẳng vì một lý do nào lại thao thao bất tuyệt về những giống chim bị tuyệt chủng nên tôi mới lấy cảm hứng từ đó để đặt tên. Thật ra tôi đặt cái tên này là có chủ đích. Tôi muốn lũ bạn mình thấy rằng dù cho quả tên lửa có lật nhào khỏi bệ phóng đi nữa thì những việc chúng tôi đang làm cũng nhằm bồi đắp thêm vào kho tàng kiến thức của mình đấy thôi.

Tôi đổ đầy *Auk I* với thuốc súng đen/hỗn hợp đặc sệt của keo dán tem, cắm một cây bút chì vào miệng lỗ và để quả tên lửa dưới lò đun nước nóng cho khô. Chiếc bút chì tạo một đường ống xuyên tâm khối bột thuốc, nhằm tăng diện tích bề mặt tiếp xúc - chiều theo lời của Quentin.

Vào thứ bảy, Quentin bắt xe đến nhà tôi, đợi đến khi cả lũ bạn tập hợp đông đủ, chúng tôi cùng nhau

quan sát *Auk I*. “Thích cái tên này đây,” Quentin lên tiếng. “Có lẽ thượng đế sẽ giúp mình vì ngài nghĩ rằng chúng ta thích hợp để đón nhận một định mệnh xấu xa.”

Mấy đứa khác ngậy người ra nhìn cậu ấy. “Ý nói sự tự tin thái quá là một điềm gở,” tôi “phiên dịch” lại lời Quentin.

“Tớ tin rằng chúng ta đang có những tiến triển tốt,” Quentin tiếp tục nói với tôi cứ như những đứa kia không có mặt ở đó vậy. Cậu rà ngón tay quanh phần đáy của quả tên lửa, dò xét cẩn thận cái vòng đệm được hàn vào, hít hít ngửi phần thuốc súng đen một cách có chủ đích rồi phát biểu: “Nhưng chúng ta không thể cứ thử rồi loạt bỏ thử nghiệm thất bại như vậy. Quả tên lửa này có thể bay, nếu không, quả tiếp theo sẽ thành công. Nhưng chúng ta học được gì từ đó, không phải chỉ ngắm nó phóng lên như những quả tên lửa ngày 4 tháng 7; mà điều quan trọng là chúng ta phải tìm hiểu được rằng *vì sao* nó bay.”

“Đó là việc của cậu, Quentin.” Tôi tức giận ngắt lời. Tôi đã làm mọi thứ cậu ta muốn nhưng cứ mãi bị phàn nàn. “Khi nào cậu mới tìm ra cuốn sách đó hả?”

Quentin lắc đầu. “Tớ không biết phải tìm ở đâu nữa. Có lẽ đó là một điều quá bí mật nên không ai viết ra sách cả.”

Mấy đứa còn lại bồn chồn. “Chúng ta có thể thử phóng nó bây giờ chưa?” O’Dell nài nỉ.

“O’Dell,” Quentin trả lời một cách chân thành, “tớ e rằng sự tham lam vô độ của cậu sẽ chẳng chứng minh được điều gì ngoài đức hạnh kém trong câu lạc bộ của chúng ta mà thôi.”

O’Dell ngo ngoáy tỏ vẻ đe dọa. “Cậu nghĩ thế nào nếu tớ dùng sự tham lam vô độ này để đập cậu một trận hả?”

Tôi biết mình nên tránh mọi rắc rối có thể xảy ra. Tôi chẳng màng mỗi khi Quentin phô trương vốn từ của cậu ấy nhưng tôi đồ rằng lũ bạn kia nghĩ cậu ta rất đáng ghét (mà cậu ta đáng ghét thật). “Đi nào, Sherman, cậu dẫn đường đi. O’Dell, cậu vác quả tên lửa. Roy Lee, cậu đem theo diêm chưa? Còn Quentin, cậu đi cùng tớ.”

Sherman dẫn chúng tôi lên núi Bồn Nước đến khu thải than. Bây giờ chúng tôi đang đứng cao hơn khu mỏ ít nhất khoảng 180 mét. Từ đây tôi chỉ có thể nhìn thấy chóp nhà than sau những rừng cây. O’Dell bắt đầu để tên lửa lên bệ phóng rồi dùng một cục đá chèn cho nó đứng vững. Sau đó chúng tôi tìm chỗ núp sau những đá cuội lớn quanh bãi đất trống. Rồi O’Dell cầm lấy diêm từ tay Roy Lee. “Tên lửa sẽ không bay lên được nếu chưa có ai châm ngòi!” Cậu ấy tuyên bố. Sherman nép sát mình vào sau tảng đá. O’Dell liền châm ngòi và chạy lại núp cạnh tôi. Chúng tôi nhìn nhau cười toe toét.

Ngòi nổ lì xì cháy lên, và rồi *Auk I* phóng lên không trung với muôn vàng hào quang. Lên được gần 2 mét thì nó lụt phụt rồi rơi trở xuống đám khói xám vừa phát ra và đáp xuống một cách nặng nề, cái chóp hình nón gãy văng ra một bên. Nó nằm đó đến khi thuốc súng cháy hết. Quentin là người đầu tiên

chạy đến, quỳ rạp cả chân tay rồi nhìn lom lom vào bộ phóng tên lửa. “Mỗi hàn bị chảy ra rồi,” cậu ấy tuyên bố, khịt khịt mũi khi ngửi trúng mùi thối của lưu huỳnh. “Tên lửa bay rồi đấy nhưng mỗi hàn chảy hết cả ra.”

Khi nó nguội hoàn toàn, tôi nhặt chiếc ống nhôm lên quan sát. Nó hơi thối thật, song dù sao nó đã bay lên; chỉ được gần 2 mét thôi nhưng quan trọng là *nó đã bay lên được!*

“Thật phi thường,” Quentin kết luận.

ĐẾN TỐI CHỦ NHẬT tôi lại lần theo lối hàng rào mang theo *Auk I* đến gặp chú Bykovski. Chú quan sát rồi nói: “Có vẻ nhiệt lượng tỏa ra từ tên lửa quá sức chịu đựng của mỗi hàn gió đá, như vậy thì phải hàn hồ quang thôi.” Chú đội mũ bảo hộ vào, ngẫm nghĩ một hồi rồi nói về cân nhắc: “Hàn hồ quang với nhôm thì khó lắm, tốt hơn hết là dùng sắt thôi.”

Chú đi lại đồng vật liệu, chọn ra một ống sắt rồi dùng cưa cắt ra một đoạn dài khoảng 35cm. Tôi đón lấy nó từ tay chú và thử nhấc lên. “Có vẻ nặng đấy,” tôi hoài nghi.

“Đúng, nhưng sắt rất bền, Sonny ạ. Ống nhôm muốn được bền vững thì phải rất dày, trong khi đó sắt chỉ cần mỏng thôi. Chú khuyên cháu nên dùng nó. Và về vòng đệm, chúng ta đã dùng cái không tốt, chắc phải cắt một miếng sắt ra, đục lỗ rồi hàn hồ quang vào đấy.”

Tôi nuốt lấy từng chữ của chú. “Vậy chú sẽ dạy cháu cắt sắt, khoan rồi hàn hồ quang chứ ạ?”

Chú Bykovski nhìn đồng hồ rồi trả lời. “Lần này để chú làm giúp cháu sẽ nhanh hơn. Chú sẽ chỉ cháu vào lúc khác.”

Tôi hơi e ngại. “Cháu không muốn chú gặp rắc rối gì đâu ạ.”

Chú nhún vai: “Bố cháu sẽ chẳng tìm thấy thợ máy nào giỏi hơn chú đâu, nhất là chịu làm việc vào ca khuya như thế này nữa. Nhưng dù sao chú vẫn nghĩ rằng cháu nên nói cho ông biết. Ông ấy phải cảm thấy tự hào về những việc chúng ta đang làm chứ.”

“Khi nào tên lửa của chúng ta bay được... thật sự bay được ấy... thì cháu sẽ nói cho ông ấy biết,” tôi miễn cưỡng hứa.

Chú cười tươi. “Tốt. Chú nghĩ cái này sẽ bay thôi. Thứ tư sẽ có cho cháu.”

Tôi quyết định thử thêm vận may của mình. “Chú Bykovski, chú có thể làm cho cháu 2 cái được không ạ?”

Cuối cùng, chú làm cho tôi hẳn 3 cái. Vào thứ bảy sau đó, *Auk II, III* và *IV* đã sẵn sàng đúng theo thiết kế. Chúng tôi lại kéo nhau lên bãi đất trống sau khu mỏ. “Tên lửa sẽ không bay lên được nếu chưa có

ai châm ngòi!” O’Dell lại lặp lại với nguyên do là nhờ cậu ấy nói câu này nên quả tên lửa đầu tiên đã bay được và đây là điềm may mắn.

Sherman muốn đích thân châm ngòi nhưng tôi e rằng cậu ấy không kịp chạy ra xa. “Đừng lo gì cho tởm cả,” cậu khẳng định chắc nịch làm tôi phải đồng ý, Sherman có rất nhiều biểu hiện vượt lên khỏi số phận tật nguyền của mình. Cậu châm ngòi rồi chạy ra núp sau tảng đá. Lửa phụt ra từ *Auk II*. Nó bắt động một chốc rồi khói xịt ra, chớp lửa và bệ phóng run lên bần bật. Nó vọt lên không trung được 3 mét rồi đổi hướng phóng vào rừng cây sau lưng chúng tôi, đập vào thân cây sồi, bật lại bãi than cám, xoay một vòng rồi bung lên tảng đá nơi tôi đang núp với Quentin. Sau đó bất chợt nó lại phóng lên trời được chừng hơn 6 mét, hục hặc một tiếng rồi rơi xuống như một con chim chết. Tôi mở to mắt quan sát hết mọi việc xảy ra, còn Quentin thì thông minh hơn, vùi mặt xuống bãi than cám, tay ôm lấy đầu. Tôi vỗ vai Quentin, cậu ấy nhấc mặt ra khỏi đống than, chút than vụn rơi ra khỏi mũi. “Nó rớt xuống rồi,” tôi vừa bò vừa nói cho Quentin biết. O’Dell chạy đến bên *Auk II* và nhảy loạn xạ. “Nó bay rồi! Nó bay rồi!” Cậu chàng reo hò.

“Nó xem giết chết chúng ta đấy chứ,” Roy Lee cất giọng khàn đục sau khi bước lên từ cái rãnh nơi lúc nãy cậu ấy vừa trằm mình xuống. Cậu bước đến bên O’Dell và kiên nhẫn đợi đến khi cậu chàng này ngừng vung chân múa tay. Đoạn Roy Lee đá vào quả tên lửa còn nóng hổi. “Nhưng dù sao nó cũng bay rồi, phải không?”

Chúng tôi đều run lên vì sung sướng. “Tởm đã châm ngòi cho nó bay đấy nhé!” Sherman hét toáng.

Quentin phui bụi, mũi còn đang bị nhuốm đen; cẩn thận quan sát *Auk II* rồi kết luận. “Chúng ta phải làm một bộ định vị tốt hơn trước khi phóng quả tiếp theo.”

Chẳng có đứa nào tiếp nhận ý kiến đó cả. Tên lửa của chúng tôi đã bay được rồi mà! Cả đám chỉ nóng lòng muốn xem thử quả tiếp theo sẽ bay như thế nào. Lần này đến lượt Roy Lee, cậu châm ngòi rồi phóng lệ đi, miệng lầm bầm nguyên rủa. Cậu ấy nấp vào tảng đá vừa lúc quả tên lửa phóng lên, xoay một vòng, va vào cây gỗ thích, bật xuống bãi đất cạnh chúng tôi rồi rớt phịch xuống sườn núi phía trên, gần như chôn hết cả thân xuống đất.

Trong khi lũ chúng tôi tham gia cùng một điệu nhảy khác với O’Dell thì Quentin lặng lẽ bới *Auk III* lên rồi làu bàu: “Tởm đã bảo các cậu chúng ta không nên phóng quả tiếp theo lên trước khi có thể định vị đường bay lên thẳng cho nó mà.”

Roy Lee vẫn hân hoan dựng *Auk IV* lên: “Chúng ta đến đây để phóng những quả tên lửa này và chỉ việc làm vậy thôi, không cần nói nhiều.” Cậu ấy chẳng chần chừ gì và châm ngòi ngay. Bị bất ngờ, chúng tôi hốt hoảng bò ra phía sau những tảng đá trước khi nó kịp bắt lửa.

Auk IV phóng vọt lên không trung một cách trơn tru rồi hướng xuống núi. Tôi vừa hét lên mừng rỡ rồi đột ngột chuyển sang một tiếng kêu lo sợ khi quan sát thấy nó rơi xuống khu mỏ. Ngay lúc đó trong đầu tôi chợt thoáng hiện lên hình ảnh quả tên lửa bay vào ống thông gió và rơi ngay xuống một bể xăng dầu nào đó. Đến khi nhận thấy đuôi khói dần tắt lịm từ phía trái của nhà than, tôi mới thở phào vì ít nhất

cũng tránh được tai họa thảm khốc mà mình vừa tưởng tượng ra. Nhưng dù gì đi nữa, tôi biết mình cũng sẽ gặp rắc rối rồi. Tôi thấy lòng nặng trĩu cứ như mọi thứ trong cơ thể sẽ trôi tuột xuống hết ra khỏi chân mình vậy. Tôi chỉ muốn tự đá mình một phát vì cái tội phóng tên lửa quá gần khu mỏ. Tôi là thủ lĩnh của BCMA, vậy mà lại đi gây ra lỗi lầm nghiêm trọng này. *Tại sao tôi có thể ngu ngốc đến thế nhỉ?* Thật ra đã có câu trả lời, chẳng thể đổ lỗi cho ai trong việc này cả ngoài bản thân mình. Tôi đã đồng ý để thực hiện việc này ở đây vì thật sự không thể nghĩ trước được rằng quả tên lửa sẽ bay xa như vậy.

Chẳng còn ai có tinh thần để đi thu về quả tên lửa đó, sau một hồi bàn luận, tôi và Quentin phải đảm nhiệm việc này. Vì dù sao đi nữa, hai chúng tôi đã chế tạo ra cái thứ mà O'Dell bắt chọt cho là “vật tội lỗi” ấy. Những đứa khác lằm lũi cúi gằm mặt bước ra phía đường Cái. Tôi phải tự tôi luyện lòng mình cho cứng rắn để đối đầu với những gì sẽ xảy ra tiếp theo, chỉ mong rằng *Auk IV* đã rơi vào một chỗ nào đó chúng tôi có thể thu hồi lại mà không bị ai phát hiện. Chúng tôi lặng lẽ mò xuống núi rồi chèo nhẹ nhàng như những người da đỏ đang phục kích qua cửa sau nhà than, nơi văn phòng cũ kỹ bằng gạch của Bố ngự trị. Hôm nay là thứ bảy nhưng Bố vẫn làm việc như thường lệ. Ông trông thấy chúng tôi trước. Công nhân thường gây sự chú ý bằng một tiếng “whoop” rất đặc trưng khi làm việc dưới hầm mỏ và họ cũng dùng nó khi đang trên mặt đất theo thói quen. Lúc đó tôi giật mình nghe tiếng whoop của Bố và nhìn lên thấy ông đang đứng cạnh hai người khác nữa ngoài hành lang văn phòng. Họ vận áo choàng và thắt cà vạt rất chỉnh tề. Tôi đoán chắc họ từ mỏ thép Ohio, chủ của chúng tôi, vì tôi chẳng bao giờ thấy ai ăn mặc như vậy ở Coawood trừ khi đi lễ nhà thờ hoặc dự tiệc ở Club House. Tôi nhìn thấy *Auk IV* đang nằm cô độc trong đồng bụi than cạnh đường ray. Một đồng vật vụn bầy hầy nằm cạnh bức tường gạch văn phòng của Bố. Chẳng cần phải là thiên tài để nhận ra sự việc vừa xảy đến: BCMA đã phóng tên lửa tấn công công ty than.

Trong bóng tối của khu mỏ, công nhân đeo đèn trên đầu và xoay cho tia sáng tạo thành vòng tròn mỗi khi muốn ra hiệu gọi người khác. Điều đó nghiêm nhiên trở thành thói quen của họ dù đã lên mặt đất tràn ngập ánh sáng, tôi vẫn thường thấy công nhân xoay đầu như vậy mỗi khi muốn kêu ai tiến lại phía mình. Bố nhìn tôi và xoay đầu, tôi nhận lấy tín hiệu và vội vã chạy lại. Ông đang phùng mang trợn mắt vì tức giận. Tôi chỉ e rằng ông lại rơi vào một trận ho đau đớn nữa thôi. “Chẳng phải bố đã bảo con dừng ngay cái việc ngu xuẩn này lại à?” ông hét toáng lên. “Con có thể giết người bằng cái thứ đó đấy!”

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm đôi chút khi biết rằng tên lửa của mình không rơi trúng người nào. Bố rời khỏi hành lang văn phòng rồi tiến tới cầm quả tên lửa lên. “Sao cái này nhìn giống vật dụng của công ty vậy. Con lấy nó ở đâu hả?”

Tôi sợ hãi đến cứng cả họng. Chẳng phải là tôi ngại ăn đòn hay sợ bị trừng phạt; tôi chỉ mới bị Bố đánh một lần trong đời mà thôi. Đó là vào khi tôi 7 tuổi. Hôm ấy, tôi đang chơi đùa với chú chó Littlebit cạnh ống thông gió cũ của nhà than. Tôi leo vào trong chiếc lều dùng dây miêng ông chỉ để nhìn vào khoảng trống sâu hút, đen kịt của cái lỗ đó. Littlebit thấy vậy bèn phóng theo và không nhận thấy cái lỗ đến khi bay gần tới nơi. Nó nhảy chồm về phía tôi nhưng hụt và rơi thẳng xuống hố sâu gần 200 mét. Tối đó Bố khiêng cái xác mềm rũ của Littlebit về nhà, trong lúc tôi khóc nức nở, ông xoay tôi lại và tát cho 3 cái rỗ mạnh. Sau đó ông giúp tôi chôn cất Littlebit phía bên kia đường ray. Tôi yêu

cầu ông bỏ mũ xuống để mình cầu nguyện. “Lạy Chúa đáng kính,” tôi da diết thút thít. “Xin hãy lấy mạng con theo vì con đã lỡ giết chết Littlebit.”

“Cầu nguyện gì mà khủng khiếp vậy!” Bố bàng hoàng. “Làm lại đi. Cầu nguyện cho linh hồn của Littlebit hay một cái gì khác đi.”

“Dạ được,” tôi nghiêm trang nói. “Lạy Chúa đáng kính, hãy cho Littlebit thật yên vui nơi chốn thượng giới và đừng lấy mạng con mặc dù con đáng bị như vậy.”

“Lạy Chúa tôi, họ dạy con cái quái gì ở nhà thờ vậy?” Bố rất hiếm khi đến Nhà thờ Cộng Đồng Coalwood. Ông đặt tay lên vai tôi rồi cầu nguyện thay. “Thưa Chúa, nó chỉ là một thằng bé thôi. Hãy phù hộ cho nó,” giọng ông vẻ lưỡng lự “tốt hết mức Ngài có thể.” Nói xong Bố đội mũ lên. “Đi nào, về xem Mẹ con chuẩn bị gì cho bữa ăn khuya nào.”

Ngay lúc này, một trong hai nhân vật từ Ohio cười phá lên rồi người kia cũng cười hùa theo, nghe cứ như một lũ la đang be be lên vậy. “Có vẻ con ông muốn trở thành nhà một khoa học ngành tên lửa đấy, Homer!”

“Nó không biết nó muốn trở thành thứ gì đâu,” Bố nói và ném cho tôi một cái nhìn lạnh lùng. “Nhưng tôi thì biết nó là thứ gì.” Đoạn ông giơ quả tên lửa lên. “Nó là một tên trộm.” Ông quan sát mỗi hàn dưới phần đáy rồi kết luận. “Và cả tên nào ở khu mỏ này đã tiếp tay cho nó nữa.”

7. CAPE COALWOOD

THẤY BỐ TÔI KHÔNG ĐỀ Ý ĐẾN MÌNH, Quentin len lén ra cửa chính của khu mỏ, bắt xe chuồn khỏi Coalwood. Còn những đứa khác thì chắc đã về nhà nghỉ ngơi sau một ngày mệt mỏi với hy vọng mong manh rằng bố mẹ chúng sẽ không nghe nói gì về quả tên lửa “giang hồ” của chúng tôi. Còn tôi bị Bố bắt đi bộ về nhà. Một giờ sau, ông cũng về tới và gọi tôi ra sân. Tôi đứng đợi ông đi xuống tầng hầm và quay trở lên với thùng các tông đựng tất cả các loại hóa chất của mình. “Đi theo bố,” ông ra lệnh. “Bố muốn con chứng kiến cảnh này.” Tôi lẻo đẻo theo ông ra sân sau nhà và ngẩn ngơ đứng nhìn ông đổ tất cả mọi thứ xuống sông. Tôi biết ông giận dữ rất chính đáng. Thử nghĩ lại xem, tôi đã ngu ngốc tới mức nào khi quyết định phóng thử quả tên lửa chưa định hướng quá gần khu mỏ. Mặt khác, đây là những chất hóa học *của tôi*, được mua về bằng số tiền dành dụm *của chính tôi*. Số tiền được đổi bằng bao nhiêu buổi sáng sương rơi giá lạnh dậy sớm đi giao báo. “Kết thúc tại đây nhé,” ông nói, không màng quay đầu lại rồi trút hết túi kali nitrat cuối cùng, “Bố nói nghiêm túc đấy, con muốn sưu tầm tem, bắt ếch, nuôi côn trùng trong lọ hay cái gì khác cũng được, nhưng không chế tạo tên lửa nữa.” Nói xong ông đưa lại cho tôi cái thùng chứa đầy những túi và lọ trống rỗng. “Còn bây giờ nói mau, ai đã giúp con?”

Tôi giữ im lặng nhưng ông nói ngay: “Chắc hẳn là Bykovski rồi.” Mặt tôi vô tình tỏ ra mất bình tĩnh ngay. Còn thứ gì ở Coalwood này mà Bố tôi không biết nữa nhỉ? “Bố sẽ xử lý *ông ta*,” ông quả quyết.

“Bố định làm gì?” Tôi hấp tấp hỏi ngay.

“Đó không phải là việc của con, ông tương con ạ. Bây giờ về phòng đi và ở trong đó đến khi Mẹ về.”

Khi Mẹ về đến nhà, Bố chặn bà ngay ở cửa. Tôi thoáng nghe họ nói chuyện nhưng chẳng rõ là gì. Rồi tôi nghe tiếng chân bà thình thịch lên lầu. Bà vào đến phòng tôi rồi hỏi, giọng nghe mệt mỏi. “Kể mẹ nghe chuyện gì đã xảy ra nào.”

Tôi kể hết cho bà nghe, về mọi thứ và cả chú Bykovski nữa. “Bây giờ mẹ mới hiểu mấy tối trước đó con trốn đi đâu,” bà nói ngay sau khi tôi kết thúc câu chuyện. “Đừng có ngạc nhiên. Con nghĩ mẹ không biết chuyện gì đang diễn ra trong nhà này hay sao?”

“Vậy Mẹ có định giúp con không?”

Bà lắc đầu. “Mẹ không biết phải làm thế nào nữa. Mấy ông trên Ohio đã trình báo với ông Van Dyke về mọi việc. Bố con rất lầy lăm xấu hổ, theo mẹ thấy thì điều đó cũng hợp lý mà thôi.”

“Vậy con phải làm gì đây?”

“Mẹ không biết nữa. Lần này thì con gây rắc rối to rồi.”

“Con đoán là con tiêu rồi,” tôi tiu nghỉu.

“Nếu con dễ dàng chịu thua như vậy,” bà nhún vai đáp lại, “thì mẹ nghĩ rằng con tiêu thật rồi.”

“Con lo cho chú Bykovski,” tôi vừa nói vừa tìm kiếm sự cảm thông từ Mẹ.

“Con lo là phải,” Mẹ lạnh lùng bảo. “Con đã lợi dụng chú ấy. Ike với Mary luôn dành tình cảm yêu thương đặc biệt cho con và con cũng nhận ra điều đó mà. Con nên suy nghĩ chín chắn về hậu quả trước khi kéo chú ấy vào cuộc chứ.”

Tôi bồn chồn lo lắng cả ngày hôm đó, đợi đến giờ đôi ca đê lên đến gặp chú Bykovski. Nhác thấy bóng chú trong cửa hàng, lòng tôi nhẹ nhõm đôi chút. Chú đang loay hoay với bộ phận nghiền to lớn bằng thép của máy khai thác than tự động. Nhìn thấy tôi lóng ngóng ngoài cửa, chú vẫy tôi vào trong. “Cháu thấy không, Sonny?” chú vừa nói vừa chỉ vào bộ phận nghiền. “Cái máy nghiền phải đá thay vì than nên bị gãy hết mấy cái răng. Chú phải làm lại mấy cái mới này.”

Tôi bốc một cái răng bị gãy trên bàn để dụng cụ của chú rồi vân vê nó trong tay. “Bố cháu có nói chuyện với chú chưa ạ?”

“Bố cháu rất giận,” chú nói trong tiếng rít của máy phay. “Tối nay là buổi làm việc cuối cùng của chú. Ông ấy chuyển chú xuống khu mỏ làm thợ vận chuyển vào ca đêm.”

Tôi ghen ngào trong nỗi khiếp sợ và xấu hổ. Tôi đã hành động một cách ngu ngốc, nhưng phản ứng của Bố thì thật ghê tởm và hèn hạ. “Bố cháu là một người độc ác nhất trong cái thị trấn này!” Tôi bùng lên trong sự giận dữ.

Chú Bykovski dừng máy phay lại, bước tới nắm lấy vai tôi lắc mạnh. “Cháu không được nói thế về bố mình. Ông ấy là một người tốt. Chú đã hành động khi chưa được cho phép, chú đáng nhận lấy sự trừng phạt này.” Nói rồi chú buông tôi ra và vỗ nhẹ lên tay tôi, nụ cười buồn thoáng hiện trên môi. “Dù sao đi nữa, có lẽ điều này cũng tốt, chú làm công việc vận chuyển than sẽ kiếm được nhiều tiền hơn.”

“Cháu xin lỗi chú Bykovski,” tôi nói. “Mẹ đã nói rằng cháu lợi dụng chú và bà đã đúng hoàn toàn.”

“Nhìn này, chú có cái này cho cháu đây,” chú nói rồi bước vào kho chứa công cụ và đem ra một thùng cạc tông. Trong đó là 4 chiếc *Auk* với chóp gỗ trên đầu mới toanh. “Chú đã làm xong mấy cái nữa. Hy vọng sẽ giúp cho cháu trong một lúc nữa. Tiếp tục cố gắng nhé, chú còn nhiều việc phải làm lắm.”

Tôi đón lấy chiếc thùng cứ như trong đó đựng đầy vàng và kim cương vậy. “Cháu chẳng biết làm thế nào để cảm ơn chú nữa.”

“Cháu muốn cảm ơn chú?” Chú hất đầu về phía cái thùng. “Hãy làm cho chúng bay lên đi. Cho bố cháu thấy hai chú cháu mình đã cùng nhau làm được gì.”

Bố tôi đã nói rất rõ ràng rành mạch rằng tôi phải ngừng ngay việc chế tạo tên lửa lại. BCMA bây giờ là một tổ chức nằm ngoài vòng pháp luật. Tôi không hiểu vì sao nhưng điều này lại cho tôi một cảm giác thú vị. Tôi định bụng sẽ ôm chầm lấy chú Bykovski nhưng cố kìm nén lại. Thay vào đó, tôi đứng thẳng người lên, hy vọng rằng mình tỏ ra đủ bản lĩnh đàn ông và tuyên bố, “Vâng thưa chú. Chú có thể tin vào cháu.”

Chú gật đầu rồi quay trở lại với công việc. Và tôi cũng vậy.

THỨ HAI TUẦN KẾ TIẾP, tôi tập hợp lũ bạn lại trong giảng đường ở Big Creek trước giờ vào lớp. Đúng như dự đoán, tin tức về vụ tấn công của chúng tôi vào nhà than được lan truyền qua hàng rào đến tai các vị phụ huynh ngay lập tức. Nhưng thật ngạc nhiên khi chẳng có đứa bạn nào bị phạt cả. Mẹ của Roy Lee cười ngả nghiêng. Bố của O'Dell thì tỏ ra ngạc nhiên vì mấy quả tên lửa lại bay được và chẳng gây ra bất cứ hậu quả nghiêm trọng nào. Sau đó ông dặn dò con trai rằng nên suy nghĩ thật kĩ trước khi quyết định làm một việc gì, và tất cả chỉ có vậy thôi. Xem ra tôi là đứa duy nhất bị la mắng. Sau khi đối chiếu sự việc, tôi đồ rằng những phụ huynh khác đều cảm thấy thích thú vì chúng tôi đã làm cho mấy ông trên Ohio hoảng sợ. Những người này không được thiện cảm của các dân thường ở Coalwood. Tôi nghe được một cuộc nói chuyện của Liên minh Công nhân từ anh của Roy Lee rằng những tên trọc phú ngạo mạn đó luôn chỉ nghĩ cho bản thân họ, sẽ sẵn sàng phản bội chúng tôi trong nháy mắt mà thôi. Nhưng mặt khác, Bố tôi lại luôn tin rằng một phần chính yếu công việc của ông là làm cho những người trên Ohio hài lòng. Ôi dào, nhưng tôi cũng cần phải thỏa mãn bản thân mình chứ. “Chúng ta phải tìm một địa điểm phóng thử khác cho tên lửa thôi, một nơi ngoài phạm vi Coalwood,” tôi bảo với mấy đứa bạn.

“Ý cậu là chúng ta sẽ không dừng lại à?” O'Dell hỏi.

“Chúng ta đang hoạt động ngoài vòng pháp luật,” tôi nhấn mạnh từng chữ. “Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ đầu hàng.”

Sherman đồng tình với tôi. “Họ đã đốn sạch cây trên Pine Knob,” cậu nói. “Chỗ đó không thuộc về công ty. Chúng ta có thể lên đấy.”

“Cậu đang đùa đấy à?” Roy Lee kêu lên. “Chúng ta phải trèo 2 ngọn núi mới tới được đó.”

“Vậy cậu có kế hoạch nào tốt hơn không?” Sherman đáp lại.

“Đương nhiên là có. Các cậu nghĩ thế nào nếu chúng ta dùng hết mấy cái tên lửa này lại và đi kiếm bạn gái?”

Điều này kích thích O'Dell. “Chúng ta phải làm sao?”

“Đầu tiên, tớ sẽ chỉ cậu vài thứ về dây nhợ.”

“Cụ thể là về cái gì?”

Roy Lee nháy mắt. “Như là cởi áo ngực bằng một tay chẳng hạn.”

“Quyết định đến Pine Knob,” tôi quyết định, phớt lờ ý kiến nhăng nhít của Roy Lee. “Thứ bảy này gặp nhau ở nhà tớ. Chúng ta sẽ xuất phát từ đó. Quentin này?”

“À ờ...,” Quentin giật mình, cậu ấy đang có vẻ mơ màng về một điều gì đó xa xăm.

“Chúng ta phải tìm ra cách nào hiệu quả hơn việc cứ quăng đại những hỗn hợp vào trong bình nấu nước nóng để thử chúng. Cậu là nhà khoa học của bọn mình mà. Cậu có nghĩ ra được phương pháp nào khác không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Vậy thì làm đi.”

Vào thứ bảy, khi Bố đang làm việc ở khu mỏ, BCMA hội họp trong phòng tôi. Quentin đã cặm cụi nghiên cứu cả tuần để đưa ra phương pháp thử nghiệm hỗn hợp thuốc súng mới và bắt đầu giảng giải một cách tự hào. Nghe ra nó là một phép thử phức tạp với nhiều chiếc ống, dây và pittông. Tôi thật sự ấn tượng, chắc ngay cả Wernher von Braun cũng phải mơ tưởng về cách này. Sau một hồi thao thao bất tuyệt về qui trình hoạt động của phép thử, Quentin bị O’Dell chặn lại. “Tớ có ý kiến là chúng ta cứ bỏ thuốc súng vào chai nước ngọt rồi xem nó nổ to như thế nào là xong?”

Một loạt âm thanh lao xao hòa theo tán thành rồi mọi người nhìn về phía tôi chờ ý kiến của tôi. “Chai nước ngọt”, tôi quyết. Tôi rất lấy làm tiếc phải làm phật lòng Quentin nhưng với điều kiện hạn hẹp hiện tại thì không thể nào chế tạo một phép thử như vậy được. “Nhưng đây quả thật là một việc đáng trân trọng Q. ạ,” tôi nói. Đến bây giờ tôi nhận ra rằng nên luôn vỗ về một người khác để làm họ nguôi ngoai thì tốt hơn.

Quentin phản đối. “Sonny, chúng ta phải dẫn dắt tổ chức này một cách khoa học chứ.”

“Chúng ta vẫn đang làm đấy thôi Quentin,” tôi nhỏ nhẹ trả lời, “nhưng đôi lúc chúng ta phải nhận thức được rằng mình đang không làm việc trong môi trường đầy đủ điều kiện như ở Cape Canaveral.”

Quentin khản khoản yêu cầu những đứa khác đang nằm ườn trong phòng. “Chúng ta đang cố gắng học cách chế tạo một tên lửa thực thụ đấy các quý ông. Không phải chuyện đùa đâu.”

“Cậu đúng hoàn toàn Quentin ạ,” Roy Lee nói đoạn nháy mắt với tôi. “Bởi vậy chúng ta mới cần những cô nàng.” Nói rồi cậu ấy lôi một chiếc áo ngực từ trong túi áo khoác ra rồi quàng qua chiếc ghế. “Ok, như tớ đã hứa, đến lúc nhìn và học hỏi rồi đấy các cu cậu.”

Quentin thở dài bực bội. Tôi cùng Sherman và O'Dell vây quanh Roy Lee. Chúng tôi đều nóng lòng chờ xem bí mật của người lớn từ Roy Lee. Roy Lee ngồi xuống cạnh cái ghế đang có chiếc áo ngực rồi vòng tay lên đỉnh. Một lúc sau, với những động tác khéo léo của ngón tay, chiếc áo ngực bung ra khỏi thành ghế và rơi xuống. “Wow,” chúng tôi, ngay cả Quentin, đều đồng loạt thốt lên. Cậu cầm cái áo ngực lên, dò xét những cái móc phức tạp phía sau. “Các cậu biết không,” cậu ấy nhíu mày ngẫm nghĩ, “phải có một hệ thống tốt hơn.” Nói rồi cậu ấy giật một con rận - một thứ bệnh địa phương ở miền Tây Virginia - ra khỏi ống quần, quan sát cái con vật nhỏ bé luôn sẵn sàng bám lên bất kì ai hay vật gì đi ngang qua khu rừng. Cứ mỗi lần Dandy hay Poteet rượt theo lũ thỏ rồi quay về là sẽ bị dính thứ đó đầy mình và tôi phải mất hàng giờ để gỡ chúng ra. Quentin để nó dính lên quần rồi lại gỡ ra. “Tớ muốn quan sát nó dưới kính hiển vi. Nếu mình khám phá ra được vì sao nó có thể bám lên quần thì có thể dùng nó trên dây quai áo và...”

“Im đi Quentin,” Roy Lee nói, giật cái áo ngực khỏi tay Quentin rồi mắc lại vào ghế. “Cậu lẩn thần rồi đấy.”

Chúng tôi lần lượt làm thử. Tôi đã từng thấy rất nhiều áo ngực phơi ngoài sào phơi đồ khắp Coalwood nhưng chưa được dịp đụng thử bao giờ. Việc gỡ nó bằng một tay chẳng dễ dàng như Roy Lee làm chút nào. Cái nút trên cùng là khó nhất. “Lúc này chắc cậu bị Dorothy tát rồi đấy, Sonny,” Roy Lee bảo tôi.

“Đừng nói về Dorothy như thế chứ,” tôi nổi đóa lên.

“Tại sao? Nó có phải thiên thần đâu. Tớ nghe nói cô nàng đang hẹn hò với mấy thằng trên Welch đấy nhé.”

Đây quả là tin mới đối với tôi. Mấy đứa trên Welch được xem là “tiên bộ” hơn đám dân quê chúng tôi nhiều. Nếu như nàng thật sự hẹn hò với chúng nó thì... tôi cảm thấy bồn chồn lo lắng. “Cứ mặc kệ chuyện đó đi, Roy Lee” tôi quạt lại, đột nhiên cảm thấy đau khổ. Có vẻ mọi việc về Dorothy một là làm cho tôi cực kì vui sướng hai là vô cùng đau buồn.

Roy Lee nhìn tôi bằng ánh mắt vô tư nhất rồi giơ tay lên. “Ok. Nhưng đừng có nói là cậu không biết về việc này nữa nhé.”

Chúng tôi tiếp tục thực tập với cái áo ngực suốt buổi chiều hôm đó thay vì thảo luận về khoa học, ngay cả Quentin cũng bị thuyết phục bởi bài giảng sống động của Roy Lee về những hệ quả đạt được nếu như chúng tôi có thể tập được khả năng sử dụng tay nhuần nhuyễn này. Sau khi mấy đứa khác ra về, Roy Lee cất chiếc áo ngực vào trong áo khoác thì Mẹ chặn Quentin lại để ăn tối. Cậu lại nghiêng mình kính cẩn nói: “Cháu rất vui lòng đáp lại tấm chân tình của cô.”

Bà cười tươi. “Sonny, sao con lại không có thái độ như Quentin nhỉ?”

“Về sự giáo dục của con ấy à?” tôi hỏi.

“Thần khẩu hại xác phạm đầy con trai ạ,” bà cảnh báo. “Con đã làm tăng hàm rối tung hết lên rồi đó.

Con có định xuống dọn dẹp không?”

“Vâng thưa Mẹ,” tôi răm rắp tuân theo và tự nhắc nhở bản thân rằng Mẹ mình không phải là đối tượng thích hợp để chọc giận chút nào cả.

Vào tuần sau, O’Dell thu gom vỏ chai nước ngọt, thứ này đầy rẫy ở những bãi rác. Còn Quentin cùng tôi trộn thêm một số mẫu hỗn hợp. Chúng tôi bắt đầu chuyến du ngoạn lên Pine Knob vào thứ bảy tuần tiếp theo, mỗi đứa mang trên vai những túi giấy đựng đầy chai chứa các hỗn hợp khác nhau. Đầu tiên bọn tôi phải trèo qua núi Bồn Nước - cái tên phát sinh từ hai cái bồn hình trụ to chứa nước uống cho toàn Coalwood chễm chệ trên đỉnh. Khi đến được chỗ bồn nước, chúng tôi tuột xuống mặt sau của nó rồi lại men theo một cái rãnh để lên đến phần đỉnh trọc lóc của Pine Knob. Ai đó đã chặt phăng hết cây cối ở đây từ 10 năm trước, đến nay vẫn chưa có dấu hiệu nào của sự hồi phục. Trước mặt chỉ là một biển mênh mông của những gốc cây nham nhở trên dải đất cằn cỗi, xói mòn.

Đợi cho Quentin phàn nàn về cái chân đau nhức và thân thể mệt mỏi của cậu ấy xong, chúng tôi bắt đầu tiến hành thử nghiệm. Chúng tôi núp sau những gốc cây và cho nổ lần lượt từng cái chai thành mảnh vụn. Sherman lo ghi chép còn Quentin thì cứ liên tục căn nhắc về cách thử nghiệm thiếu khoa học này. Thật ra cậu ấy có lý vì xem ra rất khó nhận biết được sự khác biệt giữa cái chai này so với chai khác khi nổ. Đến cái chai cuối cùng, thuốc súng trong đó được tôi nghiền cẩn thận nhất, chúng tôi cho nổ nó và sau một tiếng “bùm”, tạo nên cái lỗ sâu khoảng hơn 30cm. Ngay cả Quentin cũng ấn tượng bởi điều này. “Tớ sẽ nghiền thuốc súng và trộn hỗn hợp theo đà này từ nay về sau,” tôi nói với Quentin và cậu ấy có vẻ dịu lại. Rốt cuộc chúng tôi cũng đạt được một kết quả “khá” khoa học. Thuốc súng càng tốt thì lực nổ sẽ lớn hơn.

Mặc dù thực tế chúng tôi không đụng chạm gì đến tài sản của công ty nữa nhưng vẫn có người ở Coalwood không hài lòng về những việc đang diễn ra. Dường như mỗi khi chúng tôi cho nổ một cái chai, một số người sẽ nghĩ rằng khu mỏ bị nổ. Họ lật đật lao ra mái hiên, khi nhận ra sự việc, họ thốt lên: “Ôi không, lại là cái lũ nhóc tên lửa đó rồi!” Và sau đó mọi người lại lững thững đi vào nhà. Đến khi chúng tôi cho nổ một chai khác thì sự việc lại tiếp diễn như vậy. Lúc tôi về nhà, Mẹ bảo rằng Bố nhận được nhiều cú điện thoại than phiền về những tiếng ồn, trong đó có cả ông Van Dyke nữa. Nhưng thật ngạc nhiên, Bố không hề có ý kiến gì cả. Dù sao đi nữa tôi cũng đã nghe lời ông và không xâm phạm đến tài sản của công ty, có lẽ ông cũng cảm thấy thỏa mãn phần nào. Dù vậy tôi vẫn đang gặp vấn đề. Pine Knob dùng thử nghiệm mấy cái chai nổ thì được chứ phóng tên lửa thì không. Điều BCMA cần hơn cả là một nơi riêng biệt để phóng tên lửa mà không bị ai phàn nàn. Nhưng tìm đâu ra một địa điểm như thế bây giờ? Xem ra quyết định này nằm ngoài tầm tay tôi.

Trong buổi họp mặt ở Câu lạc bộ Phụ nữ Coalwood vào tối thứ năm, Bộ Sáu Siêu Đẳng gặp mặt và chuyển những lời khuyên chân thành nhất đến Mẹ và ông Van Dyke về những gì ngoài vòng pháp luật mà bọn nhóc chúng tôi đang thực hiện. Sáng hôm sau Mẹ đánh thức tôi rất sớm, ngoài trời vẫn còn tối mịt. “Đi nào, mẹ con mình phải nói chuyện với bố thôi.”

Tôi lẻo đẻo theo chân Mẹ xuống bếp, mắt vẫn còn lờ đờ và lòng phân vân đủ thứ. Suýt nữa Bố làm rơi cốc cà phê khi thấy chúng tôi xuất hiện. Việc Mẹ thức dậy quá sớm như vậy quả hiếm hoi và thật tình

chưa bao giờ ông nhìn thấy tôi trước khi mặt trời mọc cả. “Quý thần ơi, Elsie, đừng có hù tôi như vậy chứ.”

“Tôi và Sonny có chuyện nói với ông, Homer ạ.” Mẹ bảo.

Bố nhìn tôi rồi chùng người xuống ghế. “Vậy thì để tôi nghe xem nào.”

“Tôi muốn mình tìm cách nào đó để giúp con nó phóng tên lửa mà không làm phiền đến ai cả.”

“Tại sao tôi lại phải làm vậy nhỉ?”

“Bởi vì có những người nghĩ rằng chúng nó đang làm điều tốt và đúng đắn.”

Mặc dù tôi thì chẳng hiểu Mẹ nói gì nhưng Bố thì biết tổng rằng bà đang nói về ai; và đừng hỏi tôi vì sao ông biết. “Cái lũ thầy cô già lẫn thần đó chỉ nghĩ đơn giản là họ giải quyết được mọi vấn đề chỉ bằng một cái búng tay thôi và họ thọc mũi vào đủ chuyện ở thị trấn này.” Nói rồi ông uống cạn cốc cà phê, chỉ chừa lại chút bã dưới đáy. “Rất tiếc. Tôi được lệnh từ cấp trên, ông Van Dyke đã nói không cho phép chế tạo tên lửa gì nữa.”

“Ông sẽ hối hận về điều này Homer ạ,” Mẹ lạnh lùng bảo. Nói rồi bà choàng lại áo ngủ và đi xuống bếp.

Mẹ đi rồi, lúc này Bố bắt đầu chú ý đến sự có mặt của tôi. “Con có nhận thấy những rắc rối mình gây ra chưa?” ông càu nhàu.

Tôi lúng túng chẳng hiểu ông đang nói về rắc rối gì. Từ khi bị cấm đến nay tôi đã phóng quả tên lửa nào đâu. Dù sao đi nữa, hiềm hoi lắm tôi mới được ông để ý đến, phải nhân cơ hội này để hỏi thôi. “Bố à, có phải Coalwood sắp bị dẹp bỏ không?”

Ông nhìn cứ như tôi đang suy nghĩ gì đó điên rồ lắm. “Con nói cái quỷ gì vậy?”

“Con nghe nói rằng than bắt đầu cạn kiệt và rồi công ty sẽ rút đi.”

Ông quay đầu định nhìn về phía khu mỏ nhưng thay vì vậy đập vào mắt ông là bức tranh vẽ bãi biển trên tường của Mẹ. Bố bối rối một lúc cứ như vừa thấy nó lần đầu tiên vậy và rồi quay lại nhìn tôi. “Lượng than tốt trong mỏ đó còn khai thác được trong 50 năm nữa con ạ.”

“Chú Dubonnet có nói vậy đâu.”

Bố chụp lấy cạnh bàn có vẻ như muốn đứng dậy, vòng qua để vò lấy tôi. Nhưng rồi ông dịu lại. “Dubonnet chỉ là một tên dê hèn thích bốc đồng mà thôi. Bố không muốn con nói chuyện với hắn ta nữa. Bố là người của công ty, suy ra con cũng là một thằng nhóc của công ty, hiểu chưa?”

Tôi hiểu rõ hơn ông nhiều chứ. Nói cho cùng, tôi luôn là thằng nhóc bị mấy đứa lớn khác cho ăn đòn mỗi khi Liên minh Công nhân đình công. Bố có biết gì về điều này đâu. Tôi cáu tiết lên định nói ra cho ông hay nhưng ngay lúc ấy chiếc “hắc phen” lại réo lên ầm ỹ. Ông vội vã phóng đến chụp ống nghe rồi hét ầm lên trước khi người gọi kịp mở lời. “Mẹ kiếp, tôi tới ngay đây!”

VÀO CHỦ NHẬT, Mẹ, Jim và tôi thức dậy như thường lệ, chuẩn bị quần áo đi lễ. Bố cũng vừa bước xuống nhà, chĩa chu trong bộ đồ vest và cà vạt. Mẹ có vẻ còn ngạc nhiên hơn là khi Bố đang trần trụi trực nữa kia. Thì ra là ông Van Dyke yêu cầu Bố dự “bữa nửa buổi” (bữa sáng và bữa trưa gộp lại) sau khi đi lễ nhà thờ. “Rồi, gặp-sau-vậy,” Mẹ ngâm nga. “Bữa-nửa-buổi. Chúng ta có đang tưởng tượng không nhỉ?”

Bố cau mày nhìn bà. “Elsie, tôi đã nói với ông ấy là cả hai chúng ta sẽ có mặt.”

Mẹ đẩy tôi tới phía trước, vòng một tay ra sau cổ chỉnh lại cà vạt cho tôi. “Để tôi xem sao,” bà nói, tôi nghe loáng thoáng được Bố nghiêng răng.

Bố và Mẹ ngồi phía cuối giáo đường giữa nhà Van Dyke, vợ chồng nhà “Thầy lang” Lassiter. Jim thì ngồi chung với đám cầu thủ bóng bầu dục, tất cả bọn chúng vẫn tức tối vì việc bị gạch tên khỏi giải vô địch bang. Thực ra, Bố đã cố dỗ dành Jim bằng cách cho anh ấy sử dụng chiếc Buick của ông vào mỗi thứ bảy, thậm chí còn không cần lau chùi nó nữa. Tôi thì chẳng ghen tị với sự ưu tiên đó làm gì, tôi chỉ mới 15 tuổi, cũng chưa có bằng lái. Một điều đơn giản nữa là Jim có nhiều con gái để chở đi, còn tôi thì không, với tình hình này, chắc tôi sẽ chẳng bao giờ có bạn gái được nữa.

Tôi tìm thấy Sherman và O’Dell rồi cùng nhau ngồi phía đầu giáo đường. Khi dàn đồng ca đứng dậy, bà Dantzler tiến ra phía trước đơn ca. Bà đứng thẳng trông thật cao ráo trong bộ áo choàng màu hạt dẻ, những vạt nắng rơi xuyên qua lớp kính trong suốt lên tóc bà làm nó sáng sủa như lớp bạc nóng chảy. Đến lúc bà ngưng lại, giọng ca ấy như còn vang vọng khắp các góc ngách trên trần nhà. Cha Lanier đứng dậy, từ từ tiến lên bục giảng kinh. Tôi nhận thấy ông có gì không ổn, dường như đang mang trong lòng một điều phiền não. Áo choàng buộc lỏng lẻo, tóc tai bù xù, ông cất giọng lo lắng một cách lạ lùng, “Hôm nay, cha sẽ thuyết giáo về đề tài bố và con.”

Chúng ta đang sống, ông nói với toàn giáo đoàn đang lặng im, trong một thời đại mà những người bố không nhận được sự tôn kính xứng đáng từ con cái. Nghe đến chủ điểm này, tóc gáy tôi dựng đứng cả lên. Công ty chỉ trả lương cho những Cha xứ tốt và ít khi nào can thiệp vào bài thuyết giáo của họ và cũng chỉ thường về những chuyện dĩ nhiên như cái gì của Caesar sẽ thuộc về Caesar mà thôi. Những đứa con nào lại không tôn trọng bố chúng? Ngoài lũ nhóc tên lửa chúng tôi ra thì còn ai vào đây nữa?

Cha Lanier kể cho chúng tôi nghe một mẩu chuyện. Ngày ấy có một người con hay gây ra những điều tệ hại, mỗi lần như vậy, người cha đau khổ ấy thường đóng một cây đinh lên cửa. Rồi một ngày kia, đứa con cũng hiểu ra lý lẽ, người bố tha lỗi cho nó và gỡ đi những cây đinh đó.

“Nhưng cho dù đinh có được gỡ đi,” Cha Lanier buồn bã kết luận, “những cái lỗ vẫn còn đó tượng

trung cho nỗi đau luôn in hằn trong trái tim người bố tội nghiệp.”

Khi Cha Lanier nhìn thẳng vào tôi, vô tình tôi chùng người xuống ghế. Ông đã tung ra bùa phép gì đó làm cho tôi cảm thấy tội lỗi về điều mà tôi vốn không thừa nhận đó là tội lỗi. Những người thuyết giáo tỏ ra rất giỏi trong việc này. Sau đó ông tiếp tục nói về cái cửa tội nghiệp bị hành hạ và ý nghĩa của sự việc trên, rồi cuối cùng kết luận mọi việc bằng một câu cách ngôn. Để phòng hờ tôi vẫn không nhận thức được rằng ông nói điều này với ai, ông lại nhìn chăm chăm vào tôi một lần nữa. *Một đứa con hư hỏng là tai ương của bố nó. Hãy ngừng lại đi con trai và lắng nghe những lời răn dạy để tránh tạo nên thêm lỗi lầm.*

Tôi càng tuột sâu hơn xuống ghế và trong đầu hiện rõ lên hình ảnh Bố đang cười mỉa mai Mẹ. Bây giờ có vẻ tôi đã hiểu vì sao Bố lại đi lễ nhà thờ. Cha xứ đang truyền tải một bài thuyết giáo của công ty!

Nhưng Cha xứ chưa kết thúc tại đây. Ông hít một hơi thật sâu, nặng nề. Lần này ông nhìn về phía những băng ghế đằng sau. “Cha được học câu chuyện về cái cửa này từ trong Kinh Thánh tại giảng đường và nó luôn nằm trong lòng ta. Cha đã nhiều lần dùng nó để khuyên răn những cậu bé hư hỏng. Nhưng những sự việc diễn ra gần đây ở Coalwood làm cho Cha suy nghĩ: Người bố đóng đinh lên cửa làm gì? Thay vì búa đinh một cách giận dữ thì ông nên bày tỏ sự yêu thương bằng thời gian, sở thích và lòng vị tha của mình có hay hơn không? Có vẻ những cái lỗ trên cửa biểu trưng cho sự giận dữ của ông hơn là tình yêu thương đó.”

Sau khi hắng giọng và xóc lại cổ áo, Cha xứ tiếp tục. “Gần đây chúng ta có vài sự cố ở Coalwood,” ông nói giọng ngập ngừng. “Vấn đề về Bố-Con. Dĩ nhiên, con phải tôn trọng bố rồi. Nhưng Cha xin nhắc lại câu cách ngôn thứ 23, đoạn 24. *Người bố sinh ra một đứa trẻ thông minh sẽ thừa hưởng được niềm vui từ nó.* Có một đứa con không ngừng học hỏi là món quà quý giá nhất trên đời.”

Mặc dù giáo đoàn thường im lặng nhưng lần này tôi nghe loáng thoáng một vài tiếng “Amen” từ trong nhóm hợp xướng. Sau đó tôi hồ hởi nhận ra ai đã kích động cho phần hai của bài thuyết giảng này. Chẳng phải công ty mà là *những ông bà già* đang ngồi hầu hết trong dàn hợp xướng: Bộ Sáu Siêu Đẳng. Cha Lanier không phải đang thuyết giáo cho nhóm hợp xướng mà đang thuyết thay cho họ.

Cha tiếp tục. “Những người con, hãy nghe lời bố mình. Nhưng hỏi những ông bố, hãy giúp cho con mình thực hiện ước mơ. Nếu chúng bố rồi, hãy định tâm cho chúng. Nếu chúng lạc lối, hãy kéo chúng ra khỏi và đưa chúng về nhà. Chúa đáng kính từng nói rằng: Nếu một người có 100 con cừu, một con bị lạc, liệu ông ta có bỏ lại 99 con kia để đi tìm nó hay không? Nhưng nếu tìm lại được con cừu lạc ấy, Cha chắc chắn rằng ông ta sẽ cảm thấy vui sướng hơn rất nhiều so với việc có 99 con kia. Những ông bố ơi, ta van các ông hãy giang đôi tay đón nhận những đứa con lạc lối của mình và cứu cánh bằng cách nuôi dưỡng giấc mơ của chúng. Những đứa bé này, tất cả chúng ta đều biết là ta đang nói tới những *cậu bé hỏa tiễn*, chúng đang có những giấc mơ thật vĩ đại. Chúng cần sự giúp đỡ chứ không phải gánh chịu một sự đàn áp nào.”

“Amen,” Bộ Sáu Siêu Đẳng đồng thanh hô lên.

Sherman, tôi và O'Dell nhìn nhau cười toe toét. Tôi nghe thấy những tiếng thì thầm giận dữ của lũ cầu thủ bóng bầu dục. Nhưng sau lưng chúng tôi, các bậc phụ huynh lặng im trong những gương mặt băng giá, lạnh lùng. Cha Lanier nhìn chăm chú về phía đó rồi đưa tay áo lên lau mồ hôi trán. Chỉ một lúc trước đây thôi, ông dường như được bốc lên mây bởi giáo đoàn và đưa ra những lời hùng biện hoành tráng. Nhưng giờ đây, khi nhận lấy phản ứng của những cá thể đang ngồi sau tôi, ông dần dần trở lại mặt đất. “Dĩ nhiên, đây chỉ là quan điểm của một giám mục nhỏ nhoi mà thôi,” ông nói giọng run rẩy rồi đảo mắt thật nhanh. “Ừm, giờ đến phần hợp xướng.”

Cha Lanier ngồi xuống, nấp mình sau bụi giảng kinh nhưng dàn hợp xướng thì đứng phắt dậy và hùng hồn cất vang bài “Niềm tin của bố chúng ta”. Sau đó, lẽ ra Cha Lanier phải đứng dậy ban phước lành nhưng thay vào đó, ông vẫn ngồi chết dí một chỗ. Những giây phút ngại ngùng ngọt ngào trôi qua, cuối cùng, ông Dantzler, được bầu làm người trợ tế năm nay của công ty, đứng dậy và yêu cầu mọi người ở lại đến khi dàn hợp xướng xếp hàng đi ra ngoài. Tôi quay đầu ra sau, nhìn thấy Bố và ông Van Dyke mang vẻ mặt chua chát còn trên gương mặt của Mẹ và bà Van Dyke thì đang nở những nụ cười như thiên thần. Khi Bộ Sáu Siêu Đảng lướt ngang qua, họ nhìn tôi bằng những ánh mắt nghiêm nghị. Tôi hiểu họ muốn nói gì, họ đã liệu mình đến không còn gì để bám víu nữa nhằm ủng hộ cho chúng tôi. Chúng tôi tốt nhất phải làm thật tốt để không phụ lòng họ.

Jim cùng hầu hết mấy tên bóng bầu dục đi thẳng ra đường, chỉ còn Buck nán lại chặn Sherman, tôi và O'Dell ngay bậc thềm nhà thờ. “Cha xứ và những người khác nên lo lắng cho đội bóng chứ không phải lũ bé gái thoái hóa chúng mày.”

“Vaaây aàa?” O'Dell tỏ vẻ như muốn cởi áo khoác ra. “Nhào vào đi thẳng mập, tao sẽ cho mày thấy ai mới là bé gái.”

Mẹ vừa đi ra khỏi nhà thờ, nhận thấy tình hình, bà liền gọi Buck. “Chào con, Buchanan,”

“Xin chào cô Hickam,” hấn vừa nói vừa chỉnh lại cà vạt và bộ điệu cho thẳng thớm. “Hôm nay cô khỏe không ạ?”

“Cô khỏe, Buchanan à. Còn cháu?”

“Cũng ok cô ạ,” hấn trả lời và lườm chúng tôi đầy vẻ đe dọa rồi lê bước theo sau đám cầu thủ bóng bầu dục tụ tập ở thềm Big Store.

O'Dell và Sherman mỗi đứa rẽ một ngã về nhà, để tôi lại với Mẹ. Bà mở lời: “Sunny à, sao con không đứng đây đợi một lát? Mẹ nghĩ Bố có chuyện muốn nói với con đấy.” Nói rồi bà đi cùng bà Van Dyke về hướng Club House. Tôi nhìn qua phía bãi đậu xe, thấy Bố và ông Van Dyke bị bao vây bởi những thầy cô của Coalwood. Khi thoát ra khỏi đám đông, cả hai hối hả đi lại phía tôi, Bố kéo tôi ra và đưa chìa khóa chiếc Buick cho tôi. “Cho con tập lái đó,” ông nhìn tôi nói, giọng có gì đó khinh bỉ.

“Thật ạ?” tôi vui mừng trước những điều tốt đẹp đầy triển vọng đang diễn ra. Thông thường tôi phải nài nỉ ông nhiều ngày liền để được tập lái.

Ông ngồi phịch xuống ghế bên cạnh rồi ra lệnh. “Chạy thẳng đến Frog Level đi.”

Không gian lặng như tờ trên đường đi, tôi thận trọng bề lái còn Bố chỉ mở miệng cầu nhàu mỗi lúc tôi chạy vào ổ gà. Đến khu Frog Level, ông hất đầu về phía đường đất dẫn xuống khu hoang dã Big Branch. Tôi thận trọng hơn trên đoạn đường mòn đất sét vì sợ xe bị mất lái. Đi khoảng 2 dặm nữa, đến bãi rác than, ông ra hiệu cho tôi dừng lại. “Đề xem nào.”

Chúng tôi đi bộ xuống phần đường lồi lõm đầy rác. Xe ủi đã đè bẹp hàng triệu tấn than phế thải xuống đây tạo thành một sa mạc đen ngòm chạy dài xuống thung lũng. Không một bóng cây hay ngọn cỏ nào xuất hiện nổi ở đây. “Nếu con muốn phóng tên lửa thì làm ở đây này,” ông nói “chẳng ai thèm quan tâm hay để ý gì đến đâu. Con có cả cái thung lũng này đây.”

Tôi há hốc mồm đứng nhìn dải đất đen bằng phẳng. “Nó dài bao nhiêu vậy Bố?”

“Khoảng 1 dặm đấy.”

Tôi tia mắt xuống đồng rác óng ánh nắng mặt trời, đến phần quanh chân núi, trí tưởng tượng của tôi một lần nữa lại bay xa. Tôi có thể nhìn thấy được mọi thứ sắp diễn ra: một cái lô cốt, bệ phóng rồi những quả tên lửa vút lên giữa những ngọn đồi dốc đứng, đáp vòng xuống đất... “Cape Coalwood,” tôi hít vào thật sâu.

Bố nhìn quanh bãi đất khô cằn rồi ngoa ngán lắc đầu. “Nếu con thích nơi này thì nó hoàn toàn thuộc về con đó. Đi nào.”

“Bố à, còn một điều nữa ạ.”

“Gì nữa?”

Tôi liều lĩnh yêu cầu. “Tụi con cần một căn nhà - một cái lô cốt - để núp mỗi khi phóng tên lửa. Bố có thể cho con ít gỗ để dựng nó không?”

Ông tháo mũ xuống rồi nhip nhip liên hồi xuống đùi. “Tài sản của công ty phải dùng vào việc của công ty, không phải dành cho việc phóng tên lửa.”

“Chỉ cần gỗ phế liệu thôi mà,” tôi giải thích, cảm thấy đây là thời khắc thích hợp cho mình. “Và còn một vài miếng thiếc để làm mái nữa, được không ạ?”

Bố lê bước vào xe rồi quay lại chỉ mặt tôi. “Một khi Bố cho con gỗ phế liệu - mà gỗ phế liệu cũng đắt đấy cậu nhóc à - thì từ nay bố không muốn nghe hay thấy gì phiền phức đến khu mỏ về cái vụ tên lửa này nữa nghe chưa?”

“Vâng, cảm ơn Bố ạ.”

Bố chụp mũ lên đầu, ông có vẻ nhẹ nhõm đi một lúc rồi nét cộc cằn lại thoáng hiện trên gương mặt. “Đi thôi nào,” ông hồi hã. “Chỉ có Chúa mới biết Mẹ con đã nói gì với nhà Van Dyke.”

Tôi vừa theo Bố ra xe vừa ngoái đầu nhìn dải đất than đen to lớn phía sau. Rốt cuộc BCMA cũng có được cứ điểm. Cape Coalwood. Tôi nóng lòng muốn cho Quentin biết quá.

8. XÂY DỰNG KHU CAPE

Ở MỘT MŨI ĐẤT KHÁC tại Florida, công việc đang hồi hải. Biệt Đội Không Quân phóng tên lửa đạn đạo hàng tuần. Mặc dù đa số đều bay vút lên nổ tung hoành tráng nhưng cũng có vài quả rơi rụng thảm thương. Vào ngày 5 tháng 2 năm 1958, nhóm Vanguard không may mắn khi cố gắng đưa tên lửa lên quỹ đạo một lần nữa, kế hoạch đã thảm bại mặc dù nó có thể bay lên khỏi giàn cần cẩu trước khi nổ tung. Vào ngày 17 tháng 3, họ một lần nữa thử nghiệm với vệ tinh *Grapefruit* nặng 1,5kg. Còn tiến sĩ von Braun phóng *Explorer* nặng 14kg lên quỹ đạo vào ngày 26 tháng 3. Có vẻ như nước Mỹ đã bắt đầu hành động thật sự. Sau đó, vào tháng 5, Liên bang Xô Viết cho *Sputnik III* lên quỹ đạo, nó to lớn kinh khủng và nặng đến 1.328kg. Lúc này, một số người Mỹ phán rằng chúng ta nên đầu hàng đi thôi. Những người này, theo tôi, đều cùng một loại và họ sẽ dễ dàng rời bỏ thung lũng Forge hay đầu hàng ngay sau sự kiện Trân Châu Cảng mà thôi.

Tiến sĩ von Braun thì chẳng chịu đầu hàng. Không lâu sau, báo chí đăng tin rằng ông đang chế tạo một quả tên lửa quái vật khổng lồ mang tên *Saturn*. Vào mùa xuân năm 1958, Quốc hội và chính quyền của Eisenhower lập nên Cục Quản trị Hàng Không và Không gian Quốc gia (National Aeronautics Space Administration - NASA) nhằm ban hành điều lệ và quản lý những chương trình liên quan đến không gian. Tôi theo dõi báo chí và nghe rằng tiến sĩ von Braun có thể sẽ rời bỏ Quân đội và gia nhập NASA. Nếu ông làm vậy thật, cái tổ chức mới ấy chính là mục đích tối thượng của tôi.

NĂM LỚP 10 ở Big Creek lặng lẽ trôi qua, thầy Turner hùng hồn tuyên bố trong bài diễn thuyết của mình trong giảng đường rằng chúng tôi luôn phải củng cố tinh thần của toàn trường, phải luôn nghĩ về đội bóng bầu dục suốt mùa hè và hết mình ủng hộ họ mùa thu tới. Tôi ngồi cạnh Roy Lee, chợt cảm thấy có ai đó đâm vào sau lưng mình. Khi quay lại thì gặp ngay nụ cười nhăn nhó của Valentine Carmina. Cô chị học lớp kế bên và có dáng điệu khệnh khạng mà mọi người vẫn chọc là “thụ động như nhà xí bằng gạch”. “Chào Sonny”, Valentine hé môi khoe hàm răng trắng đều đặn.

Vì một lý do nào đó mà Valentine luôn quý mến tôi. Bất cứ khi nào lũ bạn tôi đi đâu đó để lại ghế trống là chị ấy liền ngồi vào cạnh và huyền thuyên đủ điều. Chị đến từ thị trấn Berwind, một nơi cần cỗi và khó khăn nhất trong tỉnh và là chị cả của 6 đứa em nhỏ. Theo lời chị kể thì chị đã nuôi nấng chúng vì bà mẹ chị đã “quá sức chịu đựng”. Valentine cũng có vài vấn đề với thầy Turner. Bè lũ trong Câu lạc bộ Những cô gái mới lớn do chị dẫn đầu luôn bị quở trách vì thói quen mặc những chiếc váy ngắn cổ khoét sâu hoắm, hút thuốc lá trong phòng vệ sinh và lên ra khỏi lớp học tự tình với lũ con trai tại phòng nhạc cụ. Trong khi thầy Turner đang “giảng đạo” cho Valentine thì chị ấy phản ứng lại bằng cách xòe vạt váy ra đầy vẻ đe dọa rằng “gặp nhau tay đôi ở nơi nào đó nhé!” Rốt cuộc Valentine cũng chịu khuất phục về việc ăn mặc bằng cách choàng áo khoác nhưng vẫn khéo léo không cài dây kéo. Mỗi lần có đám con trai nào nhìn chòng ghẹo thì chị liền chặn lại đánh cho nhũn gối hay vịn trợ cả cổ. Đôi khi trên hành lang, Valentine choàng lấy tay tôi từ phía sau rồi để tôi đưa đến lớp. Mỗi lần như vậy tôi luôn cảm thấy tự hào vì chị ấy đã chọn mình.

Roy Lee ngoái gần như cả người ra sau rồi thì thầm “Ôi Valentine, nàng Valentine *ngọt ngào của tớ*.”

“Câm họng đi Roy Lee,” chị gắt rồi lại nở nụ cười rạng rỡ với tôi. “Em thế nào rồi cưng?”

Tôi chẳng bao giờ biết thật sự phải nói gì với chị ấy cả. “Cũng tốt, cảm ơn chị.” Tôi hỏi lại lấy lệ. “Còn chị thì sao?”

“Cũng tốt thôi,” chị đáp lại và ném cho Roy Lee một cái nhìn ranh mãnh. “Sẽ tốt hơn nếu như mình có thể cùng nhau đi tự tình ở đâu đó.”

Tôi như nhũn ra trong ghế khi Roy Lee hoan hỉ chọc vào sườn mình. “Quên Dorothy đi,” cậu ấy thì thầm. “Đi tận hưởng điều đó đi!”

Tôi chẳng có cơ hội để phản ứng lại, cả giảng đường lặng như tờ khi thầy Turner bước lên sân khấu. Ông đứng sau bục phát biểu, ném ánh mắt giận dữ về phía phát ra tiếng động. Nhanh như cắt, đến cả đũa quẩy phá nhất trong đám chúng tôi cũng im thin thít và ngồi yên như tượng. Sau đó ông bắt đầu nói về hai vấn đề làm náo động tâm can bọn trẻ chúng tôi.

Trường Trung học Big Creek, thầy Turner rít lên, bị đình chỉ thi đấu suốt mùa giải bóng bầu dục năm 1958. Điều này có nghĩa là trong năm nay không có trận đấu nào. Không có lấy một trận. Lý do bị đình chỉ là: một số phụ huynh có thiện chí - ý tôi muốn nói đến Hội Phụ huynh bóng bầu dục - đã thất bại trong việc đàm đơn kiện ủy ban thể thao miền Tây Virginia buộc họ cho Big Creek tham dự trận chung kết giải vô địch năm 1957. Tất cả chúng tôi đều lặng đi, đầu óc mụ mị. Thà là thầy tuyên bố thiêu rụi cả ngôi trường này đi còn hơn. Những tiếng rên rỉ bắt đầu phát ra từ đám cầu thủ bóng bầu dục. Huấn luyện viên Gainer liền đứng bật dậy giữ trật tự. “Hành động như những đấng nam nhi đi chứ, cho họ thấy rõ ràng các em là ai.”

Thầy Turner nói tiếp vấn đề còn lại. Big Creek sẽ được cải cách lại, bắt đầu từ các khối lớp nhỏ. Những môn học khó hơn sẽ được đưa vào chương trình giảng dạy để đáp lại nỗi lo cho lắng cho nền giáo dục thấp kém của trẻ em Mỹ so với trẻ em Nga khi nhìn vào sự xuất hiện của *Sputnik*. Thầy Turner nắm chặt lấy bục phát biểu và nhìn chằm chằm xuống lũ học sinh chúng tôi rồi tuyên bố: “Sẽ không còn một lớp học dễ dàng nào tồn tại ở trường này.”

Sau khi chúng tôi nghe thủng hai tin động trời đó, thầy Turner tiếp tục: “Các em chẳng còn làm gì được với việc bị đình chỉ thi đấu bóng bầu dục,” rồi nhìn qua đám cầu thủ. “Hãy chấp nhận và làm những gì tốt nhất có thể. Nhưng sự thay đổi trong lớp học lại là một chuyện khác.” Ông lại nắm chặt lấy bục phát biểu. “Sau khi rời khỏi Big Creek, một số nam sinh sẽ vào khu mỏ làm việc, một số sẽ nhập ngũ, một số - theo tôi là không đáng kể - sẽ vào đại học. Các em nữ sinh sẽ trở thành các bà vợ, y tá, cô giáo, thư ký, có thể một ngày nào đó một trong số các em sẽ trở thành tổng thống Mỹ không chừng.” Những tiếng cười xôn xao rộ lên rồi nhanh chóng bị dập tắt bởi những ánh mắt nghiêm khắc của các học sinh khác.

Thầy Turner đảo mắt khắp các học sinh chúng tôi đầy vẻ tự hào và tuyên bố giọng chắc nịch: “Báo chí và tivi cứ nói rằng học sinh Nga là giỏi nhất thế giới, rằng họ rất thông minh, rằng họ tân tiến như thế nào, rằng thế giới sẽ phải ngả mũ như thế nào một khi họ chiếm thế thượng phong. Nhưng thầy nói cho các em biết rằng học sinh Big Creek chẳng có gì phải xấu hổ trước *bất kì ai* cả. Các em được dạy dỗ trong một nền giáo dục tuyệt vời và bởi những thầy cô đầy trách nhiệm. Các em được sinh ra từ những con người lao động cần cù, tuyệt vời nhất thế giới. Các em lớn lên ở một thị trấn khắc nghiệt nhất trong Liên bang. Người Nga ư? Thầy lấy làm tội nghiệp cho họ. Nếu như họ hiểu được các em rõ ràng như thầy thì họ sẽ phải run lẩy bẩy hết thôi!”

Sáu trăm gương mặt học sinh chúng tôi say sưa ngược nhìn người đàn ông nhỏ bé ấy đến khi sự im lặng bị phá vỡ bởi tiếng rên rỉ của một tên cầu thủ. Thầy Turner liền ném ánh mắt sắc như dao về phía hắn và cả huấn luyện viên Gainer cũng đứng dậy và nhìn hắn cảnh cáo. Cả đám cầu thủ cùng quay đầu về phía hắn như lúc chúng quây bên nhau cầu nguyện vậy.

Rồi thầy Turner cũng rời mắt khỏi tên cầu thủ kia và quay lại với chủ đề chính. “Bây giờ là lúc nói về những chuẩn mực mới. Chắc chắn sẽ không dễ dàng để đạt được. Theo sự phân tích của thầy thì trong chương trình giáo khoa mới, không chỉ có nội dung mà ngay cả lượng bài vở trong năm cũng phải tăng ít nhất là gấp đôi. Điều này đồng nghĩa với việc phải tập trung hơn nhiều trong lớp học và làm việc thật tích cực với bài tập về nhà,” thầy nhấn mạnh.

“Các em phải toàn tâm toàn lực vào việc học. Một khi cố gắng ít hơn thì các em đã phụ lòng đất nước, liên bang, bố mẹ, thầy cô của các em và nhất là bản thân mình đây. Nhớ lấy điều này: Người công dân tốt phải là người công dân có giáo dục cao. Hãy lắng nghe bài thơ này của William Ernest Henley,” thầy nói xong rồi chỉnh mục kính và mở sách ra.

“Hừmm,” Roy Lee làu bàu, ra vẻ bồn chồn. Tôi cảm thấy rõ sự hồi hộp toát ra từ toàn thể học sinh. Thầy Turner đã thu hút sự chú ý của mọi người đến lúc này. Nhưng một bài thơ thì sẽ ra sao nhỉ?

Rốt cuộc, thầy Turner đã đọc bài thơ *Invictus*^[20], từng câu phát ra từ thầy làm tất cả chúng tôi, đến cả Roy Lee cũng bị cuốn hút theo. Rồi thầy kết luận: “Cho dù cánh cửa có hẹp đến mức nào, hình phạt giáng xuống nặng nề ra sao, ta vẫn làm chủ định mệnh: ta chính là người nắm giữ tâm hồn của chính mình.”

Thầy gập sách lại. Tôi xem chút nữa nhảy bật lên khỏi ghế. Rồi những âm thanh rên rỉ như tiếng súng tung hô phá tan sự im lặng. “Và bây giờ đội hoạt náo viên bắt đầu bắt nhịp bài ca truyền thống của trường, nào!” Thầy Turner ra lệnh.

Đội hoạt náo viên đang ngồi cùng nhau, không mặc đồng phục, họ rụt rè, rón rén lên sân khấu. “Hát nào!” thầy Turner ra lệnh cho họ. “Tất cả mọi người *hát lên nào!*”

“*Tiến lên, tiến lên nào màu xanh và trắng,*” đội hoạt náo viên cất giọng yếu ớt, dáo dác nhìn nhau. Học sinh bên dưới bắt giọng theo và rồi tất cả mọi người cùng gào to. “*Chúng ta hoàn toàn xứng đáng cho cuộc chiến đêm nay! Hãy nắm chặt trái bóng ấy và chạm đến vạch chiến thắng, rồi mọi*

ngôi sao của Big Creek sẽ đều tỏa sáng lung linh! Chúng ta sẽ chiến đấu, chiến đấu, chiến đấu cho sắc trắng và xanh...”

Khi bài hát kết thúc, những tràng pháo tay và tiếng hú kích động vang dội đầy hứng khởi cứ như chúng tôi đang ăn mừng bàn thắng của đội bóng vậy. Nhưng thật ra chẳng có gì để vui mừng thật sự cả, tiếng ồn bắt đầu vơi đi, một khoảng lặng bối rối bao trùm. Thầy Turner bước ra từ sau bục phát biểu rồi gật đầu chào các thầy cô khác, họ đứng dậy và xua chúng tôi ra khỏi giảng đường.

“Ồi giời, toàn là những thứ vớ vẩn phải không nào,” tôi nghe thấy giọng Valentine khi chị đuổi kịp tôi ở lối đi. Roy Lee cũng như tôi, đang còn bần thần chẳng nói nên lời. Đám cầu thủ vây quanh tầng bốc huấn luyện viên của chúng và van nài một sự cứu giúp. Tôi tìm thấy Dorothy đang đứng cạnh Emily Sue, má nàng ướt đầm nước mắt. Tôi muốn đến bên cạnh nàng nhưng có quá nhiều học sinh chắn lối đi, đến lúc tôi chen qua được thì Dorothy đã biến mất. Tôi lò dò đi lại học tủ của mình để đối sách học thì thấy Buck đến cạnh và tung nắm đấm vào cửa học tủ của hắn rồi gầm lên “*Mẹ kiếp!*”. Mọi học sinh khác gần đó đều dừng lại, giật mình vì sự giận dữ của hắn. Thầy Turner xuất hiện ngay tức khắc. Mọi người đều lặng đi hết, trừ tôi và Buck. Biết làm sao được, hắn đứng chắn ngay trước cánh tủ đang mở toang của tôi.

“Ngài Trant, tôi hy vọng là ngài chưa làm móp học tủ của mình đấy chứ,” thầy Turner cất giọng lạnh lùng. “Nếu quả thật ngài đã làm vậy thì sẽ phải bồi thường cho việc tu sửa đấy. Và hình như tôi nghe ngài vừa chửi tục phải không? Điều đó không được chấp nhận trong trường của tôi đâu, ông tướng con ạ.”

Buck, một tên vạm vỡ, lông mày sâu róm liền khúm núm trước thầy hiệu trưởng nhỏ thó. “Em sẽ không còn có cơ hội lấy được học bổng bóng bầu dục rồi,” hắn mếu máo, môi dưới bắt đầu run lên, những giọt nước mắt từ từ lăn dài xuống gò má. “Cuộc đời em sẽ lại chôn vùi trong cái hầm mỏ kia thôi. Thật bất công!”

“Em hoàn toàn đúng, thật bất công. Và hành động này của em cũng chẳng công bằng gì, chỉ là một hành động trả thù tầm thường mà thôi. Không được tái diễn việc này trong trường, nghe chưa.”

Buck lặng người đi, đôi mắt ti hí của hắn trũng sâu đầy thắc mắc. “Nhưng em phải làm gì bây giờ đây, thầy Turner?”

“Làm gì à? Em hãy cứ tiếp tục sống như mọi người - làm những gì tốt nhất theo khả năng Chúa trời ban tặng. Em than vãn xong chưa, nếu rồi thì vào lớp học đi.” Nói xong thầy nhìn qua tôi bằng đôi mắt nhỏ, đen nhánh. “Còn cậu đang nhìn gì đấy, ngài *ché tạo bom?*”

Có nhìn gì đâu. Tôi vòng qua Buck, chộp lấy sách rồi lon ton chạy đi. “Này, không được chạy trên hành lang!” Thầy Turner gọi với theo sau khi tôi vừa khuất bóng ở khúc cua.

Những giờ học chiều hôm đó thật vô vị. Dorothy cứ chăm nhẹ lên mắt suốt giờ Sinh học. Khi chuông reo, nàng gom sách vở rồi đi ra cửa. Tôi mon men đi theo nhưng Vernon Holbrook, một hậu vệ, đã đón

nàng ở cửa lớp. Nàng khóc òa lên rồi dụi đầu vào vai hắn. Hắn ôm lấy nàng rồi đưa tay lau những giọt lệ đang đọng trên gò má nàng. Emily Sue đi cạnh tôi và thấy tất cả. “Của tôi, ôi, của tôi,” nhỏ thầm thì hát.

Tôi cảm thấy thật ngọt ngào. “Đừng có nói thêm gì nữa,” tôi cố kìm nén để không gầm lên.

“Đừng có nghĩ đến nữa,” nhỏ nói. “Tất cả sự việc đều đã nói lên sự thật rồi còn gì.”

“Nghe này Emily Sue...” Tôi vừa định trút giận lên đầu nhỏ ta nhưng cô nàng đã nhanh chân đi đến lớp tiếp theo. Khi tôi ngoảnh lại, Dorothy cùng Vernon cũng đã đi mất. Trong biển học sinh mênh mông, tôi cảm thấy thật lẻ loi, cô độc.

NGAY KHI JIM bước vào cửa, sự đau khổ và giận dữ của anh đã tràn ngập nhà tôi. Anh ấy tỏ rõ sự bất bình bằng cách ném phịch sách vở xuống sàn phòng khách, giậm chân thành thịch lên cầu thang, đập cửa ầm ầm. Rồi anh hét vào mặt Bố khi ông vừa vào nhà về sự thất bại của ông. “Đủ rồi đấy, Jimmie,” Mẹ phê bình trong khi Bố đứng trong im lặng nãy nê.

“Bố đã phá hoại mọi thứ!” Jim than thở. “Bây giờ con sẽ không thể có học bổng đại học được!”

“Con sẽ được vào đại học mà,” Bố nói thẳng thừng. “Bố sẽ trả hết chi phí cho con, không cần lo.”

“Nhưng con muốn chơi bóng bầu dục ở đại học! Nếu như con chỉ ngồi nhìn hết trung cấp thì chẳng có đại học nào thèm ngó đến con đâu! Con sẽ không bao giờ tha thứ cho Bố!”

“James Venable Hickam, mẹ nói như vậy là đủ rồi,” giọng Mẹ bắt đầu nặng nề. Nghe là biết bà đang cảnh cáo. Jim mở miệng ra định cãi lại nhưng rồi khẹp lại ngay khi nhận ra Mẹ đang chuẩn bị nổi giận. Rồi anh cất bước nặng nề lên cầu thang làm Daisy Mae hoảng hồn nhảy tránh sang một bên. Anh lên phòng đóng sập cửa lại. Sau đó, Bố vào phòng khách, Mẹ xuống bếp và cả lũ cầu thủ tụ tập trong phòng Jim bàn tính những mưu đồ một cách hỗn loạn.

Tôi chẳng cảm thông cho bọn chúng tí nào. Tôi còn chọc ngoáy vào nỗi đau của bọn chúng nữa là đằng khác. Tôi mở toang cửa phòng Jim rồi buông lời đề nghị một cách hoan hỉ rằng ban nhạc vẫn còn chỗ cho tất cả bọn chúng. Jim phóng ra, tôi chạy nhanh về phòng và khóa cứng cửa lại. “Mày chết chắc rồi, Sonny,” tôi nghe tiếng anh vọng vào. Tôi chợt thấy lạnh toát cả sống lưng, câu nói vừa rồi đã quá mức dẫn đến việc cả đám to con lực lưỡng đứng rình rập đầy trước cửa phòng tôi. Làm như mọi điều xấu xảy đến cho chúng đều vì tôi mà ra vậy.

SỰ ẨM ĐẠM có vẻ bao trùm khắp Coalwood. Mấy bà nội trợ bên hàng rào đều nhất trí rằng Bố tôi đã làm ra một việc cực kì ngu xuẩn. Nói chung mọi người đều lật lại vấn đề là Bố cho rằng mình giỏi, mọi việc đã quá sức của ông.

Bố chẳng chờ tới Cape Coalwood của tôi một miếng gỗ hay tấm thiếc nào cả, mặc dù ông đã hứa. Tôi đợi ông một tuần, rồi quyết định trực tiếp ra tay. Tôi mò lên xưởng mộc gặp ông McDuff. Cái xưởng nhỏ nhắn gọn gàng và toát lên mùi gỗ thông và sồi vừa xẻ. Ông đang cặm cụi bên bàn cưa máy. Thấy tôi, ông tắt máy dừng lại nghe tôi trình bày rằng Bố cho phép tôi lấy những gì. Ông luồn tay xuống dưới chiếc mũ vải trắng trên đầu rồi gãi nhẹ. “Ta chưa hề nghe nói đến việc này Sonny ạ. Nhưng đằng sau xưởng có một ít gỗ vụn, cháu có thể lấy chúng. Còn thiếc thì cháu phải gặp Ferro. Mẹ cháu có thích cái hàng rào mới không?”

Theo tôi được biết thì Mẹ rất hài lòng với cái hàng rào tái chế đó, chắc chắn là nó không thể bay đi đâu được. Ông McDuff đã dựng lại bằng những cột đứng dày như cột điện thoại, còn các thanh ngang thì có thể dùng làm đà chống trong khu mỏ ấy chứ. Những mảnh gỗ vụn ông ấy cho tôi hóa ra là một đồng những miếng gỗ thông được nối với nhau bằng mộng đẹp tuyệt. Tôi còn hỏi xin ông một hộp đinh. Tiếp đó, tôi gọi cho O’Dell, khoảng 2 tiếng sau thì đã nghe thấy tiếng rền rĩ quen thuộc của chiếc xe rác tiến tới xưởng mộc. Chúng tôi bốc những tấm ván lên xe rồi thẳng tiến đến cửa hàng kim khí điện máy to như nhà chứa máy bay được điều hành theo hình thức quân đội tân tiến của Leon Ferro.

Từng hàng máy tiện, máy mài, máy bào và máy khoan phát ra những âm thanh rền rĩ, rào rào và rít lên với chúng tôi khi cả hai bước vào. Hai mươi công nhân làm việc ca ngày để chế tạo ra những bộ phận thay thế cho máy móc trong khu mỏ và lắp ráp đủ loại ống dẫn hỗ trợ cho các kết cấu. Khi tôi yêu cầu gặp chú Ferro, mấy anh công nhân phẩy tay về phía văn phòng của chú ấy, một cái chuồng bằng kính có thể quan sát khắp cửa hàng. Chú Ferro ngả người ra trên ghế, hai tay ôm sau đầu và lắng nghe việc tôi xin vài tấm thiếc. “Sonny ạ, ta có một ít vào sáng nay,” chú trả lời với giọng hòa nhã, “nhưng Junior Cassel đã ghé qua lấy một ít để làm chuồng chó, còn lại thì Cha Richard đã đem đi để vá nóc nhà thờ rồi.” Đoạn chú chồm về phía trước. “Nhưng dù ta có đi nữa ta cũng không cho miễn phí bất cứ thứ gì ra khỏi cửa hàng này. Nếu cháu muốn gì thì phải trao đổi. Cháu có gì nào?”

“Cháu chẳng có gì hết ạ,” tôi thú nhận.

Chú nhún vai bảo: “Vậy thì đi đi, khi nào cháu có gì để trao đổi thì hãy quay lại.”

Tôi quyết định đến gặp Cha Richard. Chúng tôi tìm thấy ông đang lúi húi với đồng thiếc đằng sau nhà thờ. Tôi thắc mắc không biết ông đã đổi gì với chú Ferro nữa. Richard mặc một bộ comple đen, cà vạt đen cứ như vừa dự tang lễ về. Cha đang mang một đôi giày mũi dài, hẹp màu đen trắng, trên tay là chiếc mũ rơm rộng vành Panama. “Chào các cậu,” ông chào băng quơ, đến khi nhận ra tôi thì rạng rỡ: “Ồ Sonny! Cha nhớ mấy tờ báo của con lắm!”

“Còn con thì nhớ những câu chuyện của Cha!”

O’Dell trình bày với ông về những thứ chúng tôi đang cần. “Cha rất muốn giúp các con, nhưng cha sẽ không đủ thiếc để lợp mái.”

Tôi nhìn lên bảo: “Nhưng mái của cha bằng ván mà.”

Ông gật đầu. “Nếu cha có ván thì đã sử dụng rồi, nhưng cha tìm không ra, chỉ có đồng thiếc này thôi.”

“Emmett Jones có cả đồng ván nằm cạnh thùng than ở nhà, màu gần giống như vậy,” O’Dell khẳng định.

“Sao không nói sớm,” Cha Richard Bé Nhỏ tỏ vẻ thích thú. “Cha sẽ sẵn sàng trao đổi nếu các con có ván.”

Chúng tôi từ từ hiểu ra được cách thức trao đổi của Coalwood. Hai đứa tìm thấy bà Jones đang đẩy máy cắt cỏ. “Emmett đi làm rồi,” bà vừa nói vừa đảo mắt về phía chiếc xe rác, “nhưng nếu mấy cháu tìm cho ta ít đất trồng tốt thì đồng ván cũ này sẽ thuộc về các cháu.”

“Đất trồng” tốt nhất nằm phía dưới Big Branch. Chúng tôi đi ngang nhà O’Dell, vợ theo xẻng và cuốc chim, qua khỏi cả Cape Coalwood theo lối đi thẳng lên núi. Cạnh con suối, tôi và O’Dell cuốc rồi xúc từng mảng đất mùn màu mỡ của miền Tây Virginia lên xe tải. Đến lúc xong việc thì cả hai đứa đều lấm lem bùn đất khắp người, mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Khi nhìn thấy đồng đất chúng tôi đem về, bà Jones reo lên sung sướng: “Ôi, những bông hoa của ta sẽ *đẹp rực rỡ* cho mà xem!”, cứ như là bà đang ngắm chúng thật sự vậy.

Khi mặt trời vừa khuất bóng sau mỏm núi phía tây, O’Dell bỏ những tấm thiếc xuống Cape, cạnh đồng gỗ và đình. Sáng hôm sau, Quentin bắt xe đến nhà tôi đứng vào bữa sáng. Mẹ cho cậu ấy ăn thêm rất nhiều bánh kếp. Cậu chàng no đến nỗi không đi được. Tôi lục dưới tầng hầm để tìm búa, cưa rồi quăng ra sau xe của Roy Lee. Trên đường đi, chúng tôi qua đón Sherman và O’Dell.

O’Dell đã vạch ra kế hoạch xây lô cốt trên một mảnh giấy. “Tớ không phải là thợ mộc hay con của thợ mộc,” cậu ca cẩm trong khi chúng tôi cưa cắt và đóng đình, “nhưng tớ sẽ làm việc này đến khi thợ mộc thực sự xuất hiện.”

Mặt trời nóng như đồ lửa, bãi than căm trở thành một chiếc vạc chứa đầy nhiệt lượng. Để giữ tinh thần làm việc, chúng tôi vừa làm vừa hát hò loạn xạ đầy phấn khích. Chúng tôi hát những đoạn mình biết từ các bài “Be-Bop-A-Lula,” “Người giả vờ vĩ đại,” “Đôi việt quất,” và “Ngày ấy sẽ đến.” Nếu không thuộc hết bài thì chúng tôi cứ lặp lại những đoạn nhớ được. Roy Lee hát khá hay. Tôi kín đáo liếc nhìn cậu ngân nga một đoạn solo, một phiên bản từ ca khúc “Tất cả những gì bạn cần làm là mơ tưởng,” của Everly Brothers:

“Mơ, mơ, mơ

Tất cả những gì Sonny có thể làm là mơ, mơ,

Mơ.

Khi cậu ta muốn có Dorothy trong tay,

Khi cậu ta muốn nàng và tất cả những sự quyến rũ của nàng,

Bất cứ khi nào cậu ta muốn có Dorothy,

Tất cả những gì cậu ta làm chỉ là mơ...

Chỉ có một vấn đề, hơi ôi

Cậu ta mơ mà mất cả cuộc đời...”

Tôi cười ngặt nghẽo vì bài hát ấy nhưng trong lòng không khỏi nhói đau.

Đến lúc nóng quá mức, chúng tôi cùng nhau ra con sông nhỏ đầy bùn chảy sau bãi than cám, ngồi trên mấy tảng đá để nước mát vỗ về hai chân. Quentin thì nóng đến độ bị choáng rồi nằm dài cả người xuống nước. Chúng tôi để mặc cậu ấy ở đó và quay trở lại công việc. “Chúng ta phải có bộ phóng,” O’Dell nói với mọi người.

“Có ai ở đây từng đổ bê-tông chưa nhi?” tôi hỏi mọi người trong nhóm.

“*Tớ không phải là thợ đổ bê-tông hay con của thợ đổ bê-tông...*” điệp khúc ấy bị ngưng lại khi Quentin lao đảo xuất hiện, cậu ấy vừa bò từ dưới sông lên, than thở rằng bị mấy con tôm cắn ^[21]. Tôi tuyên bố ngày làm việc hôm nay kết thúc tại đây. Tất cả bọn tôi đều mệt lả hết cả rồi.

Khi Mẹ nhìn thấy Quentin, bà quở trách tôi vì đã đối xử tàn nhẫn và độc ác với cậu nhỏ tội nghiệp ấy. Bà bắt cậu uống thật nhiều nước (chắc có thể nhấn chìm cả chiến hạm *Missouri* với số nước đó ấy chứ), cho cậu ăn bánh mì bột bắp và đậu, rồi cho cậu ngủ trên giường *của tôi*. Tôi phải lấy mấy cái chăn dự phòng trong tủ phòng lớn, ngủ trên ghế bành ở phòng khách. Đến khuya Bố về, nhìn thấy tôi, ông bật đèn lên rồi cất tiếng: “Bố nghe nói con đã đột kích vào mấy cửa hàng của bố.”

Tôi hé nhìn qua tấm chăn. “Bố đã nói là con có thể lấy mấy mẫu vụn mà.”

“Có lẽ vậy,” ông xác nhận một cách hồ hững, rồi như chợt nhận ra tôi đang nằm đâu, ông hỏi: “Sao con lại ngủ trên ghế vậy?”

“Tụi con xây cái lô cốt cả ngày hôm nay, Mẹ nói Quentin đã quá mệt nên không thể về nhà. Cậu ấy đang ngủ trên giường của con.”

“Mấy đứa con đã xây xong lô cốt rồi à?”

“Xong được khoảng phân nửa thôi ạ. Bố có muốn ghé qua xem thử không?”

Ông ngáp dài. “Nhớ là con đã hứa gì đấy. Không có dấu hiệu hay tiếng ồn gì của tên lửa ở Coalwood nữa nhé.”

“Vâng aaaaa,” tôi ử rử đáp. Nếu như Jim là thành viên của BCMA chắc hẳn Bố đã cùng chúng đóng đinh mấy tấm ván rồi ấy chứ.

“Hôm nay bố có gặp Ike,” ông nói như vừa chợt nhớ ra. “Ông ấy nói gì đó về việc dạy cho con sử dụng máy móc trong cửa hàng. Bố đã đồng ý với điều kiện là làm trong giờ rảnh rỗi của ông ấy và không sử dụng vật liệu của công ty.”

Chú Bykovski vẫn nhớ! Tôi nghe răng cười với Bố. “Cảm ơn Bố!”

Sự hưng phấn của tôi làm ông tỏ vẻ đề phòng. “Đừng có làm gì mất tự chủ đấy nhé!”

“Không đâu thưa Bố.”

“Cũng không được dùng vật liệu của công ty,” ông lặp lại. “Con hiểu chưa? Con có thể sử dụng máy móc, nhưng con phải tự mua nhôm và sắt.”

“Con vẫn còn tiền để dành từ việc giao báo mà,” tôi nói, miệng vẫn tươi cười.

Bố nhìn tôi tỏ vẻ thắc mắc, như thể chưa bao giờ thực sự nhìn tôi vậy. “Ngủ ngon cậu nhỏ,” cuối cùng Bố nói rồi tắt đèn.

“Bố ngủ ngon,” tôi đáp lại một cách vui vẻ.

Tôi lại ử mình vào chăn ấm, lắng nghe tiếng chân Bố rón rén lên cầu thang. Phòng khách nằm ngay dưới phòng Mẹ. Tôi nghe tiếng sàn nhà cọt két theo bước chân của bà từ giường ra cửa phòng trong lúc Bố đi xuống phòng lớn. Một khoảnh khắc im ắng ngọt ngào trôi qua, sau đó tôi lại nghe tiếng Mẹ bước về giường và tiếng chiếc đệm đón lấy cú ngã người của bà. Tiếp sau là tiếng cửa phòng Bố đóng lại. Tôi cảm thấy rằng mình đang dần trưởng thành vì lần đầu tiên trong đời mình, tôi hiểu được ít nhiều về sự cô đơn và thất vọng đôi lúc bao trùm khắp cả nhà.

9. JAKE MOSBY

Auk V - VIII

THEO THÔNG LỆ HÀNG NĂM, nhà máy ở Ohio sẽ chọn ra một vài kỹ sư trẻ gửi xuống Coalwood và cho họ tham gia trại huấn luyện trong khu mỏ do Bố tôi tổ chức. Việc đầu tiên ông bắt họ làm là đi lòng vòng nhiều dặm đường trong hầm mỏ. Chiều cao trung bình từ mặt đất tới nóc hầm chỉ khoảng 1,5 mét. Để có thể đi lại, mọi người phải cúi gập lưng lại, ngẩng cao đầu rồi cứ thế lom khom cúi về phía trước. Những người thợ mỏ luôn biết được lúc nào Bố đang dẫn mấy anh kỹ sư vào hầm mỏ, vì họ có thể nghe thấy tiếng bài giảng về khu mỏ của ông hòa nhịp cùng với những tiếng đục đầu lớp cốp của các chàng trai vào nóc hầm. Chỉ sau hai ngày chịu đựng sự hành hạ của Bố, đa số đã thu xếp hành lý bỏ về Ohio. Chỉ còn một nhân vật vẫn kiên trì là anh Jake Mosby. Sau này anh đã trở thành một thành viên quan trọng của BCMA.

Lần đầu tiên gặp Jake là vào năm tôi học lớp 9. Một số khách hàng tôi giao báo cư ngụ trong Club House, một biệt thự theo kiểu George ^[22] hiện đại nằm trên đỉnh núi đối diện với Big Store. Club House lúc đầu được xây lên để dành cho con trai của ông Carter sau khi anh trở về từ Thế chiến thứ nhất. Nhưng trong tình hình thiếu hụt nơi ăn chốn ở vào những năm 1920 do khu mỏ được mở rộng nên biệt thự này được chuyển thành nhà trọ. Từ đó trở đi, số phòng được ngăn ra tầng liên tục dành cho những người công nhân độc thân cư ngụ hoặc các gia đình tạm trú.

Bà Davenport, quản lý của Club House, bảo tôi cứ đi thẳng lên phòng của Mosby. Bà cho tôi biết là anh đã trọ tại đây cả tuần rồi nên có lẽ sẽ còn ở đây đủ lâu để nhận báo. Lên tới nơi, tôi thấy Jake đang nằm sấp mặt trước cửa phòng. Anh đang mặc bộ đồng phục của kỹ sư trẻ: áo sơ mi vải bạt, quần kaki đầy những túi, 2 ống nhét vào đôi ủng nâu của thợ mỏ. Cách cánh tay đang sải dài của anh là một cái hũ trái cây rỗng. Chỉ cần ngửi sơ qua là tôi nhận ra ngay mùi rượu lậu của John Eye Blevin trong đó. John Eye đã bị mất một bàn chân trong khu mỏ nên công ty đã nhắm mắt làm ngơ cho ông bán thứ nước lửa trong veo đựng trong những hũ trái cây để phụ thêm vào số tiền trợ cấp nhỏ nhoi. Tôi đặt tờ báo số đặc biệt cạnh cái hũ rồi quay người định bước đi thì Jake nhúc nhích. “Chú mày là ai vậy?” anh hỏi, mắt vẫn nhắm nghiền.

“Thưa anh, em là người giao báo ạ,” tôi trả lời. “Anh có muốn đăng ký không?”

Jake xoay người lại rồi ngồi dậy, đưa tay lên chùi mép. Anh gạt tờ báo, vớ lấy cái hũ, rồi ném nó qua một bên khi nhận ra nó trống rỗng. “Địa ngục chó má.” Anh chớp mắt nhìn tôi, đoạn xộc tay vào mớ tóc đầy đất cát. “Mấy giờ rồi, nhóc?”

“Khoảng 6 giờ 10.”

“Sáng hay tối?”

Thứ rượu của John Eye quả rất tác dụng về mặt này, tôi thầm nghĩ. “Đang là buổi sáng ạ.”

Anh lại chửi tục một lần nữa rồi cố gắng gượng dậy, cũng quỳ gối lên được trước khi đổ sầm xuống như bị khoai tây. Anh cuộn người lại, ôm lấy bụng. “Tao sắp chết rồi,” anh rên rỉ tuyên bố rồi thở dài thườn thượt.

“Anh có muốn em gọi bác sĩ không ạ?” tôi hỏi.

Anh vớ tay lên rồi vẩy tôi lại một cách yếu ớt. “Đừng gọi bác sĩ. Tên chú mày là gì? Anh muốn biết mình đang ở cạnh ai trước khi đi theo những thiên thần nhỏ lên trời.”

Tôi nói cho anh biết tên rồi bắt lấy bàn tay ướt đầm của anh vừa chìa ra. Khi anh buông tay ra, tôi phải chùi ngay tay vào sau quần.

“Không có họ hàng gì với lão Homer Hickam đó chứ?”

Tôi lại nói cho anh biết.

“Bố mày...” anh bắt đầu, “Bố mày...” Anh cố tìm kiếm trong bộ óc đã bị thiêu đốt tan nát của mình để tìm cho ra từ ngữ thích hợp rồi lẩn một vòng, tay che ngang mắt. “Bố mày...”

“Em nghe các kỹ sư trẻ đến từ Ohio gọi Bố là thằng chó đẻ,” tôi kết thúc giúp anh một cách lạnh lùng trong độ tuổi của mình và đúng lúc.

Mosby cười phá lên. “Ôi, ôi, đau nhĩ.” Anh ngóc đầu dậy, hé mở một mắt ra. “Chú mày đúng đây Sonny. Ông ta quả là một thằng chó đẻ khôn kiếp.”

“Chào mừng anh đến Coalwood,” tôi bảo. “Anh có muốn lấy tờ *Telegraph* không?”

Anh từ chối và bảo rằng không đủ tiền trả, tôi lặng lẽ nhặt tờ báo biểu rồi bỏ đi. Sau đó tôi đem chuyện về Jake kể lại với Mẹ. Bà bật cười. “Con muốn biết thêm về Jake Mosby không? Bố cậu ấy sở hữu 20% cổ phần công ty thép chủ của chúng ta đấy. Ông ta có nhiều tiền còn hơn số viên thuốc chữa bệnh gan của Carter ấy chứ.”

Lần tiếp theo tôi gặp Jake trong buổi tiệc mừng Noel của công ty tại Club House. Đây là lần đầu tiên tôi trông thấy anh đứng một cách đàng hoàng. Anh đang tựa lên mặt lò sưởi trong đại sảnh trên tầng một, tay cầm ly rượu, miệng huyền thuyên với cô thư ký mới của ông Van Dyke, một cô nàng tóc vàng xinh xắn, hoạt bát nhập khẩu hảnh hoai từ New York. Hôm nay Mosby rất hào nhoáng trong bộ đồ vest. Đây là lần đầu tiên tôi được thấy đồ vest. Anh ấy cao và theo Mẹ thì bà sẽ nói là anh trông rất mềm mại. Mẹ đang đứng cùng với mấy bà khác quan sát anh. “Cậu ta trông thật giống Henry Fonda [\[23\]](#) nhĩ,” tôi nghe một người trong số họ thốt lên. Cô thư ký cũng không thoát khỏi những lời nhận xét của

họ. “Chỉ có nghe thấy cái giọng điệu đó chưa?” một bà khúc khích cười. “Nyah, nyah, nya. Làm sao mấy người phương bắc lại hiểu được nhau nhỉ?”

Một lúc sau vào đêm hôm đó, Jake dụ dỗ cô thư ký ra ngoài làm một vòng trên chiếc xe Corvette của anh. Mặc dù âm nhạc đang trôi lên inh ỏi bởi Cecil Sutter và ban nhạc Miners, tôi vẫn nghe được tiếng hét thích thú của cô khi Jake cho xe xoay vòng trên con đường phủ băng sau nhà thờ. Khi về lại Club House, theo Mẹ tôi nghĩ thấy thì họ đã “say túy lúy”^[24]. Jake cùng cô thư ký dìu nhau ra sàn nhảy rồi thực hiện một điệu nhảy gợi dục, mọi người đều hoảng hốt tản ra xa. Ban nhạc ngừng chơi, còn miệng người chơi đàn xếp thì há hốc ra khi Jake uốn éo sau lưng cô thư ký và chuẩn bị âu yếm cô nàng ngay trước mặt mọi người và đáng Chúa trời. Anh đứng thẳng dậy. “Sao lại dừng nhạc lại vậy?” Anh lú lú nói rồi đứng tựa vào cái bàn để đầy đồ tráng miệng làm nó sập xuống kéo anh ngã theo sóng soài, tất cả mọi thứ đổ ập lên người. Anh nằm đó, miệng vẫn nở một nụ cười ngốc nghếch, mặt dính đầy kem đá xanh đỏ, đến khi Bố tôi cho người nắm chân anh lôi ra ngoài. Mọi người bỏ mặc anh ấy ngồi trên bậc thềm ngoài hiên, nửa say nửa tỉnh, tuyết phủ đầy người, sau đó tôi nài nỉ Jim giúp xóc anh lên phòng. Cô thư ký nhập khẩu của ông Van Dyke rời khỏi thị trấn ngay hôm sau, đúng ngày đầu năm. Còn Jake vẫn ở lại, theo Bố giải thích cho Mẹ, là vì ông Van Dyke nói rằng anh “đã hứa không tái phạm.”

“Dĩ nhiên rồi, Homer” Mẹ đáp lại, cố nhin cười. “Bây giờ thì ông không còn nói việc này là vì bố của Jake là ai rồi phải không?”

Jake là một người thích leo núi. Khi biết tôi thông thạo mọi góc ngách, xó xỉnh của mấy ngọn núi xung quanh đây, Jake thuê tôi dẫn đường cho anh và bạn gái (mỗi lần một cô khác nhau). Jake từng là phi công lái máy bay chiến đấu ở Hàn Quốc và đã đi khắp các nước phương Đông. “Ôi nhóc ời, chúng ta sẽ tiên phong qua cái bụi cây đại màu xanh ở đằng kia chứ nhỉ,” anh nói với tôi một lần nọ khi chúng tôi đang ở trong rừng, còn bạn gái anh thì đang “tươi” mấy đóa hoa cúc sau bụi cây. “Xém nữa là anh có được chiếc phản lực MiG rồi. Chỉ thiếu có chút xíu là có được cái máy bay chó đẻ đó rồi. Phải ngủ với bao nhiêu con đĩm trong thị trấn để làm anh quên đi việc này nhỉ.”

Tôi bị ấn tượng đối với nhận xét của anh về phụ nữ hơn là chuyện anh xem râu tôm được chiếc MiG. “Anh đã ngủ với bao nhiêu cô rồi, Jake?” tôi hỏi.

Anh cười rống lên. “Anh sẽ nói cho chú mày biết nếu như chú mày nói lại cho anh trước.”

Tôi đưa tay lên ra hiệu con số “0” tròn trĩnh.

“Trời đất quỷ thần ời, Sonny,” anh lắc đầu nói. “Anh nghĩ là định nghĩa của một thiếu nữ còn trinh ở miền Tây Virginia là cô gái có thể “trên cơ” anh trai của cô ta ấy chứ. Chú mày có vấn đề gì vậy?”

“Bởi vì cậu ấy là một cậu bé lịch thiệp Jake ạ,” bạn gái anh nói vọng ra từ sau bụi cây. “Em phải nói thêm rằng: chẳng như anh đâu.”

“Trí tuệ rực sáng từ toilet ngoài trời hả,” Jake cười phá lên, đảo mắt liên hồi.

Tôi ghen tị trước sự thoải mái tự nhiên của Jake đối với phụ nữ và luôn tự hỏi rằng đến khi nào mình mới được như vậy. Tôi từng thắc mắc với bản thân điều ấy, chứng kiến từ những lần lười mình cứng đờ khi đứng xung quanh phụ nữ. “Đừng lo lắng về điều đó Sonny,” Jake nói khi tôi tỏ ra thất vọng trước một viễn cảnh tối tăm về đàn bà. “Chỉ có hai điều phụ nữ thật sự muốn: một là, cô ta muốn biết rằng người đàn ông thực sự yêu mình; hai là, anh ta không bao giờ dừng lại. Chẳng giống anh chút nào, nhưng rất tiếc, chú mày lại có vẻ sẽ trở thành loại đàn ông đó. Khi phụ nữ nhận ra điều này, họ sẽ bám theo chú mày thôi.”

Mặc dù có nhiều khác biệt về tuổi tác và quan điểm sống, tôi và Jake trở thành bạn của nhau. Mỗi lúc nhìn thấy tôi ở Big Store, anh luôn lôi tôi ra ngoài hỏi han, cả về việc chế tạo tên lửa của tôi nữa. Khi tôi kể cho anh nghe về tiến độ của công việc, anh đùa rằng sẽ đích thân lên Cape Coalwood để tận mắt chứng kiến. Tôi cũng mong là anh sẽ làm vậy.

MÙA HẠ NĂM 1958 kéo về cùng những áng mây lững lờ trôi, thỉnh thoảng neo lại thị trấn vào ban chiều, rải xuống những cơn mưa giúp gột rửa cho mấy căn nhà và xe hơi. Đàn châu chấu voi rí rả những điệp khúc quen thuộc khi trời chạng vạng; lũ thỏ mon men xuống núi thăm dò những luống rau diếp và cà chua dọc theo các sườn đồi thoải thoải, cạnh tranh với Daisy Mae và Lucifer. Đêm đến, thảm sao trải dài trên nền trời đen thẫm, không khí mát lạnh từ những ngọn đồi ủa xuống thung lũng. Tôi thường ra ngoài sân, nằm lăn trên bãi cỏ và ngược mắt lên bầu trời, hy vọng rằng chộp được tín hiệu của một vệ tinh nào đó bay ngang qua. Dù chẳng thấy gì nhưng tôi vẫn thích làm như vậy.

Vào tháng 5, công ty tuyên bố về quy trình xử lý than mới rất quy mô ở Caretta vừa xây dựng xong, tất cả than từ Coalwood và Caretta từ nay về sau sẽ được chất lên xe than ở đó. Mất một thời gian thì mọi người mới hiểu ra ý nghĩa của việc này: Coalwood đang chuẩn bị có sự thay đổi lớn. Nhà than ở Coalwood sẽ không còn lấy than ra khỏi mỏ nữa, và cũng sẽ không còn có xe lửa chạy ngang qua thị trấn hay bụi than tung mù mịt nữa. Bố còn nói với Mẹ rằng ngay cả đường ray cũng sẽ bị búng đi hết. Lời tuyên bố này không được chào đón một cách nồng nhiệt. Một số người dân Coalwood đã thấy được âm mưu trong việc này. Roy Lee nói rằng Liên minh Công nhân đang e dè đây là khởi đầu cho sự kết thúc của Coalwood. Nếu như mọi thứ có thể thực hiện ở Caretta thì họ còn cần gì Coalwood nữa?

Chúng tôi cần xi-măng để xây bệ phóng ở Cape Coalwood. O’Dell đã cố gắng lùng sục khắp thị trấn nhưng không tìm ra. Tôi không còn cách nào khác là phải nhờ vào sự giúp đỡ của Bố.

Ông Dabb, thư kí của Bố, cho tôi biết Bố đang ở dưới hầm mỏ; tôi đành đứng đợi ông ở cửa ông thông gió, nơi công nhân đi thang máy lên xuống. Ở đây có hai thang máy, đôi lúc nó còn được gọi là cái chuồng, nằm cạnh nhau. Khi một cái đi xuống thì cái kia được kéo lên. Cái đang ở trên nằm cách mặt đất khoảng 1,8 mét, mục đích không ai bước lên đó mà thoát khỏi tầm quan sát của người điều khiển cần trục. Công nhân muốn đi xuống hầm mỏ phải nhấn cái nút bằng đồng thau cạnh cái chuồng để reo chuông. Một tiếng reo ra hiệu người điều khiển cho cái chuồng hạ xuống đúng vị trí. Hai tiếng reo cho biết công nhân đã vào chuồng. Ba tiếng là lúc “kéo họ ra” hoặc là “hạ chuồng xuống hầm.”

Ông Todd cai quản nhà đèn, nơi nạp pin cho đèn trên mũ bảo hộ. Ông còn đảm đương việc kiểm soát mọi công nhân xuống hầm mỏ, bảo đảm rằng họ không còn để sót một que diêm nào trong người (mỏ than Coalwood khét tiếng là đầy khí ga), đội mũ và mang giày đinh chính tề. Tôi vừa uống chai nước ngọt ông Todd đưa cho vừa dõi theo dòng công nhân lên xuống khu mỏ như thường lệ. Mỗi thợ mỏ sở hữu 2 chiếc huy hiệu bằng đồng thau có khắc số. Họ đưa cho ông Todd một chiếc để ông treo lên bảng và đổi lấy mũ bảo hộ, chiếc còn lại thì cất vào túi. Chỉ cần liếc lên bảng là có thể biết được Bố tôi hay bất cứ người thợ nào hiện đang có dưới hầm mỏ hay không. Chiếc huy hiệu người thợ giữ lại trong túi có đề mọi chi tiết nhận dạng trong trường hợp họ bị thương hoặc tử vong. Việc chấn thương hay cái chết chực chờ mỗi thợ mỏ không còn là điều bí mật gì cả, dù cho Bố và những người đốc công của ông cố gắng giữ an toàn bằng mọi cách.

Thời còn đi học phổ thông, thỉnh thoảng có một đứa bạn tôi bị gọi ra khỏi lớp và không bao giờ quay trở lại nữa. Vào bữa ăn khuya, tôi liền được biết ngay rằng bố của đứa bạn đó đã hi sinh trong hầm mỏ. Đối với Mẹ tôi, điều này đã trở thành điều hiển nhiên, không còn lạ gì. Bố hiếm khi nào kể rõ mọi chuyện tường tận, tôi thường chỉ nghe được qua bạn bè vào ngày hôm sau mà thôi. Một lần khi tôi đang học lớp 4, cô bạn tóc vàng nhỏ nhắn Dreema của tôi bị gọi ra khỏi lớp. Từ đó tôi không còn được gặp lại nhỏ ấy nữa. Bố của Dreema đã bị một phiến đá sắc chặt đứt đầu khi đường hầm nơi ông đang làm việc bị sụp. Đêm đó, Bố về nhà với đôi tay băng bó, ông đã đổ máu vì cố gắng dờn những tảng đá đè lên người thợ mỏ kia. Rồi ông đuổi việc người quản đốc vì thất trách trong việc gia cố trần của khu mỏ thuộc quyền cai quản của người này. Từ đó trở đi, không còn ai dám động gì về việc đã xảy ra nữa. Công ty sẽ buộc gia đình của thợ mỏ tử nạn phải rời khỏi Coalwood nội trong 2 tuần kể từ ngày xảy ra tai nạn. Có lẽ có sự trao đổi gì đó trong các sự việc như vậy nên hầu như chẳng quả phụ nào trong thị trấn còn nhắc nhở cho những người khác về hiểm họa có thể ập đến từ hầm mỏ cả.

Chú Dubonnet cùng một đám thợ mỏ đang tụ tập và lập một cuộc mít tinh ứng khẩu trước nhà đèn. Chú chìa ra vài cuốn sách mỏng thời sự rồi nói với tôi: “Chú nghe nói mấy quả tên lửa của cháu bay được rồi phải không?”

“Nó bay được bao xa?” một người trong đám thợ mỏ thắc mắc. “Lên tới mặt trăng chưa vậy?”

“Hãy đến chứng kiến đi ạ.” Tôi bảo anh ấy.

“Khi nào cháu phóng tiếp, Sonny?” chú Dubonnet hỏi. “Chú muốn tận mắt chứng kiến. Chú cá rằng còn nhiều người cũng có ý nguyện như vậy.”

Đột nhiên tôi cảm thấy thật hứng khởi. “Cháu sẽ dán thông báo ở Big Store và bưu điện.”

Chuông thang máy reo lên hai tiếng và mọi người lần lượt đi vào. “Chú sẽ có mặt,” chú Dubonnet vừa đi vừa nói.

Bố trôi lên theo thang máy. Trước khi ông nhận ra sự có mặt của tôi, tôi nhìn thấy ông rút ra chiếc khăn rằn (bây giờ đã nhuộm màu xám xịt), bụm vào miệng ho liên hồi rồi nhổ mấy bãi đờm xuống cạnh nhà tắm. Ông nhìn lên và vẫy tôi theo vào trong nhà tắm. Ông treo mũ bảo hộ lên móc, tháo giày, cởi nút cổ

áo, bước vào dưới vòi sen và bắt đầu thoa xà phòng Lava. “Con đến đây làm gì vậy?” ông vừa hỏi vừa tẩy rửa mấy vết bẩn đen ngòm đang bám trên mặt.

“Bố có thể cho con ít xi-măng được không ạ?”

“Không.” Ông trả lời. Một vũng bùn than đang xoay tròn quanh bàn chân ông. “Con muốn dùng nó làm gì?”

“Chúng con cần xây bệ phóng. Bố xem có còn dư chút xi-măng nào không ạ?”

“Công ty không có xi-măng thừa đâu,” Bố làm bầm qua màn nước, xoắn miếng khăn tắm cho vào lỗ tai. “Công ty chẳng có dư dả thứ gì cả. Nếu mà cứ có như vậy thì chắc sẽ phá sản mất. Con cần mấy bao?”

“Có lẽ là 4?”

Bố tắm xong và bắt đầu lau người. Tôi thừa biết rằng ông sẽ tắm thêm một lần nữa khi về nhà để kì cọ cho hết than bám trên người. Nhưng bụi than dính trên vùng da ẩm ướt quanh mắt ông sẽ không phai đi - thợ mỏ ở Coalwood đi ra đường với cặp mắt viền đen như Cleopatra vậy. “Nói cho con nghe này,” ông buông khăn xuống rồi nói. “Bố cho một kỹ sư trẻ tính toán xây lối đi lên quạt số 3, hình như là còn dư ít xi-măng. Mấy hôm nay trời đổ mưa nên có lẽ nó bị hư rồi nhưng nếu con muốn thì cứ lấy. Dù sao cũng giúp cho công ty tiết kiệm chi phí khiêng nó ra ngoài để quẳng đi.”

Ông chẳng cần phải nói đến lần thứ hai. Ngay hôm sau, khi đã làm xong một vòng dọn rác, O’Dell mượn xe tải của bố cậu ấy rồi cùng tôi và Sherman chạy men theo đường ray ngoằn ngoèo dẫn đến một trong những cái quạt lớn nhất dùng để thổi không khí xuống hầm mỏ. Ngay đó, bên cạnh cánh cửa khóa trái dẫn vào phòng điều khiển quạt là 4 bao xi-măng không hề bị ướt nước mưa gì cả. Còn có đồng cát và sỏi, tất cả mới nguyên.

“Có chắc là bố cậu bảo bọn mình có thể lấy chúng không vậy?” Sherman tỏ vẻ lo lắng. “Mọi thứ thật hoàn hảo.”

Tôi nhún vai. “Ông ấy nói là mưa làm hỏng chúng hết rồi.”

“Mưa nào hả trời?” O’Dell thắc mắc. “Cả tháng nay có mưa đâu. Bố cậu lừa đấy, Sonny. Nhìn kìa, lối đi mới đã hoàn tất. Lẽ ra họ đã khuân xi-măng đi cất chỗ khác sau khi làm xong rồi chứ.”

Tôi suy xét về những lời ngụ ý trong câu nói của O’Dell. Chẳng lẽ Bố đang âm thầm giúp đỡ chúng tôi à? Hay là ông bị nhầm lẫn vì quá lo lắng về việc đội bóng bị đình chỉ hoặc về kế hoạch xây dựng mới trên Caretta. May ra Chúa mới biết được thôi, nhưng tôi không có thời gian để làm sáng tỏ. “Thôi nào,” tôi hồi thúc, “chất chúng lên xe đi trước khi có ai đó phát hiện ra chúng ta.”

SAU KHI CHÚNG TÔI ĐÀO MỘT CÁI HỐ ở bãi than cám và đổ một sàn bê-tông kích thước 1,5 mét, rộng 1,5 mét để làm bệ phóng, Cape Coalwood đã sẵn sàng cho quả tên lửa đầu tiên. Lô cốt nằm trên bờ sông cách bệ phóng hơn 27 mét, nó được đóng bằng gỗ và xác định kích thước bằng tay. Quentin miêu tả nó bằng một từ khoa trương “khối đa diện bất qui tắc,” nhưng thật ra nó chẳng hơn gì là một cái kho gỗ bé tẹo. Nó có sàn làm bằng đất, một lối đi không cửa đằng sau, mái lợp tấm thiếc bằng phẳng, và cửa sổ nhìn ra ngoài là khoảng trống hình chữ nhật được lấp lại bởi một tấm nhựa dày 0,6cm bị trầy xước mà O’Dell tìm được trong đồng rác phía sau Big Store. Ông Dantzler thường dùng chúng để làm tấm chắn cho quầy thu tiền bằng kính của mình. Ngoài lô cốt, chúng tôi còn dựng cột còi bằng một ống kẽm đường kính hơn 5cm bị vứt bỏ cạnh nguồn khí ga trên Mudhole Hollow (ông Duncan, thợ ống nước của công ty, nói cho tôi biết). Lá cờ của BCMA, do mẹ của O’Dell may, đang phấp phới tung bay. Tôi yêu lá cờ này lắm. Trên đó có mấy chữ cái B-C-M-A uốn cong quanh hình quả tên lửa được thêu kèm với con cú (biểu tượng của trường trung học) đang cười lên nó.

Để khai trương Cape Coalwood, tôi đổ đầy *Auk V* một bình hợp chất thuốc súng với keo dán tem đã được trộn kỹ và cất dưới bình đun nước nóng 5 ngày trời. Do tôi đã hứa với chú Dubonnet và mấy người thợ mỏ khác ở nhà than là sẽ báo cho họ biết khi nào phóng tên lửa, nên Sherman dán tờ giấy vở lên bảng thông báo ở Big Store và bưu điện với những dòng chữ in hoa:

PHÓNG TÊN LỬA!

TỔ CHỨC TÊN LỬA BIG CREEK (BCMA)

SẼ PHÓNG TÊN LỬA VÀO THỨ BẢY NÀY, 10 giờ sáng,

TẠI CAPE COALWOOD

(BÃI THẢI THAN cám CÁCH FROG LEVEL 2 DẶM VỀ PHÍA NAM)

Như đã hứa, chú Dubonnet đến dự buổi phóng tên lửa kế tiếp của chúng tôi. Chú đậu chiếc xe Pontiac trắng của mình ở bãi đất trống đối diện với lô cốt. Thông thường có buổi họp thường lệ của Liên minh Công nhân vào mỗi sáng thứ bảy nên tôi biết chú đã phải rất tranh thủ để đến Cape đúng giờ.

Tôi cảm thấy hài lòng vì Jake Mosby cũng đến, đi cùng một kỹ sư trẻ khác tên Tom Musick. Sau khi đỗ chiếc xe Corvette của mình dưới một tán cây khá an toàn, Jake ngồi xuống cạnh chú Dubonnet trên thanh chống sóc phía trước chiếc Pontiac và giơ chai bia về hướng tôi. Tom thì chỉ vẫy tay chào.

Một lúc sau tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy một chiếc xe Edsel khác trờ tới. Hóa ra Jake đã mời Basil Oglethorpe đến cùng, anh vẫy tôi lại để giới thiệu. Basil có dáng người giống Ichabod Crane^[25]. Anh mặc bộ đồ màu kem, đội chiếc mũ mềm rộng vành, thắt một chiếc cà vạt dây màu đen, khoác áo vest lụa, và mang đôi giày nhọn bó sát lấy những ngón chân. Anh còn mang đồng hồ có dây đeo bỏ vào túi. Trong đời mình, quả thật tôi chưa bao giờ thấy ai ăn mặc cầu kì đến như vậy nên khi nhìn thấy anh, mồm tôi cứ há hốc cả ra. Anh lơ đãng phản ứng của tôi, điều mà có lẽ anh đã quá quen thuộc khi vào tỉnh McDowell và rồi anh nói rằng sẽ làm cho tôi và mấy đứa bạn tên lửa khác nổi tiếng. “Anh sẽ trở thành

Lowell Thomas của chú mày, nhóc Sonny ạ,” anh nói với tôi, “và chú mày sẽ là Lawrence của Arab của anh.”

“Basil gắn liền với tờ báo *McDowell County Banner*.” Jake vừa nói vừa theo dõi phản ứng của tôi, giọng châm biếm. “Đó là cái giẻ rách của tiệm tạp hóa mà thôi.”

“Dù sao đi nữa chúng tôi cũng đang phát triển mà,” Basil khụt khịt, lấy một chiếc khăn tay bằng lụa từ áo vest ra rồi ấn vào mũi. “Anh là tổng-biên-tập kiêm chức cây viết chính.”

“Anh ta còn kiêm chân săn tin nữa đấy,” Jake đề thêm vào. “Anh nghĩ rằng anh ta sẽ giúp cho bọn em lôi kéo thêm được sự chú ý. Với tất cả những công việc tuyệt vời đang thực hiện ở cái bãi than cám này thì các em xứng đáng được như vậy.”

Tôi thầm nghĩ đối với một cây viết thực thụ thì chúng tôi sẽ thú vị đến cỡ nào. Tôi chẳng thể nào tưởng tượng nổi. Nghĩ rồi tôi nhún vai và quay lại với vai trò giám sát công đoạn chuẩn bị phóng tên lửa. Roy Lee châm ngòi cho chiếc tên lửa *Auk* nhỏ nhắn của chúng tôi rồi phóng vọt vào lô cốt. Trước khi cậu ấy kịp chạy vào trong thì ngòi nổ đã cháy hết và quả tên lửa phóng vút khỏi bệ, lên cao khoảng 15 mét rồi xoay mình nhắm thẳng vào mấy người đang ngồi vắt vẻo trên chiếc Pontiac mà lao tới. Chú Dubonnet, Jake, Tom và Basil nhanh như cắt quăng mình ngay xuống đất vừa lúc quả tên lửa hú qua đầu rồi đập xuống phần đường phía sau, lê đi một quãng dài, cắm phập vào con mương đầy bùn. Mọi việc xảy ra quá nhanh và bất ngờ, tôi chẳng kịp manh động một khắc nào cả. “Mẹ kiếp! Chưa bao giờ thấy thứ gì di chuyển nhanh như vậy trong đời đấy,” Roy Lee cất tiếng sau khi quan sát sự việc vừa xảy ra.

Chúng tôi mon men lại chỗ quả tên lửa nằm: Sherman dừng lại một lúc để đỡ chú Dubonnet và Tom đứng dậy. Basil thì vừa nhảy tung tung vừa cười hú lên, rồi anh ấy đứng lại và hí hoáy ghi chú vào sổ tay. “Ôi, thật giống y như ở Cape Canaveral vậy,” anh kêu lên nhặng xị. “Ôi, ta khoái chuyện này quá đi mất!”

Jake tự động đứng dậy rồi lật đật đi xuống đường. Nhìn thấy tay Jake run bần bật đưa lên châm thuốc lá rồi lôi chai rượu con trong túi ra, tôi mon men lại gần xem anh có ổn không. Anh vung vẩy điều thuốc. “Nhìn thấy quả tên lửa ấy lao về phía mình làm anh tưởng như đang quay trở lại với thời chiến ở Hàn Quốc ấy,” anh run rẩy nói.

“Em thật tình xin lỗi anh Jake ạ,” đó là tất cả những gì tôi có thể nói.

“Anh chẳng có ý gì đâu,” Jake đáp, ngón tay vẫn còn run, đẩy chai rượu lên miệng.

Khi tôi đi ngược lên phía trên, chú Dubonnet và Tom đang kiểm tra quả tên lửa, mấy đứa kia đứng quanh họ. Basil vẫn còn ngồi dính trong chiếc Edsel của anh, viết liên hồi. “Mấy nhóc à, lần sau trước khi lên đây chú phải chắc rằng đã trả hết mấy phần bảo hiểm trước thôi.” Chú Dubonnet vừa nói vừa cười hô hô rồi ngử ngử quả tên lửa. “Thuốc súng của các cháu tỏa ra nhiều khói quá. Là thuốc súng đen phải không?”

Tôi trả lời với chú rằng đây là hỗn hợp thuốc súng tự chế của chúng tôi. Chú Dubonnet vỗ vỗ vào thân tên lửa làm rơi ra mấy cục thuốc nổ chưa cháy cùng một đồng tro. Chú miết chúng trong lòng bàn tay rồi phán. “Vẫn còn ướt đây này. Bọn cháu ủ nó trong bao lâu?”

Tôi cho chú biết là trong 5 ngày.

“Nếu là chú thì chú sẽ để ít nhất 2 tuần đấy Sonny ạ.” Chú bóp vụn nốt phần thuốc súng còn lại giữa mấy ngón tay. “Chú từng lo về chất nổ trước khi công ty đem mấy cái máy khai thác than tự động về mà. Thuốc nổ phải để cho hoàn toàn khô ráo.”

Sau khi chú Dubonnet đi rồi, tiếp theo đến lượt Tom và Jake. Bọn tôi vây quanh Basil cạnh lô cốt thảo luận về kết quả của đợt phóng này. “Chúng ta phải làm cách nào để tên lửa bay thẳng lên ấy,” Sherman tuyên bố.

“Và còn phải tìm phương thức tốt hơn để châm ngòi nổ nữa,” Roy Lee kết luận sau khi quan sát và nhận thức rõ được hậu quả nếu như tên lửa bay theo ngay sau lưng trước khi cậu kịp chạy vào lô cốt.

Quentin lên tiếng: “Tớ sẽ nghĩ về việc này rồi đưa ra vài ý kiến sau nhé.”

“Mong rằng cậu sẽ nghĩ ra cái gì đó hay hơn phương pháp kiểm tra ngu ngốc vừa rồi,” O’Dell châm biếm.

“Thôi đi, O’Dell,” tôi xen vào. “Chúng ta đang là một đội ở đây, nhớ chứ? Quentin, cứ suy nghĩ đi nhé. Chúng ta sẽ tập hợp lại sau kì nghỉ của thợ mỏ. Đồng ý không?”

“Được quá đi chứ,” Roy Lee đồng tình. “Các cậu có thấy quả tên lửa của bọn mình bay như thế nào không? Nó không bay lên thẳng được thì sao chứ? Chúng ta đang làm tốt mọi việc ở đây mà!”

“Roy Lee nói đúng,” tôi nhận xét. “Chúng ta đang tiến triển tốt.” Tôi đưa tay ra, úp lòng bàn tay xuống. “Nào, đặt tay các cậu lên đây, như tụi cầu thủ vẫn thường làm ấy.”

Lần lượt, Sherman, O’Dell, Roy Lee và Quentin long trọng đặt tay lên nhau. “Những cậu bé hỏa tiễn,” tôi hô lên. “Những cậu bé hỏa tiễn muôn năm!”

“Ôi, mọi thứ thật *hoàn hảo*!” Basil khẽ thốt lên, rồi tiếp tục hí hoáy viết. “Những cậu bé hỏa tiễn muôn năm. *Ta yêu việc này quá đi!*”

KHU MỎ COALWOOD, cũng như mọi khu mỏ khác rải rác khắp tỉnh McDowell và miền nam của bang, đóng cửa vào hai tuần đầu của tháng 7, cho nên mọi người đều phải nghỉ làm đồng loạt. Bố giải thích mục đích của việc này là để cho nền kinh tế của ngành khai thác than được bảo đảm, và hoạt động lại một cách đồng nhất khi mọi công nhân đều trở lại làm việc sau kì nghỉ như nhau. Cũng cùng lý

do đó mà thợ mỏ luôn trả mọi thứ bằng tờ hóa đơn trị giá 2 dollar để mọi thương gia phải nhận ra rằng công ty than quan trọng đối với họ như thế nào. Nhưng rồi vì lý do gì đi nữa thì Coalwood trở nên gần như hoang vắng trong kì nghỉ. Hungry Mother State Park gần Virginia là điểm đến thường lệ của công nhân cùng gia đình họ, và cả Smoky Mountains xa hơn về phía nam Tennessee nữa. Một trong những nơi nghỉ mát truyền thống của thợ mỏ là bãi biển Myrtle, miền Nam Carolina. Chiều theo sự khẩn khoản của Mẹ, nhà chúng tôi đi nghỉ mát ở đây. Đây là dịp duy nhất trong năm mà Mẹ lười được Bố ra khỏi những ngọn núi cho riêng mình và ngày bình lặng trôi qua giữa biển trời thơ mộng xanh trong mà không nghe ông nói về những chuyện trong khu mỏ. Tôi để ý thấy Mẹ khẽ chạm vào tay Bố khi ông đang nói chuyện, và đôi khi vào ban đêm, họ ngồi trên xích đu bên hiên nhà trọ, Bố còn vòng tay ôm lấy Mẹ. Họ thậm chí còn ngủ chung giường nữa cơ. Một lần nọ, sau buổi đi mò cua, tôi trở về với cái đầu cá còn treo toong teng trên dây câu, và thấy cửa nhà trọ đang khóa. Tôi biết rằng bố mẹ đang ở trong đó vì thấy mấy đôi giày còn dính cát của họ nằm ngoài hiên, nhưng cho dù tôi có gõ cửa thế nào thì họ cũng chẳng cho tôi vào. Lúc đó tôi chỉ đơn giản đoán là họ đang ngủ thôi. Và rồi Mẹ khóc òa khi chúng tôi thu dọn mọi thứ lên chiếc Buick để về nhà khi kì nghỉ kết thúc.

Ngay đúng lúc Bố vừa đỗ xe vào sân sau thì chiếc “hắc phen” đã réo inh ỏi. “Chào mừng đến với Coalwood,” Mẹ làm bầm sau lưng Bố khi ông đang vội vã phóng lên bậc cầu thang vào nhà để trả lời điện thoại.

Tôi còn 3 quả tên lửa *Auk VI*, *VII* và *VIII* đã được nạp thuốc súng và để cho khô ráo trong thời gian chúng tôi đi nghỉ lễ. Tôi quyết định phóng tất cả vào thứ bảy sau kì nghỉ. Sherman làm vài tờ thông báo để dán ở Big Store và bưu điện. Chúng tôi vẫn còn vấn đề là chưa làm cho mấy quả tên lửa bay thẳng lên được, nên tôi bỏ ra hai ngày lui cui dưới hầm để chấp vá mấy bộ thẳng bằng. O’Dell đem đến một tấm nhôm mỏng nhất được từ đồng rác, tôi dùng kéo cắt thiếc và lạng ra vài miếng hình tam giác để làm bộ thẳng bằng. Sau đó tôi dùng đinh đục thủng vài cái lỗ ở cạnh bên trong rồi dùng dây kẽm quấn chúng vào hông của thân tên lửa. Sau khi dùng kim để vặn hết mấy cọng kẽm xuống, trông chúng còn thô thiển lắm nhưng ít ra cũng có vẻ được gắn vào chắc chắn rồi, tôi mong là như vậy. Vào thứ bảy, Roy Lee lái xe qua, tôi bỏ mấy quả tên lửa lên băng ghế trước rồi thẳng tiến đến Cape. Cậu ấy tỏ vẻ ngưỡng mộ kết cấu “cánh” mới và hân hoan: “Hôm nay liệu chúng ta có thu hút được một đám đông nữa không nhỉ.”

Tôi buột miệng thốt lên: “Ước gì Dorothy cũng đến nhỉ.”

Cậu ấy nhún vai. “Sao cậu không mời cô ấy?”

“Tớ sợ rằng nàng sẽ đến cùng một thằng bạn trai khác,” tôi thành thật thú nhận.

“Cô ta đi chơi với những thằng khác mà cậu còn mơ tưởng à?” Roy Lee lắc đầu. “Sonny, bọn mình phải ngồi xuống và *nói chuyện* đàng hoàng lại thôi.”

“Tớ yêu nàng,” tôi nói, “và một ngày nào đó nàng sẽ yêu tớ thôi.”

Roy Lee chùng người xuống sau tay lái, lắc đầu. “Mọi việc không xảy ra như vậy đâu, nhóc ạ.”

Mấy người đàn ông ngồi ở thềm Big Store vẫy chào chúng tôi. “Những cậu bé hỏa tiễn!” họ hô to. Một tên cầu thủ bóng bầu dục thì đi cả đám cùng nhau suốt mùa hè, thách thức bất cứ ai dám nhắc đến việc bị đình chỉ thi đấu của chúng. Bick, anh Jim và mấy tên cục súc còn lại đang tụ tập trước Club House. Chúng trừng mắt nhìn bọn tôi đi qua nhưng chẳng nói gì. Chúng tôi ghé qua rước Sherman rồi đi tiếp. O’Dell thì đi bộ xuống Cape từ Frog Level và đứng đợi sẵn từ lúc nào. Cậu ấy đã gỡ xong cái tổ ong bấp cày trong lô cốt và dọn dẹp sạch bề phóng. Chú Dubonnet không có mặt hôm nay nhưng Jake và Basil thì đã ở đó. “Anh đang chuẩn bị một bài phóng sự cho các chú mày rồi đây,” Basil nói. “Hãy chờ xem sức mạnh của báo chí nhé.”

Chúng tôi nhường quyền chiêm ngòi cho Jake. Anh vừa cười vừa tháo chạy vào trong lô cốt, cặp chân dài của anh nhún nhảy. Lần này tôi đã để dây ngòi dài hơn nên anh kịp chạy vào với Basil và bọn tôi, khum người xuống dè chừng trong niềm phấn khởi. Chú Dubonnet đã đúng trong việc đề nghị để thuốc súng khô lâu hơn: Quả tên lửa rời khỏi bề phóng trong tiếng xì to nhất từ trước đến nay rồi bay lên gần như ra khỏi tầm mắt. Tôi ra khỏi lô cốt, ngắm khói cuộn theo đuôi khi nó rơi xuống. Rồi tôi cùng với mọi người nhảy loạn lên như bị mất tự chủ. Đây là quả tên lửa tốt nhất từ trước đến nay của chúng tôi. “Nó bay lên cao bao nhiêu nhỉ?” Jake hỏi như ngừng thở, hứng khởi tựa hồ như anh là một cậu bé hỏa tiễn thực thụ vậy.

“Cao gấp đôi ngọn núi đây,” Sherman hách dịch trả lời.

Như vậy là cao bao nhiêu? Chúng tôi chẳng ai biết.

“Có lẽ vài phép tính lượng giác sẽ giúp chúng ta tìm ra đáp án,” Jake nói.

Chúng tôi chẳng biết gì về lượng giác cả. “Anh tề môn này lắm nhưng để anh nghĩ xem.” Jake gãi đầu nói.

Auk VII và *VIII* thì chẳng cần đến lượng giác. *Auk VII* đánh một vòng hình móng ngựa khi lên cao khoảng 15 mét rồi đâm sầm xuống đất. *Auk VIII* thì đập vào lô cốt rồi nổ tung trên không thành những mảnh sắt vụn rồi rơi xuống rào rào trên nóc. “Ôi, chuyện này thú vị quá đi mất,” Basil tuyên bố.

“Lần nào đi với tụi mày, anh cũng tưởng như đang quay lại Hàn Quốc vậy,” Jake nói khi nhìn vào cái lỗ thùng của lô cốt. “Quân đội chắc sẽ khoái các em lắm đấy - nếu như các chú mày còn mạng để sống đến lúc gia nhập ngũ.”

Vào cuối tuần tiếp theo, chú Bykovski gặp tôi, Sherman và O’Dell tại cửa hàng kim khí của nhà than và dạy bọn tôi căn bản của việc hàn xì và cắt sắt để có thể tự làm tên lửa. Tôi tự nhủ không biết có phải Bồ đồng ý việc này vì ông cảm thấy có lỗi khi đày ải chú Bykovski xuống hầm mỏ không. Tôi không thể tưởng tượng được đó là sự thật nhưng tôi chẳng nghĩ khác đi được. Chú Bykovski tỏ ra vui vẻ với công việc mới. Tôi đếm đủ 5 dollar để trả cho mấy cái ống và thanh sắt mình sẽ dùng trong ngày hôm đó. Theo lời chú Bykovski, tôi đặt chúng lên bàn làm việc kèm theo tờ giấy ghi rõ ra dùng chúng vào việc gì.

Khi chúng tôi hoàn thành xong khóa học hôm đó và đi về thì thấy Bố đang nhìn ra từ lan can của văn phòng. Tôi ghé qua để cảm ơn ông. “Sao rồi, bố đoán rằng con đã trở thành một tay thợ hàn lành nghề phải không?” ông hỏi.

“Chưa đâu Bố ạ,” tôi đáp lại. “Con cần phải luyện tập nhiều hơn nữa thì mới thành thạo được.”

Bố nhìn, thoáng vẻ ngạc nhiên trước sự phản ứng của tôi rồi gật gù. “Ít có thứ gì đến dễ dàng trên đời này Sonny à. Nếu có chẳng nữa thì cũng phải đề phòng nó. Có lẽ không đáng là bao nhiêu.”

“Việc khó nhất Bố từng học trong đời là gì?” tôi đột ngột hỏi.

Ông tựa lên thành lan can. “En-tro-pi,” cuối cùng ông cũng trả lời.

Tôi chẳng hiểu từ đó là gì và ông cũng biết vậy. “En-tro-pi nói về mọi vật sẽ có xu hướng trở nên lộn xộn và mất trật tự theo thời gian trôi qua,” ông giải thích. “Nó là một phần của định luật đầu tiên của nhiệt động lực học.”

Có lẽ tôi đang đực mặt ra thì phải. “Cho dù sự vật đó hoàn hảo đến mức nào đi nữa,” ông kiên nhẫn tiếp tục nói, “ngay từ khi vật đó được tạo ra là lúc nó bắt đầu phân hủy.”

“Sao thứ này khó học vậy Bố?”

Ông mỉm cười. “Bởi vì mặc dù nó đúng nhưng bố không muốn nó trở thành sự thật. Bố *ghét* vì nó đúng. Bố chẳng thể tưởng tượng nổi Chúa đang nghĩ gì nữa.” Ông kết luận rồi quay trở vào văn phòng.

MỘT TỐI MÙA HẠ năm ấy, ngay trước lúc trường học khai giảng, Jake gọi vào chiếc “hắc phen” nhà tôi. Bố bắt máy rồi dĩ nhiên chuyển cho tôi với ánh mắt nghi ngờ. “Nói ngắn gọn thôi đây.”

“Sonny,” Jake gọi, “mấy đứa em xuống Club House rồi leo lên mái nhà với anh nhé. Có điều này ngạc nhiên lắm đây.”

Sherman là đứa duy nhất mà tôi có thể thông báo trong thời gian gấp rút như vậy. Tôi leo vội vàng lên mái nhà của Club House còn Sherman thì nhảy lò cò như chó con lên từng bậc thang.

Jake đang nhìn qua miếng kính trên một cái ống hình trụ dài hướng lên trời. “Đẹp tuyệt, đúng không?” anh cười toe đầy vẻ tự hào. “Chiếc kính viễn vọng khúc xạ trung thành cũ kỹ của anh đây. Mới được gửi tới trong hôm nay thôi. Anh thường chơi cái này khi bằng cỡ tuổi em. Tí nữa là anh quên bém về nó cho đến khi xuống chỗ phóng tên lửa của bọn em.” Đây là chiếc kính viễn vọng đầu tiên mà tôi được trực tiếp chiêm ngưỡng. Anh còn đưa cho tôi một cuốn sách đã cũ mèm. “Anh còn bảo Mẹ gửi cho cái này nữa này. Sách về lượng giác ngày xưa anh học đấy. Hãy đọc nó đi, rồi bọn em sẽ tính được quỹ đạo tên lửa của mình bay cao bao nhiêu.”

Đêm nay trời thật trong, bao vì sao sáng trải dài khắp bầu trời lung linh như những viên kim cương đang lấp lánh trên một tấm vải nhung đen rộng bạt ngàn. “Nào, tự nhiên đi các chú, anh đang ngắm sao Mộc này.” Jake cười toe toét.

Sherman thử trước, dán mắt cậu ấy vào cái lỗ kính. “Em nhìn thấy được cả mấy dải sao đây này!” cậu hét toáng lên.

Tôi gỡ kính ra để Jake hướng dẫn cách xoay chỉnh cái ống canh tiêu cự. Sao Mộc là một vòng tròn màu vàng lung linh với những đường màu nâu cắt ngang. Tôi cảm thấy như có thể với tay ra chạm lấy nó vậy, phải chỉ có thể làm được điều đó thật thì hay quá nhỉ.

Jake chỉ lên một dòng sông sao đang vắt ngang qua bầu trời, giữa những rặng núi. “Đó là dải Ngân Hà. Chúng ta đang nhìn vào một bên cạnh của nó thôi đấy.” Tôi nghe tiếng anh vặn mở nút chai và tợp một ngụm rượu rồi huýt sáo một hơi dài. “Kia là chòm sao Thiên Cầm, còn kia là sao Nhân Mã. Nào, nhìn qua bên kia, cạnh sao Thiên Cầm.” Anh sờ soạng cái lỗ kính. “Cho anh biết em nhìn thấy gì nào.”

Sherman nhìn rồi tới lượt tôi. Một cái bánh doughnut ^[27] rục rở. Tôi chỉ đoán lờ mờ. “Một ngôi sao thủng lỗ hả anh?”

Jake bật cười. “Gần đúng rồi đấy. Nó là sao Tinh Vân. Cái vòng tròn đó là phần vỏ tách ra từ khối bên ngoài của ngôi sao.”

Đã quá nửa đêm mà Jake vẫn say sưa chỉ cho Sherman và tôi sự khác nhau giữa hành tinh và ngôi sao đến khi anh ngồi xuống tựa vào ống khói bằng gạch nung rồi ngủ thiếp đi. Trong khi Sherman vẫn nhìn vào kính viễn vọng thì tôi lang thang quanh rìa mái nhà và nhìn xuống thị trấn nhỏ của mình. Nhà thờ đang tắm trong ánh sao bàng bạc, ánh lên rục rở trong bóng tối của ngọn núi sau lưng nó; và ở ngọn đồi bên trên buđiễn, tôi có thể nhận thấy được mấy ngọn tháp của biệt thự thuộc về ông Van Dyke. Những tán cây xào xạc trong cơn gió mát lành thổi về từ phía núi đồi, và xa xa kia, tôi còn nghe được tiếng kêu văng vẳng của một con cú lạc loài giữa đêm và những giai điệu ộp oạp của mấy chú ếch lang thang quanh con sông nhỏ chạy dọc cửa hàng kim khí điện máy. Rồi tôi quay lại với chiếc kính viễn vọng, cố chỉnh nó hông quan sát được quanh Coalwood nhưng cuối cùng nhận ra rằng không thể chỉnh cho tiêu cự gần như vậy được. Tôi chợt nghĩ: thật mỉa mai khi chiếc kính viễn vọng của Jake có thể nhìn được những ngôi sao cách xa hàng triệu năm ánh sáng nhưng lại không quan sát được thị trấn nơi nó đang hiện diện. Có lẽ bản thân tôi cũng đang như vậy. Tôi nhìn thấy rõ được tương lai của mình trong không gian, nhưng chính cuộc sống hiện tại ở Coalwood này thì đôi khi lại quá ư mơ hồ.

Chợt Sherman kêu to làm tôi giật mình nhìn lên và kịp chiêm ngưỡng một cơn mưa sao băng to lớn màu xanh với những tia sáng vàng rục trên đỉnh đầu đang bay về từ phương bắc. Nó lặng lẽ liệng ngang bầu trời rồi rơi xuống sau dãy núi chập trùng trước mắt. Tôi định mở miệng nói một điều gì đó để giữ lại giây phút trang trọng này nhưng chẳng tìm ra được từ nào cho phù hợp. Sherman và tôi nhìn nhau và chỉ có thể thốt lên một tiếng “Ồ chà!”. Trong khi đó, Jake vẫn ngáy o o đều đặn.

10. CÔ RILEY

Auk IX - XI

Tôi đã trông thấy được tương lai và nó thật sự khả thi! Hai tuần trước, chính người phóng viên này đã chứng kiến những cậu bé của Tổ chức Tên lửa Big Creek phóng lên trời vật thể sáng tạo tuyệt mỹ của họ tại căn cứ Cape Coalwood. Khoảnh khắc quả tên lửa ánh bạc của họ rời khỏi bề phóng xi-măng rồi bay vút lên không trung, tôi cứ há hốc mồm ra và bị mê hoặc bởi cái viễn cảnh huy hoàng khi nó tiến vào không gian... Dù vậy họ cũng vẫn còn mắc phải những sai sót. Tôi đã phải khum người trong lô cốt của họ và nhảy tránh những mảnh vỡ lạc hướng cùng với các chàng trai dũng cảm ấy. Nhưng họ không phải là loại người dễ dàng đầu hàng! Người phóng viên này muốn gửi một thông điệp tới ai đang đọc bài viết và cả những người khác nữa: Nếu như bạn còn hy vọng để hiểu được tương lai rục rờ, huy hoàng sẽ đến với ai dám nắm bắt nó như thế nào thì hãy đến ủng hộ những cậu bé hỏa tiễn ở Coalwood nhé.

McDowell County Banner, tháng 8 năm 1958

NGÀY ĐẦU TIÊN NHẬP HỌC NĂM 1958 cũng là ngày bắt đầu của quãng thời gian bị đình chỉ thi đấu của đội bóng bầu dục. Thay vì ngông nghênh với điệu bộ kiêu hùng trên hành lang trong màu áo trắng xanh như thường lệ, Jim và mấy tên cầu thủ khác hôm nay ủ rũ lê chân vào lớp học và sẵn sàng xỉ vả ai đó chạm tự ái bọn chúng. Thông thường, khi bắt đầu một năm học mới cũng là cận kề với ngày thi đấu của đội bóng và cả trường sẽ tập trung hết vào họ. Họ chỉ việc ngoắc tay là mấy đứa con gái sẽ vội vã xúm lại sẵn sàng trở thành bạn gái của một thành viên nào đó của đội bóng Big Creek cao quý. Nhưng năm nay bọn chúng trông thật uể oải thay cho những tên cơ bắp thường ngày, tỏ ra ngu dốt thay vì vẻ sáng láng ngày trước và ngang tàng một cách kì lạ. Dù sao đi nữa, biết chúng vẫn dư sức đè bẹp mình xuống sàn nhà nên tôi vẫn cẩn thận giữ khoảng cách và yêu cầu những đứa hỏa tiễn còn lại không động chạm vào chúng. “Nhưng đây quả là cơ hội tốt để châm chích mà,” Quentin khúc khích cười trong khi chúng tôi đang đi xuống hành lang. “Nhìn bọn chúng kia. Cứ như những chú cừ non lạc đàn vậy.”

Chúng tôi nhanh chóng nhận ra rằng không phải việc đình chỉ bóng bầu dục là sự thay đổi duy nhất ở Big Creek. Thầy cô ra lệnh cho chúng tôi ngồi trong lớp im lặng và trật tự, rồi bắt đầu thao thao bất tuyệt trên bảng đen, vạch rõ ra những khóa học và những môn mới sẽ được giảng dạy, chúng được truyền cảm hứng từ sự xuất hiện của *Sputnik*. Những bài tập về nhà lạ lùng bắt đầu chiếm đầy trong vở, những chồng sách dần được dâng cao lên và những mảnh giấy photocopy rơi vãi đầy lối đi. Chúng tôi vất vả đi từ lớp học này qua lớp học khác với chồng sách ôm chặt trong tay. Sự việc này xảy ra với tất cả những trường trung học trong các bang. *Sputnik* được phóng lên vào năm 1957. Đến mùa thu năm 1958 thì nó đã làm rơi thảm họa tinh thần xuống nước Mỹ và những học sinh trung học *chúng tôi* đã bị phóng lên trời để đáp trả.

“Chào các anh,” một cô nàng lớp 10 xinh đẹp mở lời với tôi và Quentin trên hành lang trong giờ chuyển lớp. “Các anh sẽ đến Dugout vào thứ bảy này chứ? Hy vọng là vậy. Em rất thích nhảy đây.” Nói rồi nàng ta lướt qua, và chỉ thoáng liếc ngang mấy tên cầu thủ mà thôi. Bọn chúng nhìn lại như muốn ăn tươi nuốt sống bọn tôi vậy.

“Ái dà,” Quentin thốt lên. “Điều này chưa từng xảy ra trước đây bao giờ cả.”

“Thì trước đây chúng ta cũng có được đăng lên báo đâu,” tôi nhắc nhở cậu ấy.

Lúc đi ngang qua tủ đựng cúp, tôi bắt gặp Valentine. Chị đang đứng đó một mình, chồng sách kẹp trước ngực. Hôm nay Valentine mặc chiếc váy len, áo khoác đen, và tóc cột đuôi ngựa, nhìn như một dòng thác đen nhánh đang lấp lánh chảy dài xuống lưng. Chị nhìn có vẻ ai oán lắm. “Chào Sonny,” chị chào, mắt rạng ngời lên khi nhìn thấy tôi. “Em có muốn vào phòng nhạc và âu yếm không nào?”

Tôi biết chắc rằng Valentine đang đùa cợt. Dẫu sao, chị cũng học trên tôi một lớp và lớn hơn tôi gần 2 tuổi. Tôi lại gần chị. “Dĩ nhiên rồi Valentine ạ,” tôi đùa lại “ngày nào, lúc nào cũng được cả.”

Chị như đang dò xét vào sâu trong đáy mắt tôi. “Em có muốn hộ tống một cô gái đến lớp không nào?”

“Được thôi.”

Valentine tựa vào tôi khi hai đứa đi dọc xuống hành lang. “Chị có đọc báo thấy em trên đó. Chị tự hào về em lắm. À này, nếu chị và mấy đứa bạn nữa muốn đến xem em phóng tên lửa thì có được không?”

Valentine luôn có đủ mọi tổ chất làm tôi bất ngờ. “Em sẽ rất vinh dự nếu có chị đến xem,” tôi thốt lên những lời chân thật nhất từ đáy lòng mình. Một đám cầu thủ ử rữ lê bước ngang qua chúng tôi, trong mắt chúng ánh lên những tia nhìn xấu xa độc địa. Một trong số bọn chúng, tên Bobby Joe Shaw bất chợt húc vào Valentine mạnh đến nỗi chị suýt đánh rơi hết sách vở xuống đất. Chị ấy chớp lấy ngay tay hấn rồi quay vòng hấn lại. “Đi thì phải biết nhìn đường chứ, thằng chó đêu kia!”

Bobby cũng là học sinh lớp trên như Valentine. Tôi nhớ năm ngoái đã có lần trông thấy họ tay trong tay tại giảng đường. Hấn ta từng chơi ở tuyến hai với vai trò hậu vệ trong mùa giải năm 1957. Trong mùa đó, hấn đã thực hiện một cú chuyền ngoạn mục và chơi một trận xuất sắc. Lẽ ra thì với thành tích ấy, hấn sẽ được tỏa sáng trong mùa giải 1958 này. Nhưng bây giờ tất cả đã tan thành mây khói. “Em có vẻ thích trai tơ, Valentine nhỉ?” hấn mỉa mai.

“Đừng có nói với tôi những lời vớ vẩn nữa Bobby Joe,” Valentine gầm gừ, và gần như đang giẫm lên hết ngón chân của hấn. Hấn chùn bước, liếc tôi với ánh mắt như muốn ăn tươi nuốt sống rồi lần xuống cuối hành lang. Valentine quay lại với tôi. “Nếu như Bobby Joe hay bất kì thằng khốn nào... *gây rắc rối* cho em thì tìm chị nhé, Sonny. Chị sẽ xử lý chúng cho.” Khi đến trước cửa lớp, Valentine nhìn tôi cười bẽn lẽn. “Khi nào em sẵn sàng cho vụ âu yếm thì gọi chị nhé. Chị sẽ đến ngay đây.” Nói rồi chị nháy mắt với tôi và bước vào lớp.

Quentin đến cạnh và cùng tôi dõi theo Valentine đến khi chị ngồi vào bàn học. “Quả là một cô gái “hoàn tráng” nhất trường đấy!” cậu ấy tuyên bố. Ngoại trừ Dorothy ra thì tôi đồng ý với quan điểm này. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực như vừa mới phải chạy bộ một quãng dài. Huấn luyện viên Gainer từng cảnh báo với lũ con trai chúng tôi trong giờ sức khỏe rằng sự kích thích sẽ trào dâng trong cơ thể chúng tôi khi tất cả bước vào trung học. “Nó sẽ qua nhanh thôi,” người đàn ông mạnh mẽ đó khuyên răn như vậy. “Cứ mặc sức tận hưởng những cảm giác đó khi có thể nhưng đừng hành động gì, phải biết kiềm chế nó. Nếu như các em nhận thức được rằng nó chỉ là những rối loạn học-môn của trai mới lớn chứ không phải xuất phát từ lý trí thì sẽ ổn cả thôi.”

Vào cuối ngày hôm đó, Dorothy ngoắc tôi ra ngoài khi tôi đang chuẩn bị lên xe buýt về nhà. Nàng trông thật kiêu sa trong chiếc áo choàng bằng vải hồ bột trắng tinh cùng chiếc váy thủy thủ xanh thẫm. “Chủ nhật này qua nhà mình nhé?” nàng hỏi tôi. “Mình cần cậu giúp về hình học phẳng.”

“Mình sẽ đến.”

Nàng nhìn băng quơ đi đâu đấy, miệng nở nụ cười tinh quái. “Mình nhớ cậu suốt cả mùa hè đấy,” nàng thỏ thẻ nói.

“Tha...ật à?” tôi lắp bắp.

“Ừm..hummm,” nàng gật đầu, đôi mắt xanh to tròn chột lóe qua tôi. “Mình cũng có đọc tin tức về cậu trên báo. Mấy cô nàng xinh xắn lớp 10 đang mê mẩn cậu lắm, mình cá đấy. Mình thật ghen tị quá đi mất!”

Tôi cười toe toét với nàng như một thằng ngớ ngẩn ngoại hạng. “Đừng như vậy chứ! Mình - ý mình là... Dorothy à, mình cũng nhớ cậu lắm!”

“Bọn mình có rất nhiều chuyện để nói với nhau đấy. Mình nôn nóng quá đi mất!”

Roy Lee lon ton chạy đến bên tôi rồi nhìn Dorothy với thái độ khinh bỉ ra mặt. Cậu ấy chẳng bao giờ thật sự chịu nhận ra sự hoàn hảo của nàng cả. “Sonny, Jack chuẩn bị đi rồi. Ông ta nói cậu có 5 giây, nếu không thì sẽ bị bỏ lại với cô Priss này đấy.”

Tôi miễn cưỡng theo gót Roy Lee. “Tớ mong cậu sớm quên được con nhỏ đó, Sonny ạ.” Cậu ấy nói.

“Không bao giờ,” tôi thẳng thừng đáp lại.

Tôi ngồi lên xe buýt rồi vẫy tay chào Dorothy. Nàng vẫy chào lại tôi, gửi kèm theo một nụ hôn gió. Tôi thấy người mình cứ lâng lâng trên suốt chặng đường về Coalwood, đến nỗi Jack phải nhắc tôi xuống xe khi đã về đến nơi.

TÔI ĐÃ SỐNG SỐT qua được môn đại số của năm lớp 10, vớt vát được điểm B sau những bài kiểm tra với kết quả khá tốt vào cuối niên học. Nhưng đến lớp 11 thì tôi lại học tốt hình học phẳng ngay từ đầu. Có một điều tôi biết chắc là những kiến thức căn bản về các đường cong, góc, và đa giác của hình học phẳng sẽ giúp tôi rất nhiều trong việc thiết kế tên lửa. Tôi đoán rằng có sự tương quan về kích thước trong việc thiết kế tên lửa, ví dụ như tỷ lệ thích hợp giữa diện tích của bộ thẳng bằng định hướng và phần thân của tên lửa. Nhưng tôi phải giải đáp những vấn đề này như thế nào? Thầy Hartsfield xua đi câu hỏi của tôi về cách tính và so sánh giữa các mặt phẳng (bộ thẳng bằng) và mặt cong (phần thân) bằng cách nhấn chìm chúng tôi vào những tiên đề, định đề và chứng minh của hình học O-clit. “Những câu hỏi của em nghiêng về lĩnh vực hình học giải tích và tích phân,” thầy ngoảnh lại từ bục giảng, nhìn tôi qua cái mắt kính nửa trong [\[28\]](#) và răn đe. “Theo thầy nhớ thì em gặp khó khăn về môn đại số mà. Và nếu như cứ tiếp tục yếu môn đại số như vậy thì em sẽ bị tụt hậu, tụt hậu một cách trầm trọng, Hickam ạ!”

Qua phần bài giảng về hình tam giác, trong đầu tôi bất chợt liên tưởng đến mối quan hệ giữa các cạnh của tam giác và các góc mà chúng tạo thành. Lúc tôi hỏi thầy Hartsfield về điều này thì ông nhìn tôi chằm chằm nhưng không hoàn toàn phản đối. “Cái đó thuộc về lĩnh vực môn lượng giác Hickam ạ. Trong bài học thêm chúng ta sẽ tìm hiểu về những gì mà cái đầu ngoan cố của em muốn biết.”

Điều mà cái đầu ngoan cố của tôi đang muốn tìm tòi là làm sao để biết được tên lửa của mình bay cao bao nhiêu. Tôi và Quentin say sưa vùi đầu vào cuốn sách của Jake. Chúng tôi cùng nhau học lượng giác trong giờ nghỉ trưa tại Big Creek. Tôi nhận ra rằng một khi chúng ta có động lực muốn biết về một điều gì đó thì dù phức tạp đến đâu việc học nó cũng trở nên không quá khó khăn. Theo cuốn sách lượng giác chỉ bảo, chúng tôi cần chế tạo dụng cụ để đo góc, từ đó sẽ có thể tính toán ra được tên lửa của mình bay cao bao nhiêu. “Tớ sẽ làm nó ngay đây,” Quentin quả quyết hứa.

“ÔI, CẬU THẬT THÔNG MINH ĐẤY SONNY,” Dorothy ngồi trên ghế salông trong phòng khách nhà nàng, thờ dài khi tôi kể rằng mình đang tự học lượng giác. Rồi nàng chồm người qua và ôm chầm lấy tôi. “Việc này là trả ơn vì cậu đã giúp mình học môn hình học phẳng nhé.”

Đây là cơ hội hoàn hảo để tôi thực hành thao tác của Roy Lee. Tôi từ từ trượt tay nhẹ nhàng vòng qua vai nàng, nhưng đúng lúc ấy đột nhiên nàng nhảy bật dậy. “Ôi, bánh qui của mình sắp khét đến nơi rồi! Chờ tí nhé, mình quay lại ngay.” Đến khi quay lại với một khay bánh qui sô-cô-la thì nàng ngồi xuống chiếc ghế đối diện tôi rồi chia bánh. “Mình rất vui vì hai đứa là bạn tốt,” chắc nàng đã nói câu này phải đến cả triệu lần rồi ấy chứ! Nhưng nó không làm tôi chùn bước, quan hệ của tôi với nàng đang từng bước tiến triển đấy thôi.

Suốt mùa thu năm ấy, tôi bắt xe đến War vào mỗi chiều Chủ nhật để cùng Dorothy học hình học phẳng. Chúng tôi phối hợp với nhau rất tốt. Sau khi hoàn tất mọi định đề và định lý thì có vẻ Dorothy còn hiểu rõ về những biến hóa của chúng hơn cả tôi. Nàng còn là một cô giáo giỏi, rất kiên nhẫn giải thích cho tôi sự liên hệ của những cách chứng minh. Dorothy có một trí nhớ tuyệt vời, nàng không bao giờ quên thứ gì đã học thuộc. Nhưng tôi lại giỏi hơn nàng rất nhiều về sức tưởng tượng. Thậm chí tôi phải vẽ hình ảnh minh họa để giải thích cho nàng vì sao hai đường thẳng được coi là song song với nhau

một khi chúng cùng vuông góc với một đường thẳng thứ 3.

Thầy Hartsfield đã làm mọi cách tốt nhất để cung cấp những công cụ cho công việc của chúng tôi. “Các quý ngài, quý cô, các em phải học phương pháp suy luận diễn dịch!” Chợt thầy bắt gặp Roy Lee đang liếc mắt đưa tình với bạn gái ngồi kế bên, lập tức thầy phóng một viên phấn trúng đầu cậu ấy. “Nào, thầy ra cho em một mệnh đề nhé,” thầy bảo Roy Lee. “Mệnh đề chính: tất cả con người đều có óc. Em đồng ý không?”

Roy Lee xoa xoa đầu, bụi phấn đang bám dính lên mái tóc Đ.V bóng nhoáng của cậu ấy. “Vâng thưa thầy.”

Thầy Hartsfield đứng dậy và nhón chân lên. “Và tất cả các cậu trai trẻ đều là con người. Đó là mệnh đề thứ 2 của tôi, có thể đem ra bàn thảo. Với hai mệnh đề chính và phụ như vậy, em đưa ra kết luận gì?”

Roy Lee nhướn mày đáp. “Là tất cả các cậu trai trẻ đều có óc?”

“Chính xác, chàng trai của ta!” thầy Harstfield hét lên và giậm một chậm xuống sàn. “Rồi, vậy giải thích suy luận của em đi?”

Suy luận diễn dịch cũng có vẻ hay ho và hữu ích đấy, nhưng tôi thích để trí óc của mình bay bổng theo không gian vô tận hơn, nơi đó có những đường thẳng đan xen vào nhau tạo ra những điểm không hợp thành một hình thù nhất định gì và còn là nơi của hai đường thẳng song song gặp nhau tại vô cực. Tôi bắt đầu nghĩ nhiều hơn về điểm vô cực, cố nghĩ xem mọi vật ở nơi ấy sẽ như thế nào, và vì sao tất cả những định đề, định lý và nguyên tắc lại trở thành thực tiễn xuyên hành tinh như vậy. Về đêm, tôi nằm trên giường, với Daisy Mae gác đầu dưới chân; tôi nhìn lên khoảng tối trên đầu và để trí tưởng tượng của mình tự do bay bổng. Đôi lúc khi làm vậy, tôi thực sự cảm thấy mình đang bay, vút lên vùng trời Coalwood, băng qua những thung lũng và núi đồi trùng điệp dưới ánh trăng yên lành. Một đêm nọ, khi đang thả hồn mình, tôi chợt nhận ra một sự thật rằng hình học phẳng là một thông điệp từ Chúa. Tâm trí tôi đóng kín lại, đưa tôi trở về với thực tại, căn phòng như khép chặt bao vây lấy tôi. Từ cái bàn, cái ghế, học tủ, sách vở và cả những mô hình máy bay bắt chợt trở nên quá chân thực. Chỉ đến khi thấy Daisy Mae cựa quậy thì tôi mới hoàn hồn nhận ra mình đang an toàn trong căn phòng thân thương này. Nhưng dù sao đi nữa, tôi vẫn chưa khỏi cảm giác bàng hoàng, run rẩy. Rồi tôi nằm đó, thao thức, cố xua đi những ý nghĩ ấy nhưng thật bất lực, nó cứ đọng lại mãi trong tâm trí tôi. Ngày hôm sau, rồi lại hôm sau nữa, mọi thứ vẫn tiếp tục xảy ra như vậy. Rốt cuộc, tôi quyết định đi gặp cha Lanier để tâm sự về điều này.

Cha Lanier đang trong phòng sách và chào đón tôi một cách thận trọng. Ông đã hoàn toàn bình an sau bài thuyết giảng vừa qua tại Coalwood, nhưng có vẻ đây là một tình huống nguy hiểm đối với Cha. Ông cho tôi biết là chính miệng ông Van Dyke nói rằng Cha nên đọc lại điều 17:19 trong sách cách ngôn. Cha Lanier kết luận rằng mặc dù tín ngưỡng của ông Van Dyke có vấn đề nhưng thông điệp của ông ấy thì rất rõ ràng. Từ nay về sau, bản thân Cha Lanier sẽ phải cẩn trọng hơn rất nhiều về những gì mình sẽ thuyết trên bục giảng kinh.

Tôi chẳng lấy gì làm lúng túng khi trình bày những nhận định của mình về những nguyên tắc, định lý và tiên đề về hình học phẳng - những điều luôn đúng xuyên suốt cả hành tinh - rằng thông qua đó, Chúa đã gửi cho loài người một thông điệp. Có vẻ Cha xứ không đồng tình với ý kiến của tôi cho lắm. “Con đang nói về số học, Sonny ạ,” ông vừa nói vừa gõ lên cuốn Kinh Thánh. “Còn tất cả những lời răn của Chúa trời đều nằm trong cuốn Kinh Thánh này đây thôi.”

Tôi cố gắng diễn giải thêm một hồi nữa với Cha xứ nhưng tất cả những gì ông làm là nhịp nhịp lên cuốn Kinh Thánh. Thế rồi tôi chuyển mục tiêu sang Cha Richard. Cha Bé Nhỏ sóng bước cùng tôi dọc theo lối đi hẹp trong ngôi nhà thờ nhỏ bé của ông trong khi tôi trình bày ý kiến. Càng nghe tôi nói, ông càng tỏ ra như chùn hết người lại dưới sức ép của những giả định đó. “Lạy Chúa,” ông hít một hơi sâu. “Đó không gì khác ngoài một kế hoạch to lớn của Chúa.” Nói rồi ông chộp lấy cuốn Kinh Thánh nằm sau bục giảng kinh, đặt nó xuống băng ghế. Tôi ngồi xuống cạnh bên nhìn ông cứ đóng mở sách liên hồi. “Từ ngữ vẫn chỉ là từ ngữ thôi Sonny ạ,” ông vừa nói vừa di ngón tay lên một đoạn kinh ngẫu nhiên. “Nhưng con số cũng thuộc về Chúa. Chắc chắn là vậy rồi.” Ông gãi cằm rồi hướng mắt về chiếc thánh giá gỗ treo trên tường cạnh hộp nhạc. “Ta không thể giải mã nó được.” Đoạn ông nhìn sang tôi. “Con nghĩ là con có thể làm được không?”

Tôi nhún vai. “Không phải việc của con. Con chỉ muốn biết làm sao để chế tạo tên lửa mà thôi.”

“Ồ, nếu đó là tất cả những gì con muốn thì hãy cứ cầu nguyện, rồi Chúa sẽ ban cho thôi,” ông nói. “Ta sẽ giúp nếu như con chịu hứa điều này. Một khi con đã thành công chế tạo ra tên lửa và lúc nó bay vút lên không trung thì mọi người sẽ tung hô con. Nhưng con đừng để tâm về điều đó.” Nói rồi ông hất đầu về phía cây thánh giá. “Mọi vinh quang trên trái đất này đều thuộc về nơi này mà thôi.”

Tôi nhìn lên cây thánh giá rồi cúi đầu, đột nhiên cảm thấy hoảng sợ rằng Chúa sẽ trừng phạt mình vì dám đả động đến kế hoạch của Ngài. “Vâng thưa Cha,” tôi nuốt khan.

“Đừng có tự làm mình ngộp thở như vậy, nào, bây giờ thì hãy kiêu hãnh lên một chút đi nào.”

“Không đâu thưa Cha,” tôi nói thầm, với giọng nhỏ nhẹ nhất có thể.

Cha Bé Nhỏ cười *he he he he* một lúc lâu. “Nào cậu nhỏ, đừng có phiền muộn nữa. Chúa luôn tràn đầy lòng yêu mà, con không biết điều đó hay sao? Ngài sẽ chẳng bao giờ làm hại con cả. Ngài đã có kế hoạch cho con và cả những đứa bạn của con rồi.”

Tôi gật đầu lặng lẽ. “Rồi, vậy thì đi đi. Ta còn phải cầu nguyện nữa. Chà chà, cậu nhóc Coalwood này còn ngộ ra được lời của Chúa từ trong sách hình học phẳng nữa chứ. Ta phải cầu nguyện về *điều đó* nhiều đây.” Cha Bé Nhỏ kết thúc câu chuyện như vậy.

MỘT BUỔI SÁNG NỌ, BỐ ném vài lát bánh mì vào chiếc máy nướng nằm trên kệ bếp rồi ấn nút và đi pha cà phê. Đến khi ông quay lại thì nút bấm vẫn nằm ở vị trí đó nhưng chẳng có gì xảy ra. Rồi ông

phát hiện ra bộ phận tỏa nhiệt đã biến mất. Thật ra vì chính tôi đã tháo nó ra để thử nghiệm xem hệ thống đánh lửa điện của mình có hoạt động hay không.

Cũng vì kế hoạch này mà O'Dell đã tháo bình ắc qui trong xe tải của bố cậu ra. Roy Lee chở O'Dell cùng chiếc bình ắc qui đến nhà tôi để tiến hành thử nghiệm. Thật tuyệt, nó thực sự hoạt động, sợi dây của máy nướng bánh mì đủ nóng để đánh lửa cho phần thuốc súng. Nhưng sau đó thì bọn tôi bị phân tâm bởi chương trình *American Bandstand* và Roy Lee lẫn O'Dell cùng bỏ đi, để lại dây nhợ và bình ắc qui lại trong nhà xe. Đối với Bố tôi thì ông không có bánh mì nướng. Còn đối với bố của O'Dell thì ngày hôm sau, chiếc xe tải chở rác của ông sẽ không hoạt động. Điều phiền muộn cùng lúc đến với cả hai gia đình, và rồi sự việc được truyền đi nhanh chóng qua hàng rào sau nhà. Chẳng lâu sau, việc gì mất mát xảy ra trong thị trấn đều được đổ lên đầu “mấy thằng nhóc hỏa tiễn” cả. Một ngày nọ, Mẹ nhận được điện thoại từ ông Jackson ở trên khu New Camp, ông luôn tự nhận mình là một thợ săn chuyên nghiệp. “Elsie, bà làm ơn hỏi xem Sonny có nhìn thấy Jesse hay không?”

Mẹ biết Jesse chính là chú chó săn của ông Jackson. “Đề làm quái gì vậy ông Jackson?”

“Ừ thì tại tôi nghe nói các ông tướng ở Cape Canaveral đang cho mấy con khỉ lên không gian. Tôi sợ là con bà cũng cho mấy con chó săn già lên trên đấy thì sao.”

Mẹ cố nhin cười đáp. “Đừng lo ông Jackson ạ. Jesse đi lang thang đâu đó và sẽ về mau thôi. Tôi không nghĩ là mấy đứa nhỏ đang bắt giữ nó đâu.”

Con chó già Jesse quả thực đã tự về nhà không lâu sau đó, nhưng từ đấy về sau, mỗi lần tôi đạp xe ngang qua ông đều dõi theo tôi với ánh mắt kì lạ.

O'Dell và Roy Lee đang tìm cách để cải thiện việc liên lạc ở Cape và hai đứa nó nhắm vào khu chuồng la. Ông Carter đã xây cái chuồng này vào đầu những năm 1930 làm chỗ trú thân cho những con la đã quá già, không còn sức làm việc cho khu mỏ. Ông đã từ chối bán chúng cho nhà máy tách mỡ động vật vì nghĩ rằng chúng xứng đáng được an hưởng tuổi già sau nhiều năm tận tụy cống hiến cho hầm mỏ. Sau nhiều năm nằm dưới lòng đất, chúng không quen với ánh sáng nên chẳng lang thang ra ngoài gặm cỏ được nữa. Đến khi ông Carter bán lại công ty cho nhà máy thép thì khu chuồng này trở nên trống vắng. Ngay sau khi mấy người trên Ohio xuống đây, họ đã chở hết đám la đi làm thức ăn cho chó. Tôi nghe kể rằng vào hôm đó, Mẹ cùng một số phụ nữ trong thị trấn đã đứng khóc ròng bên đường khi mấy chiếc xe tải chở đàn la bị trói chặt chạy ngang qua. Lúc nhỏ, khi chơi đùa quanh khu chuồng đó, lũ nhóc chúng tôi thường lén nhìn xuyên qua song cửa sổ đóng bụi cũ kĩ để chứng kiến mấy ngàn chuồng hoang vắng rùng rợn cùng những bộ yên cương cổ xưa. Trên chiếc bàn ngay giữa ngăn chuồng cuối có rất nhiều điện thoại cổ lỗ sĩ của khu mỏ. O'Dell cho rằng mấy cái đó đã là phế thải rồi, nên BCMA được quyền sở hữu chúng. Thay vì đơn giản là xin phép công ty để có chúng thì cậu ấy lại đưa ra một kế hoạch tưởng chừng như hay ho hơn nhiều.

O'Dell và Roy Lee đã cùng nhau đến khu chuồng la vào khoảng nửa đêm thứ 6. Ngay sáng hôm sau, trong khi đang xem phim hoạt hình thì tôi nghe điện thoại reo. Đầu dây bên kia, Tag Farmer, cảnh sát thị trấn, oang oang. “Em lên văn phòng ông Van Dyke gấp đi Sonny, em gặp rắc rối to rồi đây.”

Khi Tag cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra, tôi chỉ muốn bóp chết O'Dell mà thôi. Trò hề này tôi biết rằng sẽ có thể làm chúng tôi phải tránh xa tài sản của công ty một lần nữa. Tôi chộp lấy xe đạp rồi phóng nhanh xuống Main Street.

Ông Van Dyke nhướng mày nhìn tôi chạy vào rồi thẳng kết lại trước bàn. Roy Lee và O'Dell đang ngồi trên ghế, nhìn băng quơ lên tường, trông hai đứa nó thật nhếch nhác, bần thủ. “Xem nào, Sonny,” ông Van Dyke lên tiếng. “Ta biết rằng câu lạc bộ tên lửa của cháu đang cần điện thoại.” Ông tỏ ra lạnh lùng, tay vẽ hình một ngôi nhà thờ nhỏ lên bàn. “Và như vậy là bọn cháu quyết định ăn cắp của công ty hả?Ồ, bọn cháu nghĩ rằng mình rất tinh khôn à, nhưng bọn ta thì biết được tất cả những gì diễn ra trong thị trấn này, nhiều hơn bọn cháu có thể nghĩ đấy. Phải không Tag?”

Tag Farmer đang đứng tựa vào tủ hồ sơ bằng gỗ dựng ở góc tường, gật đầu đồng tình. Tag đang mặc đồng phục bằng vải kaki của công ty, trên áo khoác còn đeo lưng lửng chiếc huy hiệu hình ngôi sao nữa. Anh khá trẻ, chỉ khoảng ngoài hai mươi. Tôi nghe kể rằng sau khi tốt nghiệp ở Big Creek, anh dành hết thời gian của mình trên một ngọn núi ở Hàn Quốc, ngồi chờ quân đội Trung Quốc đến lấy mạng. Nhưng có vẻ nó không phải là một ngọn núi quan trọng gì nên họ chẳng quan tâm tới. Khi nhiệm vụ kết thúc, Tag quay trở về và vào làm việc trong khu mỏ. Anh cũng xuống được tới cuối tầng hầm nhưng không thể nào ra khỏi cái thang máy được. Cũng vì Tag từng là lính chiến nên Đội Trưởng Lair tìm cho anh một công việc khác và thật sự Tag tỏ ra là một cảnh sát tốt. Chẳng có nhiều vụ án gì xảy ra ở đây để xử lý nhưng anh luôn sẵn sàng đến giúp mấy bà cô di chuyển đồ đạc nặng và cung cấp dịch vụ taxi miễn phí cho bất cứ ai yêu cầu.

“Bẻ khóa và đột nhập để trộm cắp. Anh gọi đó là gì, Tag? Dựa trên luật pháp ấy?”

Tag nhún vai. “Có thể liệt vào trọng tội, thưa ông Van Dyke.” Roy Lee và O'Dell ôm lấy đầu. Tôi thì muốn khụy chân xuống.

Ông Van Dyke ngả người vào ghế, tiếng cọt kẹt phát ra loạn xạ. “Trọng tội! Vậy là phải bỏ tù, phải không Tag?”

“Tôi rất tiếc, đúng vậy, thưa ông.”

Thay vì một tương lai xán lạn trong đội ngũ của von Braun, giờ đây có vẻ viễn cảnh của tôi là ngục tù và song sắt. Tôi định quỳ xuống van xin tha thứ. O'Dell nắc rở to, còn Roy Lee thì im lặng khắc khổ. Tag đổi chân tựa rồi lên tiếng: “Ông Van Dyke à, chúng ta có thể bàn thảo lại không? Ý tôi là có lẽ chúng ta không cần đưa sự việc này ra tòa ở Welch.”

Ông Van Dyke nhún vai. “Thôi được, nếu anh thật tình muốn vậy Tag ạ. Mặc dù chúng ta sẽ bị búa rìu dư luận dữ dội nếu chống lại luật pháp đấy.”

Tag chỉ ra cửa. “Sao mấy em không ra ngoài ngồi đợi một lát? Anh sẽ ra ngay. Đi đi.”

Chúng tôi từng đưa một đi ra và ngồi ở phòng ngoài. Chiếc máy đánh chữ trên bàn được phủ khăn cẩn thận và bàn giấy thì được sắp xếp gọn gàng. Ông Van Dyke lại mất thư kí. Người mới nhất chuyển tới từ Ohio, trong một tháng ở đây, nửa thời gian không làm việc thì cô ta đã có những giây phút vui vẻ như trên thiên đường trong phòng ngủ của Jake trước khi bị sa thải. Rốt cuộc, Jake bị ra lệnh không được hẹn hò với bất cứ thư kí nào của công ty nữa. Vợ ông Van Dyke cũng loan báo khắp Coalwood rằng lần mướn người sau, đích thân bà sẽ tuyển chọn. “Hãy để Jake chờ xem bà cô mà tôi thuê vào,” bà Van Dyke nói qua hàng rào. “Và cũng chờ xem đến khi nào ông Van Dyke hết chịu nổi bà cô ấy,” thông tin từ hàng rào phản hồi lại một cách thích thú.

Roy Lee ngồi lặng im, liếc nhìn O’Dell đang run rẩy thì thào vào tai tôi, thuật lại toàn bộ sự việc. Vào khoảng nửa đêm, hai đứa nó đến chuồng la. Tìm thấy một chiếc ổ khóa rỉ sét ở cửa sau, bọn nó lấy búa đập cho ròi ra sau đó cẩn thận đẩy cửa vào trong. O’Dell cầm đèn pin rọi khắp mấy ngăn chuồng trống rỗng, một mùi xưa cũ như từ cả trăm năm trước xộc lên. Ngay lúc đó thì sàn nhà mục nát sập ầm xuống, hai đứa ngã nhào xuống tầng hầm. Cả đàn dơi bay tung lên, toát loạn khắp nóc nhà rồi bay qua cửa sổ vào màn đêm lạnh giá, và rồi mọi thứ yên tĩnh trở lại. Không thoát ra được, hai đứa nó ngồi suốt cả đêm trong đó đến khi Tag tìm thấy chúng.

Cuối cùng Roy Lee cũng mở miệng. “Tớ ghét cậu,” cậu ấy nói với O’Dell. Rồi quay sang nhìn tôi. “Ghét cả cậu nữa.” Sau đó nó lại ngậm tằm.

Tag đi ra và dẫn chúng tôi vào trong. Cả bọn đứng cúi gằm mặt xuống trong ánh mắt sấm soi của ông Van Dyke. “Các cháu nghĩ mấy cái điện thoại cũ này đáng giá bao nhiêu?”, rốt cuộc ông hỏi.

Làm sao biết được, chúng tôi lầm bầm.

Ông đặt tay lên chiếc máy tính màu đen bằng sắt to tướng, gõ vài cái rồi kéo cần gạt, sau đó nhìn vào mảnh giấy kết quả. “Được rồi. Ta sẽ làm như thế này mấy nhóc ạ. Nếu bọn cháu muốn có mấy cái điện thoại này thì phải trả 25 dollar, cộng với 2 dollar cho cái ổ khóa và 10 dollar nữa cho cái tội không thông báo công ty về việc đột nhập vào chuồng la. Chúng ta sẽ chuyển việc này thành một cuộc giao dịch, cách bạn trẻ ạ, để lý lịch các cháu không bị hoen ố. Tag đã đứng ra để bảo vệ cho các cháu, chỉ có Chúa mới biết vì sao anh ấy làm vậy. Anh ấy bảo rằng bọn cháu không phải thuộc loại mấy đứa nhóc hay đổ nước xà phòng lên xe hơi của anh ấy và không đập vào thành xe hơi hù dọa mấy cụ già đi ngang trên đường. Nói tóm lại, anh ấy yêu cầu ta rộng lượng với các cháu mặc dù lý trí mách bảo ta phải nhân dịp này để dẹp ngay cái việc phóng tên lửa trong thị trấn. Rồi, vậy rốt cuộc các cháu muốn gì? Giao dịch hay lãnh án?”

“Còn bố mẹ của tụi cháu thì sao ạ?” tôi e dè hỏi.

Mắt ông Van Dyke xoe tròn ra ngạc nhiên đầy kịch tính. “Ta không bao giờ tiết lộ chi tiết của giao dịch với khách hàng nào khác cả!”

Và rồi BCMA đã giao dịch với ông Van Dyke. Chúng tôi được phép trả chậm 37 dollar này trong vòng 1 năm. Mặc dù chẳng biết phải kiếm tiền bằng cách nào, nhưng miễn là vẫn còn được tiếp tục chế tạo

tên lửa là tôi yên tâm rồi. “Tớ biết cách kiểm thật nhiều tiền đây,” O’Dell nói sau khi chúng tôi đã đi ra ngoài đường. Mặt cậu ấy sáng bừng lên. “Đúc sắt.” Nói rồi cậu đặt tay lên cạnh mũi, một dấu hiệu của sự lén lút, hay cũng có thể là lừa dối. “Đúc sắt, vào hè tới.”

“Cho tớ rút lui khỏi vụ này đi,” Roy Lee tuyên bố.

TRONG TẤT CẢ CÁC MÔN HỌC Ở LỚP 11, tôi yêu thích môn hóa học nhất, vì nó được giảng dạy bởi cô Riley. Cô tỏ ra rất nghiêm khắc, và không bao giờ để một ai làm cô xao lãng khỏi chủ đề dù chỉ một lần. Nhưng cô luôn có những câu nói đùa hóm hỉnh để giúp chúng tôi hưng phấn và trên hết là niềm say mê thật sự với môn học này của cô làm tất cả học sinh phải hoàn toàn chú ý. Chương trình nâng cao đưa chúng tôi làm quen với bảng tuần hoàn hóa học trong tuần đầu tiên. Đến tuần thứ hai, chúng tôi đã bắt đầu cân bằng phương trình hóa học. Nếu như có gì không hiểu, chúng tôi được khích lệ phải hỏi lại và cô sẽ kiên nhẫn quay lại từ đầu để giảng giải đến nơi đến chốn. Nếu như không ai đặt câu hỏi nào, cô sẽ xem rằng mọi người đã hiểu bài và tiếp tục giảng. Hằng đêm tôi dành 1 tiếng chỉ riêng để làm bài tập môn hóa, còn lại 3 tiếng để học tất cả các môn khác.

Mặc dù trường Big Creek chỉ cung cấp cho cô Riley một số dụng cụ sơ sài để diễn giải những gì chúng tôi học trong sách giáo khoa ra thực tế, nhưng cô đã tỏ ra cực kì sáng tạo. Một ngày nọ, cô dẫn chúng tôi ra sân bóng. Mặt sân đã trở nên hoang phế sau một mùa thu không sử dụng do đội bóng bị đình chỉ. Bãi cỏ héo úa và ngả sang màu nâu, những đường biên cũng chuyển sang màu vàng nhạt. Ngay đến khán đài và chỗ dành cho phóng viên dường như cũng bị lún xuống. Cô Riley rải xuống đất một ít bột trắng từ trong 2 cái túi giấy nhỏ mà cô mang theo rồi dùng muống gỗ trộn đều chúng với nhau. Lúc đó tôi đang đứng cạnh Dorothy. Đột nhiên, tôi ngỡ ngàng nhận ra nàng đã xích sát lại bên, nắm lấy tay tôi rồi tì ngực vào người tôi trong vài giây trước khi di chuyển ra chỗ khác để nhìn cô Riley rõ hơn. Tôi ngược lên và thấy Roy Lee đang đứng nhìn mình vẻ nghiêm nghị. Tôi đành nhăn răng cười trong ngượng ngùng.

“Đây là hỗn hợp của kali clorat và đường,” cô Riley nói. “Những gì chúng ta sắp thấy là biểu hiện của qui trình ôxy hóa nhanh. Quentin, nói cho mọi người biết về sự khác nhau giữa ôxy hóa nhanh và chậm xem nào.”

Dĩ nhiên Quentin nắm rõ bài tập về nhà. “Khi ôxy phản ứng với một nguyên tố trong một thời gian dài thì kết quả đạt được là sự ôxy hóa chậm, rí sét là một ví dụ điển hình nhất,” cậu phát biểu rất tự tin. “Nhưng khi ôxy phản ứng với một thứ gì đó ngay lập tức thì năng lượng sẽ được tạo ra dưới dạng ánh sáng và nhiệt.”

“Cảm ơn Quentin. Hỗn hợp giữa kali clorat và đường này sẽ minh chứng cho qui trình ôxy hóa nhanh.” Cô Riley quẹt một que diêm rồi thả vào đồng bột hình kim tự tháp đó. Ngay lập tức, một ánh lửa xẹt ra kèm theo một tiếng xì rồ to. Nguyên đám BCMA chúng tôi nhìn nhau, không cần nói lời nào vì tất cả đều đang có cùng một suy nghĩ. *Nhiên liệu cho tên lửa.*

Sau giờ học, tôi lên bàn giáo viên gặp cô Riley và chỉ vào nhúm kali clorat. “Em có thể lấy những gì

còn lại không ạ?” tôi hỏi. Tôi còn kể cho cô nghe về BCMA, phòng trường hợp cô chưa nghe nói về nó. “Chúng em xây dựng một căn cứ - Cape Coalwood - và tên lửa cũng đã đạt được một độ cao nhất định. Nhưng bọn em cần một loại nhiên liệu tốt hơn.”

“Em có suy nghĩ thêm về việc tham dự hội chợ khoa học không? Cô vẫn còn quản lý ủy ban đó.”

“Em không nghĩ bọn em đã sẵn sàng.” Tôi thành thật đáp. “Bọn em vẫn còn phải tìm hiểu thêm nhiều vấn đề, nếu có quyển sách về nó thì tốt quá.”

“Sách à.” Cô nghiêng đầu, suy nghĩ. “Không, cô không thể nói rằng đã từng thấy một cuốn sách nào chỉ dẫn việc chế tạo tên lửa. Nhưng cô sẽ tìm cho.”

“Cô sẽ giúp em thật à? Thật tuyệt quá. Nhưng ngay lúc này thì...” tôi chỉ về phía nhúm bột trên bàn.

Cô lắc đầu. “Xin lỗi em, cô chỉ có bấy nhiêu mà thôi. Dù gì thì kali clorat cũng không ổn định dưới tác động của nhiệt và áp suất, quá nguy hiểm để dùng làm nhiên liệu cho tên lửa. Thế bố mẹ các em nghĩ gì về BCMA?”

“Mẹ em chỉ nói là đừng có tự làm nổ tung mình thôi.”

Cô cười to, rồi nhìn tôi trầm ngâm cứ như tôi là một vật đánh đổ vậy. “Sao em lại chế tạo tên lửa?”

Cô thật gần gũi, dễ trò chuyện như với bạn bè. “Em nghĩ đơn giản là vì em muốn trở thành một phần trong đó - bay vào không gian ấy,” tôi nói với cô. “Mỗi khi họ phóng lên một cái gì đó từ Cape Canaveral, thì... em cảm thấy như mình muốn làm một cái gì đó để giúp đỡ. Nhưng em chẳng thể làm gì. Nếu như em có thể tự chế tạo tên lửa cho riêng mình...” tôi ngưng lại, chẳng hiểu là mình có đang nói nhăng nói cuội không nữa.

Cô đỡ lời: “Nếu như em có thể tự chế tạo tên lửa cho riêng mình thì em sẽ trở thành một phần trong đó. Cô cảm nhận được điều này. Đối với cô cũng vậy, như chuyện sáng tác thơ ấy. Đôi lúc cô phải tự làm thơ - dĩ nhiên là không hay rồi, cô biết vậy - nhưng nó giúp cô phần nào liên kết được với những bài thơ mà cô hằng tôn sùng. Em có hiểu không?”

“Em hiểu,” tôi đáp. Chưa bao giờ có thầy cô nào lại thổ lộ điều gì riêng tư với tôi một cách chân tình như cô Riley vừa làm, cứ như chúng tôi ngang vai vế vậy.

Cô cười với tôi không ngớt, trong lúc ấy, tôi cảm thấy như mình trở thành người quan trọng nhất trên thế giới đối với cô. “Cô cho em vài lời khuyên nhé. Đừng có tự làm nổ tung mình lên đấy. Cô nghĩ cô vẫn muốn có sự hiện diện của em trong lớp học này. Được chứ?” cô khuyên rất chân thành.

“Được! Ồ, ý em muốn nói là vâng, thưa cô.”

Quentin đang đứng chờ tôi ngoài hành lang. “Cô nói gì vậy?” cậu ấy hỏi.

“Cô không cho chúng ta nhúm kali clorát đó vì chúng quá nguy hiểm.”

Cậu vỗ vai tôi trấn an. “Không sao đâu. Kali nitrát cũng có đặc tính và số nguyên tử ôxy gần giống với kali clorát. Chỉ cần trộn diêm tiêu (kali nitrát) và đường lại thì chúng ta cũng sẽ có được phản ứng giống vừa rồi thôi.”

Quentin đặt chiếc cặp tài liệu xuống rồi lôi cuốn sách hóa học ra tìm công thức. “Kali Nitrát. KNO_3 . Có thành phần tương tự như kali clorát chỉ khác là nó có nguyên tử kali thay vì clo.” Nói rồi cậu ấy đặt tờ giấy lên tủ khóa và chép công thức xuống. “Tớ nghĩ nếu mình trộn nó với đường rồi thêm nhiệt thì sẽ được 3 phần ôxy, 2 phần cac-bon đi-ô-xít, kèm theo một vài chất phụ khác. Nói cách khác là rất nhiều khí sẽ sinh ra. Nó sẽ tạo nên một lực đẩy tuyệt vời.”

Có vẻ Quentin nói đúng. “Tối nay tớ sẽ thử nó,” tôi hứa.

Tôi về nhà, lục lọi dụng cụ trong tủ bếp của Mẹ và đem xuống hầm. Lần này, tôi trộn kali nitrát và đường, mỗi thứ một thìa xúp vào trong tách rồi dùng muống gỗ khuấy đều; sau đó đổ chúng vào trong lò đun nước bằng than. Thật hài lòng khi chứng kiến ngọn lửa bùng lên giống như thí nghiệm của cô Riley, chỉ khác là nó màu hồng thay vì màu xanh. Âm thanh, cường độ và thời gian của đợt cháy này có vẻ như hoàn toàn vượt trội so với những gì mà hỗn hợp thuốc súng đen trước đó tạo ra. Tôi tiếp tục trộn vài hỗn hợp nữa, điều chỉnh và ghi chú lại tỷ lệ nguyên liệu cấu thành.

Lúc Mẹ đang dựa vào hàng rào chuyện phiếm với bà Sharitz thì ống khói nhà chúng tôi đột nhiên mù mịt khói và tia lửa như một núi lửa nhỏ. Cả hai vội vã chạy xuống hầm ngay lúc tôi vừa bỏ vào lò một tách hỗn hợp khác. Tôi đóng sập cửa lò lại rồi nhìn họ cười bằng khuôn mặt ngây thơ... vô số tội. “Chào Mẹ, chào bà Sharitz.”

“Thấy chưa Elsie? Tôi đã bảo chị là Sonny đã đi học về rồi mà,” bà Sharitz bảo.

“Nếu biết được điều đó mà không phải nhờ tín hiệu khói bốc lên thì tốt biết mấy,” Mẹ làu bàu.

Tôi giải thích cho cả hai người về việc tôi đang làm, rằng tôi đã phải trộn hỗn hợp chất nổ đẩy và lùi lại sau mỗi lần cho một ít vào lò như thế nào. Bà Sharitz nhìn tôi biểu diễn và hoan nghênh hào hứng khi nhìn thấy tia lửa màu hồng bắn ra. “Đẹp quá đi mất!”

Mẹ thì tỏ ra mơ hồ. “Được rồi Sonny, Mẹ nhắc lại một lần nữa nhé. Đừng có tự làm mình nổ tung đấy. Nghe chưa?”

Tôi làm vẻ mặt chân thật nhất. “Vâng, con nghe rồi thưa Mẹ.”

Đêm đó, tôi đổ đầy thân chiếc tên lửa với hỗn hợp đường và kali nitrát. Hỗn hợp không được mịn cho lắm nên tôi không thể đổ chúng dễ dàng qua cái lỗ được mà phải vừa đổ vừa gõ gõ vào thành tên lửa để có thể cho chúng vào được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Bỏ về nhà và bắt gặp tôi. “Lại gì nữa đây anh

bạn nhỏ?”

“Hỗn hợp chất nổ đẩy mới thừa Bó,” tôi trả lời.

“Nếu nó nổ, cái nhà này sẽ bay lên cao bao nhiêu so với móng của nó vậy?”

“Chắc chỉ khoảng 3 đến 6 mét thôi ạ.”

“Cừ lắm,” Bó nói rồi bỏ đi. Tôi giật mình quay người lại nhìn theo ông. *Cừ lắm?*

Thứ bảy tiếp theo, BCMA tập hợp lại rồi xuống Cape để thử nghiệm. Lần này thì chúng tôi không loan báo rộng rãi vì chưa biết hỗn hợp chất nổ đẩy giữa kali nitrat và đường này có hoạt động hay không. *Auk IX* phóng lên với tiếng xì đạt tiêu chuẩn nhưng nhanh chóng phụt tắt và *roi tôm* xuống đất khi bay cao được khoảng hơn 30 mét từ bệ phóng. Chúng tôi nhặt nó đem về lô cốt để khám nghiệm. Khi tôi gõ vào thân tên lửa thì một ít mảnh vụn rơi ra. Hầu hết chất nổ đẩy đã cháy hết. Sherman ngửi ngửi rồi tuyên bố. “Thơm như mùi kẹo vậy.”

“Tên lửa kẹo ngọt!” O’Dell phụ họa theo, ra vẻ tự hào cho cái tên mới này.

“Nó có vẻ sản sinh ra rất nhiều khói nhưng lại cháy nhanh quá,” Quentin nhận xét. “Hỗn hợp rời rạc trong thân tên lửa có vẻ không chặt. Chúng ta phải nhồi thêm cho thật đầy vào.”

“Tớ có thể thử trộn thêm keo dán tem vào hỗn hợp lần tới,” tôi đề nghị.

“Đường rất dễ hòa tan,” Quentin vừa nói vừa cắn bờ môi mỏng manh của cậu ấy. “Nó sẽ giữ ẩm rất lâu đấy. Cậu có thể thử, dù sao thì kết quả cũng sẽ được thể hiện ở đây thôi Sonny ạ.”

“Dĩ nhiên rồi,” tôi đáp, cảm thấy hài lòng vì cuộc thảo luận của chúng tôi nghe có vẻ khoa học và chuyên nghiệp.

“Các cậu chẳng hiểu là các cậu đang nói cái quái gì phải không?” Roy Lee gắng hỏi.

Dù có lời phản đối sau vụ tai nạn ở chuồng la, Roy Lee vẫn hợp tác cùng chúng tôi. Quentin quắc mắt nhìn Roy Lee, còn tôi thì cười toe toét, vì tôi biết là cậu ấy cảm nhận đúng.

Chúng tôi phóng quả tên lửa kế tiếp vào cuối tuần kế tiếp. Lần này tôi đã bỏ thêm keo rồi đóng đầy vào chiếc tên lửa. BCMA giờ đã có thêm một thành viên mới. Tên cậu ấy là Billy, một bạn học cùng lớp và đang sống tại Snakeroot Hollow. Những đứa khác đang có vẻ hứng thú về việc gia nhập với chúng tôi nhưng Billy là người đầu tiên đưa ra yêu cầu này. Tôi rất vui vì có thêm cậu ấy. Billy chạy nhanh, và với căn cứ to lớn mà chúng tôi đang có được thì cậu ấy sẽ rất hữu dụng trong việc truy tìm lại mấy quả tên lửa. Ngoài ra Billy cũng thông minh, hơn cả tôi nữa nếu xét về thành tích học tập. Bó của cậu ấy đã bị sa thải vào năm 1957, nhưng gia đình Billy vẫn còn quanh quẩn cùng những người da đỏ trên Snakeroot. Sau lần hội họp với BCMA tại nhà tôi, Mẹ sắm soi quần áo Billy đang mặc rồi kéo

cậu ấy lại túm quần áo của tôi và mở cửa tủ ra. Kết quả là Billy lão đảo ra xe của Roy Lee để về nhà với đồng quần áo nặng trĩu trên tay.

Auk X từ bộ phóng, kêu lên xì xì, thải ra ít khói trắng vừa đủ làm rung bộ thăng bằng rồi một chất lỏng đặc như đường caramel ộc ra trước sự quan sát của chúng tôi. “Tớ đã hong cả tuần rồi mà nó vẫn ướt,” tôi nói.

Quentin lắc đầu. “Tớ đã cảnh báo cậu rồi mà. Đường quá dễ hòa tan.”

Auk XI chứa chất nổ kẹo ngọt bên trong, hỗn hợp chưa bị làm ướt, bay lên trong tiếng xì đạt tiêu chuẩn nhưng lại nổ tung, mảnh vỡ vi vút trên đầu trong khi chúng tôi bức bối giậm chân xuống đất trong lô cốt. Chúng tôi ra ngoài, vây quanh bộ phóng. “Phỏng đoán của tớ là chất nổ đẩy bị sập,” Quentin nói.

Phần thân tên lửa bị cong lại như vỏ chuối. Quentin giải thích thêm một ít lý thuyết. “Khi tên lửa bay lên, chất nổ đẩy quá lỏng lẻo nên bị đẩy ngược vào trong. Một lượng quá nhiều bị cháy cùng một lúc.”

“Cái miệng lỗ có lẽ bị nghẹt,” Billy nhận xét, một sự quan sát sắc sảo đối với lần đầu tiên cậu ra căn cứ.

Chúng tôi quay trở lại khám nghiệm quả tên lửa đầu tiên. Dòng chất lỏng trào ra bây giờ đã cô đặc lại. Tôi lấy que chọc vào đó rồi quả quyết: “Nó chẳng thể nào rót vào trong được.”

“Nhưng nó đã chảy ra, không biết nó còn cháy được không?” Sherman quan sát rồi nói.

Để xác định việc này, chúng tôi đem nó ra bộ phóng rồi châm ngòi. Nó chỉ xì xèo rồi bốc cháy. Ngay lúc này Sherman phát biểu một điều mà tất cả chúng tôi đều đang nghĩ tới. “Nếu chúng ta nấu chảy chất nổ kẹo ngọt trước khi bỏ vào thân tên lửa thì sao nhỉ?”

Lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi bắt đầu chế tạo tên lửa, tôi cảm thấy ngần ngại. “Tớ không biết nữa các cậu ạ. Nghe có vẻ như sẽ làm nổ tung đầu chúng ta mất.”

Mấy đứa bạn đứng quanh tôi, dăm chiêu nghĩ ngợi. “Nếu như chúng ta làm thật cẩn thận...” Billy mở lời.

“Nấu chảy từng chút một,” Sherman đề thêm vào.

“Này, tớ là người phải thực hiện đây. Và tớ nghĩ rằng nó chắc chắn sẽ nổ tung lên mặt mình thôi.” Tôi nói.

“Bọn tớ sẽ hỗ trợ cậu,” Roy Lee nói.

“Tớ sẽ chế mặt nạ bảo vệ với cái khiên và những thứ khác,” Matt O’Dell long lên khi phát biểu ý tưởng này.

“Không. Việc này quá điên rồ.” tôi phản đối.

Chúng tôi đứng thành một vòng tròn, chân sục vào lớp than cám. “Tớ thì vẫn kiên trì là chúng ta nên thực hiện nó,” Roy Lee khẽ nói.

“Cậu nghĩ sao, Quentin?” tôi hỏi.

Quentin nhún vai. “Việc này là quyết định của cậu Sonny ạ. Nó quả là việc mơ hồ, nhưng... mẹ kiếp. Nó sẽ là một chất nổ đẩy tuyệt vời đấy. Tớ chắc chắn là vậy!”

Một đêm trong tuần tiếp theo, Roy Lee cùng Sherman và tôi lên ngắm sao qua chiếc kính viễn vọng trên nóc nhà của Jake. Thời gian này NASA quyết định phóng vệ tinh *Pioneer 1* lên mặt trăng, nó khá nhỏ và chỉ nặng 17kg. Đây là lần thử nghiệm đầu tiên của nước Mỹ nhằm vươn tới mặt trăng nên tất cả chúng tôi đều rất hào hứng. Bọn tôi biết rằng chẳng thể nào trông thấy được vật thể nhỏ bé như vậy nhưng dường như sẽ cảm giác được ở gần nó hơn từ cái mái nhà này. *Pioneer 1* vạch một vòng cung lửa điện trên không trung đến khoảng 6.000 dặm, chưa đến một phần tư quãng đường, thì mất đà rồi rơi ngược trở xuống, bốc cháy trên tầng khí quyển của trái đất.

Báo chí gọi *Pioneer 1* là một thất bại, nhưng đối với chúng tôi - những người con của các thợ mỏ Coalwood đang đứng trên nóc nhà của Club House này - thì không. Khi Jake xuống phòng, cả bọn vẫn tụ tập trên nóc nhà và bàn luận về mặt trăng, đoán xem thật sự nó như thế nào. Thỉnh thoảng nhòm vào ống kính viễn vọng xem có sự thay đổi nào về nó hay không.

Thật ra, từ khi chúng tôi đề tâm tới vấn đề này thì mọi khái niệm về mặt trăng đã thay đổi. Chúng tôi phóng đi một chiếc phi thuyền nhỏ, vượt qua khỏi giới hạn vật lý của nó; vượt qua những rặng núi cheo leo, qua khỏi những sự lừa dối và nước mắt của những phản đối gay gắt ban đầu; ngưỡng mộ những miệng núi lửa, *những vùng tối* và những ngọn núi của mặt trăng. Vậy thì một ngày nào đó, tôi tự nhủ rằng chúng tôi sẽ đến đó. Không phải chỉ là nhân loại nói chung mà chính là chúng tôi, những cậu bé đang đứng trên nóc nhà này; nếu như chúng tôi học hỏi đến nơi đến chốn và có đủ sự dũng cảm. Vì thế, từ trên nóc nhà này, tôi quyết định rằng bọn tôi sẽ nấu chảy đường và kali nitrat.

11. CHẤT NỖ KEO NGỌT

Auk XII - XIII

VÀO SÁNG THỨ BẢY, tôi bắt đầu kéo dây điện từ tầng hầm lên bậc thang ra tới ngoài sân sau, xuyên qua hàng rào ra ngõ sau nhà. Ở đó, đối diện với gara xe là chiếc bàn ăn ngoài trời cũ kĩ. O'Dell đã chắp vá một lá chắn tạm bợ cho chúng tôi - những chiếc mũ bóng chày dán thêm lên phần lưới trai một miếng nhựa trong hình vuông được nhặt về từ một thùng rác, che phía trước mặt. Ngoài ra tôi còn khoác thêm chiếc áo thủy thủ còn lại từ hồi Thế chiến thứ 2 của bác Joe và đeo đôi găng tay mùa đông để tăng thêm sự phòng vệ. Dụng cụ cho lần này còn có chiếc bếp hâm và nồi được trưng dụng từ tủ bếp của Mẹ, tôi nghĩ rằng bà sẽ không nhận ra sự mất tích này trước khi tôi hoàn trả chúng về vị trí cũ.

Bề mặt bếp hâm dần nóng đỏ lên và mấy đũa khác đứng lúi lại khi tôi rắc kali nitrat vào nồi. Vừa rắc tôi vừa lầm bầm cầu nguyện cho nó đừng nổ tung vào mặt mình. Một vài giọt chất lỏng hình thành rồi sôi lên và bốc hơi mất. Thấy vậy, tôi như có động lực hơn và tiếp tục múc một muống kali nitrat bỏ vào nồi, khuấy đều nó bằng chiếc muống gỗ (cũng “mượn tạm” của Mẹ). Một vũng chất lỏng trong veo được tạo thành và O'Dell (cũng đang đội mũ bảo hộ tự chế, áo khoác và găng tay như tôi) đổ thêm kali nitrat vào đến khi dung dịch sôi lục sục trong nồi, cao chừng 2,5cm. “Rồi, bây giờ cho đường vào đi,” tôi thì thào, có vẻ nỗi lo sợ làm cổ họng tôi khô cứng cả lại.

O'Dell đứng né người ra phía sau rồi xúc một ít đường đổ vào nồi. Nhưng chẳng có gì xảy ra ngoài việc mấy hạt đường nhanh chóng bị hòa tan và một mùi ngọt lịm như kẹo vanilla mềm từ trong nồi bốc lên. Như được khuyến khích, cậu ấy đổ thêm đường vào, còn tôi thì liên tục khuấy đều đến khi hỗn hợp trong nồi chuyển thành chất lỏng sền sệt màu trắng đục.

“Tớ suýt sồn ra quần đấy,” Roy Lee thở phào nhẹ nhõm. “Nó không phát nổ rồi.”

“Đừng có nói bậy,” tôi quát, mồ hôi rỉ vào mắt cay xè. “Cầu nguyện đi.”

Sherman đội mũ bảo hộ tự chế vào, đặt ngược phần thân tên lửa *Auk* lên bàn rồi nói. “Chúng ta cần một cái phễu.”

Roy Lee lãnh nhiệm vụ đi tìm và trong lúc lục lọi tủ bếp thì bị Mẹ tôi bắt gặp. “Chào cô Hickam,” cậu ấy vừa nói vừa ngượng ngùng cười. “Sonny muốn lấy cái phễu.”

Mẹ nhìn cậu ấy với ánh mắt dò xét. “Cô chỉ biết có một cái nằm trong gara, bố Sonny thường dùng để thay dầu cho chiếc Buick của ông ấy. Nó cần phễu để làm gì vậy?” Nói rồi Mẹ phát hiện ra sợi dây điện kéo dài từ nhà ra ngoài sân. “Mấy đũa tụi cháu đang làm cái gì thế này?”

“Dạ, nấu chảy nhiên liệu tên lửa ạ.”

Mẹ cầm cái phễu đi vòng qua gara, rồi bà ngửi thấy mùi của dung dịch. “Nghe có vẻ giống mùi kẹo mềm nhỉ.” Lúc bà xuất hiện, bọn tôi như tê cứng người lại. “Không có gì đâu, cứ tiếp tục làm đi,” bà thở dài nói.

Roy Lee nhẹ nhàng đón lấy chiếc phễu ra khỏi tay Mẹ rồi cắm vào thân chiếc *Auk*. Tôi nhắc nôi lên, cẩn thận nghiêng nó để chất nổ kẹo ngọt chảy xuống phễu. Nhưng nó không chảy vào trong thân tên lửa được mà ngập ú ở miệng phễu. Mẹ vội vã quay vào trong gara và đem ra một cọng rơm dài bứt từ cây chổi cũ. “Đây này,” Mẹ nói rồi thọc mạnh vào dung dịch nằm trong phễu.

“Mẹ!” tôi la lên phản đối và Roy Lee kéo bà tránh xa ra. Lỡ như thứ này bốc cháy thì Mẹ thậm chí còn không được bảo vệ bởi mấy cái lá chắn chắn vá của bọn tôi, quá nguy hiểm.

Roy Lee đưa Mẹ về gara còn O’Dell thì cầm cọng rơm làm thay bà. Thật tuyệt, nó quả là hữu dụng, đám dung dịch đặc sệt từ từ chảy vào trong thân tên lửa. “Tốt hơn hết là dùng một chiếc que thủy tinh,” Sherman góp ý cho lần thực hiện sau.

Chỗ dung dịch này chỉ đủ cho một nửa thân tên lửa nên chúng tôi quyết định làm thêm một ít nữa. Nhưng đó là một quyết định cực kì sai lầm. Do trong nôi còn một lớp mỏng của dung dịch vừa pha trước đó, nó đã khô và đọng lại dưới đáy. Rồi trong một tiếng “bốp” vang lên, nó phát nổ.

“*Ôi da!*” Tất cả chúng tôi đều bật lùi lại. Cái nôi bị hất tung lên trời. Một luồng hơi bốc lên từ đám bột đang sôi sùng sục mù mịt khắp ngõ sau như cột khói tín hiệu của thổ dân Da Đỏ.

Lúc đó, một toán công nhân trên đường tới mỏ đi ngang qua tò mò dừng lại theo dõi. “Chào Elsie,” một trong số họ gọi Mẹ tôi. “Chị đang dạy mấy đứa trẻ này nấu ăn à?”

Vừa cười hô hô, vài người trong số họ vừa túm tụm tiến đến gần hơn, trong tay là mấy hộp cơm trưa linh kinh, mũ bảo hộ thì quàng sau đầu và ống quần nhét lủng nhùng trong đôi giày đinh. Tôi nhận ra họ là toán thợ Bô thuê tạm từ Anawalt để phá nổ một nền đá to vạt vĩa xuất hiện ngay trên đường vào khu mỏ mới. Họ đang trọ tại một ngôi nhà ở New Camp, một khu trong thị trấn. “Mấy đứa nhóc chúng mày ngu ngốc thế?” một gã thốt lên, miếng thuốc lá nhai khá to còn còn căng phồng trong má.

Mẹ cau mày. “Đi làm việc đi. Mấy đứa nhóc này không ngu ngốc đâu. Chúng là những nhà khoa học đấy. Tôi nói *biến* ngay đi nhé!”

Đám công nhân vừa cười vừa lục tục bỏ đi, một loáng sau chỉ còn lại chúng tôi và Mẹ. Cả cơ bắp trên cơ thể tôi ra lệnh mình phải *bỏ chạy* ngay đi, và mấy đứa khác cũng có vẻ chuẩn bị nhón gót tẩu tán mặc dù vẫn đang đứng trơ tại chỗ. Mẹ tiến đến, nhặt cái nôi lên rồi lặng lẽ quan sát. “Mẹ nghĩ nếu con rửa sạch nôi sau khi trộn lẫn hỗn hợp thì nó sẽ không phát nổ đâu.” Sau đó Mẹ gõ gõ lên những chiếc mũ bảo hộ tạm bợ, giật giật áo khoác và xem xét găng tay của chúng tôi. “Dời cái bàn đó ra xa khỏi gara đi. Các con chẳng muốn đốt cháy chiếc Buick của Bố đâu, phải không.” Rồi bà quay nhìn tôi. “Còn con thì đi mua cho mẹ cái nôi mới.”

“Vâng thưa Mẹ.”

Bà lần lượt nhìn từng đứa trong bọn tôi. “Mẹ quá mệt mỗi khi phải nhắc lại điều này rồi đấy: Đừng có tự làm mình nổ tung lên nghe chưa!”

“Tụi con sẽ ghi chép lại mọi thứ như công thức nấu ăn, Mẹ ạ,” tôi cố trấn an bà. “Rửa cái nồi, dọn dẹp mọi thứ đi trước khi tụi con nấu lại một mẻ khác.”

“Chắc chắn rồi thưa cô,” mấy đứa khác nhao nhao nói theo, chân di tới di lui trên mặt đất. Cả bọn vẫn chưa chắc rằng có thoát khỏi rắc rối to với Mẹ sau việc này hay không.

“Cái này sẽ làm cho tên lửa của tụi con bay tốt hơn chứ hả?” bà hỏi.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Cả bọn đang hoảng sợ thật sự. “Có lẽ vậy” đó là tất cả những gì tôi có thể thốt lên.

VÀO MỘT BUỔI TỐI NỌ, thay vì chễm chệ ngồi thư giãn trên ghế bành xem tivi như thường lệ thì Bố bất thần mở cửa vào bước vào phòng tôi. Ông bắt gặp tôi đang ngồi nghĩ vẩn vơ về thiết kế của chiếc tên lửa có khả năng bay tới mặt trăng trong khi cả đồng bài tập nhà đang chờ đợi. “Bố nghe Mẹ nói con đang muốn trở thành một kỹ sư hả,” ông nói.

“Con không rõ lắm là kỹ sư phải làm gì,” tôi đáp. “Con chỉ biết rằng mình muốn chế tạo tên lửa thôi ạ,” tôi bổ sung thêm, hòng ngăn chặn trước nguy cơ của một cuộc tranh luận sẽ nổ ra.

“Có rất nhiều điều để đề cập tới kỹ sư nói chung hơn là chỉ riêng về tên lửa,” giọng Bố có vẻ khàn đục. Ông dang hắng cho giọng dịu lại, cầm bản vẽ của tôi lên rồi liếc sơ qua. “Nếu như con muốn trở thành kỹ sư thì trước hết con phải hiểu rõ họ phải làm gì để kiếm sống.” Nói rồi Bố đặt bản vẽ trở lại bàn và nhìn một lượt khắp phòng tôi, đây là lần đầu tiên ông làm như vậy. Ông dừng lại một lúc lâu ở mấy cái thân tên lửa *Auk* đang để trên nóc tủ quần áo. “Mấy vụ chế tạo tên lửa ở Cape Canaveral chỉ giới đột tiền của người đóng thuế để hù dọa bọn người Nga thôi. Một người kỹ sư thực thụ phải làm ra cái gì đó để sinh lợi cho đất nước của họ.”

“Vâng thưa Bố.” Tôi nghĩ đơn giản rằng nếu đồng tình ngay với Bố thì sẽ có thể làm ông rời khỏi phòng.

“Việc đầu tiên bây giờ là bố sẽ nói cho con biết một người kỹ sư phải làm gì,” Bố nói.

Sau đó Bố bắt đầu kể cho tôi về những kế hoạch của ông. Mọi thứ đều rất hoành tráng, tôi cứ nhìn ông và há hốc mồm ra. “Bố nói thật chứ?” Tôi cảm thấy tự đắc. Đây là điều mà Bố chưa bao giờ yêu cầu anh Jim làm cả.

“Thật. Đến lúc con phải nhìn nhận được thực tế về cái thị trấn này rồi đây.” Bố bảo.

BASIL có mặt tại buổi phóng tên lửa tiếp theo và đứng ghi chép lia lịa vào cuốn sổ tay của anh. Phản hồi mỹ mãn từ các bài báo trước làm anh quyết định đăng cho chúng tôi một phóng sự dài kỳ. Nhờ bài báo và những bảng thông cáo của chúng tôi nên hôm nay có đến 50 người đang có mặt ở đây để theo dõi lần phóng này. Tôi hy vọng rằng sẽ không làm cho họ phải thất vọng. *Auk XII* chễm chệ trên bệ phóng, nó được chế tác theo thiết kế tốt nhất cho đến thời điểm này, nhưng còn về chất nổ kẹo ngọt được nấu chảy đang nằm bên trong sẽ hoạt động như thế nào thì chúng tôi hoàn toàn mù tịt. Tôi thì e ngại, còn Quentin thì rất chắc chắn về vụ nổ. “Ít nhất là phải tốn 3 quả tên lửa cho lần thử nghiệm này trước khi chúng ta có thể tìm ra được hỗn hợp đúng đắn nhất,” cậu ấy phỏng đoán. Sherman đi xuống đường để nhắc nhở mọi người hãy đứng lùi ra xa, tốt nhất là nấp đằng sau mấy chiếc xe hơi và xe tải của họ. Lúc này Buck và mấy tên cầu thủ cũng có mặt, bọn chúng lặng lẽ đứng thành nhóm riêng với vẻ mặt rầu rĩ.

Nhưng chỉ có bọn cầu thủ là như vậy thôi, những khán giả còn lại đều tỏ ra rất hân hoan. “Tiến lên nào, Big Creek,” một số người hô hào cứ như đang cổ vũ cho đội bóng vậy. Sau đó chúng tôi giương cao lá cờ của BCMA lên và mọi người bắt đầu hát vang bài ca truyền thống của trường. “*Tiến lên nào màu xanh và trắng, chúng ta hoàn toàn xứng đáng cho cuộc chiến đêm nay! Hãy giữ chặt quả bóng và chạm đến vạch chiến thắng, mọi ngôi sao của Big Creek sẽ tỏa rực sáng ngời...*”

Trước đây tôi chưa từng biết cảm giác của người nhận lấy sự cổ vũ từ bài hát này, nhưng bây giờ thì tôi đã được nếm trải, thật tuyệt. Một tên cầu thủ hét lên nhạo báng gì đó nhưng chẳng ai để tâm, mọi người vẫn hát vang. Tiếp đó mấy cô bạn trẻ hô vang khẩu hiệu như các hoạt náo viên thường làm: “Tiến lên, những cậu bé hỏa tiễn, tiến lên nào!” Lúc này Buck và đám cầu thủ đã không còn chịu đựng được nữa, chúng tỏ vẻ phẫn nộ, chui vào xe rồi phóng thẳng.

Đây cũng là lần tiên mà chúng tôi sử dụng hệ thống châm ngòi bằng điện. Tôi chập dây điện vào bình ắc-quy của xe hơi (một chiếc bình cũ được O'Dell thu lượm trong kho phế liệu từ thời chiến tranh) và *Auk XII* phóng lên trời rồi là là rơi xuống. *Quentin chạy ra khỏi lô cốt, lóng ngóng với phát minh mới mà cậu gọi là “máy kinh vĩ”*^[29]. Nó được “chế tạo” từ cán chổi với một đầu được gắn thước đo góc nằm ngược, đầu kia gắn cây thước thẳng có thể xoay vòng quanh một chiếc đinh. Cậu ấy cầm nó xuống bãi than cảm rồi quỳ xuống nheo mắt nhìn dọc theo cây thước thẳng nhắm vào chiếc tên lửa đang bay lên với một đụn khói xả ra từ đáy trắng xóa trên nền trời xanh trong. Xuôi theo chiều cao mà *Auk* đạt được, *Quentin* nhìn vào con số lấy được từ thước đo góc rồi đọc to lên và rút chiếc bút chì đang giắt trên vành tai xuống, hí hoáy ghi lại kết quả trên miếng giấy. Nếu như chiếc máy kinh vĩ này thật sự hoạt động hiệu quả thì nhờ vào lượng giác, chúng tôi sẽ tính ra độ cao tên lửa đạt được.

Đuôi khói của *Auk XII* vẫn phụt ra ào ạt ngay khi nó mất dần động lực và bắt đầu rơi xuống. Đến khi đâm sầm xuống bãi đất thì nó vẫn tiếp tục xì khói mù mịt. Trong khi khán giả cổ vũ hò reo nồng nhiệt, chúng tôi đuổi theo chiếc tên lửa và quan sát những đợt bốc cháy xì xèo cuối cùng của chất nổ kẹo

ngọt. Tôi nhận ra ngay nguyên do làm tên lửa mất đi lực đẩy: “Cái miệng tên lửa đã bay mất,” Tôi bảo với mọi người. “Chắc hẳn nó đã bị nổ bay ra mất rồi.”

Chúng tôi tụm lại quan sát tỉ mỉ hơn thì thấy mỗi hàn vẫn còn nguyên vẹn nhưng phần giữa của miệng tên lửa thì bị tiêu mất rồi. Quentin bước từng bước về phía bọn tôi. “Ba trăm bốn mươi tám,” cậu ấy dừng đếm ở bước chân cuối cùng. “Tớ ước chừng 84cm cho chiều dài mỗi sợi chân. Vậy tính ra khoảng 292m.” - Quentin nhẩm nhanh ra. Nói rồi cậu ấy lướt dọc ngón tay lên bìa sau cuốn sách lượng giác của Jake để tìm công thức. “Xem nào, tang của góc 40 độ là khoảng 1.84. Cứ cho là 1.8 đi. Nhân với chín trăm sáu mươi...”

Chúng tôi nóng ruột đợi kết quả tính nhẩm của Quentin. Nhưng không lâu sau thì cậu đã cho biết. “231,5 mét!”

O’Dell hú lên và nhảy múa.

Auk XIII sau đó cũng rời khỏi bệ phóng trong khói bụi mù mịt như quả tên lửa “tiền bối” của nó. Chất nổ kẹo ngọt quả rất nóng. Quả tên lửa nghiêng qua một bên, xịt ra đám khói trắng rồi phóng lên trời. Khi rơi xuống, nó biến mất sau bụi cây dày đặc. Chúng tôi còn nghe rõ được tiếng nó đâm vào cành cây rồi rơi xuống. Cái cây sồi “nạn nhân” đó rụng rơi đầy những chiếc lá vàng như đang vẫy gọi chúng tôi. *Đến đây lấy nó đi, quả tên lửa đang ở đây này.* Trong lúc nhảy múa cuồng loạn thì O’Dell đã vô tình làm đổ cái máy kinh vĩ của Quentin nên chúng tôi không lấy được chiều cao của quả tên lửa này, nhưng rõ ràng là nó không bay cao bằng *Auk XII*. Khi chúng tôi tìm lại được nó thì cũng tương tự: miệng tên lửa đã bị tiêu mất. “Có lẽ nó không chịu nổi nhiệt độ này,” Billy nhận xét.

Tôi quan sát miệng tên lửa rồi kết luận: “Các cậu biết sao không? Theo tớ thì nó bị gặm mòn mất rồi.”

“Sự ôxy hóa nhanh!” Quentin búng tay quả quyết. “Sonny của tớ! Cậu quả thật nhạy bén! Lẽ ra tớ phải nhận ra điều này rồi chứ nhỉ! Giống y như những gì xảy ra trong tiết học của cô Riley. Nhiệt kết hợp với luồng khí ôxy thổi vào liên tục - mọi việc rõ rồi đấy. Các cậu ạ, bây giờ cái chúng ta cần ở đây là một chất liệu có thể vừa chịu được nhiệt *và cả* sự ôxy hóa nữa.”

Khi chúng tôi xuống núi với quả tên lửa trong tay, tất cả khán giả đã ra về, nhưng Buck và đồng bọn lại quay trở lại. Bọn chúng đang tụ tập tại lô cốt, tháo banh nó ra, từng miếng từng miếng một bằng những cái móc lớp.

Cả bọn tôi gầm lên và lao về phía chúng.

“Nào, vào đây nào, lũ bé gái thoái hóa kia!” Buck hét lên, mặt đỏ như gấc.

Dẫu biết rằng chúng tôi chẳng thể nào đánh lại bọn nó, nhưng phải làm điều gì đó chứ. Tôi lượm một cục đá lên, mấy đứa kia cũng hòa theo như vậy rồi đồng loạt ném vào chúng. Cuộc tổng tấn công đó hầu hết đều trượt mục tiêu nhưng ít nhất cũng làm chúng né tránh một cách vất vả. Sau đó bọn chúng lao vào giáp lá cà, và chúng tôi hiểu như thế là tiêu rồi... Ngay lúc đó, may mắn thay tiếng còi xe từ

chiếc Mercury của Tag Farmer vang lên, anh đang lái vào bãi than cám. Trong khi cả đám hỏa tiễn chúng tôi và lũ cầu thủ chết đứng ở đó thì Tag nhàn nhã bước ra khỏi xe, mũ quân cảnh vắt vẻo sau gáy, anh cất giọng lè nhè hỏi. “Vụ gì đang xảy ra thế, mấy nhóc?”

“Không có gì cả,” tôi đáp. Tôi không định khai Buck ra, con trai Coalwood không bao giờ hành xử như vậy cả. “Bọn em chỉ đang định dọn dẹp căn cứ thôi ạ.”

Tag hát hàm về phía Buck và mấy thằng đồng bọn, tay chúng vẫn còn nắm chặt nắm đấm với những cái móc lốp. “Bọn nó đang giúp em thật à?”

“Vâng ạ.”

Tag từ tốn bước lại lô cốt, dăm chiêu nhìn vào mấy mảnh ván đã bị giật tung ra. “Buck?” Giọng anh nhẹ nhàng.

Buck ngoan ngoãn tiến lại phía anh cảnh binh. “Vâng, thưa anh?”

“Em là thợ mộc à?”

“Không... không thưa anh.”

“Vậy đến lúc phải tập làm rồi đây. Có vẻ vài tấm ván đã bị bung khỏi cái lô cốt này.”

“Vâng thưa anh.”

“Em sửa nó lại được chứ hả?”

“Vâng ạ.”

Tag gật gù. Buck khom người nhặt mấy tấm ván lên. Tôi bước lại đưa cho hắn cây búa (chúng tôi luôn đem theo hộp dụng cụ) và hắn bắt đầu làm việc. Tag cười thầm rồi loanh quanh ở đó đến khi mọi người rời khỏi.

SÁNG CHỦ NHẬT, tôi giả vờ ngủ nướng (một phần trong kế hoạch của Bố đưa ra nhằm tránh mọi phiền phức có thể xảy ra). Mẹ xô cửa phòng bước vào la toáng lên. “Dậy mau, kéo con trể tiết học ngày Chủ nhật mất!”

Tôi không định nói dối với Mẹ nhưng sau đó tôi nghĩ lại, vì như vậy tốt cho bà. “Con mệt quá Mẹ ạ, có nhiều bài vở và nhiều thứ khác quá. Mẹ làm ơn cho con nghỉ hôm nay nhé? Chỉ hôm nay thôi được không?”

Mẹ quay lưng bước ra khỏi phòng rồi nói vọng lại. “Nếu con quyết định làm một kẻ ngoại đạo thì mẹ

đâu là gì để cấm cản con?” Rồi bà hồi thúc Jim ra khỏi phòng tắm để chờ bà tới nhà thờ. Jim nói vọng ra rằng anh mới chỉ ở trong nhà tắm vài phút thôi mà. Nhưng tôi biết ngay rằng Jim chải chuốt cũng đã ít nhất là cả giờ đồng hồ rồi.

Chờ cho Mẹ và anh Jim khuất bóng, tôi lững thững tiến về nhà than, Bố đang đợi tôi ở đó. Người tôi như run lên vì phấn khích. Tôi đã sống ở Coalwood cả đời rồi nhưng chưa bao giờ được đến nơi mà Bố sắp dẫn đi. Tôi sắp được vào hầm mỏ! Và sự thật hùng hồn là Bố yêu cầu dẫn tôi chứ không phải dẫn Jim, điều này càng trở nên trang trọng hơn trong suốt cả tuần qua mỗi khi tôi nghĩ về nó. Bố “soi” tôi kỹ lưỡng từ đầu đến chân khi tôi bước vào văn phòng của ông. “Con chắc là không hé răng với Mẹ một lời nào phải không?”

“Không đâu thưa Bố!” Tôi đồng dạc đáp lại.

“Tốt. Sau khi xong việc thì bố sẽ tắm rửa sạch sẽ cho con, không lưu lại bất cứ tí vết nào để Mẹ biết đâu.”

Tôi nghi ngờ về tính khả thi của kế hoạch này nhưng vui vẻ chấp hành. Nói cho cùng thì Bố rõ ràng hiểu Mẹ hơn tôi mà. “Lại đây nào,” Bố vẫy tay gọi tôi lại và trải tấm bản đồ khu mỏ lên bàn. Sau đó ông chỉ tay vào một đường đen sì ngoằn ngoèo chạy ngang bản đồ. “Đó là vỉa than Pocahontas Số 4, mỏ than mềm tốt và tinh khiết nhất trên thế giới đây. Những đường kẻ này biểu thị cho những đường hầm mà chúng ta đã đào qua trong quá trình khai thác.” Tiếp đó Bố mở ngăn kéo và lôi ra một tấm biểu đồ khác. “Đây là biểu đồ nhìn ngang của một vỉa than đặc trưng. Than bị phủ lên trên bởi đá phiến sét (loại đá mềm dễ vỡ thành những mảnh mỏng, bằng phẳng), hay còn gọi là đá trần. Còn ở dưới là đá nền. Những kỹ sư phải biết cách giữ cho đá trần không bị sập xuống và di dời đá nền để thông lối đi.

“Làm kỹ sư trong hầm mỏ cần rất nhiều kinh nghiệm và biết tính toán kỹ lưỡng,” Bố vừa nói vừa nhìn vào mắt tôi. Tôi nghĩ rằng ông muốn tìm trong đó một dấu hiệu cho thấy tôi đang hiểu những lời ông nói. “Mạng sống của những công nhân làm việc ở dưới đó phụ thuộc hoàn toàn vào các tính toán đúng đắn của kỹ sư ngay từ đầu. Không phải như những tên chế tạo hỏa tiễn - mấy nhà khoa học điên khùng người Đức ấy - chỉ biết quăng đại mấy thứ lên trời rồi ngóc mỏ chờ xem chúng có hoạt động hay không.”

Tôi cố nén lòng không phản ứng lại định kiến của Bố. Ông tiếp tục giảng giải. Công ty than sử dụng hệ thống khối. Mỗi khối dài khoảng 27 mét và rộng chừng 23 mét và được qui hoạch lại từng cụm gồm 4 khối. Sau đó các khối đó được máy khai thác than tự động lần lượt đào lên đến khi chỉ còn khoảng 4,5 mét vuông. Những khối còn lại đó được gọi là cột, nhưng sau cùng cũng sẽ bị khác thác nốt. Trong suốt quá trình đó, các cột chống, then cài và giàn đỡ của phần mái phải được tính toán kỹ càng để đảm bảo giữ vững được cho trần không sụp xuống.

Rồi Bố chuyển qua đề tài ưa thích nhất của ông: hệ thống thông gió xuyên suốt hầm mỏ. “Nếu không khí bị ngừng đối lưu thì khí mê-tan rò rỉ ra từ than sẽ ngày càng dày đặc và chỉ cần một tia lửa xẹt ra thôi thì cả khu mỏ sẽ nổ tung. Để đề phòng, chúng ta phải sử dụng hệ thống áp suất. Những cái quạt gió

sẽ làm tăng áp suất trong hầm mỏ lên cao hơn trên mặt đất một chút. Hệ quả là khí mê-tan sẽ tràn ra ngoài qua những ống thông gió.”

“Bố thiết kế ra hệ thống này à?” Tôi hỏi.

“Bố đã làm phần lớn,” Bố đáp, mắt liếc xuống bản vẽ của mình.

Tôi cảm thấy mơ hồ khó hiểu về điểm này. “Vậy ra Bố là kỹ sư à?”

Bố đột nhiên lái qua luật lệ. “Không. Một kỹ sư phải có bằng cấp hẳn hoi.”

Tôi quyết định sử dụng phương pháp suy luận diễn dịch của thầy Hartsfield. “Jake Mosby là một kỹ sư,” tôi nói.

“Đúng.”

“Bố biết về việc khai thác mỏ nhiều hơn anh ấy.”

“Cũng đúng luôn.”

Tôi nhún vai. “Vậy Bố cũng là kỹ sư chứ còn gì nữa, đúng không ạ?”

Bố lắc đầu. “Sonny, cần phải có bằng cấp từ trường đại học để trở thành kỹ sư thực thụ. Bố không có một mảnh giấy lộn nào cả, nghĩa là chẳng bao giờ điều đó trở thành hiện thực với Bố.” ông nói và nhìn tôi suy ngẫm. “Nhưng con thì có thể.”

Không biết nói gì nên tôi cũng chẳng trả lời, chỉ dán mắt vào mấy tấm biểu đồ. “Mấy cái này thú vị quá,” tôi thật lòng thốt lên.

Bố dẫn tôi vào nhà tắm, mở tủ của ông lấy cho tôi bộ đồ áo liền quần, đôi giày đinh, mũ bảo hộ màu trắng và dây lưng đựng dụng cụ bằng da. Lúc cùng Bố ra thang máy, ông chỉ cho tôi cách kẹp đèn lên mũ. Khi có gắn đèn, chiếc mũ trở nên nặng nề hơn rất nhiều. Tôi phải quay qua quay lại cho quen dần với sức nặng của nó đến khi cảm thấy thoải mái hơn. Bố nhìn tôi dò xét một lượt rồi chỉnh sửa lại cái mũ, thắt lưng đến khi cái nút nằm chính tề ngay đằng trước và cục pin thì kẹp ngay bên hông phải. Tôi cảm giác như mình là một chú lính đang chuẩn bị duyệt binh vậy. “Rồi, con nhìn giống một quân đốc mỏ thực thụ rồi đây,” Bố cất tiếng sau một lượt kiểm tra nữa. “Đi nào.”

Người gác thang máy đẩy cánh cửa sang một bên cho tôi đặt bước chân đầu tiên trong đời mình lên sàn gỗ của nó. Tôi chợt nhớ lại những khoảnh khắc của thời ấu thơ khi chứng kiến từng người thợ mỏ biến mất vào trong bóng tối. Bây giờ thì đến lượt tôi rồi! Tôi cảm thấy rõ tim mình đập nhanh hơn. Những tấm ván lót sàn đặt cách xa nhau đến nỗi tôi có thể thấy được những gì ở giữa chúng mặc dù dưới đó chỉ là một khe vực đen kịt mà thôi. Bất chợt tôi cảm thấy sợ rằng hai bố con sẽ bị rơi ào xuống dưới mất. Rốt cuộc tôi cũng nghe 3 hồi chuông báo hiệu thang máy sắp được thả xuống. Tôi hít một hơi sâu,

khò khè. Cuộn dây treo thang máy bắt đầu kêu lên kêu kệt và chúng tôi đang rơi xuống một cách nhanh chóng, ruột gan tôi như muốn trào lên cổ. Bất giác tôi chộp lấy tay Bố nhưng rồi buông ra ngay trong sự ngượng ngùng. Nhưng ông chẳng nói gì cả, rồi tôi chú tâm nhìn vào mấy cục đá dính trên đường hầm lứt ngang qua mặt mình. Mấy người công nhân đã đào đường hầm này hoàn toàn bằng tay, nhưng tôi chẳng thể tưởng tượng được họ đã làm như thế nào. Lũ trẻ bọn tôi phải mất cả ngày chỉ để đào một cái hố nhỏ để dựng lô cốt ở Cape Coalwood.

Xuyên qua kẽ hở dưới sàn, tôi bắt đầu nhận thấy được ánh sáng hắt lên từ sâu thẳm. Cái ô vuông tràn ngập ánh sáng trên đầu chúng tôi bây giờ chỉ còn như một ngôi sao nhỏ le lói mà thôi. Chúng tôi đang bắt đầu bị lòng đất nuốt dần vào bụng và thật sự bây giờ tôi chưa biết chính xác rằng mình có thích cảm giác này hay không nữa. Tôi nhớ rằng Tag đã từng tê cứng người khi xuống tới đáy hầm và nhất quyết không chịu bước ra khỏi thang máy. Bây giờ thì tôi hoàn toàn hiểu được nỗi sợ hãi đó của anh rồi.

Khi chúng tôi xuống gần tới đáy, thang máy giảm tốc, giật giật vài cái rồi nhẹ nhàng đáp xuống bề mặt phẳng. Tôi bật đèn mũ lên và nhìn thấy một toán công nhân đang đứng đợi ở đó, có cả chú Dubonnet nữa. Chú tỏ ra ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi. “Người mới hả Homer? Nó sẽ phải gia nhập Liên minh Công nhân thôi.”

“Sonny đang dự định trở thành kỹ sư hầm mỏ,” Bố nhấn mạnh. “Một nhân viên của công ty.”

“Rồi, rồi,” ông Dubonnet đáp lại, tỏ vẻ mất hứng. “Điều này có nghĩa gì không nhỉ?”

Bao quanh chúng tôi là những bức tường xám xịt, cứng nhắc. Tôi cảm thấy như mình đang ở một hành tinh khác vậy. Những thứ thân thuộc với tôi hằng ngày như cây cối, bầu trời, núi đồi chẳng hiện diện ở đây. Ngay cả không khí cũng có mùi khác lạ, như thuốc súng ẩm. Xa xa bên tay phải là mấy đường ray, một đầu xe lửa chạy bằng điện màu vàng to oạch đang nằm chễm chệ ở đó, nối tiếp sau đuôi là vài toa tàu nhỏ. Một đường hầm nối về phía bên trái, tôi thấy ánh sáng xanh nhẹ của đèn huỳnh quang hắt ra từ cửa sổ của ngôi nhà bằng xi-măng thô; từ đó phát ra những tia chớp trắng nhá lên đi kèm với những tiếng xì xì đặc trưng của việc hàn xì. Bố nhận ra tôi đang nhìn về phía đó nên giải thích ngay. “Bố thiết lập một xưởng kim khí điện máy ngay dưới đây để tiết kiệm thời gian vận chuyển những thiết bị cần sửa chữa.”

“Chú Bykovski có trong đó không Bố?” tôi thắc mắc.

Bố giậm đôi giày đinh xuống đất. “Ike không còn là thợ máy nữa đâu Sonny. Bây giờ ông ta đã là một thợ vận chuyển cừ khôi rồi.” Nói rồi Bố bước về phía trước. “Đi nào. Chúng ta cùng xuống dưới đường ray nào.”

Bố dẫn tôi tiến về phía cái đầu máy, dừng lại và trò chuyện cùng người điều khiển. Tôi nhận ra ông - ông Weaver, có con là anh Harry học trên tôi 5 lớp. Harry đã gia nhập Marine Corps và đóng quân tại Lebanon khi Tổng thống Eisenhower quyết định hỗ trợ nơi đó. Ông Weaver đang ngồi phía trước cạnh cần điều khiển bộ phát năng lượng bằng điện cho đầu xe lửa. “Chào Sonny,” ông vẫy tôi.

“Chào chú.”

“Chờ bọn tôi lên hiện trường làm việc nào, Frank,” Bố ra lệnh.

“Được ngay thôi.”

Rồi Bố dẫn tôi xuống toa tàu khác, ông gọi nó là “xe than ngầm”. Nó là một loại toa tàu thấp bằng thép, có hai băng ghế bằng kim loại đối diện nhau giống như xe lửa.

Chúng tôi chui vào trong xe than ngầm, ngồi cạnh nhau, mặt hướng về phía trước. Sau đó Bố đập lên nóc toa ra hiệu cho ông Weaver biết chúng tôi đã sẵn sàng chờ tàu xuất phát. Xe than ngầm trông tránh lắc lư một lúc rồi bắt đầu lao xuống đường hầm tối đen bất tận. Bố cho tôi biết rằng chúng tôi hiện đang đi trên “đường ray chính”. Cuộc hành trình đã kéo dài được 20 phút trong tiếng lách cách của đường ray dưới chân và những chiếc bóng của mấy cây xà đỡ nóc hầm vụt qua trên đầu như đám rừng ngầm xám xịt. Đến đoạn đường thẳng, đầu máy gầm lên kéo chúng tôi bay xuống đường ray, chiếc xe than ngầm lúc lắc và run lên bần bật. Tôi ngửi rõ được hơi nóng từ đầu máy bốc ra hừng hực. Lúc sắp đến đoạn cua, ông Weaver kéo thắng làm mấy bánh xe rít lên như hàng nghìn con heo bị tra tấn đang kêu la inh ỏi. Tôi để hai tay giữa háng và bám chặt vào ghế để khỏi bị ngã khi vào khúc cua.

Trong khi vượt qua đường hầm, thỉnh thoảng tôi trông thấy ánh đèn le lói từ mũ của mấy công nhân ở những nhánh hầm nhỏ nhưng vì quá tối nên chẳng xác định được rõ là họ đang làm gì. Tôi bèn hỏi Bố và ông cho biết rằng họ đang “tạo bụi”: là công việc rắc bột đá ra xung quanh nhằm hạn chế không khí và than hòa lẫn vào nhau có nguy cơ gây nổ. Sau một lúc ở dưới này, tôi nhận ra hầm mỏ không phải là nơi hoàn toàn tối tăm, lạnh lẽo và xấu xí như mình hằng tưởng tượng. Không khí mát mẻ và khô ráo. Khi dừng lại nhường đường cho một đoàn xe than thấp chạy ngang qua, tôi nhìn xuống đường hầm và trông thấy những lớp mica trên đá lấp lánh như kim cương.

Tôi còn nhớ có lần Bố mang về nhà vài viên pha lê mica và đặt lên bàn cho Mẹ kèm một tấm thiệp, trong đó viết: *Em luôn muốn có kim cương nhưng anh chỉ có những thứ này thôi. Anh ước gì chúng có thể biến thành kim cương thật sự.* Sáng hôm sau, Mẹ để lại mảnh giấy khác đáp lại Bố: *Em chưa bao giờ cần kim cương cả. Em chỉ muốn một ít thời gian của anh dành cho em mà thôi. Đó luôn là tất cả những gì em cần.* Nhưng tôi biết rằng bà chẳng khi nào quảng chúng đi cả. Có lần trong lúc lục lọi giấy viết ở học bàn của bà, tôi đã trông thấy mẫu giấy và những viên đá đó.

Khi xe than ngầm dừng lại, Bố nhảy phóc xuống. “Ở hiện trường làm việc hôm nay đang diễn ra một công đoạn đào than, Bố muốn con chứng kiến,” ông bảo tôi. Sau khi trèo ra khỏi xe, tôi vội vàng đứng dậy và va đầu vào nóc hầm mạnh đến nỗi lão đảo suýt té. Tôi loạng choạng nhìn lên, thì ra mình đã va vào nóc hầm đầy những thanh xà đỡ nằm liên tiếp cách nhau vài chục centimet. Bố bỏ mặc rắc rối của tôi và tiếp tục bước đi thật nhanh mà không ngoái lại. Tôi vội vàng theo gót ông và mũ tôi cứ đập vào nóc hầm liên hồi tạo ra chuỗi âm giạt cục khô khốc. Mỗi khi tôi nghĩ rằng mình đã bắt được nhịp di chuyển thì lại bị đập đầu. Một lần bị đập mạnh đến nỗi tôi ngã lăn ra đất, mũ văng ra và mắc lại bởi sợi dây máng vào cục pin gắn ở thắt lưng. Tôi lồm cồm bò theo, đến lúc lượm lại được mũ thì Bố đã

khuyết dạng sau khúc quanh. Từ đây tôi thấy được ánh đèn từ mũ Bô hắt lên vách đá đằng xa. Tôi vội vàng đuổi theo ông, mũ vẫn lộp cộp va vào nóc hầm; nguy cơ đau cổ từ việc này càng lúc càng rõ ràng. Chẳng bao lâu sau, Bô đã đi qua xa và chắc chắn rằng tôi sẽ không bắt kịp ông. Tôi bắt đầu hoang mang tột độ. Việc gì sẽ xảy ra nếu tôi thực sự bị lạc? Nếu như đèn hết pin thì chẳng ai có thể tìm thấy tôi nữa!

Bất chợt tôi nghe thấy tiếng ồn âm ỉ tưởng chừng như hầm mỏ đang bị phá tung lên. Tôi muốn bỏ chạy thật xa, nhưng biết đi đâu bây giờ? Ngay lúc tôi vừa rẽ ngang thì bắt gặp một cỗ máy to lớn, có đầy đèn chiếu xung quanh; nó đang đào bới điên cuồng vào vách tường đầy than. Bô đứng sang một bên theo dõi tiến độ công việc, nhìn thấy tôi, ông ngoắc lại.

“Đây là máy khai thác than tự động!” ông gào lên trong tiếng ồn phát ra từ cỗ máy. Đối với tôi, nó như con quái vật khổng lồ từ thời tiền sử vậy. Bô xua tôi ra tránh đường cho một xe xúc than chạy vào, hai cái cần xúc nhìn như càng cua của nó gom than rơi ra đằng sau máy khai thác than tự động. Khi xe đã đầy, nó lùi trở ra, lùi theo mớ dây điện lòng thòng phía sau. Tôi nhận ra đây là loại xe mà chú Bykovski được giao nhiệm vụ điều khiển nên cố nhìn vào trong xem có phải chú ấy đang ở trong đó không. Nhưng hóa ra người đang lái là chú Kirk, bố của Wanda, một em học sinh nữ học sau tôi một lớp. Wanda có giọng hát tuyệt vời và đang tham gia đội hát hợp ca của nhà trường. Chú Kirk lái xe đến cạnh một toa tàu và trút than xuống đó.

Tiếng ồn quả là đỉnh tai nhức óc. Bô phải hét vào tai tôi, cố gắng giải thích những qui trình đang diễn ra. Những thợ mỏ đang khai thác than trong một khối mỏ than cho đến khi chỉ còn lại một cái cột cho vợ. “Một người kỹ sư mỏ phải hiểu biết về các loại đá nằm trên mấy cái cột này! Nếu như bị quá tải thì chúng sẽ phát nổ! Lần gần đây nhất tai nạn này xảy ra, nó đã nổ banh một chiếc xe xúc tan thành từng mảnh vụn!”

Tôi nhìn chiếc xe xúc chú Kirk đang lái và cố tưởng tượng cái sức mạnh đủ để xé banh nó. Nghĩ rồi tôi lại thắc mắc đến số phận của người lái lúc đó và định bụng hỏi nhưng Bô cắt ngang. “Đây là những công việc thực tế của kỹ sư đấy Sonny!” ông hét lên, khoát tay khắp quang cảnh của công trường.

Người đốc công của nhóm thợ này nhìn thấy chúng tôi và tiến lại gần. Khuôn mặt đen sì nấp dưới chiếc mũ bảo hộ trắng ấy chẳng ai xa lạ mà chính là bác Robert, anh trai của Mẹ. “Chú Homer, cháu Sonny,” bác vừa chào vừa nhìn chăm chăm vào tôi một cách kì quặc. “Elsie khỏe không?”

“Vẫn tốt, anh Bob ạ,” Bô bực dọc trả lời.

“Cô ấy có biết Sonny xuống đây không?”

“Anh chỉ cần biết là tôi chẳng bao giờ đưa nó tới nơi nào không an toàn cả.” Bô đáp.

“Tôi chỉ không biết rằng cô ấy có đồng ý với việc này hay không mà thôi,” bác Robert thật thà nói, chân mày nhíu lên.

“Cứ để Elsie đẩy tôi lo,” Bồ quả quyết nói.

Sau đó Bồ và bác Robert bắt đầu bàn về công việc còn tôi thì đi loanh quanh, cố tìm một góc nhìn tốt hơn để quan sát chiếc máy khai thác than tự động và chiếc xe xúc đang cần mẫn trong điệu nhảy khai thác than của chúng. Bác Robert phát hiện ra tôi liền nói: “Chỗ đó đứng không ổn đâu Sonny.” Nói rồi bác cầm một cây gỗ dài chừng 1 mét và chọc lên nóc hầm. Ngay tức thì một tảng đá long ra và rơi *ầm* xuống cạnh chỗ tôi đang đứng. Tôi nhảy dựng lên và lại đập đầu lần nữa, cổ đau điếng! Bác Robert cười cười. “Dưới này ai cũng phải suy nghĩ cẩn thận từng giây, Sonny ạ.”

Tôi di chuyển đến vị trí bác Robert chỉ định ngay dưới một thanh xà ngang và tiếp tục quan sát đến khi Bồ dẫn tôi về lại xe than ngầm. Trong khi xe lăn bánh về lại đường ray chính thì tôi suy ngẫm lại tất cả những gì mình vừa được thấy. Tôi thật nóng lòng muốn kể với mấy đứa bạn nhưng nghĩ lại thì không thể làm vậy, điều này phải được giữ bí mật mà. Nhưng làm sao để giữ kín được đây... đúng lúc này thì Bồ bắt đầu nói chuyện với tôi. “Bố yêu khu mỏ này lắm. Yêu tất cả mọi thứ thuộc về nó. Bố thích thức dậy thật sớm trước lúc mặt trời mọc và đi bộ đến nhà than. Bố thích chứng kiến những lúc đôi ca, những người công nhân tụ tập tại thang máy hầm mỏ sẵn sàng vào việc.”

Tôi vừa nghe vừa ngạc nhiên vô cùng, không phải vì những điều ông đang nói mà không ngờ rằng ông đang chia sẻ những tâm sự này với *tôi*. Tôi cảm thấy thật tự hào, cảm giác như mình đang thực sự trưởng thành. Bồ tháo mũ ra rồi xoa đầu, gỡ quanh những chỗ tóc bị chiếc mũ nằm đè lên. Đến khi Bồ nói tiếp thì tôi bắt đầu chăm chú từng từ, xem chúng như từng đồng vàng mà ông đang đặt vào tay tôi vậy. “Bố thích được đến công trường, ngày nào cũng đến đây, dù không cần thiết phải như thế. Đó là nơi cho bố thấy rằng những kế hoạch của mình được tiến hành suôn sẻ. Bố đã tưởng tượng được tất cả mọi việc nhiều ngày trước đó, từ những vết đào của máy khai thác than tự động, những chuyến xe vận chuyển than ra ngoài, những cây đà được gia cố vào nóc hầm, đến cả những nơi tích tụ nhiều khí mê-tan và nơi những người đốc công phải kiểm tra trước bằng những chiếc đèn bảo an. Đó là tất cả những gì bố muốn thấy khi đến đây, một khi chứng kiến chúng, trong lòng bố cảm thấy vô cùng thỏa mãn.”

Tôi nhận ra mình đang chăm chú nhìn Bồ, luồng sáng nhỏ phát ra từ chiếc đèn trên mũ tôi đang tập trung vào mặt ông như đèn pha rọi vào diễn viên. Bồ tiếp tục: “Ngày nào cũng vậy, bố làm việc với ông Van Dyke và những kỹ sư của ông ấy. Mặc dù bố không có bằng cấp nhưng vẫn hiểu biết nhiều hơn họ. Đơn giản vì bố đã có nhiều kinh nghiệm ở công trường còn họ thì không. Bố đã từng tự lái xe than ngầm này xuống đường ray chính và bước đến trước những ống thông khí, cảm nhận áp lực của không khí ủa lên mặt mình. Bố hiểu rõ khu mỏ này như hiểu rõ một con người, có thể cảm nhận được những điều bất ổn ngay khi mọi giấy tờ đều khẳng định điều ngược lại. Mỗi ngày đều có việc phải làm ở đây; nếu không thì sẽ có người bị thương vong hay công ty sẽ không có được lượng than yêu cầu. Than là huyết mạch của đất nước này. Nếu như ngành than suy yếu thì nền công nghiệp thép cũng sẽ suy tàn và tất nhiên cả đất nước này cũng sẽ lụn bại theo.”

Luồng sáng từ mũ bảo hiểm của ông chiếu vào mắt tôi. “Trên thế giới này không ai giống như những người thợ mỏ, Sonny ạ. Họ là những người tốt và mạnh mẽ nữa. Những người ưu tú nhất. Bố nghĩ dù con có làm gì cho cuộc đời của mình, dù con có đi đâu hoặc con có quen biết ai đi chăng nữa, con sẽ không bao giờ thấy những người đàn ông tốt và mạnh mẽ như vậy.”

“Con là con trai của bố,” ông nói và quay đầu làm ánh đèn trên mũ quét quanh một vòng, có vài công nhân nhá đèn lại, dường như họ nhận ra được sự có mặt của chúng tôi. “Bố sinh ra để dẫn dắt những người thợ mỏ chuyên nghiệp này. Có lẽ con cũng vậy.”

Con là con trai của bố. Trong cái sâu kín của bóng tối, tôi từ từ tận hưởng sự ngọt ngào của từng từ một, không chút ngượng ngùng.

Sau khi xe than ngầm trở về từ đáy hầm, Bố dẫn tôi đến thang máy. Cái lồng thang máy đang đậu ở dưới, đường hầm nằm sâu hơn tầng hầm chính một chút. Bố nhấn cái nút bằng đồng một lần, chuông vang lên và lồng thang máy được đưa lên. Tiếp đó ông nhấn hai lần rồi cùng tôi bước vào trong. Một người thợ mỏ bước ra từ cái nhà xi-măng nhỏ nhắn, Bố nhìn và gạt đầu ra hiệu cho anh nhấn ba lần chuông. Ngay sau đó, hai bố con được nhắc lên một cách nhẹ nhàng. Thang máy đi lên được khoảng 30 mét thì đột ngột dừng lại. Tôi lo lắng đảo mắt nhìn ra xung quanh. Những phiến đá lồi lõm xung quanh dường như đang dần dần khép chặt lại. Từ đây tôi chỉ có thể nhận thấy được tí ánh sáng trời mong manh. Đột nhiên tôi nhận ra một việc mà lúc đi xuống không để ý: có sự hiện diện của những bậc thang bằng thép. Tôi hỏi Bố, ông cho biết rằng những bậc thang đó chạy suốt từ đỉnh xuống đáy đường hầm. Có một khoảng cách từ thang máy đến mấy bậc thang này. Muốn qua đó thì phải bước qua một khoảng không sâu thẳm thẳm dưới chân mình. Nghĩ đến viễn cảnh ấy, đột nhiên tim tôi tăng nhịp đập và tay vã đầy mồ hôi. “Đừng sợ, con,” Bố trấn an, dường như ông nhận ra được sự bất ổn của tôi. “Có lẽ họ đang bôi trơn cho máy móc của thang máy thôi.”

Chúng tôi đứng trong im lặng, một phút trôi qua dài đằng dặc. Rốt cuộc Bố mở lời trước: “Con nghĩ như thế nào về khu mỏ?”

Tôi biết ông muốn tôi nói gì và thật ra tôi rất hào hứng để nói ra những điều đó nhưng dù sao tôi cũng không muốn dối Bố điều gì. Vì vậy, tôi cân trọng câu trả lời của mình và quyết định nói theo kiểu nước đôi mà tôi thường dùng khi đối phó với Mẹ. “Con được học hỏi rất nhiều,” tôi chỉ nói có vậy.

Nhưng tôi chẳng thể gạt được Bố như đã làm với Mẹ. Sự khác biệt là ông không cảm nhận được chút khôi hài gì trong cách nói đó của tôi như Mẹ vẫn thường thấy. “Bố muốn hỏi con rằng có muốn trở thành kỹ sư mỏ hay không?” ông gắng hỏi. “Nếu thật sự con muốn, bố sẽ lo tiền cho con đi học.”

Tôi đáp một cách thận trọng “Con muốn trở thành một kỹ sư.”

“Một kỹ sư mỏ chứ?” Bố nhấn mạnh.

Ông đã nắm được thóp của tôi, chẳng còn cách nào khác là thú nhận sự thật. “Con muốn được làm việc cho Tiến sĩ von Braun, Bố ạ.”

Ông thất vọng ra mặt rồi lầm bầm “Con nên đi mà nói chuyện với Ike Bykovski về mấy tên người Đức rách việc suốt ngày chỉ biết chạy rông ấy,”

“Ý Bố là?”

“Lạy chúa, con không biết Ike là người Do Thái à?” Bố ngắt lời. “Ông ấy sẽ nói cho con ngay rằng tên khốn người Đức von Braun ấy không đáng để trông chờ một chút nào cả.”

Thang máy rục rịch chuyển động. Tôi ử rử nhìn những cục đá trôi ngang qua. Lần này tôi thật sự làm hỏng hết mọi chuyện rồi. Chẳng những Bố giận mà tôi biết rằng mình đã làm ông đau lòng. Còn những việc Bố nói về tiến sĩ von Braun và chú Bykovski là sao nhỉ? Tôi tự dằn vặt, tự trách mình. Lẽ ra tôi không nên đồng ý theo Bố xuống hầm mỏ này. Tôi biết rõ rằng Bố đang muốn gì và cũng rõ ràng rằng mình sẽ không thuận theo điều đó. Vậy thì đi theo để làm cái quái gì? Có những lúc, tôi thật ngu ngốc.

Lên đến gần mặt đất, không khí lạnh trong lành từ những ngọn núi lửa vào đường hầm làm lòng tôi ít nhiều thanh thản. Vừa trôi lên khỏi mặt đất, tôi nhận ra ngay Mẹ đang đứng đợi, bà vẫn mặc bộ lễ phục nhà thờ. Một đám thợ thả bụi đá đang đứng gần đó, mắt dán vào Mẹ tôi. Họ chuyển mục tiêu sang tôi và Bố. Tôi biết Mẹ đang nhìn vào khuôn mặt bẩn thỉu, đôi mắt viền than và bộ đồ bảo hộ nhem nhúa của mình. Ngay sau đó, tôi bàng hoàng khi thấy bà bật khóc nức nở. Toán thợ thả bụi đá lùi lại, một số tháo mũ ra, gãi gãi đầu nhìn xuống chân như đang bối rối khi phải chứng kiến những giọt nước mắt của bà. Bố cố bảo bà im lặng. “Nín đi Elsie, bà làm mọi người sợ rồi kia,” ông vừa nói vừa mở chốt thang máy.

“Mọi thứ ổn cả mà Mẹ,” tôi nói mà lòng bồn chồn: Nơi đây sắp sửa nổ ra một cuộc nội chiến của gia đình tôi, ngay trước mặt Chúa và mọi người, còn gì xấu hổ hơn nữa chứ!

“Nó đang suy xét xem có nên trở thành một kỹ sư mỏ hay không,” Bố nói đầy vẻ kiên định.

Nước mắt Mẹ ráo ngay tức khắc, cứ như chúng vừa được hút ngược vào mắt bà vậy. “Phải bước qua xác của tôi đã,” bà thốt lên câu nói từ sâu thẳm trong đáy lòng.

Bố đẩy tôi về phía trước. “Đi tắm đi,” ông ra giọng cộc cằn rồi nhìn quanh mấy thợ mỏ đang đứng cúi đầu im lặng (nhưng thật ra đều đang theo dõi mọi việc) và quát: “Không phải chuyện của các người!”

Toán thợ thả bụi đá tránh ra một khoảng không xa để vẫn có thể nghe ngóng sự việc. Tôi tiến lại cửa phòng tắm nhưng dừng bước ngay cửa ra vào. Mặc dù đang nhục nhã đến mức muốn biến mất trên cõi đời này, tôi vẫn muốn nghe tiếp câu chuyện sắp xảy ra. Chú Dubonnet vừa bước ra, đã thay đồ thường nhưng vẫn đội mũ bảo hộ. Thấy cảnh này, chú liền đứng khoanh tay tựa vào tường và cười thầm quan sát. Tôi chẳng hiểu chú thấy điều gì buồn cười lúc này được nữa.

“Bà có vấn đề quái quỷ gì vậy, Elsie?” Bố rít lên, rướn người chộp lấy tay Mẹ.

Bà giăng tay ra. “Cái hầm mỏ này đã giết chết ông, nhưng tôi không để nó giết luôn con mình đâu!”

“Bà nói nhăng nói xàm gì thế?”

“Đốm đen - to bằng đồng xu,” Mẹ vừa nói vừa xĩa tay về phía ngực BỐ. “Đây này, ngay bên phải này!” Bà chọc lần nữa, lần này thật mạnh.

Bố cười lớn trong cơn thịnh nộ, cúi xuống bốc lên một vốc than và tung lên trời. Rồi ông đưa mặt vào đám bụi than đó và hít một hơi sâu. “Tôi lớn lên nhờ mấy thứ này đó. Nó như sữa mẹ đối với tôi đây!”

Mẹ sững người nhìn than rơi lên người BỐ. Một ít bay vào mặt Mẹ và dính lại trên lớp phấn son nhưng bà không hề chớp mắt. Mẹ quay lưng lại và hùng dũng bước về phía nhà tắm, chỗ tôi đang núp, làm mấy người thợ mỏ trần như nhộng phải cuống cuống chộp lấy khăn che người lại. Bà chộp lấy tay tôi. “Con về nhà mà tắm,” bà cầu nhàu. Khi chúng tôi đi ra, chú Dubonnet ngả mũ chào Mẹ, nhưng bà chỉ đáp lại bằng một ánh mắt ghê tởm. Toán thợ thả bụi than đã tản đi, chỉ còn BỐ đứng đó, tay cầm chặt chiếc mũ bảo hộ. Ông nhìn Mẹ con tôi băng qua mà không hé nửa lời. Trên suốt con đường từ nhà than về nhà, tôi cảm thấy rõ ánh mắt của ông khoan xoáy vào sau đầu mình.



Sonny Hickam lúc 5 tuổi



Thăm viếng ông nội Poppy: (từ trái sang phải): Bà nội “Mimi” Hickam, Frankie (chị họ), Poppy (ông nội), tôi (đang ngồi trên đùi ông nội), Jim (anh tôi). Chân của nội Poppy đã bị cụt trong một lần làm việc tại hầm mỏ.



Homer Hickam và Elsie Hickam, khoảng năm 1957.



Hầm mỏ Coalwood: Cửa hàng kim khí điện máy của chú Bykovski nằm ở dưới bên phải của ngôi nhà bằng gạch. Còn nhà của chúng tôi thì nằm cách đó khoảng 91 mét về bên phải.



Nhà của gia đình Hickam, nằm cách nhà than Coalwood khoảng 91 mét. Con đường nằm bên trái dẫn đến “trung tâm” của Coalwood: từ Big Store, đến Club House, rồi mấy nhà thờ và sau đó là Cape Coalwood.



Những ngôi nhà thông thường ở Coalwood. Chú ý nhìn mấy hàng rào vững chắc đó nhé. Cùng loại với cái trong vườn hồng của Mẹ mà chúng tôi từng làm nổ tung lên đấy.



Nhà thờ Cộng Đồng ở Coalwood. Tôn giáo của chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào sự chỉ định của công ty. Trong thời đại của những cậu bé tên lửa, chúng tôi theo hội Giám Lý



Một cuộc họp của Tổ chức Tên lửa Big Creek tại nhà của Sonny (từ trái sang phải): Sherman, O'Dell, và tôi. Thấy chúng tôi không mang giày không? Mẹ sợ chúng tôi sẽ làm trầy sàn nhà bằng gỗ cứng của bà vì những chất nổ của tên lửa dính trên đế giày.



Tổ chức Tên lửa Big Creek, mùa đông năm 1959 (từ trái sang phải): tôi, Quentin, Roy Lee, và O'Dell. Sherman và Billy không thể chụp hình chung lần đó. Mẹ chụp tấm ảnh này và nó được đăng trên tờ *McDowell County Banner* và cả *The Owl*, tờ báo của trường.



Tôi



Quentin



O'Dell



Roy Lee



Billy



Sherman



Cô Riley: Cô Riley luôn khẳng định đi học là công việc thiêng liêng của mỗi học sinh. Học chăm chỉ nhất có thể là phong cách của miền Tây Virginia và học dờ đơn giản là điều không thể chấp nhận được. Mỗi khi tôi tỏ ra kiêu căng vì chút thành công hay đau buồn vì thất bại thì cô luôn kéo tôi lại trạng thái cân bằng qua những lời quở trách hay động viên hợp tình hợp lý.



Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc: Tôi đang cầm Auk XIV trong tay để giới thiệu tại Hội Chợ Khoa Học

Toàn Quốc. Chiếc tên lửa dài đứng ngay giữa là *Auk XXVIII*. Mấy cái miệng tên lửa nằm trên bàn, được chế tạo ngay sau khi cuộc đình công được bãi bỏ, và được giao tới Indianapolis kịp thời gian.



Tiến sĩ Wernher von Braun. Tấm hình tôi nhận được làm quà Giáng Sinh năm 1958.

12. NHỮNG NGƯỜI THỢ MÁY

Auk XIV - XV

KHI XUỐNG THĂM LẠI PHÒNG THÍ NGHIỆM CỦA MÌNH, tôi phát hiện Mẹ đã tịch thu mấy dụng cụ làm bếp, chỉ còn lại chiếc nồi đã bị chất nổ kẹo ngọt nổ tung làm méo mó từ lần trước. Nhưng tôi đã có thừa kinh nghiệm đối phó với Mẹ trong những lúc bà nổi giận với mình như vậy, cách tốt nhất là thành khẩn nhận lỗi và cầu xin sự tha thứ ngay tức khắc. Tôi thực hiện ngay khi tìm thấy bà trong bếp: “Mẹ ơi, con xin lỗi Mẹ nhiều lắm,” đầu tôi cúi gằm xuống, miệng lí nhí. Nói rồi tôi len lén liếc xem kết quả ra sao.

Bà thoáng nhìn tôi bằng ánh nhìn nghiêm khắc rồi tiếp tục khuấy đậu trong nồi. “Thứ nhất, con đã nói dối mẹ, thứ hai là, nữ nói dối vào ngay ngày Chủ nhật thiêng liêng,” bà bảo.

“Con chẳng biết mình lúc đó nghĩ gì nữa,” tôi đáp lại, giọng giả vờ thăm nã.

“Theo mẹ thấy thì con chẳng thêm suy nghĩ chút nào cả,” bà ngắt lời và khuấy đậu mạnh tay hơn.

“Con xin lỗi mà!”

Lúc này Mẹ càng khuấy mạnh làm món đậu trở nên nhão như bánh pút-đinh. Bất chợt bà dừng lại và quăng cái tạp dề cho tôi. “Con đừng có lê lét trong phòng bếp này mà không làm việc. Nhìn thấy mấy quả cật trên quầy không? Nấu cho lũ mèo ăn đi.”

Mừng rỡ vì được cơ hội làm việc trước mặt Mẹ, tôi vội vàng đeo tạp dề vào, đem mấy quả cật mỏng tanh bỏ vào bồn, rửa sạch chúng rồi chuẩn bị nồi để luộc. “Khuấy đậu tiếp luôn nhé,” Mẹ ra lệnh. “Đừng có để nó dính xuống đáy nồi đấy. Mẹ ra phòng khách, gác chân lên ghế rồi xem tivi như những người nhà Rockefeller nhàn hạ đây.”

“Vâng, thưa Mẹ,” tôi rầu rĩ nói. Nhưng thật ra tôi chẳng rầu rĩ chút nào cả, trái lại còn lấy làm vui sướng nữa. Mẹ đã tỏ ý tha lỗi, mọi việc có vẻ thật dễ dàng. Tôi luộc mấy quả cật, mùi khai bốc lên làm tôi nhăn cả mũi lại; rồi khuấy tiếp nồi đậu, mặc dù chẳng còn gì cần để khuấy cả. Daisy Mae cạ cạ đầu vào chân tôi, còn bên ngoài Lucifer cũng đang đòi vào nhà. Khi tôi để thức ăn xuống, hai ả mèo gừ gừ chén ngay. Món này bốc mùi như nước tiểu hâm nóng vậy, nhưng mặc kệ, miễn là Mẹ và mấy con mèo hài lòng là được rồi. Sau đó tôi xuống tầng hầm mở một lon thức ăn chó cho Dandy và Poteet rồi vuốt ve nựng nịu chúng để bù lại những ưu ái mà tôi đã dành cho mấy con mèo trên kia. Tiếp theo tôi ra ngoài vườn rắc thóc cho mấy chú chim đang tụ tập trên bàn ăn ngoài trời, quăng cho lũ thỏ ít bắp cải và mấy củ cà rốt. Cuối cùng tôi quành qua chái nhà, thăm nom Chipper. Nó đang chạy trong chiếc vòng bánh xe đồ chơi mà ông McDuff làm cho, cái đuôi bị cắt cụt vĩnh hết cả lên. Phần đuôi bị cụt là kết quả của một lần bị kẹt vào chính chiếc bánh xe này. Lúc đó, Mẹ đã cố dán lại phần đuôi rụng lìa ra

bằng mảnh băng keo xanh lấy về từ khu mỏ của Bố nhưng vô hiệu. Dù sao đi nữa Chipper vẫn yêu đắm đuối cái vòng bánh xe này. Theo lời Mẹ thì nó chẳng đi đâu xa mà chỉ chăm chăm phóng về cái vòng bánh xe mà thôi.

Lúc đi ngang qua Mẹ, tôi cố tình gây ra nhiều tiếng động nhằm cho bà biết tôi đang cố gắng làm việc như thế nào. Rốt cuộc bà cũng ngẩng đầu lên và nói: “Mẹ rửa mấy cái dụng cụ chế tạo tên lửa của con hết rồi, đang để trong cái túi giấy nằm trên tủ bát đĩa đấy nhé.”

“Cảm ơn Mẹ nhiều.”

Mẹ cố nén cười: “Con khúm núm quy lụy đủ rồi đấy, đừng làm quá. À này Sonny?”

“Vâng?”

Mẹ nghiêm nghị phán: “Nếu con còn đi xuống cái hầm mỏ ấy một lần nữa thì mẹ sẽ lôi khẩu súng lục của Ông Ngoại Mất Nét cất trong tủ gỗ bấy lâu nay và bắn chết con ngay đấy.”

Tôi mới biết Mẹ cất một khẩu súng lục trong tủ gỗ, song chẳng lấy làm nghi ngờ gì điều này. Nhưng nếu khẩu súng đó là của Ông Ngoại Mất Nét thì sẽ to lắm, Mẹ sẽ phải dùng cả hai tay để nâng nó lên; còn mấy viên đạn chắc phải to bằng hạt của trái mại châu^[30].

Theo Roy Lee kể lại từ mẹ cậu ấy thì đường dây thông tin qua hàng rào đã hào hứng xì xầm về cuộc cãi vã âm ỉ của bố mẹ tôi tại thang máy hầm mỏ. Ai cũng đều nóng lòng chờ đợi diễn biến tiếp theo của vở nhạc kịch của nhà Hickam. Jim cảm thấy rất xấu hổ, một lần trong lúc đang lếch thếch đi bộ về nhà sau khi xuống xe buýt; anh ấy dịu giọng lại nói chuyện với tôi, nhưng cũng chỉ nhằm khuyên tôi biến mất khỏi cõi đời này cho êm chuyện.

Jim thì quá dễ đối phó. Với anh ấy, tôi luôn dùng “vũ khí ngôn luận” đúng chỗ và chọc xoáy vào nỗi đau với giọng điệu bới móc. “Anh nghĩ là mình béo lên vì không được chơi bóng bầu dục hay vì đêm nào cũng nuốt trọn cả cái tủ lạnh vào bụng ấy nhỉ?” Jim sừng cò lên ra vẻ đe dọa, nhưng dần lòng lại không đập cho tôi một trận ngay giữa đường, vì như vậy chỉ tổ xấu hổ thêm mà thôi.

Mặc dù tôi không thêm quan tâm đến cảm giác của Jim và đã dàn xếp được với Mẹ nhưng Bố thì vẫn là vấn đề nan giải. Tôi cũng đã từng làm Bố thất vọng song chưa bao giờ trực tiếp đụng chạm lòng tự ái của ông như vậy. Tôi cố nghĩ đủ điều để nói với ông mà không tìm ra điều gì thích hợp và hơn nữa, Bố chẳng cho tôi cơ hội nào để bày tỏ cả. Suốt mấy tuần tiếp theo, ông như lẩn tránh vào trong khu mỏ, chỉ về khi tôi đã ngủ say và rời khỏi nhà trước khi tôi thức giấc. Tôi lo lắng về Bố nhưng không quá chú tâm đến ông. Việc chế tạo tên lửa đã dạy cho tôi một cách suy nghĩ khác. Có quá nhiều thứ phải làm và ghi nhớ trong việc thiết kế và chế tạo tên lửa, bắt buộc tôi phải sắp xếp mọi thứ trong óc một cách trật tự. Tôi đã học được tất cả những bước để phân loại các quả tên lửa *Auk*. Rồi sau đó sắp chúng theo thứ tự cần phải hoàn thành và theo tầm quan trọng của từng loại. Giống như tôi phải đặt chúng vào những ngăn kéo trong đầu mình, biết rõ mở ngăn nào cần thiết và phải mở vào lúc nào. Khi tôi tâm sự việc này với Quentin, cậu ấy định nghĩa nó là “sự tiếp cận tuần tự” các vấn đề và tỏ ra rất

ngưỡng mộ điều này. “Tớ luôn tin rằng điều này sẽ trở thành sự thật. Mọi công việc về chế tạo tên lửa sẽ đem lại cho bản thân chúng ta những thay đổi bất ngờ. Như cậu bây giờ này, suy nghĩ thứ tự đâu ra đó, ngày trước gặp cậu tớ chẳng nghĩ điều đó có thể thành hiện thực.”

Tôi tiếp nhận ý kiến của Quentin như một lời khen ngợi. Trong thời điểm này, về việc của Bố, tôi chẳng thể làm được gì, đành đóng ngăn tủ này lại đến khi tìm được giải pháp. Nhưng còn một thứ - chuyện mà Bố nói về chú Bykovski khi chúng tôi ở trong thang máy - cứ lớn vồn trong đầu tôi. Nó luôn là một ngăn tủ kí ức cứ mở toang. Tôi phải tìm cách đóng nó lại.

Ike và Mary Bykovski không có điện thoại nên tôi bèn cuộc bộ đến nhà họ sau khi tan học. Cô Bykovski mở cửa và lặng đi một lúc khi nhìn thấy tôi. Cô Bykovski trông mảnh dẻ với khuôn mặt nhợt nhạt và đôi gò má hóp. Mái tóc ngắn màu nâu suôn đuột và trông có vẻ không được thẳng cho lắm, dường như cô tự cắt và chẳng màng canh cho nó được thẳng thơm dàng hoàng. Mẹ bảo tôi cô Bykovski lúc nào cũng mang vẻ “tiều tụy”. “Chồng cô vẫn đang ngủ, làm việc ở công trường đã làm ông kiệt quệ rồi.” Cô bảo.

Tôi buột miệng thốt ra lời xin lỗi vì đã báo hại ông bị chuyển đổi công việc. “Không có vấn đề gì đâu Sonny. Dù sao thì tiền lương cũng khá khẩm hơn mà,” cô giả vờ xoa dịu.

Rồi cô mời tôi vào nhà, để tôi ngồi đợi một mình ở đi văng trong phòng khách rồi lên lầu. Căn nhà tràn ngập mùi bánh mì bắp và đậu - nguồn lương thực chủ đạo ở Coalwood. Tôi đảo mắt nhìn quanh và thấy một cặp kính lão nằm cạnh cuốn sách trên bàn kế bên ghế sofa. Nhìn kĩ hơn, tôi đọc được tựa sách: *Nguồn nước*, thật xa lạ với tôi. Đối diện với đi văng là chiếc tivi được đặt trên một cái kệ sẫm màu trông khá nặng nề. Trên nóc tivi là khung hình, trong đó là ảnh của Esther, con gái nhà Bykovski, đang ngồi xe lăn, đầu ngả vào một trên vai. Cô Bykovski đứng một bên, phía còn lại là chú Bykovski, chẳng ai trong số họ nở lấy một nụ cười.

Một lúc sau, chú Bykovski đi xuống phòng khách, ngáp dài và kéo căng dây đeo quần qua khỏi vai. “Chào anh bạn trẻ,” chú mỉm cười khi cô Bykovski đặt tách trà nghi ngút khói lên chiếc đĩa lót trên bàn cạnh cái ghế bành của mình. Rồi cô Bykovski hỏi tôi muốn dùng gì không, tôi đáp: “Không cần đâu thưa cô.” Cô khuất bóng vào nhà bếp ngay sau đó. Nhận thấy tôi đang nhìn tấm ảnh đặt trên nóc tivi, chú lên tiếng: “Rồi có một ngày nhà chú sẽ đón Esther về nhà và cho nó đi học lại chung với cháu.”

“Cháu cũng mong vậy,” tôi đáp. Thực ra, trong năm lớp 1 và 2, Esther luôn gây nhiều phiền phức, và thật xấu hổ khi chính bản thân tôi cũng cảm thấy hoan hỉ khi bạn ấy rời khỏi trường học. Thông thường, Esther ngồi lặng im tại bàn học của mình, nhìn thầy cô với ánh mắt vô hồn hay gục đầu xuống bàn. Nhưng có những lúc bạn ấy thay đổi trạng thái, gầm gừ và lên cơn co giật, khua hết tập vở, bút viết xuống sàn nhà. Thầy cô thường kiên nhẫn đợi đến khi Esther dứt cơn và bảo mấy đứa con trai nhặt mọi thứ lên xếp về chỗ cũ. Trong khi mọi học sinh khác phải cố gắng để tập viết cho giống những chữ trên bảng thì Esther luôn được tán dương cho mỗi vết gì nhìn giống giống các kí tự. Đến gần cuối năm lớp 2, Esther lên cơn co giật dữ dội, nôn mửa lên người thẳng bạn ngồi phía trước, sau đó ngã nhào khỏi ghế và bắt đầu tỏ ra khó thở. Hiệu trưởng Likens vội vã vào lớp tôi, kéo lười bạn ấy ra và nhét một

cục giấy vào miệng cho Esther cắn lại. Trong khi cả lũ học sinh chúng tôi co rúm nép người vào sát tường thì bác sĩ tới và cáng Esther ra ngoài. Từ đó không còn thấy bạn ấy trở lại nữa. Không biết vì sao, tin tức đến tai nhà Bykovski rằng tôi chính là thằng bé bị Esther nôn mửa đầy người. Mẹ tôi kể lại, cô Bykovski đã gặp Mẹ ở Big Store và chặn bà lại, xin lỗi rồi rút. Nhưng tôi có phải thằng bé đó đâu.

“Cháu đang nghĩ gì vậy, Sonny?” chú Bykovski lên tiếng, xua tan hồi ức về Esther đang diễn ra trong tôi.

Tôi hít một hơi sâu và kể cho chú nghe những gì xảy ra trong hầm mỏ và cả những gì Bố nói về Wernher von Braun và việc chú Bykovski là người Do Thái. “Bố cháu nói rằng nên hỏi chú về việc Tiến sĩ von Braun đã làm việc cho... người Đức và tất cả những cái khác nữa.” Tôi chẳng thể thốt lên được từ *Phát xít*. Tôi cảm thấy xấu hổ khi thốt ra những lời nguyên rủa trước mặt chú Bykovski.

Chú Bykovski thận trọng đặt tách trà xuống chiếc đĩa lót, căn phòng im ắng ngọt ngào, chỉ còn tiếng lách cách vang lên đơn độc. “Điều này khó đây,” chú chậm rãi cất lời, dường như đang rất khó tiếp nhận những gì tôi vừa nói. Những ngón tay ông gõ nhịp lộp cộp lên chỗ gác tay. “Cái tên Tiến sĩ von Braun mà cháu vừa nói đến,” chú nói, giọng điệu vẫn rất chậm rãi và cẩn trọng, “đã giúp đỡ cho lũ quái vật, hẳn phải gánh chịu mọi tội lỗi đó.” Giọng chú đột ngột đanh lại. “Cũng có những quan niệm về sự tha thứ và sự chuộc lỗi...” chú nhíu mày lại và lắc đầu. “Chúng ta cần phải nghe từ những học giả Do Thái, nhưng họ đang ở cõi Niết bàn, còn chúng ta thì ngồi đây.” Chú nhấp một ngụm trà rồi tiếp tục suy nghĩ. “Sonny, hãy nghe kĩ và nhớ rằng cháu đang nói chuyện với một người đàn ông hoàn toàn ngu dốt.”

Sau đó chú Ike Bykovski tiếp tục thuyết về một người đàn ông có thể thay đổi như thế nào và có thể tha thứ hay quên đi những điều xấu xa đó. “Tội lỗi này không phải của cháu Sonny ạ. Nhưng nếu như cháu hỏi chú rằng có ngưỡng mộ thân phận của Tiến sĩ von Braun bây giờ hay không thì vô ích thôi.”

Cô Bykovski nói vọng ra từ nhà bếp. “Có lẽ có một người bố đang ghen tị với một nhà chế tạo tên lửa đấy mà.”

“Mary!” Chú Bykovski cất giọng quở trách.

“Cô nghĩ rằng Bố cháu đang ghen tị với Wernher von Braun à?” Tôi hướng câu hỏi về cánh cửa bếp đang bỏ ngõ.

“Chú chắc rằng vợ chú chỉ đang suy đoán vậy thôi,” chú Bykovski nói. Chú nhìn trừng trừng về phía nhà bếp rồi quay lại với tôi. “Dạo này việc chế tạo tên lửa tiến triển như thế nào rồi?” chú tỏ vẻ muốn chuyển đề tài.

Tôi cũng đang muốn lái sang chuyện khác từ nãy giờ. “Chúng cháu đã đạt được tới độ cao 24 mét rồi ạ. Lần sau cháu chắc rằng sẽ lên được tới hơn 300 mét!”

“Tốt quá! Còn cái xưởng kim khí nho nhỏ của cháu thì sao? Cháu có thường xuyên luyện tập không đó?”

“Có chút chút ạ. Nhưng bọn cháu cần thêm vài khóa huấn luyện nữa ạ.” Tôi bắt đầu giải thích về việc tôi và Quentin đã tìm ra giải pháp cho vấn đề miệng tên lửa bị ăn mòn, nhưng cần phải có những kỹ thuật kim khí vượt quá khả năng của chúng tôi.

“Chú sẽ bảo Leon Ferro cho, mọi việc sẽ được giải quyết nhanh chóng thôi.” Chú Bykovski bảo.

“Chú thật sự sẽ nói chứ ạ? Cháu không muốn chú gặp rắc rối gì nữa đâu.”

Chú Bykovski nhún vai, xua đi sự lo lắng của tôi. “Nhưng Leon sẽ đòi được đôi chác đấy. Cháu sẵn sàng cho việc này chưa?”

“Sẵn sàng hơn lần trước rồi ạ,” tôi vừa nói vừa mừng rỡ lại lúc tôi và O’Dell đi tìm mấy tấm thép làm mái nhà.

“Trong lúc cháu trao đổi, có thể tìm cho cô một cái tủ mới không?” tiếng cô Bykovski lại vọng ra từ nhà bếp.

“Mary!”

“Em chỉ đề nghị vậy thôi.”

“Để xem cháu làm được gì cô nhé,” tôi đáp lại trong khi chú Bykovski thầm nở nụ cười.

TUẦN SAU, Quentin bắt xe buýt tới Coalwood rồi cùng tôi đến xưởng kim khí điện máy lớn. Đến nơi, chú Ferro vẫy chúng tôi vào văn phòng. “Ừm, Ike có báo với chú là bọn cháu sẽ đến,” chú vừa nói vừa lùi ghế ra sau rồi gác chân lên bàn. “Nói cho chú nghe bọn cháu muốn gì nào.”

Tôi cho chú biết là mình đang cần một loại sắt thép có khả năng chịu nhiệt, áp suất và ôxy hóa cao để làm miệng tên lửa. “Loại mà bọn cháu đang dùng bị đốt chảy hết cả.”

“Có vẻ phải cần loại dày hơn nhiều đấy,” chú Ferro đáp. Đoạn chú lấy chiếc bút chì, chẳng hiểu vì lý do gì, đặt nó thẳng bằng lên môi trên. Sau đó chú lắc lư cái đầu và cố giữ cho chiếc bút không bị rơi.

“Vâng thưa chú,” tôi đáp trong khi vẫn bị cuốn hút bởi thủ thuật của chú. “Bọn cháu nghĩ phải dày cỡ 2,5cm và cần khoan một lỗ ngay giữa luôn thể.”

“Vậy là bọn cháu phải dùng loại sắt SAE 1020 rồi,” chú Ferro kết luận, lấy cây bút chì xuống, gõ vào thái dương rồi giắt lên vành tai. Đoạn chú nhìn lên trần nhà và nói tiếp: “Loại này có nhiệt độ nóng chảy cao và sức căng lớn. Nhưng nó đắt đấy. Và cũng tốn nhiều thời gian để khoan và định hình. Đi

theo chú nào.”

Tôi và Quentin lò dò theo bước chân chú xuyên qua cửa hàng, mấy người thợ máy của chú đang bận bịu với những chiếc máy khoan, máy phay và máy tiện. Khi họ nhìn thấy chúng tôi thì đều dừng tay, nhướn miệng cười và chào: “Mấy chú nhóc hỏa tiễn,” rồi họ truyền miệng nhau câu chào đó rôm rả cả cửa hàng, lẫn trong tiếng máy rền rĩ. Chú Ferro dừng lại ở chiếc bàn mộc và cầm lên sợi dây đo. “Chú nghĩ là còn phải bắt mấy đinh vít vòng quanh cái vật mà bọn cháu đang nhắc đến để định vị nó. Bọn cháu gọi nó là gì?”

“Miệng tên lửa ạ.”

“Bọn cháu còn cần phải bịt lại khe hở ở trên nữa ạ,” Quentin thêm vào.

Chú Ferro tần ngần nhìn tôi. “Bọn cháu cần một cái nắp chụp trên đầu tên lửa ạ,” tôi “phiên dịch” lại.

Chú gạt đầu và lấy cây bút chì trên tai xuống, rồi lôi một tờ giấy từ băng ghế ra. Một số công nhân lảng vảng xung quanh và nhón lên nhìn qua vai chúng tôi. Họ nhe răng cười rồi hỏi chú. “Chúng ta sắp sửa chế tạo tên lửa luôn hả ông chủ?”

Chú Ferro đưa bút chì cho tôi. “Vẽ cho chú cái mà cháu cần làm.”

Tôi phác hai đường thẳng song song tượng trưng cho phần thân tên lửa rồi đến phần nắp trên đỉnh và phần miệng phía dưới (với một cái lỗ to bằng 1/3 đường kính khoan xuyên qua nó). Chú Ferro xem xét bức phác thảo của tôi rồi nói. “Sonny, nếu như cháu muốn chú làm mấy cái này thì phải cung cấp cho chú một bản vẽ kỹ thuật hẳn hoi. Không chỉ là bề mặt đơn giản như vậy mà còn phải có hình chiếu từ trên xuống và cả chi tiết cho phần nắp và miệng nữa. Nếu chú vẽ ra một ví dụ thì cháu có theo đó mà phác thảo lại không?”

“Dạ được, thưa chú,” tôi đáp. Trừ việc chiếm lấy trái tim của Dorothy, vẫn luôn là một câu đố không lời giải, tôi nhận ra rằng nếu như mình cố gắng thật sự thì việc gì tôi cũng làm được cả.

Chúng tôi cùng trở lại văn phòng. Chú Ferro ngồi xuống cạnh bàn giấy trong khi tôi và Quentin vẫn đứng. Chú nhìn tôi rồi nói: “Sonny, cháu biết nơi chú ở chứ?”

Chú ấy thừa hiểu là tôi biết. Chú sống tại một căn trong nguyên dãy nhà gạch cạnh nhà của Dantzler mà người ta thường gọi là Apartments. Tôi đã giao báo ở đó nhiều năm, có một lần còn lỡ quảng một tờ *Bluefield Daily Telegraph* trúng ngay mấy chai sữa đặt trước hiên nhà chú ấy nữa chứ.

“Mỗi lúc trời mưa là sân sau nhà chú trở thành một vũng bùn nhão nhoẹt ngay,” chú vừa nói vừa ngả người ra sau, tay choàng sau gáy. “Chắc chắn một ít sỏi sẽ cải thiện được vụ này rất nhiều đấy cháu.”

Vậy là cần đổi sỏi để có được nguyên liệu và công chế tác bằng máy. Sỏi, cũng giống như tất cả những thứ khác ở Coalwood này, Bố tôi đều cung cấp được. Sau khi phác thảo xong bản vẽ kỹ thuật cho

miệng tên lửa, tôi chẳng còn nào khác ngoài việc lên khu mỏ tìm Bó. Khi tôi bước vào, ông ngược lên nhìn tôi từ chiếc bàn làm việc. “Bố nghe nói con đã đến nói chuyện với Ike Bykovski,” ông nói. “Và bây giờ là đến lượt Leon Ferro. Con đang toan tính chuyện gì phải không?”

Tôi luôn bị bất ngờ, không hiểu vì sao Bó gần như luôn biết được mọi việc mà tôi vừa làm. “Bố à, con thật sự cần sự giúp đỡ của Bố,” tôi phân trần.

“Con cần sỏi.” Ông lắc đầu. “Leon Ferro đã lằng nhằng với bố về vụ này mấy tuần nay rồi. Điều này là không thể, con quên nó đi.”

“Con phải làm gì để nó trở thành hiện thực?”

“Con chẳng làm được gì đâu. Con cầm cái gì đây?”

Tôi đưa cho ông xem bản phác thảo miệng tên lửa, phần thân và nắp. Ông nhìn qua một lúc rồi phán. “Không đến nỗi tồi,” ông tỏ vẻ đồng tình. “Nhưng con phải chú thích thêm độ dày của cái ống nữa.” Nói rồi ông chỉ tôi cách để vẽ mấy mũi tên và đánh dấu kích thước.

“Cám ơn Bố,” tôi nói.

“Bây giờ thì biến đi. Bố còn nhiều việc phải làm lắm.”

Tôi cuộn bản vẽ lại. “Còn sỏi thì sao ạ?”

Ông nhìn tôi trân trân. “Con chẳng bao giờ chịu từ bỏ ý định phải không?”

“Mẹ nói đó là bản chất của nhà Lavender ạ.”

Lông mày Bó dựng đứng lên. “Chúa cũng phải đồng tình với bố đó là dòng máu của nhà Hickam!”

Tôi cảm thấy mình đang có cơ hội. “Bố, cho con xin lỗi về những gì xảy ra vào hôm Bố dẫn con vào hầm mỏ.”

“Khai thác than luôn nằm trong dòng máu của con, con trai ạ,” ông nhún vai. “Bố chắc là sớm hay muộn, con cũng sẽ tự nhận thức được điều này thôi.”

“Dù sao đi nữa, con vẫn muốn làm việc cho Tiến sĩ von Braun.”

Ông gật gù. “Để rồi xem.”

“Còn sỏi thì sao ạ?”

Ông thở dài. “Để rồi xem.”

“À, Bố này...”

“Gi?”

“Cô Bykovski cần một cái tủ mới nữa ạ.”

“Biến ngay!”

Ngay hôm sau, chú Duncan đến gần tủ gỗ mới cho cô Bykovski, gần như cùng lúc với chiếc xe tải đầu tiên chở 2,5 tấn sỏi (có tất cả 3 chiếc) đến sân sau nhà chú Ferro. Tôi biết rằng phải cảm ơn không ai khác ngoài Bố mình. Khi lên cửa hàng kim khí điện máy, tôi trông chờ được nhìn thấy thợ máy đang tất bật với mấy cái hỏa tiễn của tôi nhưng mọi thứ lại là một sự thất vọng tràn trề. Chú Ferro giải thích là đang bị hết ống sắt để thi công. “Nhưng chắc chắn sẽ có hàng lại nhanh thôi,” chú nói rất tỉnh và chẳng có lấy một lời xin lỗi.

“Nhưng chú đã hứa là sẽ *làm* nó mà!” tôi phàn nàn.

“Chú cần một ít gỗ để sửa hiên nhà trước, có vài chỗ bị mục rồi,” chú nói, tỏ vẻ bối rối.

Willy Brightwell là người thế chỗ chú Bykovski tại xưởng kim khí điện máy ở nhà than. Tôi biết chú ấy khá rõ. Will, Jr., con trai của chú vẫn thường cùng lũ trẻ xuống từ Mudhole chơi bóng bầu dục với bọn tôi trên khoảng sân xi-măng rộng lớn giữa nhà thờ và Club House. Chú Brightwell lắc đầu nguây nguây khi tôi xin chú cho mấy ống sắt. “Không, Sonny à, chú không thể cho cháu được. Cháu biết bố cháu ra sao mà.”

Tôi đề nghị yêu cầu cuối cùng của mình với Bố khi ông vừa đặt lưng xuống ghế và mở báo ra đọc. “Không đời nào,” ông nói rồi lạch xạch giở báo, đoạn nhảy nhồm lên khi nghe tiếng “hắc phen” réo inh ỏi, “và đây là yêu cầu cuối cùng nhé.”

Hai ngày sau, ống sắt xuất hiện ở sân sau, nằm gác vào góc, cùng với mấy thanh sắt dài nữa. Tôi đón lấy chúng, chẳng hỏi lời nào. Nếu Bố cứ muốn giả vờ rằng không thật sự muốn giúp đỡ thì tôi phải hỏi này hỏi nọ làm gì?

Tại cửa hàng kim khí điện máy, chú Ferro trình cho chúng tôi xem thiết kế hỏa tiễn mới nhất, *Auk XIV*. Quentin nhắc hỏa tiễn lên xem xét trong khi mấy người thợ máy chế tác ra nó đứng vây quanh. “Cháu e rằng tỉ lệ khối lượng của chất nổ đẩy được nhồi vào và của thân hỏa tiễn rỗng này sẽ là quá nhỏ,” cậu tiếp lời. “Cháu rút ra được là hai khối lượng này có sự liên hệ mật thiết và phải tuân theo một thông số nhất định.”

“Ý cậu ấy là nó quá nặng,” tôi nói lại cho mấy chú thợ máy rồi đón lấy cái hỏa tiễn từ tay Quentin. Nó *nặng* thật, và không có nhiều khoảng trống lắm để nhét chất nổ đẩy sau khi miệng và nắp tên lửa được cố định. Bộ thăng bằng và cái chóp chỉ tổ tăng thêm trọng lượng mà thôi. Tôi nghi ngờ rằng ngay cả

chất nổ kẹo ngọt cũng không đủ sức đẩy cái hỏa tiễn nhỏ nhắn nhưng nặng trĩu này lên khỏi mặt đất.

“Cần phải tăng thể tích của phần ống nhưng không được làm khối lượng tăng quá nhiều,” Quentin nói.

“Phải làm nó dài hơn ra,” tôi lại phải “phiên dịch”.

Clinton Caton, một chú thợ máy, giơ tay xung phong. “Để tôi làm cho, ông chủ.”

Chú Ferro gạt đầu tán thành. “Được rồi, Clinton, giao cho cậu đây.”

Hóa ra chú Caton là một người rất có tầm nhìn. Chẳng cần tôi góp ý gì mà chú cũng tự động nối dài nó thêm 77cm, biến nó thành một con quái vật thực thụ và phải mất 1,5 nôi thuốc nổ kẹo ngọt mới đong đầy. Trong khi dung dịch còn mềm, tôi chọc cây que thủy tinh - mượn từ phòng thí nghiệm của cô Riley - vào giữa để tạo ra một lỗ rãnh chạy xuyên suốt chiều dài.

Cuối tuần sau, hỏa tiễn mới của chúng tôi ra mắt trong một cơn gió lạnh lẽo, mạnh mẽ cuốn xoáy khắp Cape Coalwood. Tôi thật e sợ rằng gió sẽ thổi bay chiếc tên lửa của bọn tôi mất. Sherman cùng Billy lôi ra một thanh sắt dài 1,83 mét - O'Dell tìm thấy nó bị vứt lẫn lóc cạnh xưởng kim khí điện máy - rồi cắm xuống bãi đất cạnh bệ phóng. Chúng tôi quấn vài vòng dây kẽm quanh phần đầu và phần cuối thân hỏa tiễn rồi gài nó vào thanh sắt. Mấy người thợ máy của chú Ferro đang tụ tập xung quanh, run rẩy trong cơn gió chướng. Jake và chú Dubonnet cũng có mặt. “Trông có vẻ sẽ làm nên chuyện đây,” Jake nhận xét chiếc thanh sắt định vị. “Mấy quả tên lửa nằm dưới cánh máy bay của anh ở Hàn Quốc cũng được gắn vào mấy cái rãnh ngăn nhằm giúp chúng phóng thẳng lên.”

“Chú nghe nói cháu gặp Ike Bykovski, rồi đến Leon Ferro và cuối cùng là xin bố cháu cung cấp vật liệu. Cháu đã đảo mấy vòng rồi phải không?” chú Dubonnet hỏi.

Tôi nhún vai, dù sao thì chú ấy cũng đã biết rõ mọi chuyện rồi.

“Vài anh bạn trong Liên minh đang tự hỏi rằng John L. Lewis sẽ nghĩ gì khi đề hội viên của UMWA cùng tham gia chế tạo tên lửa.”

Tôi không thích cái giọng điệu này. Chú Dubonnet hoàn toàn có quyền cấm mấy người thợ máy làm việc cho tôi. Tôi chẳng biết cuộc chiến tranh ngầm giữa Liên minh Công nhân và bộ máy lãnh đạo sẽ ảnh hưởng gì đến Coalwood nữa. “Chú nghĩ ông ấy sẽ nói gì?” tôi rụt rè hỏi.

Chú ấy cười phá lên. “Chú chỉ thấy cặp lông mày đen rậm giật giật liên hồi. Ông ấy rất thích đề nghị này! Có lẽ chú sẽ đề xuất với ông ấy thành lập Liên Hiệp Mỏ và Công Nhân Hỏa Tiễn Hoa Kỳ sớm thôi!”

Sau khi ổn định cho Jake, chú Dubonnet và mấy anh thợ máy vào trong lô cốt hoặc núp an toàn sau xe hơi, chúng tôi cho *Auk XIV* khai hỏa; nó bắt đầu bay lên từ bệ phóng, xoay một vòng xung quanh thanh sắt trước khi vút thẳng lên trời. Quentin liền phóng ra khỏi lô cốt với máy kinh vĩ trên tay và bắt đầu

đổi theo đường bay. Sherman khập khiễng chui ra ngoài và hí hoáy ghi chép lại chi tiết của chuyến bay. Chiếc tên lửa bay nghiêng xuôi theo góc độ của ngọn núi - chúng tôi đặt là núi Hỏa Tiễn - và tiếp tục lên cao nữa. Nó đã trở thành quả tên lửa tuyệt nhất của bọn tôi tính tới thời điểm này. Khi chỉ còn là một chấm đen trên bầu trời xanh thẳm thì nó dừng lại và lao vút xuống, biến mất sau đỉnh cao nhất của núi Hỏa Tiễn. Chúng tôi xuất phát, băng qua khu rừng. Billy đang dẫn đầu cả đám. Cậu ấy không những chạy nhanh mà còn sở hữu một cái mũi rất nhạy để lần ra dấu vết của mùi chất nổ kẹo ngọt bị cháy khét. Sau một giờ đồng hồ vất vả, đầu gối rớm máu vì va quệt vào mấy tảng đá trên đường leo lên núi, chúng tôi cũng tìm được *Auk XIV*. Nó cắm đầu xuống tảng đá duy nhất trong vòng 91 dặm lồi lên khỏi mặt đất. Phần thân cong vòng hết cả lại, còn cái chóp thì đã biến thành mún cưa. Nhưng ít ra phần miệng tên lửa còn nguyên vẹn. Vẫn có sự ăn mòn xảy ra nhưng nó đã tồn tại được. Quentin sau cùng cũng hớn hên đến cạnh chúng tôi; ngay cả Sherman cũng băng qua rừng nhanh hơn cậu ấy. Quentin dừng lại, hai tay tì lên đầu gối, cố lấy lại nhịp thở rồi lướt qua cuốn sách lượng giác của Jake và kết luận: “914 mét”.

Chín trăm mười bốn mét!

“Tớ nghĩ bọn mình nên gọi cho mấy người đang làm việc ở Cape Canaveral, ít nhất cũng dạy họ được một hai thứ hữu ích rồi đây,” Roy Lee bảo.

Tuần sau, mấy người thợ máy vấy tôi vào trong xưởng và khoe chiếc tên lửa mà họ tự chế tạo. Nó phóng theo thiết kế mới nhất của chúng tôi, nhưng dài hơn 15,24cm - vậy là dài 91,44cm cả thảy. Họ còn cố định phần nắp và miệng bằng vít thay vì hàn xì. Có cả đinh khuy được gắn vào phần đầu và cuối thân để gắn lên thanh định vị nữa. Tôi hồ hởi nhận lấy nó và cùng với mấy đứa bạn đóng đầy chất nổ vào bên trong. Cuối tuần sau,

Auk XV phóng vút lên không trung trong tràng pháo tay vang dội của mấy người thợ máy. Tôi có thể nhận thấy ngay rằng nó sẽ không thể bay cao hơn chiếc *Auk XIV* được. Và thực tế đã chứng minh, nó chỉ đạt được phân nửa độ cao mà thôi. Mặc dù vậy, mấy người thợ máy vẫn tỏ ra cực kì hân hoan; còn tôi và Quentin thì lo lắng suốt cả tuần vì màn trình diễn đó, cố gắng tìm hiểu nguyên nhân của việc giảm độ cao.

“Có thể chúng ta đã đạt đến giới hạn mà chất nổ kẹo ngọt có thể làm được,” Quentin nhận xét. “Có lẽ mọi chất nổ đầy đều có điểm bão hòa của chúng.”

“Chúng ta cần làm thêm nhiều thí nghiệm kiểm chứng nữa để chắc chắn về điều này,” tôi đáp.

Quentin ngược nhìn lên. Cuối cùng tôi cũng phải đồng ý với cậu ấy. “Anh bạn ạ, mặc dù tớ vẫn còn nhiều hoài nghi, nhưng có những lúc, giống như bây giờ này, khi tớ tin rằng cậu hoàn toàn có khả năng học hỏi. Cậu nghĩ như thế nào về việc tham gia hội chợ khoa học năm nay?”

“Chúng ta chưa sẵn sàng đâu,” tôi đáp. “Chúng mình vẫn cần tìm được cuốn sách để biết rằng mình đang nói về cái gì.”

Quentin nhún vai. “Nếu cứ theo đà này, chúng ta có thể tự viết sách ấy chứ.”

SỐ NỮ trong ban nhạc trường Big Creek nhiều gấp 4 lần nam giới. Mặc dù trước khi bị đình chỉ thi đấu, bọn cầu thủ bóng bầu dục luôn chiếm được trái tim của đám bạn nữ, nhưng giờ đây, mấy thằng con trai trong ban nhạc tại tôi lại dễ tiếp cận với các nàng hơn. Không có trận bóng bầu dục nào diễn ra trong suốt mùa thu năm 1958, nhưng ban nhạc chúng tôi vẫn sang các thị trấn lân cận để điều hành khi họ mời. Cần 2 xe buýt để tải hết 80 thành viên ban nhạc và tất cả dụng cụ cần thiết. Cảm giác đi xe buýt của ban nhạc rất thoải mái, nhất là sau khi chúng tôi biểu diễn và về lại trường vào ban đêm. Một mà vui, bọn tôi ngồi trong chiếc xe buýt tối om, một vài thằng may mắn còn được ngồi cạnh các nàng mà chúng thích, cùng âu yếm đằng sau xe. Dorothy cũng là thành viên chơi kèn saxophone và luôn thích ngồi cạnh tôi. Thỉnh thoảng nàng còn dựa đầu vào vai tôi nghỉ ngơi trong khi tôi thì ngồi cứng đờ như khúc gỗ, luôn sợ rằng nếu mình nhúc nhích sẽ làm phiền giấc nghỉ của thiên thần ấy.

Mọi thành viên ban nhạc đều thích hát thì thầm trong bóng tối, những cơ thể của họ luôn tỏa ra hơi ấm khắp xe buýt. Bài hát được ưa chuộng nhất là: “Hãy cho tôi biết vì sao.”

“Hãy cho tôi biết vì sao những ngôi sao tỏa sáng.

Hãy cho tôi biết vì sao cây thường xuân lại mọc leo.

Hãy cho tôi biết vì sao nước biển màu xanh biếc.

Rồi tôi sẽ cho em biết vì sao tôi yêu em.”

Tôi còn nhớ trong lúc cựa đầu trên vai tôi, Dorothy có thì thầm gì đó.

“Bởi vì Thượng Đế làm những ngôi sao tỏa sáng.

Bởi vì Thượng Đế cho cây thường xuân mọc leo.

Bởi vì Thượng Đế làm cho nước biển xanh biếc.

Bởi vì Thượng Đế tạo ra anh, vì thế em yêu anh.”

Nàng nói gì ấy nhỉ? Những điều mà nàng chỉ có thể nói với tôi trong mơ thôi sao? Tôi cũng hy vọng như vậy và cũng sẵn sàng vờ như được đón nhận chúng. “Minh cũng yêu cậu,” tôi thì thầm thật nhỏ đến nỗi cả mình cũng không nghe thấy được, nhưng tim thì vẫn đập loạn xạ vì sự táo bạo đó. Rồi chiếc xe vẫn đều đặn lăn bánh, chở theo đầy những giấc mơ.

TRONG MỘT TIẾT HỌC vào cuối tháng 11, tôi bạo gan mời Dorothy cùng tham dự lễ Noel. “Mình ước gì có thể đi được,” nàng vừa nói vừa lắc đầu buồn bã. “Bạn trai mình quen từ hè vừa rồi đã mời trước và mình đã chấp nhận mất rồi.”

Bạn trai đó là một sinh viên đại học ở Welch, có lần Dorothy đã kể cho tôi biết rồi. “Nhưng cậu đã nói là anh ta đối xử tệ bạc với cậu lắm mà!” tôi phản đối. “Sao cậu lại đồng ý hẹn hò với anh ta nữa vậy?”

“Ừm, nhưng mà anh ấy đã mở lời trước khi mình kịp nhận ra bản chất thật đó.” Nàng giải thích.

“Rốt cuộc là cậu vẫn dự lễ Noel với hắn?”

“Mình đã nhận lời rồi và không muốn làm trái lời hứa,” nàng thở dài. “Nhưng mình sẽ nhớ đến cậu, Sonny à. Mình sẽ nhớ lắm.”

Ánh nhìn của nàng dành cho tôi thật đáng thương, tôi chẳng làm gì khác ngoài việc cảm thấy tội nghiệp cho nàng. Vào đêm buổi lễ diễn ra, tôi vui mình ở nhà, miễn cưỡng dán mắt vào cuốn *Thứ năm ngọt ngào* của Steinbeck lấy từ kệ sách trên gác của Bố. Tôi thức đến tận 2 giờ sáng, chỉ đi ngủ khi biết chắc rằng Dorothy đã an toàn về nhà. Hôm sau tôi gặp Roy Lee. Cậu ấy có tham dự buổi lễ nên tôi không thể không hỏi thăm về Dorothy. “Tớ có thấy cô ấy,” cậu ấy đáp một cách lập lờ.

“Cô ấy... cô ấy có vui vẻ không?”

Roy Lee nhìn lướt qua tôi rồi hướng về phía khoảng không vời vợi. “Cậu muốn tớ nói gì nào?”

“Ừm, thì cứ nói sự thật thôi.”

Roy Lee đặt tay lên vai tôi. “Cô ấy lao vào hắn như con thiêu thân vậy.”

NOEL NĂM 1958 không phủ đầy tuyết trắng nhưng lại rét đậm rét hại, thật ra điều này cũng không phải là vấn đề lớn đối với một thị trấn nằm trên hàng tỉ tấn than tinh khiết nhất thế giới này. Như thường lệ, Mẹ vác về cây thông lớn nhất trong thị trấn, rồi tôi cùng Jim hì hục kéo nó vào nhà cho bà. Mẹ không muốn cắt ngắn cái cây đi nên bắt bọn tôi dựng nghiêng nó, ngọn chạm vào trần nhà. Khi Bố về, ông lặng lẽ vác thang ra và cắt đi 6 tầng trên ngọn. Mẹ chẳng hài lòng với công trình của Bố tí nào, bà bảo ông đã làm cho nó nhìn giống bụi cây hơn là một cái cây hoàn hảo. Sau khi bọn tôi vừa hoàn tất việc trang hoàng cây thông thì Daisy Mae cùng Lucifer lôi hết mấy chiếc bóng đèn và vật trang trí trong tầm với của chúng xuống; còn Chipper thì chui vào mai phục bên trong rồi kêu quang quác lên mỗi khi có ai đi ngang qua.

Buổi sáng Noel hôm ấy, Mẹ vào phòng, ngồi xuống giường và đưa tôi một bì thư lớn giấy làm từ cây

chuối sợi. Chẳng cần biết trong đó chứa gì, tôi mở ra; và ngạc nhiên xiết bao, đó là một tấm hình của Tiến sĩ Wernher von Braun cùng mấy dòng chữ viết tay của chính ông. Tôi không tin những gì mình đang đọc. Ông chúc mừng thành quả về những chiếc tên lửa của tôi, rồi khuyên tôi nên tiếp tục học hỏi và có thể một ngày nào đó sẽ có cơ hội được làm việc trong ngành không gian! Cuối thư, ông viết: *Nếu cháu làm việc cần cù thì sẽ làm được bất cứ thứ gì mình muốn.*

Tôi nhìn đắm đắm tấm hình và những dòng thư, đọc từng hàng, từng hàng một. Tôi không thể tin được là mình đang chạm vào vật mà người đàn ông vĩ đại đó đã chạm vào. “Mẹ? Làm sao Mẹ...?”

Bà cười thật tươi, tôi nghĩ bà đang tự hào. “Mẹ viết thư cho ông ấy và kể về con, Sonny ạ. Mẹ nghĩ rằng ông sẽ hứng thú với một người đang sẵn sàng đến giúp chế tạo hỏa tiễn cùng mình.”

Tôi ôm choàng lấy cổ bà và ghì thật chặt. Điều này làm bà ngạc nhiên không khác gì sự ngạc nhiên bà đã dành cho tôi. Tôi chưa từng có một món quà nào tuyệt vời đến vậy! Trong suốt thời gian còn lại của mùa lễ Noel năm ấy, tôi đọc đi đọc lại những dòng chữ của Braun. Tôi còn đưa cho Jim đọc nhưng anh giả vờ bảo rằng chẳng biết Braun là ai. Tôi cũng cố gắng đưa cho Bố đọc nhưng ông chỉ toàn hứa miệng và rồi chẳng bao giờ sờ tới nó cả.

Ngày đầu tiên đi học lại sau lễ Noel, tôi mang theo tấm hình của Braun đến trường. Vào giờ ăn trưa trong giảng đường, Quentin nâng niu nó như một thánh vật thiêng liêng. “Thật phi thường,” cậu ấy thì thầm trong sự tôn kính tuyệt đối.

13. CUỐN SÁCH HỎA TIỀN

MỘT ĐÊM THÁNG GIÊNG, trời bắt đầu đổ tuyết, lác đác vài hạt rồi dần dần đều đặn hơn. Trước khi rúc vào chăn ấm, tôi nghe thấy những bước chân lộp xộp của toán thợ mỏ làm việc ca khuya lê trên lớp tuyết dày. Tôi nhòm người lên nhìn ra ngoài nhưng không trông rõ được họ qua màn tuyết trắng xóa. Daisy Mae núp mình vào tôi, grừ grừ. Tôi luồn tay xuống vuốt ve nó và từ từ chìm vào giấc ngủ.

Tôi bị đánh thức bởi tiếng bánh xích kéo lê trên lớp tuyết dày đặc. Nhìn qua cửa sổ, tôi chỉ thấy toàn một màu trắng bao phủ khắp nơi, từ sân nhà, con đường, trạm nhiên liệu và cả những dãy núi trùng điệp đằng xa. Duy chỉ còn nhà than và thang máy, đang ẩn hiện trong đám khói bốc lên từ những đường hầm sâu thẳm nằm bên dưới là vẫn giữ được màu đen truyền thống của chúng. Tôi trông chiếc quần jeans, áo thun, áo len vào người rồi vội vã xuống bếp, lúc này Mẹ đã bật sẵn đài WELC trên radio. Phát thanh viên Johnny Villani vui vẻ nhận xét về tình hình tuyết rơi, cảnh báo mọi người phải cẩn thận khi ra đường, nhưng tuyết nhiên chẳng có một thông cáo nghỉ học nào được công bố cả. Khi tôi xuống tới bàn ăn thì Jim đứng bật dậy, cầu nài rằng phải chi có thể nghỉ một ngày đi trượt tuyết cho thoải mái, rồi biến lên phòng tắm trên lầu. Tôi ực vội tách xô cô la nóng và nuốt trọn miếng bánh mì rồi chạy lên lầu gom góp lại bài tập về nhà vào cuốn sổ tay, sau đó xuống thành cầu thang sắp xếp sách học, cuối cùng là dành vài phút xem *Today Show* với Dave Garroway trên tivi. Chỉ có một ít tin tức về cuộc đua lên không gian nên khi vừa thấy Jim dùng xong phòng tắm là tôi liền phóng hai bước một lên cầu thang, đánh răng, rồi hối hả trở xuống chộp lấy chiếc áo choàng nặng trĩu trong phòng chứa quần áo. Jim đã rời khỏi nhà từ lúc nào rồi, có lẽ khi tôi ra đến cửa thì anh ấy đã lên xe buýt không chừa. Mẹ đuổi theo tôi, áo choàng mặc trong nhà của bà thắt chặt trong cái lạnh buốt giá; bà vừa bắt kịp để đưa cho tôi chiếc túi nâu đựng cơm trưa. “Lại trễ nữa rồi, cậu Hickam nhỏ ạ!” Jack phán và lườm tôi. Chợt thấy Mẹ tôi, ông cất tiếng chào: “Elsie, chào buổi sáng, mọi thứ sao rồi?”

“Mọi thứ sẽ tốt hơn nếu tôi có thể khiến cho Sonny năng động hơn vào buổi sáng, Jack ạ,” bà mỉm cười đáp.

“Chà, một ngày nào đó cậu nhỏ sẽ hiểu ra vấn đề thôi,” Jack nói, đóng cửa xe lại. Mẹ vẫy theo và cẩn thận nhón chân bước đi trên đôi dép ở nhà.

Tôi len lỏi qua lối đi rồi chen vào chiếc ghế đã có Jane Todd và Guylinda Cox đang ngủ gà gật. Phía bên kia là em họ của Jane - Carol Todd cùng Claudia Allision đang ép vào người tôi. Khi băng qua thị trấn, tôi thấy lác đác các bà đang hí hục xúc than chất lên xe đẩy để đổ vào chiếc bếp lò Buổi Sáng Ấm Ấp trong nhà. Hầu hết họ đều đi chân đất, những chiếc áo ngủ màu nhạt ẩn hiện thấp thoáng bên dưới lớp áo len; chúng là những món quà mà người thợ mỏ thường dành cho vợ họ vào lễ Noel trong thời kì thịnh vượng. Mẹ thường hay nhắc về khoảng thời gian mà hai vợ chồng còn chung sống ở một ngôi nhà như vậy ngay sau khi kết hôn. Có lần bà phóng ra ngoài trời đông tuyết đến chỗ thùng than mà không mặc gì khác ngoài chiếc áo ngủ làm cả toán thợ mỏ đứng sững cả lại. Họ dừng lại và buông lời lả lơi.

“Elsie à, Homer phải mua cho cô một cái áo khoác ngay đi thôi.” Chú O’Leary trù mền nói.

“Đúng là hẳn phải mua ngay đi,” chú Larsen đế thêm vào, giọng có vẻ giận dữ nhưng mắt thì lòi cả ra.

“Ây dà, Homer, anh ta thật là một chàng trai tốt số,” chú Salvadore vừa nói vừa đặt ngón tay lên môi.

Mẹ đẩy chiếc xe vào hiên nhà nhưng trên đường bà trượt chân, ngã chổng cả hai vó lên trời, đôi dép lê đi trong nhà màu hồng lượn bay trên không trung. Cũng còn may là lớp tuyết mềm mại đã đỡ bà khỏi một cú ngã chí mạng, cả tấm lưng đập thẳng xuống đất. Một người thợ mỏ rục rịch leo qua hàng rào tỏ ý giúp đỡ nhưng bà đã ngăn họ lại ngay, không cho phép họ tiến thêm một bước nào nữa. Bà nói rằng mọi thứ ổn cả song không dám nhúc nhích, vì nếu bà đứng dậy thì họ sẽ nhìn thấy được nhiều thứ nhạy cảm khác, điều mà Mẹ không muốn tí nào, kể cả đối với Bố. Cứ thế bà ngồi thừ người ra đấy, làm tan chảy cả lớp băng bên dưới đến khi mấy người thợ mỏ bỏ đi sau mọi nỗ lực yêu cầu được giúp đỡ bất thành. Ngay sau đó, bà chạy vụt vào nhà. Cả ngày hôm ấy, vì xấu hổ, bà thậm chí không ló mặt ra khỏi cửa. Đến khi Bố về, bếp lò Ấm Áp Buổi Sáng tuyệt nhiên lạnh tanh.

“Sao em không giữ cho lò sưởi hoạt động?” ông cầu nhàu, mở cửa lò ra, nhìn vào đồng tro tàn trên vỉ. “Anh làm việc vất vả cả ngày, khi về nhà, anh mong đợi được cảm nhận được một thứ gì đó đang cháy trong cái bếp lò này chứ.”

“Anh muốn có gì đang cháy trong này hả?”

“Đương nhiên rồi.”

“Được thôi.” Mẹ lên lầu và trở xuống với chiếc áo ngủ trong tay và cả đôi dép lê, nhét chúng hết vào bếp lò rồi nổi lửa. “Hài lòng chưa?” Bà hỏi. Sau khi nghe thuật lại mọi chuyện xảy ra, Bố còn châm dầu vào lửa khi nói ngôi nhà có mùi khó ngửi suốt nhiều ngày cho mà xem. Và theo Mẹ kể lại thì ngay năm sau, nhà tôi được ưu tiên gắn lò sưởi.

Có thêm khoảng 12 đũa nữa lên xe buýt tại New Camp và đến Substation thì Roy Lee cũng có mặt. Cậu ấy có bài thuyết trình trong lớp nên bắt đầu thực tập với nhỏ Linda Bukovich buồn chán. Khi Carlotta Smith lên xe tại Number Six thì lũ con trai chúng tôi trở nên hoạt bát hơn, ngắm nhìn cô ấy bước men theo lối đi trong lớp áo len bó sát người và áo khoác ngắn để hở. Thật ra cô nàng không phải đẹp gì mấy, chỉ có khuôn mặt trẻ thơ bầu bĩnh lấm tấm mụn và mái tóc xõa; nhưng dáng vẻ và mùi hương toát ra từ cô nàng cũng đủ làm loạn nhịp tim những cậu trai trẻ rồi. Roy Lee chồm người sang, nhếch chân mày và thì thầm vào tai tôi: “Old Glory: Ôi, quốc kỳ nước Mỹ,” làm tôi không nhìn được và bật cười khanh khách. Thật ra là vì có một câu châm biếm dành cho những cô nàng có thân hình đẹp nhưng gương mặt thì xấu xí: “Hãy trùm lá cờ lên mặt cô ta rồi *bạn sẽ biết quốc kỳ Mỹ dùng để làm gì.*” Mà thật ra chúng tôi chắc cũng chẳng bao giờ có cơ hội để làm được điều đó. Carlotta không tìm được chỗ ngồi nên cô nàng đứng cạnh tôi, cặp hông tròn lẳn cách mặt tôi chỉ vài centimet. Chẳng hiểu là do cảm thấy tội lỗi hay xấu hổ, tôi tự động đứng dậy nhường chỗ, cô nàng lí nhí cảm ơn rồi chen vào giữa Jane và Guy Linda - vừa mới tỉnh giấc và xịch qua một tí cho Carlotta ngồi. “Hú hu.” Roy

Lee cười nhả nhỏ, đứng dậy đề thì thầm với tôi. “Cậu nghĩ là tỏ ra lịch sự thì sẽ đôi chác lại được gì à? Nàng Dorothy yêu dấu sẽ nghĩ gì về những cái cậu đang toan tính trong đầu nhỉ?” Nói xong, Roy Lee ngồi xuống, cười khẩy. Tôi cố chớp lấy Roy Lee nhưng cậu ấy né được và cười phá lên.

Jack theo dõi hết mấy trò vớ vẩn của chúng tôi qua kính chiếu hậu. “Cậu nhỏ nhà Hickam,” ông quát, “chú mày muốn bị quăng khỏi xe lần nữa à? Không chứ gì? Vậy đi lại ngồi xuống đây nhanh lên!” Tôi len lỏi qua lối đi ẩm đậm đầy những kẻ gât gà gât gù rồi ngồi xuống bậc cửa mà Jack chỉ định. Sau đó Jack vào số và xe bắt đầu lăn bánh trên đoạn đường thẳng ngắn ngủi trước khi đến khúc cua vào núi Coalwood.

Khúc cua thứ 5 đặc biệt gieo neo, nó bọc quanh một vách núi thẳng đứng cao hơn 30 mét và mặc nhiên không có một cái cây nào để cản lại nếu xe bị lệch bánh lái. Jack thắng xe lại và ra lệnh: “Tất cả xuống xe, đi bộ qua khúc cua và lên đoạn đường thẳng, chờ ta ở đó. Để đồ đạc lại hết.”

Nói rồi ông mở cửa, tôi cùng cả đám học sinh - một nửa đang còn ngái ngủ - loạng choạng ra khỏi xe. Chúng tôi lặng lẽ lê bước qua khúc quanh đến nơi Jack chỉ định rồi đợi ở đó. Ông nhẹ nhàng leo lái qua khúc quanh gài số đánh xe đến bên chúng tôi, mở cửa cho cả bọn vào lại bên trong. Tôi lại ngoan ngoãn đóng đô lại trên bậc cửa. Lên đến đỉnh núi Coalwood, chúng tôi còn phải đối mặt với những triền dốc cheo leo, thẳng đứng; tiếp theo đó còn nhiều khúc cua quanh co, trời lên thụt xuống. Jack gài số nhỏ và đưa chúng tôi chậm rãi vượt qua. Ra đến một đoạn đường thẳng ngắn lại đi vào một khúc cua ngầm khá rộng bao trùm bởi mỏm đá lớn. Tôi ngấm nhìn và tự hỏi cái trụ băng dài 9 mét đang treo mình trên mỏm đá kia có phải là nhũ đá pha lê hay không.

Xe bon bon lăn bánh xuống Little Daytona, đến Caretta, băng qua phần đầu khu mỏ, rồi lên tới núi War; đến đây, Jack lại ra lệnh cho chúng tôi xuống và đi bộ qua một khúc cua đặc biệt nguy hiểm khác. Hôm đó chúng tôi đến trường muộn cả giờ đồng hồ. Đến nơi, thầy Turner đang sốt ruột đứng đợi ngoài cổng trường. “Vào lớp như giờ thường lệ nhanh,” thầy bảo. “Ghi lại bài tập của tiết học trước từ bạn bè nhé. Khẩn trương lên, các trò!”

Trước khi tiết hóa bắt đầu, cô Riley gọi tôi lên bàn giáo viên. “Cô có cái này cho em, Sonny,” cô nói. “gặp cô trước khi về nhà nhé.” Nhưng sau cả ngày thích thú ngắm tuyết rơi và hân hoan khi được về nhà sớm 1 giờ đồng hồ nên đến khi đang trên xe buýt về nhà tôi mới chợt nhớ lẽ ra mình phải đến gặp cô trước đó.

Tuyết vẫn tiếp tục buông suốt cả đêm. Lucifer mò vào trong nhà, rúc xuống tấm thảm dưới bậc thềm cuối của tầng hầm. Dandy cùng Poteet cũng yên vị dưới hầm, họa hoằn lắm mới chạy vụt ra ngoài sân để giải quyết vấn đề cá nhân. Sáng hôm sau, tôi bò ra khỏi giường trong không gian tĩnh lặng. Chẳng có gì khác ngoài đường trù những người thợ mỏ đang lê bước. Johnny Villani tuyên bố: Trường học vẫn mở cửa nhưng xe buýt tạm ngưng hoạt động. Khuyến khích học sinh nào có thể đi bộ đến trường, số còn lại được phép nghỉ học.

Tôi xuống phòng khách để được hưởng đặc ân hiếm hoi là xem *Today Show* suốt cả ngày. Nhưng chưa kịp nhìn thấy bóng dáng của J. Fred Muggs thì một quả bóng tuyết đã văng ầm vào cửa sổ. Tôi nhòm ra

ngoài, thấy O'Dell, Roy Lee và Sherman đang ngồi trên xe trượt tuyết. Jim và lũ bạn của anh đã lấy xe trượt hướng về trung tâm Coalwood, để chơi đùa trên con đường trước nhà thờ và Club House từ sớm. “Ra đây nào!” O'Dell hét toáng, hăng tiết nhảy dựng lên liên hồi. “Bọn mình đang ra Big Creek! Chưa có ai ra đó bằng xe trượt tuyết đâu nhé! Bọn mình là người tiên phong đây!”

Mẹ đang từ tốn nhăm nháp cà phê đằng trước bãi biển nhiệt đới của bà. Cây cọ được vẽ xong, hình như bà đã thêm vài trái dừa lên đó thì phải. “Tụi con định trượt tuyết suốt đoạn đường đến Big Creek, Mẹ ạ,” tôi nói.

“Ừm, đừng có để bị chết cứng đấy nhé,” bà thở dài qua mép tách cà phê.

Tôi lon ton chạy xuống hầm, cẩn thận bước qua Lucifer - nó đang giương một mắt lên câu tiết nhìn tôi. Dandy và Poteet thì lại loăng quăng xung quanh, bị kích động bởi sự hào hứng của tôi. Tôi tìm thấy xe trượt tuyết của mình rồi lôi ra ngoài. Sau đó tôi trở về phòng, trông thêm một lớp quần jeans, một chiếc áo lót, rồi khoác vào một chiếc áo bằng vải fla-nen dày, hai đôi tất, ủng cao su và sau cùng là một chiếc áo khoác len nặng trĩu. Tôi không đội mũ, đó không phải là phong cách của thanh niên miền Tây Virginia; chỉ trừ loại mũ đen rũ ra đằng sau có gắn lông dùng trong các buổi nhảy nhót. Mẹ nhìn thấy tôi định ra khỏi nhà trong tình trạng như vậy bèn gọi ngược vào và đưa cho tôi một chiếc mũ len. “Nếu con không chịu đội vào thì nào sẽ bị đóng băng đấy,” bà nói và vẫy mấy đứa kia. “Các cháu điên hết rồi à?”

“Vâng thưa cô!” bọn nó vui vẻ đồng thanh đáp. “Đi cùng chúng cháu nào!”

“Trợn kiếp này cũng không đi đâu!” Mẹ đáp. Tôi cầm lấy chiếc mũ đội lên đầu cho bà hài lòng, rồi tháo xuống ngay khi bà vừa đóng cửa và nhét nó dúi dúi vào túi áo khoác. Vài chiếc xe đang chuẩn bị lan canh lẫn bánh. Bọn tôi băng đường qua trạm nhiên liệu và đợi đến khi có xe đi về hướng núi Coalwood. Roy Lee bám vào cái cản sau xe rồi nhảy lên xe trượt tuyết của cậu ấy, lần lượt chúng tôi bám đuôi nhau tạo thành một hàng dài, hai chân đặt về phía trước. Tôi ngồi ở sau cùng. Khi chiếc xe rẽ vào cửa hàng tại Six, chúng tôi buông ra và lũ lượt bước ra đường, tự mình đối mặt với núi Coalwood.

Lớp tuyết còn rất mịn màng, tinh khôi, chúng tôi là những người để lại vết xe đầu tiên. Nó có độ bám tốt, không lâu sau chúng tôi đã lên đến đỉnh núi. Bọn tôi quăng mình lên xe trượt tuyết và hét ầm ĩ, hò hời trên đường xuống núi, lượn qua mấy khúc cua trũng, để lại những vết cắt mới toanh. Cả bọn trượt xuống Little Daytona rồi đến Caretta. Tại nhà thờ ở đó, chúng tôi lại nối đuôi bám vào một chiếc xe khác trên suốt chặng đường đến nhà Spaghetti. Nhiều người khác đã đi bộ lên núi War nên chúng tôi men theo dấu vết họ để lại. Chúng tôi rón rén đi qua mấy ngôi nhà nhỏ nằm bấp bênh trên núi cao, hai bên là vách núi gần như dựng đứng. Sau đó cả bọn trượt xuống thị trấn War. Rốt cuộc, đến giờ ăn trưa thì chúng tôi đến được Big Creek. Dừng xe trượt tuyết ở bờ tường ngay cổng trường, chúng tôi hiên ngang bước vào cứ như là những vị vua của trái đất vậy. Nhìn thấy chúng tôi, thầy Turner lên tiếng: “Nếu các em định đi học thì bị một phen thất vọng rồi. Giám đốc sở đã ra thông cáo hủy các lớp học cho mọi người vào chiều nay. Nhưng dù sao đi nữa, các em hãy đến gặp thầy cô của mình để lấy bài tập về nhà đi.”

Tôi tìm tới phòng cô Riley và thật may gặp cô đang ngồi bên bàn giáo viên. “Cho em xin lỗi vì đã quên đến gặp cô hôm qua ạ.” Tôi nói.

Chắc hẳn mặt tôi đang hiện đầy nét ân hận nên cô nhìn tôi vẻ cảm thông. “Làm sao em tới trường được vậy?” Khi tôi kể về hành trình của mình, cô vươn tay ra. “Đưa tay cho cô nào,” cô nói. “Trời ơi, chúng lạnh cóng hết rồi đây này. Em xuống căn tin và mua ngay một tách sô cô la nóng đi.”

Tôi làm theo lời cô. Đến khi trở lại, cô kéo học bàn và lôi ra một cuốn sách. Nó trông giống như sách giáo khoa, bìa màu đỏ. “Nó vừa mới được đưa đến vào hôm qua,” cô nói. “Cô Bryson và cô tìm mọi cách đặt nó cho em đây. Cầm lấy.”

Cô Bryson là người quản lý thư viện. Tôi cầm cuốn sách lên và đọc qua tựa đề mạ vàng trên một dải đen in chìm. Nó là tựa sách kỳ diệu nhất mà tôi từng thấy:

NGUYÊN LÝ HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ HỎA TIỄN

Tôi lật qua vài trang, dõi theo tựa đề của từng chương và trở mắt ngắm chúng lướt qua: “Quan hệ giữa khí động lực và thiết kế hỏa tiễn,” “Chuyển động của gió và phạm vi đạn đạo,” “Lý thuyết động lượng áp dụng cho phản lực,” và “Thổi xuyên qua miệng tên lửa.” Và sau cùng là đến tựa đề tuyệt vời hơn tất cả những cuốn sách mà tôi từng đọc: “Quy tắc cơ bản về bộ máy của hỏa tiễn.”

“Trong đó có phép tính và phương trình vi phân,” cô Riley nói. “Em có thể nhờ thầy Hartsfield giúp đỡ.”

Tôi cung kính nâng niu cuốn sách trong tay. “Em có thể giữ nó một thời gian không ạ?”

“Nó là của em đây, Sonny. Em có thể giữ nó suốt đời mà.”

Tôi cảm thấy như cô vừa đưa cho tôi một vật mà Chúa ban cho. “Em không biết làm sao để cảm ơn cô!” tôi buột miệng thốt lên.

“Cô chỉ đưa cho em một cuốn sách thôi mà,” cô đáp. “Em phải có đủ nghị lực để học những điều trong đó. Nào, em có thể đưa cô ra xe để trả ơn đây.”

Cô khoác áo choàng vào, rồi tôi đưa cô Riley xuống sảnh lớn, ra ngoài bãi đậu xe. Trên đường, thầy Turner bắt gặp và nhìn chúng tôi tỏ vẻ nghi ngờ. Khi ra đến xe, cô đặt tay lên hai tay tôi. “Sonny, sẽ mất một ít thời gian đây, nhưng cô tin rằng em sẽ học được những điều bổ ích trong cuốn sách này. Sau đó,” cô mỉm cười, “có lẽ cô và Quentin sẽ có thể thuyết phục em tham dự hội chợ khoa học.”

“Cô Riley,” tôi đáp, “nếu cô muốn, em sẽ tham dự.”

“Khi nào em thực sự sẵn sàng,” cô đáp.

Vào lúc đó, tôi tin rằng mình sẽ sẵn sàng cho bất cứ điều gì chỉ vì cô tin vào khả năng của tôi. Quay trở vào trường, mấy đứa kia chạy tới, vác theo xe trượt tuyết của chúng. “Đi nào Sonny! Bọn mình qua nhà Emily Sue chơi bài đi.” Trông tôi có vẻ lưỡng lự nên O’Dell để thêm vào. “Dorothy cũng tới đây!” Roy Lee quan sát tôi, tỏ vẻ không hài lòng. Vì một lý do gì đó, cậu ấy đã bắt đầu ác cảm với tình yêu của đời tôi.

Nhà Emily Sue được cất trên ngọn núi gần như thẳng đứng bên kia sông, cách trường Big Creek không đến 100 mét. Bố cô ấy sở hữu một mảnh đất lớn ở thị trấn War, còn Mẹ cô ấy là giáo viên lớp 3 của trường Tiểu học War.

Vào một ngày-đi-học-nhưng-không-học hiếm hoi như hôm nay và trong cái viễn cảnh tuyết trắng phủ khắp nơi như thế này thì nhà bếp của Emily Sue trở nên thật ấm áp, thú vị và chào mời hơn lúc nào hết. Mẹ cô ấy đón cả bọn vào nhà và để chúng tôi tự do hoạt động. Cả đám quây quần quanh bàn ăn trong bếp, uống rượu táo nóng, nhấm nháp bánh qui vừa ra lò và chơi bài.

Như lời O’Dell quảng cáo, Dorothy cũng có mặt, đang ngồi đối diện tôi. Cứ như là lần đầu tiên, tôi lại phát hiện ra rằng nàng thật tuyệt vời biết bao. Nàng có kiểu cười giật cục làm tôi mê mẩn. Roy Lee khều nhẹ, và tôi theo cậu ấy ra phòng khách. “Cậu làm ơn đừng ngắm Dorothy đăm đăm như một chú cún con đang si tình như vậy nữa được không? Cậu làm tớ bị tiểu đường mất thôi.”

“Cậu nói gì lạ vậy?”

“Cô nàng không yêu cậu đâu, ngốc ạ!”

Tôi muốn đập cho cậu ta bẹp dí như đập một con ốc sên. Nhưng thay vì vậy tôi lại nói, “Tớ cá với cậu rằng sẽ làm cho nàng hôn tớ đấy.”

“Khi nào?”

“Ngay bây giờ.”

“Cái này hả,” Roy Lee đáp. “Để xem.”

Chúng tôi quay lại ván bài đang dang dở. “Dorothy,” tôi nói, tim đập thành thịch, “tớ cá với Roy Lee rằng cậu sẽ hôn tớ. Hôm nay. Ngay bây giờ.”

Dorothy ngược lên qua mấy con bài, rồi mở miệng. “Cậu cá gì?”

“Chỉ cá là cậu sẽ làm điều đó.”

Không gian im lặng bao trùm khắp bàn. Dorothy liếc Roy Lee, cậu ấy cũng nhìn nàng với ánh mắt châm biếm. Nàng bỏ mấy con bài xuống, đứng dậy và hôn lên trán tôi. “Rồi đó,” nàng nói.

“Chưa được,” Roy Lee phản đối. “Phải hôn môi cơ.”

Điều này không nằm trong điều khoản cá cược của bọn tôi nhưng tôi không dám phản bác lại cậu ấy. Tôi ngược nhìn Dorothy, chờ đợi. “Tớ nghĩ là cậu ấy nói đúng,” tôi đồng tình đáp.

Nàng thở hắt ra, tỏ vẻ không hài lòng. “Đứng lên đi,” nàng bảo. Tôi làm theo, rồi nàng đi vòng qua bàn và hôn vội lên miệng tôi. “Rồi đây. Hài lòng chưa nào?” Sau đó, nàng chạy vụt ra khỏi phòng.

“Dorothy?” tôi gọi với theo nàng.

Emily Sue khúc khích cười. “Nụ hôn ngắn nhất trong lịch sử của hành tinh này.”

“Cậu thấy hậu quả chưa?” tôi cau kinh với Roy Lee.

Cậu ấy nhún vai. “Tớ ấy à? Câu hỏi lý ra là, cậu có hiểu điều gì vừa xảy ra không?”

“Quý tha ma bắt cậu đi!”

Ván bài bị hủy bỏ, Roy Lee, Sherman và O’Dell khoác áo vào, lũ lượt ra về. “Thôi nào, Sonny,” Sherman nhắc nhở. “Trời sẽ sụp tối mất nếu bọn mình không mau về.”

Tôi nhìn về phía cánh cửa phòng tắm đang đóng im ỉm, nơi Dorothy đã biến mất. “Tớ sẽ theo sau. Cứ đi trước đi.”

Ngay sau khi mấy đứa kia đi khỏi, nàng trở ra. Tôi bắt đầu xin lỗi. “Chỉ tại tên Roy Lee kia thôi,” nàng cắn môi đáp. “Hắn đích thị là một gã chuột cống bản thủ.”

Tôi khoe với nàng cuốn sách cô Riley vừa đưa cho. Nàng bảo tôi ngồi xuống ghế sofa để cùng xem cho rõ hơn. “Mình cũng muốn học tích phân nữa,” nàng nói. “Mình muốn học tất cả những gì có thể.”

Ngay lúc đó chuông điện thoại reo, Emily Sue cho biết là mẹ Dorothy gọi. Bà đang trên đường đến đón nàng về nhà. Tôi lảo đảo theo nàng ra cổng. Xe trượt tuyết của tôi đang dựng bên hàng rào ngoài đường. Mẹ của Emily Sue nói vọng ra từ cửa lớn. “Cô thấy mấy đứa kia bắt xe tải về rồi đấy Sonny.”

Mẹ của Dorothy cho tôi quá giang về thị trấn War. Tôi ra khỏi xe và lôi xe trượt tuyết của mình xuống từ cốp sau. Dorothy bước ra cùng và hỏi “Cậu sẽ ổn chứ?”. Tuyết đã bắt đầu rơi lại.

“Mình đã có một ngày vui vẻ,” tôi bảo nàng.

Nàng len lén nhìn quanh, xem chừng có ai dòm ngó hay không. Lúc này mẹ nàng đã đánh xe vào gara và đi vào nhà. Bất ngờ, nàng ôm chặt và đặt một nụ hôn nồng ấm lên môi tôi. Lần này sự âu yếm kéo dài thật lâu và ấm áp. “Cẩn thận nhé,” nàng thì thầm, bờ môi ngọt ngào chạm nhẹ vào tai tôi. “Mình

không biết làm gì nếu thiếu cậu đâu.”

Sau khi nài vào nhà, tôi đứng đó, tê tái mê ly. Hai chiếc xe chạy ngang qua nhưng tôi chẳng nhắc nổi tay lên để bắt. Sau đó, chẳng còn chiếc nào đi ngang qua nữa nên tôi bắt đầu cuộc bộ. Trời dần sụp tối. Nửa đoạn đường lên núi War, gió bắt đầu thổi mạnh và tuyết đổ xuống dày đặc đến nỗi chẳng thể nhìn thấy đèn hắt lên từ những ngôi nhà dưới thung lũng. Hai tai tôi lạnh cóng, và lúc này tôi nhớ đến chiếc mũ len của Mẹ. Tôi lôi nó ra từ túi áo khoác rồi trùm lên đầu, kéo hết xuống che hai tai lại. Cuốn sách của cô Riley vẫn an toàn trước bụng tôi, được thít chặt bởi sợi dây lưng. Tôi lê từng bước, tựa vào luồng gió mà đi đến khi lên được tới đỉnh núi rồi mừng rỡ ngồi lên xe trượt xuống nhà Spaghetti.

Tôi tiếp tục đi bộ xuyên qua Caretta. Bất cứ nhà nào ở đây cũng sẽ sẵn sàng cho tôi ở trọ song tôi chỉ muốn về nhà. Nhưng được nửa đoạn đường đến Little Daytona thì tôi nghĩ rằng mình đã quyết định sai lầm. Gió thổi ồ ạt trên đường mạnh gần như lốc xoáy, tí nữa là vật tôi ngã lăn. Mặt tôi đau rát dưới cơn mưa tuyết và lông mi thì phủ đầy băng. Tôi định quay lại nhưng ngoan cố nghĩ rằng mình cứ đi tiếp cũng sẽ về tới nhà. Tôi không sợ, chính xác là chưa đến lúc sợ.

Trời đã tối đen. Tôi tiếp bước với chiếc xe trượt tuyết trong tay vì biết mình không thể trượt an toàn trên lớp tuyết dày như vậy được. Đến một nơi nào đó trên đỉnh núi Coalwood, tôi mất phương hướng và đi chệch ra khỏi đường rồi rơi xuống một cái rãnh sâu. Sau khi vất vả trèo lên được thì cả quần lẫn áo khoác của tôi đều đã ướt sũng. Tôi cảm thấy được rõ ràng hai chân mình đang tê cóng trong lớp quần jeans và chiếc áo khoác như nặng tới ngàn cân. Lần đầu tiên trong đời, tôi thấy sợ hãi thật sự. Tôi chưa đến nỗi hoảng loạn, nhưng tôi biết thế nào là hoại tử vì bị tê cóng từ lớp học về sức khỏe của huấn luyện viên Gainer và cũng biết mối nguy hiểm của việc bị ướt trong thời tiết băng giá như thế này. Tôi hé nhìn xuống đường, hy vọng sẽ nghe thấy tiếng xe nhưng chẳng có gì khác ngoài sự tĩnh lặng chết chóc. Chẳng còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục cất bước cả.

Khi lên đến đỉnh núi, tôi quăng xe trượt xuống và ngồi lên, nhưng nó cứ đứng phỗng ra. Lớp tuyết đã trở nên quá dày và nhớp nháp làm xe trượt không chuyển động được. Tôi găm gù, nhắc xe trượt lên và tiếp tục dấn thân vào trong cơn bão tuyết, dò dẫm từng bước một. Có rất nhiều triền dốc quanh con đường mà không hề có đánh dấu hay hàng rào bảo vệ. Nếu như sảy chân một lần thôi thì có thể tôi sẽ bay khỏi vách đá và chẳng ai có thể tìm thấy xác tôi đến khi băng tan hẳn. Tôi luôn cố đi ngay chính giữa con đường. Răng va lập cập vào nhau. Nhưng tôi vẫn phải tiếp tục tiến lên.

Tôi run lẩy bẩy một cách vô thức khi té nhào, đập cả thân xuống đất, mặt dán lên băng. Tôi nằm đó một lúc và nghĩ rằng mình có thể nghỉ ngơi chút ít, lấy lại sức mạnh để tiếp bước, nhưng rồi tôi cố gượng dậy. Huấn luyện viên Gainer đã từng kể cho chúng tôi nghe trong giờ sức khỏe rằng những người thám hiểm Bắc Cực đã ngủ và bị chết cóng như thế nào. Thầy nói, âu đó cũng là một trong những cái chết nhẹ nhàng, nhưng tôi không muốn thử nghiệm nó chút nào cả. Tôi còn phải chế tạo hỏa tiễn và giành lấy trái tim của Dorothy nữa. Ngoài ra, dù sao thì tôi cũng không thể nhắm mắt với nguyên nhân bị chết cóng trên núi Coalwood này được. Mọi người sẽ truyền miệng đến muôn đời rằng tôi đã ngu ngốc như thế nào. Nghĩ đến đó tôi gượng đứng dậy rồi tiếp tục lê bước cho tới khi nhìn thấy ánh đèn le lói từ mái hiên của một căn nhà ven triền núi ở phía dưới chừng 30 mét. Nó là một căn chòi cũ nát, xiêu vẹo với lớp mái bằng giấy nhám. Tôi biết có người sống trong đó vì thường thấy khói bốc

lên từ ống thoát của bếp lò, nhưng là ai thì tôi mù tịt. Tôi tiếp tục bước đi. Cộng đồng phía Nam của miền Tây Virginia không cho phép từ chối giúp đỡ những người lạ mặt giữa đêm đen mịt mù như vậy trong bất cứ trường hợp nào.

“Này nhóc, chú mày làm gì trong đêm lạnh giá thế?”

Tôi nhòm qua màn tuyết xoáy mù và lờ mờ thấy một người phụ nữ đang cầm đèn rọi qua đầu. Cô mặc một chiếc áo khoác bằng vải và đi ủng cao su. “Cháu đang trên đường về nhà à,” tôi nói, giọng nhieu cả lại vì lạnh. Tôi chẳng thể cảm giác được mặt mình và hai bàn chân đang cồng lại như hai khối đá rời chứ không còn liền với thân thể tôi nữa.

“Nhà ở đâu?”

“Coalwood à.”

“Vậy thì cháu vào nhà sưởi ấm ngay đi, nếu không thì chẳng còn mạng mà về đó đâu.”

Khi tôi tỏ ra ngại ngùng, cô theo sau, nắm lấy áo khoác của tôi và giục. “Vào đi nào cậu bé!”

Tôi nghe theo lời thúc giục và đi cùng cô xuống một con đường dốc dẫn tới ngôi nhà nhỏ. Cô đẩy cánh cửa gỗ tự chế ra rồi cho tôi vào nhà. Nằm giữa căn phòng là một bếp lò thất eo cổ xưa. Một chiếc ghế sofa vớ vẩn nằm trước cái bếp. Còn có một cái bàn thô sơ đặt ngay cạnh cửa sổ nhìn xuống thung lũng. “Nào, vào đây nào!” cô chào mời khi thấy tôi ngần ngại. Cô cởi áo, đá văng đôi ủng ra, thay bằng đôi giày da đánh ^[31]. Cô bắc nồi xuống khỏi bếp rồi rót cái gì đó vào tách và mang đến cho tôi. Tôi nhìn cô qua ánh sáng mờ nhạt tỏa ra từ ngọn đèn lồng đặt trên bàn. Cô mặc quần bằng vải bạt và áo choàng len. Tôi đoán cô khoảng 30 tuổi, với mái tóc suôn vàng. Gương mặt gầy gò góc cạnh, toát ra nét thân thiện. “Cháu dùng ít trà nấu từ cây de vàng nhé,” cô nói.

Tôi đón lấy tách trà và ực ngay một cách thêm khát, tận hưởng từng dòng nước nóng hồi tuôn chảy vào bụng. Cô giật lại tách trà trước khi tôi kịp uống hết. “Cháu phải cời hết đồng đồ ướt mềm đó ra ngay. Cởi tất cả mọi thứ, mau.”

Tôi ngần ngại, bẽn lễn khi nghĩ đến việc cởi đồ trước mặt người lạ. “Ôi dào, cởi ngay đi. Cháu chả cho ta xem những gì khác hơn ngoài mấy thứ mà ta đã thấy nhiều lần lắm rồi, chẳng ngại gì đâu,” cô giục.

Cô có tấm màn - nhìn có vẻ như được vá vúu từ những mảnh vải cũ - vắt ngang một cái thanh đóng vào góc phòng tạo thành một không gian riêng. Cô chỉ tay về phía đó và tôi đi ra đằng sau tấm màn, trút bỏ dần từng lớp quần áo. Thật may mắn khi cuốn sách vẫn còn khô ráo. Tôi đặt nó lên chiếc tủ nhỏ hai ngăn ở góc phòng rồi đưa từng mảnh quần áo cho cô. “Ta sẽ phơi nó cạnh bếp,” cô bảo. Nói xong cô quay lại và kéo phăng bức màn ra. “Còn cái quần nữa.” Tôi khoanh tay lại trước ngực. “Quý tha ma bắt, thằng nhóc này. Ta chẳng đụng gì đến chú mày đâu. Cởi quần ra mau!”

Thật xấu hổ, tôi ngồi xuống ghế, tháo ủng cao su ra, rồi đến mấy chiếc quần. “Rồi, đâu đến nỗi nào phải không?” Cô đón lấy chúng và khúc khích cười. “Ta chẳng cần cháu phát nào đâu! Cứ mặc quần lót. Quỷ tha ma bắt, mấy cái quần này ướt sũng hết rồi. Cháu chưa bị hoại tử đấy chứ?”

“Mấy ngón chân cháu đang nhức lắm,” tôi thú nhận.

“Vậy thì cởi tất ra luôn đi!” Cô treo chúng lên, quay lại và kêu tôi lên sofa ngồi rồi quỳ gối, xem xét mấy ngón chân của tôi. “Chưa, cháu chưa bị hoại tử đâu, nhưng cũng xem rồi đấy.” Sau đó cô lục lọi trong rương và lấy ra một chiếc áo sơ mi tay dài bằng vải fla-nen. Chiếc áo này hẳn là của đàn ông, nó quá khổ so với cô, làm sao cô có được nó nhỉ. “Mặc nó vào đi rồi cứ ngồi đấy. Uống thêm trà này, nó sẽ làm cho cháu ấm người lên từ trong ra ngoài và đây là cách tốt nhất đấy. Cháu là con nhà ai thế nhỉ?”

Tôi ung dung ngồi trước bếp lửa bập bùng, hóp từng ngụm trà ấm áp. Tôi nhúc nhích mấy ngón chân. Chúng vẫn nhức nhưng có vẻ là phản ứng của sự phục hồi. “Cháu là Sonny Hickam. Con thứ của Homer và Elsie Hickam ạ.”

“Cháu là con của Homer Hickam ư?”

Giọng cô đầy ngờ vực làm tôi có chút hoang mang. Bố có khá nhiều kẻ thù. Phải chăng người đàn bà này là một trong số họ, hay chồng, anh trai của cô? “Vâng, thưa cô,” tôi nói và cẩn trọng thêm vào, “và của Elsie Hickam nữa ạ.”

Cô kéo ghế lại rồi ngồi xuống. “Cô biết bố cháu.” Nói rồi cô quan sát tôi. “Cô chẳng thấy gì cả.”

Tôi đang mặc độc chiếc quần lót nên cái nhìn thăm soi của cô làm tôi thấy khó chịu. Tôi chồm người về phía trước, cố kéo căng chiếc áo sơ mi trùm hết đùi. “Cô à?”

“Cô không thấy nét nào của ông ấy từ cháu cả. Đạo này ông ấy đang làm gì? Ông ấy có khỏe không?”

Đây là lần đầu tiên có người hỏi thăm tôi về Bố. Tôi nghĩ rằng ai cũng biết về ông. “Ông ấy... bình thường ạ. Làm việc miệt mài. Còn Mẹ vừa tặng Bố chiếc dao cạo râu chạy điện làm quà Giáng Sinh ạ.”

“Thật à, lạy Chúa tôi!”

“Vâng, thưa cô.”

“Ông ấy vui vẻ chứ?”

Bố tôi có vui không ấy à? Tôi chẳng nghĩ ông có trạng thái vui hay buồn gì cả. “Cháu đoán thế ạ.”

Câu trả lời nhạt nhẽo của tôi có vẻ cũng đã làm cô hài lòng. “Ừ, tốt đấy, rất tốt. Tên cô là Geneva

Eggers.” Cô bắt tay tôi. Tôi cảm thấy nó thật xương xẩu nhưng ấm áp. “Rất vui vì được gặp cháu. Cô biết bố cháu lâu rồi. Nói đi, cháu muốn vài lát bánh mì chứ?”

Trước khi tôi kịp trả lời thì cô đã lôi ra một cái chảo đen to lớn rồi quăng vào đó vài miếng mỡ thịt nguội lấy từ lọ cà phê đặt trên nóc bếp. Đoạn cô đặt chảo lên bếp, nghiêng qua một bên, rồi mở hộp bánh mì trên chiếc bàn nhỏ ra. Tiếp đó cô bước tới sau một bức màn khác rồi đi ra với hai quả trứng trên tay. Cô đập trứng vào nồi, dùng nĩa đánh chúng tan ra, nhúng vào 4 lát bánh mì, và cuối cùng thả chúng vào chiếc chảo đang nằm trên bếp. Chỉ vậy thôi mà một chốc sau, cả căn phòng đã sực nức mùi thơm của mỡ thịt nguội và trứng nóng hổi.

“Bố cháu và cô cùng lớn lên ở Gary Holler,” cô vừa nấu vừa kể. “Cô theo bố cháu từ khi còn quần tã lót cơ. Ông ấy luôn chăm sóc mọi người trong cái thung lũng nhỏ đó; luôn lo lắng xem những người già có đủ than trong lò hay thức ăn chuyển đến từ cửa hàng hay không. Ông ấy chẳng giàu có hơn ai nhưng lại tràn đầy lòng nhân ái và sẵn sàng giúp đỡ bất cứ người nào.” Đoạn cô nhìn tôi. “Cháu đâu có biết là cô quen bố cháu, hả?”

“Không, thưa cô.” Sự thật là tôi chưa từng nghe kể gì về cô cả.

“Cháu cũng biết bố của ông ấy bị cắt cụt hai chân trong hầm mỏ phải không?”

“Vâng, thưa cô. Đó là ông nội Poppy của cháu ạ.”

“Ừm, nhưng đó không phải tất cả những gì xảy ra với ông nội Poppy của cháu đâu. Ông ấy còn bị đập vào đầu ở khu mỏ Gary. Thật đấy! Bị một thanh sắt to đập vào làm ông trở nên ngớ ngẩn. Cả năm sau đó, ông ấy chẳng làm việc được. Bố cháu phải nuôi cả nhà ông ấy đấy,” cô kể. “Nhưng chẳng ai ưa gì sự có mặt của bố cháu cả. Nói cho cháu biết đấy!”

Geneva lấy đĩa ra, xếp mấy lát bánh mì kiểu Pháp lên rồi để trên bàn. Cô còn lôi ra một lọ mật ong nữa. “Ăn đi nào, kéo nguội mất.”

Bữa ăn thật ngon lành, chắc một phần do được nấu bằng chiếc bếp lò cũ kĩ này. Sau khi ăn xong, tôi hỏi cô chỗ đi vệ sinh. Cô đưa chiếc đèn lồng cho tôi và bảo: “Mang ủng cao su vào. Đi ra lối cửa sau ấy.”

Tôi biết rõ dạng nhà xí xa nhà này. Ông bà ngoại đã về hưu và sống trong một trang trại ở Thung lũng Abb’s, Virginia, và họ cũng có một cái nhà xí tương tự. Tôi lần theo dấu chân của cô Geneva còn hằn lại trên tuyết và tìm thấy nhà xí ở cuối đường. Nhà xí này là loại một lỗ đơn giản, nằm trong phần phụ lục của cuốn catalog Sears, Roebuck^[32]. Trời quá lạnh để có thể ngồi nhón nhơ. Tôi giải quyết thật nhanh rồi trở lại căn chòi ấm áp. Khi về đến nơi, tôi thấy quần áo của mình đang nằm trên chiếc giường nhỏ hẹp của cô. “Cũng gần khô rồi đấy,” cô Geneva vừa nói vừa lấy tay vuốt cho chúng thẳng thơm. Rồi cô tiến về phía bếp lò và quay lưng lại. “Cháu mặc đồ vào đi. Không cần phải ra đằng sau tấm màn. Ta chẳng nhòm trộm đâu!”

Tôi đặt chiếc đèn lồng xuống sàn rồi mặc từng lớp áo rồi quần vào. Bây giờ chúng thật ấm áp và gần như đã khô hẳn. Tôi cầm lấy cuốn sách hỏa tiễn, nhét vào dưới thắt lưng. Đoạn tôi ngược lên và thấy cô Geneva đang nhìn mình, chẳng biết là bao lâu rồi. “Cháu... cháu rất biết ơn, thưa cô Eggers,” tôi lắp bắp. Ngoài Mẹ ra, chưa có ai nhìn tôi thay đồ, mà điều đó cũng xảy ra cách đây lâu rồi.

“Tên cô là Geneva, cung ạ. Cháu sẽ nói với bố rằng đã gặp cô chứ? Rằng cô đã hong khô và cho cháu ăn bánh mì?”

Nghe có vẻ là một lời đề nghị ai oán nhất đối với tôi. “Vâng thưa cô. Cháu sẽ nói ạ.”

Cô giúp tôi khoác áo choàng vào. “Nói với ông ấy khi không có mặt mẹ cháu nhé. Cô không muốn bà hiểu lầm đâu.”

Tôi không hiểu cô ấy có ý gì nữa nhưng tôi chẳng hỏi lại. Như vậy là không lịch sự. Cô dắt tôi ra đường, chiếc đèn lồng được giơ lên cao. Xa xa, tôi nghe tiếng xe tải lách cách đang cố leo qua núi. Nếu nó vượt qua được, tôi sẽ có thể trượt theo vết xe để lại.

“Nói với bố cháu ngay nhé. Cháu hứa với cô không?”

Tôi gật đầu. “Vâng, thưa cô. Cảm ơn vì đã cứu mạng cháu.”

“Quý thần ơi, nhóc tí ạ, đừng nhắc lại việc đó nữa.”

Chẳng lâu sau, một chiếc xe tải chở đầy than lù lù xuất hiện. Tôi vẫy tay chào cô Geneva rồi nhảy lên xe trượt và nhanh chóng phóng xuống núi, lao ào ào về phía khu mỏ. Khi bước ra khỏi xe trượt, tôi đã trông thấy nhà mình. Mọi cửa sổ đều đang sáng đèn. Ngay khi tôi vừa đặt chân lên thềm sau nhà thì cửa bật mở. Gương mặt lo âu của Mẹ xuất hiện nhưng bà tỏ vẻ không muốn cho tôi biết. “Đừng đem tuyết vào nhà đấy,” bà cảnh báo rồi nhìn tôi từ đầu xuống chân. “Chưa bao giờ con ăn mặc xấu xí đến vậy.”

Bố xuất hiện, trên tay cầm tờ báo buổi chiều. “Bố đang định lái xe tải đi tìm con đấy, anh bạn trẻ ạ.”

Tôi cảm thấy thật tự hào. “Con đã đến Big Creek rồi trở về trên xe trượt tuyết đấy ạ!” Đoạn tôi lôi cuốn sách từ trong áo khoác ra. “Và nhìn xem cô Riley cho con cái gì này.” Tôi đưa nó cho Bố.

Ông đọc qua tựa đề rồi ngáp ngừng lật vài trang ra xem. “Có vẻ đầy đủ nhỉ,” ông nhận xét. Chiếc “hắc phon” lại réo vang, ông đưa sách lại cho tôi rồi nghe điện thoại. “Cho Số 2 hoạt động nếu Số 3 bị trục trặc nhé!” ông hét lên, và tôi biết ông đang lo lắng rằng quạt thông gió sẽ bị mất điện trong cơn bão tuyết này.

Tôi lên lầu, mở cửa phòng Jim, anh đang nằm ườn trên giường đọc tạp chí. “Bọn em trượt suốt đoạn đường đến Big Creek đấy. Chưa từng có ai làm điều này trước đây đâu nhé.” Tôi khoe khoang.

“Lũ thoái hóa chúng mày đến trường à?” anh lầu bàu. “Chúng ta lẽ ra phải ở nhà chứ. Lần sau họ sẽ bắt mọi người đi bộ đến lớp cho mà xem.”

Tôi về phòng, bật đèn bàn và bắt đầu hân hoan đọc sách, thưởng thức tựa đề của từng chương đến khi chợt nhớ về cô Geneva Eggers. Tôi xuống nhà và thấy Bố đang nằm trên ghế bành, đọc báo. Mẹ thì ở trong bếp. “Bố à, có cô Eggers ở trên núi Coalwood đã mời con vào nhà và sưởi ấm cho con. Cô ấy muốn con nói cho Bố biết điều này.”

Bố rời mắt khỏi tờ báo liếc nhìn lên. “Cô nào cơ chứ?”

“Eggers. Geneva Eggers ạ.”

Bố sẫm soi tôi rồi cẩn thận đặt tờ báo xuống chiếc ghế để chân. “Con đã ở trong nhà của Eggers Geneva thật à?”

“Trên núi Coalwood. Ngôi nhà nhỏ bên vệ đường, khoảng một phần ba đoạn dốc xuống núi ạ. Cô còn cho con ăn bánh mì kiểu Pháp. Cô muốn con phải hứa chắc rằng sẽ kể lại cho Bố biết.”

Chiếc “hắc phen” lại reo, nhưng ông không hề nhảy nhồm lên để trả lời. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông không phản ứng như vậy. Ông nhìn tôi chằm chằm. “Cô ta còn làm gì nữa không?”

“Không ạ. Chỉ hong khô quần cho con thôi.”

“Con cởi quần ra à?” Giọng ông có vẻ căng thẳng.

“Cô ấy còn đưa cho con một chiếc áo sơ mi tay dài để mặc nữa.”

Ông điếng người. “Và không có chuyện gì xảy ra nữa à? Con chắc không?”

“Vâng thưa Bố. Con chắc ạ.”

Sau cùng Mẹ cũng ra khỏi bếp và nghe điện thoại. Lúc bà vừa nghe máy, một khoảng lặng trôi qua, rồi bà nói: “Tôi không biết đâu, Clyde. Có lẽ ông ấy chết rồi đấy, nếu không thì anh đã nghe giọng ông ta chứ không phải tôi rồi.”

Bố cứ nhìn tôi chằm chằm hồ như ông cố xem tôi có đang đùa cợt gì không. Sau đó, ông lại hò hét ra lệnh qua điện thoại như thường lệ.

Ngày hôm sau, đường vẫn còn quá trơn để xe buýt hoạt động, nhưng lũ nhóc hỏa tiễn chúng tôi chẳng ngại vượt núi một lần nữa. Bọn tôi đã thực hiện một lần, thế là đủ rồi. Chắc chắn chúng tôi sẽ được ghi vào sách kỉ lục về những anh hùng thiếu niên mạo hiểm của Coalwood. Đêm đó, Bố vào phòng tôi, đóng cửa lại. “Để bố kể cho con nghe chuyện này,” ông lên tiếng và tôi ngừng đọc cuốn sách hỏa tiễn. Ông ngồi lên giường và có vẻ sắp sửa chẳng nói ra điều gì vui vẻ cả.

“Khi bố còn trẻ, nhỏ tuổi hơn con bây giờ,” ông từ tốn kể, “một căn nhà cùng dãy với nhà bố ở Gary bốc cháy. Những ngôi nhà cũ ở Gary thời đó chỉ làm toàn bằng ván ghép và giấy nhám thôi. Chỉ cần một đốm lửa nhỏ là tất cả bốc cháy như rạ. Lúc đó bố đang lui cui làm việc ở sân sau thì thấy đám cháy. Dường như chẳng có ai xung quanh đó nên bố mon men lại gần, nghĩ rằng có ai bị mắc kẹt bên trong. Bố cố quan sát nhưng khói lan tỏa mù mịt. Rồi bố nghe tiếng em bé khóc. Nhưng bố chẳng biết nó đang ở đâu vì chẳng nhìn thấy gì nên chỉ lần theo âm thanh. Cuối cùng bố tìm thấy một em bé đang khóc ròng trong đám khói, cứ như chẳng có gì trên thế gian này có thể giết chết nó vậy! Bố bế nó lên rồi phóng ra cửa sổ trước khi ngọn lửa kịp nuốt trọn cả hai. Sau đó bố mới biết cả gia đình của em bé đó đều mắc kẹt trong nhà, nhưng bố chẳng thấy ai khác ngoài nó. Cả nhà tám anh em, bố, mẹ đều bị thiêu rụi.”

Bố xoay ngang người, hai tay đặt lên nệm. “Bố cảm thấy day dứt một thời gian dài. Làm thế nào mà bố lại không nhìn thấy những người đó trong căn nhà nhỏ bé ấy chứ?”

Tôi nhìn ông chằm chằm. Chẳng hiểu sao Bố lại kể cho tôi nghe câu chuyện bi thảm này chứ, nhưng vì bất cứ lý do gì, tôi cũng muốn ông dừng lại. Vì một lý do chẳng lý giải được, tôi cảm thấy sợ rằng sẽ biết quá nhiều về ông.

Bố nhìn thẳng vào mắt tôi. “Dù sao đi nữa, em bé đó chính là Geneva Eggers đó.”

“Ồ” đó là tất cả những gì tôi có thể thốt lên. Tôi nghĩ về cô Geneva trong hình hài một em bé tội nghiệp nằm trong vòng tay Bố trên đường tìm đến bình an, mắt tôi chợt rớm lệ. Nhưng tôi cố nén lại.

Bố nhìn lên trần nhà, một chuỗi hình ảnh rời rạc mập mờ tái hiện trong đầu ông. Ông hắng giọng ông nói tiếp. “Sonny, con biết gì về cuộc đời rồi?”

Tôi chẳng hiểu ông muốn nói gì. “Ít thôi ạ, con đoán vậy.”

“Bố nói về... con gái ấy.”

“Ồ.”

“Con chưa từng...”

Tôi đỏ mặt. “Chưa đâu, Bố.”

Bố tập trung nhìn vào một mô hình máy bay nằm trên nóc tủ quần áo. “Bố chẳng đời nào kể cho ai khác nghe về việc mình đã ở trong nhà của Geneva Eggers đâu. Cô ta đang làm vài điều mờ ám ở đó. Mấy tên thợ mỏ tập sự - cô ta gần như là bạn gái của họ vậy.”

Tôi vẫn không hiểu. “Người nào ạ?”

Bố cau mày. “Nhiều hơn một người... khá nhiều đấy. Thỉnh thoảng còn có vài gã đàn ông có vợ rồi nữa cơ.”

Mắt tôi tròn xoe và chắc chắn mồm đang há hốc ra. Bây giờ thì tôi đã hiểu. “Cô ta còn bán rượu lậu nữa,” Bố nói tiếp, mắt vẫn dán vào mô hình máy bay. “Chồng cô ta thiệt mạng trong khu mỏ Gary 5 năm về trước. Cảnh sát truy đuổi cô ta đến đây. Bố đã cho cô ngôi nhà xiêu vẹo đó và bảo Tag để cô ta được yên thân. Mặc cô ta muốn làm gì thì làm.” Nói xong ông đứng dậy và đi ra cửa. “Bây giờ thì con biết mọi chuyện rồi đó. Đừng có gặp cô ta nữa, và đừng bao giờ, không bao giờ kể lại cho Mẹ con những chuyện vừa rồi.”

Bố bước ra và nhẹ nhàng đóng cửa lại. Còn tôi lẻ loi trong phòng, nghĩ suy về những gì ông vừa kể. Tôi mừng rỡ về người đàn bà trong ngôi nhà xiêu vẹo ấy, về việc cô ấy đã đối xử với tôi tốt thế nào, và cảm giác khi Bố nhảy vào biển lửa ngày ấy. Tôi nghĩ rằng mình chẳng thể nào dừng cảm như vậy. Đột nhiên tôi thấy thật tự hào về ông, chẳng phải chỉ vì hành động nghĩa hiệp xưa kia của ông, mà chính vì ông đã từng là con người như thế nào khi còn ở thị trấn Gary và ông đã trở thành người như thế nào sau bao công việc vất vả đó.

Hôm sau, xe buýt hoạt động trở lại. Tôi thường xuyên tìm bóng dáng của cô Geneva Eggers trên đường qua lại. Đôi lúc cô đứng đó, đơn độc một mình bên vệ đường. Cô dõi theo cửa sổ khi xe buýt chạy ngang, và nhoẻn miệng cười khi nhìn thấy tôi. Nhưng cô chẳng vẫy tay chào, và tôi cũng vậy. Cô là một bí mật của Bố và tôi lại là bí mật của cô.

14. CỘT THAN PHÁT NỔ

Auk XVI - XIX

TỪ KHI nhận được lá thư từ người đàn ông vĩ đại đó, tôi cảm thấy như mình đã thực sự được gia nhập vào đội ngũ của Tiến sĩ von Braun. Vào ngày 1 tháng 2, tôi nghe radio loan báo tin người Nga lại tiếp tục phóng *Luna 1*, vật thể nhân tạo đầu tiên có thể thắng được sức hút của trái đất. Vận tốc cần đạt được để thực hiện được điều này là 25.500 dặm/giờ, tương đương với 7 dặm/giây, một khoảng cách mà tôi dễ dàng tưởng tượng được vì nó ngang bằng với con đường từ Coalwood đến Welch. Khi người Nga phóng con tàu vũ trụ của họ về hướng mặt trăng, tôi cũng trèo lên mái nhà của Club House, dùng kính viễn vọng của Jake để cố nhìn thấy dấu vết của nó. Jake không tham gia cùng tôi lần này vì anh đang bận hẹn hò với cô thư ký mới nhất của ông Van Dyke, một cô nàng tóc đỏ đến từ Ohio. Mặc dù bà Van Dyke đã dọa là sẽ thuê một ả thư ký xấu xí cho chồng mình nhưng sự thật thì một cô nàng xinh xắn khác từ miền Bắc lại xuất hiện. Jake đứng bên dưới rồi gọi với lên hỏi tôi: “Thấy người Nga trên mặt trăng chưa, Sonny?”

Tôi thò đầu ra khỏi cạnh mái nhà và vẫy tay. “Chưa thấy gì, anh Jake ạ. Anh có thấy gì ở dưới đó không?”

Anh ngửa đầu ra sau, hướng về phía mặt trăng và cất tiếng hú vang vọng, ngay lúc đó thì cô nàng tóc đỏ xuất hiện tại hiên nhà của Club House, tiếng đinh giày kêu lách kích. Mắt tôi xoe tròn cả ra khi chứng kiến Jake ôm cô nàng vào lòng, xoay một vòng, thò tay bóp vào ngực cô ấy rồi đưa cô ra chiếc xe Corvette của anh. Cả hai cho bánh xe xoay tít và phóng về một nơi vô định nào đó. Bỗng tôi cảm thấy ghen tị với anh, thầm ước một ngày nào đó tôi cũng học được sự tự tin và những lạc thú của cuộc đời như vậy. Nhưng sâu thẳm trong trái tim tôi với một niềm đau vô tận, tôi nghi ngờ rằng mình chẳng bao giờ có thể đạt được điều đó. Được sinh ra và thuộc nòi giống miền Tây Virginia, đối với tôi, nghĩ về một niềm vui quá độ là việc xa xỉ, và có lẽ là một tội lỗi nữa.

Tôi trở lại với chiếc kính viễn vọng và hé nhìn qua lăng kính. Theo dự đoán thì con tàu của người Nga sẽ có màu đỏ. Tôi ở trên mái nhà cả đêm trong chiếc áo len nặng trĩu; một lúc sau tôi thiếp đi cạnh ống khói, rồi giật mình tỉnh dậy và lại nhìn qua kính viễn vọng. May thay, chẳng có một ngôi sao màu đỏ mang tính đột biến to lớn nào xuất hiện trên mặt trăng vàng tròn vành vạnh cả. Hôm sau, tờ *Welch Daily News* cho biết *Luna 1* đã bay chệch mặt trăng nhưng không nhiều lắm, chỉ khoảng 3.728 dặm mà thôi. Các chính trị gia và nhà bình luận lo ngại rằng việc gì sẽ xảy ra nếu lần thử nghiệm sau người Nga có thể đụng vào mặt trăng, chúng ta sẽ tiếp tục sống trong một thế giới như thế nào đây? Tôi cũng lo lắng theo. Đến lúc nào chúng ta mới có thể đuổi kịp người Nga đây? Mỗi lần người Mỹ phóng lên một vệ tinh thì người Nga lại phóng lên một chiếc to lớn và vượt trội hơn. Nhưng tôi tin rằng ít nhất cũng còn có Wernher von Braun đang cố gắng làm một điều gì đó. Và trong sức mọn của mình, tôi cũng đang nỗ lực không ngừng.

Mỗi ngày sau giờ tan học, tôi đều vội vàng phóng đến bàn học và miệt mài nghiên cứu cuốn sách hỏa tiễn. Vào cuối tuần, Quentin cũng bắt xe sang nhà tôi để được trực tiếp tham khảo cuốn sách này. Cả buổi sáng, cậu ấy ngồi suốt ở chái nhà, cẩn thận, tôn kính lật từng trang sách, mặt đánh lại tỏ vẻ đang tập trung cao độ. Tôi cố ngồi xuống bên cạnh cậu ấy nhưng có quá nhiều điều tôi muốn thắc mắc và điều đó sẽ gây xao lãng cực kì. Chipper vắt vẻo trên vai Quentin, hai con mắt nhỏ đen nhánh của nó đang dõi theo từng trang sách. Thật ra, sự thích thú của nó làm tôi lo sợ thì đúng hơn. Mùa đông năm ngoái, Chipper đã từng gặm nhấm cuốn Kinh Thánh của gia đình, xuyên suốt từ mục Genesis đến Revelation, xé vụn mọi hồi ức của nhà Hickam từng chút một. Mẹ thì luôn cho nó là một con vật dễ thương nhất trên đời. Nhưng đối với tôi, bất cứ một vết gặm nào xuất hiện trên trang giấy của cuốn sách hỏa tiễn thì tôi sẽ phát động ngay mùa săn bắn đặc biệt nhằm vào con vật gặm nhấm có đuôi lông lá này.

Mẹ làm bánh mì xúc xích chiên cho bữa trưa rồi gọi bọn tôi vào bếp. Vào đến bàn ăn mà Quentin vẫn không ngừng lật sách. Rốt cuộc cậu ấy cũng phát biểu, “Có rất nhiều lý thuyết trong sách dành cho người đọc đã thông thạo những đề tài mà chúng ta chưa hề biết đến như nhiệt động lực học và tích phân. Cậu có chú ý đến đoạn thảo luận về đối lưu giữa en-trô-pi và đẳng nhiệt không?”

Tôi kéo ghế lại gần Quentin. Tôi đã bỏ qua chương sách mà cậu ấy đang đọc, có tựa đề “Cơ bản về khí động lực.” “Tớ không nghĩ rằng trong chương này có gì giúp bọn mình chế tạo ra một quả tên lửa tốt hơn cả,” tôi phân trần. Thật ra, hàng đống trang sách chứa đầy công thức trong đó đã làm tôi ngán ngại, không màng nghiên cứu qua.

“Có lẽ là không,” cậu ấy lạnh lùng đáp lại, nhìn tôi một cách khinh thường như thể bất ngờ trước suy nghĩ nông cạn của tôi. “Chẳng lẽ chúng không phải là những thứ cậu muốn tìm hiểu à? Tất cả những công thức này đều thể hiện những gì xảy ra cho khí ga khi nó đi qua một ống dẫn.” Cậu ấy nhìn tôi lần nữa. “Sonny, ống dẫn này và miệng tên lửa hoàn toàn giống nhau đó!”

Có lẽ mặt tôi đang đờ ra vì thấy Quentin thờ dài, lật trang sách ra rồi chỉ vào bức ảnh minh họa: hai hình thang nằm hai bên, hai cạnh nhỏ đối diện nhau. Hình vẽ được chú thích “Những đặc điểm của ống dẫn dành cho khí nổ và nén ở dưới vận tốc âm thanh hay nhanh hơn vận tốc âm thanh.” “Đây rồi,” cậu ấy hoan hỉ. “Câu trả lời cho mọi thứ là ở đây này. Cậu thấy không?”

Tôi liếc mắt qua bức vẽ minh họa. “Thấy *cái* gì cơ chứ?”

“*Nhìn này!* Nó giải thích rõ miệng tên lửa hoạt động như thế nào, vì sao nó lại được thiết kế như vậy. Cậu cũng không thèm đọc về miệng tên lửa De Laval à?”

Ít nhất thì cái này tôi cũng đã xem qua rồi. Carl Gustav De Laval là một kỹ sư người Thụy Điển, ông đã chỉ ra rằng khi gắn một ống dẫn phân kỳ vào phần hội tụ của miệng tên lửa (đại khái là chống ngược cổ một vật xuống phần hòng nhỏ hẹp của một vật khác) thì chất lưu (hay khí) phụt ra từ phần hòng sẽ chuyển thành động năng phản lực. Nói cách khác, khí đi ra khỏi ống dẫn sẽ nhanh hơn rất nhiều lần so với lúc đi vào. Khi tôi nói cho Quentin nhận thức của mình về lĩnh vực này thì cậu ấy gật đầu. “Đúng, đúng. Cậu hiểu rồi đấy. Quá tốt.”

“Vậy chúng ta nên chế tạo...”

Nét mặt Quentin toát lên vẻ tự mãn. “De Laval đã tính toán rất chính xác cho việc chế tạo miệng tên lửa. Chúng ta sẽ làm theo, Sonny ạ,” nói rồi cậu ấy quay lại bàn ăn, với lấy miếng bánh mì kẹp xúc xích, “và độ cao tên lửa của chúng ta đạt được sẽ không còn tính bằng mét nữa mà sẽ bằng dặm.” Quentin ngọam một miếng thật to và nhai ngấu nghiến, vài cọng bắp cải còn lòng thòng quanh mép.

“Sẽ làm được nếu như chúng ta có thể hiểu được mấy công thức trong này,” tôi bảo.

Quentin gật gù. “Đúng. Đó mới là vấn đề cần giải quyết đấy.”

MỘT ĐÊM, một cơn địa chấn làm tôi giật mình thức giấc, tim đập thình thịch trong lồng ngực. Chó sủa inh ỏi khắp thung lũng, hàng loạt những tiếng hú, ăng ăng cứ loạn cả lên. Điện thoại trong phòng Bó reo vang, rồi tôi nghe tiếng chân ông giậm xuống sàn. Sau đó ông phóng vội xuống lầu, tôi còn nghe rõ từng bước chân ông thình thịch ở bậc thang xuống tầng hầm. Tôi nhìn ra ngoài thấy ông đang khoác vội áo choàng và trên đường hướng về khu mỏ. Chợt ông dừng lại, ho húng hắng rồi lại bước tiếp.

Cả khu mỏ bừng sáng, những ánh đèn pha chói lọi quét dọc ngang trên mặt đất. Mọi người bắt đầu đổ ra sân bàn tán qua hàng rào rồi tụm lại thành từng nhóm, xôn xao. Mẹ xuống nhà, choàng vội áo khoác trong nhà lên người. Tôi và anh Jim vẫn mặc đồ ngủ, khoác áo choàng vào rồi theo chân bà ra ngoài sân. Bà Sharitz kể lại sự việc nghe ngóng được cho chúng tôi biết. Đã có một vụ nổ lớn xảy ra trong hầm mỏ. Đồng nghĩa với việc có một hoặc nhiều cây cột than đã phát nổ. Tôi nhớ những gì Bó từng nói trong ngày Chủ nhật hôm ấy rằng năng lượng tích tụ lại trên cột than tạo bởi hàng tấn đá đè nặng lên chúng. Nhưng ông cũng đã nói cho tôi biết rằng họ đã tính toán rất kỹ lưỡng nhằm đảm bảo mấy cây cột có thể chịu được sức nặng đó, chắc chắn đã có sai sót gì rồi. Tôi kéo Mẹ ra một bên, nói cho bà nghe những gì tôi biết. Bà nhìn tôi chua chát. “Bố con sẽ giải quyết việc này,” bà nói.

“Nhưng có gì đó không ổn Mẹ ạ. Lẽ ra điều này không nên xảy ra.”

Bà chợt tỏ ra giận dữ và cáu tiết khi phải nói về điều này. “Sonny, mẹ đã sống cạnh mỏ than suốt cả đời này rồi. Những điều đáng lẽ được thực hiện và những gì thật sự xảy ra là hai khía cạnh hoàn toàn khác nhau. Con nghĩ ông nội Poppy phải bị cụt chân à?”

“Nhưng Bó nói rằng tất cả những tính toán đều được thực hiện đúng đắn cả mà...”

“Thế con nghĩ rằng Wernher von Braun tính toán đúng sao? Mẹ vẫn thấy mấy quả tên lửa của ông ấy nổ tan tành đấy thôi.” Bà kết luận.

Mẹ xiết chặt áo khoác vào người hơn rồi bỏ đi. Một lúc sau, lũ chó đã bắt đầu ngừng tru, chỉ còn văng vẳng những tiếng ăng ăng, và rồi mọi người cũng trở vào nhà. Buổi sáng và gần như cả ngày hôm sau Bó không về nhà nhưng chúng tôi nghe được từ thông tin hàng rào là không có ai bị thương, và chỉ có

một cột than trong khu mỏ bỏ hoang cách xa công trường bị nổ mà thôi. Bố cùng với đội cứu hộ - họ tự hào xưng danh là Biệt Đội Nuốt Khói - lao vào hầm mỏ chỗ có cột than đã nổ tan nát, phòng trường hợp có người gặp nạn ở đó. Tôi biết được điều này khi đang ngồi trong phòng thí nghiệm và nghe Mẹ cần nhằn Bố trong bếp. “Đó không phải là việc của anh, Homer à,” bà nói khi đang đứng cạnh cái thang xếp ngay trước bức vẽ của mình.

“Anh đã *huấn luyện* đám người đó, Elsie ạ.”

“Vậy thì hãy để họ làm chức trách của mình. Anh nên đứng sau mọi việc như ông Van Dyke ấy.”

“Em chẳng hiểu gì cả,” Bố đáp.

“Homer,” bà thở dài, “điều em hiểu rõ nhất trên trái đất cũ xưa này chính là *anh* đó.”

VÀO THỨ BẢY, trời trong xanh, gió se lạnh, chúng tôi cắm *Auk XVI* vào cây định vị trên bệ phóng. Một nhóm người đứng bên đường háo hức chờ đợi. Basil cũng đã xuất hiện, đang ngồi chễm chệ trên mũi xe Edsel của anh. Ngạc nhiên hơn nữa, hội Con Gái Mới Lớn cũng có mặt, họ đứng riêng rẽ ra một nhóm trong những chiếc áo da đặc trưng. Nhìn thấy Valentine Carmina trong đó, tôi bước lại phía họ, hôm nay chị quyến rũ chết người trong chiếc váy đen bó sát và áo len trắng cổ tim.

“Chị phải *chứng kiến tận mắt* tên lửa của em thôi Sonny ạ,” chị tinh quái nói và quàng lấy tay tôi, kéo ra khỏi đám con gái kia. Các chị ấy đang phì phèo thuốc lá và trở ngón tay giữa về phía mấy thằng con trai đang dè bủ họ. “Chị không nên đi đâu cũng lôi bọn nó theo nữa,” chị nhìn đám bạn của mình rồi thở dài.

“Em rất vui vì sự có mặt của chị, Valentine ạ,” tôi đáp, chột lòng cảm thấy ấm áp biết bao. Hai bầu ngực của chị ngón gần hết cánh tay tôi vào trong.

Chột chị buông ra và bắt đầu ngắm nghía tôi. “Sonny, chị có điều này phải nói với em. Chị biết em đang yêu Dorothy Plunk một cách cuồng dại, nhưng có vẻ cô ta chẳng hứng thú gì đến em đâu. Một chàng trai dễ thương như em không đáng bị như vậy.” Nói rồi chị cười và nháy mắt. “Em xứng đáng có được một người con gái biết trân trọng em. Chị không ám chỉ rõ một ai hết nhưng em nên tự mình nhìn lại xung quanh đi nhé.”

Lưỡi tôi như bị thắt nút lại. Trong khi tôi chưa biết phản ứng như thế nào thì Roy Lee đến bên cạnh cất tiếng: “Xin lỗi, mình thật sự không muốn xen vào thời khắc này nhưng chúng ta phải phóng hỏa tiễn ngay bây giờ.” Nói rồi cậu ấy nắm chặt tay tôi lôi đi, miệng lầm bầm. “Giờ lại *lẳng nhằng* với một mụ đàn bà nữa à.”

Tôi cố gắng định thần lại và bắt đầu nghĩ ngợi rằng không biết Roy Lee có nói gì cho Valentine nghe không nữa. Nhưng trước khi tôi kịp kết tội gì thì nghe tiếng Quentin hú lên. Cậu ấy đang ở phía dưới, trong tay cầm một chiếc điện thoại cũ của hầm mỏ mà O’Dell và Roy Lee đã trộm về từ chuồng la; và

tôi cũng còn nhớ rõ rằng mình vẫn nợ ông Van Dyke về khoản này. Đây là lần đầu tiên chúng tôi thử nghiệm nó. Sherman cùng O'Dell đã đi dây nhợ cho điện thoại suốt cả buổi sáng và gắn chúng vào bình ắc-quy xe tải cũ kỹ được bố của Emily Sue tặng. Vừa vào trong lô cốt thì tiếng oang oác phát ra từ điện thoại làm tôi giật thót cả người. “Lô cốt,” Sherman nói vào điện thoại rồi lắng nghe. “Nó hoạt động, hoạt động thật rồi!” cậu ấy hét toáng lên.

Chúng tôi lần lượt dùng điện thoại để liên lạc với Quentin. “Cậu sẵn sàng chưa?” tôi phản kích hỏi.

“Sẵn sàng rồi!”

“Vào vị trí nào.” Tôi nhìn mọi người xung quanh. Roy Lee chạy ra ngoài, giương lá cờ BCMA lên cột. Đến khi cậu ấy quay lại thì tôi bắt đầu đếm, còn Sherman phụ trách liên lạc với Quentin qua điện thoại. “Mười-chín-tám-bảy...”

Đến 0, tôi chap dây mồi của bình ắc-quy, một tia lửa điện lóe sáng và rồi *Auk XVI* bất thành linh nhảy vọt lên khỏi que định vị trên bệ phóng, chùm lửa của chất nổ kẹo ngọt phụt ra dữ dội, kéo theo một vệt khói dài, vút thẳng lên không trung. Đuôi khói hiện ra rất rõ nên chúng tôi dễ dàng dõi theo đường bay của nó. Khi chỉ còn là một chấm nhỏ trên bầu trời, *Auk XVI* bắt đầu đánh một vòng cung rồi từ từ rơi xuống. Tôi nghe một tiếng *uych* hoàn hảo khi nó chạm xuống lớp than cám dưới đất.

Chúng tôi đã phóng cả thấy 3 quả tên lửa trong ngày hôm đó, 2 quả dài 61cm và 1 quả dài 91cm, tính đến thời điểm này đã có tới *Auk XIX* rồi. Mọi quả tên lửa đều hoạt động hoàn hảo, phóng lên trời, bay theo quỹ đạo hình ê-lip rồi rơi xuống bãi than cám. Billy nhắm máy kính vĩ của cậu từ vị trí cạnh lô cốt, còn Quentin thì thực hiện từ vùng đất bên dưới. Quan sát từ hai điểm khác nhau sẽ cho ra kết quả lượng giác chính xác hơn. Theo kết quả của Quentin, 2 quả dài 61cm đạt độ cao 914,4 mét, còn quả dài 91cm thì chỉ lên được 609,6 mét. Điều này đã phần nào khẳng định nghi ngờ của chúng tôi về sự liên quan giữa tầm hoạt động và kích thước của tên lửa. Không phải cứ to hơn là có thể bay cao hơn được. Basil luôn trực cạnh bên khi chúng tôi bàn bạc và ghi chép lại mọi sự việc.

Chợt tôi nghe tiếng kèn vang lên và Hội Con Gái Mới Lớn lục tục ra về. Ai đó đang vẩy vẩy một vật màu hồng từ cửa sổ sau của xe hơi. Thì ra là mấy cái quần lót. “Tớ tự hỏi vì sao phụ nữ lại mặc những thứ như thế nhỉ,” Quentin ngẩn ngơ trong khi lũ choai choai chúng tôi đang dán mắt về phía đó, mồm há hốc ra. “Chúng quá trơn để nằm vừa vặn vào bàn tọa như vậy.”

“Câm đi Quentin,” Roy Lee quát.

“Tớ cũng không hiểu vì sao họ phải mang tất rồi. Nếu như chúng có thể dính vào với cái, *e hèm*, quần lót thì có phải tiện lợi hơn không.”

“*Câm ngay đi Quentin*,” cả bọn đồng thanh quát. Basil cười phá lên và ghi chép lại mọi thứ.

Lúc chúng tôi rời khỏi Cape Coalwood về nhà tôi để họp hội nghị BCMA thì Jim đang ngồi xem tivi trên sofa và đưa mắt sầm soi cả bọn. “Mấy đứa đàn bà chúng mày nói nhỏ đi một chút được không?”

anh cầu nhàu khi bọn tôi đang bàn tán về mấy quả tên lửa.

Quentin đang cầm trong tay một tờ *McDowell County Banner* có bài viết mới nhất của Basil về bọn tôi. Jim giật lấy, đọc lướt qua rồi quăng xuống sàn. “Sao lại có những kẻ rồi việc rồi viết báo về bọn mày nhỉ? Lũ bay phóng hỏa tiền, rồi sao nào?”

“Con người thể hiện sự ghen tị bằng rất nhiều cách,” Quentin độp lại. “Nhưng trường hợp của anh, lão Jim hợm hĩnh ạ, thì quả là công khai một cách quá lộ liễu.”

Jim quay sang nhìn tôi. “Mày lo mà kéo thẳng bạn ngớ ngẩn của mày lại đi, không thì tao sẽ đập nó chết dí bây giờ đây.”

Quentin vung nắm đấm lên trời rồi múa loạn xạ. “Nhào vào đây, thằng cốt đột kia. Tao sẵn sàng tiếp mày bất cứ lúc nào!”

“Tao chấp một tay sau lưng vẫn có thể nuốt gọn mày đây nhóc,” anh tôi gầm gừ.

Quentin cười phá lên. “Tao cũng có thể giấu một bên óc sau lưng mà vẫn thông minh hơn mày đây!”

Jim đỏ mặt và vụt đứng dậy khỏi ghế sofa. Anh đẩy văng tôi ra, và có lẽ đã chop được Quentin nếu Roy Lee không kịp can thiệp. Thật ra Roy Lee cũng chẳng là gì so với anh tôi nhưng cũng tạo đủ thời gian cho tôi bò dậy cùng sát cánh bên cậu ấy. Ít nhiều gì cả hai đứa cũng có thể gây khó dễ cho Jim. “Lũ đàn bà bại não,” anh lầm bầm rồi lại quăng mình xuống sofa.

“Hãy ra khỏi đây khi còn có thể,” tôi thì thầm vào tai Roy Lee và rồi Sherman, O’Dell, Billy cùng tôi lôi Quentin lên lầu về phòng tôi. Lúc này Quentin vẫn không ngừng lắp bắp. Chipper lao vào phòng, phóng ngang qua chúng tôi rồi treo mình lên màn cửa. Tôi đưa cuốn sách hỏa tiễn cho mọi người cùng chiêm ngưỡng những trang viết công thức. “Để hiểu được mọi thứ viết trong cuốn sách này,” tôi giải thích, “chúng ta phải học tích phân.”

“Và cả phép tính vi phân nữa,” Quentin thêm vào.

“Hai cậu có điên không?” Roy Lee hỏi. “Bây giờ chúng ta còn không có đủ thời gian để làm bài tập về nhà nữa kìa.”

“Dù sao đi nữa,” Quentin quả quyết “chúng ta vẫn phải thực hiện điều này.”

“Tớ cũng muốn học tích phân,” Sherman nói một cách giản dị, và rồi O’Dell và Billy cũng đồng tình theo.

Roy Lee thở dài. “Bọn mình, một lũ quỷ thần đồng quê của miền Tây Virginia đang muốn trở thành những Albert Einstein.”

“Wernher von Braun chứ,” tôi đính chính.

“Cũng vậy thôi,” cậu ấy đáp. Nghe giọng điệu này, tôi biết rằng cậu ấy sẽ tiếp tục sát cánh cùng bọn tôi.

15. CẢNH SÁT TIỂU BANG

THẦY HARTSFIELD đẩy ngược cuốn sách trên bàn về phía tôi. “Em làm phiên bữa ăn trưa của thầy bằng thứ vớ vẩn này à? Làm sao các em nghĩ rằng mình có thể học được tích phân trong khi còn chưa hiểu được đại số?” Ý này ám chỉ tôi đấy, vì mấy đứa kia đều được điểm A môn đại số cả.

Quentin xen vào để xin giúp. “Thưa thầy, bọn em cũng đã từng tự học lượng giác.” Vừa nói cậu ấy vừa đưa ra cuốn sách của Jake. “Bọn em cần nó để tính ra độ cao mà tên lửa đạt được. Nhưng có vẻ tụi em không thể nào tự học tích phân được. Chúng em thật sự cần được giúp đỡ, thưa thầy.”

Thầy Hartsfield nhìn Quentin đầy cảm thông. “Có lẽ *em* có thể tiếp thu được mấy thứ này,” thầy bảo, nhưng rồi lại gục mái đầu bạc xuống. “Nhưng không, thầy không thấy mục đích nào rõ ràng cho việc này cả.”

“Chúng em cần học để có thể biết cách cải thiện việc chế tạo tên lửa, thưa thầy,” tôi nài nỉ. “Điều này hoàn toàn tốt cho tương lai của chúng em, thầy không thấy sao?”

Chợt thầy Hartsfield tỏ vẻ mềm yếu trong giây lát, mắt long lanh ngấn nước, nhưng rồi trở lại ngay vẻ nghiêm khắc thường lệ. “Hickam à, tôi có nghe nói về nhóm của em. Thầy Turner cũng từng nhắc về các em, nhưng không có lời tốt đẹp nào cả.”

“Nếu như chúng em có thể xin thầy Turner chấp nhận cho thầy dạy chúng em thì sao ạ?” tôi hỏi.

Một nụ cười chợt thoáng hiện trên mặt thầy Hartsfield. “Thầy dĩ nhiên sẽ làm theo chỉ thị của thầy Turner. Nhưng hiển nhiên em biết chẳng có hy vọng mong manh gì về lớp học này cả.”

“Sao lại không ạ?” Billy gặng hỏi.

“Bởi vì,” thầy Harstfield thở dài, nhìn xuống và lắc đầu, “đây là trường Big Creek. Nếu như là trường Welch thì hiệu trưởng ở đó có thể tán thành lớp học này, nhưng ở đây thì không. Chúng ta đang ở trong ngôi trường của những người thợ mỏ và cầu thủ bóng bầu dục, và từ đó đến nay, chúng ta luôn là như vậy mà thôi.”

Chúng tôi lao nhau phản đối. “Thật không công bằng chút nào!”

Chợt thầy Hartsfield quắc mắt nhìn bọn tôi. “Ai nói với các em rằng cuộc sống này công bằng hả?” thầy hỏi.

“XEM NÀO, mấy cậu bé chế tạo bom-ống,” thầy Turner cất lời từ bên kia bàn giấy. “Và cả cô Riley

nữa? Tôi hy vọng rằng cô không phải tới đây để báo cho tôi biết là đã làm nổ tung lớp hóa học chứ!”

Cô Riley từ tốn trình bày với thầy về mục đích của bọn tôi và đưa cho ông xem cuốn sách hỏa tiễn. “Các em ấy hoàn toàn nghiêm túc trong việc này, thưa thầy Turner,” cô kết lại câu chuyện.

“Vậy là thầy Hartsfield cũng đồng tình à?” ông hỏi.

“Nếu thầy cho phép thì thầy Harstfield sẽ dạy cho chúng em ạ,” tôi đáp.

“Đôi đáp rất khéo đấy, Hickam,” thầy Turner quan sát, một bên lông mày nhướng lên. “Cô Riley, cô có thật sự tin rằng đây là ý tưởng tốt không?”

“Vâng có, thưa thầy.”

Thầy nhip nhip ngón tay lên mặt bàn láng bóng. “Tôi thấy rằng cô còn phải học lại kỉ luật nhà trường đấy. Cho dù có muốn, tôi cũng không thể cấp phép cho lớp học này. Phải có sự chấp thuận của giám đốc sở nữa, nhưng chắc chắn rằng điều này là vô phương. ‘R. L., cô đang mơ mộng trên mây rồi đấy!’ ông ấy sẽ nói thế.” Nói rồi thầy xua tay ra hiệu cho chúng tôi ra khỏi phòng. “Xong rồi. Các người có thể đi.”

Hôm đó, cô Riley giảng bài mà không có nhiệt huyết như thường lệ, khóe môi cô chùng xuống. Nếu Mẹ tôi nhìn thấy lúc này, ắt hẳn bà sẽ phán ngay rằng cô Riley “đang để bản chất Ireland trỗi dậy,” và vì cô Riley thật sự là người Ireland nên tôi cũng cảm thấy có gì đó nguy hiểm. Trên đường đến lớp học môn Văn sau đó, tôi thấy cô bước ra từ phòng nghỉ giáo viên, thầy Harstfield nối gót đằng sau. Ông đang dán mắt xuống sàn, đầu thì lắc nguầy nguậy. Bất chợt cô bắt gặp ánh mắt của tôi và nháy mắt lại một cái.

Hôm sau, tôi và Quentin đang ngồi trong lớp tập máy đánh chữ thì được lệnh lên trình diện tại văn phòng của thầy Turner. Đến nơi, cô Turner, vợ và cũng đồng thời là thư ký của thầy Turner, đứng bật dậy khỏi ghế, tỏ vẻ cực kì khẩn trương. Cô dắt chúng tôi vào trong. Hai người đàn ông mặc quân phục đang đứng cạnh cửa sổ quay lại nhìn chúng tôi, băng vải trên tay họ tượng trưng cho Cảnh sát Tiểu bang miền Tây Virginia. “Chúng nó đây rồi,” thầy Turner nói, qua giọng điệu này tôi biết rằng mình đang gặp rắc rối lớn.

Mấy chú cảnh sát tiểu bang này trông thật to lớn trong bộ quân phục xám, uy thế của họ có thể làm thoái chí bất cứ ai. Một trong hai người bước về phía chúng tôi, trong tay chú cầm một chiếc ống kim loại dài, có gắn bộ phận thẳng bằng. “Mấy chú nhỏ có nhận ra thứ này không?” Chú ấy đưa nó cho chúng tôi xem, cả hai cùng trở mắt nhìn.

“Của các em phải không?” Thầy Turner ra giọng kết tội.

Quentin hoàn hồn trước tôi. “Cho phép cháu xem xét kĩ lại nó được chứ ạ?” Chú cảnh sát đưa vật thể đó cho Quentin và cậu ấy xoay ngược đầu nó lại. “Thật thú vị đấy, phải không?” cậu ấy hỏi tôi. “Nhìn

kĩ cách thức bộ thăng bằng được gắn vào này. Thấy không? Có gắn lò xo. Một thiết kế thật tinh vi!”

“Nó là cái gì vậy?” tôi hỏi, rốt cuộc cũng có thể nói nên lời.

“Thôi nào các em,” thầy Turner bảo. “Các em phải nói ra sự thật đi. Thầy nghĩ các em phải biết rõ nó là cái gì chứ. Nó là cái thứ mà các em vẫn gọi là hỏa tiễn chứ còn gì nữa.”

“Không đâu, thưa thầy,” tôi đáp. “Nó không phải ạ. Nhưng mà cái bộ thăng bằng này...” tôi cầm lấy vật thể đó từ tay Quentin. Tôi không biết chắc là mình đang nhìn vào vật gì, nhưng cho dù nó là cái gì đi nữa, tôi vẫn muốn so sánh diện tích của bộ thăng bằng và diện tích của phần ống. Tôi cảm giác rằng có những kiến thức mà mình có thể học hỏi từ đây. “Chú cho bọn cháu cái này được không ạ?”

Chú cảnh sát giật cái ống lại, mặt mày sa sầm. “Không được, nó là vật chứng đây! Cái hỏa tiễn chết tiệt của các cháu đã làm cháy rừng. Nó đã đốt trụi cả đỉnh núi Davy và tí nữa thì thiêu luôn mấy căn nhà trên Quốc lộ Số 52 rồi.”

Tôi bắt đầu mơ hồ nhớ lại tin tức về vụ cháy này có đăng trên báo *Welch Daily News*. Có một vài suy đoán rằng đã có kẻ cố tình gây nên vụ hỏa hoạn này. “Chúng cháu không gây nên vụ này đâu!” tôi kêu lên.

“Chú đã đọc tin tức về bọn cháu trên cái tờ báo lá cải đó,” chú cảnh sát thứ hai cất tiếng, bỏ mặc lời phản đối của tôi. Chú ấy có khuôn mặt chữ điền to lớn và đôi mắt luôn dò tìm sự gian dối. “Mấy đứa là những người duy nhất trong cái tỉnh này có thể phóng hỏa tiễn, cho nên thủ phạm không ai khác là bọn cháu.” Nói rồi chú lấy còng ra. “Đi nào. Chú phải giải các cháu về Welch để hầu tòa. Cả hai chính thức bị bắt.”

“Còn mấy đứa nữa cùng tham gia vụ này,” thầy Turner nói. “Để tôi gọi bọn nó lên luôn.”

Bất chợt cô Riley xuất hiện. “Sao các anh lại đe dọa mấy đứa nhỏ này chứ?” cô gắng hỏi rồi chen vào giữa bọn tôi và hai chú cảnh sát với mấy chiếc còng lăm lăm trong tay.

“Bọn nó định đốt trụi cả một nửa cái tỉnh này chứ còn làm sao nữa,” chú cảnh sát đáp.

“Với cái hỏa tiễn này đây,” chú cảnh sát kia nói thêm.

“Đám cháy xảy ra ở đâu?” cô hỏi lại, giọng ngờ vực.

“Núi Davy. Nằm giữa Coalwood và Welch, vừa vặn đường quạ bay. Hay đường bay của một chiếc tên lửa.”

Cô Turner trở lại văn phòng, trên tay là một tấm bản đồ của tỉnh. Cô nhìn chồng mình, thầy ấy biết (và cô cũng biết rằng ông biết) rằng chính cô đã gọi cô Riley lên để giải cứu chúng tôi. “Có lẽ vật này sẽ giúp được đấy?” cô đáp lại ánh mắt giận dữ của thầy và rồi lui ra ngoài. Chắc chắn cuối ngày hôm

nay, một cuộc cãi vã trong nhà Turner sẽ nổ ra.

“Lại đây và chỉ cho mọi người biết tầm hoạt động tên lửa của các em đi,” cô Riley bảo tôi. Nói rồi cô trải tấm bản đồ lên bàn giấy của thầy Turner làm chồng tài liệu trên bàn vương vãi cả ra. Thầy đứng đây, ngạc nhiên vì sự tự nhiên của cô, tay phúi phúi những vết bụi tưởng tượng trên áo.

Tôi nhào người lên bàn, ngón tay run rẩy dò tìm ra vị trí của Coalwood rồi rà dọc xuống thung lũng về phía con sông ở Big Branch. “Đây ạ,” tôi chỉ vào điểm phía dưới tượng trưng cho Cape Coalwood.

Hai chú cảnh sát nhìn rồi một trong số họ dần nắm đấm xuống tọa độ của núi Davy. “Cô thấy chưa, chỉ cách có 2,5cm!”

“2,5cm trên tấm bản đồ này bằng 10 dặm ở ngoài đời đây,” cô Riley mỉa mai.

Quentin đang quan sát cái ống. “Phải rồi!” cậu ấy thì thào. “Lẽ ra cháu phải phát hiện ra ngay giây phút đầu tiên nhìn thấy bộ thăng bằng này chứ. Chúng có gắn lò xo, tạo lực đẩy để nó bung ra sau khi rời khỏi phần ống mẹ.”

Mọi người trong phòng đều trở mắt nhìn và cố hiểu xem cậu ấy đang nói về cái gì.

“Nó là pháo sáng làm hiệu của hàng không. Cháu đã ngờ ngợ khi nhìn thấy nó. Cháu từng đọc một cuốn sách về ngành hàng không dân dụng khoảng một tháng trước.” Quentin lướt qua tấm bản đồ. “Nhìn này. Phi trường Welch nằm đây, ngay kế bên núi Davy. Chắc chắn đây là pháo sáng rớt ra từ một chiếc máy bay nào đó rồi!”

Mấy chú cảnh sát nhìn cái ống, cầm lấy nó từ tay Quentin, đóng bộ thăng bằng rồi lại mở ra. Sau đó họ nhìn nhau rồi lại nhìn xuống tấm bản đồ. Thầy Turner tỏ vẻ xấu hổ ra mặt trước chúng tôi. Nhưng rồi ông lấy lại vẻ nghiêm nghị, cẩn thận xoay tấm bản đồ lại và xem xét kỹ lưỡng. Sau đó thầy đứng thẳng người lên và nói nhỏ nhẹ với các chú cảnh sát: “Tôi nghĩ các anh nên rời khỏi đây. Cô Riley, cô vui lòng nán lại một lúc nhé? Còn hai em...” Tôi có cảm giác như thầy đang quắc mắt nhìn mình. “Thầy nghĩ hai em nên quay lại lớp đánh máy chữ đi.”

Một tuần sau, thầy Turner cho gọi tôi và Quentin lên văn phòng, lần này không có chú cảnh sát nào đứng đợi chúng tôi cả. Thầy Hartsfield cũng đang ngồi trên chiếc ghế cạnh tường, ngược nhìn bọn tôi. “Big Creek sẽ mở lớp dạy tích phân. Tiết đầu tiên sẽ được bắt đầu trong hai tuần nữa nhưng chỉ giới hạn cho sáu học sinh mà thôi. Ông giám đốc sở chỉ cho phép 5 học sinh, nhưng thầy đã nài nỉ xin được 6 suất để tất cả thành viên trong câu lạc bộ chế tạo bom-ống của em đều có thể tham gia. Đơn đăng ký sẽ được phát ra ngay lập tức.” Thầy đứng dậy. “Được rồi, các em đã có được những gì mình muốn, bây giờ thì hãy đi đi. Và chỉ có trời mới giúp được các em nếu như làm lãng phí thời gian của thầy Hartsfield đấy nhé!”

Vài ngày sau, tôi được gọi lên văn phòng của thầy Turner, ông đang ngồi khoanh tay trên bàn, mặt mày

tỏ vẻ buồn rầu. “Thầy đã cho em biết là chỉ có 6 học sinh được tham gia lớp học này, nhưng bây giờ có đến 7 học sinh đăng ký.”

Thầy Turner vỗ lên chồng hồ sơ. “Thầy rất tiếc là điểm số của em lại thấp nhất trong 7 học sinh.” Thầy quan sát tôi. “Hickam à, em vừa học được một bài học lớn của cuộc đời: Cuộc sống đôi khi thật trớ trêu. Em đã làm mọi thứ để có được lớp học này và bây giờ chính bản thân em lại không được tham gia.”

Tôi đứng đó, đầu óc quay mòng mòng, bụng dạ chùng hết xuống. “Thầy có thể cho em biết người nào lấy mất chỗ của em không ạ?” Rốt cuộc tôi cũng thốt nên lời.

“Dorothy Plunk.”

Tôi bước ra khỏi văn phòng, đi lang thang xuống sảnh lớn, lòng cảm thấy thật yếu đuối, rối loạn và thất vọng. Tôi đã định chạy đi tìm cô Riley, nhờ cô giúp đỡ mình vượt qua sự bất công khủng khiếp này. Tại sao không cho phép 7 học sinh mà chỉ được 6? Nhưng tôi đã không làm vậy. Thầy Turner giữ đúng lời hứa. Dorothy cũng có điểm cao hơn và xứng đáng được tham gia lớp học đó. Tôi nhớ lại khi đưa cho nàng xem cuốn sách hóa tiễn, nàng đã từng nói rằng muốn học tích phân đến mức nào. Nàng cũng xứng đáng có được cơ hội như tôi.

“TỚ SẼ DẠY LẠI TÍCH PHÂN CHO CẬU,” Quentin bảo.

Chúng tôi đang đi lang thang trên sân bóng lạnh lẽo đằng sau lớp học của cô Riley và lớp sinh học của tụi lớp 10. Thầy Mams yêu cầu cô thực hiện một thí nghiệm hóa học có liên quan đến sự phân hủy của hợp chất hữu cơ. Quentin bảo có vài chất hóa học mà chúng tôi sẽ hứng thú. “Tớ không biết nữa, Q,” tôi đáp. “Sao cậu không học và giải quyết những công thức đó đi? Cậu đâu cần đến tớ.”

“Thật là vớ vẩn,” cậu ấy phản đối.

Cô Riley rắc một nhúm bột xám nhỏ lên bãi cỏ. “Đây là bột kẽm,” cô bảo. Rồi cô rắc lưu huỳnh lên đồng bột và lấy que trộn đều. “Các em đã từng ngửi mùi trứng thối rồi phải không? Đó là sulfur dioxit sinh ra từ phản ứng hóa học của những chất hữu cơ bị thối rữa. Thí nghiệm này cũng sẽ bốc mùi hôi y như vậy.” Cô quăng một que diêm dài vào đồng bột, một đốm lửa chói lòa lóe lên và tỏa ra đầy khói.

“Eo ôi,” lũ học sinh rống lên, đưa tay bịt mũi. Bọn chúng đã không chịu nổi, chạy thành thịch tản ra xung quanh và rừng mình cho đến khi cô Riley tập hợp cả đám trở về lớp.

Tôi và Quentin vẫn đứng lại ngoài sân. “Sonny à,” Quentin nói. “Tớ nghĩ rằng bọn mình vừa có chất nổ đầy mới cho hóa tiễn.”

Tôi rất ấn tượng với lượng khói và khí cực lớn mà hỗn hợp này sinh ra nhưng vẫn cảm thấy phân vân. “Q, tại sao chúng ta lại cần chất nổ đầy mới? Chất nổ kẹo ngọt có vấn đề à?”

“Bạn thật may mắn khi có một nhà khoa học như tớ bên cạnh đấy, bạn già ạ, nếu không chắc cậu sẽ tiếp tục làm nổ tung mấy cái ống nhôm nhỏ bé của mình mà thôi.” Quentin thỉnh thoảng vẫn tỏ ra tự mãn mỗi khi cậu ấy muốn. “Cậu không để ý gì à? Chất nổ kẹo ngọt đã đạt hết công suất của nó rồi. Có làm gì đi nữa thì chúng ta cũng không thể đạt độ cao hơn được. Bọn mình cần một chất nổ đấy mới.”

Tôi đá vào đồng tro còn lại. “Cậu gọi đồng này là gì?”

“Bột kẽm và lưu huỳnh.”

“Thứ này nóng hổi,” tôi bảo.

Quentin hất đầu lên rồi gật gật cứ như là một người thầy vừa nghe được câu trả lời đúng từ cậu học sinh tồi tệ của mình vậy. “Chính xác,” cậu ấy đáp.

MÙA ĐÔNG 1959 DẦN TRÔI QUA, băng tuyết bắt đầu tan chảy, nhiều công nhân bị nghỉ việc năm ngoái được gọi trở lại khu mỏ. Nhà máy thép trên Ohio vừa nhận được đơn hàng lớn và cần rất nhiều than. Lần đầu tiên sau nhiều năm hoạt động, công nhân phải làm việc đến 3 ca với kế hoạch dày đặc suốt 7 ngày trong tuần. Những chiếc xe mới chở đầy các bộ thăng bằng và crôm đậu trước nhà thợ mỏ, kéo dài suốt từ New Camp đến tận Frog Level, và những bộ đu mới được sơn phết bóng loáng nằm chễm chệ ở sân sau. Phụ nữ và trẻ em được mặc quần áo mới. Những phòng khách đều sáng lên với những chiếc tivi mới cấu, và những chiếc điện thoại - được cung cấp từ công ty điện thoại, không phải từ khu mỏ - cũng xuất hiện trên các bàn nhỏ xinh. Mỗi lần gặp Bố, tôi đều thấy ông trong trạng thái quay cuồng; nhảy tới nhảy lui trả lời “hắc phen”, vội vàng chạy lên khu mỏ vào lúc nửa đêm. Mẹ thì vẫn cặm cùi vẽ vờ trong bếp, dường như bà muốn đem nhà tới bãi biển thì phải.

Cùng thời điểm đó, trong nhà đột nhiên trở nên chộn rộn: những huấn luyện viên của các trường đại học đến nhà mời Jim gia nhập trường của họ. Trái với sự lo lắng của Jim, việc đình chỉ thi đấu năm chẳng ảnh hưởng gì đến danh tiếng của anh ấy cả. Tôi bị đuổi khỏi phòng khách khi mấy người đó đến nhưng vẫn nghe rõ được tất cả mọi chuyện trong bóng tối từ bậc thềm phòng thay đồ. “Vì Chúa, anh bình tĩnh đi Homer,” tôi nghe Mẹ bảo Bố từ trong bếp khi những huấn luyện viên từ Đại học miền Tây Virginia đến thăm. “Anh sẽ bị vỡ tim mất thôi.”

“Em không thấy ai đang ở trong ngôi nhà này à?” ông hỏi vặn lại. Nói rồi ông đặt những ly trà thảo mộc ướp lạnh lên đầy khay, vội vã trở ra phòng khách; lúc đi ngang, ông phát hiện ra tôi và dừng lại. Miệng ông đang nở nụ cười rất tươi, nhưng khi thấy tôi, nụ cười đột ngột tắt ngấm. Chắc tôi trông rất buồn bã. “Có chuyện gì với con vậy?” ông cẩn trọng hỏi.

“Điểm số của con không đủ để vào học lớp tích phân.” Tôi nhún vai rồi kể tóm tắt mọi chuyện vì thấy rằng ông đang nôn nóng muốn trở lại trò chuyện với mấy vị huấn luyện viên như thế nào.

Ông quan sát tôi. “Đề bố hệ thống lại nhé. Con đã đấu tranh cho lớp học này và cuối cùng là không

được tham gia?”

“Hoàn toàn chính xác ạ,” tôi đáp.

“Con muốn bố nói chuyện với thầy Turner không?”

Tôi lắc đầu. “Không, thưa Bố. Ông ấy đã xử sự công bằng rồi.”

Bố gật đầu. “Đúng, ông ấy đã làm rất công bằng. Bố mừng vì con nhận thấy được điều đó.” Nói rồi ông quay ra phòng khách, không lâu sau, tôi nghe tiếng Bố cười vui vẻ.

Tôi bò lên cầu thang. Sau những bậc thang trên cùng, ngoài hành lang là một kệ sách đồ sộ với 6 tầng cả thảy. Tôi bật đèn hành lang lên và đứng ngắm mấy quyển sách, một hành động nhàn rỗi. Chợt mắt tôi sáng lên khi nhìn thấy tựa sách *Hướng dẫn tự học Toán nâng cao*. Nó đã được lật qua rất nhiều, nhiều trang xoắn cả lại. Mục lục trong đó bao gồm các chương về phương trình vi phân và tích phân. Tôi còn tìm thấy một trang giấy tập màu vàng, những công thức viết bằng tay trên đó là của Bố. Thì ra tôi đang cầm trong tay quyển sách Bố từng dùng để tự học toán cần thiết cho công việc của mình. Sau đó tôi tự hỏi sao ông chả chịu cho tôi biết về nó. Chợt tôi cảm thấy bức bối, có lẽ ông không nghĩ tôi có thể học những gì ở trong đó.

Cha Lanier đã từng giảng rằng khi cánh cửa đóng lại trước mặt, chúng ta không nên quá lo lắng; vì một ngày kia, nếu như chúng ta thật sự đủ kiên nhẫn chờ đợi, Chúa sẽ lại mở ra một cánh cửa khác cho mình. Nhưng sự kiên nhẫn chẳng bao giờ là ưu tiên trong đầu Mẹ tôi, bà có một suy nghĩ khác và đã chỉnh sửa lại bài thuyết giảng rằng: một khi cánh cửa đóng lại, hãy tự tìm lấy cửa sổ và trèo vào. Tôi cầm lấy quyển sách của Bố về phòng - bây giờ, nó là *của tôi*.

16. SỰ NGẠO MẠN BẨM SINH

Auk XX

SUỐT TUẦN LỄ CUỐI CÙNG CỦA THÁNG 3 NĂM 1959, Bố đến Cleveland, Ohio, để tham dự hội nghị kỹ sư ngành mỏ. Ông được giao trọng trách thuyết trình về ống thông gió, đây là niềm vinh hạnh lớn cho một người không có bằng cấp kỹ sư như ông. Cảm giác không có ông ở Coalwood, không có cả trong cùng một tiểu bang nữa, thật khác lạ. Tôi chợt thấy không ổn chút nào khi không có Bố bên cạnh nhưng lý do vì sao thì tôi chẳng biết. Hằng đêm, tôi thường cầu nguyện cho Mẹ, Bố, Jim, các bác, các chú, các dì, ông bà (cho dù họ đã lên đến thiên đường hay chưa); cầu nguyện cho những người lính bộ, thủy thủ, lính thủy đánh bộ và cả Daisy Mae, Lucifer, Dandy, Poteet, Chipper. Nhưng trong suốt tuần này, tôi đặc biệt cầu nguyện thêm để Bố được về nhà bình an sau chuyến đi xa.

Rốt cuộc lời nguyện cầu của tôi đã trở thành hiện thực, Bố trở về nhà với một túi giấy đầy quà. Mẹ được một chuỗi hạt ngọc trai nhân tạo. Jim thì được một ống nhòm. Còn tôi được một cây bút máy. Đêm đó, Bố lên lầu và hé nhìn vào phòng, hỏi tôi đang làm gì. “Con đang học tích phân ạ,” tôi đáp. Thật sự tôi chả muốn thảo luận với ông vì tôi biết ông sẽ phê phán rằng những gì tôi đang làm là vô ích.

“Con nói với bố là thầy Turner không cho con tham gia lớp tích phân mà,” ông hỏi, giọng đầy nghi vấn.

“Con đang tự học,” tôi đáp, miễn cưỡng đưa cho ông xem cuốn sách mình đang học.

Ông cau mày. “Khôi hài nhỉ. Bố không nhớ là con từng hỏi mượn sách của bố.”

Để đánh lạc hướng ông, tôi hỏi sang một vấn đề mình đang thắc mắc. Tôi chỉ vào công thức dùng định nghĩa độ dốc của đường thẳng rồi hỏi, “Con không hiểu cái tam giác nhỏ này là gì.”

“Nếu con không hiểu *cái đó* thì không thể học tiếp những cái khác đâu,” Bố nói. “Nó gọi là *delta*. Delta có nghĩa là thay đổi - sự khác biệt giữa 2 giá trị trong một khoảng thời gian.” Ông quỳ một chân xuống rồi cầm lấy cây bút chì từ tay tôi. “Con nhìn này, nếu như giá trị của x và y thay đổi thì tọa độ chúng biểu diễn cũng thay đổi theo. Sau đó nếu con thay đổi giá trị thời gian...” Chợt Bố bỏ lửng lời giảng. “Nếu như không được tham gia vào lớp tích phân thì con tự học làm gì?”

“Bố à, mọi việc ở Cape Coalwood của chúng con đang rất phát triển. Bố thử xuống xem một lần đi.”

Ông đứng dậy. “Ừ, để khi nào có thời gian đã...”

“Bố lúc nào cũng có thời gian cho anh Jim cả,” tôi buột miệng thốt lên, làm Bố và cả bản thân tôi ngạc

nhiên về sự quyết liệt trong câu nói đó. Tôi thở hắt ra, sợ hãi. “Hãy thử xuống xem một lần đi Bố,” tôi nói. Trong giọng tôi chứa đầy sự biện minh mặc dù tôi ghét cay ghét đắng kiểu nói đó.

Ông mở cửa. “Bố vẫn chưa bỏ ý định muốn con trở thành một kỹ sư mỏ đâu. Bố con mình có thể cùng nhau làm việc mà.”

Tôi lắc đầu nguây nguẩy. “Con vẫn không muốn làm việc đó.”

“Con không muốn ư - anh bạn nhỏ à, khi con lớn lên, con sẽ thấy có rất nhiều việc con phải làm, cho dù có muốn hay không đi nữa.”

“Vâng, con biết điều này thưa Bố -”

“Nhưng những gì bố nghĩ chỉ như nước đổ lá môn đối với con thôi, phải không?”

“*Không phải vậy!*” Nhưng làm sao tôi giải thích được bây giờ? Tôi bối rối muốn tìm ra lời thích hợp để nói cho Bố hiểu rằng tôi chỉ muốn làm việc cho Tiến sĩ von Braun chứ không phải tôi muốn chống đối ông. Và tại sao ông không tự hào về việc tôi muốn tự chế tạo tên lửa bằng chính sức mình như việc Jim được chơi bóng bầu dục cơ chứ? Jim cũng sẽ rời khỏi Coalwood thôi mà?

“Con sẽ không tuân theo lệnh bố đâu, phải không?” Bố buộc tội.

“Bố à, con...” tôi ghen ngào nói không nên lời. Tôi thảm nguyện rửa sự vụng về của mình khi đối diện với ông.

Ông nhìn tôi, tỏ rõ sự thất vọng làm nước mắt tôi chực tuôn trào. Rồi ông ra khỏi phòng, đóng sầm cửa lại. Một giọt lệ lăn dài trên má tôi. Tôi lặng lẽ đưa tay áo lên quạt nước mắt. Nó làm tôi cảm thấy thật kinh tởm. Tại sao tôi lại để Bố chạm vào tự ái của mình như vậy? Biết là ông không hiểu những gì tôi đang làm, nhưng tôi hoàn toàn đúng mà? Tương lai sẽ nằm ở một nơi nào khác, không phải tại Coalwood này và tôi phải chuẩn bị sẵn sàng cho nó. Đó là những gì Mẹ và cả những người khác đều tin tưởng. Nhưng tại sao mặc dù Bố hoàn toàn sai, còn tôi hoàn toàn đúng mà tôi lại cảm thấy buồn bã như vậy? Nếu ông chịu xuống Cape Coalwood để chứng kiến, dù chỉ một lần thôi...

Mặc cho tôi cảm thấy kinh tởm, nước mắt vẫn cứ tuôn dài. Như thường lệ, mỗi khi cần đả thông tư tưởng, tôi đều tựa lên cửa sổ cạnh giường ngủ và nhìn ra ngoài đường. Daisy Mae lại bên cạnh và giụi đầu vào gò má đang ướt đầm của tôi. Tôi trông thấy những người thợ mỏ đang di chuyển theo lối mòn, mấy hộp cơm của họ lấp lóa trong ánh đèn phát ra từ thang máy. Một số người khác đang đi trở xuống theo hướng ngược lại, họ vừa hoàn thành xong công việc của mình. Mỗi người trong bọn họ đều đang biết rõ mình cần làm gì. Còn tôi thì vẫn đang đợi đến một ngày mà tôi cũng có thể khẳng định được điều đó. Nhưng giờ đây, tôi thật nghi ngờ về tính khả thi của nó.

HÔM SAU, tôi trở về nhà sau giờ học và nhìn thấy một thông điệp nằm trên bàn:

Chú Ferro gọi - cửa hàng kim khí điện máy: Cháu nghĩ sao nếu bọn chú bắt vít cho miệng tên lửa, bên ngoài, bên trong hay cả hai phía? (Sonny - có đủ hiểu biết để trả lời không?) Yêu con, Mẹ.

Tôi dùng chiếc “hắc phon” để gọi cho chú Ferro. Tôi bảo chú việc bắt vít cho miệng tên lửa là ý kiến hay. Điều đó đồng nghĩa với việc chú ấy sẽ bỏ đi phần vật liệu hình nón ở 2 đầu, giúp giảm bớt trọng lượng. Tôi nhận ra rằng việc này sẽ giúp cho tên lửa đạt độ cao lớn hơn.

“Mấy người thợ nghĩ rằng cháu sẽ thích nó đấy, Sonny,” chú Ferro nói. “Thực ra, Caton đã thực hiện rồi. Chú ấy đã làm cho cháu một chiếc dài 91cm, bắt vít 45 độ cho miệng tên lửa cả 2 đầu. Cháu muốn đến lấy ngay không? Và bọn chú cũng muốn cháu phóng ngay vào cuối tuần này được không?”

Khi tôi đồng ý, chú Ferro hét toáng lên câu trả lời của tôi cho mấy người thợ của mình nghe và một tiếng hú vọng lại. “Nói với chú nhóc hỏa tiễn là tất cả bọn tôi sẽ cùng đến xem!” người nào đó hét lên và rồi tôi nghe họ đồng loạt đếm ngược. “Năm-bốn-ba-hai-một-vút!”

Tôi đạp xe xuống xưởng kim khí điện máy và nhìn thấy chiếc hỏa tiễn dài 91cm nằm chễm chệ trên miếng vải đen trên bàn cạnh mấy bộ máy móc. Ngoài miệng tên lửa được bắt vít, chú Caton còn trình bày thiết kế mới của mình về cách gắn bộ thăng bằng vào phần thân. Chú đã chế một cái gờ dài khoảng 2,54cm chạy dọc theo chiều dài bộ thăng bằng ở cả 2 đầu và uốn nó cong theo phần thân. Hai cái đai bản nhỏ cắt ra từ tấm thép cán nguội dùng bọc quanh phần gờ và cố định bộ thăng bằng lại một cách chắc chắn. Tuy thiết kế thật đẹp nhưng tôi cảm thấy nghi ngại về trọng lượng của nó. Tôi còn e rằng chú Caton đã làm quá nhiều thay đổi cùng một lúc. “Không đâu, Sonny,” chú Caton biện minh. “Nếu như chỉ thay đổi mỗi lần một thứ thì còn lâu cháu mới tìm ra được thiết kế tốt nhất.”

Tôi hiểu ý của chú Caton, nhưng việc này sẽ gây ra tranh cãi với Quentin cho mà xem. Quentin muốn chúng tôi chỉ thay đổi mỗi lần một chi tiết thôi, nhằm tìm ra ngay nguyên nhân nếu như cuộc thử nghiệm bị thất bại.

Chú Caton dùng sơn đỏ viết lên chữ *Auk XX* dọc theo phần thân bóng loáng của chiếc tên lửa, mặt bên kia là chữ *BCMA*. Phần chóp bằng gỗ cũng được sơn đỏ. Chúng tôi đứng lùi lại, hài lòng chiêm ngưỡng thành quả của mình. Nó trông như một thành phẩm chuyên nghiệp hạng nhất. Tôi bàn bạc với mấy đứa bạn ở trường và nhất trí sẽ đóng đầy *Auk XX* bằng chất nổ kẹo ngọt vào thứ sáu và phóng vào thứ bảy. Quentin theo xe buýt của trường đến Coalwood để giúp tôi nhồi chất nổ và ngủ lại nhà tôi để đi sớm vào sáng hôm sau. Khi nhìn thấy những thay đổi mà chú Caton đã làm, môi cậu ấy trề ra. “Có lẽ chú ấy là một thợ máy bậc nhất thật, nhưng lại chẳng hiểu gì về kiến thức khoa học căn bản cả,” cậu phán. “Để đảm bảo thành công, chúng ta phải cẩn trọng trước khi tạo ra những thay đổi như thế này.”

Tôi thuật lại cho cậu ấy về cuộc nói chuyện của mình với người thợ máy. “Tớ nghĩ chú ấy có phần đúng,” tôi bảo. “Làm theo cách của cậu thì lâu lắm mới thành công được.”

“Và đến khi chiếc tên lửa này nổ tung mà cậu chẳng thể tìm ra nguyên nhân thì sao?” Quentin hỏi, mặt

nhấn hết cả lại. “Cậu sẽ rút tĩa được gì từ đó?”

“Mấy người ở Cape Canaveral nói rằng họ học hỏi được từ thất bại nhiều hơn từ thành công mà,” tôi phản bác.

“Vậy thì họ toàn là đồ phế thải thôi.”

“Cậu nghĩ tớ cũng vậy à?” tôi quạet lại. “Rằng tớ cũng là đồ phế thải à?”

“Không, Sonny,” Quentin ôn tồn đáp. “Tớ chỉ nghĩ rằng cậu đang quá nôn nóng, và chẳng hiểu vì sao lại như vậy nữa.”

Tôi biết cách làm cậu ấy vui lên. “Đúng, tớ đang rất nôn nóng và cậu cũng nên như vậy đi. Chúng ta sẽ tham gia hội chợ khoa học vào năm sau.” Sự thật tôi cũng đã suy nghĩ về việc này, nhất là khi cô Riley thường hỏi han xem quyết định tham gia của tôi. Cô đã đối xử quá tốt, tìm sách và giúp đỡ nhiều thứ khác nữa, cho nên tôi muốn làm cô vui lòng. Nhưng nguyên do chủ yếu thúc đẩy chính là sự giận dữ của tôi đối với Bố. Nếu như chúng tôi chiến thắng tại hội chợ khoa học thì đó là minh chứng hùng hồn nhất đối với ông, đúng không? Tôi sẽ có thể phe phẩy huân chương hay bằng khen trước mặt Bố. Còn nếu thua thì tôi cũng chẳng thể rơi vào hoàn cảnh tệ hại hơn bây giờ được.

Quentin đột nhiên tươi tỉnh hơn khi nghĩ về viễn cảnh đó. “Cậu nói nghiêm túc chứ? Thật tuyệt quá! Chúng ta sẽ chiến thắng tất cả - tỉnh, bang và toàn quốc nữa! Tớ biết là như vậy mà!”

Tôi đặt mấy chiếc muỗng dùng đóng nguyên liệu cho chất nổ kẹo ngọt xuống. “Chiến thắng tất cả ư? Tớ nghĩ cậu thích làm từng cái một ấy chứ.”

Quentin lườm tôi. “Sonny, bố mẹ cậu có khả năng cho cậu học đại học, đúng không?”

Tôi thầm nghĩ không biết nên cho Quentin biết rằng bao nhiêu về cuộc chiến đang bùng nổ giữa bố mẹ mình. “Mẹ tớ có nhắc tới,” tôi cẩn trọng từng lời. “Tớ nghĩ bà sẽ xem xét nếu tớ thật sự muốn học.”

“Ừm, còn bố mẹ tớ thì không thể lo cho tớ học đại học được rồi - họ chỉ có thể lo cho tớ và em gái vừa đủ ăn, đủ mặc. Tớ không biết mấy đứa kia thì sao, nhưng tớ đoán rằng cũng không hơn gì tớ đâu. Nhưng tớ và họ đều biết rằng dù gì đi nữa bọn mình cũng phải học đại học thôi. Sonny, cậu là chìa khóa của cánh cửa này. Cậu chính là tấm vé vào đại học của bọn mình đấy.”

“Tớ ấy à?” Tôi cảm thấy như cậu ấy vừa đặt lên người mình một tảng đá nặng ngàn cân. “Quentin à, tớ không biết họ có cấp học bổng tại hội chợ khoa học đó hay không, ngay cả cấp toàn quốc cũng chưa chắc có. Thường chỉ có huân chương hay bằng khen là cùng. Nó chỉ tượng trưng cho danh dự, nó quý hơn tất cả mà.”

Cậu ấy lại nhìn tôi lắc đầu, quả là một thầy giáo kiên nhẫn. “Cậu không nhận ra được rằng sự táo bạo của bọn mình sẽ được đánh giá như thế nào à? Đến tận bây giờ cậu vẫn không nhận ra những gì mà

chúng ta - những người con của thợ mỏ mà Chúa đã sinh ra ở cái miền Tây Virginia hang cùng ngõ hẻm này - đạt được ư? Có lẽ sẽ không có những phần học bổng trực tiếp, nhưng thành công của bọn mình sẽ đánh động những người khác. Nói là cơ hội của chúng mình, Sonny ạ. Cơ hội cho *chính tớ*.”

Tảng đá tưởng tượng càng nặng hơn trong lòng tôi. Tôi chỉ nghĩ mấy quả tên lửa này sẽ giúp tôi được sát cánh cùng von Braun một ngày không xa, nhưng Quentin thì lại nghĩ đến những thứ trực tiếp và thực tế hơn nhiều. Tôi bắt đầu bảo cậu ấy bỏ ý định đó đi - mặc dù việc này có vẻ khó thực hiện - nhưng rồi tôi chợt nghĩ đến Bố. Tôi có lý do riêng để chiến thắng mà?

Khi quay lại việc đóng chất nổ kẹo ngọt vào tên lửa, tôi chợt thấy một cảm giác chưa hề xuất hiện trong lòng mình bao giờ - mạnh mẽ, tự tin, và giận dữ cùng một lúc. Nói giống như một sự ngạo mạn bẩm sinh vậy và cảm giác này *thật tuyệt*. “Được rồi, Q” tôi chỉ kết lại bằng một câu.

AUK XX rời khỏi bệ phóng, đạt ngay độ cao 2,54m, rồi 5,8m, và rồi 7,62m, gầm rú dữ dội lên bầu trời xanh. Quentin cùng Billy chạy ra cùng máy kinh vĩ, nhưng ngay lúc họ vừa kịp đo góc độ của tên lửa thì nó phát nổ. Những mảnh vụn kim loại rơi rụng như mưa xuống Cape Coalwood, lũ nhóc chúng tôi nhanh chân chạy núp vào lô cốt, còn mấy người thợ thì cùng nhau dạt hết xuống đường. Đến khi nghe thấy tiếng *uyech* tạo ra bởi phần tên lửa còn sót lại rơi xuống đất, chúng tôi mới lồm cồm bò ra thu lại mấy mảnh vỡ. Toán thợ máy buồn rầu bu quanh lô cốt. Tôi cảm phần lớn nhất còn sót lại của tên lửa, mảnh thân giữa, cho chú Caton xem. Hàng chữ danh dự đã bị cháy xém chỉ còn chữ *k* thay vì *Auk* và *X* thay vì *XX*. “Có phải mấy cái ốc vít gây ra vụ nổ không?” chú hỏi.

“Cháu không nghĩ vậy đâu,” tôi đáp. “Nguyên nhân gây nổ hình như xuất phát từ 1/3 thân trên.”

“Chẳng có cách nào tìm ra nguyên nhân,” Quentin lầm bầm, trong tay đầy mảnh vụn. “Chú đã thay đổi quá nhiều thiết kế trong một lần. Ai mà biết được?”

Chú Caton rầu rĩ quan sát mảnh thân sót lại, ngón tay di di phần rìa. “Chú chẳng bao giờ nghĩ có sức mạnh nào có thể làm nổ tung một cái ống kim loại như vậy. Nó chịu được áp lực tác động ngay cạnh bên lên đến 1.512kg/m², cả mối hàn cũng vậy.”

“Mối hàn nào cơ ạ?” Quentin hỏi gặng.

Chú Caton nhún vai. “Chú dùng một ống kim loại rồi hàn nối cho dài ra. Bọn chú không có mấy chiếc ống nguyên vẹn. Chúng đắt tiền lắm. Bọn chú phải tận dụng những gì còn sót lại để làm quả tên lửa này đấy.” Nói rồi chú xoay thân tên lửa lại. “Mối hàn đây này.”

Tôi nhận ra ngay nguyên nhân thất bại khi nhìn thấy một vết rách sâu ngay mối hàn - dù rất khéo và khó nhận biết. Hàn nối được thực hiện bằng cách cuộn hai tấm kim loại lại thành hình ống, chập 2 đầu lại với nhau rồi hàn ngay giữa. Mối nối này quá yếu ớt cho quả tên lửa của bọn tôi. Áp lực tạo ra ở đây quá lớn.

Mấy người thợ máy còn lại túm tụm vào. “Nên dùng mỗi hàn đắp sẽ tốt hơn Clinton à,” một trong số họ lên tiếng. “Chịu được thêm áp lực nổ 245kg nữa.” Mỗi hàn đắp là chồng đuôi 2 tấm kim loại lên nhau, cuộn thành hình ống rồi hàn lại.

“Ừ, tôi biết, lẽ ra có thể làm vậy, tôi chẳng biết mình nghĩ gì nữa.” chú Caton buồn bã đáp.

“Mình có thể dùng loại ống nguyên được không ạ?” tôi hỏi, tỏ vẻ không hài lòng với bất cứ mối hàn nào.

“Chú phải đặt hàng,” chú Caton ngập ngừng đáp. “Phải được bố cháu phê duyệt đó.”

“Được thôi ạ,” tôi quả quyết. “Cháu sẽ lo việc này. Chú cứ đặt hàng đi nhé.”

Tôi chắc chắn rằng việc chú Caton đặt hàng sẽ diễn ra suôn sẻ. Nếu như Bố không cung cấp thì tôi cũng sẽ có cách tìm được, bằng cách này hay cách khác và bằng bất cứ giá nào - lừa gạt, mưu mẹo hay thậm chí là chôm chĩa. Tôi chẳng cần Bố giúp. Tôi để cho sự nóng giận và cay nghiệt sôi sục trong lòng mình, chẳng mảy may có ý định ngăn cản nó. Thay vì căm ghét cảm giác này, tôi lại tự hào về nó. Tôi đang trở nên gai góc hơn, giống hệt như *ông*.

17. VALENTINE

HỒI ẤY LÀ THỜI HOÀNG KIM của nhạc Rock'n'Roll, ngay cả lũ nhóc ở nơi xa xôi hẻo lánh của miền Tây Virginia chúng tôi cũng mê mẩn dòng nhạc này. Hằng đêm, khi bắt đầu bắt được sóng phát ra từ các đài phát thanh xa xôi bên kia núi, chúng tôi thường nghe đài Gallatin - Tennessee phát nhạc Rock'n'Roll sôi động của người da đen. Mặc dù chẳng bao giờ mua sản phẩm làm tóc của Rezoid Royal Crown thường được quảng cáo giữa các bài hát, nhưng bọn tôi vẫn mê mẩn Chuck Berry, LaVern Baker, nhà Coasters, Fats Domino, Shirley & Lee, Ivory Joe Hunter, và Joe Turner. Đến khi Elvis, Carl Pherkins và Jerry Lewis xuất hiện thì chúng tôi cũng nồng nhiệt hưởng ứng những bài hát phát ra từ đài WLS - Chicago của họ, nhưng những ban nhạc da đen thường hát trên đài Gallatin vẫn hấp dẫn nhất.

Và cả những bài mà Ed Johnson thường bật nữa.

“Cuối tuần này Ed mở đĩa hát ở đâu nhỉ?” là câu hỏi thường được chúng tôi đề cập tới vào mỗi thứ sáu. Ed Johnson chính là người đã dìu dắt học sinh của trường Big Creek qua kỷ nguyên vàng của nhạc Rock'n'Roll. Anh là một lính thủy, từng phiêu du qua các hòn đảo từ Tarawa đến Iwo Jima thuộc Thái Bình Dương. Đến năm 20 tuổi thì anh đã được chiêm ngưỡng toàn bộ thế giới và giờ đây, anh để cho những kỉ niệm ấy dần phai ở cái miền Tây Virginia này. Anh làm việc trong hầm mỏ một thời gian, sau đó được thuê vào trường Big Creek làm quản lý. Anh từng kết hôn hai lần và có nhiều con, nhưng bọn tôi chẳng biết được chính xác là bao nhiêu đứa. Đến một ngày nào đó, rồi anh sẽ rời miền Tây Virginia để đến Florida và bị điện giật chết khi chùi rửa hồ bơi. Nhưng dù sao đi nữa, khi còn ở đây với chúng tôi thì Ed Johnson luôn bày ra những trò tiêu khiển. Anh thường mặc quần jeans xanh, áo len cổ tim và bật những đĩa hát mới nhất bằng bộ dàn hifi tự chế của mình cho chúng tôi tha hồ nhảy nhót.

Nơi chơi đĩa ưa thích của Ed là Dugout, nằm dưới tầng hầm của nhà hàng Tổ Cú, bên bờ sông đối diện với trường học. Dugout được trang trí rất sơ sài, chỉ có vài băng ghế dựa lưng kê dọc theo bờ tường và vài cây cột cắm rải rác trong phòng để phân chia khu vực nhảy nhót. Ánh sáng trong đó thì lờ mờ với vài bóng đèn xanh, hồng trên trần nhà thấp tè. Ngoài ra còn có một cái lò sưởi cùng đồng than chất trong góc phòng. Thật ra Dugout chẳng có gì đặc biệt nhưng chúng tôi vẫn thích nó vì đó là thiên đường Rock'n'Roll của bọn tôi. Bạn sẽ luôn biết được mình đã nhảy nhót ở Dugout nhiều đến mức nào khi đêm về tháo tất ra và chứng kiến cái vòng tròn đen của bụi than bao quanh hai mắt cá chân.

Ed rất xem thường nhạc đồng quê, đối với anh ấy, nó chỉ là “những thứ âm thanh lạnh canh rời rạc” và chúng tôi cũng hòa theo như vậy. Anh thường pha trộn giữa những bản nhạc êm dịu và sôi động, những nhạc sôi nổi phải có tiết tấu trống hay. Anh rất hiếm khi bật nhạc của Elvis vì nó quá nhanh để nhảy theo và mang hơi hướng thị trường quá nhiều. Những bản nhạc êm dịu ưa thích của anh luôn đi vào lòng người như: “Về với anh” - Dean Martin, “Mộng ảo” - Billy Ward, “Định nghĩa cơ hội” - Johnny Mathis, “Tất cả chỉ là trò chơi” - Tommy Edwards, và những bài của nhóm Platters. Bài hát kết thúc của anh luôn là “Ngủ ngon người yêu nhé” của Jesse Belvin. Ed chọn lọc những bài hát rất kĩ càng,

buổi nhảy nhót thường bắt đầu bằng tiết tấu sôi nổi đầy hứng khởi chào mời, tiếp theo đến đoạn giữa là những bản nhạc rộn ràng xen lẫn vài đoạn nhạc lãng mạn và kết thúc bằng một bài quen thuộc. Những bài hát anh tuyển chọn có sức mạnh cực kì to lớn, các cặp nhảy bao giờ cũng ghì chặt lấy nhau trong âm điệu dập dờn của “Ngủ ngon người yêu nhé”, cứ như không phải buổi nhảy mà chính là cuộc sống của họ sắp kết thúc.

Sherman gọi tôi vào một ngày thứ bảy của tháng 4 năm đó, bảo rằng bọn tôi cần dừng việc chế tạo tên lửa một chốc và đến Dugout để xả hơi. Tôi đồng tình ngay vì bản thân cũng đã cảm thấy mệt mỏi khi dạo này luôn phải tỏ ra cứng cỏi và ngạo mạn giống Bố. Dù gì tôi cũng chỉ muốn làm một cậu bé bình thường và được tham gia nhảy nhót như những đứa trẻ khác.

Tôi bảo Sherman rằng chúng tôi có thể nhờ Jim cho quá giang vì anh được lái chiếc Buick hôm nay nhưng khi tôi định hỏi thì anh ấy đã đi mất dạng. Mẹ bảo hôm nay Jim đã chuẩn bị lâu hơn thường ngày để đến buổi hẹn hò, vì thế người con gái hôm nay chắc hẳn phải “rất đặc biệt”. Tôi chẳng màng nói cho Mẹ biết rằng đối với Jim, tất cả mấy đứa con gái đó đều “rất đặc biệt”. Sự thật là anh ấy đã hẹn hò với rất nhiều nữ sinh trong trường Big Creek và để lại sau lưng hàng hà sa số những trái tim tan nát.

Tôi cùng Sherman đứng đợi ở bãi đất trống cạnh trạm nhiên liệu, vài phút sau thì có người cho chúng tôi quá giang đến Caretta. Đến đó, chúng tôi lại đưa tay ra và trong vài phút bắt một chiếc xe khác đến War. Rồi bọn tôi lững thững đi xuống phố, vào Sweet Shoppe ăn xúc xích. Vừa ăn chúng tôi vừa trò chuyện với người phục vụ có đôi gò má đỏ hồng, ông khen những chiếc áo hồng, quần rằn đen, tất trắng và giày lười da nâu mà bọn tôi đang mặc. Hai đứa làm thành một cặp đôi đom đóm, ghé vào tiệm bi-da làm một ván bi-da 8 bi chớp nhoáng; đến khi trời chạng vạng tối, bọn tôi lại đứng đỉnh đi bộ xuống vỉa hè. Cô bé lớp 9 của trường trung học War, Susan Linkous, đứng trước hiên nhà và vẫy chào chúng tôi; hai thằng hô “Xin chào” đáp lại cô bé, đáng đi càng tỏ ra khệnh khạng.

Đến cách Dugout một tòa nhà là chúng tôi bắt đầu nghe tiếng nhạc vọng ra. Buổi nhảy nhót đã nhộn nhịp được cả tiếng đồng hồ rồi. Vào cửa, chúng tôi được chào đón bởi một luồng hơi ấm áp toát ra từ những chiếc bóng lò mờ của các đôi bạn nhảy. Ed cất lời chào cả hai, anh thuộc lòng tên của từng người đến tham dự. Cô bạn gái trẻ tóc màu vàng mật ong mới nhất của anh đóng dấu lên mu bàn tay chúng tôi sau khi nhận tiền. Sherman nhìn thấy cô bé mà cậu ấy thích nên chạy lại vỗ vai và bọn họ ra sàn nhảy ngay 10 giây sau đó. Cái chân bị tật làm Sherman trông hơi ngồ ngồ khi nhảy, một bàn chân phải đưa chéo ra ngoài để giữ thăng bằng, nhưng điều này không làm cô bé bỏ lỡ một điệu nhảy nào với cậu ấy cả. Tôi lẩn vào góc tối, khi trông thấy Emily Sue và Tootsie Rose đang ngồi trên băng ghế, tôi liền lân la lại trò chuyện. Connie Peery vừa từ trường đại học về nhà chơi, chị lôi kéo tôi nhảy một lúc trong khi bạn trai chị đang ra ngoài bãi xe bên kia sông để hút thuốc. Ed bắt đầu vào đoạn giữa, những bài hát sôi động với tiết tấu trống tuyệt vời vang lên. Tôi trông thấy mấy chị hoạt náo viên Cathie Patterson và Sandy Whitt đang nhảy cùng với bạn trai của họ. Cathie luôn tràn trề sinh lực và nhảy nhót rất mãnh liệt. Áo của anh bạn trai đã ướt đầm vì phải chạy theo những bước nhảy của cô. Chợt cô ấy vẫy chào tôi và hỏi to: “Tên lửa của em sao rồi?” Tôi vẫy tay chào lại, gật đầu đáp rằng mọi thứ vẫn tốt và tôi cũng vậy. Tôi thật sự cảm thấy vui vẻ, bao lo toan về hỏa tiễn và những việc khác đều được cất sang một bên. Nhạc Rock’n’Roll và bao bạn bè vui vầy vầy quanh thật là một liều thuốc hữu hiệu.

Tôi đảo mắt ra xung quanh và nhìn thấy Valentine đang đi cùng Buck Trant. Mấy tuần nay tôi đã rất ngạc nhiên khi trông thấy họ ngồi cùng nhau vào buổi sáng và cả giờ ăn trưa nữa. Chuyện này ở trường Big Creek nói lên giữa họ có một điều gì đó nghiêm túc đang diễn ra. Tôi không tìm ra được điểm gì ở Buck có thể xứng với Valentine cả. Dĩ nhiên tôi không có gì phải ghen tức, vì đã dành trọn trái tim và tâm hồn mình cho Dorothy mất rồi.

Hình như Valentine và Buck đang cãi vã. Chị ấy đứng bật dậy, lắc lắc ngón tay trước mặt Buck rồi chạy vụt ra khỏi Dugout. Buck vội vã đuổi theo, gầm gừ, nhưng Ed chặn hấn lại và nói gì đó, một lúc sau, tên cục súc ấy ủ rũ lê chân về băng ghế rồi ngồi phịch xuống. Ed rất nhạy cảm với tâm tính thất thường và tình cảm bốc đồng của tuổi trẻ nên anh thường bật những bài nhạc trữ tình nhằm giúp mấy cặp đôi làm lành với nhau và thông thường là thành công. Tôi đã nhiều lần chứng kiến các đôi nam nữ ghì chặt lấy nhau, dập dìu trong bài nhạc lãng mạn Ed bật lên, mọi giận dỗi đều tan biến. Nhưng Ed chẳng màng đến Buck, anh không ưa gì hấn. Một lúc sau, Valentine trở vào và lôi Buck theo một điệu nhảy sôi động. Buck lê bước theo chị ấy, hai bàn tay thô kệch vung vẩy thông thạo bên hông.

Bạn trai của Connie quay lại nên tôi chuyển qua nhảy với Emily Sue rồi đến Becky Hurt, Tish Hampton,

Mary Grigoraci và Dana Beavers. Tiếp đó tôi mời Malvey Sue Harlow, học lớp 10, cùng nhảy một bài êm dịu. Kế đến là điệu “con gà” - lần lượt tung từng chân ra, đầu lắc lư theo nhịp trống - cùng Lucky Jo Addair. Những thân thể xoay vòng xung quanh tôi, tôi hít vào người những hương vị tuyệt vời của mồ hôi và nước hoa hòa quyện vào nhau. Sherman đã lẩn vào góc tối cùng cô bé đáng yêu của cậu ấy, còn tôi vẫn đứng ngoài ánh sáng, sẵn sàng tiếp nhận một ai đó. Đúng lúc này, tôi bắt gặp Dorothy.

Tôi chưa từng thấy Dorothy đến Dugout. Nàng đang đứng một mình ngay bên trong cửa ra vào. Nàng vận một chiếc váy đen, áo len xanh nhạt, lấp ló chiếc cổ áo trắng, và mang giày nhảy. Tôi cảm thấy trong lòng rộn ràng hơn vì nghĩ rằng nàng đến đây một mình. Nhưng rồi tôi trông thấy bạn trai của nàng vừa bước vào với hai đồng tiền trên tay. Tôi nhận ra hấn, nhận ra mái tóc vàng bóng mượt vuốt ngược ra sau, lọn tóc vàng điệu dàng buông trước trán, đôi môi hay cau gắt và cái dáng thể thao kهنh càng.

Anh tôi nắm lấy bàn tay hoàn hảo nhỏ bé của Dorothy, họ cùng nhau bước ra sàn dưới ánh sáng màu hồng, xanh dương, và giấy kếp màu xanh lá và trắng, rồi bắt đầu nhún nhảy theo những bài nhạc sôi động trong đoạn giữa của Ed. Những âm thanh đó đảo nghịch lại với tiếng trái tim tôi đang tan nát thành từng mảnh vụn rơi rớt xuống mặt sàn xi-măng.

Không hiểu vì sao tôi có thể nhấc chân lên được nhưng rồi tôi cũng lết về một băng ghế trống ở phía sau. Tôi ngồi đó, cay đắng nhìn Jim thi triển những ngón nghề của anh với Dorothy. Giờ đây tôi là một quan sát viên đang hứng thú theo kiểu một hành khách sống sót phải chứng kiến cảnh tàu *Titanic* bị đắm. Những người khác vẫn quay cuồng trên sàn nhảy, một vài cô bạn cũng mời tôi ra nhảy cùng nhưng tôi ngồi chẳng buồn phản ứng. Tôi đang bận bịu trong cái vòng luân hồi chết đi sống lại diễn ra liên tục trong lòng mình. Ngay lúc này, lạ Chúa tôi, Ed mở bài “Tất cả chỉ là trò chơi” của Tommy Edwards.

Bao nhiêu giọt lệ phải tuôn rơi,

Nhưng tất cả chỉ là trò chơi

Chỉ là một trò chơi tuyệt vời,

Mà ta thường gọi là Tình Yêu.

Dorothy mềm nhũn trong vòng tay của Jim. Ruột gan tôi đau thắt khi nhìn thấy đôi bàn tay múp míp của Jim siết chặt vào bờ hông thon thả đến hoàn hảo của nàng, trong khi nàng giúi đầu vào bờ vai ục ịch của anh ta, đôi mắt của bầu trời mùa hạ xanh trong ấy nhắm nghiền lại, một nụ cười thỏa mãn nở trên môi.

Sẽ có lúc anh ấy chẳng gọi phone à ơi,

Nhưng đó chỉ là trò chơi

Không bao lâu anh ấy lại bên đời

Với bó hoa ngọt ngào phôi phới.

Tôi nhìn thấy Jim ngả người ra sau, giả vờ như đang trao cho Dorothy một bó hoa, và khi nàng đón lấy bó hoa vô hình ấy, tôi thấy lòng mình quặn lại như đã chết, và toàn bộ máu trong tôi như dồn xuống cả hai chân. Tôi chết lặng trong nỗi đau vô bờ bến.

“Sonny?”

Người vừa lên tiếng là Valentine.

“Em có muốn nhảy không?”

Tôi nhìn lên thấy chị ấy đã chìa tay ra. Tôi nắm lấy một cách vô thức, chị lùi lại và kéo tôi đứng dậy. Chị ấy va vào Dorothy và Jim. Dorothy mở mắt mơ màng còn Jim thì gằm gừ, nhưng họ vẫn tránh đường. Valentine vòng tay quanh cổ tôi. Chúng tôi xoay mình theo điệu nhạc, và rồi bờ môi của Valentine cạ nhẹ vào tai tôi, lúc này, tôi không còn nghĩ gì về Dorothy và Jim nữa.

Rồi anh ấy sẽ hôn lên môi em lả lơi,

Nâng niu những ngón tay em đang chờ trông bên đời

Rồi trái tim em sẽ thăng hoa chơi vơi.

Tôi không thể nhớ là đã ra khỏi Dugout với Valentine như thế nào. Khi ngẫm nghĩ lại, tôi chỉ mang máng nhớ là Ed đã vỗ vai tôi một cách đầy ẩn ý. Valentine và tôi phải băng qua cầu đến bãi đậu xe trước trường, song tôi cũng chẳng nhớ được việc này. Nhưng tôi nhớ rõ chiếc Dodge cũ kỹ của Buck. Valentine mở cửa sau, trườn vào băng ghế sau, rồi chồm ra, nắm tay tôi kéo vào trong. Chị ấy khóa hết cửa lại rồi ngả người ra. Tay chị đặt xuống dưới áo, vòng tay, kéo nó lên qua khỏi đầu. Chị lắc đầu xỏa tóc rồi vứt chiếc áo lên băng ghế trước. Người chị toát ra mùi xạ hương và mùi của sự khao khát. Hay mùi đó phát ra từ tôi nhỉ? Chị dang rộng vòng tay và ôm tôi vào lòng.

Tôi loáng thoáng nghe được Buck gõ lên kính và than vãn điều gì đó nhưng chỉ có vậy. Valentine đã tìm thấy đài WLS, và người chỉnh nhạc đang đắm chìm trong không gian lãng mạn.

Tình yêu chứa đầy những điều tuyệt vời.

Nó là hoa hồng tháng Tư nhưng chỉ nở vào đầu xuân mới...

Tôi ngóc đầu dậy lấy lại nhịp thở trong âm điệu của bài “Mộng du” - Santon & Johnny, cửa sổ của chiếc Dodge giờ đây chuyển sang màu xám lò mờ hơi sương, thỉnh thoảng những giọt nước lặn xuống tạo thành những vệt ngoằn ngoèo. Tôi buông lơ lửng trên thân thể chị, gò má tôi dính thật chặt như được hàn vào bầu ngực căng tròn ấy. Một lúc sau, chị nhẹ nhàng nâng tôi ngồi dậy và ra khỏi xe. Chị ngồi nhồm dậy, quỳ gối trên băng ghế rồi chồm người về phía trước. “Ôi, cậu bé đáng yêu,” chị nói và ôm chặt lấy tôi rồi khẽ đặt ngón tay lên mũi tôi. “Rồi sẽ có nhiều người con gái khác đi qua đời em, nhưng chị phải là người đầu tiên, đừng quên điều này nhé.” Nói xong chị đóng cửa lại, tôi biết đến lúc mình phải rời khỏi đây. Bước chân tôi liêu xiêu tiến về chiếc cầu nơi Buck đang đứng đợi, hai tay hắn đang vịn lên thành cầu, đầu soi bóng xuống nước. Tôi dừng lại cạnh cái khối thịt đồ sộ ấy cứ như mình đang nằm mơ vậy. Thật là điên rồ, nhưng tôi chẳng thấy e sợ gì hắn cả, mặc dù hắn thừa biết rằng tôi vừa ở trong xe hắn cùng Valentine.

Valentine nổ máy, chạy vòng ra khỏi bãi đậu xe, đi ngang qua cầu rồi phóng thẳng, chẳng tỏ vẻ gì muốn quay lại, mặc dù đó là xe của Buck. Buck quay đầu dõi theo rồi thốt lên ai oán. “Ôi, tôi yêu cô ấy biết nhường nào.” Đột nhiên, tôi cảm thấy thật tội nghiệp cho Buck. Hắn đã bị tước mất quyền thi đấu bóng bầu dục trong năm rồi, mất cơ hội được vào đại học, và mất luôn cả cơ hội trở thành một con người khá khẩm hơn bây giờ. Tôi rất muốn nói rằng mình cảm thấy mọi việc thật tồi tệ như thế nào hòng an ủi hắn, mặc dù tôi là kẻ vừa kề bên người yêu của hắn. Nhưng rồi khi hắn đang sụt sùi khóc hận, hai bàn tay hắn úp lên mặt thì điều duy nhất tôi có thể làm là vỗ vỗ nhẹ lên cánh tay hắn an ủi. Tôi đứng cạnh hắn đến khi ngộ ra rằng lúc hắn ngừng khóc thì viễn cảnh hắn quẳng tôi xuống sông có thể xảy ra lắm.

Nghĩ rồi tôi nhẹ nhàng chuồn thẳng, lẩn vào trong bóng đêm.

VÀO ĐẾN DUGOUT thì Ed đã phát xong bài “Ngủ ngon nhé em yêu,” và cả sàn nhảy trống rỗng. Sherman đã ra về, chắc cậu ấy bắt xe đến bãi chiếu bóng phục vụ cho khách ngồi trong ô tô ở English rồi xin quá giang từ đó về nhà. Tôi nhìn chiếc đồng hồ trong Tủ Cú và hoảng hồn khi nhận ra bây giờ đã quá nửa đêm. Trời chuyển cơn giông, khi tôi đang đi vội xuống vỉa hè thì những vạt mưa bắt đầu buông xuống; từ xa, tôi trông thấy ánh đèn hắt lại. Một chiếc xe trờ tới, tôi đưa ngón tay lên xin quá giang và nó dừng lại. Đến lúc một chiếc xe khác đưa tôi về tới Coalwood thì đã 2 giờ sáng. Mưa tuôn xối xả xuống thung lũng, sấm chớp vang rền, những tia sét xé toang bầu trời và bò ngang dọc trên đỉnh núi.

Nhà than hôm nay được chiếu sáng một cách lạ thường, đèn pha rọi thẳng vào thang máy khi tôi đi ngang qua. Khi nhìn xuống thung lũng, hiên nhà nào cũng sáng đèn và tôi thấy những bóng người lò mò đi chuyển về phía khu mỏ. Cửa sau nhà tôi mở toang. Tôi rón rén đi vào và thấy Mẹ đang ngồi ở bàn ăn, ngắm bức tranh tường. Bà nhìn tôi trân trân và nói với tôi như thể bà là người gác cổng địa ngục vậy. “Con không vừa về từ khu mỏ đấy chứ,” giọng bà trở nên nghiêm trọng hơn khi một tia chớp chói lòa rạch ngang trời và làm mặt bà bừng lên trong nhập nhoạng. “Con đã làm gì trong đêm nay thì mặc con, nhưng con không được đến khu mỏ chết tiệt ấy.”

18. VỤ NỔ

TỪ MẸ, TÔI THU THẬP được tin tức của những gì vừa xảy ra. Ba giờ trước, hai chiếc quạt gió bị sét đánh, và 30 phút sau, một vụ nổ đã xảy ra gần công trường. Sau đó dĩ nhiên là chiếc “hắc phen” reo inh ỏi, Bố biết rằng hầm đã bị sụp, nhiều công nhân bị thương và có lẽ bị mắc kẹt bên trong, khí mê-tan chắc chắn đang lan tràn khắp đường hầm. Nếu quạt gió không hoạt động trở lại, một vụ nổ lớn sẽ bùng lên khắp hầm mỏ. Bố ra lệnh cho mọi người ra khỏi hầm ngay, sau đó ông đập điện thoại và lao về khu mỏ.

“Mẹ đã bảo ông ấy đừng có vào trong đấy,” bà thốt lên cay đắng. “Hãy để cho đội cứu hộ làm việc này. Nhưng đó không phải là cách Bố cam chịu. ‘Anh phải đích thân đi,’ ông ấy nói. Mẹ bảo ông ấy chẳng bao giờ có thể để ai khác vào khu mỏ yêu dấu đó mà không có sự có mặt của mình phải không.”

“Rốt cuộc con cũng về nhà rồi,” bà bảo tôi. “Mẹ không cần biết con đã ở đâu. Bây giờ thì về phòng và đi ngủ đi. Jim cũng đang ngủ. Bất kể điều gì xảy ra trong cái hầm bản thủ ấy không liên quan gì đến hai con đâu.”

Nghe lời Mẹ, tôi về phòng rồi ngóng ra ngoài cửa sổ, nhìn thấy xe hơi và xe tải băng qua vệt vĩa hướng về phía khu mỏ. Sau đó tôi nhìn thấy xe cứu thương đến từ Welch bên kia núi. Sấm rền vang dữ dội, chớp chói lòa và mưa xối xả tuôn như muốn nhận chìm mọi vật. Dân cư trong thị trấn nháo nhác dưới những chiếc dù, áo khoác kéo khít lên đến cổ.

Tôi không thể lẩn trốn trong phòng và không biết chuyện gì đang xảy ra được. Tôi bèn mở cửa sổ, leo ra ngoài mái hiên, tuột xuống gờ mái, bám vào bậu cửa sổ và thả mình xuống sân. Rồi tôi phóng qua hàng rào, hòa mình cùng dòng người đang tuôn về phía khu mỏ. Hầu hết mọi người ở Coalwood đang tụ tập ở đây. Một rào chắn được dựng lên, đứng phía trong là những người phụ nữ có chồng đang mắc kẹt dưới mỏ. Tôi nghe mọi người bàn tán xôn xao. Đội cứu hộ đã xuống đó vài tiếng rồi nhưng chưa nghe có phản hồi gì.

Tôi nấp dưới bóng của nhà tắm và quan sát. Đầu óc tôi rối loạn - có quá nhiều chuyện xảy ra trong đêm nay. Dorothy đã thực sự đi ra khỏi đời tôi. Sau đêm nay, khi thấy nàng cặp kè cùng Jim, cảm giác của tôi về nàng đã không còn như trước nữa. Tôi trông thấy thành viên của [Đội quân Cứu tế \[33\]](#) đang ban lời cầu nguyện cho những ai cần nó. Chợt tôi nghĩ về Valentine và chẳng cảm thấy vui vẻ gì. Kỷ niệm đầu đời của tôi thật bi đát. Valentine đã yêu tôi bằng lòng thương hại.

“Thầy lang” đứng đợi cạnh xe cứu thương cùng đội của ông, còn ông Van Dyke thì cùng mấy người thuộc hạ và kỹ sư đứng nhìn ra từ hiên nhà ngoài văn phòng của Bố. Jake cũng có mặt. Những đứa trẻ tụ tập xung quanh bố mẹ chúng và cũng lặng im như người lớn. Bỗng một em bé khóc òa lên sau hàng rào, một cô thuộc [Đội quân Cứu tế](#) bồng nó và dỗ dành trong khi Mẹ nó chùng xuống trong vòng tay

của một người phụ nữ khác.

Giông tố đã lặng im, mọi người bắt đầu xì xào phấn khích khi thấy thang máy kéo kẹt đi lên, nhưng trong đó chỉ có vài công nhân của đội rải bụi đá. Họ báo lại rằng đội cứu hộ đã mò xuống được gần công trường, nhưng chiếc xe nâng bị chôn vùi khi hầm bị sập lấp mất đường đi, và họ đang cố gắng kéo nó ra. Thông tin này làm mọi người được dịp lao xao. Tôi lại gần nghe ngóng hai người công nhân đã nghỉ hưu khò khè giải thích cho “Thầy lang”. “Họ sẽ phải dùng tay đào chiếc xe nâng đó ra, Bác sĩ à, rồi họ sẽ dùng cột dây và dùng máy kéo nó ra khỏi đó.”

“Sao họ không nổ tung nó cho rồi?” “Thầy lang” thắc mắc.

“Không được, làm vậy thì cái khí mỏ đen sì dưới đó sẽ nổ tung lên,” người thợ mỏ già phản bác bằng ngôn ngữ chuyên ngành. “Hoặc là nó sẽ làm cho banh chành cả dãy trần. Không được đâu, chỉ còn cách đào bằng tay mà thôi.”

“Việc này mất bao lâu nhỉ?”

“Khoảng vài giờ hay hơn nữa không chừng, phụ thuộc vào lượng đất đã ập xuống. Máy người đó vẫn còn cơ hội sống sót nếu đội cứu hộ xuyên thủng được sớm. Còn nhiều không khí trong đó lắm, mà tôi nghe mấy cái quạt đã được sửa rồi. Họ chỉ cần đào một lỗ nhỏ là được. Không sao đâu Bác sĩ, họ vẫn còn nhiều cơ may. Ông cứ chờ xem nhé!”

Đêm chậm chạp trôi qua, mưa đã ngừng hẳn, mây xám tản dần đi, và những đốm sao lần lượt nhấp nháy hiện ra, trông thật lạnh lẽo và xa vời. Cái lạnh vẫn vũ trên những ngọn cây men theo sườn núi, nhưng cũng giống như những người khác, bây giờ tôi chỉ tập trung cùng sự im lặng tại nhà than và cái trục kéo thang máy đang đông cứng kia. Dường như đường hầm đang thở dài nê theo từng đợt khói bốc lên từ dưới lòng đất, và như đang thì thầm một lời cảnh báo. Ông Van Dyke vừa nói chuyện điện thoại xong và đi ra ngoài hiên văn phòng; lời bàn tán bắt đầu râm ran: Một người trong đội cứu hộ bị thương nhưng họ đã xuyên thủng được bức tường sụp. Thậm chí có một vài người đã tử nạn. Những người vợ đứng sau hàng rào gục đầu lầm rầm cầu nguyện. Bỗng trục kéo thang máy kéo kẹt, mọi người ngược lên và bắt đầu nhìn về phía nó. “Thầy lang”, Cha Lanier và Richard tiến lại đường hầm, đứng chờ cạnh cánh cửa trong khi dây kéo thang máy ì ạch chuyển động. Ai cũng căng thẳng, mặc nhiên hiểu rằng đây là điều họ đang mong chờ.

Khi thang máy lên đến nơi, hai thành viên của đội cứu hộ lộ dần, được nhận diện bởi chiếc mũ bảo hộ với hình chữ thập màu xanh. Họ khiêng ra một cái cáng, thi thể nằm trên đó được phủ một tấm chăn màu xám. Một người thợ mỏ mở cửa thang máy rồi tránh sang một bên để nhường đường khiêng cáng ra ngoài. “Thầy lang” kéo chăn lên, bỏ mũ xuống và nói gì đó với những người vợ. Hàng rào mở ra và một phụ nữ xiết chặt áo khoác vào người, dường như đang cảm thấy rất lạnh, lặng lẽ bước tới. Bà đứng đợi theo chiếc cáng lên xe cứu thương. Khi bà đi ngang qua, dưới ánh đèn của phòng tắm, tôi nhận ra đó là Mary Bykovski. Tôi buột miệng rên lên. *Cầu xin đức Chúa, con muốn cơn ác mộng này kết thúc thật nhanh.*

Tôi định cất bước theo cô, nhưng có giọng ai gọi giật lại. “Không, không phải lúc này.” Thì ra là Mẹ.

Khi bà ra khỏi góc tối, ánh mắt bà như xuyên thấu tim tôi. Tôi bắt đầu buông những lời bào chữa hèn nhát mong bà hiểu cho tôi, nhưng trước khi tôi kịp mở miệng thì bà đã dùng hết sức bình sinh tát tôi thật mạnh. Tôi choáng váng, má nóng bừng và nước mắt trào ra, có lẽ vì bàng hoàng hơn là cơn đau vừa nhận lấy. Mặt bà nhăn nhúm lại vì giận dữ. “Mẹ *đã bảo* con không được đến đây mà,” bà quát.

Tôi đứng như trời trồng. “Con lo cho Bố mà.”

“Không phải,” bà rít lên. “Con chẳng lo lắng cho ai khác ngoài bản thân mình cả. Con luôn như thế mà - thật *ích kỉ*!” Bà quay phắt về khinh bỉ rồi bước đi, hòa lẫn vào đám đông, khuất khỏi tầm mắt tôi.

Tôi đồ phịch vào tường nhà tắm, tay áp chặt lên má như vừa bị dán keo. Lời Mẹ cứ đánh loạn lên trong óc tôi: *ích kỉ*. Xe cứu thương chở chú Bykovski bắt đầu lăn bánh và từ từ hướng xuống đồi, ra đường Cái. Tôi dõi theo và cầu nguyện: *Hãy cho mọi đau khổ qua đi. Cầu xin ơn Chúa ban phước lành, hãy cho mọi đau khổ qua đi*. Lời cầu nguyện của tôi nghẹn lại trong cổ. Thi thể chú Bykovski đang nằm trong chiếc xe cứu thương kia rồi, lời cầu nguyện này chỉ còn dành cho riêng tôi mà thôi. Có lẽ Mẹ nói đúng. Tôi luôn là thằng ích kỉ. Lại thêm một lý do để tôi tự khinh miệt bản thân mình.

Thang máy lại kéo kẹt chuyển động đi lên, những người vợ đang đứng đợi chột rùng mình như có một ngọn gió lạnh buốt vừa thổi qua người họ. Khoảnh khắc đó như kéo dài bất tận, nhưng rồi rốt cuộc một toán người cũng bước ra, mặt họ đen sì như bầu trời đêm. Một vài người phải tựa vào người khác mà đi. Một thành viên của đội cứu hộ đặt chân lên mặt đất và tuyên bố đồng đặc với những người vợ: “Tất cả đều sống sót.”

Tất cả đều sống sót! Những người vợ xô ngã hàng rào, ùa đến cạnh chồng họ. Một vài người té ngã nhưng đứng bật dậy tiếp bước ngay. Họ lao vào chồng, chẳng màng tới lớp bụi than lấm lem dính đầy vào quần áo. Những đứa bé cũng mừng rỡ vây quanh, bám lấy chân của bố chúng.

Sau cùng tôi cũng trông thấy Bố bước ra khỏi thang máy một mình. Mũ bảo hộ của Bố đã biến mất, còn trên mắt ông là một miếng băng nhuộm đầy máu. Bố cất bước khó nhọc về phía ông Van Dyke. Ông tổng quản đốc bước xuống từ hiên văn phòng và trịnh trọng bắt tay Bố. Sau đó đội cứu hộ vây quanh và vỗ lên lưng ông biểu hiện sự thân mật. Ông lơ đãng đón nhận những lời tán thưởng rồi loạng choạng bước đi, chân nặng nề như đeo chì. Mẹ tôi rời khỏi đám đông nhưng lại không đến bên cạnh Bố. Bà chỉ bước theo sau. Tôi nghĩ bà biết rằng lúc này, quan trọng hơn hết là phải để ông tự mình đi về nhà. Tôi đợi đến khi họ đi xuống đồi ra đến đường Cái rồi bước theo, chỗ bị Mẹ tát trên má tôi vẫn còn nóng bừng.

Mẹ và Bố đang ở dưới tầng hầm - tôi nghe thấy tiếng nước chảy - khi tôi lách vào nhà rồi chuồn lên phòng. Sau đó tôi nghe tiếng bước chân họ lên cầu thang rồi nghe Bố đặt mình xuống giường. Còn Mẹ trở xuống nhà dưới.

Chiếc “hắc phon” reo vang. Tôi cảm giác bây giờ nó to gấp 10 lần so với ngày thường. Mẹ chạy vội

vào nhưng bà không nhấc máy mà giật phăng nó khỏi tường, mở cửa trước và quăng nó ra sân. Tôi bước ra khỏi phòng, lo rằng bà sẽ tự làm đau mình.

Chiếc “hắc phen” trong phòng Bố vẫn còn réo vang. Bà phóng hai bước một lên lầu, đẩy Jim - đang ngái ngủ và cầu nhàu xem việc gì đang diễn ra - sang một bên. Bà xẹt ngang qua tôi rồi mở toang cửa phòng Bố, mở cửa sổ và giật nốt chiếc “hắc phen” còn lại khỏi tường rồi quăng ra ngoài. “Đi mời Bác sĩ tới đây,” bà ra lệnh cho tôi. Tôi định xuống cầu thang nhưng “Thầy lang” đã tới nơi, đang bước vào hành lang dưới và bước lên lầu. Ông chẳng nói gì với tôi nhưng ôm chầm lấy Mẹ. “Mọi việc sẽ ổn thôi Elsie.” Ông bảo.

“Từ lúc nào chứ?” bà nức nở. Cả hai đi vào phòng Bố và đóng cửa lại.

Khi “Thầy lang” bước ra, tôi cùng Jim đang đứng đợi trong sảnh. Bọn tôi chẳng nói với nhau nửa lời. Thực tình, chúng tôi chẳng có gì để nói với nhau cả. “Tôi đã khâu 12 mũi trên trán ông ấy,” ông thuật lại. “Sợ cáp họ dùng để kéo chiếc xe nâng bị đứt và quật vào đầu ông ấy. Sức bật của nó đã cắt đôi chiếc mũ bảo hộ. Có thể ông ấy sẽ bị mất đi mất phải đấy. Tôi sẽ đưa ông ấy đến bệnh viện vào ngày mai rồi xem mọi chuyện sẽ như thế nào sau.”

“Thầy lang” bước ra thành cầu thang rồi quay sang nhìn chúng tôi. “Sẽ có nhiều người thiệt mạng đêm nay nếu không có bố cháu. Bọn cháu là con của ông ấy, hãy nhớ lấy điều này.”

Tôi theo “Thầy lang” ra đến cửa sau. “Còn chú Bykovski thì sao ạ?” tôi hỏi.

“Ông ấy lái chiếc xe nâng bị chôn vùi đó.”

Thế là quá đủ. Tôi chẳng thể chịu đựng thêm nữa. Tôi ngửa mặt và khóc òa lên. “Thầy lang” đặt tay lên vai tôi. “Gì nữa đây?”

“Tất cả là lỗi của cháu! Nếu không tại cháu thì chú Bykovski đâu phải làm việc ở dưới đó!” Rồi tôi thuật lại câu chuyện cho “Thầy lang” nghe. “Và nếu như chú ấy không phải làm việc ở công trường thì đã không mất mạng như thế,” tôi kết thúc câu chuyện, giọng tôi nghẹn ngào trong tiếng nấc và nước mắt. Tôi nhìn lên và bắt gặp ánh mắt của ông.

“Đừng có mít ướt nữa,” “Thầy lang” rít lên. “Quý tha ma bắt, cháu không hiểu cái chôn này là như thế nào à? Mỗi ngày, những người đàn ông ở thị trấn này vào trong mỏ than làm việc luôn có thể cận kề cái chết bất cứ lúc nào.”

Tôi không thể kìm được nước mắt và cảm thấy thật xấu hổ vì điều này. Lệ chảy thành dòng trên má rồi lăn xuống cằm. Càng như vậy tôi càng tự thấy căm ghét bản thân mình.

“Ike chế tạo tên lửa cho cháu,” “Thầy lang” nói giọng cương quyết, “vì ông ấy muốn những điều tốt nhất đến với cháu, ông ấy xem cháu như con ruột của mình vậy. Cháu và những đứa trẻ ở Coalwood này thuộc về tất cả mọi người ở đây. Luật lệ này không được viết thành văn nhưng nó đã luôn nằm

trong lòng của mọi người trong thị trấn này.”

Nói xong ông đi ra xe, bước vào trong, nổ máy và xoay cửa kính xuống. “Chú nói với cháu điều này mà có lẽ bố cháu cũng đồng tình. Đừng để chú thấy cháu khóc rống lên như đàn bà một lần nữa. Nếu không, thề có Chúa rằng, chú sẽ cho cháu một trận ra trò đấy. Coalwood không phải là nơi dành cho những kẻ yếu đuối, nếu muốn thì cháu hãy giữ nó ở trong lòng, còn không thì biến khỏi đây càng sớm càng tốt.”

Tôi đứng ở cửa và nhìn theo đến khi “Thầy lang” lái xe đi khuất. Tôi nhìn lên con đường dẫn tới nhà than và trông thấy mọi người đang lũ lượt kéo về nhà. Tôi nghe thấy những cuộc trò chuyện thật bình thường, có vài người còn cười rất thoải mái nữa. Chú Bykovski đã tử nạn, còn Bố tôi thì bị thương nặng, vậy mà họ làm như chẳng có chuyện gì xảy ra. Chỉ có một người chết. *Chỉ có một người mà thôi!* Lúc nào cũng có một người sẽ mất mạng trong những hầm mỏ của tỉnh McDowell này. Những lời cầu nguyện tại đường hầm có vẻ đã đủ công hiệu. Tôi ghê tởm nhìn họ đi ngang qua tôi, ghê tởm vì thấy trong thực tế, họ lại đứng đống đối với lòng dũng cảm, sự chịu đựng và ngay cả cái chết của người khác như vậy. Tôi chẳng muốn giống như bọn họ chút nào. Tôi chỉ muốn quay lưng và được giải thoát khỏi Coalwood mà thôi.

Clyde Bishop, một đốc công của ca làm việc ban ngày, đi ngang qua cổng nhà rồi trèo vào cứ như tôi không hiện diện ở đây vậy. Mẹ chặn chú ấy lại trước cửa nhà. “Tôi cần nói chuyện với Homer,” chú ấy cộc cằn bảo. “Điện thoại của anh ấy bị gì rồi.”

“Ông ấy không có đây,” bà quạ lại.

“Gì nữa đây, Elsie...”

“Ông ấy không phải chỉ ở đây vì anh, Clyde, và ông ấy sẽ không ở đây nữa. Đừng cố gọi ông ấy làm gì. Tôi đã quăng mấy cái phone ra ngoài sân rồi, và từ nay chúng sẽ ở đó mãi.”

Hôm sau, Mẹ chở Bố đến bệnh viện. Tôi ngồi ở hiên sau và chờ họ trở về. Dandy tìm thấy tôi, dường như đánh hơi được tôi đang buồn, bèn gác đầu lên đầu gối của tôi. Tôi vuốt ve chòm lông vàng mềm mại trên đầu nó. Thỉnh thoảng, nó cũng thờ dài như đang miên man nghĩ về điều gì đó. Một lúc sau, Poteet lân la lại gần, ngồi lên chân tôi như đang canh gác. Khi bố mẹ về thì bọn tôi vẫn ngồi đấy. Đầu Bố được băng bó và một miếng dán bịt ngang mắt ông. Khi ra khỏi chiếc Buick, ông phải tựa vào nó để giữ thăng bằng. Mẹ khoác tay ông lên vai, đỡ ông vào nhà. Tôi đứng dậy để giúp mở cửa. Mặc dù thấy Mẹ đang rất vất vả, nhưng ánh mắt giận dữ của bà làm tôi phải tránh ra xa.

Tôi nhìn theo bố mẹ bước vào nhà. Tôi chùn bước khi cánh cửa đóng sầm lại sau lưng họ, nghe to như tiếng súng nổ. Tôi muốn đi theo nhưng không thể, chân tôi như bám rễ xuống sân. Tiếng sập cửa vang vọng khắp không trung, cứ như tất cả cánh cửa ở Coalwood vừa đóng sầm lại từng cái một trước mặt tôi vậy. Cả đời mình, tôi luôn bận bịu với bao nhiêu kế hoạch hòng làm mọi thứ diễn ra theo ý mình. Bây giờ tôi biết rằng tôi chẳng thể làm gì để mọi thứ tốt đẹp trở lại cả. Bây giờ không thể và mai này cũng vậy thôi. Khi ngộ ra điều này, bao nhiêu năng lượng như trôi tuột khỏi người tôi. Hai tay buông

thông, tôi cúi đầu trong sự xấu hổ, tuyệt vọng. Mặc dù “Thầy lang” đã cảnh báo, tôi vẫn bắt đầu cảm thấy mũi lòng hơn lúc nào hết. Sau đó, cứ như có một tên trộm lẻn đến từ phía sau và nó lấy đi hết những gì tôi từng tin là đúng và cao cả. Đột nhiên tôi có một cảm giác thật tệ hại, kinh khủng. Nó đến thật bất ngờ và tôi nhận ra ngay là mình đang sai nhưng chẳng thể xua tan cảm giác đó đi được. Thằng nhóc đang ngược đầu lên nhìn những ngọn núi xấu xí bao bọc xung quanh nó lúc này thật khác xa với chính bản thân nó cách đây không lâu. Có lẽ tôi không nhếch mép cười khinh bỉ nhưng cũng có thể chuyện đó đã xảy ra. Điều tệ hại nhất tôi từng cảm thấy trong đời mình đang hoàn toàn điều khiển bản thân tôi. Tôi đang cảm thấy: *trống rỗng*.

19. VƯỜN CAO HƠN VÀ TIỀN BƯỚC

Auk XXI

DUỜNG NHƯ CÓ AI VỪA LẼN VÀO trong lòng tôi và tắt đi một chiếc công tắc. Tôi cảm thấy hụt hẫng và nặng nề. Những ngày sau đó, tôi ngừng việc chế tạo tên lửa, ngừng đọc sách hỏa tiễn, và cũng chẳng bén mảng tới xưởng kim khí điện máy. Tôi cố gắng hạn chế tiếp xúc với bố mẹ càng nhiều càng tốt, chẳng bước chân đến gần phòng ngủ của Bố, thức dậy thật sớm và đứng trong bóng tối cả tiếng đồng hồ trước khi xe buýt tới đón.

Tôi cảm thấy sợ hãi nhưng lại không dám thừa nhận điều này, ngay cả với chính bản thân mình. Phải chăng tôi đã trở thành một trong số họ? Phải chăng cái chết của chú Bykovski - chẳng cần hỏi gì cũng biết là lỗi của tôi - và tai nạn của Bố cuối cùng cũng khiến tôi trở về với thực tại? Rốt cuộc tôi sẽ mãi là một người dân của miền Tây Virginia, luôn là kiểu người khắc kỷ và lãnh đạm, chịu đựng sống trong nghịch cảnh, mang theo nhiều tội lỗi mà chẳng bao giờ dám phơi bày nó ra ánh sáng? Tôi từng nghĩ sẽ đến nhà thờ, chỉ để đi vào trong, quỳ gối xuống trước thánh giá và cầu xin được gánh chịu những nỗi đau. Chúa đã mang theo những đau đớn - nó thật sự là món quà của Ngài ban tặng cho chúng ta. Vậy chẳng phải chúng ta, những con chiên của Ngài, cũng nên chịu đựng giống như vậy hay sao? Tôi kính tởm chính bản thân mình vì cái cảm giác trống rỗng đáng xấu hổ đó.

Chú Ferro bắt gặp tôi đi ngang qua nhà thờ và nín tôi lại nói chuyện với chú ấy. “Mấy chú thợ vừa làm cho cháu một quả hỏa tiễn mới đây. Cháu xem có thể đổ nhiên liệu vào rồi phóng nó vào cuối tuần này được không?”

“Chuyển lời cảm ơn đến họ giúp cháu, nhưng cháu không còn liên quan gì đến chuyện chế tạo tên lửa nữa đâu ạ.” Tôi bước lên vài bậc thềm trước nhà thờ rồi quay lại. Nhà thờ cũng thuộc về công ty mà. Tôi có thể đến gặp Richard Bé Nhỏ nhưng ông ấy ở xa quá và gặp để làm gì nhỉ? Ông sẽ lại trích dẫn những đoạn trong Kinh Thánh mà tôi đã thuộc lòng.

Jake! Tim tôi giật nảy lên khi nghĩ đến anh ấy. Còn ai có thể cảm thấy yêu đời hơn anh ấy nữa? Tôi chạy vội đến Club House nhưng cô Davenport bảo rằng anh đã đi Ohio vào sáng nay mất rồi.

Tôi leo lên xe đạp rồi đi về nhà, giữa đường thì gặp ông Van Dyke đang đứng trước văn phòng và gọi tôi lại. Tôi dừng lại, mắt nhìn xuống đất trong khi nghe ông tán dương Bố. “Sự dũng cảm của ông ấy là sự cổ vũ lớn lao đối với tất cả chúng ta,” ông Van Dyke kết luận.

“Vâng thưa ông,” tôi đáp như học thuộc lòng như những thằng bé Coalwood ngoan ngoãn vẫn làm. “Cháu chắc rằng ông nói đúng ạ.”

Sau khi nói chuyện với ông tổng quản đốc xong, tôi cố gắng đạp xe nhanh qua trung tâm thị trấn, nhưng

bị chú Dubonnet bắt gặp ngay trước cổng tòa nhà của Liên minh Công nhân. “Sonny, chờ đã,” chú ấy gọi và khi tôi dừng hẳn thì lon ton chạy lại. “Bố mẹ cháu khỏe không?”

“Mẹ cháu khỏe ạ,” tôi lễ phép đáp.

“Còn cháu?”

“Dạ rất khỏe ạ.” Lại thêm một câu học thuộc lòng nữa. “Cháu đang vội ạ.”

Chú Dubonnet nắm ghi-đông xe tôi lại. “Chú biết Ike quan trọng với cháu như thế nào, nhưng cháu nên thả lỏng một chút.”

“Cháu thật sự đang vội thưa chú.”

Chú buông xe tôi ra. “Vậy chú nghĩ cháu nên đi ngay đi.”

Đêm đó, tôi nằm trên giường, ngược mắt nhìn vào bóng tối. Nghe Daisy Mae grừ grừ, tôi nựng đầu nó nhưng chẳng nói gì. Tôi chẳng có gì để nói cả. Tôi cũng chẳng buồn cầu nguyện mà chỉ nằm đó chờ cho đêm dài trôi qua.

Vào những buổi sáng, tôi nhìn quanh Coalwood và mọi thứ trông thật gớm ghiếc. Công ty đang cho tháo dỡ các đường ray xe lửa, những đội công nhân rút chốt và kéo những thanh sắt lên khỏi mặt đất. Những dấu vết của đường ray để lại trên mặt đất trông giống như một vết sẹo đen ngòm cắt ngang thị trấn. Không còn những xe than, Coalwood sẽ không còn bị bao phủ bởi bụi than ngày này qua tháng nọ nữa, nhưng dù gì, tôi vẫn trông thấy những lớp than xấu xí bám chặt lên thân thể mỗi người ở đây và chẳng bao giờ có thể gột sạch được.

Bây giờ tôi đi học mà chẳng còn sợ bị điểm xấu và tôi cũng chẳng cảm thấy sợ điều gì nữa cả. Roy Lee dặt mấy đĩa khác ra để ngồi xuống đằng sau tôi. “Sao rồi anh bạn?” cậu ấy hỏi vọng từ sau lưng tôi.

“Bình thường,” tôi đáp lấy lệ rồi nhắm mắt giả vờ ngủ.

Tôi ngồi một mình trong giảng đường trước giờ vào lớp và vào giờ ăn trưa, tôi cáu gắt với Quentin khi cậu ấy cố gắng lại ngồi gần mình. “Tránh xa tớ ra,” tôi bảo. Cậu ấy bật ngay dậy như thể vừa bị tôi đá vậy.

Tôi trông thấy Valentine và Buck đang ngồi cùng nhau, giữa họ dường như có rất nhiều thứ trên đời này để nói. Tôi chẳng can thiệp vào làm gì. Chị ấy đã diễn xong màn kịch thương hại của mình. Chị ấy bắt gặp ánh mắt của tôi, gật đầu và cười nhẹ. Tôi ngoảnh mặt làm ngơ.

Dorothy và Jim đang đi xuống hành lang, tay trong tay đi về phía tôi. Dorothy cố nói chuyện với tôi. “Sonny,” cô phải tránh qua, nếu không thì tôi đã đâm thẳng vào người cô ấy rồi.

“Đúng là thằng đàn độn,” tôi nghe Jim nói với cô ấy.

Cô Riley bảo tôi ở lại sau giờ học. “Sonny, cô rất lấy làm tiếc về bố em. Ông ấy sao rồi?”

“Tốt ạ.” Tôi đợi cho cô muốn nói gì thì nói cho xong rồi đi.

Cô nhìn tôi một lúc, tỏ vẻ lo lắng. “Cô nghe nói em không còn tiếp tục chế tạo tên lửa nữa à?”

Thật ngạc nhiên, tôi lại cảm thấy một điều gì đó. “Đúng thế ạ,” tôi đáp. Tim tôi như đau nhói. Tôi nín thở cơ hồ đứng trên tảng băng đang rạn vỡ.

“Sao vậy?”

“Tại sao lại không? Ai quan tâm chứ?”

“Cô, Quentin và mấy đứa hỏa tiễn còn lại.”

“Vậy thì họ có thể tự chế tạo tên lửa lấy,” tôi cầu nhàu một cách ngoan cố. “Không cần em họ vẫn có thể làm được vậy.”

“Em đang tự thương hại bản thân mình,” cô thì thầm. “Và chẳng có chút tự hào nào. Một sự kết hợp tệ hại.”

Tâm trạng tôi chợt bùng lên như có dòng điện vừa chạy ngang người. “Cô biết em cảm thấy gì mà nói?” Tôi tự nuông chiều sự tự thương hại của bản thân mình, sự xấu xa trong tôi sùi lên như sữa thiêu.

Cô Riley chẳng chớp mắt một lần nào suốt trong lúc tôi buông lời chỉ trích. “Đưa tay cho cô nào,” cô bảo.

“Gì cơ?”

Cô vươn tay ra và nắm lấy bàn tay tôi, lúc này đang nắm chặt lại. Cô gỡ từng ngón tay ra. Tay cô thật ấm áp, mềm mại. Tôi biết rằng tay mình thì đang lạnh ngắt. Từ khi tai nạn xảy ra, tay tôi lúc nào cũng lạnh cóng như vậy. Mặc cho vào ban đêm tôi có cuộn vào chăn ấm cách mấy thì tôi vẫn cảm thấy lạnh. “Sonny,” cô nói, “nhiều chuyện đã xảy ra với em rồi, có lẽ nhiều hơn những gì cô được biết. Nhưng cô cho em biết, nếu như ngừng chế tạo tên lửa vào lúc này, em sẽ hối hận cả đời mình cho mà xem.”

Tôi rút tay lại. Tôi sẽ không để cho cô làm mình bối rối. Tôi phải kiên quyết làm theo những gì mình vừa đặt ra. Nó là cách duy nhất để tôi có thể vượt qua những rắc rối mình vừa tạo nên, và có lẽ sẽ làm được chút gì đó đúng đắn.

“Em phải gạt nỗi đau và sự giận dữ sang một bên để tiếp tục công việc của mình,” cô Riley bảo.

Lại nữa rồi, một kiểu diễn hình của miền Tây Virginia - *một công việc cao cả*. Lẽ ra tôi phải thấy trước *việc này* sẽ diễn ra chứ. Vâng, chúng tôi đều có công việc để làm trong cái tiểu bang này, nai lưng ra làm lụng cật lực tiêu tốn hết sức khỏe cho thế giới ngoài kia, để rồi ngày hôm sau lại tiếp tục công việc như vậy và rốt cuộc là chẳng nhận được gì. “Công việc của em là gì?” tôi thô lỗ gặng hỏi.

Cô tăng lờ giọng điệu của tôi. “Công việc của em là chế tạo tên lửa, Sonny ạ.”

“Tại sao?”

“Chẳng có lý do gì cả, nó vinh danh cho chính bản thân em và ngôi trường này.”

Tôi muốn trốn chạy, đập toang cái lớp học của cô rồi quay lưng đi, không một lần ngoái lại. “Nếu như em không thích công việc này thì sao?” tôi phản bác một cách yếu ớt.

Cô nhìn xuyên thấu tim tôi và nói. “Nếu vậy, nếu thật sự như vậy, thì em hãy cứ làm tất cả những gì có thể.”

SHERMAN GỌI TÔI VÀ BẢO: “Sonny, cậu hãy đi đến trạm xe buýt ở Little Store ngay đi.”

“Chi vậy?”

Cậu ấy đã nói vậy, bảo tôi phải làm gì. Nếu như Sherman, một người tốt và dũng cảm như thế, đã nói thì tôi phải tin thôi. Tôi lao vội ra khỏi cửa.

Cô Bykovski đứng lẻ loi bên kia đường đối diện Little Store với hai chiếc vali rỏ tiền bên cạnh. Ông Van Dyke đã cho cô ở lại nhà trong vòng một tháng nhưng chỉ sau hai tuần thì cô quyết định ra đi. Sherman bảo cô ấy định về vùng nông thôn để sống với bà con, gần bệnh viện đang chăm sóc con gái của cô. “Cháu đến để thật tâm xin lỗi, thưa cô.” tôi nói với cô. Cô nhìn tôi nhưng chẳng nói gì. Tôi đứng thẳng người lên hết mức có thể rồi nói tiếp: “Hoàn toàn do cháu nên chú Bykovski mới phải lên công trường làm việc.”

Tôi giật mình khi thấy cô mỉm cười. “Ike có thể trở lại làm việc ở xưởng kim khí điện máy bất cứ lúc nào ông ấy muốn. Đôi khi bố cháu nổi giận nhưng luôn là người công bằng mà. Nhưng chú Ike không muốn quay lại và chính cô cũng vậy. Cô chú cảm thấy số tiền tăng lên rất hữu ích.”

“Nhưng chính cháu đã -”

“Ike rất yêu quý cháu Sonny ạ,” cô bảo. “Cháu biết không?”

“Vâng thưa cô, nhưng -”

“Im,” cô bình tĩnh nói. “Im lặng ngay đi.” Cô thở dài và nhìn ra xung quanh con đường. “Nơi này thật tốt đẹp. Sạch sẽ và yên bình. Ước gì cả nhà cô được sống ở đây mãi.”

Tim tôi như có ai vừa kẹp lại, đau nhói.

Chiếc xe buýt trở tới. “Nhưng dù sao, việc này cũng đã xảy ra,” cô bảo.

Tôi nhắc vali của cô, giúp tài xế chất nó lên xe. “Đừng quên Ike cháu nhé,” cô bước lên cửa xe rồi quay lại nói.

“Cháu sẽ không quên đâu ạ,” tôi hứa rồi bước lùi lại tránh ra xa khỏi xe buýt.

Cô tìm chỗ ngồi rồi mở cửa sổ ra và nở nụ cười hiền hậu với tôi. “Có một thứ mà cháu có thể làm đấy,” cô bảo. “Một thứ mà Ike sẽ rất thích.”

“Gì vậy, thưa cô?”

“Hãy tiếp tục phóng những chiếc hỏa tiễn đó nhé!” Cô đóng cửa lại, nở một nụ cười buồn bã, rồi xe buýt bắt đầu lăn bánh. Tôi nhìn theo con đường đến khi xe khuất sau khúc quanh dưới chân núi.

Một cơn gió lạnh tràn lên từ phía dưới khu lòng chảo. Những hàng cây sơn thù du dưới chân núi đứng đưa vẫy gọi như muốn khoe với tôi nét rực rỡ của chúng. Chúng nhìn tựa như những bó hoa trắng lộng lẫy trong sắc xanh của sức sống tươi mới mà Chúa vừa đặt xuống trước mặt những cây sồi già ngàn năm và những cây mai châu sừng sững. Dường như tôi vừa nghe thấy tiếng gì đó và ngược mặt lên truy tìm nguồn gốc của nó. Nhưng đó không chỉ là những âm thanh đơn độc mà chính là Coalwood đang chuyển động, thì thầm, âm ỉ khúc giao hưởng bất tận của cuộc sống, công việc, nghĩa vụ và trách nhiệm. Tôi lặng lẽ đơn độc bên lề đường, lắng nghe thị trấn ngân nga bài ca công nghiệp của chính nó.

BA TUẦN SAU KHI TAI NẠN XẢY RA, *Auk XXI* được phóng lên, cùng lúc đó, Bố tôi bỏ mặc lời khuyên can của “Thầy lang”, trở lại làm việc với con mắt đờ đẫn, mù lòa và hàng đồng mũi khâu trên trán. Mẹ nhìn Bố ra đi rồi trở lại bàn ăn trước bức tranh tường, giả vờ như không để ý đến mấy người thợ của công ty vào nhà gắn lại chiếc “hắc phen”. Còn tôi thì chẳng có gì để nói với họ cả. Ai cũng có công việc riêng của mình mà.

Mẹ làm cơm tối mỗi ngày và để trong lò rồi trở về phòng. Jim và tôi tự lấy những gì mình thích và đem về phòng riêng để ăn. Bố hiếm khi về nhà, mỗi khi có mặt, ông ăn những thứ nguội lạnh còn sót lại. Tôi thật sự mong rằng cuộc sống sẽ diễn ra như vậy hết kiếp này. Jim đã được cấp học bổng cho môn bóng bầu dục và sẽ ra đi vào tháng 7 tới. Tôi còn học một năm nữa và cũng sẽ ra đi bằng bất cứ giá nào. Tôi chẳng dự định xài một đồng nào của bố mẹ để vào đại học hay dùng cho việc gì khác cả. Jake luôn nói rằng Quân Đội hay Không Quân sẽ sẵn sàng thu nhận tôi, gia nhập vào đó là một ý định không tồi chút nào, luôn có trợ cấp cho quân nhân mà. Tôi sẽ tự học đại học và một lúc nào đó hợp lý, tôi sẽ đến Cape Canaveral.

Chiếc ống liền thân không mối hàn mà tôi yêu cầu chú Caton đặt đã được chuyển tới. Chú bảo Bố đã ký duyệt mà chẳng nói một lời nào. Quentin và tôi chưa sẵn sàng giải quyết những công thức của miệng tên lửa De Laval đề cập trong sách. Nhưng chú thợ máy đã chế tác miệng tên lửa mới được khoét loe miệng sâu hơn; hy vọng chúng tôi sẽ đạt được chút thành công từ thiết kế hội tụ - phân kì này.

“Hãy quan sát xem chiếc tên lửa này bay ra sao,” tôi nói dự đoán của mình với mấy đứa còn lại trong một cuộc họp của BCMA tại giảng đường vào buổi sáng. “Cái này đã sẵn sàng để bay rồi đấy!” Tôi xin lỗi mọi người về sự lẩn tránh của mình sau vụ tai nạn, và họ tỏ ra bình thường như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Đây chính là phong cách của miền Tây Virginia, và ở điểm này, họ giỏi hơn tôi.

Ngay lúc bấm nút khai hỏa thì tôi đã biết đây sẽ là quả tên lửa tốt nhất của bọn tôi. Một ngọn lửa nóng hồi, hình nón phụt ra từ đáy của *Auk XXI* khi nó bắt đầu rời khỏi bệ phóng. Nó vút lên bầu trời xanh thẳm, mang theo đuôi khói trắng dài thườn thượt. Hai đứa học sinh trường Big Creek khác là Dean Crabtree và Ronnie Sizemore cũng tham gia giúp đỡ chúng tôi hôm nay. Chú Dubonnet, mấy người thợ máy và 30 người dân Coalwood khác cùng hò reo. Basil thì nhảy nhót cạnh chiếc Edsel của anh. *Auk XXI* rơi xuống y như tôi dự tính. Tôi tận hưởng tiếng *ụych* mỹ mãn khi nó chạm đất. Thật hoàn hảo. “Một ngàn hai trăm bốn mươi lăm mét,” Quentin báo cáo.

“Chúng ta đã vượt lên thêm ba trăm lẻ năm mét,” Roy Lee bảo. “Chúng ta sẽ đạt được một ngàn sáu trăm mười mét vào lần tới cho mà xem.”

“Chúng ta sẽ đạt được,” tôi bảo, “nhưng đây là lần cuối cùng chúng ta dùng chất nổ kẹo ngọt.” Tôi đã bàn luận điều này với Quentin. “Lần tới chúng ta sẽ sử dụng bột kẽm và lưu huỳnh. Chúng ta sẽ đạt được độ cao tối đa.”

Sherman lặng người đi. “Chúng ta biết gì về bột kẽm và lưu huỳnh chứ?”

“Không nhiều, nhưng chúng ta sẽ tìm hiểu.”

“Nhưng chất nổ kẹo ngọt đang hoạt động tốt mà!” Billy phản đối.

“Đúng rồi,” O’Dell đế thêm vào. “Tớ nghĩ bọn mình không nên thay đổi gì cả.”

“Bột kẽm và lưu huỳnh,” tôi bảo. “Sẽ được sử dụng vào lần tới. Nếu ai không thích thì cứ việc bỏ cuộc.”

“Ai bầu cậu làm *vua* thế nhỉ?” Sherman gắng hỏi.

“Tớ chỉ huy ở đây,” tôi đáp lại, cố gắng tỏ ra là một người đàn ông cứng cỏi, “và mọi việc sẽ diễn ra như thế.”

Roy Lee vẫn đứng đó khi mấy đứa khác lùi lại. “Trời đất, Sonny, bình tĩnh nào.”

“Đừng có thách tớ, Roy Lee,” tôi bảo cậu ấy. “Tớ và Quentin sẽ thiết kế một cái miệng tên lửa rất phức tạp, và bọn tớ cần một chất nổ đẩy tiên tiến hơn để dùng với nó.”

“Được thôi. Nhưng sao cậu không bàn thảo với mọi người?”

“Vì tớ không có thời gian để giải thích mọi chuyện mà tớ định làm.”

“Cậu nôn nóng như vậy vì cái gì?”

“Tớ - *chúng ta* sẽ phải chiến thắng trong hội chợ khoa học vào năm sau. Để thực hiện điều này, bọn mình phải giỏi hơn gấp đôi bọn học sinh của trường Welch High. Còn rất nhiều thứ phải học và làm trước khi sự kiện đó diễn ra.”

“Sao cậu lại muốn thắng trong hội chợ khoa học đó?”

“Bộ tớ phải bảo vệ ý kiến cho tất cả những gì tớ làm à? Không phải tớ đã làm hết mọi thứ trong cái hội này sao?”

Roy Lee cau có. “Không, cậu không làm tất cả mọi việc. Nhưng cho dù cậu có làm hết đi nữa, thì tớ nghĩ cậu cũng không nên nói với mọi người bằng cái giọng đó.”

“Tớ không đếm xỉa đến việc cậu nghĩ gì,” tôi gần từng tiếng một.

Roy Lee bất ngờ tung nắm đấm vào ngực tôi. Tôi nằm lăn ra bãi đất khô cứng. Tôi đưa tay lên xoa ngực - đau thật - trong khi cậu ấy đang đứng trên người tôi, nắm đấm đang sẵn sàng tung ra. “Thằng bại não,” cậu ấy rít lên. “Bọn tớ đã làm hết mình cho cái tên lửa *của cậu*. Vậy mà cậu nghĩ là có thể xuống đây và chẳng xem bọn tớ ra cái quái gì à? Nếu như cậu thật sự nghĩ vậy thì đứng lên nào. Tớ sẽ đạp cậu lăn kèn ra một lần nữa đấy!”

Tôi ngồi trên mặt đất, tay vẫn ôm lấy ngực. “Tớ muốn dùng bột kẽm và lưu huỳnh, chỉ có vậy thôi,” tôi run rẩy nói.

“Chúa ơi, sao cậu ngớ ngẩn thế,” Roy Lee thốt lên rồi lắc đầu. “Cậu muốn sử dụng cái quái gì cũng được.” Cậu ấy đưa tay ra giúp, tôi bắt lấy và được kéo đứng dậy. “Tớ xin lỗi vì đã đấm cậu.”

“Còn tớ thì không xin lỗi đâu,” tôi nói và tôi thực sự nghĩ vậy.

20. KHO BÁU CỦA O'DELL

MẮT CỦA BỐ KHÔNG THỂ HOÀN TOÀN LÀNH LẠI. Ông đã không đánh mất con mắt đó nhưng giờ đây nó chẳng điều chỉnh được tiêu điểm và lúc nào cũng nhòe nước. Bác sĩ ở Welch cho biết tình trạng này sẽ kéo dài cho đến cuối đời Bố. Ông phải đưa tay lên che con mắt hỏng lại để đọc báo hay xem tivi. Sau mọi việc, Bố và Mẹ vẫn giữ được sự hòa bình trong nhà tốt hơn tôi tưởng. Mặc dù rất hiếm khi nói chuyện nhưng họ lại làm như chưa có chuyện gì xảy ra. Còn tôi với Bố thì gần như chả có gì để nói rồi. Mẹ vẫn nhẹ nhàng hỏi han tôi về việc học nhưng chẳng đâu vào đâu cả. Còn đối với tôi thì Jim không khác nào một bóng ma trong nhà này. Thật hiếm hoi mỗi khi cả nhà ngồi ăn tối với nhau, nhưng cũng chỉ trong sự im lặng ngọt ngào và tiếng dao nĩa khua lách cách. Duy chỉ có Daisy Mae luôn là người bạn dịu dàng trung thành của tôi, không hề thay đổi.

Bây giờ, sáng sáng Mẹ ở trong phòng và để cho anh em tôi tự thức dậy đi học. Không có sự thúc giục của bà thì Jim vẫn không gấp vấn đề gì, vẫn kịp đứng điệu đà cả giờ đồng hồ trong phòng tắm; nhưng tôi đã trễ xe buýt hai lần và phải xin quá giang đến trường. Vào lớp muộn, tôi bị gọi lên phòng thầy Turner cảnh cáo. Thầy bảo nếu như chuyện này còn xảy ra một lần nữa thì tôi sẽ gặp rắc rối nghiêm trọng hơn những gì tôi có thể tưởng tượng ra. Nhưng rồi vào giữa tháng 5, sự việc này lại tái diễn, mặc cho tôi đã cố gắng mượn đồng hồ báo thức của O'Dell cũng không giúp ích được gì. Sáng hôm đó, tôi lại gơ tay bắt xe tại trạm nhiên liệu bên kia đường. Một lúc thì tôi thấy Jake trở tới trong chiếc Corvette của anh. “Đi đâu đây?” anh mở toang cửa và hỏi tôi. Thật may mắn khi được gặp anh. Từ khi tai nạn xảy ra, anh ấy cứ ở mãi trên Ohio và tôi cũng chẳng biết vì lý do gì nữa.

“Đến trường Big Creek ă, em đang bị trễ lắm rồi anh ơi!” tôi trườn nhanh vào xe.

Mắt Jake sáng rỡ lên. “Được thôi!” anh hét toáng lên và nhún ga. Chúng tôi bắn nhanh qua khu mỏ và hướng về núi Coalwood. Anh hớp vài ngụm rượu rồi đưa chai cho tôi. “Em biết uống chứ hả?”

“Trước giờ học thì không ă,” tôi trả lời một cách thành thật.

Anh lại đưa chai lên miệng tu ừng ực và rồi đánh vòng qua ba khúc cua một cách hoàn hảo mà không cần nhìn đường. Chợt tôi trông thấy Geneva Eggers vận chiếc quần vải dù và áo choàng len đang ngồi vắt vẻo trên tường rào trước cửa nhà. Tôi chùng người xuống ghế khi Jake giảm tốc độ, chạy rì rì và xoay cửa xe xuống. “Chào cô Eggers,” anh làm động tác giở mũ chào và chuyển sang giọng miền nam của vùng Tây Virginia. “Sáng nay cô khỏe không?”

“Ồn thôi Jake ă,” cô đáp rồi liếc vào trong xe. “Em đang chờ ai vậy? Ồ!” Cô nở nụ cười dễ thương khi nhận ra tôi. “Cháu khỏe không, Sonny? Cháu lại trễ xe buýt nữa ă?”

Tôi càng chùng người xuống sâu hơn. “Vâng thưa cô,” tôi lí nhí đáp.

“Ừ, chẳng có chuyện gì đâu,” rốt cuộc cô nói sau khi hai chúng tôi đều im lặng nhìn nhau.

“Ồ, đó là một phụ nữ tốt đấy!” anh nói trong tiếng rít của bánh xe. “Hình như cô ấy rất thích em thì phải. Làm sao mà em biết người phụ nữ này?”

Tôi nhún vai. “Một lần nọ khi trời đầy tuyết, cô ấy đã cho em sưởi ấm bên bếp lò của cô.”

Jake ngoác miệng hết cỡ và cười hô hô như thường lệ.

Khi đến Big Creek, tôi cảm ơn Jake rồi vội vàng chạy vào lớp Hóa học. Khi vào đến nơi tôi mới nhận ra là đã để quên sách trên xe. Lúc Jake lững thững mang chúng vào, cô Riley thân nhiên nhìn sự xuất hiện của bọn tôi. Cô liếc nhìn anh khoảng vài giây, lâu hơn mức cần thiết rồi quay lại với tờ giấy điểm danh. Tôi vẫy vẫy tay ra hiệu cho anh đem sách lại cho tôi. “Cô giáo của em là ai vậy?” đó là tất cả những gì anh muốn biết.

Tôi giới thiệu và họ bắt tay nhau. “Tôi nghĩ anh là kỹ sư phải không, anh Mosby?” cô Riley hỏi giọng thật dịu dàng mà trước giờ tôi chưa từng nghe thấy.

“Tôi có bằng cấp hẳn hoi Freida ạ, vậy mà nhiều người vẫn cứ phải hỏi rằng tôi có phải là kỹ sư hay không,” anh cũng đáp lại rất mượt mà. “Mấy cậu nhóc hỏa tiễn bảo tôi rằng cô là cô giáo yêu thích nhất của chúng, và tôi thật sự ấn tượng với khiếu thẩm mỹ của lũ trẻ.”

Cô đỏ mặt thẹn thùng rồi nhìn xuống đồng sách vở trên bàn. “Ừm, nhớ ghé lại đây nhé, anh Mosby.”

“Cứ gọi tôi là Jake,” anh đáp, nhấp nháy lông mày tỏ vẻ sẵn sàng. “Chắc chắn là vậy rồi, Freida ạ.”

Anh đi ra và ngoái đầu lại nói với tôi. “Quên xe buýt của trường đi nhé, nhóc. Anh lúc nào cũng sẵn lòng chở em đi học!”

Tôi không chắc rằng mình đã lờ mờ nhận ra Jake và cô Riley hẹn hò với nhau hay không nhưng một ngày nọ, cô gọi tôi đến bàn cô sau giờ học và tò mò muốn biết thêm nhiều thông tin về “anh Mosby”, rằng bạn bè của anh là ai, những người nào để ý đến anh ấy, vân vân và vân vân. Tôi nói dối, đương nhiên rồi, và nói với cô rằng anh được yêu mến và tôn trọng như thế nào ở Coalwood. Tôi cảm thấy mình nợ Jake ít nhất một lời tán dương. Mọi chuyện như một bài tập tạo mẫu nhân cách vậy, thật ngạc nhiên khi tôi nhận ra rằng mình đang ghen tị.

Vào giai đoạn cuối của năm học, đám học sinh lớp dưới và tôi đi qua sảnh với tâm trạng âu lo. Chúng tôi nghi ngại rằng những điều tốt đẹp đang dần trôi qua. Một cuộc họp của BCMA diễn ra trong phòng tôi trước khi năm học kết thúc, có rất nhiều thứ để bàn thảo. Bọn tôi cần tiền để mua bột kẽm. Ngoài ra, chúng tôi vẫn còn nợ ông Van Dyke tiền trả cho mấy cái điện thoại.

O'Dell nhòm quanh như muốn chắc chắn rằng không có ai đang nghe trộm. Nhưng trong phòng chỉ có bọn tôi và Chipper, Daisy Mae đang ngái ngủ. Thấy vậy, cậu bảo chúng tôi tùm lại gần hơn. “Ngoài

kia có rất nhiều sắt vụn đây các cậu ạ,” cậu ấy thì thầm. “Nó quý như vàng vậy. Chúng ta chỉ việc đào lên mà thôi.”

Cậu ấy tiếp tục giải thích. Sau khi đường ray bị tháo dỡ khỏi Coalwood, Công ty Đường Sắt N&W đã bỏ lại đoạn đường sắt ở vùng Big Branch hoang dã, cách Cape Coalwood 8km về phía tây. Nằm dưới những đường sắt là hệ thống thoát nước bằng gang. “Chúng ta sẽ làm thế này: đào những cái ống đó lên, đập chúng ra từng đoạn nhỏ rồi bán cho nhà thu mua phế liệu. Làm như vậy sẽ thu được rất nhiều tiền và hoàn toàn hợp pháp!” O’Dell quả quyết.

“Sao chúng ta không lấy mấy cái đường ray?” Roy Lee hỏi trong giọng điệu nghi ngờ và tỏ ra mình đang suy luận rất logic. “Lấy mấy cái đó dễ dàng hơn chứ.”

“Nếu chúng ta lấy đường ray thì nhà thu mua phế liệu sẽ nghi ngờ và báo với công ty đường sắt,” O’Dell trả lời.

“Có gì khác nhau nhỉ?” Sherman thắc mắc. “Nếu đào ống nước là hợp pháp thì sao lấy đường sắt lại phạm luật?”

Sự nghi vấn của Sherman và Roy Lee không nằm trong hành tinh của O’Dell. “Không,” cậu ấy đáp ngắn gọn như một câu trả lời.

Chúng tôi mất cả tháng để chuẩn bị cho chuyến thám hiểm, nên đến cuối tháng 6 thì chú Red mới chở tôi, Sherman, O’Dell và Roy Lee trên thùng sau của chiếc xe rác đến nơi có đường ray bị bỏ hoang. Quentin và Billy thì bận đi thăm họ hàng ở ngoại ô trong dịp hè. Bố của O’Dell bỏ chúng tôi lại cùng cả đồ dùng cụ hỗn hợp đủ loại gồm lều bạt, túi ngủ, bếp trại, bốn túi chứa đầy đồ hộp (hầu hết là bò hầm), vài lốc nước có ga, vài bịch bánh mì trắng, hai thùng bánh trung thu lớn, nhiều hộp diêm, xe cút kít, hai xẻng, hai chiếc búa tạ, và một cái cuốc chim. Dụng cụ và xe cút kít được chúng tôi mượn từ nhiều gia đình khác nhau và góp những khoản tiền dành dụm nhỏ nhoi để mua thức ăn. Đầu tiên chúng tôi dựng lều trại trên một bãi đất trống nhỏ, bằng phẳng rồi bắt đầu đi dò tìm đường ống nước. Sau cùng cũng tìm thấy nó, nằm cách cầu gỗ khoảng 100 mét. Bọn tôi nhìn qua bờ bên kia, chỗ ống nước lòi lên. “Trời đất,” Roy Lee rên rỉ. “Nó nằm sâu dưới đất phải đến 3 mét ấy!”

“Vậy chứ cậu tưởng gì?” O’Dell gặng hỏi. “Cậu nghĩ công ty đường sắt lại để ống nước nằm lộ lộ trên mặt đất chắc?” Nói rồi cậu ấy cầm xẻng xuống vết đường ray còn để lại, nhưng xẻng chỉ lún được khoảng 1cm. “Đất *cứng* thật,” cậu ấy thừa nhận.

Tôi cầm cây cuốc khác lên thì bất chợt một con rắn hổ mang từ bên dưới trườn lên. Tôi nhảy dựng lên rồi bỏ chạy. “Lùi lại mau,” O’Dell hô to. “Đề đây cho tở.”

Cậu ấy phạt một nhát xẻng về phía con rắn nhưng hất khỏi con bò sát dễ sợ ấy phải đến 15cm; bị mất thăng bằng O’Dell ngã nhào xuống bờ đê. Tôi chạy đến mép đê tìm cậu nhưng chỉ thấy lớp bùn đen của dòng sông nằm sâu bên dưới. Tôi gọi cậu ấy nhưng không có tiếng trả lời. Cả Roy Lee và Sherman ngồi xuống vết đường ray, ôm bụng cười. “Nếu cậu ấy té gãy cổ thì sao?” tôi lo lắng.

“Phải rớt từ độ cao 30 mét thì may ra mới làm cậu ấy bị thương được,” Roy Lee nói, giọng cực kì nghiêm túc.

Rốt cuộc O’Dell cũng bò lên vết đường ray, cả người ướt sũng nhưng không bị thương gì, và cả bọn bắt đầu hì hục đào xới. Chúng tôi đào cả ngày hôm đó, hôm sau rồi hôm sau nữa. Ngày nào trời cũng đổ mưa, cả bọn cần mẫn đào, người lấm lem bùn đất. Ở chỗ cắm trại mọi thứ bị bám mốc và thức ăn bắt đầu thối rữa.

Tôi chẳng quan tâm đến điều đó. Sau mỗi ngày làm việc, bọn tôi xuống sông tắm rửa và ngồi quanh đồng lửa trại lắng nghe âm thanh vọng ra từ rừng rậm - tiếng gió xào xạc trên những ngọn cây, tiếng nai đang nhai táo tốp tốp, tiếng gấu trúc lạo xạo dưới bụi cây, và tiếng cú buồn rầu sâu thẳm. Sau nhiều tháng sống trong lo âu và áp lực, tôi thật vui mừng khi thoát khỏi Coalwood và những rắc rối ở đó. Tôi đã không nhận ra mình cô đơn và khổ sở như thế nào cho đến tận khi tới sống ở vùng hoang dã Big Branch này. Ở đây, không có ai khác ngoài Roy Lee, Sherman và O’Dell, tôi như được làm một đứa trẻ hoàn toàn khác. Tôi gạt Coalwood và cả bố mẹ ra khỏi đầu để cảm nhận những âm thanh, khung cảnh và mùi vị của thiên nhiên mà Chúa ban tặng xung quanh mình. Lần đầu tiên sau nhiều tháng, tôi thật sự cảm nhận được niềm vui.

Khi màn đêm buông xuống và dòng sông sao bắt đầu vắt ngang bầu trời cao, bọn tôi trải túi ngủ ra rồi nằm lên đó trò chuyện. Sau khi nói chán chê về đề tài phụ nữ thì bọn tôi chuyển sang đề tài tương lai. Cả bọn đều nhất trí sẽ cùng bay vào không gian. Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ sẽ cần những chàng trai như chúng tôi để làm những nhà thám hiểm, những người phiêu lưu. Rồi sẽ có một cuộc phiêu lưu giống như chúng tôi đang làm ở Big Branch hiện giờ. Nếu chúng tôi nằm đây lâu hơn, có lẽ sẽ được điểm phúc trông thấy vệ tinh - của Mỹ hay Nga, ai biết được - bay ngang bầu trời. Nghĩ đến việc được nhìn thấy nó vẫn làm tim tôi đập nhanh hơn.

Sau 5 ngày đào xới, rốt cuộc bọn tôi được tưởng thưởng bằng tiếng cuộc chim chạm vào gang. Đến khi hoàn tất việc đào hết lớp đất bao phủ đường ống, cả nhóm trông giống như những người bùn ở Borneo đang đứng tôn sùng một di tích cổ. Sherman cầm búa tạ lên, giáng mạnh xuống đường ống cứng đầu. Sau đó đến lượt tôi đập liên hồi tới khi có vết nứt hiện ra. Và rồi O’Dell cũng thành công khi đập vỡ toang ra một mảnh. Tất cả chúng tôi cùng nhau nhảy xuống hố và nâng niu mảnh kim loại hình tam giác vừa văng ra. Dù gì cũng mất cả tuần lễ mới đập ra được một mảnh bé tí này mà. Cả bọn không hề nản lòng và mạnh mẽ lên theo từng ngày, kĩ thuật đào bới cũng được cải thiện đáng kể. Chú Red chở thêm thức ăn tới. Hai tuần sau, chúng tôi đã đào được một đồng kho báu bằng gang chất cao ngang với chiếc lều.

Đến ống nước thứ mười, tới phiên tôi nhảy vào cái hố sâu hoắm để đập vỡ nó. Sau khi dùng búa tạ nện vỡ ra được một đồng kim loại lờm chờm thì tôi trèo lên. Trong lúc lồm cồm bò lên, tôi bị trượt và vội đưa tay ra sau tự đỡ mình. Lúc đó tay tôi quẹt vào đồng kim loại và cảm thấy một cạnh sắt đã cắt ngang cổ tay.

Không đến nỗi quá đau. Roy Lee bắt đầu cười, không phải vì cú ngã của tôi có gì buồn cười, mà do

cậu ấy đã quá mệt nên bị choáng. Tôi nhấc tay ra khỏi đồng gang rồi nhìn vào cổ tay mình đang nhuộm máu đỏ tươi, sau đó một tia máu bắn ra. Tôi cười khi thấy một dòng máu tuôn xối xả. O'Dell cũng nhìn thấy và cười theo,

Sherman cũng vậy. “Nhìn này,” tôi cười khúc khích và bò ra khỏi hố, “tớ đang chảy máu đến chết đây.”

Roy Lee ngồi xuống, mặt đỏ lựng lên vì cười quá nhiều. “Đúng rồi,” cậu ấy cười như nắc nẻ. “Cậu thật sự chảy máu đến chết rồi đấy!”

“Đề tớ xem nào!” O'Dell nói, giọng nghiêm trang rồi cầm lấy cổ tay tôi. Có một vết cắt ngang dài 2,54cm và tôi có thể thấy một hình chữ O nằm lộ lộ trên động mạch chủ. Đột nhiên tôi cảm thấy chóng mặt, ngồi xuống và chờ người nhìn vào dòng máu đỏ tươi đến khi bắt đầu cười lại, và tiếp đó cả đám cùng nhìn nhau cười một cách ngốc nghếch. “Chúng ta phải làm cho máu ngừng chảy ngay,” rốt cuộc O'Dell phán. Cậu ấy cởi áo somi ra, rít vào vết đứt, rồi xé một mảnh làm ga-rô. Cậu ấy dùng nó rồi buộc trên vết thương 15cm rồi xuyên một cây que qua và xoắn cho chặt lại. “Chúng ta phải tìm “Thầy lang” thôi,” cậu bảo.

Tôi không còn cười được nữa. Mặc dù ngày hè hôm ấy rất oi bức nhưng tôi lại cảm thấy thật lạnh. Tôi buông mình ngồi xuống đường ray, tay ôm đầu, đầu óc quay cuồng. “Tớ sẽ chờ ở đây, cậu đi tìm “Thầy lang” đi,” tôi nói, mắt bỗng dưng nặng trĩu. “Chắc tớ chớp mắt một lúc.”

“Bọn tớ mà đi là sẽ hết cả ngày hôm nay đấy,” O'Dell bảo và nhìn độ cao của mặt trời, “và trời sẽ sụp tối. Đến lúc bọn tớ quay lại thì...” Cậu ấy nhìn tôi. “Sonny, thức dậy đi! Cậu phải đi theo bọn tớ thôi.”

Tôi trượt khỏi đường ray, dẫm mình vào bùn đất, nắng thiêu đốt trên mặt. “Không, tớ không đi đâu...”

Sherman và Roy Lee lại cười, nhưng O'Dell ngăn bọn họ lại. “Chúng ta phải đi tìm “Thầy lang” ngay, các cậu ạ. Việc này nghiêm trọng rồi đấy!” Cậu ấy xoắn cái ga-rô chặt hơn. “Chúng ta phải làm nhanh lên không thì cậu ấy sẽ chết mất.”

“Chết?” tôi ngóc đầu lên. “Ai sẽ chết?”

“Cậu chứ còn ai nữa, ngốc ạ!” O'Dell quát rồi xốc nách tôi, cố sức kéo tôi đứng dậy. Mấy đứa kia cũng bắt đầu tỏ ra nghiêm túc và xúm lại giúp đỡ. Tôi tựa vào Sherman và bọn tôi tập tễnh bước đi dọc theo đường ray.

Mất 6 tiếng để đi bộ ra khỏi đó. Đến Frog Level thì trời đã nhá nhem tối. Tôi nằm lăn ra giữa đường trong khi O'Dell chạy đi tìm bố cậu ấy. Trong lúc này, tôi lơ mơ nhìn thấy vệ tinh và rồi thêm một cái nữa, hàng loạt vệ tinh vút ngang thiên đường, đỏ và hồng và trắng và xanh dương và xanh lá cây, và rồi cả bầu trời bắt đầu xoay, ban đầu chậm chậm, sau nhanh dần, nhanh dần. Sherman và Roy Lee lần lượt đánh thức tôi dậy, nhưng lúc O'Dell quay lại thì tôi đã bất tỉnh hoàn toàn. Chú Red bế tôi lên đặt trong thùng xe rác. Đến nhà “Thầy lang”, vợ ông ra mở cửa, bà bịt mũi vì mùi hôi và bảo rằng ông không có

nhà, có lẽ đang ở văn phòng. Và thật may chúng tôi tìm thấy ông ở đó. Ông cũng bịt mũi (thùng sau của xe rác đã tăng thêm chất nhòn và mùi hôi mốc từ khu trại của bọn tôi lên tới tận đỉnh) và đưa tôi vào phòng khám. Ông đặt tôi lên bàn, tháo ga-rô đã ướt sũng ra, rồi quan sát chăm chú phần máu nhọt nhọt ít ỏi còn sót lại trong tôi và lấy dụng cụ khâu. “Cháu có muốn ta chích thuốc tê không?” ông hỏi.

“Vâng có, thưa Bác sĩ,” tôi nói trong trạng thái chéch choáng.

Ông nhún vai. “Bố cháu lãnh hết mấy mũi khâu lên trán mà không cần một tí thuốc tê nào cả.”

Tôi đột nhiên muốn thử thách với ông. “Vậy cháu cũng không cần.”

Ngay sau đó “Thầy lang” đâm kim vào da tôi. Tôi đau quá, hét toáng lên. “Làm tê đi. Làm tê đi.”

“Không được, đã quá muộn rồi,” “Thầy lang” bảo. Ông vui vẻ khâu trong khi mồ hôi đọng thành từng hạt to trên trán tôi. Tôi quay cuồng, gần như muốn ngất xỉu mỗi khi kim xuyên qua da thịt. “Tốt lắm, Sonny,” cuối cùng ông cũng lên tiếng, thời gian trôi qua như dài cả thế kỷ. “Xong hết rồi. Ngồi dậy đi.”

Tôi ngồi bật dậy rồi ngất xỉu ngay sau đó. Tôi thức dậy trên chiếc giường có chấn song, Mẹ đang nhìn tôi, khăn mùi xoa bịt chặt trước mũi. “Sonny, lạy Chúa, con làm mẹ lo lắng quá.”

“Chào Mẹ,” tôi mỉm cười yếu ớt.

“Thầy lang” ló mặt vào. “Mấy đứa kia diu nó ra đây. Cái ga-rô đã thật sự giữ được mạng nó đấy.” Nói rồi ông nhắc tay tôi lên và quan sát miếng băng xung quanh cổ tay. “Cháu sẽ có một vết sẹo lớn đấy, anh bạn trẻ à, nó sẽ luôn nhắc nhở cháu về cuộc phiêu lưu đặc biệt này.”

“Chúng tôi về nhà được chưa Bác sĩ?” Mẹ hỏi.

“Tôi hy vọng là vậy,” ông nói. “Mấy cái máy xông hơi lúc nào cũng sẵn sàng cả.”

Mẹ diu tôi ra ngoài, mấy đứa kia bật dậy trong phòng chờ. Tụi nó vây quanh xe khi tôi buông mình xuống băng ghế. “Đi thu lượm đồng phế liệu đi,” tôi thì thào.

Mẹ bắt tôi tắm rửa sạch sẽ dưới hầm rồi mới cho lên nhà. Tôi nằm trên giường và nghe Bố vừa trở về từ khu mỏ. Rồi cửa phòng tôi mở toang ra. Bố và Mẹ cùng đi vào. “Con không sao chứ, cậu nhỏ?”

Thật tuyệt khi được nghe giọng Bố. “Con ổn rồi,” tôi đáp và nhìn lên bố mẹ mình. Nhìn họ đứng cùng nhau, tôi cảm thấy thật hạnh phúc và phải thật cố gắng để nén lại những giọt nước mắt. “Cho con xin lỗi như mọi khi.”

Bố nói, “Con chẳng việc gì phải...” nhưng tôi đã chìm sâu vào giấc ngủ trước khi ông kịp nói hết câu. Giấc ngủ hôm ấy mang những mộng mị đầy màu sắc xoay quanh, như thể tôi đang nằm trong một chiếc

kính vạn hoa không lồ đang quay tròn. Một lần tôi tỉnh dậy và ngạc nhiên thấy Jim đang ngồi trên bàn trong phòng và nhìn tôi, tỏ vẻ quan tâm. Tôi đang mơ chăng?

Hôm sau, trong khi tôi còn ngủ, mấy đứa kia quay lại Big Branch và chất đồng phế liệu lên xe rác chở đến Nhà thu mua phế liệu Chester Matney ở Welch; bỏ lại đồng dụng cụ và chiếc xe cút kít. Chú Matney cân cẩn thận - hơn 180kg! - rồi đếm 25 dollar 50 xu trả cho chúng tôi. Vậy mà bọn tôi đã dự toán rằng sẽ được ít nhất 1 dollar cho 0,5kg. Nhưng chú Matney phản bác và cho biết giá cả đã tụt xuống trầm trọng. Sau khi khấu hao đi tiền lương thực, không tính chi phí cho đồng dụng cụ bị mất và túi ngủ bị hỏng, chúng tôi kiếm được 4 dollar. Đó là trước khi “Thầy lang” gửi cho tôi một hóa đơn cá nhân trị giá 5 dollar cho “mấy mũi khâu và tiền công.”

Nhưng Jake đã đứng ra giúp đỡ chúng tôi. Nếu như bọn tôi hứa sẽ chùi rửa và đánh bóng cho chiếc Corvette của anh suốt đời thì anh sẽ trả nợ cho. Chúng tôi thỏa thuận rồi trả nợ cho ông Van Dyke, “Thầy lang” và cả những người cho chúng tôi mượn dụng cụ.

Chúng tôi cũng mua được 4,5kg bột kẽm.

21. ZINCOSHINE

Auk XXII, A, B, C, và D

BÂY GIỜ CHÍNH LÀ THỜI ĐIỂM cho những bước tiến vượt bậc. Vào mùa thu, Quentin và Billy cùng trở về, bọn tôi tụ họp trên Cape Coalwood để thử nghiệm những quả tên lửa kẽm lưu huỳnh đầu tiên. Những người thợ máy cũng có mặt, cùng Cha Richard và ít nhất là một trăm người dân Coalwood. Cha xúi vầy tôi lại rồi tháo mũ xuống. “Ta cầu nguyện cho con nhiều lắm, ta biết rằng con cần điều đó,” ông nói.

Rồi ông kể tôi nghe về giấc mơ của ông, trong đó ông thấy loài người đặt chân lên mặt trăng và tôi là một trong số họ. Khi tỉnh dậy, ông lật Kinh Thánh ra và dán mắt vào chúc thư của Thánh Peter. “*Theo lời hứa của Người, một ngày rồi chúng ta sẽ tìm thấy thiên đường và hành tinh mới, nơi mà ta có thể cư ngụ một cách chính đáng,*” ông trích dẫn.

“Con cũng hy vọng như vậy, thưa cha,” tôi đáp, và ông tỏ vẻ hài lòng.

Chúng tôi dốc ngược đầu quả tên lửa lại trên bệ phóng, đổ hỗn hợp thuốc nổ màu xám vào rồi lấy búa gõ gõ lên phần thân nhằm đảm bảo chúng được nén đều bên trong. Khi tôi vừa chập ngòi nổ thì *Auk XXII* nổ tung ngay trên bệ phóng thành những mảnh vụn cắm sâu xuống đất và một đám khói màu xanh trắng bốc lên trời mù mịt. Chúng tôi đã đảm bảo về những mặt quan trọng cho chất nổ đẩy mới này chưa nhỉ? Tôi không thể tin nổi, chắc chắn đã có sai sót gì ở đây rồi.

Đám đông lục tục kéo lại giúp bọn tôi xem xét những mảnh vỡ vụn tả tơi như lá trà. “Chắc Chúa trời không muốn cho cái này bay lên rồi,” Cha Richard lầm bầm trong khi tôi cứ lật qua lật lại miếng kim loại lõm chồm trên tay mình, cố tìm ra nguyên nhân vụ nổ vừa rồi.

Sau khi tất cả khán giả đã lái xe bỏ đi hết thì BCMA nhanh chóng tổ chức một cuộc họp khẩn. Nhưng kết luận sau cùng là hiện tại chúng tôi chưa biết mình đã làm gì với chất nổ đẩy mới này. Chẳng có một manh mối nào cả. Mọi việc chỉ đơn giản là đã xảy ra như vậy mà thôi.

Đêm đó về nhà, tôi thật không vui và cảm thấy bối rối. Khi đi ngang qua bếp, Mẹ nhìn tôi với ánh mắt cho biết bà đang có điều gì muốn nói. “Chuyện gì vậy Mẹ?” tôi hỏi bà.

“Công ty đang rao bán những căn nhà ở đây,” bà đáp.

VÀO MÙA THU NĂM 1959, báo đài và tivi tràn ngập tin tức về hỏa tiễn của Mỹ rút cuộc đã thành công, gầm rú phóng lên trời. *A-OK! Chúng ta đã bay lên thành công! Mọi thứ đã hoạt động rồi!* Ngôn ngữ của kỹ sư tên lửa đã trở thành một phần tất yếu trong những cuộc trò chuyện thường nhật của

chúng tôi.

Vào tháng 9 năm 1959, tôi đọc tin thấy NASA đã phóng thử Mercury - chiếc phi thuyền mô hình có gắn tên lửa *Big Joe*. Nó chỉ là cú phóng lớp không hết một vòng quỹ đạo và mặc dù nó trông không nhưng báo chí đều nói rằng đó chính là tiền đề mở ra cho chương trình của Mỹ nhằm đưa con người lên không gian. Tôi run lên vì sung sướng. Tôi bắt đầu nghĩ về những phi thuyền có thể mang cả gia đình bay lên - tới mặt trăng, sao Hỏa hay cả những ngôi sao khác nữa. Cũng như Cha Richard đã nói về việc tìm kiếm thiên đường và hành tinh mới. Lúc này, tôi thường cảm thấy rằng một hành tinh mới quả thật là kế hoạch tuyệt vời cho tương lai của mình.

Hầu hết mọi người trong Coalwood đều đang bận tâm đến những vấn đề thực tế hơn trên trái đất này. Chẳng những công ty quyết định rao bán tất cả nhà cửa, mà cả hệ thống nước và đường ống thoát chất thải và nhà thờ cũng chịu chung số phận. Phải chăng tiến tới sẽ đến lượt khu mỏ? Ông Van Dyke cùng Bố xuống phòng họp của Liên minh Công nhân, ngồi vào hội nghị bàn tròn để thông báo cho những vị lãnh đạo của liên minh biết về việc rao bán này. Tôi nghe lén Bố thì thầm với Mẹ về chi tiết của buổi họp đó. “Dubonnet thẳng thừng chất vấn tôi, rằng làm sao mọi người có thể chi trả cho việc mua nhà và những thứ khác nữa,” Bố nói.

“Vậy họ sẽ ra sao?” Mẹ băn khoăn.

“Công ty sẽ cho họ vay số tiền đó, gần như không lấy lãi và được trả chậm trong 20 năm.”

“Đó vẫn là số tiền nằm ngoài khả năng chi trả của họ,” Mẹ lý luận, “và nếu như họ mua căn nhà trong 20 năm, chẳng hạn họ muốn nghỉ hưu và chuyển đi nơi khác thì ai sẽ mua lại nó? Anh có bao giờ tĩnh tâm suy nghĩ vì sao công ty muốn rao bán tất cả nhà cửa không? Vì họ nghĩ rằng khu mỏ này không còn có lợi trong tương lai nữa. Em nghe mọi người bảo vậy đấy.”

Bố giương con mắt còn lạnh lặn nhìn Mẹ tỏ vẻ ngờ vực. “Em đã nói chuyện với ai vậy?”

“Đó là kiến thức thông thường thôi mà.”

“Kiến thức thông thường đó hoàn toàn sai rồi,” ông gầm lên. “Công ty rao bán nhà vì họ đã nghe theo lời một tên chuyên gia tài chính ngu ngốc nào đấy, hãnh bảo họ rằng bán nhà sẽ có lợi nhuận hơn là giữ lại, bảo quản rồi cho thuê. Đội Trưởng Laird đã hiểu về việc này từ 30 năm trước rồi, nhưng ông ấy không quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Ông bảo rằng nếu như công nhân được sống trong nhà của công ty, họ sẽ cảm thấy rằng mình thuộc về công ty và sẽ trung thành hơn. Dù sao đi nữa, Van Dyke cũng sẽ lên Ohio để cho họ biết rằng đó không phải là một ý kiến hay ho gì. Chúng ta cũng vẫn muốn giữ nguyên hiện trạng của Coalwood mà. Anh nghĩ ông ấy sẽ quay về với tin tức tốt lành thôi.”

“Ôi, Homer ơi,” Mẹ thở dài tuyệt vọng.

Một tuần sau, Mẹ cho tôi biết rằng ông Van Dyke bị sa thải. Mẹ đoán chính vì ông ấy dám chỉ trích việc buôn bán tài sản, nhưng bà không thật sự chắc chắn về điều này. Cho dù vì lý do gì đi nữa thì

cũng đã có một tổng quản đốc mới được điều xuống Coalwood để đảm bảo cho việc mua bán nhà ở, nhà thờ và những hệ thống thiết bị được diễn ra suôn sẻ. Bó lại rút vào trong khu mỏ. Sảnh họp của Liên minh Công nhân thì suốt ngày âm ỉ với tiếng la oán hận. Trên đường đến xưởng kim khí điện máy, tôi nghe vang vọng tiếng hô: “*Đình công, đình công, đình công!*”

RỐT CUỘC, tôi cũng kết luận rằng hỗn hợp kẽm-lưu huỳnh quá lỏng lẻo, có lẽ vì còn nhiều túi khí trong đó. Đây chính là nguyên do làm cho quả tên lửa vừa rồi nổ tung lên như vậy. Chúng tôi cũng đã từng gặp trường hợp này với thuốc súng đen và sau đó là kali nitrat và đường. Trước đó, thuốc súng đen được giải quyết bằng chất kết dính, rồi đến kali nitrat và đường được nung chảy cho ra thuốc nổ kẹo ngọt. Không thể nung kẽm và lưu huỳnh được, chắc chắn chúng sẽ nổ tung trước khi được nung. Tôi thử dùng dextroza cùng nước để xem chúng có tạo thành chất kết dính được không; nhưng rồi hỗn hợp này chỉ sủi chút bọt trong bình nấu nước nóng. Tôi cũng không hiểu vì sao lại như vậy. “Có lẽ nước làm cho kẽm bị ôxy hóa,” Quentin bảo.

“Nếu như trộn với xăng thì sao nhỉ?” O’Dell đề nghị.

“Quá nguy hiểm,” Quentin nói. “Và tớ cũng không chắc rằng xăng có phản ứng được với kẽm không nữa.”

Chúng tôi tranh luận về rất nhiều loại chất lỏng. Náp-ta-lin? Trong khu mỏ có rất nhiều dung môi được làm ra từ nhựa than đá nhưng tất cả đều quá dễ bay hơi. Dầu diesel? Không đủ bay hơi. Chất nửa rắn như paraffin? Quá bần. Billy đề nghị dùng rượu và mắt Quentin sáng rực lên. “Đúng rồi! Rượu rất ổn định và cũng bốc hơi nhanh. Thật hoàn hảo!”

Chúng tôi đồ dờn mắt về “trùm xoáy vật” O’Dell và cậu ấy cười toe toét. Chỉ có duy nhất một nơi ở Coalwood bán rượu 100% nguyên chất và 200% bảo đảm là thật mà thôi.

“CẬU CÓ CHẮC rằng bọn mình sẽ không bị Tag bắt không?” tôi lo ngại hỏi vọng lên từ băng ghế sau xe của Roy Lee khi chúng tôi xóc nảy trên đoạn đường đất dẫn đến Snakeroot. Roy Lee, O’Dell và tôi đang thực hiện một phi vụ mà lúc đầu nghe ra thì hay ho nhưng bây giờ tôi lại cảm thấy lo lắng.

“Tag chẳng bắt được gì đâu,” Roy Lee vừa nói vừa bám chặt tay lái, bẻ qua bẻ lại để tránh mấy cái ổ gà trên đường.

“Anh ấy đã bắt quả tang cậu và O’Dell trong cái chuồng la rồi còn gì.”

Roy Lee nhún vai. “Lần đó là khác. Bây giờ là thời khắc truyền thống trọng đại. Thằng nhóc nào trong thị trấn này sớm muộn gì cũng tìm đến tiệm của John Eye thôi.”

Lúc này là tối thứ sáu nên Roy Lee phải vất vả kiếm chỗ đậu xe. Một hàng dài xe hơi nối đuôi nhau ngay đường rãnh trước cung điện rượu lậu của John Eye Blevin. Tôi run rẩy cầm trong tay 4 dollar mà cả bọn gom góp được, số này có thể mua được gần 4 lít rượu tốt từ John Eye. Bọn tôi lén lút chờ đợi

trong bóng tối đến khi có một chỗ trống là chen chân ngay lên những bậc thang gỗ, cắt ngang được dòng khách còn dài dằng dặc phía sau. Một cô bé tóc tết bím đang đu đưa bên mái hiên, mở to mắt nhìn bọn tôi. “Các anh còn quá trẻ để được mua rượu lậu mà,” cô bé tuyên bố đồng dặc.

“Em là cái quái gì ở đây chứ, cảnh sát bắt rượu lậu chắc?” Roy Lee hỏi.

“Hông... hông.” Cô bé lắc đầu. “Em chỉ sáng suốt hơn các anh thôi.”

Một gã lực lưỡng đột ngột chặn ngang cửa. “Mấy đứa bay muốn gì?” Giọng nói nghe như từ đáy giếng sâu vang vọng lên. Tôi chìa tiền ra. “Vào đây nào!”

Phòng khách nhỏ xíu chỉ có một bộ sofa cũ nát và vài chiếc ghế bành và đồ đạc sơ sài xung quanh. Một chiếc radio to kèn cũ kỹ lấp đầy góc phòng, trên đó chễm chệ máy quay đĩa rẻ tiền. Thử âm nhạc đang phát ra từ đó thật lạ lẫm với tôi, hình như mang hơi hướng jazz thì phải. Một tấm màn bằng dây gỗ treo lủng lẳng ngăn cách với phòng bếp phía trên, nơi có 3 người Mỹ Đen ngồi ở bàn ăn. Họ đang chơi bài và chẳng màng đến những gì đang diễn ra trong phòng khách. John Eye nhìn bọn tôi, lông mày nhíu lại như đang phải đưa ra một quyết định gì đó khó khăn lắm. Rốt cuộc ông ta chìa bàn tay to lớn ra và lật ngửa lên. Tôi đếm đủ 4 dollar, ông ta gật đầu rồi khẽ lách người qua tấm màn dây gỗ. Tôi biết rõ huyền thoại về John Eye - rằng thanh đà nơi nhóm của ông làm việc đã sập xuống như thế nào, và ông hứng chịu mọi thứ trên đôi vai to lớn ra sao để cho những người khác thoát ra. Sau khi trần hầm được đào lên thì một mảnh sắt đã cắt đứt bàn chân của ông ngang phần mắt cá. Đó chính là lý do mà công ty - chính xác hơn là Bố tôi - nhắm mắt làm ngơ cho ông kinh doanh những thứ này sau nhà ông như vậy.

John Eye bước ra, trong tay là bốn chai thủy tinh đựng thứ nước trong suốt. Roy Lee cầm một chai đưa ra ánh sáng về thành thạo. “Không pha nước trong này chứ ạ?”

“Tao không giảm bớt lượng rượu đâu!” John Eye gầm lên. “Nó hoàn toàn tinh khiết và nguyên chất đấy. Muốn uống thử một ngụm không?”

Roy Lee hớn hờ. “Vâng!”

“Tớ nghĩ chúng ta không nên,” tôi nói nhanh. “Nó đâu phải để uống mà dùng cho mục đích khoa học.” Tôi do dự, vì tôi không cố tình thú nhận điều này.

John Eye thu mấy cái chai lại. “Chúng mày nói vậy là sao? Bọn mày không định uống rượu của ta à? Đây là thứ rượu ngon nhất toàn tỉnh đấy! Thật ngu ngốc khi không thưởng thức nó!”

“À, cậu ấy chỉ đùa thôi, John Eye à,” Roy Lee nói và lôi tôi ra góc phòng. “Mấy người ở đây đều có dao đấy,” cậu ấy thì thầm. “Phải tỏ ra lịch sự nếu không họ sẽ cắt cổ mình đấy. Và lại bọn mình cũng phải bảo đảm mấy thứ này thực sự tinh chất mà, phải không?”

“Xem nào...”

“Bạn chưa từng uống rượu bao giờ phải không?”

“Không hẳn.”

Roy Lee nháy mắt với tôi. “Bạn tưởng Wernher von Braun không uống rượu ở Cape Canaveral à? Tớ dám cá rằng họ đều uống trước và sau khi phóng tên lửa, và cả theo đuổi phụ nữ nữa.”

Tôi không thể phản bác lại lý luận của cậu ấy nên đành gật đầu tán thành. “A-OK, John Eye!” Roy Lee nói với ông ta.

Ông chủ nháy mắt và biến vào bếp. Tôi nghe tiếng tủ kéo mở và tiếng ly tách được lấy ra, va vào nhau lách cách. Mấy người ngồi ở bàn ăn nhìn và cười vang. John Eye đem ra một khay đựng ba chiếc ly nhỏ chứa đầy rượu. Ông đưa ra và bọn tôi kính cẩn đón lấy. Roy Lee nâng ly lên. “Hãy uống vì Wernher von Braun!” Cậu ấy đặt chiếc ly xuống, liếm mép, mắt tròn xoe và thốt lên: “Quý thần ơi, ngon quá đi!”

O’Dell rầm rập làm theo rồi đưa tay lên quẹt miệng, nước mắt trào xuống má. “Ngon!” cậu ấy hét lên, nhưng chỉ có một âm thanh nhỏ méo mó được thốt ra.

Mọi người quay sang nhìn tôi. Dù sao thì cũng vì Wernher von Braun mà. Tôi nuốt chửng ngụm rượu, thậm chí không để nó dính vào lưỡi. Rượu trôi tuột xuống dạ dày tôi, phùng phùng bốc cháy. Tôi xém tí nữa là gập cả người lại khi cảm nhận nó rục cháy suốt từ miệng xuống ruột. Tôi cố gắng thở nhưng không thể. Roy Lee vỗ vào lưng tôi. “Thấy nó thế nào nhóc? Có phải là nguyên liệu tên lửa không hay là thứ gì khác?”

“Tất cả... hệ thống... hoạt động!” rốt cuộc tôi cũng khò khè thốt được nên lời.

“Muốn làm một ly nữa không?” John Eye cười nhăn nhó, mấy chiếc răng vàng lóe sáng.

Bọn tôi nhìn nhau và cùng đưa ly ra. “Vì Werrerr và Brahl!” chúng tôi đồng thanh rống lên, O’Dell và tôi ngồi phịch xuống. Bây giờ thì tôi đã hiểu vì sao mấy cái ghế trong phòng khách của John Eye đều gãy hết cả.

Một lúc sau, cả bọn cùng nhau hát bài “Đôi việt quýt” khi Roy Lee chuẩn choáng lái xe trên con đường đất của Snakeroot. Tag chặn xe lại khi chúng tôi leo lên đồng nhựa trải đường gần nhà thờ. Anh đưa tay xua mùi rượu nồng nặc bốc ra từ trong xe khi Roy Lee quay cửa kính xuống. “Chào Roy Lee, O’Dell, Sonny. Mấy em đang làm gì vậy?”

Một giờ 30 phút sau, tôi ngồi trong bếp, đối diện với Mẹ, người tôi lắc lư, nụ cười bệnh hoạn chực chờ trên mặt. “Con say rồi à?” bà hỏi, tỏ vẻ không thể tin nổi.

Tôi chẳng biết mình có say hay không, nhưng chắc chắn là bệnh rồi. Trước đó tôi đã cùng O’Dell gục

đầu xuống rãnh nước cả giờ đồng hồ. Tag đưa từng đưa trong bọn tôi về đến tận nhà. Trừng phạt, nhận định đúng hay sai được nhường lại cho gia đình phán xét. Mẹ Roy Lee xắn đến rách tai cậu ấy rồi lúi vào nhà. Chú Red bước ra từ hàng hiên, nghe xong câu chuyện bèn chỉ tay ra hiệu cho O'Dell đi thẳng về căn chòi ở sân sau. Hình ảnh cuối cùng tôi nhìn thấy là cậu ấy thất thểu gục đầu đi men theo con đường, ông bố kè kè theo sau.

Trong khi Mẹ lom lom soi tôi từ đầu đến chân thì tôi vẫn ôm khư khư bốn chai rượu lậu quý báu của mình. Tag đã cho phép chúng tôi giữ lại sau khi nghe mục đích thật sự của nó. Thật đáng ngạc nhiên khi anh ấy lại thật sự tin tưởng bọn tôi. “Quý thần ơi, mấy đứa nhóc này,” anh hét toáng lên. “Sao các em không nói, anh sẽ mua hộ cho!”

Tôi chưa quá say hay bệnh đến nỗi quên nịnh nọt Mẹ. “Mẹ ơi, con thật tình, thật sự, *thật lòng* xin lỗi!”

Bà cười to. “Lần này thì khác, cậu nhóc quái đản của tôi ơi. Con không thể rửa chén, dọn phòng, nấu cật hay làm bất cứ thứ gì để chuộc lỗi này đâu. Bây giờ thì đem mấy cái lọ nước lửa của John Eye xuống tầng hầm đi - à, mẹ biết mấy thứ này dành cho việc chế tạo tên lửa rồi - cật chúng với mấy cái thứ quý quái con đang có dưới đó, chúng có thể làm nổ tan tành cả căn nhà này lên ấy. Sau đó thì lên lầu, tắm rửa, đánh răng, tẩy hết mùi rượu ra khỏi người và đi ngủ đi.”

“Chỉ vậy thôi hả Mẹ?”

“Chỉ có vậy thôi, cho đến khi mẹ nghĩ ra cái gì đó để trừng phạt con đích đáng,” bà nói, giọng điệu có vẻ thích thú.

“Nhưng con phải qua được cơn này đã!” tôi gào lên.

“Ừm, khó chịu lắm phải không? Bây giờ thì biến đi cho khuất mắt mẹ. Mẹ chẳng thể nào chịu nổi mấy tên say xỉn.”

“Mẹ...” tôi rên rỉ. “Đánh con hay bắt con làm cái gì đi!”

Bà lắc đầu và nhướn miệng cười. “Không.”

Tôi quỳ sụp gối và ngả đầu lên đùi bà. “Con xin lỗi,” tôi thều thào vào nếp gấp của chiếc áo ngủ của bà. “Con xin lỗi. Con xin lỗi. Con *xin lỗi*.”

Mẹ xoa đầu tôi trùi mền. “Sonny, mẹ chẳng trừng phạt gì con đâu,” bà nhỏ nhẹ nói. Tôi nhìn lên, môi khẽ nở nụ cười. Bà nhận ra ngay vẻ mặt tôi. “Thằng con hư đốn của mẹ ạ. Đáng lẽ mẹ sẽ đánh con một trận bằng roi mây. Nhưng nếu con hứa với mẹ rằng không bao giờ uống cái thứ đó nữa thì mẹ sẽ bỏ qua. Bây giờ thì đem nó xuống tầng hầm và làm theo lời mẹ dặn đi.”

Tôi gượng đứng thẳng dậy, gật đầu, rồi đi xuống hầm với mấy chai rượu lậu. Khi Bố về nhà, ông nhận ra ngay trong mấy cái chai đựng gì. Sau khi vừa “ôm ấp” cái lavabô lần nữa, tôi đi ra và nhìn thấy ông

trong bếp. “Elsie, em có biết -”

“Có, Homer.”

“Em định cho nó cả quả ô liu để uống rượu martini vào lần sau luôn à?”

“Để xem.”

Cầu phúc cho Mẹ, tôi nghĩ, và tôi phóng vội vào toilet. Mặc dù đang chúi đầu vào trong bồn cầu, tôi vẫn nghe thấy cả hai cười vang. Rất lâu rồi tôi mới nghe họ cười lâu và sảng khoái đến vậy. Ước gì tôi có thể được cùng cười với họ.

ÔNG TỔNG QUẢN ĐỐC TẠM THỜI tên là Fuller được phái xuống từ công ty thép ở Youngstown. Ông ấy nói liến thoắng như súng liên thanh và cũng chẳng lịch thiệp chút nào. Ông không dọn vào pháo đài trên đồi mà lại ở trọ tại Club House, tỏ rõ hơn vai trò tạm thời của mình. Một ngày, ông triệu tập chủ Dubonnet và những lãnh đạo của Liên minh Công nhân lại, nói rằng sẽ có những điều khoản công bằng được đặt ra nhưng việc mua bán phải được tiến hành ngay tức khắc, nếu ai không thích thì ông ấy sẽ phải trục xuất họ khỏi đây. Fuller thách thức UMWA về việc đình công và gạt phắt những thỏa thuận cuối cùng của Liên minh Công nhân. “Chẳng việc gì mà chúng tôi phải cho các người nhà ở, điện nước hay bất cứ thứ gì khác cả. Tên nào có ý kiến ngược lại thì quả là cực kì ngớ ngẩn.”

Chú Dubonnet phải nhún nhường và việc mua bán được tiến hành. Những hệ thống nước và chất thải ngoài Bluefield bị khóa lại, và một tháng sau thì mọi người ở Coalwood bắt đầu nhận hóa đơn cho những thứ mà trước đây họ nghiễm nhiên coi đó là miễn phí. Bảng hiệu NHÀ BÁN cũng mọc lên trước cửa nhà thờ. Tôi nghe mọi người bàn tán với nhau trước cửa Big Store rằng họ cảm thấy như công ty muốn đuổi cả Chúa trời ra khỏi thị trấn này thì phải.

Cha Richard và giáo đoàn của ông đã dành dụm đủ tiền mua lại nhà thờ và cứu được nó. Còn Cha Lanier thì bị mất việc khi hội Giám Lý tịch thu lại nhà thờ của ông. Mặc dù Cha xứ cũng thuộc hội Giám Lý nhưng ông lại nhận lương từ công ty nên giáo hội cho rằng ông đã suy đồi và chẳng muốn đón nhận. Người đàn ông tội nghiệp ấy phải cuốn gói ra đi, Mẹ bảo hình như ông ấy đến California. Sau này tôi nghe ông nói làm việc ở đài phát thanh trên đó. Trong khi hội Giám Lý tìm người xung phong đến phục vụ tại các vùng hoang dã của miền Tây Virginia thì lần đầu tiên trong đời, Nhà thờ Cộng Đồng của Coalwood bị khóa cửa.

Khi mọi việc trở nên tồi tệ hơn. Ông Fuller cho sa thải rất nhiều nhân viên và rất nhiều người bị nhận thư thôi việc. Chú Dubonnet tổ chức một cuộc họp khẩn tại sảnh lớn của hội liên minh và mời công ty đến giải thích rõ sự việc, nhưng ông Fuller đã không xuất hiện. Tôi nghe Bố bảo với Mẹ rằng công ty cũng ra lệnh cho ông không được tham gia. Chú Dubonnet lại đến nhà tôi lần nữa. Bố mời chú ấy vào nhà và cuộc cãi vã diễn ra âm ỉ, kéo dài dai dẳng. Tôi ở dưới hầm mà nghe họ quát tháo nhau gần cả tiếng đồng hồ, chẳng ai chịu nhường ai một lời. Rốt cuộc tôi nghe Mẹ bước vào can thiệp và yêu cầu cả hai ra khỏi nhà. “Tôi không thể chấp nhận các anh lớn tiếng trong nhà này được nữa, Homer, John,”

bà bảo. Họ ra khỏi nhà và vẫn tiếp tục to tiếng, đi về đâu thì tôi mù tịt.

Tôi tiếp tục nghiên cứu mấy quả tên lửa của mình. Tôi trộn rượu vào hỗn hợp kẽm lưu huỳnh và cho ra một hợp chất màu xám đặc như đất sét. Tôi nhét chúng vào lõi cuộn giấy vệ sinh rồi ủ nó trong lò nấu nước nóng cho đến cuối tuần sau. Khi mấy đĩa kia có mặt, tôi quăng cái ống đó vào lửa, trong khi cửa lò vẫn khép hờ, và nó nổ tung kèm theo một tiếng *vuuuuuuut* rõ to! Tốc độ của cú nổ mạnh đến nỗi làm bật tung nắp lò, thổi bay ống khói lò và rồi khói xộc lên sân lửa theo cả bọn và lũ chó. Sự việc còn trở nên trầm trọng hơn, khi tôi trở vào bếp thì khói cũng đã bốc lên mù mịt. Tôi hốt hoảng chạy khắp nhà, mở toang hết mọi cửa sổ. Mấy đĩa kia cũng theo tôi vào trong rồi dùng tạp chí và khăn quạt cho khói bay ra ngoài.

Cả Bố và Mẹ đều không ở nhà. Giờ này Bố vẫn còn đang ở khu mỏ, còn Mẹ thì đang đi mua sắm ở Welch. Mấy người đang loanh quanh ở trạm nhiên liệu phóng qua hàng rào chạy vào, họ đoán chắc rằng nhà đang bốc cháy. Có ai đó đang hét toáng lên rằng anh ta đã thông báo cho đội cứu hỏa ở Welch rồi. “Gọi lại nói họ đừng đến!” tôi van nài. “Không cháy đâu! Mọi việc ổn rồi!”

Tôi nghe tiếng bước chân giậm thành thịch từ hiên sau nhà và rồi Tag xuất hiện cùng một người đàn ông thấp đậm, có dáng vẻ của một thùng thuốc súng di động. Tôi chưa gặp ông ta lần nào song cũng biết ngay đây là ai. “Chuyện quái quỷ gì đang xảy ra ở đây thế này?” Ông Fuller hỏi gặng, điều xì gà nghiến chặt giữa kẽ răng.

“À, chỉ là mấy cậu bé hỏa tiễn thôi,” Tag vừa nói vừa nhăn răng cười. “Các chú mày không làm cháy hết mấy chai rượu lậu đấy chứ?”

“Rượu lậu?” Ông Fuller đảo điều xì gà qua phía bên kia mép, ánh mắt hiểm độc hướng về phía tôi.

Trong khi mấy đĩa kia vẫn ra sức xua khói ra khỏi nhà thì tôi giải thích ngắn gọn cho ông tổng quản đốc mới về việc chế tạo tên lửa của bọn tôi và mấy chai rượu này được dùng vào mục đích gì. Ông cau mày hỏi, “Tụi bay cho phóng mấy quả tên lửa này ở đâu?”

“Một nơi rất xa ngoài thị trấn ạ,” tôi cam đoan với ông. “Rất rất xa ạ.”

“Có thuộc địa phận của công ty không?”

“Chỉ một tí thôi ạ,” tôi ngượng ngùng đáp. Sự bất đồng tình thể hiện rõ trên nét mặt cau có của ông.

Ông Fuller quay gót bỏ đi, anh cảnh sát lẻo đẻo theo sau. Lúc Mẹ về, bà khịt mũi khi nhận thấy mùi lưu huỳnh, rồi đi xuống tầng hầm, đứng nhìn cái lò nấu nước nóng bị hỏng. Quentin và tôi xuống theo đứng cạnh bà, chờ đợi cơn giận dữ khó tránh khỏi bùng lên. Vai Mẹ rung lên - tôi nghĩ bà đang khóc - nhưng không, thật sự là đang cười mới lạ chứ. Bà choàng tay ôm ngang hông tôi và Quentin. “Mấy con thật sự là ánh sáng của đời mẹ,” bà bảo. “Mẹ chờ ngày tổng khứ cái lò than cũ rích này từ lâu lắm rồi. Lần này Homer sẽ phải mua cho mẹ một cái lò điện mới. Và sau này thì nước nóng sẽ luôn sẵn sàng mỗi khi mẹ mở vòi. Giống y như gia đình nhà Rockefeller vậy!”

Quentin sững người bên cửa nhìn Mẹ bước đi rồi thì thầm với tôi. “Cậu có một bà mẹ tuyệt vời nhất thế giới đấy!”

Tôi ngoảnh mặt lại bảo, “Mẹ tớ luôn có cách hành xử rất riêng”. Tôi mong rằng khi Bố về và phát hiện ra sự việc thì bà sẽ xử sự như vậy giúp chúng tôi vượt qua chuyện này.

Mặc dù tôi chắc chắn rằng ông Fuller đã kể lại hết cho Bố nghe về lần thí nghiệm thất bại này nhưng ông chẳng có ý kiến gì cả. Ngày hôm sau, Junior từ Big Store chở tới một chiếc bình nấu nước nóng chạy điện. Nó vang rền reo vui trong khi tôi đang nhồi thuốc nổ vào *Auk XXII-A* trên nắp máy giặt. Lần này tôi quyết định nhồi thuốc nổ đẩy vào theo từng đợt, mỗi lần chỉ vài centimet thôi. Tôi dùng cán chổi để nhồi hỗn hợp kẽm-lưu huỳnh và rượu lậu - tôi đặt tên là *zincoshine* - vào trong thân hỏa tiễn. Sau mỗi đợt nhồi, tôi hương phần mở của thân ống về phía quạt để hong cho khô. Đợi đủ 3 giờ đồng hồ, tôi mới tiếp tục nhồi đợt tiếp theo. Cách này tốn nhiều thời gian nhưng cũng chỉ một tuần sau thì quả tên lửa mới đã sẵn sàng. Chúng tôi dán áp phích lên những nơi quen thuộc và Basil giúp quảng cáo thêm trên tờ báo của anh. Tuần sau đó đã có hơn 200 người đến theo dõi buổi phóng tên lửa tiếp theo. Có nhiều lời châm biếm rằng, một là chúng tôi sẽ có buổi phóng tên lửa tuyệt vời, nếu không thì sẽ làm nổ tung cả Coalwood như đã từng làm với lò đun nước nóng của Mẹ Elsie. Nhưng dù sao đi nữa cũng sẽ có một tiết mục hoành tráng cho mà xem.

Auk XXII-A không làm mọi người thất vọng. Nó điên cuồng phát ra động lực mạnh mẽ từ bộ phóng, vút lên khỏi cây định vị và xé toang thung lũng bằng âm thanh to như sấm nổ. Đám đông lùi hết cả lại, và đồng loạt thốt lên *ahhh* khi tên lửa biến mất sau vệt khói trắng dài tít tắp. Quentin lăn ra khỏi lô cốt rồi rút máy kinh vĩ, giơ lên trời. “Nó đâu rồi?” cậu gào lên. “Tớ không thấy nó đâu cả.”

Chẳng có ai trong bọn tôi có thể nhìn thấy nó cả. Nó đã bay ra khỏi tầm nhìn, đuôi khói đột ngột tan biến. Một lúc sau, tôi bất chợt lo ngại việc nó sẽ rơi xuống đâu và nhìn về phía khán giả của mình. “Tất cả vào trong xe mau!” tôi vẫy tay và hét lên bảo họ. Một số người còn vẫy lại.

“Tĩnh giờ!” Quentin hét lên.

“Để tớ đếm!” Sherman đáp rồi nhìn xuống chiếc đồng hồ đã mượn của ai đó.

Tôi tiếp tục kiên trì ngược lên trời để tìm dấu vết của quả tên lửa mặc dù biết rằng việc nhìn thấy nó đầu tiên với cặp mắt bị cận thị của mình là không thể. Đám đông đứng bên kia đường như cũng đang dõi theo vết tích của nó như bọn tôi. Tôi bắt đầu lấm tấm mồ hôi. Nó ở đâu rồi? Rốt cuộc, Billy phát hiện ra nó trước tiên. Rồi tôi nghe thấy tiếng nó rít khi đang lao xuống. Cảm giác như nó đang rơi thẳng xuống đầu bọn tôi. Cả đám quyết định nấp vào lô cốt. Có tiếng cây gãy đằng sau, và rồi tôi nghe tiếng *Pầm!* đặc trưng của thép va vào nền đất núi.

“Ba mươi tám giây!” Sherman bảo.

Roy Lee nhìn Sherman thắc mắc: “Biết thời gian để làm gì?”

Sherman giải thích cách tính toán mới của bọn tôi cho Roy Lee hiểu. Quentin, tôi và Quentin đã thảo luận với nhau sau khi được cô Riley dạy cho một ít định luật Newton. Một vật rơi xuống mặt đất có gia tốc 98m/s. Công thức để tính ra quãng đường nó đã rơi là $S = \frac{1}{2} at^2$, hay 16 lần bình phương của thời gian rơi. Nếu như cho rằng thời gian để tên lửa đạt tới độ cao tối đa ngang bằng với thời gian nó rơi xuống - một giả thuyết khá đúng, vì zincoshine cháy quá nhanh nên ngay từ lúc tên lửa rời khỏi bệ phóng thì nó đã bay như không có trọng lực - rồi chia đôi thời gian này ra, bình phương lên, và nhân với 16 thì sẽ cho ra độ cao gần đúng mà nó đã đạt tới. Một nửa của 38 là 19, bình phương lên là 361, và nhân với 16 là... “Một nghìn bảy trăm sáu mươi mét!” Sherman hớn hờ tuyên bố.

Chúng tôi đã thành công! Chúng tôi đã vượt qua được mức 1 dặm! Billy lội qua con suối đến chỗ quả tên lửa rồi nâng cao nó lên khỏi đầu. Đám đông hò reo bên đường trong khi chúng tôi nhảy nhót cuồng loạn. “Một dặm! Một dặm! Chúng ta đã bay được một dặm!”

“Chúng ta sẽ bay vào không gian,” Quentin nói khi chúng tôi dừng lại để thở. “Chúng ta thực sự sẽ làm được.”

“Tớ thật sự muốn nói cho các cậu về điều này,” tôi gọi mọi người lại gần. “Tớ đã đọc sách và họ nói rằng lên được đến 38 dặm là chúng ta có thể bắt đầu bay vào không gian. Tớ nghĩ rằng bọn mình sẽ làm được.”

Vào giây phút ấy, mọi người đều đồng loạt tin tưởng vào ý niệm đó, kể cả Roy Lee. “Hãy cùng nhau thực hiện nào!” cậu ấy ngửa cổ hét toáng lên trời cao.

“Thật phi thường!” Quentin hò theo. “Chúng ta chắc chắn sẽ được lên bìa báo *Life*!”

Sau khi bình tĩnh lại chút ít, bọn tôi dọn dẹp quanh lô cốt và vác quả tên lửa cùng dụng cụ khác ra xe của Roy Lee. Tôi nhìn thấy chiếc xe tải cuối cùng của người xem lăn bánh. Thì ra là xe tải của công ty và ngạc nhiên hơn nữa, người lái lại là ông Fuller.

Chiếc ống bạc lấp lánh bùng lên, kéo theo ngọn lửa rực cháy và cột khói nghi ngút, cuồn trên ngọn gió và vút thẳng vào không trung. Một thông điệp của những cậu bé của Big Creek, họ đã dùng trí óc chứ không phải cơ bắp; và họ nghiên cứu với lửa của Apollo chứ không phải cứ lăn mình hùng hục với bóng bầu dục. Ôi, hỏa tiễn siêu tốc, tiếng gầm vang dội như sấm của mì tràn khắp thung lũng, làm thót tim biết bao chú nai và những người leo núi. Bay cao bao nhiêu nhỉ? Cả đám đông hoan hỉ hỏi. Nó còn bay cao hơn bao nhiêu nữa? Mấy chú bé ủa ra từ trong lô cốt và chạy xuống bãi đất nơi phóng tên lửa, gương mặt của những nhà khoa học trẻ ấy rạng ngời niềm vui. Ôi, Những Cậu Bé Hỏa Tiễn, vầng hào quang của quả tên lửa ánh lên bầu trời thật tuyệt vời. Một dặm, một dặm, họ reo vang. Chúng ta đã bay cao được một dặm rồi!

Bước tiếp theo, bọn tôi phải áp dụng được những công thức trong sách cho miệng tên lửa. Nhưng còn thiếu một con số quan trọng - xung lực chính xác của zincoshine. Theo định nghĩa trong sách, xung lực là lực đẩy mà tên lửa sinh ra khi đốt hết 0,54kg nhiên liệu trong một giây. Để làm được phép tính này thì bọn tôi phải tìm được cách cố định tên lửa lại trong khi đo đặc lực đẩy phát sinh. O'Dell nói chuyện với chú Fields, người bán thịt ở Big Store, để mượn cái cân - loại treo lên trần nhà dùng để cân sườn bò - và hứa rằng sẽ trả lại nguyên vẹn không trầy xước.

Tại Cape Coalwood, bọn tôi kẹp chiếc cân vào bên dưới tấm gỗ dài được gác trên giàn cửa. Sau đó bọn tôi chạy dây từ chiếc móc của cái cân đến phần đuôi của quả tên lửa đang được đặt trong một chiếc ống to hơn một chút, và chiếc ống sau đó cũng được kẹp vào tấm gỗ bằng một đai sắt cách điệu. Ý kiến của Quentin trong trường hợp này là quả tên lửa khi châm ngòi sẽ di chuyển xuống phía dưới cái ống và bị níu lại bởi sợi cáp nối vào chiếc cọc cắm thẳng dưới đất. Chúng tôi sẽ quan sát khoảng cách dây giãn ra bằng ống nhòm xem độ lớn của lực đẩy được tạo ra rồi đem số đó chia cho khối lượng chất nổ đẩy đã cháy và thời gian thí nghiệm diễn ra. Kết quả sẽ là số đo xung lực chính xác.

Chúng tôi có ý tưởng tốt nhưng kết quả thật tồi tệ và tình cảnh xảy ra hoàn toàn nằm ngoài sức tưởng tượng của BCMA. Khi châm ngòi quả tên lửa *Auk XXI-B*, nó xịt ra đầy khói lửa và phóng xuống dọc theo chiếc ống, giật tung tấm ván gỗ ra khỏi giàn cửa, cắm xuống đất, bật nảy lên rồi ngấm ngay hướng bọn tôi phóng tới. Nó rít lên dữ dội bên trên lô cốt, cái cân cùng chiếc cọc của nó phóng theo sợi cáp, đập vào tảng đá ở dưới sông rồi bay vào rừng cây, va trúng tổ ong bắp cày. Mấy con ong bắp cày rõ ràng chẳng dễ gì bỏ qua, và rượt chúng tôi lên núi qua bên kia bãi than cám. Bọn tôi nấp ở đó và nhìn chúng lung sục khắp nơi như cơn lốc xoáy. Khi hoàng hôn dần buông xuống thì chúng mới chịu giải tán. Sau đó chúng tôi quay về và tìm thấy chiếc cân đã vỡ tan tành. BCMA mất bốn buổi chiều Chủ nhật lau chùi cửa hàng thịt để bồi thường. Lúc đó ông Fuller ra khỏi văn phòng đến nhìn chúng tôi làm việc, chỉ nhìn mà chẳng nói gì, tôi thừa biết là ông đã nghe nói về những gì đã xảy ra.

Lần thử nghiệm tiếp theo là một dạng biến thể của lần trước và sử dụng chiếc cân trong phòng tắm của Mẹ. Tôi rất tin tưởng là sẽ trả nó về chỗ cũ nguyên vẹn vì lần này bọn tôi sử dụng một thiết kế tốt hơn (mà tôi là người nghĩ ra). Bọn tôi dùng vài thanh sắt nhét ở sau xưởng kim khí điện máy và chế tạo ra một vật giống như là giàn khoan dầu thu nhỏ, đặt nó lên chiếc cân làm thanh chèn cho cái ống đựng hỏa tiễn. Chúng tôi còn để một chiếc gương ở trên “giàn khoan” để có thể đọc được chỉ số của chiếc cân qua ống nhòm. Sau đó bọn tôi chống ngược đầu *Auk XXII-C* xuống đất rồi châm ngòi. Bị chiếc cân và bệ phóng chặn lại nên nó chỉ có thể đẩy. Tôi biết là nó sẽ hoạt động được và thực tế đã chứng minh thành quả của tôi. Trong vài giây đầu, chúng tôi đọc được chỉ số trên chiếc cân. Nhưng không may sau đó, *Auk XXII-C* biến thành một chiếc búa khoan. Nó bật lên bật xuống trong ống, tấn công chiếc cân liên hồi kỳ trận. Chiếc cân chịu được vài cú đập đầu tiên nhưng một tiếng *rắc* vang lên và nó vỡ bung ra. Khi chất nổ đẩy xì xèo cháy hết thì chiếc cân trong phòng tắm của Mẹ cũng tan thành từng mảnh rơi vãi trên bệ phóng.

Tôi cố gắng gắn lại các mảnh vụn với nhau, cố gắng đặt hết chúng vào trong và đập nắp lại cho nhìn giống giống hình dạng ban đầu. Rồi tôi đem nó về chỗ cũ, thầm mong Mẹ sẽ không để ý. Trong khi

tiếng xả nước trong phòng tắm còn chưa dứt thì Mẹ đã đập tung cửa phòng tôi và tuyên bố. “Mẹ muốn có cái cân mới trong vòng một ngày.”

O’Dell đem lại một chiếc cân mới để trong phòng tắm cho Mẹ. Tôi không biết cậu ấy tìm thấy nó ở đâu và cũng không tiện hỏi mà chỉ đặt nó vào phòng tắm rồi trở ra.

Chúng tôi đã đem lại rắc rối cho mình - chẳng có gì lạ - nhưng cũng đã có được những số đo xung lực mới sáng chói cho zincoshine. Bây giờ mọi thứ gần như đã trở thành có thể.

AUK XXII-D là chiếc cuối cùng trong dòng tên lửa có khoét loe miệng. Tôi yêu cầu mấy người thợ máy thực hiện một thay đổi nhỏ cho *Auk XXII-D* là thu nhỏ kích thước bộ thắng bằng lại. Tôi để ý thấy quả tên lửa kẹo ngọt ngày trước đã lắc lư khi bay qua núi và bị cuốn vào luồng gió khi qua đỉnh. Tôi nghĩ rằng bộ thắng bằng nhỏ hơn thì sẽ tránh được tình trạng này và tên lửa sẽ bay chính xác hơn. Chỉ có một điều tôi không biết là O’Dell cùng Sherman, có nhiệm vụ đặt tên lửa lên bệ phóng, cũng để ý đến sự ảnh hưởng của gió. Các cậu ấy muốn tạo sự cân bằng nên để nghiêng một góc nhỏ về phía ngược hướng gió. Ngày phóng *Auk XXII-D* lại có gió to. Gió rít ngang qua bãi than cám. Tôi quan sát mây, chúng đang cùng nhau trôi về phía tây ra khỏi Coalwood.

Để tạo sự cân bằng, O’Dell và Sherman nghiêng cây định vị một góc lớn hơn bình thường về phía ngược hướng gió. Tôi đang bận ổn định mọi việc trong lô cốt nên không để ý việc các cậu ấy vừa làm. Tôi đi dây ngòi nổ, xem Quentin và Billy đã chuẩn bị máy kinh vĩ chưa, kiểm tra với Roy Lee để đảm bảo bộ điều khiển mới đẹp mã có hoạt động không, và rồi tập hợp tất cả vào trong.

Nhiều lời đồn sau lần phóng tên lửa vừa rồi rằng quả tên lửa to lớn mới của chúng tôi sẽ rất nguy hiểm cho người xem. Nhưng điều này không làm họ sợ hãi, chỉ có điều tôi thấy một vài người cũng đem theo mũ bảo hộ lao động. Roy Lee giương cờ BCMA lên cột. Đó là tín hiệu cuối cùng. Tôi nhìn lá cờ, lòng lo ngại. Nó đang bay phấp phật trong gió - *phật phật phật*.

Tôi dẹp nỗi lo của mình sang một bên. Đây là một quả tên lửa to lớn, nặng nề, chắc sẽ bay thẳng và chính xác. Tôi trở vào trong lô cốt, quỳ gối bên cạnh bộ điều khiển bằng gỗ Sherman và O’Dell chế tạo. Các cậu ấy còn gắn một nút bấm tạm dụng lại từ bộ biến thế cũ của xe lửa chạy điện. Tôi bấm nút và hỏa tiễn zincoshine phóng lên trong tiếng gầm hoang dại. Nó bay thẳng, cắt ngang đỉnh núi mà không lắc lư. Sherman bắt đầu đếm, “Mười, mười một, mười hai...”

Tôi dõi theo đuôi khói của *Auk* và nó biến mất - vẫn hướng về Coalwood. “Không!” Tôi hoảng hốt hét lên.

Sherman rời mắt khỏi đồng hồ nhìn lên. “Hả?”

Roy Lee nhìn thấy việc tôi vừa phát hiện. “Thôi *chết rồi!*”

Mấy đứa kia cũng nhìn lên và khán giả cũng vậy. Mọi người đều gần như đồng thanh lặp lại câu Roy

Lee vừa nói. Chúng tôi chạy vội về xe hơi của Roy Lee, đám đông đang giãn ra trước mặt bọn tôi. Cả bọn hét ầm trên đường đi, dán mặt vào cửa sổ xe hơi, cố tìm dấu vết chiếc *Auk* bướng bỉnh. “Các cậu biết không,” Quentin nói về uyên bác, “tớ đoán là vận tốc tên lửa cũng ảnh hưởng đến sự ổn định của nó vào thời khắc ứng suất đạt mức cao nhất -”

“Im đi, Quentin.”

“Có lẽ tỷ lệ của áp suất gió và vận tốc có thể tính toán được. Thú vị nhỉ! Tớ nghĩ -”

“Câm ngay đi, Quentin!”

Frog Level vẫn yên bình, chúng tôi tiếp tục đi. Lên một đoạn nữa tại Middletown, chúng tôi trông thấy một đám đông tụ tập bên đường. Mọi người đang chạy đến xem chuyện gì xảy ra. Roy Lee rên rĩ. “Chắc bọn mình giết chết ai đó rồi!”

Auk XXII-D đã rơi xuống khoảng sân cạnh nhà thờ của Cha Richard Bé Nhỏ, nơi thường diễn ra những trận bóng bầu dục và bóng chày mini. Chúng tôi thật sự hoảng loạn, chắc đã giết chết một người chơi nào đó rồi. Cả bọn chen qua đám đông và nhìn thấy quả tên lửa nằm vùi trong cỏ, chỉ còn bộ thắng bằng và phần miệng trời lên trên mặt đất. Mùi lưu huỳnh nồng nặc. Tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm rồi bắt đầu cười, và mọi người cũng cười vang cùng bọn tôi. “Trời ạ, mấy chú mày có thể bay thẳng đến Washington DC nếu cứ tiếp tục như thế này,” Tom Tickle kêu tướng lên. Bác Tom già là một thợ mỏ luôn ủng hộ bọn tôi.

Roy Lee vác các xẻng từ thùng xe ra rồi bắt đầu đào quả tên lửa lên trong khi mọi người xì xào về việc mình đang ở đâu khi nó rơi, rằng nó phát ra tiếng động và làm rung chuyển mặt đất như thế nào. Ông Fuller xuất hiện với chiếc xe tải, ngó qua rồi tuyên bố. “Chúng mày là một lũ gây rối! Đây là quả tên lửa cuối cùng trong thị trấn này.”

Lại nữa rồi, tôi nghĩ.

“Nhìn đây này,” Cha Richard bảo ông Fuller, “đừng có lảng nhãng bảo mấy đứa trẻ ngừng việc này lại. Chúng tôi tự hào về bọn nó lắm!”

“Ông không thể ngăn cấm những cậu bé hỏa tiễn được,” Tom nói. “Để chúng nó yên. Chẳng có ai bị thương đâu!”

Những tiếng phản đối vang lên từ đám đông. Ông Fuller tăm tía bọn tôi. “Bọn nó phóng tên lửa trong địa phận của công ty, và theo tôi thấy thì bọn nó còn sử dụng tài sản của công ty nữa. Tôi là người của công ty và tôi nói cho các người biết là bọn nó sẽ không được phóng nữa.”

“Xì,” Cha Richard bảo, “ông có thể là công ty nhưng những người đàn ông và phụ nữ ở đây, họ chính là *thị trấn này*.”

“Mấy đứa nhỏ vẫn tiếp tục được phóng tên lửa,” Tom bước về phía ông Fuller nói. “Ông có thể bán nhà, và kiếm lợi trên cả không khí chúng tôi đang thở, nhưng tôi cho ông biết, đừng hòng ngăn cản mấy đứa nhỏ này.”

Một phụ nữ, mà tôi nhận ra là người chơi đàn piano trong nhà thờ của Cha Richard, hích vào người ông Fuller. “Thị trấn này rất tốt trước khi ông xuất hiện. Bây giờ thì đừng có giờ cái giọng Mỹ lai [\[34\]](#) ở đây và làm nhảm những gì ông muốn và không muốn làm.”

Ông Fuller rút lui vào trong xe tải, hát hăm về phía tôi. “Ta sẽ nói chuyện với bố mày!”

“Cứ tiếp tục đi, mấy đứa,” Tom bảo bọn tôi. “Hãy tiếp tục phóng những quả tên lửa đó trên trời.”

“Nhưng tốt hơn hết là hướng chúng về phía đó nhé.” Một người khác nói và chỉ về phía Cape Coalwood.

NGAY LÚC vừa về đến nhà thì Bố gọi tôi lên khu mỏ. Tôi hít một hơi dài và lên đường. Cửa văn phòng của ông chỉ khép hờ. Ông đang suy tư bên tám bản đồ của khu mỏ, một tay che con mắt hồng. Ông quay sang khi nghe tôi gõ cửa. Khi nhìn thấy Bố, tôi thật sự bị sốc vì diện mạo của ông - không hẳn vì con mắt hồng nhòe nước mà bởi gương mặt hốc hác. Từ khi có tuyên bố bán nhà, tôi rất hiếm thấy bóng dáng ông. Ông cầm lấy mũ. “Đi một vòng nào,” ông bảo rồi đưa tôi ra xe. Tôi để ý thấy ông khập khiễng mặc dù theo tôi biết thì tai nạn không ảnh hưởng gì đến chân ông. Ông trông có vẻ nhỏ hơn so với bình thường tôi vẫn thấy.

Tôi muốn hỏi ông đang đưa tôi đi đâu và làm gì nhưng rồi kìm lại. Ông lái xe chậm rãi xuống đường, ngang qua nhà chúng tôi, trường Coalwood và dãy nhà dẫn tới trung tâm thị trấn. Tôi giật mình khi thấy một ngôi nhà bên kia sông đang được sơn màu vàng chói. Nằm giữa dãy nhà màu trắng của công ty, ngôi nhà ấy nổi bật báo hiệu mọi thứ sẽ không còn như cũ. Nó là một trong những ngôi nhà đầu tiên được bán. Bố nhìn nó rồi đưa tay quẹt miệng như vừa xua đi điều gì muốn nói.

Ông chạy ngang qua nhà thờ Cộng đồng, cây thánh giá trên nóc hơi bị lệch. Cái khóa to dùng trên cánh cửa đôi, có vẻ thích hợp với cửa thiên đường hay địa ngục hơn là cho một nhà thờ nhỏ ở miền Tây Virginia này. Sau đó chúng tôi đi ngang nhà thờ của Cha Richard Bé Nhỏ, qua Frog Level. Rõ ràng là đang hướng về Cape Coalwood. “Bố nghĩ con nên tận mắt chứng kiến việc này hơn là chỉ nghe nói lại.” Ông bảo trong khi tôi nhìn ông đầy thắc mắc.

Khi Cape Coalwood hiện ra, tôi nhìn thấy một chiếc xe ủi đang nằm trên bệ phóng của bọn tôi. Ông Fuller đi cạnh chiếc xe ủi, chỉ thị tài xế. Mấy tấm ván của lô cốt đang nằm vương vãi bên vệ đường, và một hàng rào kẽm gai chắn ngang lối vào bãi than cám. Trên đó treo một tấm kim loại vuông đề thông điệp từ ông Fuller, công ty, và xưởng thép đang sở hữu nó:

CÁM VÀO.

Máu tôi sôi lên khi nhìn thấy nó. “Bố, chính Bố cho con khu đất này mà!”

Ông nắm chặt tay lái và nhìn chăm chăm chiếc xe ủi. “Con đã hứa là sẽ không để quả tên lửa nào rơi xuống Coalwood nữa.”

“Đó chỉ là một sai sót kỹ thuật thôi, và bọn con đã sửa nó rồi.”

“Ông Fuller đưa ra quyết định này, và ông ấy hoàn toàn có quyền làm vậy,” Bố nói.

“Quyền gì chứ? Bố cho con mấy thanh gỗ đó, bọn con có ăn cắp đâu. Ngay cả xi-măng xây bệ phóng cũng vậy.”

Bố cân nhắc một lúc như đang suy nghĩ nên tiếp tục như thế nào. “Nghe này cậu nhỏ,” rốt cuộc ông nói, “Bố chẳng thể làm cái quái gì trong chuyện này cả. Con không thích cách mọi việc diễn ra ở đây? Đi học đại học rồi trở về đây. Vài năm sau, bố cá rằng con sẽ nắm quyền cả vùng đất này.”

Sự ngạo mạn dâng trào trong tôi. Tôi nói, “Bố, một khi thoát khỏi cái lỗ bần thủ này thì cả bầy ngựa hoang cũng không thể kéo con quay lại được đâu.”

Lời tôi nói chủ đích công kích Bố và thực sự đã làm đau lòng ông. Ông thở dồn, giơ tay lên hướng về phía tôi. Tôi chờ đợi, biết mình đã đi quá xa, nhưng không có gì xảy ra. Ông buông tay xuống đùi. “Bố không thể tin là con nói về Coalwood như vậy,” ông bảo.

Tôi lập tức xin lỗi rồi rút. *Con và cái miệng bậy bạ của con thật khốn kiếp!* Ngay sau đó, Roy Lee và O’Dell chạy ra từ xe của Roy Lee. Tụi nó đứng quan sát cảnh tượng đang xảy ra rồi nhìn tôi chờ chỉ thị. Tôi ra khỏi xe và dẫn tụi nó lại đóng gỗ. Tôi nhặt một tấm ván lên và hai đứa kia làm theo. “Chúng ta sẽ dựng lại lô cốt,” tôi nói.

Một chiếc xe khác trờ tới, lần này là Sherman và bố cậu ấy. Sau đó lại thêm một chiếc khác của mấy chú thợ máy; rồi tiếp theo là chú Dubonnet, Tom Tickle và một vài thợ mỏ khác xuất hiện. Họ tụ tập trước hàng rào kẽm gai. Bố ra khỏi xe và khập khiễng bước về phía bọn tôi. “Homer, điều này không đúng tí nào cả,” chú Dubonnet bảo ông.

“Đây là vấn đề của công ty,” Bố đáp lại, trong giọng nói của ông thiếu đi sự dữ dội như thường lệ.

“Chúng tôi không phải là công ty mà là Liên minh Công nhân,” Tom nói.

“Các người về nhà đi,” Bố nói nhưng lời ông chẳng tạo được hiệu ứng gì.

“Chúng tôi sẽ chưa đi chừng nào chưa dựng lại lô cốt cho tụi nhỏ,” Tom bảo.

Mấy người đàn ông kéo sập hàng rào kẽm gai và bước vào bãi than cám với những thanh gỗ trong tay. Ông Fuller chạy ngược lên và bắt đầu chửi rửa, nhưng họ đẩy ông sang một bên. Chú Dubonnet dừng xe ủi lại, nói vài lời với tài xế và ông ấy lập tức rời khỏi bệ phóng. Tôi nhìn về phía lô cốt và thấy Bố bước về phía ông Fuller, lúc này ông ta đang nhảy căng lên và hò hét với tất cả mọi người. Bố chạm vào vai ông; ông ta quay phắt lại, kiễng chân và hét thẳng vào mặt Bố. Bố đứng nhìn một lúc rồi bất ngờ sấn tới, nắm lấy cổ áo ông Fuller rồi nhấc bổng ông ta khỏi mặt đất. Roy Lee chỉ về phía họ, cười khúc khích nói: “Hình như bố cậu đang dàn xếp thì phải.” Chú Dubonnet nhìn và cười phá lên.

Ông Fuller huỳnh huých rời khỏi bãi than cám, Bố quay lại và kéo tôi ra một bên. “Con có cả khu đất rộng lớn rồi đó. Nếu con cần thêm ống sắt, máy móc, tấm nhôm, thì cứ nói với Leon Ferro rồi bố sẽ kí duyệt cho. Lần này mà thất bại thì đừng có đổ lỗi cho bố. Con chỉ còn tự trách mình thôi đó. Hiểu chưa?”

Tôi nhe răng cười với ông. “Con hiểu, thưa Bố.”

22. CHÚNG TÔI LÀM TOÁN

Auk XXIII - XXIV

VÀI HÔM SAU, ông Fuller bất ngờ rời khỏi thị trấn. Mạng lưới tin tức qua hàng rào đồn đại rằng Bó đã đuổi ông ấy ra khỏi đây, nhưng tôi đoán lý do thật sự là vì ông đã hoàn thành nhiệm vụ làm con bù nhìn đáng ghét mà công ty thép giao phó rồi. Vị tổng quản đốc mới tên Bundini đến nhậm chức một tuần sau đó. Ông Bundini là một người lịch thiệp, làm gợi nhớ đến ông Van Dyke, nhưng cũng lại mang đến thêm nhiều tin tức tệ hại hơn từ công ty thép. Khu mỏ bây giờ chỉ được làm việc 4 ngày một tuần. Bó hợp với những người đốc công dưới quyền ông và thông báo cho họ biết tiền lương của họ lần của ông đều bị cắt giảm 20% ngay lập tức.

Mùa thu tràn về trong những cơn gió vùn vù trên không, những cây thích trong sân ngã sang màu cam và rũ bỏ đám lá khô một cách vội vàng như muốn mau chóng kết thúc quá trình thay lá. Công việc quét dọn lá thường được giao phó cho Jim, nhưng năm nay lại thuộc về tôi. Đây cũng là một trong những chuyện nhỏ nhặt nhắc tôi nhớ rằng anh mình đã rời khỏi đây, cả sự im lặng lạ lùng trong căn phòng của anh ấy nữa. Đám bạn học của anh ấy cũng tản mát khắp nơi. Có lời đồn rằng Valentine Carmina và Buck Trant đã kết hôn. O'Dell đoán rằng Buck “đi tìm tia hy vọng tại Detroit”, tôi đoán anh ta đến đó để chế tạo xe hơi. Tôi thật lòng lo ngại cho Valentine và cầu mong chị ấy sẽ hạnh phúc.

Jim đã không còn dẫn Dorothy ra ngoài chơi vài tuần sau lần đầu hò hẹn, một thói quen đặc trưng. Đối với anh ấy, theo đuổi quan trọng hơn là nuôi dưỡng tình cảm thật sự. Tháng 7 năm đó, anh ấy đã vào đại học bằng học bổng bóng bầu dục. Những bức thư và cuộc điện thoại về nhà cho biết việc luyện tập bóng không có vấn đề gì, nhưng anh ấy cần được chu cấp đều đặn để trang bị tủ quần áo cho hợp với thời sinh viên hơn. Mẹ luôn viết chi phiếu đầy đủ và gửi cho anh.

Ngoài việc lớp tôi được lên lớp trên, còn vài điều thay đổi ở cấp 3. Big Creek đã không còn bị cấm thi đấu bóng bầu dục, nhưng huấn luyện viên Gainer đã chuyển đến dạy ở một trường lớn ở nông thôn. Vì vậy Big Creek không còn đội bóng mạnh, và chúng tôi đã thua ba trong bốn trận đấu đầu mùa giải.

Bây giờ Dorothy đã là người dẫn đầu ban nhạc, nàng bước tới lui đằng trước trên sân bóng trong cuộc diễu hành giữa giờ giải lao. Nàng trông hoàn toàn bình thản. Còn tôi thì vẫn thỉnh thoảng trộm nhìn nàng mỗi khi có thể, và tôi thật oán ghét bản thân mình mỗi lần làm như vậy. Tôi biết nàng vẫn cố bắt gặp ánh mắt tôi trong lớp học nhưng tôi chẳng bao giờ cho nàng cơ hội đó. Một buổi sáng nọ, nàng chặn tôi lại trong sảnh và huyền thuyên rằng nàng thật lòng xin lỗi vì đã cặp kè với Jim, rằng nàng đã không nghĩ đến cảm giác của tôi. Tôi chỉ đứng nhìn thẳng vào mặt nàng. Để rồi sau khi nàng quay lưng bỏ đi, tôi lại dõi theo như con cún lạc lõng bên vệ đường. Thật lòng tôi rất nhớ nàng nhưng chẳng chịu thừa nhận với ai, nhất là với nàng.

Khi Jim đi rồi, tôi được quyền sử dụng chiếc Buick vào mỗi tối thứ bảy và cùng Roy Lee đua nhau từ

Coalwood đến Dugout. Sau khi qua khỏi núi, Roy Lee chẳng bao giờ thắng được với chiếc xe cà tàng của cậu ấy cả. Sở hữu hai bộ chế hòa khí bốn nòng mạnh mẽ, tôi có thể cho chiếc Buick đạt vận tốc 145km/h khi đến Little Daytona và sung sướng tận hưởng sự liêu lĩnh khi đạt đến vận tốc đó. Nó thật tuyệt, khi chiếc xe to lớn gầm lên và tay lái rung bần bật là lúc hai hàng cây bụi cỏ bên đường trở thành những vạt màu xanh mờ. Sau khi nhảy nhót xong, Roy Lee cố thử vài lần thách thức tôi đua đến bãi chiếu bóng phục vụ khách ngồi trong ô-tô ở English. Thật tình cậu ấy giỏi hơn tôi ở những khúc cua, vì chẳng bao giờ cần đạp thắng, nhưng đến những đoạn thẳng thì tôi vượt qua ngay. Một lát sau thì cậu ấy bỏ hẳn ý định đua với tôi. “Tớ chỉ muốn vui đùa tí thôi, Sonny à,” cậu ấy bảo, “nhưng cậu lại như đang muốn chứng tỏ một điều gì đấy.” Nghe vậy tôi nghĩ ngay là cậu ấy chỉ ghen tức vì tôi lái xe giỏi hơn mà thôi.

Như Bố đã hứa, tôi chỉ việc báo với Leon Ferro những gì BCMA cần và chúng lập tức được chở đến - ống sắt, tấm nhôm, thanh sắt dài SAE 1020, bất cứ những gì tôi muốn. Mỗi khi gọi tôi lên nhận vật liệu mới, chú Ferro không còn đòi trao đổi gì nữa cả mà hoàn toàn tự nguyện thực hiện theo bất cứ đề nghị nào của tôi. Mọi thứ đã sẵn sàng cho một bước tiến vượt bậc trong thiết kế hỏa tiễn của bọn tôi. *Auk XXIII* sẽ là thành quả của những kiến thức trong cuốn sách của cô Riley, toán tích phân Quentin học được trong lớp của thầy Hartsfield và tôi tự học được; kết hợp với những kinh nghiệm thực tế mà bọn tôi tích lũy được từ chuỗi thành công và thất bại suốt hai năm qua.

Quentin bắt xe đến Coalwood một ngày thứ bảy trong tháng 11, và cả bọn cùng lên phòng tôi nghiên cứu những công thức. Trong khi Daisy Mae nằm dưới gối ngược mắt nhìn, Chipper quan sát trong tư thế treo ngược trên màn cửa, thì Quentin lần lượt đọc to những công đoạn từ trong cuốn sách của cô Riley, ngón tay gầy guộc của cậu ấy lướt từ công thức này sang công thức nọ.

Trong sách diễn tả những việc ngoài trí tưởng tượng về việc chế tạo miệng tên lửa, tôi và Quentin cố gắng thảo luận với nhau đến khi thật sự thông hiểu được chúng. Khi chất nổ đẩy trong tên lửa được đốt cháy, đầu tiên nó sẽ sinh ra một luồng khí chạy vào phần hội tụ của miệng tên lửa. Nếu như luồng khí tiếp tục đi qua phần cổ với vận tốc nhỏ hơn tốc độ âm thanh thì nó sẽ bị nghẽn lại trong sự hỗn độn ở phần phân kì và dĩ nhiên là không hiệu quả. Nhưng nếu như luồng khí đạt được vận tốc âm thanh ở phần cổ (“Điểm mấu chốt của thiết kế miệng tên lửa đây, Sonny!”), thì luồng khí thoát ra ở phần phân kì sẽ có vận tốc siêu thanh, điều này sẽ cho kết quả tuyệt vời. Một loạt công thức chúng tôi phải tìm hiểu diễn tả về tham số của hệ số lực đẩy, diện tích phần cổ của miệng tên lửa, diện tích mặt cắt ngang của khoang đốt, và vận tốc dự đoán có thể đạt được của luồng khí sinh ra của mỗi loại chất nổ đẩy được sử dụng.

Trong sách còn yêu cầu chúng tôi phải đưa ra những quyết định lạ nhất từ trước đến giờ: Tên lửa của bọn tôi sẽ bay cao và nhanh bao nhiêu, và khối lượng chất nổ dự định sử dụng? Hai đứa tôi đều hiểu những câu hỏi này có liên quan mật thiết đến nhau. Đầu tiên, bọn tôi đưa ra những cân nhắc cho lượng chất nổ và dựa hẳn vào ước lượng chiều cao tên lửa đạt được. “Cứ lấy mốc 2 dặm vậy,” Quentin bảo.

“Sao không lấy mốc 30?” tôi gắng hỏi.

Quentin lúc nào cũng cẩn trọng hơn. “Trước mắt phải xem làm sao để làm tên lửa của mình bay cao

gấp đôi lần trước đây,” cậu ấy bảo.

Tôi mở ngăn kéo và lôi ra một cuốn sổ. Đầu tiên là phải sử dụng lại công thức $S = \frac{1}{2} at^2$ để tính quãng đường dựa trên thời gian.

Tôi thực hiện phép tính, giả sử rằng tên lửa của bọn tôi sẽ đạt được vận tốc tối đa ngay khi xuất phát và rồi làm tròn chiều cao là 10.000 foot^[35]. Kết quả cho ra 800 foot/giây hay 545,45 dặm/giờ. Tôi tính lại một lần nữa và cũng được kết quả tương tự. Nó nhanh hơn gấp 5 lần vận tốc của chiếc Buick đạt được ở Little Daytona, thật khó tưởng tượng tên lửa của bọn tôi có thể bay nhanh như vậy. Nghĩ đến đây, tôi gạt cuốn sổ sang một bên rồi quăng cả bút chì đi. “Kết quả này không thể đúng được.” Tôi cảm thấy thật xấu hổ, ngay cả phép tính đơn giản vậy mà cũng không làm nổi.

Quentin nhìn lướt qua rồi đẩy cuốn sổ lại cho tôi. “Kết quả này hoàn toàn chính xác. Tính tiếp đi. Đừng nản chí chứ.”

“Tớ có nản chí đâu!” tôi quạt lại, nhưng thật ra là đã nản lòng thật. Bước tiếp theo là phải thực hiện những công thức cho thiết kế miệng tên lửa De Laval, và tôi thật sự cảm thấy run sợ khi phải tính toán chúng. Có cả đồng công thức cực kì phức tạp, nhưng những liên quan đến nhau, sai một cái thôi là kéo theo tất cả những cái khác đều sai. “Cậu được tham gia lớp tích phân mà, Quentin. Cậu làm đi.”

“Không,” cậu ấy quả quyết. “Cô Riley đưa sách này cho cậu. Cậu cũng thông thạo tích phân như tớ thôi. Đừng nao núng nữa!”

Sự tự tin trong tôi đã hoàn toàn biến mất. Thực hiện những phép tính đó khác nào việc chạy 1 dặm trong 4 phút - một việc dành cho người giỏi hơn tôi rất nhiều lần.

Quentin chồm tới và lắc lắc ngón tay trước mặt tôi. “Nghe này, bạn già, nếu cậu không chịu làm mấy phép tính này thì tất cả những gì chúng ta đã cố gắng đâu còn ý nghĩa nữa? Chúng ta có thể chế tạo ra một quả tên lửa bay tốt để những người lớn và thầy cô được dịp khoe khoang về bọn mình. Ai biết được? Rồi còn có thể qua mắt được ban giám khảo trong hội chợ khoa học được nữa. Nhưng cả tớ, cậu và mấy đứa khác đều biết rằng bọn mình sẽ làm được gì nếu cậu có lòng tin. Chúng mình sẽ chế tạo được một quả tên lửa tuyệt vời.”

“Định nghĩa của cậu về một quả tên lửa tuyệt vời là gì?” tôi hỏi.

Cậu ấy khoanh tay lại, cằm nghếch lên. “Là cái hoạt động đúng với thiết kế mà nó được tạo ra. Nếu chỉ được thiết kế để bay 2 dặm thôi mà nó đạt được mức ấy thì nó là một quả tên lửa tuyệt vời rồi.” Quentin chỉ tay vào cuốn sách. “Chúng mình chỉ cần một quả tên lửa bay cao 2 dặm thôi. Công thức để biến điều đó thành hiện thực đều nằm trong quyển sách này. Tính toán ngay đi!”

Tôi ngán ngẩm nhìn những kí tự và kí hiệu nhỏ tí của mấy công thức. Tiến sĩ Wernher von Braun cũng sử dụng những công thức này và chúng có vẻ thật sâu xa, bí ẩn. Công thức đầu tiên tôi cần làm là tính

hệ số lực đẩy. Quentin chồm qua người tôi và nôn nóng gõ gõ lên cuốn sách. “Cậu định cho mình ngồi đây nhìn suốt đêm à?”

“Được rồi, đồ chết bầm, để tớ làm.” Tôi càu nhàu. Quentin ngả người ra sau và cười phá lên.

Những tờ giấy dần dần được lấp đầy bởi các phép tính nguệch ngoạc của tôi. Trong suốt hai giờ đồng hồ làm việc, tôi chỉ bị gián đoạn khi Mẹ bung vào cho Quentin, và nhân tiện cho cả tôi, một ít sữa và bánh qui. Tôi dùng thước thẳng, thước đo góc và com-pa cẩn thận vẽ miệng và phần thân tên lửa theo kích thước mình vừa tính toán. “Rồi, được một cái trông tạm tạm rồi,” tôi tuyên bố sau khi vẽ xong. Tôi cảm thấy nhức mỏi khắp mình mẩy, cơ tay và ngón tay như rã rời sau khi thực hiện bức vẽ tỉ mỉ đó.

Quentin ngồi vào chỗ của tôi. Cậu ấy cúi đầu cắm cúi đọc từng dòng tính toán trong mấy trang giấy tôi vừa làm. Một giờ sau, cậu ấy quăng cuốn sách bay ngang phòng. “Cậu làm tròn cả mấy lũy thừa rồi,” cậu ấy kết tội tôi. “Vì vậy, mấy hình vẽ này là vô ích.”

“Tớ quên mất cách tính với phân số rồi,” tôi biện bạch.

“Cậu phải dùng hàm lô-ga-rít, đồ cầu thả! Sao lại có thể quên được nhỉ?”

Chán nản vì sự ngu ngốc của mình, tôi ngược mắt lên trần nhà rồi than vãn. “Hàm lô-ga-rít, trời ạ!” Tôi cảm thấy quá mệt mỏi, chỉ muốn nằm lăn ra giường và đánh một giấc ngon lành mà thôi.

“Làm việc tiếp đi!” Quentin càu nhàu.

Tôi có thể bóp cậu ta ra bã ấy chứ, nhưng thay vì vậy, tôi lại thở dài, lấy cuốn sách dạy công thức tích phân ra, trong đó có bảng lô-ga-rít, rồi quay lại với đồng công thức kia. Daisy Mae trườn ra khỏi giường và bò lên đùi tôi. Nó rúc vào tay tôi, cuộn người lại, thỉnh thoảng thò chân ra khều khều ngực tôi như muốn nhắc nhở sự có mặt của nó. Quentin đã ngủ gục và chẳng bao lâu thì ngáy đều. Sau khi tính toán xong, tôi lại vẽ. Mẹ không còn gọi chúng tôi xuống ăn khuya nữa. Một lúc sau, Quentin tỉnh dậy, vươn vai ngáp dài rồi lại sấm soi thành quả của tôi. Xem xong, cậu ấy cẩn thận sắp xếp chúng lại cho vuông vức, vỗ vỗ lên mặt giấy rồi nhìn tôi với vẻ nghiêm trang. “Một thành quả phi thường, Sonny ạ.”

“Thật à?” tôi nói nhỏ, nhưng thật lòng chỉ muốn hét lên thấu trời xanh.

“Tớ nghĩ cái này sẽ là một quả tên lửa tuyệt vời.”

“Đem cho Mẹ xem đi,” tôi bảo. Bố bây giờ vẫn còn ở khu mỏ, và dù sao đi nữa ông cũng không quan tâm đến những gì bọn tôi làm.

Quentin cùng tôi đem chồng giấy và bản vẽ xuống cho bà xem. Mẹ đang ngồi bên bàn ăn, nhâm nhi tách cà phê và đọc catalog mới của Sears, Roebuck. Bà dọn mọi thứ sang một bên để xem thành quả

của bọn tôi. Trong khi bà đọc thì bụng Quentin sôi lên òng ọc. “Bây giờ thì sao đây các cậu nhỏ?” Bà nói sau khi xem kĩ càng từng trang phép tính.

“Bọn cháu sẽ chế tạo ra một quả tên lửa tuyệt vời, thưa cô Hickam,” Quentin đáp.

“Trước khi làm thì ăn khuya nhé?” bà hỏi. “Sườn cốt-lết, đậu nâu, bắp ngô và bánh qui, được không?”

“Được quá đi chứ ạ!”

Mẹ bảo bây giờ đã quá muộn rồi nên Quentin ở lại nhà tôi. Tôi nghĩ thật ra bà luôn muốn có cậu ấy loanh quanh trong nhà này. Trong khi tôi xem tivi thì hai cô cháu thủ thủ đủ thứ chuyện trên trời dưới đất tại bàn ăn. Sau đó, như thường lệ, tôi lại buông mình vào ghế sofa. Đến khuya thì Bố về và đi thẳng lên phòng ngủ. Tôi ngần ngại không dám đưa thành quả của mình cho ông xem.

Thứ hai tuần sau, tôi mang tất cả những phép tính của mình cho thầy Hartsfield xem. Sau khi xem xét kĩ lưỡng, thầy nói mà rõ ràng chẳng bao giờ có thể quên được “tội lỗi nguyên thủy” về toán học của tôi. “Một cậu bé không thực hiện nổi những phép tính đại số cơ bản như trò mà làm được thế này. Thầy thật sự ấn tượng đấy. Vậy bây giờ cho thầy hỏi nhé: Trò định làm gì với mấy thứ này? Tự làm nổ tung mình à?”

“Không đâu, thưa thầy.”

Thầy mỉm cười, hiện ra một vẻ mặt mà tôi chưa từng thấy bao giờ. “Thầy tin em.”

Tôi mang thiết kế nhờ cô Riley để được thẩm định thêm lần nữa. Giờ trưa nhưng cô vẫn ngồi trong lớp học chăm bài. Tôi thấy cô trở lại trường học sau mùa thu với nét mặt tái xanh và dáng điệu mệt mỏi. Đôi mắt luôn ngời sáng của cô bây giờ thâm quầng. Mặc dù vậy, cô vẫn tỏ ra hăng say giảng dạy môn vật lý cho bọn tôi, dùng số tiền lương ít ỏi của mình để sắm vật dụng trình bày cho tiết học trong ngày: Định luật Boyle (bằng một quả bóng), Định luật Ác-si-mét (bằng một thanh sắt và con tàu đồ chơi bằng gỗ), lực hướng tâm và ly tâm (bằng một con yo-yô). Cả lớp tiếp nhận hào hứng tất cả những gì cô dạy. Cô nhìn qua thành quả của tôi và khen ngợi, khiến tôi nóng ran người. “Em có quyết định gì về hội chợ khoa học chưa?”

“Chúng em đang chuẩn bị cho nó đấy ạ.”

Cô rút một tờ khăn giấy để xì mũi. “Xin lỗi.” Nói rồi cô quấn khăn quàng chặt vào cổ hơn.

“Cô có ổn không vậy, cô Riley?” tôi lo lắng hỏi.

“Chỉ bị cảm thôi. Hằng năm vào mùa này là cô lại bị như vậy. Đi nào, cho thầy Turner thấy em đã làm được gì.”

Cô Riley dẫn tôi lên phòng hiệu trưởng. Tôi trải những phép tính và bản vẽ lên bàn thầy. “Một cái bom

ông thật ấn tượng đấy,” thầy trầm trồ. “Thầy nghe nói em đã tấn công một sân bóng mini ở Coalwood vài tuần trước phải không. Không ai bị thương chứ?”

“Không, thưa thầy. À, trừ ông Carson đập nhầm vào cái hố mà tụi em đào để moi quả tên lửa ra. Ông ấy đi đâu đó ban đêm, đập xuống hố và bị trật mắt cá chân.”

“Hầu hết số phận của con người, yếu tố quyết định lại là sự may mắn,” thầy Turner quan sát rồi nhướn mắt nhìn cô Riley.

“Vâng, thưa thầy,” tôi ngượng ngùng đáp.

“Hội Chợ Khoa Học Tỉnh McDowell sẽ diễn ra vào tháng 3. Cô Riley tin rằng các em có đủ khả năng để đại diện cho trường tham dự với... cái vật sáng chế của các em. Ban giám khảo cấp tỉnh, không có ai trong số họ tin rằng trường chúng ta có thể có gì xuất sắc ngoài bóng bầu dục, sẽ đưa ra rất nhiều câu hỏi khắt khe cho đề án của em đấy. Họ sẽ nghi ngờ rằng em đang diễn thuyết về một đề án mà bố mẹ hay thầy cô đã làm sẵn. Em chuẩn bị để ứng phó với những câu hỏi oái oăm đó chưa?”

“Dạ rồi, thưa thầy.”

“Được thôi. Để thầy thử em một vài câu nhé. Cái gì làm cho tên lửa bay được?”

“Định luật 3 Newton. Đối với mỗi lực tác động, bao giờ cũng có một phản lực có cùng độ lớn.”

Thầy gõ lên hình vẽ miệng tên lửa. “Còn cái hình quái đản này là gì? Dừng làm gì?”

“Là miệng tên lửa De Laval, thưa thầy. Nó được thiết kế nhằm chuyển hóa luồng khí có áp lực cao, tốc độ chậm thành luồng khí có áp lực thấp và tốc độ cao. Nếu như luồng khí đạt được tốc độ âm thanh tại phần cổ, nó sẽ có được tốc độ siêu thanh khi ra khỏi phần phân kì của miệng tên lửa và cho ra lực đẩy cực đại.”

“Thầy thấy không?” Cô Riley cười toe toét.

“Cô dạy cho nó tất cả những thứ này hả, Freida?”

“Không, thưa thầy. Em ấy tự học đấy chứ.”

Thầy Turner gõ nhịp mấy ngón tay lên mặt bàn bóng loáng và chậm rãi lật từng trang giấy, xem xét kĩ càng những phép tính của tôi. “Hiệu trưởng trường Welch, một lão già chán ngắt, cứ đòi cá cược với tôi về cái hội chợ khoa học này. Lão nói là đang cần tiền. Quyền quyết định bây giờ thuộc về cô đấy, Freida. Nếu như cô muốn cậu trai trẻ này tham dự thì hãy đi nộp đơn ngay đi cho kịp thời gian.”

“Vâng, thưa thầy!”

Lúc chúng tôi trở về lớp thì học sinh đã ra đầy hết sảnh, tiếng tủ chứa đồ bằng sắt vang lên lách cách khi họ lấy sách cho tiết học đầu sau giờ ăn trưa. Dorothy đi ngang chúng tôi cùng với Sandy Whitt, đội trưởng đội hoạt náo viên. Sandy hớn hờ cười và vẫy chào chúng tôi. Còn Dorothy chỉ khẽ gật đầu. Tôi cố tình chỉ hướng câu chào của mình về phía Sandy. Sau khi bước lên cầu thang tới tầng 3, cô Riley dừng lại thở dốc rồi tựa hẳn vào tường. “Cô chẳng hiểu sức lực của mình bay đi đâu hết vào những ngày này nữa,” cô nói và xua tay từ chối khi thấy tôi nhờ ai người giúp đỡ. Cô cúi sửa lại khăn quàng và nở một nụ cười héo hon. “À, nhân tiện nếu em gặp Jake thì chuyển lời giúp cô rằng anh ấy còn nợ cô một buổi đi chơi đến Bluefield đấy nhé.”

Mùa hè vừa qua, Jake đã được lệnh triệu tập về Ohio. Anh ấy để lại kính viễn vọng trên mái nhà cho bọn tôi sử dụng, nhưng tôi không biết anh còn quay lại Coalwood hay không. Tôi hứa với cô rằng sẽ để ý xem chiếc Corvette của anh có xuất hiện tại Club House không. Có lẽ như vậy là đã đủ với cô Riley. Chúng tôi trở về lớp học của cô. Cô tỏ vẻ vui mừng khi được ngồi xuống.

KHI TÔI đưa bản vẽ dựa trên những phép tính khoa học của mình cho chú Ferro, chú xem qua một hồi, hỏi vài câu rồi gọi chú Caton đến làm việc. Tôi đạp xe xuống xưởng mỗi ngày để kiểm tra tiến độ công việc và phụ dọn dẹp rác hay bất cứ thứ gì tôi có thể hỗ trợ. Để đẩy nhanh tiến độ, chú Caton còn kêu gọi thêm một số thợ phụ giúp. Tôi có thể làm một ít việc trên máy tiện hoặc máy ép, nhưng mấy người thợ không cho - công việc này đòi hỏi độ chính xác cao và không dành cho bàn tay vụng về của những cậu trẻ như tôi đụng vào.

Vào mỗi buổi tối, chiếc “hắc phon” thường reo vang, thường là chú Caton gọi tôi trong khi làm việc không lương ngoài giờ cho cái miệng tên lửa. Miệng tên lửa có thiết kế phức tạp với hai góc bên trong phải gặp nhau chính xác để tạo thành phần cổ có đường kính đúng theo tính toán của tôi. Mẹ vào phòng giải lao, thấy tôi đang đùa cợt với chú ấy liền lắc đầu nói. “Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh rồi phải không?”

Khi miệng tên lửa tinh xảo De Laval hoàn thành, chú Caton tự hào trình bày tác phẩm của mình. “Cháu nghĩ Wernher von Braun có dùng được chú ở Cape Canaveral không?”

Tôi nghĩ là chú ấy có thể nhưng tôi nói với chú Caton rằng hy vọng chú đừng rời khỏi đây.

“Và đánh mất cơ hội làm việc miễn phí cho cháu phải không?” chú ấy cười vang, lúc đó, lần đầu tiên tôi để ý thấy chú có chiếc răng vàng.

Bọn tôi chọn cuối tuần trong dịp Lễ Tạ Ơn để thử nghiệm quan trọng thiết kế mới của mình. Nhồi zincoshine vào tên lửa quả là một công đoạn tốn nhiều công sức nhất, một lần không được nén quá 7,62cm chất nổ đẩy vào trong phần thân, và mất 4 tiếng để cho mỗi phần thật sự khô ráo. Chiều dài bên trong của tên lửa là 114,3cm nên phải mất 60 tiếng trong tuần để nhồi đầy nó. Trước khi đi học, tôi nén vào 7,62cm, và một lớp nữa sau khi đi học về, sau đó thêm một lớp trước khi đi ngủ. Cả tầng hầm nồng nặc mùi rượu lậu nhưng tôi không được để cho hơi rượu thoát lên nhà trên. Mẹ bảo hàng xóm: “Nếu như các chị vào nhà chơi, tôi không muốn mình bị đồn đãi là đang mở tiệm rượu đâu nhé.”

Tôi sử dụng gần hết số bột kẽm để nhồi vào *Auk XXIII*. Để kiểm thêm, nó thực sự là cả một vấn đề. Ngân khố của BCMA quả đã trống rỗng. Nhưng dù vậy tôi cũng chẳng lấy làm lo ngại cho lắm. Tôi luôn có niềm tin rằng mỗi khi tôi cần bất cứ thứ gì để chế tạo tên lửa thì nó sẽ xuất hiện, sẽ được Chúa hay mấy thiên thần ngu ngốc nào đó đang xem BCMA là một dự án cho chính họ cung cấp cho. O'Dell bảo cậu đã nghĩ ra được cách để kiểm thêm tiền nhưng tôi hy vọng sẽ là cái gì đó tốt hơn việc đi đào ông nước như vừa rồi.

Một ngày trước Lễ Tạ On, Bố nghiêm nghị đứng đợi từng ca làm việc ở miệng hầm để đọc tên những người bị nghỉ việc. Hàng tá gia đình phải rời khỏi thị trấn; mỗi lần đạp xe ngang qua, tôi lại lơ đãng nhìn vào những ngôi nhà ngày càng bị bỏ trống nhiều hơn. Coalwood bị đảo lộn, ngay cả về mặt tinh thần. Nhà thờ được mở cửa lại, lần này thì hoàn toàn nằm trong tay của Hội Giám lý từ phía Bắc thuộc dòng Mason-Dixon. Theo Mẹ, đây là một sự kết hợp nguy hiểm. Người thuyết giáo mới, một người đàn ông nhỏ thó luôn tỏ vẻ ngon ngọt, lú lú trên bục giảng kinh về ác quỷ của “tập đoàn hám lợi” và những người “làm theo lời quỷ dữ.” Pooky Suggs, người chưa hề đến nhà thờ suốt 20 năm nay, bảo rằng người thuyết giáo này có lý và tụ tập mấy công nhân khác để biểu tình. Nhưng sự việc này chỉ diễn ra trong một ca làm việc. Ngày hôm sau, khi chú Dubonnet bảo họ trở lại khu mỏ thì họ lũ lượt trở về làm việc và Pooky mất hết quyền lực, chỉ biết ngồi lầu bầu trên bậc thềm của Big Store. “Dubonnet và Hickam thông đồng với nhau rồi,” hấn khẳng định và chuyển tay hũ rượu lậu cho mấy tên khác. “Chúng ta phải tự đứng lên giành lại quyền lợi thôi.”

Mẹ quay cả con gà Tây cho kì nghỉ năm ấy nhưng Bố chỉ ăn có vài miếng, rõ ràng ông vẫn rất bức bối vì phải sa thải nhân viên của mình. Chỉ còn lại 3 chúng tôi bên bàn ăn. Jim trở về nhà từ trường đại học, nhưng bây giờ anh đang có cô bạn gái mới ở Berwin nên vừa quăng quần áo bẩn xuống hầm là leo lên chiếc Buick và phóng đi ngay. Anh ấy đã trở thành đội trưởng của đội trẻ nhưng ngay cả điều này cũng không làm Bố vui lên được bao nhiêu. Ông giả vờ ngồi xem bóng bầu dục trên tivi một lúc sau bữa ăn rồi lại khoác áo đi vào khu mỏ. Mẹ ra ngoài hiên trước, ngồi đó may vá và đọc tạp chí với Daisy Mae cuộn trên đùi, Dandy quần quanh chân và Chipper lóc chóc trên vai đến khi Bố trở về, lúc đó đã là nửa đêm. Tôi đang trong phòng, thiết kế thêm miệng tên lửa và nghe tiếng Mẹ vội vã trở về phòng ngủ. Có lẽ Mẹ không muốn Bố biết rằng bà đã ngồi đợi ông.

Cuối tuần, một đám đông lớn nhất từ trước đến nay tụ tập tại Cape Coalwood, khoảng 300 thợ mỏ, có cả vài người từ Welch cũng tham dự. Chúng tôi lách qua dãy xe hơi dài hết một phần tư quãng đường đến Frog Level. Tôi ngồi ở băng ghế sau xe của Roy Lee với *Auk XXIII* nằm trên đùi. Nó là quả tên lửa to và nặng nhất mà chúng tôi từng chế tạo, dài 122cm. Trên đường đi, tôi thầm ước giá như cô chú Bykovski có thể đến chứng kiến lần này.

Đến Cape, tôi nhét nút bấc vào miệng tên lửa để cố định dây ngòi nổ bằng crôm. Một vài khán giả mới rất tò mò và không hiểu quy luật mà những người trước đã thông thạo, nên đi lại gần bãi than cám để được nhìn cho rõ hơn. Tôi hoảng hồn phát hiện ra vài đứa bé đang loanh quanh cách bề phóng chưa đến 3 mét cứ như đó là chỗ hiển nhiên dành cho chúng vậy. Sherman phải chạy lại xua bọn nó đi và ổn định những người khác vào vị trí an toàn. Quentin đi xuống phía dưới để chuẩn bị đo đạc bằng máy kinh vĩ trong khi bọn tôi chen chúc nhau ở lô cốt sau khi gương cờ lên. Tất cả đã sẵn sàng.

Tôi cảm thấy thật căng thẳng khi bắt đầu đếm ngược. Mặc dù Quentin ra vẻ rất tự tin nhưng tôi thì lại hơi e ngại về quả tên lửa to lớn này. Tôi hít một hơi thật sâu rồi gạt cần của bộ phận kích ngòi nổ - nó được Billy và Sherman chế tạo rất tinh xảo.

Trong tiếng nổ vang trời và mù mịt khói, *Auk XXIII* như muốn xé toang bề phóng và phóng vùn vụt lên trời mất tăm. Tiếng ầm ì dội từ núi này sang núi kia, vang vọng khắp thung lũng. Khán giả và cả chúng tôi đều há hốc mồm dõi theo. Nói buồn cười một chút, nếu như lúc đó có một đàn chim bay qua thì chắc là bọn tôi đã “lãnh đủ”. Chẳng có một dấu hiệu nào của quả tên lửa. Quentin gọi điện thông báo nhận xét tương tự. Cột khói cao nghệu đang dần tan đi trên đầu. *Auk XXIII* đang ở đâu đó trên không trung. Điều gì sẽ xảy ra nếu nó rơi xuống đám đông hay ngay trên đầu bọn tôi? Tệ hại hơn, nếu nó bay lên rồi rớt xuống Coalwood một lần nữa?

“Tớ thấy nó rồi!” Billy hét lên, cậu ấy vẫn là người sáng mắt nhất trong đám!

“Đâu, đâu?”

“Kia kìa!”

Lúc đầu nó chỉ là một chấm đen nhưng dần dần lớn dần lên. Nó đang rơi xuống hướng về núi Hỏa Tiễn. Rốt cuộc nó va vào ngọn cây to, thân cây rung lên sau cú va chạm như muốn ra hiệu là đã bắt được quả tên lửa của bọn tôi. Chúng tôi vác cuốc xẻng, chạy xuống bãi than căm trong tiếng hò reo của đám đông.

“Bốn mươi hai giây,” Roy Lee hôn hên gào lên trong khi bọn tôi đang chạy học tốc.

“Hai ngàn một trăm năm mươi mét!” tôi và Quentin đồng thanh nói, cả hai bây giờ đã có thể tính nhẩm rất nhanh. Nó bay cao nhất từ trước đến giờ, nhưng vẫn chưa đến được độ cao dự đoán phải đạt được theo thiết kế của miệng tên lửa này. “Chuyện gì đã xảy ra ấy nhỉ?” tôi lo lắng trong khi chạy thành thịch trên bãi than căm. “Theo công thức thì nó phải bay lên thêm hơn 900 mét nữa mới đúng.”

“Chả hiểu nữa,” Quentin hôn hên đáp. “Phải xem quả tên lửa mới biết được.”

Billy dẫn đầu cả bọn lên núi, lướt ngang qua những hàng cây, chui qua tán cây đỗ quyên dày đặc, đến một đầm lầy xanh tươi nằm cạnh rặng núi. *Auk XXIII* vùi mình dưới lớp đất mùn ẩm ướt, chổng bộ thẳng bằng lên trời. O’Dell nhìn quanh rồi giơ tay lên. “Các cậu dừng ngay lại,” cậu ấy ra lệnh. “Đừng giẫm đạp lên nơi này!”

Cả bọn hỏi giật giọng. “Sao vậy?”

Cậu ấy quỳ gối xuống cạnh một cây sồi lớn và lấy xẻng đào xới cẩn thận rồi lôi lên một cái rễ nhãn nho. “Các cậu biết cái này là gì không?”

Thấy cả bọn nhún vai, cậu ấy mỉm cười. “Tiền đây.”

“Lại một kế hoạch điên rồ nữa hả?” Roy Lee rên rỉ.

“Không, cái này là thật đấy. Nó là nhân sâm, có đầy trong đầm lầy này. Tớ chưa bao giờ thấy chỗ nào có nhiều như vậy.”

“Nhân sâm là cái quái gì thế?” Roy Lee hỏi.

“Một loại thuốc của người Da Đỏ. Người dân ở Nhật Bản và một số nước tương tự tin rằng nó có thể chữa được bá bệnh.”

“Nó đáng giá bao nhiêu?”

“Xem nào,” cậu ấy vừa nói vừa đào thêm một cái rãnh khác lên. “Tớ nghĩ rằng chúng ta sẽ không phải lo lắng về chuyện bột kẽm trong một thời gian đây.”

Tôi cũng thường nghe loáng thoáng về thứ này đang được đào lên xung quanh tỉnh, nhưng chưa thấy nó trong thực tế bao giờ. Tôi nhìn vào mẫu nhân sâm bám đầy đất mà O’Dell vừa đưa cho và chợt nghĩ đến Chúa hay thiên thần nào đó vừa ban cho BCMA. “Chúa ban ơn cho những người thuần khiết” là những gì Mẹ trả lời khi tôi kể điều này với bà.

Quentin và Sherman bận rộn đào bới quả tên lửa, cuối cùng lôi nó ra khỏi lớp đất bám dính. Quentin nhòm vào bên trong miệng tên lửa rồi thọc ngón tay vào, móc ra phần cặn nhơm nhớp. “Bị ăn mòn rồi! Tệ hại nhất từ trước đến nay!”

Phần vỏ có đường kính được tôi tính toán rất cẩn thận và chú Caton cùng đồng nghiệp tỉ mỉ chế tác giờ đây chỉ còn là một hình chữ nhật lõm ghê tởm. “Nó ăn mòn luôn thanh sắt 1020 rồi, đốt cháy nó như bìa giấy cạc tông vậy,” tôi kinh ngạc.

“Bọn mình phải tìm cách khống chế chuyện này, nếu không thì nghỉ làm cho rồi.” Quentin lo ngại nói.

Roy Lee ngấm nhìn những gương mặt thiếu ngủ của hai chúng tôi. “Hai cậu điên à? Quả tên lửa này vừa bay lên hơn 2.000 mét đấy. Lúc đầu nó có làm được trò trống gì ngoài chuyện xì hơi và nằm lăn kênh ra đất đâu.”

Tôi chìa phần đuôi tên lửa về phía cậu ấy. “Nhìn này,” giọng tôi đầy cay đắng. “Bị ăn mòn này!”

Cậu ấy chồm qua quả tên lửa rồi gõ lên đầu tôi. “Sự ăn mòn xảy ra thì đã sao nào.”

CÓ NHIỀU NGƯỜI đăng báo tìm mua nhân sâm với giá cao nên lần này kế hoạch của O’Dell đã thành công mỹ mãn. Bọn tôi kiếm đủ tiền mua 9kg bột kẽm. Ba tuần sau thì *Auk XXIV* đã sẵn sàng. Nó

giống như *Auk XXIII* nhưng dài hơn 30cm, bọn tôi muốn thử xem chiều dài hỏa tiễn có tác động như thế nào đến độ cao đạt được. Thật ra, tôi chỉ nhồi có 15cm zincoshine. Một nửa phần trên được nhồi 2/3 lưu huỳnh và 1/3 kẽm, qua thử nghiệm thì nó sinh ra khói ẩm và cháy chậm. Bọn tôi hy vọng nó sẽ giúp cho việc truy tìm dấu vết và đồng thời cũng làm giảm 1kg trọng lượng thuốc nổ. Đồng nghĩa với việc độ cao sẽ giảm đi.

Chúng tôi cũng giải quyết được vấn đề ăn mòn. Chú Caton quan sát miệng tên lửa bị phá hủy và đề nghị làm phần cổ hình con. Hình dạng này sẽ khó chế tạo hơn và phải đánh bóng bằng tay nhưng chú ấy sẵn sàng làm nếu tôi đồng ý. Lý luận của chú là phần cổ sắc cạnh mà tôi thiết kế làm cho sức nóng tập trung hết vào phần vành mỏng manh của nó. Một khi đã xuất hiện sự nóng chảy thì nó sẽ kéo dài đến khi ăn mòn hết cả phần cổ.

Chúng tôi phóng quả tên lửa tiếp theo trùng vào ngày diễn ra dạ tiệc Noel. Trong khi bọn con trai ở các quận khác lau chùi xe hơi và qua Welch bên kia núi lấy hoa gài ngực cho bạn gái của họ thì những cậu bé hỏa tiễn chúng tôi vất vả lắm lem đất cát ở Cape Coalwood, trong lòng chỉ biết lo lắng cho quả *Auk* mới nhất mà thôi. Chỉ Roy Lee là có bạn gái đi cùng, mấy đứa còn lại trong chúng tôi thì đi một mình. Tôi bỏ ý định mời ai đi cùng vì cũng đã quá muộn, ngoài ra, tôi tự bảo mình rằng một kỹ sư hỏa tiễn thực thụ không có thời gian cho việc hẹn hò vớ vẩn này. “Tớ phải nói đến lần thứ mấy với cậu là mấy lão ấy chẳng làm gì khác ngoài việc cưa gái à?” Roy Lee nói, mắt xoe tròn. “Hằng hà sa số những cô gái trong áo bikini lượn lờ xung quanh Cape Canaveral còn Wernher và đồng nghiệp thì đang dựng mấy quả hỏa tiễn to lớn. Thế cậu nghĩ sao khi hỏa tiễn của bọn mình thật sự thành công?”

“Tuyệt vời chứ sao!”

“Đây, cậu thấy đấy. Kỹ sư hỏa tiễn cũng biết cảm nhận sự tuyệt vời mà, và rồi cậu muốn chia sẻ cảm giác này với ai, nếu không phải là với một cô gái?”

“Ừ, chia sẻ với người khác khi hỏa tiễn của mình hoạt động thì tuyệt thật đấy,” tôi thừa nhận và bất chợt nghĩ đến Dorothy. Chia sẻ cảm giác với nàng về mỗi quả hỏa tiễn đã từng thật ý nghĩa đối với tôi. Nhưng giờ đây, tôi chỉ còn lại Daisy Mae thôi.

“Nếu tối nay cậu dắt theo một ai đó thì sẽ được dịp tạo ấn tượng về những quả hỏa tiễn của tụi mình. Rồi nàng ta sẽ chẳng thể nào kìm lòng được và tuột quần lót ra ngay thôi!”

“Roy Lee, trong đầu cậu chỉ có mấy thứ đó mà thôi.”

“Có lẽ vậy,” cậu ấy cười nhả nhỏ, “nhưng tớ được hưởng lợi từ đó đấy.”

Một cơn gió lạnh chợt ùa về thung lũng. Bọn tôi giương cờ lên đỉnh lô cốt, rồi cắm cây định cho phù hợp. Lần này đến lượt Billy xuống phía dưới chuẩn bị máy kinh vĩ, còn Roy Lee lãnh nhiệm vụ ổn định đám đông đến vị trí an toàn. Giờ đây, dường như chỉ còn bọn tôi là thú tiêu khiển trong thị trấn này. Số lượng khán giả đã tăng lên rất nhiều, đến nỗi Tag cũng phải xuống tới đây để giữ gìn trật tự.

Bạn gái của Roy Lee cũng có mặt, cậu mời cô ấy đến từ bên kia núi đến đây chắc để tạo ấn tượng. Cô bạn này cũng là một trong những người dẫn đầu ban nhạc với tính cách vui vẻ và thân hình cân đối. Tôi thấy Roy Lee vòng tay ôm cô vào lòng, nhưng khi cậu ấy lần tay xuống phần ngực thì bị cô nàng đập một phát văng ra ngay.

Sau khi đếm ngược, tôi bấm nút khai hỏa. Một luồng khói xộc ra từ đáy tên lửa nhưng không có gì tiếp theo nữa. Tôi kiểm tra lại phần kết nối trong lô cốt rồi thử lại lần nữa. Tuyệt nhiên không có gì diễn ra. Tôi thử chạm dây điện vào hai cực của bình ắc-qui và một tia lửa điện xẹt ra. Vậy vấn đề không phải ở đây. “Đừng có ra ngoài đó,” Quentin gọi giật lại khi thấy tôi mò ra ngoài và quan sát quả tên lửa qua ống nhòm. “Lỡ nó đang cháy âm ỉ thì sao.”

Đám đông bên đường tỏ vẻ sốt ruột. Tôi thấy Pooky bước ra, vác khẩu súng trường 22 ly trên vai. Hắn ta quỳ xuống sau tảng đá và vào tư thế nhắm bắn. “Con ông chủ ời!” hắn hét lên. “Cậu muốn tôi bắn không?” Chỉ nghe vài tiếng thôi là tôi biết ngay hắn đang say.

Tôi xua tay ra hiệu cho Pooky dừng mạnh động. Tôi nghĩ rằng mình đã biết nguyên nhân rồi. “Tớ nghĩ cái nút bắc đã rơi ra rồi. Chắc là phần cổ cong không giữ chặt được nó.”

“Vậy bọn mình phải làm gì bây giờ?” O’Dell tỏ vẻ lo lắng, nhìn sang khán giả đang lao xao cầu nhàu về sự chậm trễ. Một số người khác đang bước ra nhập hội với Pooky, chẳng có ai tỏ vẻ thân thiện cả. Tôi không biết có phải đó là đám công nhân thất nghiệp mà hắn ta đang lãnh đạo hay không.

Pooky tiến gần hơn, lăm lăm khẩu súng trường nhỏ, như thể quả *Auk* tội nghiệp của bọn tôi đang sẵn sàng tấn công hắn bất cứ lúc nào. “Quý tha ma bắt mày đi, thằng oắt con nhà Homer. Chẳng làm gì được nữa rồi phải không,” hắn gọi.

“Chúng ta phải ra ngoài sửa nó lại thôi,” tôi bảo.

“Rồi cho cả bọn bị nổ tan xác ra à?” Roy Lee hỏi. “Tớ không nghĩ thế đâu.”

“Tớ biết bọn mình có thể làm gì rồi,” Sherman bảo và làm ngay.

Sherman cùng tôi trườn sát đất, che chắn bằng chiếc khiên thiếc phế liệu gỡ ra từ nóc lô cốt. Pooky nhìn chúng tôi rồi cười vang, và đồng bọn của hắn cũng hùa theo. “Bọn mày trông giống mấy con rùa bằng bạc quá,” Pooky hét lớn.

Tôi bỏ ngoài tai lời chế nhạo của hắn. Khi tôi và Sherman chỉ còn cách *Auk* một sải tay, tôi cẩn thận quan sát phần chân đế của nó. Một vệt đen còn nằm đó, kéo dài đến tận bộ thẳng bằng. Không còn chút dấu hiệu nào của khói nữa. Sợi dây crôm còn nằm lại trong phần bị cháy của nút bắc đã bị rơi ra hoặc bị văng ra bởi sự thoát khí không thành. Tôi cẩn trọng lôi sợi dây về rồi tỉ mỉ xem xét. Nó đã bị ôxy hóa và trở nên vô dụng. Tôi có mang theo vài sợi tim pháo cũ, tôi cẩn thận đẩy nó vào quả tên lửa đến khi cảm nhận được nó đã chạm được tới lớp zincoshine. “Sherman, sợi tim pháo này đã 3 năm rồi. Tớ nghĩ là nó sẽ cháy rất nhanh. Một khi đã châm ngòi thì bọn mình phải phóng đi thật nhanh đấy. Cậu sẵn

sàng chưa?”

Sherman gật đầu. “Sẵn sàng rồi.”

Tôi chầm ngồi. Nó lóe sáng. Chúng tôi chẳng kịp làm gì ngoài việc up mặt xuống bãi than cám. Pooky vừa đến gần hơn và chẳng kịp làm như vậy. Áp lực phóng làm hấn ngã vật ra, hấn bật người dậy, rú lên rồi chạy thực mạng vào lô cốt, run rẩy núp trong đó. *Auk XXIV* bay mất dạng, đám đông cùng *ahhh* lên, mấy đứa kia chạy ra lô hai chúng tôi vào. “Tính giờ đi,” tôi thét lên, tai còn lùng bùng vì vừa vục mặt vào than cám.

“Ba mươi giây rồi và tiếp tục đếm,” Roy Lee bảo.

“Chưa nhìn thấy nó!” Billy báo cáo với máy kinh vĩ trong tay. “Chờ đã, thấy rồi kìa!”

Tôi nhìn lên vệt khói nhỏ màu vàng nhạt. Phần lưu huỳnh zincoshine phía trên đang làm tốt nhiệm vụ của nó, chỉ cho bọn tôi biết vị trí hiện tại của tên lửa. Nó vẫn còn bay lên cao hơn. “Bốn mươi tám giây,” Roy Lee báo cáo khi quả tên lửa bắt đầu rơi xuống, lần này thì đáp lên bãi than cám.

“Hai nghìn năm trăm chín mươi mét,” tôi nói sau một lúc tính nhẩm.

Pooky đứng cạnh lô cốt, phui phui cái cổ áo dơ bẩn, tay cầm nòng súng. “Lũ bay bị điên hết rồi phải không?” hấn bảo và phun bã thuốc ra bên cạnh lô cốt. Hấn giơ súng bắn chỉ thiên một phát. “Nhìn thấy không, tao vừa phóng lên trời một thứ cao hơn tên lửa của bọn mày đấy.” Nói rồi hấn quan sát bọn tôi, mắt lác cả ra, còn mặt thì nhăn nhó gượng cười. “Con lão Homer có tiền để chế tạo tên lửa trong khi những người còn lại trong thị trấn thì sắp chết đói tới nơi.”

Quentin hú bọn tôi xuống, tôi bỏ mặc Pooky và đến bên cạnh cậu ấy. Quentin đã đào quả tên lửa lên và đang đứng xem xét phần miệng. Tôi cũng thò mặt vào. Có những vết lõm nhưng sự ăn mòn đã giảm thiểu đáng kể. Bọn tôi nhìn nhau, cùng nhăn răng cười. “Vô cùng phi thường,” Quentin hú lên.

ĐÊM ĐÓ, tôi ngồi trong hội trường nhìn những đôi trai gái lả lướt giữa điệu nhạc của dạ tiệc Noel. Ban nhạc đến từ Bradshaw thật sống động và đầy màu sắc. Toàn bộ các nàng đều mặc màu nhạt với những chiếc đầm sang trọng có váy lót dài mà họ hay mẹ họ may cho. Còn các chàng thì đều mặc lễ phục và thắt cà-vạt. Chợt một bóng áo hồng xúng xính đầy ren bước xuống và ngồi cạnh tôi. Ra là Melba June Monroe, học lớp 11, rất xinh xắn. Nàng nhìn tôi, còn tôi cũng đã thích nàng từ lâu. “Chào anh, Sonny,” nàng thì thầm. “Người đi cùng em thật chán ngắt, chẳng thấy bóng dáng cậu ấy ở đâu nữa. Sao một cậu bé tên lửa mạnh mẽ lại đi dự dạ tiệc một mình nhỉ? Anh muốn nhảy không?”

Dĩ nhiên là tôi muốn, tôi còn muốn đưa nàng về trên băng ghế sau trong xe Roy Lee nữa kìa. Và rốt cuộc tôi đã thực hiện cả hai. Đúng là niềm tự hào của Những Cậu Bé Hỏa Tiễn.

VÀO THÁNG GIÊNG NĂM 1960, báo chí đăng vài mục tin nhỏ về sự xuất hiện tại Charleston của một thượng nghị sĩ đến từ Massachusetts, người đang tranh cử chức tổng thống Mỹ. Ông tên John F. Kennedy. Một thượng nghị sĩ khác, ngài Hubert H. Humphrey ở Minnesota, cũng dự định tranh cử. Báo chí cho biết, miền Tây Virginia sẽ biến thành bãi chiến trường trong cuộc tranh cử của hai người đàn ông này. Hình chụp Kennedy cho thấy ông có nụ cười trẻ thơ và một mái tóc dày. Theo tôi thấy thì ông quá nhỏ thó khi đứng trong đám đông của miền Tây Virginia, ngay cả với những người dân hào nhoáng trên Charleston cũng vậy. Khi tôi nghe những câu trả lời của ông trong một chương trình truyền hình của Charleston và Huntington thì thấy ông nói giọng mũi với âm sắc lạ và cũng không phải giọng Mỹ chuẩn. Tôi chẳng tưởng tượng được ai sẽ vui lòng bầu cử cho ông ấy nữa. Vào một buổi tối đầy tuyết rơi cuối tháng 2, ngay cả Bố cũng bị mắc kẹt ở nhà và bất chợt bùng nổ sau khi đọc báo. “Thằng cha già Joe Kennedy kiếm nhiều tiền từ việc bán rượu lậu rồi bây giờ đòi mua lại cả miền Tây Virginia cho con trai của hắn à. Xem nào, cũng có thể hắn ta làm được. Đảng Dân Chủ trong cái bang này có thể dễ dàng bị mua chuộc mà thôi.”

Đột nhiên tôi có cảm giác sẽ có thể trò chuyện về chính trị với Bố mặc dù những vấn đề khác thì không thể. Tôi đánh bạo nói: “Nếu như ông ấy giàu có, ông ấy sẽ rót tiền xuống bang này mà,” tôi đề nghị ra về ủng hộ Joe hay John F. Kennedy. “Chúng ta có thể tận dụng nó ở đây chứ.”

“Bọn chúng là loại người tồi tệ nhất trên thế giới này đấy.” Ông đáp. “Và tiền của chúng thì cũng do bản lĩnh.”

Tôi cảm thấy kha khá khi hai Bố con có thể trao đổi ý kiến cùng nhau. Tôi tiếp tục nói rằng tôi nghĩ loại người tồi tệ nhất phải là người Nga mới đúng. Chẳng phải ngày nào chúng tôi cũng nơm nớp lo sợ bom H của họ sẽ từ trên trời rơi xuống hay sao, có khi còn trúng ngay phía Nam của miền Tây Virginia này ấy chứ? Tôi dựa người ra sau, chờ đợi những ý kiến tiêu cực về người Nga từ Bố, nhưng những gì ông nói làm tôi bất ngờ.

“Có nhiều người Mỹ làm Bố lo sợ hơn là bọn Nga ấy.” Bố nói. “Như những tên luôn nghĩ có thể dùng áp lực của chính phủ để bắt buộc chúng ta làm những điều trái với luân thường đạo lý.”

“Luân thường đạo lý gì ạ?” Tôi tự hỏi nhưng không có câu trả lời vì Bố vẫn tiếp tục mạch chuyện.

“Những tên tham lam cũng là loại mà con phải dè chừng. Bọn chúng thu mua cả công ty chỉ để chôn vùi nó xuống đất. Chúng chỉ cho mình làm việc bốn ngày một tuần nhưng đòi hỏi thành quả của bảy ngày.”

Tôi biết Bố đang nói về thực tế. Tôi định mở miệng nói nhưng ông tiếp tục nói. “Một số người sẽ nói với con rằng những người tham lam và những người có lòng trắc ẩn đang đấu tranh với nhau, nhưng Bố muốn cho con biết ở đây là không phải như vậy. Họ chỉ đi trên hai đường thẳng song song mà thôi và cả hai sớm muộn rồi cũng phá hủy cái đất nước này.”

Sau đó tôi nhớ đến cơ ngơi sách của Bố trên lầu. Ông đã có định kiến trong đầu là tôi sẽ không thể ra đi và cũng không muốn điều đó xảy ra. Trong khi tôi đang tìm cách để chuồn ra ngoài thì ông nhào

người tới và dự đoán, “Dwight David Eisenhower sẽ là vị tổng thống tốt nhất của đất nước này, và chắc lâu lắm nữa mới có lại một người như vậy.”

Ngay sau đó, một viên đạn bay vèo vào cửa sổ phòng khách, vụt qua trên ghế ngay vị trí đầu Bố lúc này và cắm phập vào tường.

23. HỘI CHỢ KHOA HỌC

Auk XXV

BỐ MẸ cùng nhìn vào cái lỗ trên tường rồi đến lỗ nhỏ trên tấm kính cửa sổ và thì thầm bàn thảo với nhau phương cách khắc phục. Sau khi viên đạn nổ thì đã có tiếng bánh xe rít lên trên đường, nên hình như hung thủ đã trốn chạy xuống thung lũng rồi. “Một chút nữa và sơn sẽ vá được chỗ này,” Bố nói khi nhìn lỗ thủng trên tường. “Còn kính trong xưởng mộc ở nhà than. Anh sẽ kêu McDuff cắt cho mình một mảnh.”

Mẹ ngắm nghía phần bọc ghế bị viên đạn làm rách một đường dài. “Em sẽ cắt hết phần chỉ lòi ra rồi đắp lại, sẽ không có ai nhận thấy đâu.”

Tôi chẳng thể tin được vào sự bình tĩnh của họ trong khi mình đang vừa run sợ, vừa giận dữ. Có ai đó đã bắn chúng tôi! “Gọi Tag đi!” tôi yêu cầu. “Anh ấy sẽ tìm ra thủ phạm.”

Bố nhìn như thể tôi vừa chui từ dưới đất lên. “Nếu không phải là Pooky Suggs thì là một trong những tên say xỉn đi theo hẩn làm bừa thôi. Tag à? Chúng ta đừng để cậu ấy dây vào vụ này. Bố không muốn cậu ấy bị thương đâu.”

Mẹ lặng lẽ quét kính vỡ vào ki hốt rác. Bà bảo tôi lấy máy hút bụi dọn thật sạch những mảnh kính vụn dưới cửa sổ, sợ chúng sẽ dính vào chân mấy con mèo. Sau đó bà dán băng keo vào lỗ thủng trên cửa kính. Bố vừa trở lên từ tầng hầm, mang theo một can bột mát-tít và trét vào cái lỗ trên tường. “Để nó khô đi anh sẽ chà phẳng lại rồi sơn lên,” ông vừa nói vừa lúi lại ngắm nhìn tác phẩm của mình. “Sẽ chẳng ai nhận thấy vết tích gì nữa.”

Sau khi dọn dẹp sạch sẽ phòng khách, Mẹ ngồi xuống trước mặt Bố, ông đang ngồi vào chiếc ghế khác và tiếp tục đọc báo. “Homer, chúng mình phải đến bãi biển Myrtle thôi,” bà tuyên bố như sét đánh ngang tai.

Bố ngược mắt nhìn lên. “Chúng mình sẽ đi,” ông cau mày. “Vào kì nghỉ của công nhân.”

“Ý em nói là trước đó. Chúng ta có thể đi vào thứ bảy, ở đó ngày Chủ nhật và về lại đây vào thứ hai,” bà nói. “Hầm mỏ sẽ không gặp vấn đề gì nếu anh chỉ vắng mặt có mấy ngày đâu.”

Bố hoang mang. “Tại sao mình lại phải đến bãi biển Myrtle vào lúc này chứ?”

Mẹ chống nạnh và bảo. “Em sẽ mua nhà ở đây.”

Đây là một trong những lần hiếm thấy Bố tỏ ra bối rối thật sự. Ông đặt tờ báo xuống đùi. “Tạ...tại sao

chúng ta lại cần nhà ở bãi biển Myrtle cơ chứ?”

“Không phải cho chúng ta, mà là cho mình em thôi. Em chỉ cần anh xuống đó ký giấy tờ. Họ sẽ không chịu bán cho em nếu không có chữ ký của anh.”

“Elsie, chúng mình làm gì có đủ tiền để mua nhà ở bãi biển Myrtle hay bất cứ nơi nào khác.”

Mẹ lôi ra một quyển sổ màu đen từ trong túi áo tạp dề rồi quăng lên đùi Bố. “Đây là tài khoản tiết kiệm của em ở Welch. Trong 20 năm qua, tháng nào anh cũng đưa tiền để em thanh toán hóa đơn. Em cũng đã thực hiện mọi việc, ngoài ra em còn chơi cổ phiếu. Bây giờ thì em có thể mua cả 2 căn nhà nếu em muốn ấy chứ.”

Bố mở sổ ra và lướt nhìn bằng con mắt còn tỏ của ông. Ông lật đến trang cuối cùng và nhìn vào con số trong đó. “Lạy Chúa tôi, Elsie! Em lấy bao nhiêu tiền từ đâu ra vậy?”

“Em nói rồi. Từ cổ phiếu.”

“Cổ phiếu? Như ở New York ấy à?”

Mẹ gật đầu. “Người môi giới của em ở Bluefield. Em đã liên lạc với ông ấy suốt nhiều năm nay trong khi anh cắm cúi làm việc.”

Bố cố gắng làm rõ sự việc. “Em mua cổ phiếu nào - than và thép à?”

Mẹ cười sáng khoái. “Làm ơn đi Homer. Hãy đánh giá em cao một chút. Không đâu, em tập trung vào những gì có ích cho lũ trẻ, ví dụ như Băng cá nhân. Em đã mua cả tấn cổ phiếu của công ty sản xuất ra mặt hàng tốt nhất.”

Mẹ đã dập tắt sự cố gắng níu kéo thực tại của Bố. “Còn anh thì cũng định sau khi nghỉ hưu -”

“Em không thể chờ đến lúc đó,” Mẹ buồn bã đáp. “Dù sao đi nữa, anh cứ ở lại đây làm việc đến sức cùng lực kiệt đi. Còn em thì không, em sẽ đến sống ở bãi biển Myrtle.”

Bố thật sự bị sốc. “Em bỏ rơi anh à?”

“Hãy xem như em đang chuẩn bị nhà cho tuổi già của chúng ta đi. Em sẽ về đây vào mỗi kì nghỉ hoặc khi nào anh thật sự cần em.”

“Còn mấy đứa con thì sao?”

“Jim thì đi rồi. Em cũng có rất nhiều tiền để lo cho Sonny vào đại học nếu như nó muốn đi. Và em sẽ ở đây đến khi nó đi.”

Bố vẫn còn rất mơ hồ. “Nhưng nếu như vậy thì mọi người ở Coalwood sẽ nói như thế nào về mình?”

Câu trả lời của Mẹ làm cả tôi và Bố giật mình. “Homer,” bà đáp giọng ngọt ngào, “em chẳng quan tâm mẹ gì đến những điều họ nói cả.”

TRONG CUỘC HỌP CỦA BCMA tại giảng đường ở Big Creek sáng hôm sau, tôi liên tục ngắt lời Billy vì đoán chắc rằng tin tức của mình sẽ quan trọng hơn bất cứ điều gì cậu ấy đang muốn nói. Tôi kể cho bọn nó nghe về vụ nổ súng rồi kết lại câu chuyện, “Nó xuyên qua cửa kính, bay ngang ghế của Bố tớ rồi làm thủng một lỗ lớn trên tường.” Đương nhiên là có chút cường điệu rồi. Nhưng tôi không nhắc gì đến việc Mẹ mua nhà ở bãi biển Myrtle vì tôi vẫn chưa tin nó sẽ trở thành sự thật.

“Nó là loại đạn gì thế?” O’Dell hỏi.

“Loại 22 ly! Mẹ tớ cạy nó từ trong tường ra.”

“Hai hai ly à?” O’Dell cười. “Đó chỉ là súng hơi mà thôi.”

“Ừ, nhưng mà nó cũng bay sát đầu Bố tớ còn gì,” tôi vừa nói vừa nắm chặt tay lại, cảm thấy hơi bực mình vì O’Dell nhận định về vụ nổ súng một cách vô tư như vậy.

Rốt cuộc Billy cũng chen được tin tức của mình ngang những lời huyền thuyên của tôi. “Các cậu có nghe nói cô Riley bị bệnh không? Một loại ung thư thì phải.”

Tôi nín bật, mồm há hốc ra. Tôi nghe như ruột gan mình lộn ngược hết cả lên. “Cậu nói cái quái gì vậy?” tôi hỏi gặng.

“Thầy Turner nói cho Emily Sue, rồi nhỏ ấy nói lại cho tớ.”

Mọi thứ đột nhiên trở nên thật logic. Sau kì nghỉ Noel đến nay thì cô Riley đã không còn đứng giảng bài nữa, cô chỉ ngồi bên bàn rồi kêu bọn tôi lên làm thí nghiệm. Một lần nọ, vào tháng 2 phủ đầy tuyết trắng, cô rời khỏi lớp học và không trở lại. Chỉ có thầy Turner vào bảo bọn tôi tự học hết chương sách còn lại và giữ trật tự, tuyệt nhiên không giải thích lý do gì về sự vắng mặt của cô. Lúc đó sắc mặt của thầy nhợt nhạt như vừa nhìn thấy cái gì khủng khiếp lắm, và chẳng đứa nào có thể tưởng tượng ra *điều gì* có thể dọa được thầy Turner cả.

Trong giờ vật lý hôm đó, tôi cố gắng không nhìn cô Riley nhưng không thể kìm được và bị cô bắt gặp vài lần. Cô thật xanh xao, cặp mắt sưng húp. Sau giờ học, cô gọi tôi lại nói chuyện. “Hôm nay em cứ như đang cách xa nghìn dặm vậy,” cô bảo.

Tôi tránh không hỏi về bệnh ung thư của cô. Một tính cách giống Mẹ đã ăn sâu vào trong tôi là không bao giờ chõ mũi vào việc của người khác. Nếu như cô Riley muốn cho tôi biết thì cô sẽ tự nói. “Em đang nghĩ về hội chợ khoa học à,” tôi đáp, ít nhất cũng có phần thật. Nó cũng vẫn chỉ là những ý nghĩ

thoáng qua. Tôi chẳng biết phải diễn thuyết cái gì và như thế nào nữa.

“Cô cũng định trao đổi với em về hội chợ đó,” cô nói. “Em biết mà, chỉ có một cái tên được đăng ký thôi. Nhưng em lại điền hết tên các thành viên trong nhóm vào. Cô đã phải thay đổi và chỉ có một mình tên em thôi.”

“Nhưng tất cả bọn em cùng chế tạo tên lửa cơ mà.” Tôi phản đối. “Em nghĩ sẽ rất kì cục nếu như chỉ có mình em diễn thuyết trong hội chợ.” Lúc này, tôi chợt nghĩ đến hy vọng của Quentin được mọi người nhận biết để có tiền vào đại học.

“Em sẽ đại diện cho mọi người tại hội chợ,” cô quả quyết. “Vì em là người hiểu rõ nhất.”

“Quentin cũng có thể làm được mà,” tôi nói. “Cậu ấy cũng biết nhiều như em.”

“Có thể vậy,” cô mỉm cười. “Nhưng em biết Quentin mà. Cậu ấy lúc nào cũng cố gắng quá mức, và có khả năng sẽ làm mất lòng ban giám khảo vì những từ ngữ mà cậu ấy hay dùng.”

Tôi nhệt mắt đứng nhìn cô. Cô trở nên nghiêm trang và bảo tôi. “Cô đoán rằng em đã nghe nói cô đang bị bệnh.”

Cô như vừa đặt cả 10 tấn than lên vai tôi. “Vâng ạ!” tôi buột miệng thốt lên. “Có gì không ổn vậy cô?”

Cô bắt đầu giảng giải. “Cô đang bị bệnh Hodgkin. Nó là một loại ung thư tấn công vào bạch cầu. Đây này.” Cô cầm tay tôi đặt lên cổ cô. “Đây là nơi đầu tiên cô cảm thấy bị sưng phù. Thấy cái cục nổi lên không? Đó là một trong những chỗ bị ung thư đấy. Cô cảm thấy mệt mỏi suốt cả năm học nên đã đoán là có vấn đề. Đến khi bác sĩ kiểm tra thì mới xác định được căn bệnh.”

Tôi rút tay lại, cảm thấy sợ hãi khi phải đụng vào cái vật kinh khủng đang hiện hữu trong cơ thể của cô. Tôi chẳng biết gì hơn về ung thư ngoài việc nó sẽ giết chết mình. Nhưng rồi tôi chợt nhớ Bố đã chống lại được bệnh ung thư ruột của ông. Có cơ may cô Riley cũng sẽ vượt qua bệnh Hodgkin này chứ. “Cô sẽ không sao chứ ạ?”

Cô chống khuỷu tay xuống bàn, đưa hai tay đỡ lấy đầu. Rồi cô nhượng mày lên, nhìn vào mắt tôi. “Cô không biết nữa, bệnh Hodgkin có thể thuyên giảm. Nghĩa là cô vẫn sẽ mang những cục bướu đó nhưng không còn bệnh nặng nữa. Còn bây giờ, cô chỉ có thể ráng chịu đựng mà thôi.”

Nghe có vẻ còn hy vọng. “Cô có phải làm phẫu thuật không ạ?”

“Không, chẳng cần làm gì cả. Bác sĩ chỉ bảo cô phải giữ gìn sức khỏe cho tốt. Ngủ nhiều, thích ăn gì thì ăn, đại loại là như vậy. Điều tệ hại nhất là cô không thể giúp gì cho em về hội chợ khoa học được. Sau một ngày dạy học, cô chẳng thể nào mở mắt nổi nữa. Giờ đây em phải tự chuẩn bị mọi thứ rồi đấy. Em có thể làm được không?”

Tôi cũng không chắc nữa nhưng cứ trả lời, “Vâng được, thưa cô,”. Lúc này thì chuông reo báo giờ vào tiết học sau, và cô xua tay ra hiệu cho tôi đi.

“Chỉ em biết chuyện này thôi đấy nhé,” cô bảo.

Tôi vâng một lần nữa rồi vội vã xuống sảnh, chỉ còn vài học sinh cuối cùng đang lướt nhanh vào lớp học. Tôi đi ngang phòng thầy Turner, điều mà một học sinh đi muộn chẳng bao giờ muốn làm. Thầy nhìn thấy tôi nhưng chẳng nói gì, thậm chí còn gật đầu, mặt buồn bã. Chắc thầy biết tôi vừa ở đâu.

“SONNY, chú vừa được lệnh từ Liên minh Công nhân không được chế tác tên lửa cho cháu nữa,” chú Caton gọi điện thoại báo. “Bọn chú sẽ biểu tình vào ngày mai.”

Tôi choáng váng. “Chú làm xong cho cháu chưa ạ?” tôi hỏi chú. Chú ấy lẽ ra đang phải chế tác *Auk XXI* cộng thêm nhiều loại miệng, thân và chóp tên lửa cho tôi thuyết trình ở hội chợ khoa học.

“Chưa. Ferro bắt bọn chú nhanh tay hoàn thành công việc cho khu mỏ sau khi nghe thông tin về cuộc biểu tình.”

“Nó sẽ kéo dài trong bao lâu ạ?”

“Khoảng 24 giờ đồng hồ,” Bố nói khi đi ngang qua phòng giải lao. “Nó chẳng kéo dài được bao lâu đâu.”

Chú Caton nghe được lời Bố. “Bố cháu sai rồi Sonny. Lần này không phải là một cuộc biểu tình tự phát đâu. Tất cả những đầu não của Liên minh Công nhân đều đồng tình ủng hộ. Nó sẽ kéo dài đấy.”

Tôi chào tạm biệt chú Caton rồi lại gặp Bố, ông đang ngồi trên ghế bành đọc báo - bây giờ nó đã được dời xa khỏi cửa sổ. “Đừng có làm phiền Bố,” ông cảnh báo. “Bố không gây ra cuộc biểu tình này và cũng không thể ngăn cản nó. Nhưng xưởng kim khí điện máy vẫn mở cửa. Caton hay ai đó muốn làm việc thì cứ làm.”

“Chú ấy không thể chống lại Liên minh Công nhân được.”

“Ừ, thì bố cũng có làm được gì đâu.”

“Bố, con cần sự giúp đỡ. Con cần phải sẵn sàng cho hội chợ khoa học vào tuần tới. Con phải có được những thứ chú Caton đang chế tác cho con.”

Ông vẫn dán con mắt tốt vào tờ báo, mắt còn lại thì nhắm nghiền. Cách đây một năm cả thị trấn đều tung hô sự anh dũng của ông, giờ đây, khi mọi chuyện qua đi, nhiều người chỉ còn cho ông là một lão già một mắt khó chịu. “Xin lỗi cậu nhỏ, Bố chẳng thể ngăn cản liên minh biểu tình bằng bất cứ giá nào.”

Tôi thông báo tình hình cho BCMA vào sáng hôm sau. Chúng tôi thảo luận và lập một kế hoạch. Nó rất rủi ro nhưng tôi chẳng thể nghĩ được gì khác hơn.

Đêm đó, xưởng kim khí điện máy vẫn không khóa như mọi khi; Sherman đứng chờ tôi đạp xe tới. Bọn tôi mở cửa, bật công tắc đèn nê-ông, nó nhấp nháy rồi phủ tràn ánh sáng xanh lên những hàng máy tiện, máy khoan. Tôi tìm thấy máy tiện của chú Caton và đặt một thanh sắt lên đó như từng thấy chú làm. Tôi lấy dụng cụ cắt rồi đặt nó vào cái khuôn chú ấy chế tác đặc biệt cho miệng tên lửa của bọn tôi. Tôi cho máy tiện hoạt động. Vết cắt đầu tiên cũng tạm tạm nhưng đến phần góc trong thì dụng cụ lắc lư rồi bị kẹt lại. “Khốn kiếp thật!” tôi lầm bầm đầy thất vọng. Tôi dừng máy tiện, rút thanh sắt ra và quẳng xuống sàn xi-măng.

Sherman nhặt lên rồi mân mê thanh sắt hỏng trên tay. “Tớ không nghĩ là nó lại khó đến vậy.”

Tôi lau mồ hôi trên trán bằng chiếc khăn rằn. “Tớ cũng vậy,” tôi thừa nhận.

Tôi lấy một thanh sắt mới rồi thử lại. Tôi cũng cắt được phần đầu tiên nhưng đến phần góc trong thì thanh sắt trật ra khỏi khuôn, dụng cụ cắt chui tọt vào trong và gãy làm đôi. Một giờ đồng hồ trôi qua rồi mà tôi chẳng làm được gì ngoài việc cho ra hai thanh sắt hỏng.

Lúc đó cửa xưởng hé mở và chú Caton luồn vào trong, ngón tay đặt lên môi. Tôi muốn ôm chầm lấy chú nhưng dĩ nhiên là không làm vậy. Chú quan sát thành quả tệ hại của bọn tôi. “Cũng không tồi,” chú thì thầm. “Ừ, cắt phần góc trong ấy gian nan lắm. Sao các cháu không về nhà đi? Đừng có cho ai biết về việc này nhé?”

Dĩ nhiên là bọn tôi đồng ý. Sherman và tôi chui ra cửa biến vào đêm đen lạnh giá, ẩm ướt. Tôi đạp xe ngang Club House, Big Store, qua cầu trong bóng tối lặng tờ. Khi tiến đến gần những dãy nhà nhỏ dọc bờ sông, tôi gặp một đám người đang tụ tập trước hiên nhà của Pooky. Một số khác ngồi trên mui xe tải đậu bên kia đường. “Thằng con Homer,” tôi nghe ai đó gọi, vội cầm cùi đạp thật nhanh. Tôi nghe có tiếng cửa đóng sập sau lưng, tim tôi đập nhanh hơn khi nghe thêm tiếng bước chân, nhưng rồi nó im bật.

Tôi tiếp tục đạp xe đi. Một chiếc xe chạy theo sau tôi, chọt lao lên trước bọc đầu rồi dừng lại bên vệ đường. Tôi nhận ra ba đứa vừa ra khỏi xe. Tụi nó đều là con của mấy người công nhân thất nghiệp, có cả Calvin, con trai của Pooky. Calvin là một trong số mấy đứa từng đánh tôi trong thời gian học tiểu học mỗi khi có biểu tình diễn ra. Nhưng những ngày ấy đã qua lâu lắm rồi nên tôi không để tâm nữa. Còn bây giờ thì bọn nó quá đông, không thể chọi thắng lại được, nghĩ vậy tôi bèn phóng vụt qua chúng, vút lại xe đạp rồi trốn khỏi ánh đèn đường và chạy lên đồi. Ở trên đó có đường tắt qua đoạn đường đất đỏ dẫn đến trường Coalwood, và tôi có thể ẩn mình trong bóng đêm. Khi lên tới phần đường, tôi nấp vào đám cỏ dại mọc cao ngút rồi ngồi lì trong đó đến lúc nghe thấy bọn chúng chạy ngang qua. “Sonny?” bọn nó gọi. “Bọn tao chỉ muốn nói chuyện với mày thôi.”

Tôi thừa thông minh để không bị mắc bẫy. Sau vài phút im lặng, tôi mò về chỗ cũ, leo lên xe đạp, đi

vòng ra con đường phía sau về nhà. Tới nhà, tôi vùi mình vào chăn ấm, chỉ còn vài tiếng nữa là phải thức dậy bắt xe buýt đến trường rồi. Mất một lúc sau tôi mới chìm vào giấc ngủ, trong mơ, tôi thấy Mẹ, Bố, cô Riley, chú Caton và cả Calvin Suggs ẩn hiện. Chẳng có gì ồn cả, cả thế giới ngả nghiêng.

BÁO CHÍ nói rằng đình công ở Coalwood chỉ là một trong hàng loạt hành động nổ ra xuyên suốt tỉnh. UMWA luôn khét tiếng về việc thiếu thốn tiền bạc cho biểu tình nên nhiều gia đình phải luôn sẵn sàng đối mặt với hoàn cảnh khó khăn. Đội quân Cứu tế làm hết sức có thể để cứu giúp lương thực, nhưng tôi nghe Mẹ xì xào qua hàng rào với bà Sharitz là người dân ở khắp nơi, kể cả Coalwood, rồi sẽ lâm vào cảnh đói kém. Câu lạc bộ Phụ nữ cũng đóng từng giỏ lương thực và chuyển đi cứu tế. Mẹ giúp trong khâu chuẩn bị nhưng không tham gia việc vận chuyển vì bà biết rằng họ sẽ phần nộ khi thấy bà.

Thời gian ấy đang vào mùa tranh cử, Thượng Nghị sĩ Kennedy và Humphrey làm náo động cả tiểu bang trong việc giành ghế tổng thống và một cuộc khảo sát mang tầm quốc gia đã diễn ra ở miền Tây Virginia. Nhiều người trong tiểu bang rất phần nộ khi phóng viên truyền hình tràn vào và báo cáo rằng người dân ở miền Tây Virginia đang đói nát, nghèo khó và bất lực như thế nào. Cả Thượng Nghị sĩ Kennedy và Humphrey đều nghĩ rằng giải pháp cho miền Tây Virginia là: khởi động sự trợ giúp từ chính quyền liên bang bằng cách cung cấp lương thực miễn phí và bổ nhiệm thêm những chức vụ cho chính quyền liên bang. Nếu miền Tây Virginia đồng ý bầu cử cho một trong hai người họ thì sẽ có hàng đoàn xe tải chở lương thực đến đây. Khi Humphrey được hỏi về số phận của những người thợ mỏ thất nghiệp, ông bảo họ sẽ được đào tạo lại, và lời đáp đó nhận được sự cổ vũ nhiệt liệt. “Đào tạo lại cho việc gì cơ chứ?” tôi tự hỏi trong khi xem tivi ở nhà Roy Lee.

“Đào tạo lại thợ mỏ à.” Mẹ Roy Lee cười khi đang rửa bát. “Để chờ xem họ dùng xảo thuật gì!”

Bố không thể nào đọc tiếp báo nữa. Ông quăng tờ báo lên bàn ăn ngay khi tôi vừa trở lên từ phòng thí nghiệm. “Liên minh Công nhân sẽ chẳng bao giờ có thể kết thúc cuộc biểu tình này nếu như họ cứ nghĩ những sự giúp đỡ đang thật sự tới.”

“Anh sẵn sàng tới bãi biển Myrtle chưa?” Mẹ hỏi.

“Tuần tới đi,” ông bực dọc đáp.

“Tuần trước anh cũng nói vậy.”

“Anh phải ở lại đây để đàm phán.”

“Chả có ai đàm phán đâu.”

Tôi lên phòng, đóng cửa lại rồi nằm vật ra giường. Daisy Mae rúc vào khuỷu tay tôi. Bụng tôi đau thắt lại như muốn ói mửa. Gần đây tôi rất hay cảm thấy ruột gan mình lộn lạo hết cả lên. Mọi thứ như chồng chất đè nặng lên người tôi.

MƯA TRẦN VỀ cùng mùa xuân năm 1960, đồng thời dấy lên trong dân chúng nỗi lo về lũ lụt. Vấn đề do nước mưa đọng lại trong những vùng trũng ở bãi than cám. Bình thường thì công ty sẽ cho mở đập cho nước tràn ra nhưng trong thời gian biểu tình họ không thực hiện việc này. Rốt cuộc cũng có một cái đập nhỏ được mở ở vùng trũng gần Six. Một sáng thứ bảy, tôi giật mình thức giấc và chứng kiến một dòng lũ nhỏ chảy ngang khu mỏ, xuống thung lũng đến tận Big Store. Nó không quá sâu nên tôi vẫn đạp xe đi được, nhưng khi đến nhà chú Caton thì cũng đủ làm tôi ướt sũng người. Tôi vòng ra cửa sau rồi gõ cửa, liếc ngang liếc dọc xem có ai nhìn thấy mình hay không. Chú Caton xuất hiện, len lén đưa tôi mấy cái miếng và chóp tên lửa chứa trong túi đựng bột bằng vải. “Phần thân chú để ở lối đi sau xưởng, lẫn trong mấy cái ống bình thường đấy nhé,” chú bảo.

Tôi gật đầu. Roy Lee lãnh nhiệm vụ thu thập và giấu chúng trên băng ghế sau xe.

Trên đường tôi về nhà, Calvin Suggs và hai tên bạn thân của hắn bật dậy từ hiên nhà và băng qua đường rồi rượt theo tôi với đôi chân trần. Tí nữa là chúng đã chộp được tôi, nhưng tôi quay tít cái túi trên đầu làm chúng phải cúi xuống để tránh. Việc này cũng giữ không cho bọn nó lại gần đến khi chiếc túi tuột khỏi tay tôi và phóng thẳng xuống dòng sông.

Tôi nhảy xuống xe và thoi một cú thật mạnh vào ngực Calvin. Quá bất ngờ, nó ngồi phịch xuống con đường đang ngập nước và nhìn tôi lao xuống nhánh sông đục ngầu đầy bùn đất và xoáy nước. Con lũ xém chút đã làm tôi ngã nhào nhưng tôi vẫn cố trụ lại và sục sạo khắp đáy sông. Nhưng tôi chỉ mò được đá, bùn và nước lạnh. Khi bò lên với đôi bàn tay không, tôi đi thẳng đến Calvin và đâm thêm cho nó một cú nữa. Nó ngã bật ra, mũi đầy máu. Hai đứa kia chạy lại, tôi múa may loạn xạ và bọn nó phải tản ra. Khi Calvin lồm cồm bò dậy và cố gắng chộp lấy tôi, tôi bèn ấn cùi chỏ vào sườn nó làm nó lùi lại. “Cậu có vấn đề gì vậy?” nó thở hổn hển, đưa tay lên quẹt máu mũi. Mắt trái của nó đang sưng lên.

“Mày làm tao đánh mất miếng và chóp tên lửa rồi!”

“Mấy dụng cụ tên lửa của cậu à?”

“Đúng, đồ thoái hóa. Dụng cụ tên lửa của tao đó!”

Ba thằng nhóc của Liên minh Công nhân và tôi đứng trong dòng nước xoáy trên đường và nhìn nhau. Calvin chắc chắn sẽ sở hữu con mắt bầm tím sớm thôi. “Calvin, mày đang làm cái khỉ gì vậy?” Pooky hét toáng lên từ hiên nhà.

“Hình như thằng con của Homer cho con ông đo đất rồi đấy Pook,” một thợ mỏ đang ngồi trước hiên nhà buông lời giễu cợt.

“Quý tha ma bắt, Calvin, đập nó, đập cho nó một trận đi.”

Calvin mặc kệ bố nó. “Xin lỗi vì mấy dụng cụ cậu vừa đánh mất,” nó nói ra vẻ rất hối hận. “Tớ... bọn

tớ thật tình chỉ muốn nói chuyện với cậu thôi.”

Tôi không tin nó và xiết chặt nắm đấm. “Nào nào, giải quyết cho xong luôn đi!”

“Khi nước rút, bọn tớ sẽ giúp cậu tìm lại đồ đã mất,” nó vừa nói vừa vuốt lại mái tóc ướt sũng.

Rốt cuộc tôi đã nhận thấy sẽ không có cuộc ẩu đả nào sẽ xảy ra. Tôi nhìn xuống nhánh sông đầy xoáy nước. “Không cần đâu. Nó mất rồi, cảm ơn.”

“Calvin!”

“Im đi Bô!” Calvin giúp tôi dựng xe đạp lên rồi đứng tựa vào nó. “Sonny? Khi cậu lên sóng và làm việc ở Cape Canaveral, cậu vui lòng tìm việc cho bọn tớ với nhé?”

Mấy đứa kia cũng gật gù, hy vọng hiện rõ trên khuôn mặt, mớ tóc dài xõa xuống ngang mắt. “Còn lâu nữa tớ mới lên được đó,” tôi đáp.

Calvin buông xe tôi ra. “Không sao. Bọn tớ sẽ ở đây hay trong Quân Đội. Cậu sẽ tìm thấy bọn tớ thôi.”

Tôi vừa đạp xe vừa ngẫm nghĩ, một phần thể giới quen thuộc trong quá khứ như vừa tan biến trong tôi.

Hôm sau, Mẹ bảo vừa nghe tiếng gõ cửa nhẹ, khi bà ra thì thấy Calvin bỏ chạy và để lại một cái túi vải ướt sũng dính đầy bùn đất. Trong đó là miệng và chóp tên lửa của tôi.

CHIỀU THỨ NĂM tuần tiếp theo, Mẹ chở tôi qua núi đến Hội Chợ Khoa Học ở Welch trên tỉnh McDowell. Chiếc Buick được chất đầy băng-rôn, áp phích và dụng cụ tên lửa của tôi cho buổi diễn thuyết trong hội chợ. Tôi quyết định đặt tên cho lối vào quầy trưng bày của mình là *Nghiên Cứu Về Kỹ Thuật Tên Lửa Nghiệp Dư*. mấy đứa kia đi theo xe Roy Lee và giúp tôi vác mọi thứ vào trong phòng thể thao của trường Welch nằm trên đỉnh của ngọn đồi dốc. Thầy Turner cho phép bọn tôi nghỉ buổi chiều. Nhưng chỉ có Mẹ giúp đỡ bọn tôi, còn cô Riley đã nghỉ ốm.

Bồn chồn lo lắng, bọn tôi dựng lên quầy trưng bày với một tấm bảng bằng sợi thủy tinh gấp làm 3. Trên đó tôi dán nhiều áp phích biểu diễn những tính toán cho miệng tên lửa, đường bay hình pa-ra-pôn của tên lửa, và những phép tính lượng giác bọn tôi sử dụng để tính độ cao. Tôi còn mang theo các bức vẽ miệng tên lửa, phần thân và phương thức hoạt động của chúng nữa. Còn bức hình của Wernher von Braun được đặt ở vị trí trang trọng nhất, và cuối cùng là *Auk XXV* nằm ngay phía trước. Cạnh đó là những miệng tên lửa được chú Caton bí mật chế tác. Quả là những kiệt tác nghệ thuật, những đường cong cầu kì tỏa lấp lánh ánh bạc dưới ánh đèn.

Bọn tôi quan sát nhanh những đối thủ của mình. Phần trưng bày về thực vật hóa thạch tìm thấy trong hầm mỏ của trường Welch có vẻ là đáng gờm nhất. “Chỉ là một đồng đá cũ thôi mà,” O’Dell bảo. “Chẳng có gì đáng ngại đâu.”

Tôi không chắc lắm. Mỗi mẫu thực vật hóa thạch đều được phân tích rõ ràng, có cả biểu đồ tiến hóa của thực vật từ thời đại khủng long đến nay. Tôi cảm thấy đó là một công trình tuyệt hảo và có lẽ ban giám khảo cũng sẽ nghĩ như vậy.

Hội đồng Công nghiệp Pocahontas cho Ngành Giáo Dục là nhà tài trợ của hội chợ này, một ủy ban được thành lập bởi những doanh nghiệp ở Welch và một số mỏ than lớn khác. O'Dell gọi ban giám khảo là “Những chính trị gia chấp pháp của Welch,” mặc kệ nó có nghĩa gì. Họ có 6 người và tạo thành một nửa vòng tròn trước quầy trưng bày của tôi. Mỗi người đều mang theo bìa kẹp hồ sơ. “Em đến từ trường nào vậy?”

“Big Creek thưa ông. Lớp vật lý của cô Riley ạ.”

Một trong số họ liếc nhìn phần thân hỏa tiễn. “Em có bao giờ làm nổ tung cái gì chưa?”

Tôi chợt nghĩ đến hàng rào vườn hồng của Mẹ và vô thức bắt chéo ngón tay lại. “Chúng em rất cẩn trọng ạ.”

“Có phải em đã gây ra đám cháy ở Davy không?”

“Thưa không. Nguyên nhân là do pháo hiệu của máy bay ạ.”

“Cái gì thế kia?” một vị giám khảo khác hỏi và chỉ vào miệng tên lửa. Tôi có cơ hội để diễn giải về công dụng của nó và cách tính kích thước cho nó.

Một vị giám khảo liếc nhìn tấm hình của Braun. “Tôi đã đọc về các em trên tờ báo trong tiệm tạp hóa. Có vẻ các em đang làm những thứ điên rồ thì phải,” ông ta nói thêm.

“Nó bay cao bao nhiêu?” một vị khác vừa chỉ vào *Auk XXV* vừa hỏi.

“Em nghĩ khoảng chừng 3 dặm,” tôi đáp rồi giải thích cơ sở nhằm đưa ra phán quyết đó và làm cách nào để tính nó khi cần thiết.

Sáu vị giám khảo nện đế giày lộp cộp, nhìn nhau rồi cùng *hừmmm* lên một tiếng. “Có vẻ thứ này rất nguy hiểm đấy,” người lúc nãy bảo bọn tôi “điên rồ” cất tiếng. Ông ta dừng lại, hí hoáy viết gì đó rồi đi qua những quầy trưng bày khác.

“Mấy gã thoái hóa này sẽ không cho chúng ta thắng đâu,” O'Dell bước ra từ đằng sau tấm bảng trưng bày rồi kêu ca. “Càng không sau khi cậu nói mình đến từ Big Creek.”

“*Có vẻ thứ này rất nguy hiểm đấy!*” Quentin lầm bầm. “Cái gì thuộc về khoa học mà chẳng như vậy?”

Nếu là như vậy thì tôi vui vẻ chấp nhận. Tôi đã làm hết sức mình. Mẹ dắt chúng tôi đi ăn trưa tại tiệm

thuộc ở Flat Iron. Khi bọn tôi quay lại thì thấy ban giám khảo đang đứng chờ trước quầy trưng bày. Vị trưởng ban giám khảo bắt tay và đưa cho tôi một dải lụa màu xanh. “Chúc mừng em, Hickam,” ông bảo. “Có vẻ như em sẽ được đến Bluefield dự chung kết đấy.”

“Tớ biết là chúng ta sẽ thắng mà!” O’Dell hét lên rồi cầm lấy dải lụa xanh từ tay tôi và làm một điệu nhảy khiến các vị giám khảo bật cười.

Mẹ lặng lẽ đứng sang một bên, trên môi bà hiện lên một nụ cười tự hào đầy thỏa mãn. Bà ôm lấy Quentin khi cậu ấy đến bên cạnh.

Tôi vẫn đang cố làm quen với sự thật này. Tôi chưa thể hoàn toàn tin được. Chúng tôi đã thắng! Tôi nóng lòng muốn nói cho cô Riley và cả Bố biết ngay.

CẢ BUỔI CHIỀU HÔM ẤY, Bố ở suốt trong hầm mỏ cùng những đốc công của mình kiểm tra sự an toàn. Mẹ bảo sẽ nói với Bố ngay sáng hôm sau. Ngay sau khi xuống xe buýt, tôi chạy vụt đến lớp học của cô Riley để báo tin. Cô đang ngồi bên bàn. Khi nghe tin chiến thắng của tôi, cô cười thật tươi và cho người đi báo tin với thầy Turner. Thầy hiệu trưởng tìm gặp tôi trong giờ lịch sử và gọi tôi ra ngoài sảnh. Thầy nhìn tôi chăm chăm. “Thầy vừa thắng vị giám đốc sở 5 dollar đấy,” thầy nói như đang cười. “Cuộc thi tiếp theo diễn ra khi nào?” Tôi cho thầy biết vòng chung kết sẽ diễn ra ở Bluefield sau hai tuần nữa. “Phải đi đặt cược thôi,” thầy bảo rồi chạy như thể nhảy lon ton về văn phòng.

Thắng lợi tại Hội Chợ Khoa Học tỉnh làm chúng tôi nổi tiếng thêm một chút. Câu lạc bộ Phụ nữ Coalwood mời bọn tôi đến phát biểu tại buổi họp hàng tháng trong căn phòng nằm trên bưu điện. Dĩ nhiên thầy cô của chúng tôi cũng có mặt. Mặt họ ánh lên niềm tự hào vô hạn. Quentin và tôi là người phát ngôn chủ yếu, hăng say diễn giải về những khó khăn khi giải quyết những phép tính và hỏa tiễn của bọn tôi bay như thế nào. Các quý bà vỗ tay không ngừng. Tiếp đó chúng tôi được mời xuống Câu lạc bộ Kiwanis ở War và cũng tạo lên cơn sốt ở đó. Hội trưởng câu lạc bộ trao cho bọn tôi bằng cấp hùng biện và xưng danh chúng tôi là “Niềm vinh hạnh của Hollows.”

Mẹ cùng Bố đi xuống bãi biển Myrtle vào thứ sáu, để lại cả căn nhà cho tôi làm chủ. Cuối tuần đó cũng là buổi dạ hội của hai cấp tiểu học và trung học. Không có chiếc Buick nhưng chú Clarence đồng ý cho tôi mượn xe hơi. Lần này tôi mời Melba June, người đã nhảy với tôi trong dạ tiệc Noel, đi cùng và nàng ngả ngay vào vòng tay tôi trong giảng đường khi tôi vừa ngỏ lời. Lúc đó tôi nhìn thấy Dorothy đang ngồi một mình quan sát bọn tôi, nhưng nàng nhanh chóng ngoảnh mặt đi. Theo lời Roy Lee thì nàng đang có bạn trai mới đang học đại học, nhưng mọi chuyện cũng không được suôn sẻ cho lắm. Tôi cố tình làm ra vẻ không quan tâm gì về điều này nữa.

Bọn tôi cũng lên kế hoạch phóng tên lửa vào cùng ngày của buổi dạ hội và như thường lệ, bài văn súc tích của Basil tụ tập các khán giả của chúng tôi:

BCMA sẽ tiếp tục phóng hỏa tiễn tại Cape Coalwood vào thứ bảy này. Và chắc chắn là một buổi

trình diễn hoành tráng không thể bỏ lỡ. Phóng viên của các bạn đã nhiều lần miêu tả về những cuộc phiêu lưu vào không gian của họ, nhưng phải nhắc lại cho các bạn rằng chẳng điều gì có thể đoán trước được mỗi khi một quả hỏa tiễn rời khỏi bệ phóng. Như những ai từng chứng kiến lần vừa rồi sẽ thấy được hai cậu bé dũng cảm bò trườn dưới đất với tấm khiên tự chế của họ như thế nào...

Mọi người tụ tập ở bên kia đường như thường lệ, chỉ khác là lần này họ tách ra hai nhóm rạch ròi: gia đình của công ty và của Liên minh Công nhân. Chúng tôi giương cờ và phóng hỏa tiễn. *Auk XXV* vút lên bầu trời và đạt được độ cao như dự đoán, rơi xuống suôn sẻ, đáp xuống gần cuối bãi than căm trong tiếng ục ục quen thuộc. Vụ va chạm làm phần thân cong veo, còn phần chóp thì vỡ vụn. Tôi đã đưa ra quyết định đắp một lớp vữa nhão vào phần góc trong của miệng tên lửa, hy vọng là nó cản bớt nhiệt. Kết quả đạt được thật mỹ mãn, chỉ có vài lỗ nhỏ bị ăn mòn qua phần cổ mà thôi. Quentin liếc sơ qua rồi đặt tay lên vai tôi. “Phi thường Sonny ạ, thật phi thường.” Cậu ấy nhìn tôi với ánh mắt thật kính trọng. “Cậu biết không, giờ đây tớ thật sự nghĩ cậu *là* một cậu bé hỏa tiễn rồi đấy.”

Tôi đón Melba June với đóa lan đại trên tay rồi cùng nhau chậm rãi bước vào phòng thể dục của trường Big Creek, thật là một cặp xứng đôi. Chúng tôi tham gia hầu hết các điệu nhảy. Nhưng tôi hơi thất vọng vì Dorothy không tham dự. Khi đưa Melba June về nhà, chúng tôi lướt nhanh qua những ngôi nhà ở Mercury, rồi rốt cuộc nàng cũng trao cho tôi một nụ hôn nồng cháy trước khi bước lên thềm nhà; nơi bố mẹ nàng đang kiên nhẫn âm thầm chờ phút giây nàng say mê âu yếm nhà khoa học hỏa tiễn vừa chiến thắng tại hội chợ khoa học trôi qua. Họ mở cửa ngay khi bàn chân xinh xắn của nàng vừa đặt lên bậc thang đầu tiên.

Bố mẹ trở về vào cuối ngày thứ hai sau khi tôi đã ngủ. Vào thứ ba, khi tôi đi học về thì thấy Mẹ đang đi quanh nhà với nụ cười thỏa mãn trên môi, còn Bố lui cui trong góc tối đựng đồ đạc cũ dưới tầng hầm, ông đang huýt gió. Tôi chưa nghe ông huýt gió bao giờ, thậm chí còn không biết ông có thể làm vậy nữa. “Bố con sẽ nghỉ hưu,” Mẹ đáp khi nghe tôi thắc mắc về thái độ lạ lùng của Bố. “Ông ấy sẽ kinh doanh bất động sản ở bãi biển Myrtle. Ngay sau khi con lên đại học vào mùa thu này thì bố mẹ sẽ chuyển nhà luôn. Bố mẹ đang xem cái gì nên đem đi và cái gì nên bỏ lại.”

Có lẽ Mẹ nhận ra sự nghi ngờ thoáng qua trên mặt tôi nên bà vội vàng khẳng định. “Bố sẽ làm thật đấy, Sonny. Ông ấy đã chịu đựng quá đủ rồi. Ông Butler bảo Bố có thể cùng hợp tác.”

Điều này thì có lý. Chú Butler từng là kỹ sư cho công ty, sau đó chú nghỉ việc và bắt đầu kinh doanh bất động sản ở bãi biển Myrtle. Bố phóng hai bước một lên bậc thang tầng hầm trong tâm trạng hồ hởi vui tươi mà tôi chưa từng thấy bao giờ, trừ cái lần mấy huấn luyện viên của miền Tây Virginia đến chào mời Jim. “Anh không nghĩ mình cần thứ gì dưới đó đâu,” Bố nói về tầng hầm. “Chúng ta có thể bỏ luôn cái máy giặt. Dù gì Sonny cũng làm cái nắp sắp bung ra mất rồi. Chúng ta sẽ mua đồ đạc mới.” Và trong sự ngạc nhiên của tôi, Bố ôm chầm lấy Mẹ.

Tôi xuống hầm trộn thêm một ít chất nổ đẩy. Daisy Mae xuất hiện trên quầy ngắm nhìn tôi làm việc. Nó bắt đầu khều khều tay tôi. Tôi vô thức vuốt ve nó nhưng đang quá bận để thật sự quan tâm đến nó. Một

lúc sau, nó thôi không phiền tôi nữa, trèo xuống và đòi ra ngoài. Mừng vì được thoát khỏi sự phiền toái, tôi mở ngay cửa cho nó đi ra.

Sau đó, tôi trở về phòng làm bài tập. Bỗng tôi cảm thấy bụng hơi nôn nao và đầu nhức nhối. Có quá nhiều thứ để chuẩn bị cho hội chợ ở Bluefield. Tôi định nằm dài ra giường nhưng chợt nhớ tới Daisy Mae đang ở ngoài, và khi có nó cuộn mình bên cạnh tôi cũng là một liều thuốc thư giãn hiệu quả. Tôi bị mắc kẹt trong một bài hình học cho đến khi nghe tiếng xe rít trên con đường đối diện với trạm nhiên liệu và băng ngang nhà tôi. Nghe có vẻ đang rất vội vã. Tôi không để ý lắm và tiếp tục vùi đầu vào bài toán khó. Bỗng tôi nghe tiếng cửa đóng sầm lại và tiếng bố mẹ xì xào với nhau. “Em phải nói cho Sonny biết thôi,” tôi nghe Mẹ nói và chợt đoán ra ngay sự việc.

Tôi đi xuống mà chẳng cần nghe ai gọi. Mẹ đang đứng đợi tôi trong phòng giải lao, ôm con mèo nhỏ bé trên tay. Thân thể của Daisy Mae trông oặt oẹo, đôi chân mềm rũ. Đầu nó tựa vào ngực Mẹ, mắt nhắm hờ, máu đang nhỏ giọt ra từ miệng. Tôi không thể nào bước lại gần hơn nữa, sự xúc động chợt dâng lên ngập lòng. Mắt tôi hoa lên, tâm trí tôi điên đảo như đang bị nhấn chìm vào dòng xoáy của những vết đỏ và trắng. Tôi ngồi phịch xuống ghế và nhìn chăm chăm về phía trước. *Tôi đã để nó ra ngoài là ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong đầu tôi. Tôi đã để nó ra ngoài. Tôi đã giết chết nó rồi.*

Bà Sharitz qua nhà và nhận ra sự việc vừa xảy ra. “Nó sẽ ổn thôi, Elsie,” bà nhắc đi nhắc lại. “Nó sẽ ổn thôi.”

Tôi chợt giật mình trở về thực tại và nhận thức được mọi thứ. Tôi đứng dậy, chạy lên phòng tắm trên lầu và bắt đầu nôn mửa liên hồi như không thể nào dừng lại được.

Đến khi cảm thấy mình có thể cử động lại, tôi lảo đảo bước xuống nhà dưới. Không khí trong nhà thật ngột ngạt, chết chóc. Tôi tìm thấy Mẹ đang ngồi một mình trên ghế ở hiên sau nhà. Bà đã bỏ Daisy Mae vào trong hộp đựng giày và đặt lên đùi mình. Những năm qua, đã có bao nhiêu con mèo được chúng tôi chôn cất trong hộp giày rồi nhỉ? Mọi lần trước, tôi cùng Jim đem chúng đi chôn trên núi và thì thầm những lời cầu nguyện cuối cùng trước cây thánh giá làm bằng hai thanh gỗ bạch dương cột lại với nhau. Và bây giờ, lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy nhớ Jim, nhớ đến sức mạnh và sự tập trung cao độ của anh trong đôi tay khi làm việc. Tôi lặng lẽ xuống hầm lấy xẻng rồi trở lại hiên nhà. Mẹ đưa tôi chiếc hộp mà chẳng nói gì. Tôi nhẹ nhàng đặt nó xuống dưới gốc cây táo ở sân sau và bắt đầu đào. Bố bước ra, lặng im nhìn tôi rồi lên chiếc Buick phóng đi đâu đó. Dandy và Poteet ngồi gần bên, run run lặng lẽ, thỉnh thoảng rên lên ư ử. Mẹ cũng bước ra và nhìn tôi, nín lặng. Khi tôi hoàn tất việc chôn cất Daisy Mae thì mấy đứa khác đã xuất hiện, trừ Quentin. Các cậu ấy được thông báo bởi mạng lưới hàng rào hầu như nối kết với mọi người ở Coalwood.

Cả bọn theo tôi lên phòng, nhìn tôi ngồi bên mép giường, thần thờ ngó vô định về bức tường đối diện. Roy Lee lên tiếng, “Tớ sẽ tìm ra thủ phạm, Sonny, và tớ dám hứa rằng nó sẽ phải trả giá cho việc này.”

Roy Lee đang ám chỉ ai đó đã đâm vào Daisy Mae. Từ nãy đến giờ tôi chỉ nghĩ đó là tai nạn nhưng trước đó tôi đã nghe tiếng bánh xe rít trên đường. Chắc chắn thủ phạm nổ súng và gây ra việc này là cùng một người.

Tôi gật đầu nhưng không cử động nổi. Bây giờ thì còn ý nghĩa gì nữa? Daisy Mae đã ra đi mãi mãi rồi. Tôi còn nhiều năm dài để sống và giờ đây, tôi đã bắt đầu cảm thấy nhớ nhưng tới nó rồi.

NHỮNG GIỜ HỌC của tuần tiếp theo trôi qua tôi trong sự mơ hồ. Roy Lee chở chúng tôi đến Bluefield tham gia hội chợ, và cả bọn cùng nhau dựng những tấm bảng và quây trưng bày. Một lần nữa, tôi đối đáp với ban giám khảo trong khi mấy đứa còn lại lượn lờ xung quanh. Tôi nói ngắn gọn và trả lời những câu hỏi của họ mà chẳng quan tâm rằng mình sẽ chiến thắng hay không. Sau giờ ăn trưa, bọn tôi quay lại để nghe tuyên bố giải thưởng. Giải ba và giải nhì lần lượt được công bố. Tôi chợt thấy dạ dày mình quặn lại. Ôi Chúa ơi, *thôi rồi*, tôi nghĩ. Chắc chúng tôi chẳng được giải gì rồi. Thật là xấu hổ khi trở về Big Creek với hai bàn tay trắng. Ngay sau khi ra khỏi tỉnh lỵ nhỏ bé của mình, bọn tôi đã sớm trở thành những kẻ bại trận hoàn toàn. Vị giám khảo ngẩng mặt lên và tựa vào bục. “Giải nhất thuộc về - và đây là lần đầu tiên trường học này chiến thắng, thưa quý ông quý bà - Trường Trung học Big Creek, đại diện bởi Homer Hadley Hickam, Jr., với *Nghiên Cứu Về Kỹ Thuật Tên Lửa Nghiệp Dư*.”

Quentin không còn kiềm chế được bản thân mình nữa, cậu ấy nhảy dựng lên và hò hét “*Hú huuuuuu!*” trước khi tên tò lùì lại phía sau. O’Dell nhảy nhót vòng quanh, hai tay đưa lên trời như võ sĩ đấm bốc vừa thắng trận. Roy Lee khúc khích cười và bầu chặt lấy tay tôi. Sherman cười lớn và vỗ tay. Billy dựa hẳn vào ghế rồi đưa tay lên lau trán, thở phào nhẹ nhõm. Cả khán phòng vỡ òa trong tràng pháo tay. Còn tôi thì chỉ ngồi đó với nụ cười ngơ ngẩn trên mặt. Không thể tin được. *Chúng tôi đã chiến thắng! Chúng tôi được tham dự Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc rồi!*

“Tớ đã bảo cậu mà, tớ đã bảo cậu mà, tớ đã bảo cậu mà,” Quentin liên tục lặp lại với tôi câu nói ấy.

Khi mọi việc trở lại trật tự, chúng tôi còn được thêm một phần thưởng nữa. Một Thiếu tá Không Quân đứng dậy và tuyên bố chúng tôi vừa được ban tặng giải nhất vì đã “Xuất sắc trong Lĩnh vực Lực đẩy.” Ông nói về buổi trưng bày của bọn tôi và thừa nhận rằng chưa bao giờ thấy quả tên lửa nào tinh xảo đến như vậy bên ngoài Cape Canaveral. “Ngài hoàn toàn đúng đó, Thiếu tá ơi!” O’Dell réo lên inh ỏi.

Sau buổi lễ trao giải, thiếu tá đến bắt tay tôi. Ông hy vọng tôi sẽ suy nghĩ về việc gia nhập Không Quân. Tôi gọi cả đám lại để giới thiệu, ông mỉm cười bảo, “Không Quân Hoa Kỳ sẵn lòng chào đón tất cả các cháu.” Dường như ông không để ý tới cái chân tong teo của Sherman và sự vụng về đáng ngại của Quentin.

Khi bọn tôi về nhà thì trời đổ mưa trên những con đường ngoằn ngoèo trong thung lũng và những ngôi nhà vấy bẩn bụi than của tỉnh McDowell và Mercer. Mấy hầm mỏ bên đường thật im ắng và trống trải như bị bỏ hoang từ hàng nghìn năm trước. Chợt một chiếc xe buýt chạy vượt qua với tấm băng rôn in dòng chữ BÀU HUBERT HUMPHREY LÀM TỔNG THỐNG dán hai bên thân xe. Nó làm bắn bùn đất lên kính xe bọn tôi. Roy Lee nhấn ga lên một chút để tránh. Thêm một vài dặm thì xe buýt dừng lại. Một người bước ra vẫy tay chào đám đông bên đường. Tôi lại cảm thấy bụng dạ nôn nao và đầu nhức nhối như muốn nứt làm đôi. Roy Lee dừng lại để tôi nôn mửa. Khi tôi trở lên thì mấy đứa kia đã trèo

lên bờ đá. Hubert Humphrey hóa ra là một người đàn ông tròn trịa nhỏ nhắn, quai hàm và cánh tay ông như có sợi dây kết nối với nhau. Càng vẫy tay nhiều thì miệng ông càng nói không ngừng nghỉ. Ông rơm rớm nước mắt và tuyên bố với đám đông rằng nếu ông được làm tổng thống thì chính quyền sẽ tới đây ổn định mọi việc, thậm chí sẽ trực tiếp điều hành nếu cần thiết. Sẽ không có ai chịu đói kém dưới “triều đại” của ông, không có áp bức và không có thất nghiệp.

“Hãy hỏi ông ta một câu hỏi về không gian đi,” Sherman đề nghị và vẫy tay về phía ông nhưng Humphrey chẳng nhìn về hướng cậu ấy. Ông ta vẫn nói không ngừng khi Roy Lee băng ngang chiếc xe buýt rồi tăng tốc, qua khỏi thị trấn Keystone, đường xá vắng tanh, chỉ có vài con chó bần thủ đang lang thang trước một cửa hàng bị bỏ hoang.

THẦY TURNER gọi tôi vào văn phòng vào thứ hai tuần tiếp theo, thầy bắt tay tôi và nói. “Em đã vượt qua mọi sự mong đợi của thầy. Thầy sẽ cho hợp trường đảng hoàng để làm lễ tiễn đưa long trọng cho các em trước khi đến Indianapolis.”

Trong buổi họp, tất cả thành viên của BCMA phải đứng dậy và cúi đầu chào. Thầy Turner gọi tôi bước lên phía trước. “Em sẽ làm hết khả năng của mình để đại diện cho Big Creek,” tôi nói, cả người tê cứng lại trong ánh đèn sân khấu và cố gắng quên đi cái đầu của mình đang muốn nứt đôi ra. Tôi vẫn còn những cơn buồn nôn và bây giờ là cả đau đầu nữa.

Cô Riley đứng dậy tuyên bố, “Việc này là minh chứng hùng hồn rằng học sinh của Big Creek sẽ có thể làm bất cứ gì mà các em muốn. Cô tin rằng Sonny sẽ càng làm chúng ta tự hào hơn ở Indianapolis.”

Nhìn cô Riley tràn trề sinh lực và hy vọng, làm tôi cảm thấy xấu hổ và chán ghét biểu hiện của mình. Tôi bây giờ chẳng khác gì một bé gái yếu đuối cả.

Đêm đó, chẳng hiểu sao tôi lại bước ra sân sau nhà. Mọi thứ đều lặng im trong bóng đêm, chỉ còn tán lá xôn xao nấp trên ngọn cây táo, xì xào trong từng cơn gió nhẹ đưa. Tôi bước sâu hơn vào ánh đèn hắt ra từ nhà bếp và đứng im, e dè thở thật nhẹ. Chẳng hiểu sao tôi lại đứng đây, mong rằng một điều gì đó trong lòng mình sẽ trả lời được câu hỏi này. Không khí về đêm thật trong lành. Khi tôi ngược lên trời, những ngôi sao như đang kết thành những chiếc cầu màu xanh trắng bắc ngang qua mấy ngọn núi cao. Tôi như bị mê hoặc và để tâm trí mình hân hoan lang thang trên vệt sao sáng cho đến khi giật mình thấy có ai đó đang đứng bên hàng rào nhìn sang. Mặc dù trời tối nhưng nhìn thấy cái kiểu nghiêng đầu là tôi nhận ra được ngay. “Roy Lee hả?” tôi gọi. “Cậu làm gì ở đây vậy?”

“Tớ nhìn qua cửa sổ và thấy cậu ra sân sau,” cậu ấy nói. “Tớ muốn nói với cậu điều này nhưng phải vào lúc riêng tư, hiểu không? Có lẽ cái sân sau cũ kỹ này là chốn riêng tư nhất ở Coalwood rồi.”

Tôi kiên nhẫn chờ đợi khi Roy Lee tựa vào hàng rào, ngáp ngừng, hắng giọng, nghiêng đầu rồi lại vuốt tóc. Cho dù là gì đi nữa thì chắc chắn là điều mà cậu ấy không thực sự muốn nói cho lắm. “Roy Lee, cái gì vậy?” cuối cùng tôi cũng phải gặng hỏi.

“Tớ tìm ra chuyện gì đã xảy ra với nó rồi.” Cậu ấy hát đầu về phía cây táo và tôi hiểu Roy Lee đang nói về Daisy Mae. “Tớ đã tìm ra ai là thủ phạm giết nó như đã hứa với cậu.”

Tôi bước lại gần hàng rào. “Là ai?” tôi rít lên, sẵn sàng giết người ngay lập tức. “Phải Pooky không?”

“Không. Nhưng là một trong những gã ngu ngốc đáng trách thường đi theo hắn. Hình như bị Pooky xúi giục.”

Trong cơn giận dữ với Pooky, thật ngạc nhiên khi kẻ đầu tiên tôi nghĩ đến lại là Calvin. Calvin từng đối xử tệ bạc với tôi cả đời hắn nhưng tôi đã thay đổi cách nhìn từ khi hắn tìm lại cho tôi mấy dụng cụ tên lửa. Nhưng nếu như Pooky đã sát hại Daisy Mae thì tôi chẳng thể tha thứ cho hắn, ngay cả số phận của Calvin nữa. “Tớ phải làm một cái gì đó thôi, Roy Lee,” tôi bảo. “Tớ không thể để hắn thoát tội như vậy được.”

“Cậu không phải làm gì đâu Sonny ạ,” Roy Lee nói. “Pooky đã rời khỏi thị trấn rồi. Theo tớ được biết, trong khi Calvin cố ngăn cản hắn đánh đập mẹ cậu ta thì cũng dính một đòn nặng. Hàng xóm gọi Tag và anh ấy có mặt tức khắc, đập tung cửa và quăng Pooky xuống sông. Tag cảnh cáo rằng nếu còn nhìn thấy mặt Pooky một lần nữa thì anh ấy sẽ quăng hắn xuống hầm than. Pooky biến mất ngay tức khắc, còn Tag thì thật sự đang điên lên.”

“Còn Calvin và mẹ cậu ấy thì sao?”

“Bà góa phụ Clowers ở Six sẽ cho họ ở nhờ đến khi Calvin tốt nghiệp và gia nhập quân đội.”

“Còn cái gã đã cán chết Daisy Mae thì sao?” tôi hỏi.

Roy Lee lại lưỡng lự và rút cuộc lại nhìn về phía những ngọn núi âm u đằng xa. Ánh đèn hắt ra từ trạm nhiên liệu làm mái tóc đen nhánh được chải chuốt kỹ càng của cậu ấy bóng lưỡng cả lên. “Tớ sẽ nói tên của hắn cho cậu nếu cậu bắt buộc tớ. Nhưng theo tớ biết thì hắn đã rất hối hận khi làm điều này. Cậu có thật sự muốn biết không?”

Tôi suy ngẫm một hồi rồi lắc đầu. Có gì tốt lành nếu như tôi biết mình đang sống trong cùng một thị trấn với kẻ thù chứ? Tôi chẳng thấy điều đó hay ho gì cả. Dù sao đi nữa, tôi cũng biết rằng thủ phạm giết chết Daisy Mae rồi sẽ lãnh hậu quả mà không cần tôi phải làm gì. Như công lý rút cuộc cũng đã được thực thi với Pooky - bằng luật của Coalwood. Dường như thị trấn này sẽ có cách dàn xếp mọi thứ nếu như mọi người có đủ kiên nhẫn để mọi chuyện xuôi theo tự nhiên.

“Cám ơn cậu đã cho tớ biết, Roy Lee ạ,” tôi nói và chợt cảm thấy cậu ấy quan trọng đối với tôi như thế nào. Bỗng tôi muốn nói với Roy Lee rằng tôi mong chúng tôi luôn là bạn của nhau trong bất kì hoàn cảnh nào, dù gần nhau hay cách trở. Nhưng thay vì nói, tôi chỉ đấm một phát vào vai Roy Lee và để cậu ấy đánh lại một cái rõ mạnh. Nhưng điều đó đã tượng trưng cho tất cả những gì bọn tôi cần nói với nhau.

Tôi chúc Roy Lee ngủ ngon rồi rời khỏi hàng rào và bước lại cây táo; lúc này tôi chỉ muốn được ở gần bên Daisy Mae. Tôi quỳ xuống, vỗ nhẹ lên ngôi mộ của nó rồi bốc một nắm đất; dự định sẽ bỏ vào hũ và đem theo bên mình đến Indianapolis. Rồi tôi đứng dậy, hít một hơi thật sâu cái không khí mát lạnh của núi vào lồng ngực và chợt ngộ ra một điều nữa. Những điều mà ngày ấy chú Dubonnet nói với tôi cạnh đường ray cũ nhiều năm trước đây là hoàn toàn đúng. Chú đã từng nói rằng tôi được sinh ra ở miền núi này và đây sẽ luôn là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi cho dù có đi nơi đâu hay làm gì chẳng nữa. Lúc đó tôi không hiểu ý của chú nhưng bây giờ thì khác rồi. Coalwood, những người dân ở đây, cả những rặng núi kia sẽ luôn là một phần cơ thể của tôi và ngược lại, tôi cũng là một phần không thể thiếu của họ. Tôi còn hồi tưởng lại cái đêm Bố vừa trở về từ Cleveland và tranh cãi với mình trong phòng riêng của tôi. Sau lúc đó, tôi đến bên cửa sổ nhìn những người công nhân ra vào hầm mỏ, ghen tị vì họ luôn biết rõ mục tiêu đời mình. Giờ đây, khi đứng dưới tán cây táo, bên cạnh nơi chôn cất Daisy Mae, tôi không còn cảm thấy phải ghen tị gì nữa: Tôi cũng biết mình là ai và mình phải làm gì. Ngay khi đó, dường như có ai đã thức tỉnh mình; tôi không còn cảm thấy bụng và đầu mình nhức nhối nữa.

24. BỘ LỄ PHỤC CHO INDIANAPOLIS

“CHÁU SẼ CHĂM SÓC TỐT CHO CẬU ẤY, cô Hickam cứ yên tâm ạ,” Emily Sue ngồi trên băng ghế sau của chiếc Buick và hứa với Mẹ tôi.

Tôi đang cầm lái, đầu cúi xuống, cúi kính. Emily cùng tôi đến Welch để mua lễ phục cho tôi mặc khi tới Indianapolis. Tôi chẳng thấy mình cần phải như vậy. Có vấn đề gì với những thứ mà tôi định mặc: quần cô-tông, áo choàng len và giày da? Tôi là một nhà khoa học trẻ chứ không phải người lúc nào cũng quần là áo lụa như *Peter Gunn*^[36] trên tivi hay một kẻ điệu đảng nào khác. Ngoài ra, phần thuyết trình và biểu đồ để tham dự ở Indianapolis cần phải hoàn thiện nữa. Tôi làm gì có thời gian để thơ thẩn ở Welch đi mua quần áo cơ chứ.

Emily Sue thì lại già dặn hơn so với những bạn khác trong lớp, ví dụ như tôi. Theo ý của cô ấy thì tôi không thể làm mất mặt trường Big Creek hay cả cái bang miền Tây Virginia này ở Indianapolis được. Nhận xét chung của cô bạn là tôi chẳng bao giờ mặc quần áo bảnh bao cả. Mẹ của Emily Sue đã chở cô qua bên kia núi để chọn bộ quần áo ưng ý cho Mẹ tôi để bà tham dự Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc. Trong khi tôi đang vật lộn với mấy tấm bảng thuyết trình dưới hầm thì bà gọi tôi lên. “Chờ con bé đến Welch đi,” bà bảo và hất đầu về phía Emily Sue đang ngồi trên sofa với nụ cười hờn hậu. “Để con bé giúp con chọn một bộ lễ phục đảng hoàng.”

“Sao con lại phải mặc lễ phục cơ chứ?” tôi gắt gỏng.

“Bởi vì mọi người không thể để cậu tham dự Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc mà trông như một thằng nhà quê được,” Emily Sue bảo.

Mẹ nâng cằm cô bạn tôi lên. “Không đâu, Emily Sue,” bà bảo. “Còn một lý do chính đáng hơn nữa.”

“Là cái gì vậy?” tôi gặng hỏi.

Bà nhìn tôi chăm chăm. “Tại vì mẹ muốn vậy.”

Chiếc Buick ngoặt tới lui mỗi khi tôi bẻ lái qua những khúc quanh nối tiếp nhau; trong 7 dặm đến Welch có đến 37 cái như vậy. Tôi cũng không để ý đến chúng lắm, có vẻ những đoạn thẳng mới là không bình thường thôi. Đến khoảng khúc quanh thứ 12, tôi mĩa mai Emily Sue: “Cám ơn nhiều lắm đây”.

“Rất vui lòng được làm điều này,” cô bạn đáp.

Ít nhất trong lúc này tôi cũng có dịp hỏi thăm Emily Sue về Dorothy. Đến bây giờ thì Emily Sue vẫn là

bạn thân của Dorothy mà. “Đạo này mấy người trong Hội Danh Dự ra sao rồi?” là cách tôi lách đi câu hỏi thật của mình.

Nhưng Emily Sue thì đoán được ý tôi quá nhanh. “Dorothy hả? Cô ấy bình thường thôi. Cô ấy nhớ cậu và rất lấy làm tiếc vì cậu đang giận, nhưng tớ không nghĩ cô ấy sẽ mất ngủ vì điều này đâu. Cậu vẫn còn nuôi hy vọng à?”

“Hy vọng về Dorothy ấy hả? Đừng làm tớ chết cười chứ!”

Emily Sue liếc tôi từ đằng sau ghế. “Cậu có biết rằng lông mày cậu nhướng lên mỗi khi nói dối không?”

Từ lúc đó cho đến khi tới Welch, tôi không hé nửa lời với Emily Sue nữa.

Hôm đó là thứ bảy nên Welch chật cứng những hàng xe dài dằng dặc của người đi mua sắm. Bọn tôi đậu xe sau Cartel Hotel, trả cho người trông xe một đồng 25 xu rồi lững thững đi bộ xuống đồi đến Main Street. Emily Sue dẫn tôi đến Philips & Cloony, một cửa hàng thời trang nam. Tôi hơi e ngại khi đứng trước cửa. “Bây giờ lại có vấn đề gì nữa đây?” Emily Sue hỏi.

“Tớ không muốn cậu vào cùng.”

“Tại sao? Cậu sợ họ tưởng tớ là bạn gái của cậu chắc?”

“Tớ chỉ hơi ngại thôi. Tớ có thể tự chọn lễ phục được mà.”

Cô bạn nhìn tôi lom lom, mặt lộ rõ vẻ nghi ngờ. “Thôi được rồi,” cô thở dài. “Một giờ nữa gặp lại ở chỗ đậu xe nhé. Và mặc bộ lễ phục mới vào. Tớ muốn nhìn thấy cậu mặc nó.”

Tôi đồng ý, hít một hơi thật sâu rồi bước vào trong. Philips & Cloony là một cửa hàng thời trang nhỏ nhưng lại được tiếng bán quần áo nam đẹp nhất tỉnh. Dọc theo bờ tường là những giá treo lễ phục và áo sơ-mi, tỏa ra mùi như thuốc tẩy khô. Sau khi tôi cho nhân viên bán hàng biết yêu cầu của mình, anh hỏi tôi có phải là em của Jim Hickam không. Nghe tôi trả lời là phải, anh liền gọi chủ cửa hàng đang ở trên lầu xuống. Họ là một cặp vợ chồng, người chồng thì to béo còn người vợ lại tròn trĩnh, nhỏ nhắn. Họ bước xuống, mắt sáng rỡ như mèo thấy mỡ. Họ bảo rất nhớ Jim và hỏi xem có thể giúp được gì cho tôi. Tôi kể cho họ nghe về Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc, và họ bắt đầu đem ra những bộ lễ phục màu nâu, xanh và xám cho tôi thử.

Chúng có kiểu dáng mà mọi đàn ông ở Coalwood thường mặc khi đi lễ nhà thờ. Tôi gãi đầu, không thể quyết định được vì trước nay Mẹ luôn là người mua quần áo cho tôi. Ngay lúc đó thì O’Dell bước vào cửa hàng. Cậu ấy đang loay hoay ở Welch bán nhân sâm để mua thêm bột kẽm và trông thấy tôi từ bên kia đường. “Emily Sue nói đúng đấy!” cậu ấy la lên inh ỏi khi nghe tôi kể lại “hoàn cảnh” của mình. “Cậu cần có quần áo mới chứ!”

O'Dell điếm qua những bộ lễ phục mà chủ cửa hàng vừa đem ra rồi lắc đầu. “Toàn là quần áo cho người già,” cậu ấy bảo. Sau đó cậu ấy lục lạo khắp mấy cái giá treo đến khi tìm được một bộ ưng ý nằm lấp đàng sau, tháo xuống rồi đưa cho tôi. “Cậu sẽ trông rất bảnh bao trong bộ này đấy!” cậu ấy nói và tôi phải đồng ý. Nó quả thật là bộ lễ phục đẹp nhất tôi từng thấy.

Tôi mặc thử bộ lễ phục O'Dell vừa chọn. Nó thật vừa vặn và chỉ có 25 dollar, giá đã giảm xuống từ 27,50 dollar. “Cháu lấy bộ này!” tôi nhỏ nhẹ nói khi đang xoay tới lui ngắm mình trước gương. Hai người chủ chỉ biết nhìn nhau rồi nhún vai.

Tôi ra khỏi cửa hàng trong bộ lễ phục đẹp đẽ mới toanh. Tôi thật nóng lòng muốn cho Emily Sue thấy nó. Tôi chào tạm biệt O'Dell để cậu ấy tiếp tục đi tìm người mua nhân sâm, trong tay cậu là hai chiếc giỏ đựng đầy thứ rễ ấy. “Sau khi bán hết chỗ này thì bọn mình sẽ đủ bột kẽm để bay lên mặt trăng đấy,” cậu ấy hứa hẹn.

Còn quá sớm để gặp Emily Sue nên tôi lững thững đi bộ xuống đường lớn. Xung quanh đầy người đi mua sắm. Tôi để ý thấy có vài người đang liếc nhìn mình. Có lẽ họ chưa bao giờ thấy đứa học sinh trung học nào ăn mặc đẹp đến như vậy từ khi anh tôi rời khỏi tỉnh này. Tôi oai vệ bước tới tòa nhà đậu xe công cộng bằng bê-tông cao 3 tầng và là niềm tự hào của thành phố. Nó được quảng cáo là tòa nhà đầu tiên được xây dựng theo phong cách này trên toàn nước Mỹ, nơi cho phép xe đậu đầy trong cả 3 tầng lầu. Lần nào thấy nó tôi cũng trở mắt ra nhìn. Nó quả thật quá hoành tráng đối với một thằng bé ở Coalwood như tôi. Đó là lý do vì sao tôi chỉ dám đỗ xe ở Carter Hotel.

Tôi len qua đám đông và nhìn thấy một chiếc bàn có ghi hàng chữ BẦU JACK KENNEDY LÀM TỔNG THỐNG. Một vài người đang bày những cái loa lớn ra. Sau đó bài “Kéo mỏ neo” vang lên trong tiếng kèn hùng dũng, tiếp đó là bài “Những hy vọng cao vời” của Frank Sinatra. “Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi người đàn ông đang treo áp phích của Kennedy lên cột điện thoại.

Ông ta nhìn tôi lom lom như thể tôi có hai cái đầu, rồi trả lời, “Ngài Thượng Nghị sĩ sẽ diễn thuyết ở đây, tại tỉnh Welch này. Ông ấy sắp đến rồi.”

Nhiều người bị âm nhạc thu hút và bắt đầu tụ tập lại. Lúc đó thì Emily Sue tìm thấy tôi. Cô bạn nhìn tôi rồi thốt lên: “Ôi trời đất ơi!” Miệng cô há hốc.

Tôi tưởng có cái gì đó đàng sau lưng tôi làm cô ấy hoảng sợ nên ngoái lại nhưng chẳng thấy gì. “Cái gì vậy?” tôi quay lại gặng hỏi.

Mồm Emily Sue vẫn há hốc. “Màu này là màu quái quỷ gì đây?”

“Bộ lễ phục của tớ hả?” Tôi nhìn xuống ống tay. “Tớ không biết nữa. Hình như là màu cam.”

“*Màu cam!* Cậu mua lễ phục *màu cam* hả?”

Tôi nhún vai. “Ừ, thì sao...”

Ngay lúc đó, đoàn xe hộ tống gồm những chiếc Lincoln và Cadillac tiến vào nhà để xe, bánh xe phát ra những âm thanh rền rĩ. Emily Sue và tôi phải nhanh chóng nép qua một bên để tránh bị cán bẹp. Sau đó thì bọn tôi phát hiện mình đã đứng ngay trước mặt đám đông. “Ờ, tuyệt đấy nhỉ!” tôi bảo.

Emily Sue vẫn chưa liếc ngang qua bảng hiệu hay mấy chiếc xe mà vẫn nhìn tôi chăm chăm. “Cậu không thích bộ lễ phục của tớ à?” tôi hỏi. “O’Dell đã giúp tớ chọn đấy.”

Cô bạn từ tốn lắc đầu rồi lên tiếng: “Thì ra là vậy!”

Đám đông lịch sự vỗ tay khi nhìn thấy người đàn ông vừa bước ra khỏi một chiếc Lincoln. Ông vẫy tay chào và tôi đoán đó là Thượng Nghị sĩ Kennedy. Đến khi ông được đưa lên trên nóc chiếc Cadillac thì tôi biết mình đã đoán đúng. Ông gầy guộc và có cái đầu to đùng, tóc tai rậm rạp và một khuôn mặt nâu nâu. Suy nghĩ đầu tiên của tôi khi nhìn thấy ông ấy là không hiểu làm sao có thể phơi nắng cho da ngăm đen trong tiết xuân như vậy nữa. Ngài Thượng Nghị sĩ lại vẫy chào, hắng giọng - có người đưa ông ly nước, ông hớp một ngụm - rồi bắt đầu nói. Đám đông xung quanh chỉ tha thẩn, không phải ai cũng chú ý lắng nghe. Ông đang trải hết lòng mình, nhưng tôi nghĩ mọi người lắng nghe vì lịch sự mà thôi. Bài diễn thuyết của ông đi kèm theo những cái đập tay sau mỗi từ ngữ về Appalachia^[37] (tôi thật sự ngạc nhiên khi chúng tôi thuộc về nơi đó) và có lẽ chính phủ phải hỗ trợ cả khu vực bằng dự án TVA. Tôi đã từng học về Chính quyền của thung lũng Tennessee^[38] trong giờ lịch sử. Thầy Jones bảo Tổng thống Roosevelt đã sử dụng nó để giúp đỡ cho nền kinh tế của những vùng núi ở Tennessee và Alabama. Tôi còn nghe Bố trò chuyện với bác Ken rằng TVA chỉ là chính sách của chủ nghĩa xã hội, trong sáng và đơn giản. Nhưng bác Ken không đồng ý mà nói nó chỉ là sự quan tâm của chính phủ đến những người dân nhỏ nhoi mà thôi. Bố đáp lại rằng chính phủ chẳng bao giờ quan tâm đến ai khác ngoài chính bản thân họ cả.

Ngài Thượng Nghị sĩ vẫn tiếp tục phát biểu. Tôi để ý thấy tay ông cứ chắp sau lưng rồi ấn ấn vào như là đang bị đau ở chỗ đó vậy. Ông trong tư thế đứng rất cứng nhắc, giống như mấy người kỹ sư học việc của Bố sau ngày đầu tiên ở khu mỏ. Mắt ông cũng có vẻ buồn rầu. Tôi đoán rằng ông đang bị đau ở lưng hay một chỗ nào đó.

Khán giả Welch vẫn chú ý nhưng giữ im lặng khi Thượng Nghị sĩ Kennedy hứa sẽ khởi động chương trình tiếp tế lương thực. Mấy người đàn ông bước ra từ xe Lincoln và Cadillac vỗ tay tán thưởng song chỉ có vài người trong đám đông hòa theo. Ngài Thượng Nghị sĩ dừng lại, ngại ngần vuốt mớ tóc trước trán. “Tôi thấy rằng người dân của bang này cần và xứng đáng được hưởng sự trợ giúp và tôi sẽ đảm bảo điều này cho mọi người!” Ông hét lên như muốn phá vỡ bầu không khí. Nhưng chỉ có sự im lặng đáp lại ông. Tôi để ý thấy đã có vài người lục tục bỏ đi. Ngài Thượng Nghị sĩ đứng chết lặng có vẻ lo lắng và tôi chợt thấy tội nghiệp cho ông ấy. “Có ai hỏi gì không?” ông hỏi, giọng hơi mệt mỏi chán nản.

Tôi giơ tay lên và không biết vì lý do gì mà ông chú ý ngay. “Vâng. Cậu bé trong, ừm, bộ lễ phục.”

“Ôi Chúa ơi,” Emily Sue rên rỉ. “Cậu sẽ làm xấu mặt cả tỉnh này mất thôi.”

Tôi mặc kệ cô ấy. “Vâng, thưa ngài. Ngài nghĩ nước Mỹ sẽ phải làm gì trong không gian?”

“Ôi Chúa ơi, *làm ơn*,” Emily Sue lại tiếp tục rên rỉ.

Đám đông xôn xao, vài tiếng hú chế nhạo nhưng Kennedy lại mỉm cười. “Xem nào, vài đối thủ của tôi nghĩ rằng *tôi* nên biến mất vào không gian là vừa,” ông nói. Câu nói này của ông đã lấy được nụ cười của vài người. Ông nhìn tôi. “Nhưng tôi sẽ hỏi cậu, chàng trai trẻ ạ: *Cậu* nghĩ chúng ta phải làm gì trên không gian?”

Gần đây tôi luôn nghĩ về mặt trăng. Trong những cơn giông bão của mùa xuân, tôi dùng kính viễn vọng của Jake để đi xuống những con suối nhỏ, trèo lên những ngọn núi và tản bộ trên những vùng tối mờn mờn của mặt trăng trong tâm trí mình. Nó đã giúp tôi rất nhiều mỗi khi tôi buồn bã nghĩ về Daisy Mae, lo lắng việc bố mẹ chuyển xuống bãi biển Myrtle hay miên man tưởng tượng về tương lai của mình. Mặt trăng dần dà trở nên gần gũi và thân thuộc hơn, nên khi được hỏi, câu trả lời của tôi bật ra ngay. “Chúng ta nên lên mặt trăng!” tôi đáp.

Những người tùy tùng của Kennedy cười ngặt nghẽo nhưng ông cúi kính xua tay bảo họ im ngay. “Vì sao cậu lại nghĩ chúng ta nên lên mặt trăng?” ông hỏi tôi.

Tôi nhìn quanh và thấy những người thợ mỏ đang đội mũ bảo hiểm nên đáp ngay. “Chúng ta nên lên đó, xem nó được cấu tạo từ những thứ gì và khai thác nó như chúng ta đang khai thác than ở miền Tây Virginia này.”

Nghe xong càng có nhiều tiếng cười nhạo báng vang lên đến khi những người thợ mỏ lên tiếng. “Cậu bé nói đúng đấy! Chúng ta có thể khai thác cái mặt trăng đó chứ!”

“Địa ngục ơi,” một người thợ khác hét lên, “người dân miền Tây Virginia có thể khai thác bất cứ thứ gì!”

Một tràng pháo tay rất tự nhiên lần lượt rộ lên khắp đám đông. Ai cũng cười tươi hứng khởi và chẳng người nào bỏ đi nữa.

Kennedy có vẻ lên tinh thần từ sự phản hồi đó. “Nếu như tôi được bầu làm tổng thống, tôi nghĩ chúng ta có thể sẽ lên được mặt trăng.” Ông nói. Ông nhìn lướt qua những người dân đang tập trung lắng nghe. “Tôi rất thích những gì cậu bé này vừa nói. Điều quan trọng bây giờ là phải làm cho đất nước này chuyển động trở lại, phục hồi sinh lực, năng lượng cho nhân dân và chính phủ. Nếu như việc lên mặt trăng có thể giúp được điều này thì có lẽ đó là cái chúng ta nên thực hiện. Những người dân Mỹ thân yêu của tôi, hãy cùng tôi đưa đất nước này tiến lên, ngày càng vững mạnh...”

Đám đông nhiệt liệt hưởng ứng. Tiếp đó Kennedy nói về những chính sách để làm cho đất nước phồn vinh trở lại, còn Emily Sue kéo tôi ra khỏi đó. “Cậu làm gì vậy?” tôi gắng hỏi. “Tớ đang hứng thú

mà.”

“Chúng ta phải trở lại Philips & Cloony trước khi họ đóng cửa.”

“Để làm gì?”

“Cậu không thể đến Indianapolis trong bộ lễ phục màu cam này được. Nó là bộ đồ chói lọi kệch cỡm nhất mà tớ từng thấy đấy.”

Tôi đứng như trời trồng. “Tớ thích bộ lễ phục này.”

Cô bạn bắt đầu tranh luận, nhưng rốt cuộc cũng nói, “Tớ không nghi ngờ về điều đó.” Cô đặt tay lên lưng tôi rồi đẩy tôi đi.

Khi chúng tôi về tới Coalwood thì màn đêm đã buông. Tôi vào nhà trong bộ lễ phục màu xanh đậm mà tôi cực ghét mặc dù Mẹ và Emily Sue hài lòng ra mặt. Mẹ bảo chưa bao giờ thấy tôi điển trai như vậy. Còn tôi thì ước gì bà được trông thấy tôi trong bộ lễ phục O’Dell đã chọn, nhưng rồi tôi chỉ kể cho bà nghe chuyện về ngài Thượng Nghị sĩ. “Cô sẽ không tin được Sonny đã nói gì với ông ấy đâu,” Emily Sue thở dài ngao ngán.

Bố bước vào nhà và liếc nhìn bộ lễ phục của tôi. Tôi kể cho ông về ngài Thượng Nghị sĩ. “Kennedy hả?” ông cau mày. “Một tay cánh tả khốn kiếp.”

Bố ra khỏi nhà, hình như là lên khu mỏ. Mẹ nhìn theo ông và lẩm bầm. “Nhưng chắc chắn là một tay cánh tả điển trai.”

Sau khi Emily Sue về, tôi lên lầu, treo bộ lễ phục mới đậm màu ảm đạm vào tủ. Nhưng ít ra tôi cũng có một thứ làm mình hài lòng. Tôi lôi ra chiếc cà vạt mới từ trong túi áo khoác. Tôi đã lén mua nó khi Emily Sue không để ý. Nó có màu xanh nhạt bóng bẩy, dài khoảng 15cm và in hình chú chim giáo chủ to đùng, màu đỏ chói lọi, biểu tượng của miền Tây Virginia. Con chim giáo chủ đang ngược nhìn trời và chiếc mỏ màu cam của nó mở to như đang hát. Thật là một chiếc cà vạt lộng lẫy, có thể dễ dàng nhận biết rõ ràng từ mọi góc độ trong giảng đường và tôi biết đó là yếu tố quan trọng. Nếu không được mặc bộ lễ phục O’Dell chọn thì chí ít tôi cũng cho Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc thấy được một cái gì đó mang phong cách của Tổ chức Tên lửa Big Creek.

25. HỘI CHỢ KHOA HỌC TOÀN QUỐC

MỘT THÁNG trước kỳ hội chợ khoa học ở Bluefield trôi qua trong chớp mắt. Có quá nhiều thứ cần chuẩn bị. Cô Riley vui vẻ và rạng rỡ như đóa hoa tươi thắm nở rộ trong sắc xuân. Mặt cô đã hồng hào trở lại và ánh mắt rạng ngời như thuở nào. Mỗi ngày sau giờ học, cô giúp tôi cải thiện khả năng thuyết trình. Cô còn gọi điện cho thầy cô các trường khác cũng có học sinh tham dự để hỏi thêm một số kinh nghiệm chuẩn bị và thuyết trình. Mỗi ngày tôi đều mài dũa thêm bài thuyết trình của mình để có thể chuyển tải nhanh chóng về phép tính cho thiết kế miệng tên lửa De Laval, lực đẩy và tỉ lệ trọng lượng, và phép tính lượng giác cần cho việc tìm ra độ cao mỗi lần thử nghiệm tên lửa không chuyên.

Quentin đến nhà tôi vào mỗi cuối tuần; cậu giúp chuẩn bị những biểu đồ, đồ thị của kết cấu miệng tên lửa, đường bay của hỏa tiễn và thiết kế của bộ thăng bằng. O'Dell tìm đâu đó được một tấm vải nhung đen dùng để lót những bộ phận của hỏa tiễn khi trưng bày. Cậu ấy còn đóng một cái thùng gỗ, cẩn thận lót giấy báo để chứa tất cả mọi thứ. Sherman cùng Billy chụp lại nhiều hình ảnh của Cape Coalwood và gắn vào cuốn album ảnh. Còn Roy Lee thì làm những miếng giấy 3x5cm để chú thích kích thước và công dụng cho miệng, chớp và phần thân tên lửa.

Trong khi bọn tôi bận bịu chuẩn bị cho Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc thì hầm mỏ Coalwood tiếp tục ngưng trệ. Một vài thợ mỏ quá cần tiền nên cố gắng xin làm việc thêm ca khuya nhưng đều bị đội tự vệ của Liên minh Công nhân đuổi về hết. Cửa hàng của công ty cho thiếu nợ đến mức cùng cực để cứu vãn tình hình. Cả công ty và liên minh đều không tỏ dấu hiệu gì của sự nhượng bộ.

Chú Caton đến nài nỉ chú Dubonnet và cuối cùng ông đã nói tay một chút cho chú chế tạo miệng, thân, bộ thăng bằng và chớp tên lửa cho tôi dùng trưng bày. Những miệng tên lửa lần này cho thấy sự cải tiến vượt bậc trong thiết kế của BCMA từ việc khoét loe miệng đơn giản đến phiên bản mới nhất được tráng lớp cách nhiệt bóng bẩy. Tất cả đẹp lung linh như những món trang sức quý giá. Chú Caton đã dồn hết tâm trí cho chúng, cắt xén hết từng phần kim loại dư thừa đến khi góc phân kì/hội tụ có thể được nhìn thấy từ bên ngoài. Tôi dám chắc rằng nó nhìn không khác gì miệng tên lửa được chế tạo ở Cape Canaveral.

Tôi đến sảnh của Liên minh Công nhân để cảm ơn chú Dubonnet đã nói tay cho chú Caton thực hiện công việc này. “Hãy nói với họ rằng công cụ hợp thành tên lửa của cháu được UMWA chế tác nhé,” ông buồn rầu nói. Chú ấy u sầu cũng hợp lý thôi, vì tôi biết kinh phí cho cuộc biểu tình đã cạn kiệt và lương thực tiếp tế cũng vơi dần. Thật tình tôi cảm thấy xấu hổ vì mình đã làm phiền chú về mấy quả hỏa tiễn trong hoàn cảnh này.

Còn ở nhà tôi, Bố vẫn đến khu mỏ làm việc đều đặn mỗi ngày, cùng thuộc hạ đảm bảo an toàn cho hầm mỏ và thậm chí còn phun bụi đá nếu cần thiết. Thỉnh thoảng trước và sau khi đi làm về, ông cũng có liếc sơ qua mấy thứ bọn tôi chuẩn bị trưng bày nằm dưới hầm nhưng chẳng có ý kiến gì. Trước lúc tôi thức dậy vào buổi sáng ông đã đi làm, còn khi ông về thì tôi đang trong phòng làm bài tập hoặc đã ngủ.

Dù sao đi nữa, ông vẫn giữ lời hứa về việc hỗ trợ mọi thứ tôi cần nhưng chẳng màng hỏi han tôi về chuyến đi đến Indianapolis sắp tới. Thật ra, tôi cũng không đòi hỏi gì hơn ở ông cả.

Những ngày cuối tuần trước khi tôi xuất phát, tôi nghe Mẹ hỏi ông đã thông báo với công ty về việc chuyển xuống bãi biển Myrtle chưa. “Anh phải đợi đến khi cuộc biểu tình kết thúc, Elsie ạ,” ông đáp.

“Tại sao chứ?”

“Vì anh không muốn Liên minh Công nhân nghĩ rằng họ đã đuổi cổ được anh.”

Có vẻ như Mẹ chấp nhận lời giải thích này, còn tôi thì nghi ngờ điều đó. Thứ nhất, kể từ khi nào Bố lại quan tâm đến suy nghĩ của Liên minh Công nhân nhỉ? Một điều nữa, tôi không tin rằng Bố có thể bỏ đi mà không đào tạo một ai đó để thay thế mình. Để làm được việc này, ông phải thông báo kế hoạch của mình cho công ty càng sớm càng tốt. Hơn nữa, tôi cũng chẳng nghe động tĩnh gì về việc bố mẹ tôi chuyển đi nơi khác từ mạng lưới thông tin qua hàng rào cả. Tôi biết Mẹ không nhắc tới việc này với ai vì bà nghĩ đây là việc cá nhân. Nhưng có vẻ như Bố cũng chẳng cho ai trong khu mỏ biết. Chỉ cần một lời thì thậm to nhỏ thôi là tin tức sẽ lan nhanh khắp mạng lưới thông tin hoặc một trong mấy đứa bạn tôi sẽ hỏi han ngay. Vậy thật ra Bố đang dự định điều gì? Nhưng tôi quá bận bịu nên chỉ dừng lại ở suy nghĩ vãn vơ này thôi.

Vào đêm trước ngày xuất phát đến Indianapolis, Quentin ở lại nhà tôi, nhưng mặc nhiên không cho tôi ngủ mà cứ xoáy không ngừng vào đầu tôi những câu hỏi về lượng giác, tích phân, vật lý, hóa học và công thức tích phân bọn tôi dùng cho thiết kế hỏa tiễn. Cuối cùng, đến khoảng 3 giờ sáng, tôi gục xuống giường, lấy gối bịt tai lại. “Đừng hỏi nữa, Q,” tôi nài nỉ. “Vì Chúa, đừng hỏi nữa.”

Tôi nghe loáng thoáng dưới chiếc gối giọng Quentin đàng hẵng. “Đây là dự định của cậu hử Sonny, làm nhục mặt cả cái miền Tây Virginia bằng cái sự ngu dốt chết tiệt của mình à.”

Tôi kéo cái gối xuống. “Thì tiếp tục nào,” tôi thờ dãi.

“Vậy mới được chứ!” cậu ấy hồ hởi. “Được rồi bạn già. Một câu hỏi dễ nhé. Định nghĩa lực đẩy riêng.”

“Lực đẩy riêng được tính bằng cách lấy độ lớn của lực đẩy được tạo ra bởi chất nổ đẩy (tính bằng pound) chia cho tỉ lệ tiêu hao.”

“Tính toán nó để làm gì?”

Tôi đáp một hơi. “Nó dùng để xác định hiệu suất của chất nổ đẩy. Sử dụng giá trị của lực đẩy riêng, ta có thể tính được vận tốc tên lửa đạt được và qua đó sẽ đánh giá được toàn bộ quá trình thực hiện.”

“Tốt lắm. Tiếp này, hệ số trọng lượng khí là gì?”

Tôi buông một tiếng thở dài rên rỉ, dán mắt lên trần nhà và tiếp tục trả lời. So với Quentin, chắc chắn Indianapolis là một việc ngon ơ.

XE BUÝT LỚN TRAILWAYS tại trạm Welch cho phép tôi chất thùng dụng cụ và mấy tấm bảng vào trong khoang chứa hành lý. Mấy đứa bạn, Mẹ, Bố, chú Caton, chú Ferro, chú Dubonnet, Melba June và cả thầy Turner đều ra tiễn tôi. Basil cũng có mặt, hí hoáy viết liên hồi. Tờ *Welch Daily News* đã vay mượn một ít từ bài viết của anh ấy về chúng tôi và về chiến thắng của cả nhóm tại hội chợ khoa học. Basil còn dự định lán át tờ báo lớn ấy bằng những tính từ chuyên biệt của anh.

Emily Sue cũng đến. Cô bạn bắt tôi mở vali cho xem bộ lễ phục màu xanh dương rồi vỗ vai tôi như một bạn trai và nói. “Tớ đoán rằng ít nhất thì cậu nhìn cũng bảnh bao.”

Trong một thoáng, tôi hồ như trông thấy cô Geneva Eggers đằng sau đám đông, nhưng khi cố nhìn lại cho rõ thì đã không còn bóng dáng của cô nữa. Dorothy cũng chẳng xuất hiện, đương nhiên rồi, và tôi cũng không mong đợi gì nàng. Melba June trao cho tôi một nụ hôn môi nồng thắm làm mặt tôi tím tái lại trước Mẹ vì ngượng. “Hãy chiến thắng nhé, dũng sĩ của em,” nàng cười hớn hở.

Ngay trước khi tôi bước lên xe buýt thì Jake đến trong chiếc Corvette quen thuộc làm tôi rất vui. Niềm vui còn được nhân lên khi tôi trông thấy cô Riley ngồi bên anh. Jake ra khỏi xe và vỗ vai tôi. “Anh nghe nói chú mày đã làm được nhiều cái hoành tráng phải không, Sonny. Anh phải quay về đây ngay để tiễn em đây. À, em biết quý cô này chứ hả?”

Tôi bước lại phía cô Riley. Cô mở cửa xe nhưng không tỏ vẻ có ý định muốn bước ra ngoài nên tôi liền quỳ gối xuống bên cạnh. Không biết có phải cô lại cảm thấy mệt lại rồi hay không. “Cho họ thấy người dân miền Tây có thể làm được những gì, Sonny nhé,” cô bảo rồi chìa tay ra cho tôi.

“Vâng, thưa cô!” tôi nắm lấy tay cô lắc nhẹ và hứa. Hai cô trò nhìn nhau, rồi cô ôm tôi vào lòng, ghi chặt.

Mẹ vỗ nhẹ lên cánh tay tôi tại cửa xe buýt. “Con ngoan của Mẹ,” bà bảo. Còn Bố chỉ bắt tay tôi và chẳng nói gì, thậm chí còn cúi kính khi thấy bóng dáng chú Dubonnet. Cả hai nói với nhau gì đó, ném những ánh mắt hận thù vào nhau khi xe buýt bắt đầu lăn bánh.

TÔI THẢ MÌNH VÀO GHẾ khi xe buýt bon bon lăn bánh trong màn đêm. Tôi ngủ gục như suốt chặng đường và chỉ mở mắt khi tia nắng đầu tiên rọi vào xe. Tôi giật mình khi không còn thấy xung quanh là những ngọn núi quen thuộc nữa mà thay vào đó là những dải đất trống trải dài mênh mông. Đến gần trưa thì tới thành phố, tôi lục tục lôi đồ đạc ra trong một góc ở Sảnh Hội chợ Indiana. Ở đây, tôi được chỉ định dựng quầy trưng bày ở góc ngoài rìa của hội chợ, chung khu với những đề án về lực đẩy khác. Ngay từ đầu, tôi đảo mắt sơ qua các quầy trưng bày khác và cảm thấy nhẹ nhõm khi nhận ra rằng chẳng có cái nào đạt được sự tinh tế như thiết kế của BCMA cả. Bên cạnh quầy của tôi là một anh bạn có cái cằm nhô với chiếc mũ cao bồi trên đầu, đến từ Lubbock. Cậu ấy có hai thiết kế, một trong số đó có

miệng tên lửa sử dụng thuật hàn chì, cái còn lại diễn tả cách phóng tên lửa bằng điện từ với nhiều bóng đèn màu nhỏ dọc theo chiều dài của bộ phóng, từ đó một trái bóng nhỏ được búng ra một khoảng cách khá xa. Chúng tôi nhanh chóng trở thành bạn của nhau. Tên cậu ấy là Orville nhưng thích được gọi là “Tex” hơn.

Tex cho tôi biết vài thông tin chẳng tốt lành tí nào: “Chúng ta chẳng thể thắng được giải nào ở đây đâu, Sonny ạ. Nhìn xung quanh đi. Giải thưởng sẽ thuộc về những đề án lớn và có nhiều sự đầu tư về tiền bạc.”

Lạc lõng giữa cái sảnh to lớn đông nghẹt người đi đi lại lại, tôi cảm thấy thật trơ trọi và bé nhỏ. Tôi cùng Tex đi thị sát các quầy trưng bày khác và nhận thức rõ những gì cậu ấy vừa nói. Đa số đều đồ sộ, phức tạp và hiển nhiên là toàn thứ đắt tiền. Một trong số đó có hai con khỉ được nhốt trong một bầu sinh quyển được cung cấp dưỡng khí từ cây xanh và có cả cơ cấu nuôi sống bằng viên thực phẩm nữa. Trước đây tôi chưa từng được thấy khỉ ngoài đời bao giờ, thế mà trong cái hội chợ khoa học này đã hiện diện những hai con. Đề án này được xưng danh CON ĐƯỜNG ĐẾN SAO HỎA. Tôi cảm thấy mụ mẫm cả người. Các chàng trai, cô gái chế tạo ra những đề án này sẽ là đối thủ của đám trẻ con của miền Tây Virginia chúng tôi ngoài đời sau này. Bất chợt, tôi cảm thấy tương lai của mình thật mờ mịt và những cái miệng tên lửa bóng loáng của tôi bỗng đứng trở nên thô kệch.

“Hầu hết những sản phẩm quái vật được trưng bày ở đây đều đến từ New York hay Massachusetts.” Tex nhún vai. “Tốn kém rất nhiều kinh phí, thêm vào đó mấy đứa chúng nó thật sự rất thông minh. Và vài yếu tố khác nữa. Ban giám khảo không thích đề án về hỏa tiễn đâu, vì họ nghĩ chúng quá nguy hiểm. Tớ biết rõ rằng khi tới đây, mình sẽ chẳng có cơ hội để chiến thắng bất cứ thứ gì đâu.”

“Vậy tại sao cậu lại tham dự?” tôi buột miệng hỏi. Giờ đây, tôi cảm thấy hy vọng được đặt chiếc cúp vào tủ trưng bày ở Big Creek đang dần dần bốc hơi đi mất.

“Vì nó rất thú vị. Rồi cậu sẽ thấy.”

Tex nói rất đúng, thật sự mọi thứ ở đây rất thú vị. Tôi cùng cậu ấy gây ấn tượng mạnh với những người lân la đến xem đề án của chúng tôi, miêu tả cho họ về công trình nghiên cứu học hỏi của mình và cảm giác thực tế khi phóng một quả tên lửa sẽ như thế nào. Tôi dùng tay của mình rất nhiều và còn tạo ra những âm thanh rõ to. Trông tôi giống như một diễn viên trên sân khấu và tôi thật sự thích thú với sự chú ý của mọi người, trừ khi họ bu lại quá gần thôi. Người dân miền Tây Virginia chúng tôi vẫn luôn cần một khoảng cách nhất định giữa mình và người lạ. Tôi lưu ý Tex rằng quầy trưng bày của bọn tôi luôn có nhiều người đến tham quan hơn những đề án to lớn, đắt đỏ kia. “Chắc chắn, chúng ta nổi tiếng rồi đấy.” Tex nói, “Nhưng điều đó chẳng gây ấn tượng tích cực gì cho ban giám khảo đâu.”

Ban giám khảo sẽ đến xem và chấm điểm vào ngày thứ tư của hội chợ. Vào đêm thứ hai, tất cả mọi người được thết đãi bữa ăn tối cực kì thịnh soạn và thu dọn đồ đạc cho gọn lại rồi về khách sạn. Tex và tôi đều đổi chỗ với người cùng phòng để được chia phòng với nhau. Bọn tôi cùng đi dạo quanh những con đường của Indianapolis, nơi này như một thủ đô rộng lớn, nườm nượp người và xe cộ tấp nập. Người dân ở đây rất thân thiện nhưng do quá đông nên tôi không cảm thấy thoải mái, ngay cả cái

khoảng không gian trống trải xung quanh này cũng vậy, chợt tôi nhận ra mình đang nhớ những vùng núi ở nhà biết bao. Ở miền Tây Virginia, chúng luôn sừng sững hiên ngang tạo thành một hàng rào vững chắc bao quanh thị trấn và người dân bên trong. Còn ở Indianapolis, mọi người có thể tới từ bất cứ nơi đâu và va vào bạn bất cứ lúc nào.

Tôi thổ lộ cảm giác của mình cho Tex nghe làm cậu ấy phì cười. “Anh bạn ạ, nếu cậu muốn hiểu rõ hơn cảm giác trống trải, bằng phẳng này thì phải đến Texas thôi.” Sau đó bọn tôi cùng kể cho nhau nghe nhiều hơn về quê nhà của mình, mọi việc dường như làm cho Tex lo lắng. “Cậu không phải đến đây để thi đua trong hội chợ này,” cậu ấy bảo. “Cậu đến đây để đem lại chiến thắng cho tất cả những người dân ở thị trấn nhỏ bé nơi quê nhà. Rồi cậu sẽ ra sao nếu trở về với hai bàn tay trắng?” Nói rồi cậu lắc đầu. “Ồi dzời ơi. Tớ phải suy nghĩ nhiều hơn về điều này rồi đây.”

Sáng hôm sau, Tex và tôi bắt xe buýt ra hội chợ để tiếp tục một ngày thú vị nữa của mình. Nhưng mọi việc xảy ra thật bất ngờ, tôi thấy mấy cái miệng, thân và chớp tên lửa của mình đã không cánh mà bay.

Tôi không thể nào hiểu nổi và cũng chẳng có kinh nghiệm gì để đối mặt với điều này. Làm sao mà chúng biến mất được nhỉ? Ai lại đánh cắp chúng và tại sao? Tex đến bên cạnh tôi. “Cậu không khóa đồ đạc lại à?”

“Tớ không nghĩ là mình phải làm vậy!” tôi la lên, giọng như lạc cả đi.

“Cậu từ đâu đến vậy, Sonny? À, phải rồi, miền Tây Virginia, tí nữa là tớ quên mất.” Nói rồi cậu ấy cho tôi xem cái thùng gỗ với cái khóa to đùng. “Ở đây là thành phố. Cậu phải khóa mọi thứ lại.” Cậu ấy vừa nói vừa nhìn tôi với ánh mắt đầy sự cảm thông. “Cậu phải thông báo việc này cho bảo vệ. Đi nào, để tớ dẫn cậu đi.”

Sau cùng, bọn tôi cũng tìm được người bảo vệ, ông nghe tôi tường thuật mọi chuyện rồi bảo rằng đêm qua có vài đứa vào đây, có lẽ bọn chúng đã khoắng đồ đạc của tôi. Tôi nghe rõ mồn một những gì ông ấy vừa nói nhưng chẳng thể tin vào tai mình. “Nhưng tại sao bọn nó phải làm vậy chứ?” tôi hỏi.

Người bảo vệ nhìn tôi. “Cháu đến từ đâu thế hả?”

“Miền Tây Virginia đây,” Tex đáp như một lời giải thích, và hình như nó có tác dụng hoàn toàn.

Tôi trở về quầy trưng bày trong nỗi thất vọng tràn trề. Tôi vẫn còn đây những tấm ảnh của mấy đứa khác, cô Riley, lớp vật lý, xưởng kim khí điện máy, chú Bykovski, chú Ferro, chú Caton, tất cả những người thợ máy, nhà than, nhà tôi, phòng thí nghiệm dưới hầm với Daisy Mae đang nằm trên nắp máy giặt, và tất cả những giấy tờ tính toán cho miệng tên lửa, tấm hình có chữ ký của von Braun. Tôi cũng còn đây miếng nhung đen của O’Dell và những tấm giấy 3x5cm của Roy Lee. Nhưng miệng, thân, chớp tên lửa đã biến mất hết thì còn ý nghĩa gì cơ chứ. Khi ban giám khảo đến chấm điểm, tôi chẳng có gì cho họ xem cả. Tex đang bận rộn dựng quầy trưng bày. Nhiều người bắt đầu vào tham quan. Còn tôi thì chỉ biết đứng như trời trồng. Tất cả những gì đã xảy ra - hỏa tiễn của bọn tôi, chú Bykovski, Cape Coalwood, tích phân, cả Daisy Mae xấu số nữa - đều chỉ trông đợi vào lần phán quyết này, vậy mà

bây giờ... Mặc dù biết rằng mình chẳng thể thắng nhưng những cảm giác kinh khủng từ chuỗi hình ảnh cứ dồn dập kéo tới làm mọi việc trở nên tồi tệ hơn bao giờ hết. “Tex, tớ phải làm gì bây giờ?” tôi la lên.

Text dừng tay và đến bên cạnh tôi. Cậu ấy cời chiếc mũ cao bồi ra rồi gãi đầu. “Thị trấn nhỏ bé đó của cậu có điện thoại chứ hả?”

Tôi chưa bao giờ gọi điện thoại đường dài lần nào trong đời cả. Tex dẫn tôi đến trạm điện thoại, tôi bấm số 0 rồi đọc số điện thoại nhà cho tổng đài. Và đây là một cú điện thoại do người nghe trả tiền. Mẹ nhắc máy và rồi tôi kể hết mọi việc cho bà. Bà không thốt lên được một lời nào. “Mẹ à, con phải có lại mấy dụng cụ hỏa tiễn. Mẹ có thể nhờ Bố hay ai đó giúp không?”

Một sự im lặng bao trùm đầu dây bên kia. “Sonny à, cuộc biểu tình đã trở nên tồi tệ hơn nhiều trong tuần này rồi. Vài người của Liên minh Công nhân đánh đuổi mấy người đốc công ra khỏi khu mỏ vào hôm qua. Bây giờ Tag phải lên nhà than để canh gác. Còn Bố con thì suốt ngày dọa sẽ đâm vỡ mũi John Dubonnet. Mẹ nghe ông ấy nói với Clyde rằng có thể sẽ nhờ đến cảnh sát liên bang nữa cơ.”

Tôi lại càng thêm thất vọng. “Mẹ ạ, con thật sự cần giúp đỡ.”

Bà thở dài. “Mẹ sẽ cố hết sức mình.”

Đột nhiên tôi cảm thấy mình thật ngu ngốc và ích kỉ. Trong khi Mẹ cho tôi biết thị trấn đang loạn cả lên, Bố và chú Dubonnet sắp thượng cẳng tay hạ cẳng chân và có thể cảnh sát liên bang sẽ xuất hiện nữa, thế mà tôi còn ở đây lằng nhằng về mấy dụng cụ hỏa tiễn của mình. “Mẹ à,” tôi nói, cố gắng kìm nén lại phần hồn đang muốn gào thét, khóc than và van nài của mình lại, “không sao đâu. Thật sự đây Mẹ ạ. Con xin lỗi vì đã gọi điện như thế này.”

“Không, không đâu Sonny,” bà trấn an. “Con gọi là đúng rồi. Mẹ sẽ cố xem mình có thể làm gì, nhưng Mẹ không thể hứa chắc gì cả, con hiểu không?”

Tôi gác máy rồi quay trở lại quầy trưng bày của mình. Nhiều người nhìn theo tôi rồi tiếp tục qua xem tác phẩm của thí sinh khác. Tôi tìm thấy một cái thùng và ngồi ngay lên đó. Dù sao đi nữa, tôi nghĩ Tex cũng đúng thôi. Chẳng ai trong khu vực lực đẩy này có thể thắng một giải thưởng nào đâu. Vì vậy có lẽ tôi nên trở về nhà và chấp nhận lời nhận xét của mạng lưới thông tin hàng rào rằng mình chỉ là thằng thùng rỗng kêu to giống như những gì Bố đã từng nghe bấy nhiêu năm nay.

Đêm đó, Tex nghe điện thoại của khách sạn và gọi tôi. Ra là Mẹ gọi. “Con có thể ra trạm xe buýt Trailways ở Indianapolis vào lúc 8 giờ sáng mai không?”

Tim tôi như ngừng đập. “Có lẽ được.”

“Sẽ có một cái thùng được gửi cho con đấy.”

“Chuyện gì xảy ra vậy Mẹ?”

Bà cười nhưng tôi chẳng thấy tia hy vọng nào từ đó cả. “Sonny à, con hãy kiên nhẫn đợi đi.”

Sáng hôm sau, tôi vận bộ lễ phục màu xanh dương và chiếc cà vạt lòe loẹt vào rồi bắt chiếc xe taxi đầu tiên trong đời mình. Sau khi nhận lấy chiếc thùng gỗ để tên mình tại trạm xe buýt, tôi hối thúc tài xế taxi và chúng tôi phóng như điên trên những con đường như đang ở Indianapolis 500. Xe thẳng gấp ngay trung tâm hội chợ, và rồi người tài xế giúp tôi khuân chiếc hộp vào quầy trưng bày. Tex sang giúp đỡ tôi sắp xếp mọi thứ. Khi tôi thò tay vào túi rút tiền trả taxi, người tài xế nhìn mấy tấm hình rồi lắc đầu. “Chú cũng là dân miền Tây Virginia,” chú bảo. “Cháu chẳng nợ chú xu nào cả ngoài việc phải thi đấu cho thật tốt nhé!”

“Có bất ngờ cho cậu này, Sonny ơi,” Tex bảo, mắt cậu ấy xoe tròn khi thấy chiếc cà vạt của tôi. “Tớ đã nói chuyện với ủy ban phụ trách hội chợ này.” Cậu ấy hất đầu về phía mọi thí sinh nam nữ trong khu trưng bày lực đẩy và họ cũng cười toe toét đáp lại. “Tất cả bọn tớ đã làm việc này trong khi cậu đang lo lắng về mấy dụng cụ của cậu. Bọn tớ dọa họ rằng nếu như bọn mình không được chấm điểm một cách công bằng thì chúng ta sẽ phản kháng, giương băng hiệu và diễu hành xung quanh như sinh viên ở châu Âu và Nhật Bản từng làm. Họ đã thực sự hoảng sợ và đồng ý tách khu lực đẩy ra một nhóm nhỏ riêng biệt và được quan tâm ngang bằng với những lĩnh vực khác.”

Tôi rất bất ngờ về điều này. “Tex, tớ hy vọng cậu có thể đoạt giải!” tôi buột miệng và thật ngạc nhiên rằng tôi thật sự mong mỏi như vậy.

Tex nhìn mấy cái miệng, chớp và thân tên lửa của tôi. “Tác phẩm của cậu là đại diện hoàn hảo cho cả bọn đây, Sonny. Cố lên nhé.” Cậu ấy ngừng lại một lúc. “Quý thần ơi, tớ thích cái cà vạt này quá. Cậu mua ở đâu vậy?”

Không đầy một giờ sau, một toán người rảo bước vào khu của chúng tôi. Họ chính là ban giám khảo. Một trong số họ còn trẻ tuổi và giọng nói mang âm hưởng tiếng Đức. Tôi thực sự sững sốt khi biết anh đang làm việc trong nhóm của von Braun. “Ý anh là anh thật sự biết Wernher von Braun?” tôi há hốc miệng. Không thể tưởng tượng được, tôi cảm thấy như mình đang được phỏng vấn bởi Thánh Paul hay một ai đó vừa bước ra từ trong Kinh Thánh.

Anh ấy tươi cười. “Anh làm việc với ông ấy mỗi ngày mà.” Sau đó anh bắt đầu đưa ra những câu hỏi hóc búa. Nhưng tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng nên những câu trả lời cứ thế mà tuôn ra ào ạt. Sự giải thích về định nghĩa của lực đẩy riêng và tỉ số khối lượng có vẻ như làm anh ấy đặc biệt ấn tượng.

Sau khi những vị giám khảo khác chất vấn tôi xong, anh quay sang hỏi tôi: “Em biết Tiên sĩ von Braun cũng có mặt hôm nay phải không?”

Tôi lại há hốc miệng ra. “Không thưa anh! Ở đâu ạ?”

Anh khoát tay ánh chừng về phía trung tâm của thính phòng. “Lần cuối cùng anh thấy ông ấy là ở khu

trung bày sinh vật học.”

“Tex, cậu trông đồ giúp tớ nhé?”

Tex cười vang. “Dĩ nhiên rồi. Xin cho tớ một chữ ký nhé!”

Tôi chạy đi tìm để tận mắt chứng kiến người đàn ông vĩ đại đó. Tôi lang thang qua các lối đi chính, lạc đường và hỏi han xung quanh xem có ai thấy Tiến sĩ von Braun hay không. Lần nào cũng vậy, hình như là tôi luôn lỡ dịp gặp ông. Một giờ sau, tôi chịu thua, không tìm nữa và trở lại quầy trưng bày của mình. Tex buồn bã đón tôi. “Bạn hiền ạ, thật tiếc phải cho cậu biết rằng ông ấy vừa ghé ngang đây. Ông đã chính tay cầm cái miệng tên lửa đó lên, Sonny ạ.” Tex chỉ vào miệng tên lửa được chú Caton chế tác lại. “Ông ấy nói đây là một thiết kế tuyệt hảo và mong ước được gặp mặt cậu bé chế tạo ra nó.”

Tôi vội vàng lao về phía Tex chỉ nhưng hình như Tiến sĩ von Braun đã rời khỏi đây rồi. Thất vọng nãy nê, tôi trở về và biết mình vừa đánh mất một cuộc viếng thăm khác. Lần này là mấy vị giám khảo đến trao bằng khen và hai chiếc huy chương bạc và vàng. Tex vỗ lưng tôi sung sướng. Cậu ấy được giải nhì nhưng chẳng hề gì, điều quan trọng là cả hai chúng tôi đều chiến thắng. Tôi liền làm một cuộc điện thoại đường dài thứ hai ngay sau đó.

TÔI BƯỚC RA KHỎI XE BUÝT ở Bluefield trong một biển người với những khuôn mặt quen thuộc, tràng pháo tay và những tiếng hò reo. Tất cả mọi người đều trầm trồ chiếc huy chương bất ngờ tôi vừa đạt được. Việc đầu tiên tôi biết là “Cuộc biểu tình đã chấm dứt!” từ chú Caton. Trước khi tôi kịp hỏi chuyện gì đã xảy ra và mấy dụng cụ tên lửa gửi lên sau được chế tạo như thế nào thì Roy Lee kéo tôi ra một bên. “Sonny, cô Riley đang nằm bệnh viện.”

Mẹ đến bên tôi, còn Bố thì đã chờ sẵn trong chiếc Buick. Chú Dubonnet và chú Caton giúp chất đồ đạc vào thùng xe. “Đi theo mấy đứa bạn đi,” bà bảo. “Rồi Mẹ sẽ kể mọi chuyện cho con nghe sau.”

QUENTIN, ROY LEE, SHERMAN, O'DELL, BILLY VÀ TÔI lặng lẽ lướt qua những dãy hành lang im ắng, sạch sẽ của Bệnh viện Stevens của Welch. Chúng tôi tìm thấy Jake đang ngồi cạnh giường cô Riley. Cô đang được đỡ ngồi dậy, phờ phạc và phải gấn ống truyền dịch trên tay. “Chào các em,” cô thì thào với bọn tôi. “Sonny. Trở về từ hội chợ rồi à? Kết quả ra sao?”

Tôi đưa cô xem chiếc huy chương. “Em thành công rồi,” cô nói. “Cô luôn biết là em sẽ làm được mà.” Rồi cô cố gượng cười với mỗi đứa trong bọn tôi. “Cô thật vinh hạnh vì được dạy dỗ các em.”

“Cô Riley -” tôi chợt nhận ra rằng yêu quý cô đến nhường nào, và từ trước đến nay tôi chưa từng biết ai tốt như cô và chắc sẽ chẳng còn gặp được người nào như vậy nữa.

“Cho cô cầm cái huy chương được không?” cô hỏi.

“Nó là của cô mà,” rốt cuộc tôi cũng mở miệng được. “Chúng em không thể đạt được nó nếu không có cô.” Rồi tôi ấn nó vào chiếc gối cô đang nằm.

Cô xoay khuôn mặt xinh xắn của mình sang ngắm nhìn nó. “Cô chỉ tìm cho em cuốn sách thôi mà -”

“Cô đã làm rất nhiều thứ khác nữa chứ ạ!” tôi cố gắng thốt lên nhưng vẫn nghẹn lời. Trong lòng tôi đang nóng như lửa đốt. Tại sao Chúa lại để cô bệnh cơ chứ? Lòng nhân ái của Chúa mà Cha Lanier và Cha Richard Bé Nhỏ thường nhắc đến đâu mất rồi? Chẳng lẽ đây là một ví dụ, đánh gục một cô gái trẻ với ước muốn duy nhất trong đời mình là dạy dỗ đàn em thân yêu hay sao?

Khi cô nhắm mắt lại như muốn thiếp đi, tôi nhìn sang Jake. Anh lắc đầu rồi dẫn bọn tôi ra ngoài. “Cô ấy chỉ ngủ thôi. Họ chích nhiều thuốc cho cô ấy lắm.”

“Cô ấy có chết không?” tôi hỏi nhỏ đến nỗi không thể nghe thấy. Thật khó khăn để thốt lên những lời này.

Anh ấy không trực tiếp trả lời câu hỏi của tôi. “Cô ấy sẽ quay trở lại dạy học sau khi được bác sĩ chữa trị. Và chiếc huy chương của em sẽ ủng hộ cho cô ấy rất nhiều đấy, anh tin là như vậy.”

Jake dẫn bọn tôi ra xe Roy Lee. Anh tách tôi ra. “Đừng làm hỏng những thành quả em vừa đạt được, phải tự hào lên chứ,” anh bảo.

Tôi lắc đầu. “Jake, nó chẳng có nghĩa gì cả.”

Jake đút tay vào túi, thở dài rồi nhìn về phía rặng núi. “Anh không phải là kẻ ngoan đạo, Sonny ạ. Nếu em muốn nghe những câu tục ngữ hay cách ngôn thì hãy đến nhà thờ mà nghe. Nhưng anh tin rằng mỗi người đều có một số phận - em, anh và cả Freida nữa. Tức giận hay trách móc Chúa chẳng giúp ích gì được đâu. Mọi thứ đã được an bài rồi. Em phải tập chấp nhận nó đi nhé!”

“Phải anh không vậy, Jake?” tôi hỏi anh, giọng đầy khinh miệt. “Anh chấp nhận mọi thứ như vậy à? Đó là lý do mà anh say sưa sao?”

Anh nhìn thẳng vào mặt tôi. “Đôi lúc anh uống rượu để không phải suy nghĩ nữa,” anh đáp. “Những lúc khác chỉ vì nó tạo ra cảm giác lâng lâng tuyệt vời. Chẳng có gì sai cả, em biết mà - cảm giác tuyệt vời. Đôi lúc em nên uống một ít, sẽ giúp cho em thư giãn đấy.”

Lòng tôi chùng hẫ xuống. “Anh biết không, em sẵn sàng hi sinh cánh tay phải của mình chỉ để được sống một cuộc sống như anh, được hưởng mọi khoái lạc của cuộc đời.”

“Anh biết em có khát vọng sống mãnh liệt, Sonny ạ. Mọi thứ đều thể hiện rất rõ trong em.” Anh nhìn ra xung quanh. “Mấy ngọn núi cũ kỹ này có thể làm chùn bước bất cứ ai. Một khi em rời xa được chúng... thì cả chân trời mới sẽ chờ đón em ngoài kia. Em sẽ thấy được điều đó thôi.”

Tôi nghĩ về những gì anh vừa nói, những gì đang đợi tôi phía trước. Thật lòng tôi chẳng muốn nói nhưng dường như lời lẽ cứ bật ra. “Em thật sự sợ tương lai, anh Jake ạ.”

Jake quay sang tôi nhưng, tỏ vẻ ngần ngại. Anh đã ở miền Tây Virginia một thời gian dài, đủ để cái tính phớt lờ nơi đây phủ đầy lên anh. Sau đó, anh chợt bật cười rồi choàng tay sang ôm tôi vào lòng. “Bạn già ạ, ai trong chúng ta cũng đều sợ *điều đó* cả.”

Niềm sung sướng trào dâng, tôi tựa hẳn vào người anh và kí ức xa xưa của những tối thứ bảy lúc Bố còn cõng tôi lên cầu thang chợt tràn về.

26. TẤT CẢ HỆ THỐNG ĐỀU HOẠT ĐỘNG

Auk XXVI - XXXI

NGÀY 4 THÁNG 6, 1960

Mất một khoảng thời gian tìm hiểu, rốt cuộc tôi cũng nối được tất cả những mảnh thông tin lại với nhau để thấu hiểu diễn biến ở Coalwood sau khi dụng cụ tên lửa của tôi bị mất cắp. Mấy đứa kia kể tôi nghe một kiểu, chú Caton cũng kể phần mà chú biết, và tất cả chi tiết còn lại tôi được nghe từ Mẹ. Trong khoảng chưa tới một giờ đồng hồ, mạng lưới thông tin hàng rào đã báo cho cả thị trấn biết rằng tôi đang gặp rắc rối. Chú Caton hỏi hạ xuống xưởng kim khí điện máy ngay, nhưng cả hàng người của Liên minh Công nhân, trong đó có chú Dubonnet, quyết liệt ngăn cản. Mặc dù Bố đã bảo rằng tốt nhất là đừng làm gì cả nhưng Mẹ vẫn bắt buộc ông chở bà xuống xưởng kim khí điện máy. Khi thấy chú Dubonnet, ông bước ra khỏi chiếc Buick và đấu khẩu tay đôi ngay. Roy Lee bảo có vẻ như họ rốt cuộc đã hẹn gặp được ở nơi lý tưởng nhất, lúc đó, chẳng còn gì ngăn cản họ cả.

Mẹ bảo rằng đã để mặc cho họ ra tay, nhưng chú Caton liền chen vào giữa phân trần, “Nhìn này, anh sẽ không thể tìm được một thành viên Liên minh Công nhân nào tốt hơn tôi đâu và tôi biết rằng giữa chúng ta cũng chẳng có kí kết gì, nhưng bây giờ mình phải cùng nhau giúp thằng bé ấy. Nó đang bơ vơ một mình nơi đất khách và nó đang đại diện cho cả Coalwood này đây.”

Đó cũng là lúc ông Bundini xuất hiện trên chiếc xe jeep và bảo mọi người giãn ra. O’Dell kể rằng ông Bundini cười toe toét, đến vỗ vai chú Dubonnet rồi nói. “Chúng ta trò chuyện một lát nhé, John?”

“Ôi, Bố con tức điên lên ấy chứ,” Mẹ nói, nhíu mày khi mừng rỡ lại câu chuyện. “Nhưng Martin Bundini để mặc ông ấy đứng đó rồi khoác vai John đi ra chỗ khác. Ông ấy giận quá nên bắt đầu ho, và càng ho thì ông càng điên tiết hơn.”

Roy Lee nghe được hầu hết những thông tin của Liên minh Công nhân từ anh trai của cậu ấy kể, chú Dubonnet bảo ông Bundini rằng chẳng có gì để bàn bạc cả, và mọi người sẽ trở lại làm việc ngay sau khi tám bảng quản lý của Liên minh Công nhân được treo lên, trên đó sẽ nêu rõ danh sách của những ai bị sa thải.

“Đó không phải là tất cả những gì ông ấy muốn,” Sherman nhún vai rồi nói cho tôi nghe những gì từ phía ban quản lý mà bố cậu ấy kể lại. “Ông ấy còn muốn tất cả những công nhân từng bị sa thải lần trước được làm việc lại, vì việc đó là sai hoàn toàn.”

“Ừ, đó là tất cả những gì John muốn,” Mẹ thuật lại cho tôi nghe. “Nhưng John rất thông minh. Ông ta còn muốn một thứ khác, một thứ riêng rẽ từ Bố con. Bố con cũng rất thông minh và đoán được trước rồi.”

“Ông Bundini được ngưỡng mộ,” Sherman cười. “Ông đã hoàn thành xuất sắc vai trò của người giảng hòa. Nhưng ông cũng chẳng nói cho Liên minh Công nhân tất cả những gì ông ấy biết.”

“Để xem tôi có hoàn toàn hiểu ý anh không nhé, John,” Mẹ nhại theo giọng Yankee của ông Bundini. “Công ty vẫn cho biết số lượng công nhân bị sa thải. Sau đó cái bảng này sẽ quyết định những người đó là ai, tùy theo thâm niên và luật lệ của Liên minh Công nhân. Phải không nào? Và cũng phải mướn lại những người khác nữa?”

Roy Lee đảo mắt một vòng. “Sau cùng thì bố cậu cũng ngừng ho, rồi chộp lấy ông Bundini và bắt đầu to tiếng. ‘Đừng chấp thuận, Martin!’ Ông hét toáng lên trong khi chú Dubonnet cười ngặt nghẽo. Chú ấy biết rằng mình đã nắm chắc chiến thắng trong tay rồi.”

Tôi bực mình, vì mấy quả hỏa tiễn của mình mà Bố phải đầu hàng Liên minh Công nhân như vậy. “Con đừng lo về điều này, Sonny ạ.” Mẹ bảo. “Lần này ông ấy cần phải chịu thua thôi.”

“Ông Bundini kéo bố cậu sang một bên rồi bắt đầu thì thầm to nhỏ,” Roy Lee kể. “Bố cậu lắc đầu nguầy nguậy trong khi ông Bundini thì gật đầu lia lịa.”

“Hóa ra là mấy người chủ ở Ohio đã kí được thỏa thuận lớn với hãng General Motors. Họ cần gấp một lượng than lớn. Công nhân từng yêu cầu được cơm no áo ấm và lần này công ty có thể đáp ứng cho họ. Bố con bị mắc kẹt ở giữa.” Mẹ thở dài.

Mắt O’Dell mở to vẻ hào hứng. “Sau đó chú Dubonnet hét toáng lên cho mọi người nghe thấy, ‘Homer đã chịu kí tên lần này rồi!’”

Mẹ bảo: “Ôi, Bố con phùng lên như lửa đốt! ‘Ông quên đi nhé, John!’ ông tru tréo. ‘Tôi chẳng có kí kết gì ở đây cả!’”

“Chú Dubonnet đã chuẩn bị sẵn mọi biên bản thỏa thuận,” Billy nói với tôi. “Chú ấy lấy chiếc bìa somi kẹp rách, lôi ra một tờ giấy rồi chĩa thẳng vào mũi bố cậu.”

Mẹ lắc đầu. “John bảo Bố con, ‘Tôi không đưa ra thỏa thuận gì với ông cả, Homer, nhưng vì Chúa, tôi tin ông. Công ty kí kết bất cứ thứ gì nhưng sau đó sẽ muốn làm gì thì làm. Nhưng nếu như ông kí tên, tôi biết rằng nếu như công ty giở trò thì ông sẽ nghỉ việc ngay. Ông phải kí đi, nếu không thì sẽ chẳng có thỏa hiệp nào ở đây cả.’”

“Ông Bundini kí tên ngay,” Roy Lee bảo. “Rồi ông bảo bố cậu kí luôn.”

Mẹ đang đứng trên thang và vẽ thêm một con mòng biển. Theo đà này thì cả bầu trời của bà sẽ đầy nghẹt chim trước khi kể xong chuyện. “Mẹ bảo Bố con hãy cứ kí tên đi. Rốt cuộc thì có khác gì đâu? Rồi chúng ta cũng chuyển tới bãi biển Myrtle mà, phải không?”

Bà buông cò, bước xuống thang rồi cẩn thận ngắm nhìn tác phẩm của mình. “Ánh mắt của ông ấy đã nói tất cả những gì mẹ muốn biết. Mẹ bảo Bố, “Ôi, Homer ơi, lẽ ra em phải đoán được điều này chứ””

“Sau đó, hầu như tất cả mọi người ở Coalwood đều đứng bao quanh xưởng kim khí điện máy,” O’Dell kể, mắt cậu ấy mở to hơn khi hồi tưởng lại câu chuyện. “Vài bà thậm chí còn đem ghế thường dùng để chơi bài ra ngồi xem. Mọi chuyện diễn ra như phim vậy.”

“Elsie, nếu anh kí cái này thì nó là cam kết của anh. Anh sẽ phải ở lại đây.” Mẹ lắc đầu, nhìn ra vườn hồng và dãy hàng rào dày như cột điện thoại. Đó là những gì ông ấy nói. Mẹ nhìn ra mọi người xung quanh, rồi đến mấy đứa bạn con, và rồi đến mấy ngọn núi già cổ điển đáng chán. Ôi dào, mẹ còn nói được gì hơn, nhưng những gì mẹ làm là cho con mà? Mẹ bảo: “Kí đi, Homer”.”

“Con xin lỗi Mẹ,” tôi nói thật lòng.

Bà nhìn tôi với ánh mắt ngờ vực. “Bố con hỏi mẹ có chịu ở lại với ông ấy không. Mẹ đáp nếu như mẹ làm vậy thì ông thật sự cũng không xứng đáng đâu. Rồi con biết Bố nói gì không?”

“Không, thưa Mẹ.”

“Ông ấy bảo đúng là như vậy.” Bà tự rót cho mình một tách cà phê rồi tiến đến quệt một ít màu nâu lên quả dưa. “Làm sao một người phụ nữ có thể bỏ đi khi người đàn ông thừa nhận rằng ông ấy không xứng đáng với mình cơ chứ?”

Roy Lee nhún vai. “Và rồi mọi việc được an bài. Bố cậu kí tên, sau đó chú Caton lao vào trong xưởng bắt đầu làm việc. Bọn tớ chạy vào dọn dẹp trong khi chú ấy cùng đồng nghiệp thực hiện công việc. Nhiều người ra vào liên tục giúp đẩy nhanh tiến độ. O’Dell đã đóng cho cậu vài cái thùng mới, còn tớ thì phóng như bay để kịp đưa nó đến trạm Trailways cho cậu. Khi cậu gọi điện về báo tin chiến thắng, tớ thì là lúc đó cả thị trấn cùng reo mừng. Cậu có thể nghe tiếng họ âm vang khắp thung lũng đấy.”

Tôi lắng nghe mọi phiên bản của câu chuyện từ mọi người và đều đáp lại một câu từ đáy lòng mình. “Ước gì mình có thể được chứng kiến tận mắt nhỉ.” Trong lịch sử của Coalwood từ trước đến nay, tôi nghĩ đó chính là giây phút tuyệt vời nhất, mặc dù Bố tôi phải đầu hàng Liên minh Công nhân, và Mẹ thì phải ở lại vùng núi này một thời gian nữa. Quả Jake nói không sai. Cuộc đời đã được định sẵn. Nếu như ai có đủ quyết tâm phá vỡ nó thì có thể vòng sang lối khác trong một khoảnh khắc nào đó, nhưng sau cùng cũng sẽ phải trở về nơi Chúa đã ấn định mà thôi.

CUỐI CÙNG LỄ TỐT NGHIỆP CŨNG ĐÃ ĐẾN, học sinh niên khóa 1960 của trường trung học Big Creek hân hoan bước xuống lối đi giữa hai dãy ghế trong phòng thể dục để nhận bằng, nam sinh trong áo choàng xanh, còn nữ sinh thì trong áo dài trắng. Dorothy là đại biểu học sinh đọc diễn văn từ biệt trong lễ tốt nghiệp năm ấy. Quentin, với điểm B, xếp hạng nhì về học lực được đọc lời phát biểu khai mạc lễ tốt nghiệp. Sau đó là Billy, Sherman và O’Dell nằm trong top 10 học sinh xuất sắc nhất. Còn tôi và Roy Lee thì nằm trong nhóm học sinh còn lại.

Dorothy đọc lời phát biểu. Tôi cứ ngỡ nguây không yên khi nàng rời mắt khỏi những lời bình luận được chuẩn bị sẵn và dường như đang nhìn thẳng vào tôi. Nàng nói, “Tôi biết rằng mỗi người trong chúng ta đều quan tâm đến những gì xảy ra cho bạn bè cùng lớp. Chúng ta đã rất may mắn khi được học cùng nhau với bao kỉ niệm đẹp qua những tháng năm dưới mái trường Big Creek này. Tôi sẽ không bao giờ quên... các bạn.” Sau đó nàng quay lại với bài diễn văn một cách bình thường, để lại tôi bồn chồn tâm can.

Khi thầy Turner trao bằng cho tôi, thầy giữ tôi lại thủ thủ vài lời. “Em đã mang lại niềm vinh hạnh lớn lao cho ngôi trường này. Quả không tệ đối với một người chế tạo bom như em.” Thầy bảo.

Sau đó thầy đặt huy chương Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc của tôi vào tủ trưng bày của trường, nó lấp lánh song hành cùng những chiếc cúp bóng bầu dục và tấm bằng chứng nhận:

NGHIÊN CỨU VỀ KỸ THUẬT TÊN LỬA NGHIỆP DƯ

HOMER H. HICKAM, JR.

TRƯỜNG TRUNG HỌC BIG CREEK

WAR, MIỀN TÂY VIRGINIA

GIẢI VÀNG VÀ BẠC

NĂM 1960

Tất cả nam và nữ sinh của Big Creek trở về ghé ngồi, trên tay là những tấm bằng tốt nghiệp. Chúng tôi nhìn nhau, hân hoan trong niềm vui sướng và cả sự hụt hẫng vô vàn trong tim. Dorothy rời khỏi buổi lễ trước khi tôi kịp nói với nàng một lời nào. Đêm đó tôi dẫn Melba June cùng dự buổi khiêu vũ tốt nghiệp. Dorothy cũng không xuất hiện. Và rồi tôi cũng không gặp lại nàng trong suốt 25 năm.

SAU LỄ TỐT NGHIỆP, BCMA tụ tập lại trong phòng tôi. Trong một thế giới đã tốt đẹp hơn, có lẽ mọi thứ sẽ được giải quyết như Quentin từng mong muốn và tất cả bọn tôi sẽ được nhận học bổng sau những thành tích của mình. Nhưng điều đó đã không xảy ra. Thay vào đó, O’Dell, Billy, và Roy Lee nhận lời đề nghị gia nhập Không Quân. Ngay sau khi tốt nghiệp, họ cùng nhau đến Căn cứ Không Quân Lackland tham gia khóa huấn luyện cơ bản, sau đó họ sẽ có thể sử dụng trợ cấp của quân đội để chi trả cho việc học đại học. Sherman bảo bố mẹ cậu cũng đã dành dụm được một ít tiền cho cậu ấy vào Đại học Kỹ Thuật miền Tây Virginia, và cậu ấy sẽ kiếm nốt phần tiền còn lại. Tôi quyết định sử dụng “học bổng” của Elsie Hickam. Tôi cũng vẫn phân vân không biết nên chọn trường đại học nào, có lẽ là chương trình đào tạo kỹ sư ở Học viện Bách Khoa Virginia. Quentin cũng không được nhận học bổng,

nhưng cậu ấy bảo nếu như những cậu bé ở miền Tây Virginia, tỉnh McDowell có thể đoạt giải trong Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc thì cậu ấy cũng sẽ tìm được cách vào đại học cho dù không một xu dính túi. Cuối cùng cậu ấy quyết định đăng kí vào Đại học Marshall ở Huntington, miền Tây Virginia. Lúc đầu cậu ấy cũng không biết kiếm đâu ra tiền để đóng học phí, nhưng khi lên đến đó thì đã tìm được cách giải quyết. Dù sao đi nữa, tôi biết rằng cậu ấy sẽ ổn thôi.

Chỉ còn một việc cho BCMA quyết định là phải làm gì với 6 quả tên lửa mà tôi đem về từ Indianapolis. Sherman đề nghị bọn tôi chia đều ra rồi giữ làm kỉ vật, nhưng Quentin phản đối. “Sonny, tớ có ý này,” cậu ấy nói. “Chúng mình thổi đầy khí heli vào quả bóng bay lớn, cột chiếc hỏa tiễn tốt nhất vào đó, thả cho nó bay lên khoảng 10 dặm, sau đó cho nó phóng lên. Tớ đã tính toán rồi, chúng ta có thể cho nó ra ngoài không gian đấy.”

O’Dell lại có ý kiến khác. “Hãy dành ra một ngày trọng đại và phóng tất cả bọn chúng từ sáng đến tối. Bọn mình sẽ ra thông cáo, nhờ Basil viết báo và làm cho nó thật long trọng.”

“Đó sẽ là một ngày để gửi sự tri ân đến với tất cả mọi người,” Roy Lee bảo.

Sherman và Billy đều tán thành.

Quentin ngồi phịch xuống cạnh giường. “Lẽ ra bọn mình có thể thực hiện được điều này rồi. Có thể ra ngoài không gian đấy.” Cậu ấy buồn bã nói.

“Thôi nào Quentin, bọn mình cho nó bay lên khỏi mặt đất đã là kì diệu lắm rồi,” Roy Lee cười ngạo nghễ. “Hãy làm như vậy đi rồi ra khỏi cái thị trấn này khi bọn mình còn có thể.”

CHÚNG TÔI DÁN THÔNG CÁO tại Big Creek và bưu điện lần cuối cùng. Giữa một rừng quảng cáo thịt gà và sữa tươi trong tờ báo của mình, Basil đã làm chúng tôi thật sự nở mày nở mặt:

Đây là khoảnh khắc sẽ đi vào lịch sử của tỉnh McDowell. Vào ngày 4 tháng 6 năm 1960, Tổ chức Tên lửa Big Creek, vừa nhận được huy chương chiến thắng tại Hội Chợ Khoa Học Toàn Quốc, sẽ tổ chức một buổi phóng tên lửa ở Cape Coalwood. Bất cứ ai đọc được thông cáo này đều được mời tham dự. Xin báo cho bạn biết: Người viết cũng sẽ có mặt cùng với tất cả bạn bè của mình. Chẳng có gì tuyệt vời hơn viễn cảnh quả tên lửa bóng loáng ánh bạc phóng vút lên từ bệ phóng đen nhánh, lấp lánh ở bãi than cám, rít lên trong không trung trên nền những dãy núi xanh um, xé toang bầu trời bằng tiếng gầm rú vang dội và kéo theo cả cột khói mịt mù. Có lẽ đây sẽ là cơ hội cuối cùng mà chúng ta có thể chứng kiến được cảnh tượng hoành tráng, hào hùng đó...

Phòng thí nghiệm dưới tầng hầm nhà tôi nồng nặc mùi zincoshine với 6 chiếc hỏa tiễn được nhồi cùng một lúc. Tất cả mấy đứa trong nhóm đều đến phụ, và mùi hương ngào ngạt tỏa ra từ thứ nước còn ngọt của John Eye còn sót lại làm bọn tôi cười khúc khích.

Tôi thức dậy rất sớm vào sáng thứ bảy trong tháng 6 năm ấy, là ngày phóng tên lửa cuối cùng. Tôi đến bên cửa sổ như thường lệ, nhìn ra những ngọn núi và con đường chạy ngang qua khu mỏ. Tôi nửa như trông chờ dòng công nhân quen thuộc ra vào nhà than, có Bố tôi đứng lẫn trong bọn họ với báo cáo trong tay, khích lệ và chỉ đạo họ, nhưng giờ đây chẳng có một ai. Mặc dù có đơn hàng khai thác than mới nhưng khu mỏ vẫn không trở lại lịch làm việc suốt tuần như trước đây. Lúc đó tôi chợt nghe thấy tiếng cửa sau nhà quen thuộc mở ra rồi đóng lại, chỉ có Bố một mình men theo con đường lên khu mỏ. Ông bước rất nhanh, đầu cúi gằm xuống, cứ như cả thế giới đang trông chờ ông lên văn phòng của mình ngay tức khắc vậy. Hai tay ông thọc sâu vào túi quần bằng vải dù rộng thùng thình, còn chiếc mũ thì ngoắc sau gáy.

Một chiếc xe hơi đang lăn bánh trên đường từ hướng Welch, rẽ phải rồi đi thẳng về trung tâm thị trấn. Tiếp đó, một chiếc khác theo sau và rồi thêm một chiếc nữa. Khi tôi xuống bếp làm bữa sáng, tôi loáng thoáng nghe được tiếng máy xe con và xe tải băng ngang qua nhà. Tôi thoáng nghĩ rằng họ đang đến xem chúng tôi phóng tên lửa, nhưng chắc là không phải. Còn hai tiếng nữa mới bắt đầu cơ mà. Tôi trở về phòng, vận bộ đồ mùa hè quen thuộc vào người - quần jeans, áo sơ mi ngắn tay và giày ống. Trước khi đi, tôi nhìn một lượt khắp phòng và bất chợt cảm giác như mình vừa trở về sau 30 năm xa cách. Còn đó những kệ chứa đầy sách và những chồng giấy đầy ắp các phép tính cho hỏa tiễn của bọn tôi. Kia là chiếc tủ quần áo nhỏ, trên nóc đậu mấy chiếc máy bay mô hình. Những mẫu của hỏa tiễn - những chớp tên lửa hình nón cũ, những thân hỏa tiễn bị cong hết cả lại và những phần miệng đầy vết trầy xước nằm rải rác trong phòng. Cái cảm giác ra đi rồi trở về dâng lên mãnh liệt làm tôi bất giác phải ngồi xuống giường một lúc. Vào những lúc như vậy trong quá khứ, Daisy Mae sẽ chạy lại bên cạnh đòi tôi vuốt ve và gãi nhẹ vào tai nó rồi. Nhưng chẳng có động tĩnh gì cả. Tôi ngồi một mình, không gian thật im ắng, chỉ có tiếng xe hơi và xe tải nối đuôi nhau băng ngang qua nhà.

Roy Lee đứng ở cửa sau, lịch sự gõ cửa. Tôi gặp cậu ấy trong bếp. Lúc này Mẹ đang ngồi bên bàn ăn, ngắm nhìn bức tranh bãi biển vừa hoàn thành xong. Trong đó hiện hữu một ngôi nhà bên bãi cát, đằng trước là một người phụ nữ đang đứng dãi ra biển khơi mênh mông. “Đừng có làm mình nổ tung lên đấy nhé,” Mẹ bảo với ánh mắt đầy ngụ ý.

“Vâng, thưa Mẹ.”

Quentin đến trong lúc bọn tôi đang chất mấy quả hỏa tiễn lên băng ghế sau xe của Roy Lee. *Auk XXXI* dài đến nỗi bọn tôi phải quay cửa xe xuống để nhét nó vào. Quentin cùng tôi ngồi băng ghế sau, nhẹ nhàng nâng niu mấy quả tên lửa. Billy và Sherman thì đứng chờ sẵn bên chiếc cầu cạnh nhà của Sherman rồi cùng nhau chui vào ghế trước xe. Sau cùng bọn tôi gặp O'Dell tại ngã tư Frog Level, rồi cậu ấy cùng lách vào băng ghế sau một cách cẩn thận để không làm méo mó đi mấy bộ thắng bằng mỏng manh. Chúng tôi chỉ trò chuyện vài câu qua loa trên đường đi.

Cách Cape Coalwood một dặm, bọn tôi vượt lên hàng xe đỗ đầu tiên. Tag đang đứng ở đó. Anh ra hiệu ngoắc bọn tôi lại. “Anh dám cá là chưa bao giờ có nhiều xe hơi đến Coalwood kể từ khi nơi đây được thành lập. Anh phải cho đậu một hàng dọc theo con đường rồi mọi người từ đây mà đi bộ vào trong.”

Bọn tôi thật sự bị choáng ngợp trước số lượng xe và người tham dự. Và đằng sau chúng tôi, xe vẫn tiếp tục kéo đến. Roy Lee mang theo hai két nước ngọt và 4 lít nước để mời khách, nhưng rõ ràng là không đủ.

Một số người trông thấy đuôi hỏa tiễn thò ra khỏi cửa sổ xe liền hét lên hào hứng. “Hú hú, những cậu bé hỏa tiễn!” “Mọi người tự hào về các cậu lắm!” “A-OK, Tất cả hệ thống đều hoạt động!”

Chúng tôi chỉ nhận mặt được một số người. “Có vẻ họ đến từ khắp nơi trong tỉnh,” Billy phỏng đoán.

Chúng tôi lái xe ra bãi than cám rồi cẩn thận lấy mấy quả tên lửa xuống. Tag như có mặt khắp nơi, xua đi những người tò mò cứ vây quanh bọn tôi và bắt mấy chiếc xe xếp vào một hàng dọc ngay ngắn. Tôi đứng lên nhìn ngắm con đường ngoằn ngoèo những khúc quanh và mặt trời phản chiếu trên hàng xe dài dằng dặc đến cuối tầm mắt mình. Câu lạc bộ Phụ nữ còn xếp bàn ra ngồi, bày đầy bánh trái, trà nước. Tag dành riêng chỗ ngồi danh dự cho bố mẹ của O’Dell và cả mẹ của Roy Lee nữa.

Đến trưa thì bọn tôi mới sẵn sàng cho quả tên lửa đầu tiên. Chúng tôi giương cờ lên, vẫn là chiếc mà Mẹ O’Dell đã làm cách đây gần ba năm, hơi tả tơi một chút nhưng còn dùng được. Trời chỉ có gió nhẹ. Quentin đã biến xuống phía dưới cùng với điện thoại và máy kinh vĩ. Bọn tôi ra hiệu cho Tag khi mọi thứ đã sẵn sàng và sự im lặng bao trùm toàn khu Cape Coalwood. Tôi nhìn qua cửa sổ lô cốt lần cuối trước khi đếm ngược và nhìn cô Riley đang ngồi chung bàn với Câu lạc bộ Phụ nữ. Hai trong số Bộ Sáu Siêu Đẳng đang quạt mát cho cô. Còn Jake thì đứng cạnh bên cùng thầy Turner.

Auk XXVI có miệng khoét loe đơn giản. Nó rời khỏi bệ phóng rồi rơi xuống trơn tru trong tiếng reo hò của đám đông. 914m, cả bọn đều nhất trí với con số đó rồi thông báo với mọi người, và bọn họ cùng *ôhh* rồi *ahhh* lên thán phục.

Auk XVII rộng 3,2cm, dài 107cm, được thiết kế để bay cao 3.048m. Nó bật khỏi bệ phóng với chiếc đuôi khói màu bạc, ban đầu có vẻ hơi lực khực nhưng sau đó một bầu lửa phụt ra đưa nó vút lên không trung. Có lẽ vì nó là quả tên lửa được nhồi cuối cùng nên thuốc nổ chưa hoàn toàn khô. Đám đông ngày càng phình to ra, dường như không nhận ra được vấn đề nên vẫn vỗ tay hò hét hò hời khi quả tên lửa bay mất. Sau đó nó rơi âm xuống làm rung chuyển mặt đất. 2.743m. Không tồi cho một quả tên lửa nhỏ chưa hoàn toàn khô thuốc.

Chúng tôi dựng *Auk XXVIII* lên và chuẩn bị phóng. Nó được thiết kế để đạt độ cao 4.572m. Việc chuẩn bị phóng tên lửa rất nặng nhọc nên thức ăn nhẹ được chuyển đến bồi dưỡng cho bọn tôi. Ông bà Bundini cùng mấy cô con gái xinh đẹp của họ đang ngồi thư giãn dưới tán cây tỏa bóng mát cả góc đường và vẫy chào chúng tôi. Tôi còn thấy chú Caton đứng thành một nhóm cùng với mấy chú thợ máy. Họ rôm rả hùng biện với đám đông như những chính trị gia thực thụ về quá trình chế tác tên lửa của mình. Chú Dubonnet và mấy vị lãnh đạo Liên minh Công nhân đứng gần đó, khoanh tay lại, miệng cười thỏa mãn.

Auk XXVIII làm tôi có chút lo lắng khi thấy nó hơi nghiêng về phía đám đông trước khi bay thẳng lên rồi vút ngang qua núi Hỏa Tiễn, sau đó tăng tốc trong đám khói mù mịt. “Nó sẽ rơi xuống đằng sau núi

đấy,” Billy phỏng đoán và rút cuộc cậu ấy đã đúng. Bọn tôi trông thấy nó rơi xuống nhưng đám đông quá ồn ào nên chẳng thể nghe thấy tiếng *choang* của kim loại va vào đá và đất núi như thường lệ.

Tôi định nói với cậu ấy chờ một chút để nhặt nó sau nhưng Billy đã phóng về phía núi mất rồi. Một vài người trong đám đông cũng chạy theo tham gia tìm kiếm cùng cậu ấy. Nửa giờ sau, tất cả bọn họ cùng tất tả chạy về, Billy thì giữ quả tên lửa trên đầu, theo sau là đàn ong hung tợn. Đám đông chạy tán loạn. Jake ra đứng chắn cho cô Riley với cuộn giấy báo trong tay. Khi thấy có quá nhiều mục tiêu, đàn ong không tấn công nữa mà rút lui về núi.

Auk XXIX và *Auk XXX* đều được thiết kế để đạt độ cao 6.096m nhưng có kích thước khác nhau. *Auk XXIX* có đường kính 5,08cm, *Auk XXX* thì 5,715cm nhưng chiều dài ngắn hơn. *Auk XXIX* dài 182cm và là quả tên lửa dài nhất bọn tôi từng phóng. Nó quá đẹp nên tôi tiếc hùi hụi khi phải phóng nó và rồi chứng kiến nó vỡ tan tành lúc rơi xuống đất. Nó vút lên trong tiếng nổ vang trời, to nhất ở Cape Coalwood từ trước đến nay, và khạc ra chùm lửa vĩ đại, mù mịt khói. Sau đó bọn tôi tính được nó bay lên khoảng 6.437m. *Auk XXX* cũng rời khỏi bệ phóng trong tình trạng tương tự, nó bay theo quỹ đạo hình parabol và đạt độ cao 7.010m. Tôi nhìn xuống dưới và thấy Quentin đang sung sướng nhảy lung tung trên bãi than cám.

Auk XXXI là quả tên lửa cuối cùng và cũng vĩ đại nhất - dài 198,12cm và đường kính 5,715cm. Bọn tôi cẩn trọng dựng nó đứng lên rồi nhẹ nhàng cắm vào thanh định vị. Nó được gắn chiếc miệng tên lửa mà Tiến sĩ von Braun đã chạm vào trong hội chợ vừa rồi. Độ cao dự tính là 8.047m. Với kích thước to lớn như thế này, tôi nghĩ nó đã chứa quá lượng zincoshine cho phép. Mặc dù biết nó có thể phát nổ nhưng tôi vẫn mong điều này đừng xảy ra. Tôi quỳ xuống và bắt đầu xoắn dây dẫn cho ngòi nổ.

“Sonny,” Roy Lee gọi tôi. “Cậu có biết ai đang ở đây không?”

Tôi đang cúi làm việc vội ngược lên. “Ai?”

“Nhìn kia.”

Tag rẽ đám đông sang hai bên và tôi thấy Bố đang đứng đó, vẫn trong bộ quần áo lao động. Roy Lee chạy đến và đưa ông ra ngoài bãi than cám. Tôi nghe cậu ấy nói, “Lại đây giúp chúng cháu đi, chú Hickam.”

“Các cháu đâu cần sự giúp đỡ của chú,” Bố nói. “Chú chỉ đến xem thôi.”

Tất cả đều phản đối. “Không đâu, cái gì chú cũng giúp được mà.” “Bất cứ điều gì chú muốn thì cứ làm đi ạ.”

Tôi đứng lên, phủi lớp than cám khỏi quần. “Tên lửa sẽ không bay nếu như không có ai khai hỏa,” tôi bảo. “Lại đây đi Bố.”

Bố chui vào trong lô cốt và tôi dẫn ông lại cạnh nút khai hỏa sau khi đã kiểm tra kỹ lưỡng dây dẫn.

“Cái này là của Bố nếu Bố muốn.”

Tôi không thể nhầm lẫn được niềm vui sướng rõ ràng hiện trên khuôn mặt Bố khi ông quỳ trước nút khai hỏa. Roy Lee thông báo từ cửa sau. “Bất cứ khi nào chú sẵn sàng thì mình phóng nhé,” cậu ấy bảo.

Tôi đếm đến 0, Bố gạt nút. *Auk XXXI* vỡ òa lên trong đám khói lửa ồ ạt dội xuống bệ phóng. Đám đông phải lùi lại một bước, một số người thậm chí còn bắt đầu bỏ chạy. *Auk XXXI* dường như xé toạc bầu không gian trong thung lũng, một làn xung lực bùng lên quanh bãi than cám. Những người phụ nữ hét lên còn cánh đàn ông thì bịt chặt tai lại. Bọn tôi phóng vụt ra ngoài, Billy mang theo máy kinh vĩ, O'Dell cầm theo chiếc ống nhòm. Tiếng sấm ầm ỉ mãi không dứt. *Auk XXXI* ngày càng bay lên cao và vẫn tiếp tục tạo áp lực liên tục lên chúng tôi. Đàn ông, phụ nữ và trẻ em dõi theo mà miệng cứ há hốc, mắt mở to tròn, còn tiếng hò reo thì nghẹt lại trong cổ họng.

Tại Big Store, mấy cụ già không đến xem cũng phải nhòm dấy khi nghe thấy tiếng sấm vang rền. Họ đổ nhào ra đường, dụi mắt. Đuôi khói lửa phụt ra từ tên lửa tạo thành một vệt dài ngang qua núi như ngón tay của Chúa vừa trở lên trời xanh. Tại nhà thờ, Cha Richard Bé Nhỏ vội chạy đến tháp chuông bắt đầu gióng chuông để ăn mừng. Vài kỹ sư thực tập xuống từ Ohio đang ở trên mái nhà của Club House với bạn gái của họ bên chiếc kính viễn vọng của Jake. Họ đồng loạt nâng chai bia trong tay vì mấy cái vật vừa vụt bay lên trên những đỉnh núi.

Roy Lee dán chặt mắt vào đồng hồ. “Ba mươi tám, ba mươi chín, bốn mươi...”

“Vẫn còn thấy nó,” Billy tuyên bố, đuôi khói xám xịt đã chuyển thành màu vàng nhạt. “*Sắp biến mất rồi...*”

“Mất dạng rồi,” Billy thông báo.

Biến mất vào giây thứ bốn mươi bốn. Tôi nhắm tính. Cứ cho là nó bay lên thẳng thì nó biến mất khi đạt độ cao 9,449m, gần 10km. Tôi cảm thấy như có gì đó chuyển động cạnh mình và thật ngạc nhiên khi thấy Bố đang nhảy nhót dọc theo bãi than cám, vung vẩy chiếc mũ trong tay. Ông còn đắc chí hét vang. “Đẹp quá! Đẹp quá!”

Vào khoảnh khắc *Auk XXXI* ào ào phóng lên bầu trời ngập nắng trong cái ngày huy hoàng ấy, tôi lại đứng ngẩn nhìn Bố rồi kiên nhẫn chờ đợi với hy vọng rằng ông sẽ choàng tay qua vai tôi và sau cùng sẽ nói rằng tôi đã làm một điều gì đó tốt đẹp.

“*Kia kìa,*” tôi nghe Billy hô to. “*Nó kia rồi!*”

Dòng người dâng lên từ bên kia đường băng ngang bãi than cám, cùng bọn tôi đuổi theo quả tên lửa sau cùng tuyệt vời đó. Bố ngừng nhảy nhót và chụp mũ lên đầu. Ông nghiêng người như vừa bị một vật gì đó đè nặng lên mình. Rồi ông nhìn tôi, miệng hé mở, và tôi trông thấy trong mắt ông một cảm xúc lẫn lộn giữa niềm hân hoan và cả nỗi đau hòa lẫn với sự sợ hãi. Tôi chạy lại sóc vai ông lên, giúp ông

lấy lại hơi thở. “Bố làm rất tốt đấy, Bố ạ,” tôi nói trong tràng ho khàn đục vang lên làm cả người ông rung chuyển. “Chưa bao giờ có ai phóng được quả tên lửa tuyệt vời như Bố đâu.”

HỒI KẾT

CUỐI CÙNG tất cả những cậu bé hỏa tiễn chúng tôi đều vào đại học, nhưng không theo những ước mơ đã dự định từ thời tiền-*Sputnik* ở miền Tây Virginia. Roy Lee làm trong ngân hàng, O'Dell thì mở nông trại và làm bảo hiểm. Quentin, Sherman và tôi trở thành kỹ sư. Tiếc thay Sherman bị truy tìm và ra đi ở tuổi 26.

Còn anh tôi giờ là một huấn luyện viên cấp trung học cực kì thành công và là người cố vấn dày kinh nghiệm cho các chàng trai trẻ khi trong giai đoạn chuyển từ thời thiếu niên sang những người đàn ông thực thụ. Cho dù hai chúng tôi có nhiều hiềm khích và tính cách đối lập trong những năm tháng tuổi thơ, nhưng cho đến bây giờ, tôi vẫn luôn tự hào vì được làm em trai của Jim Hickam.

Dorothy Plunk chỉ là một biệt hiệu nhưng người con gái tôi miêu tả ở cuốn sách này trong thực tế đã là vợ của một người đàn ông lịch thiệp và làm mẹ của hai cô con gái xinh xắn, tài giỏi. Tôi được gặp lại nàng một lần trong buổi họp lớp 25 năm sau. Chúng tôi cùng nhảy bản “Tất cả chỉ là trò chơi” trong đêm đó và chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi tôi biết mình vẫn còn yêu nàng. Có những thứ sẽ luôn bất di bất dịch. Sau đó có đôi lúc chúng tôi trò chuyện qua điện thoại và luôn là bạn tốt của nhau.

Còn bệnh tình cô Riley cũng thuyên giảm như lời nguyện cầu và mong mỏi của tất cả chúng tôi. Nhưng vài năm sau, căn bệnh lại tái phát, dù vậy cô vẫn tiếp tục giảng dạy, học sinh dù cô lên lớp mỗi khi cần thiết. Đến năm 1969 thì Freida Joy Riley qua đời ở tuổi 32.

John Kennedy đã có hai mục tiêu lớn trong nhiệm kỳ tổng thống của ông: đưa người lên mặt trăng và tham gia cuộc chiến giành tự do khắp nơi trên thế giới. Tôi tình nguyện đến Việt Nam, gác lại ước mơ làm việc trong ngành không gian học của mình. Một buổi sáng nọ, khi tôi trèo ra khỏi lô cốt và thật mỉa mai khi trông thấy quả tên lửa 122-mm của Nga chôn vùi cạnh bên. Tôi quan sát miệng tên lửa và thấy nó được thiết kế quá thô thiển.

Tôi chẳng có cơ hội để gặp Wernher von Braun. Sau khi hoàn thành quả tên lửa đưa được đất nước thân yêu mà ông nhận làm tổ quốc mình lên mặt trăng thì ông đã ra đi vào năm 1977 vì căn bệnh ung thư ruột kết. Việt Nam và nhiều công việc khác cứ níu lấy chân tôi, nhưng rốt cuộc vào năm 1981, hai mươi một năm sau khi BCMA phóng quả tên lửa cuối cùng, tôi cũng thực hiện được ước mơ từ thời niên thiếu của mình và trở thành kỹ sư của NASA tại Trung tâm Đường bay vào Không Gian Marshall ở Huntsville, Alabama, tổng hành dinh cũ của Tiến sĩ von Braun. Nhiều năm sau, rất nhiều thành viên cũ trong nhóm của ông trở thành đồng nghiệp và bạn bè tôi. Tôi được giao nhiệm vụ huấn luyện cho các phi hành gia, giảng giải cho họ về những kinh nghiệm khoa học một khi lên quỹ đạo; ngoài ra còn thường tham gia vào những đợt phóng tên lửa và tàu vũ trụ vào không gian tại Cape Canaveral. Tôi được đến Nga, ngồi đối diện với người đã từng phóng *Sputnik I*; rồi cùng làm việc với những người cả nam lẫn nữ từ Nhật, Canada, châu Âu, và các nước khác trên thế giới có cùng chí hướng và cái nhìn về thám hiểm không gian như tôi. Công việc tại NASA này là tất cả những gì tôi hằng mơ ước.

Bố tôi vẫn ngoan cường chống chọi với lá phổi đen ngòm của ông và tiếp tục vào khu mỏ làm việc. Đến một ngày khi tôi được thừa hưởng lại những cuốn sách của ông, tôi hơi bất ngờ khi trong đó có kẹp lại những bài thơ. Một số còn dính bụi than, chứng tỏ ông đã từng đem chúng cùng ông vào hầm mỏ. Trong khi mọi người đều biết ông vào đó chỉ để giám sát nóc hầm và lo toan về việc thông gió tại công trường thì bây giờ tôi lại miên man đoán xem ông đã từng ngồi một mình trong mỏ trên một thanh gỗ cũ kỹ nào đó, ngâm nga những câu thơ dưới ánh đèn phát ra từ mũ bảo hộ leo lét như thế nào. Tôi chẳng biết ông thích nhất bài thơ nào vì chúng đều bị vấy bẩn bụi than, nhưng trong đó có một bài ông khoanh tròn lại:

Có bao giờ bạn ngồi nhìn những đoạn đường ray

Đón chờ từng chiếc xe rỗng trở lại mỗi ngày?

Ì ạch kéo, rít vang rền rồi chạy

Khói tuôn trào liên tiếp mịt mù bay

Bay lên đi lấp ống khói tràn đầy

Rồi chỉ còn trống rỗng trở về đây.

Có trong tôi giấc mơ trần không che đậy

Một giấc mơ như tôi vẫn ngất ngây

Về nàng ư hay tiền tài, danh vọng

Giấc mơ nào cũng chỉ là hăng mong,

Lửng lơ treo trên những chuyến xe lòng

Rồi cũng mãi là trống không vòng trở lại.

Angelo De Ponciano

Sau khi bị buộc nghỉ hưu ở tuổi 60, Bố vẫn ở lại làm cố vấn cho công ty thêm 5 năm nữa và chuyển đến sống trong Club House. Còn Mẹ thì dọn nhà xuống bãi biển Myrtle, rồi cuộc bà cũng tìm được cảnh tượng mình đã vẽ trên bức tường năm xưa. Đến khi lá phổi của Bố không chịu đựng nổi và công nhân của ông cũng không cho phép ông bước lên thang máy nữa thì ông mới chịu về ở cùng với Mẹ.

Đến năm 1989, sau khi hoàn thành một nhiệm vụ đầy gian nan, tôi xin nghỉ phép dài hạn để đến Caribbean. Trước khi đi, tôi có gọi cho bố mẹ. Mẹ nghe máy và báo cho tôi biết lá phổi của Bố đã trở nên trầm trọng hơn nhiều. Ông còn rất phiền muộn vì khu mỏ ở Coalwood đã bị đóng cửa, những chiếc quạt gió đã tắt và những cái máy bơm cũng đều ngừng hoạt động. Toàn bộ khu mỏ bị ngập chìm trong nước và sẽ chẳng bao giờ được mở cửa trở lại. Đến phiên Bố nói chuyện với tôi, nghe giọng ông thật yếu ớt nhưng cách nói của ông vẫn vậy - đầy tự tin và bất cần, và có lẽ tôi cũng chẳng bao giờ tác động được gì tới ông. Mẹ nghe điện thoại lại và bảo tôi cứ đi nghỉ mát, đừng lo lắng gì, mọi việc sẽ ổn thỏa cả thôi. Tôi cẩn thận để lại tất cả những số điện thoại nào có thể liên lạc được cho tôi và sau đó đi nghỉ theo đúng kế hoạch đã đề ra. Và trong khi tôi đi, Bố mất. Khi tôi trở về, Mẹ đã thiêu xác ông và rải tro xuống vùng biển mà bà yêu dấu. Tôi bay ngay xuống bãi biển Myrtle và thấy bà vẫn như vậy: vững vàng và can trọng không để cho tôi cảm thấy phiền muộn gì vì Bố, ngay cả khi ông đã ra đi.

Tôi cảm thấy một sự thanh thản kì lạ cho dù tôi không ở cạnh bên khi Bố nhắm mắt xuôi tay. Trong những lần về thăm Coalwood trước đây và sau này là bãi biển Myrtle, tôi và Bố vẫn chào mừng nhau nồng hậu, trao đổi về thời tiết trên đường từ nhà tôi về đến nhà ông, và chỉ dừng lại ở đó. Ông đã muốn mọi việc chỉ như vậy nên tôi cũng chiều theo. Thật ra những cuộc viếng thăm đó, trong bất cứ hoàn cảnh nào, chủ yếu tôi muốn gặp Mẹ để cho bà thấy mặt tôi và xem xét sự trưởng thành của mình qua năm tháng.

Tôi đến bệnh viện mà Bố nằm trong những phút cuối đời. Người hộ lý trò chuyện với tôi giọng đầy cảm thông và rồi họ hiểu rằng tôi chẳng cần chuẩn bị tâm lý gì cả. Tôi cần được biết mọi việc mặc dù nó không phải là bằng chứng gì cho cả hai bố con tôi. Rốt cuộc bác sĩ cũng cho tôi biết: Bố đã bị ngạt thở, những mảnh than và bụi đá bám trong phổi ông năm này qua tháng nọ bây giờ không cho phép một tí ôxy nào đi vào nữa.

Người hộ lý nói cứ như Bố tôi là một người đàn ông rất yếu ớt vậy. Nhưng thực tế không phải thế cho đến khi lá phổi đen ngòm đó rốt cuộc cũng đánh gục ông. Chỉ vài tuần sau, ông bắt đầu bị co rút, rõ ràng đang bị lá phổi hành hạ và bây giờ nó đã trở thành yếu tố quyết định cho sự sống còn của ông.

Rồi ông bị co giật liên tục. Phải thêm một người hộ lý nữa để ghì ông lại trên băng-ca đưa đến phòng cấp cứu cho bác sĩ cố gắng cứu chữa trong hy vọng nhỏ nhoi. Lúc đó ông cào cào cổ và lồng ngực như muốn xé toạc chúng ra. Người hộ lý kể lại rằng mắt ông vẫn mở trừng trừng cho đến phút cuối và tôi có thể tưởng tượng được rõ ràng cặp mắt xanh đen ánh thép luôn ngời sáng đó. Ông vẫn tỉnh táo cho đến khi tắt thở và sau cùng là lắc đầu nguầy nguậy như muốn từ chối tất cả những sự giúp đỡ xung quanh mình. Tôi mong rằng ông đã dần lịm đi trong lúc tâm trí còn tỉnh táo và cảm nhận được bóng tối đang bao trùm lấy mình như thể ông đang được về lại khu mỏ yêu dấu của ông một lần cuối. Tôi còn mong có một cánh tay của người đốc công vươn ra cố kéo ông từ bóng tối trở lại với ánh sáng. Trong giây phút ấy, ông đã có thể nhận ra được người đó, vươn cánh tay níu lại một lần cuối và nhận được những gì được gửi trao.

Nhưng tôi nghi ngờ rằng đó không phải là những gì Bố muốn.

Tôi xem xét mọi thứ để đảm bảo Mẹ có thể ổn định trong căn nhà nằm cạnh bãi cát nâu chạy dọc theo biển Đại Tây Dương mà bà luôn yêu mến. Gần đây bố mẹ đã ngồi xem lại tất cả những gì đã được đem theo đến đây từ Coalwood và cả những thứ đóng trong thùng mà họ nghĩ là tôi hoặc Jim sẽ cần đến. Tôi trở về nhà, cất đi chiếc thùng bà đưa cho tôi ra và cuộc sống cứ thế tiếp diễn như chưa hề có chuyện gì vừa xảy ra cả. Tôi còn rất nhiều việc phải làm. Nhiều tháng rồi lại nhiều năm dần trôi qua, tôi thấy mình càng nghĩ nhiều về Bố hơn và cứ thắc mắc mãi: Vì sao cái chết của Bố lại chẳng làm tôi đau lòng; thay vào đó là cảm giác mọi thứ đã kết thúc và mọi bất đồng đã được hòa giải, cứ như mọi thứ giữa chúng tôi đã được dàn xếp ổn thỏa từ rất lâu rồi vậy?

Chợt tôi cảm thấy mình phải tìm về những quá khứ mình đã lãng quên từ lâu và bắt đầu mở thùng đồ Mẹ đưa cho tôi. Tất cả đều có nét chữ của Mẹ trừ chiếc thùng các tông màu nâu và tôi nhận ra nét chữ nguệch ngoạc của Bố, chỉ duy nhất một chữ *Sonny*. Tôi mở nó ra và tìm thấy thứ được gói cẩn thận trong mấy lớp khăn giấy mà tôi tưởng đã đánh mất từ rất lâu - những dải dây đã phai màu và những chiếc huy chương, cùng với một đồ tạo tác lạ lẫm, một miếng tên lửa De Laval bằng thép được chế tác cực kì hoàn hảo.

Tháng 11 năm 1997, ngay trước khi tôi nghỉ hưu và rời khỏi NASA, Tiến sĩ Takao Doi, một người bạn phi hành gia của tôi, mang theo chiếc huy chương trong hội chợ khoa học và cả chiếc miếng tên lửa Bố đã giữ gìn cho tôi lên phi thuyền *Columbia*. Lần phóng đó thật hoàn hảo, tôi đứng ngây người nhìn con tàu rời khỏi bệ phóng của Cape Canaveral, trong lòng cảm thấy vui sướng và tự hào vô hạn: Sau cùng BCMA cũng có thể bay vào không gian.

Đến tận bây giờ, đôi lúc khi giật mình thức giấc trong đêm, tôi như nghe thấy tiếng chân Bố bước lên cầu thang hay tiếng lê giày và tiếng trò chuyện râm ran của ca làm việc khuya. Trong cái khoảnh khắc của ranh giới giữa mơ và thực đó, tôi còn như nghe thấy tiếng búa nện vào thép và tiếng hàn xì phát ra từ xưởng kim khí điện máy của nhà than. Nhưng mọi thứ chỉ là ảo giác; hầu hết mọi thứ tôi biết ở Coalwood đã biến mất rồi. Nhiều ngôi nhà của thợ mỏ giờ đây trống vắng hoặc mục nát hết cả. Club House cũng đang bắt đầu đổ nát, mái nhà không còn an toàn để trèo lên ngắm cảnh qua kính viễn vọng nữa. Còn bãi than cám được bọn tôi một thời đặt tên Cape Coalwood đã bị san bằng, cây cối mọc um tùm, giờ chỉ còn những chú nai quành quẩn và không còn những âm thanh của thời niên thiếu. Hàm mỏ sâu thẳm cũng đã bị bỏ hoang, tất cả đường hầm đều bị ngập, máy móc chìm trong lớp nước đen ngòm. Chẳng còn dấu vết gì tưởng nhớ đến công trường làm việc năm xưa ngoài gạch đá vỡ vụn cùng những tấm bảng hiệu hoen ố nằm lẫn trong bụi cây mọc đầy. Ở đây đã có hàng trăm người công nhân từng chăm chỉ cần cù làm việc, cũng có người đã từng ngã xuống ra đi mãi mãi. Dàn giao hưởng của nền công nghiệp Coalwood đã thật sự lặng im. Chỉ còn lại những âm thanh vang vọng từ miền xa xăm và vô ngoài vô giá trị của những gì từng hiện hữu.

Nhưng trong tâm trí tôi, Coalwood vẫn sống mãi. Những người thợ mỏ vẫn lê chân trên con đường mòn dẫn đến nhà than, bao người vẫn trò chuyện rôm rả ra vào Big Store và tụ tập ở bậc thềm trước nhà thờ sau khi đi lễ vào ngày Chủ nhật. Hệ thống mạng lưới thông tin hàng rào vẫn lao xao truyền tin tức cùng những chuyện tầm phào, và đâu đó từ trong núi và thung lũng vẫn vang vọng tiếng trẻ con nô đùa với những cuộc phiêu lưu của tuổi thơ. Những dãy hành lang và lớp học của trường xưa vẫn còn râm ran những niềm phấn khích của tuổi trẻ, sân bóng bầu dục vẫn âm ỉ tiếng hò reo ăn mừng trong

những buổi tối thứ sáu rét căm của mùa thu. Ngay cả đến bây giờ, Coalwood vẫn tồn tại, và không ai hoặc nền công nghiệp gian khổ hay cả một chính phủ tàn bạo nào có thể hoàn toàn tiêu hủy được Coalwood; một khi những ai từng sống ở đó khơi gợi lại quá khứ của mình, nhất là khi họ nhớ lại khoảnh khắc chứng kiến những quả tên lửa vút lên không trung, không phải bằng chất nổ đẩy vật lý mà bằng tình yêu mãnh liệt của những con người đáng kính, bằng sự chỉ dẫn của một cô giáo kính yêu, và bằng cả giấc mơ nồng cháy của những cậu bé hỏa tiễn ngày ấy.

LỜI TRI ÂN

Tôi còn nợ lời cảm ơn với rất nhiều người cho cuốn sách này. Đầu tiên, tôi xin gửi lời biết ơn vô hạn đến Mickey Freiberg của Hội Nghệ sĩ ở Los Angeles, người đã nhận ra giá trị cuốn sách này từ khái niệm mơ hồ đầu tiên của nó. Chính vì lòng tin của ông vào câu chuyện và sự tự tin của ông vào khả năng viết lách của tôi đã tạo cơ hội cho tôi tiến hành công việc này. Chân thành cảm ơn David Groff về khả năng hỗ trợ biên tập tuyệt vời, Frank Weimann của Hội Nhà Văn ở New York đã chấp nhận bản thảo và thuyết phục nhà xuất bản. Rất biết ơn Amir Fedder và Rick Capogrosso của Hội Nghệ sĩ, và Jessica Wainwright, Lauran Mactas, và Kim Marsar của Hội Nhà Văn vì sự trợ giúp vô giá của các bạn.

Tôi nghĩ cần phải cảm ơn những thiên thần hộ mệnh đã theo tôi bao năm nay và chắc họ đã giúp tôi có được Tom Spain của Delacorte Press làm biên tập viên cho mình. Khả năng tìm thấy những yếu tố cốt lõi của cuốn sách này của Tom (đôi lúc còn chỉ chúng ra trong khi tôi không phát hiện được) đã làm nên cuốn sách này đây. Rất cảm ơn Micht Hoffman của Delacorte vì lòng tốt của anh. Karen Mender, Carisa Hays, Linda Steinman, và Vicki Flich cũng đã giúp đỡ rất nhiều. Trong suốt quá trình viết lách, Carole Baron, Leslie Schnur, và mọi nhân viên của họ tại Delacorte luôn luôn hăng hái và chuyên nghiệp khi hỗ trợ tôi. Tôi xin chân thành cảm ơn nỗ lực của tất cả các bạn.

Tôi mong được tỏ lòng biết ơn đến Chuck Gordon, Mark Sternberg, và Peter Cramer của Nhà sản xuất Daybreak đã nhận lấy bản thảo chưa hoàn hảo và chuyển thể nó xuyên suốt những khó khăn ở Hollywood. Cảm ơn cả Joe Johnson, Larry Franco, Lewis Colick, và tất cả nhân viên của hãng sản xuất phim truyện Universal Studios đã cho câu chuyện của tôi lên màn bạc. Họ đã làm cái không thể thành có thể.

Tôi không biết dùng lời cảm ơn nào hơn cho những người đã đọc bản thảo cho tôi trong suốt quá trình sáng tác, đặc biệt là Linda Terry, người theo dõi từ những dòng đầu tiên chưa được gọt rũa và giúp tôi cải thiện qua từng phiên bản. Cảm ơn Linda lần nữa vì tình yêu và sự hỗ trợ của cô trong suốt quá trình sáng tạo. Tôi sẽ không thể viết lên cuốn sách này nếu không có cô. Còn có sự giúp đỡ nhiệt tình từ cô bạn Emily Sue Buckberry cùng lớp từ trường trung học Big Creek trong việc đánh chính thêm những chi tiết xảy ra trong quá khứ, góp ý về biên tập, và thúc đẩy tôi về cả tinh thần. Đặc biệt cảm ơn chú tôi, Harry Kenneth Lavender, vì ông đã cho nhiều thông tin kỹ thuật về khai thác than và cuộc sống chung ngoài công trường.

Cảm ơn Perry Turner và Pat Trenner, biên tập viên của tạp chí *Air & Space/Smithsonian* về bài viết “Hội Tên Lửa Đạn Đạo Big Creek,” đã tạo được sự chú ý cho cuốn sách này.

Sau cùng, lời cảm ơn chân thành nhất xin gửi đến những người bạn đã từng là thành viên của những câu bé hỏa tiễn vì đã đồng ý cho tôi viết về quá khứ của họ. Cảm ơn cô Jan Siers vì đã cho phép tôi kể về Sherman. Cảm ơn anh Jim đã làm sinh động hơn cho những bất đồng trong thời thơ ấu của bọn tôi.

Cám ơn những bạn học muốn giấu tên nhưng cũng đã giúp tôi rất nhiều và họ cũng xuất hiện trong sách dưới một lớp vỏ bọc nào đó. Và xin cảm ơn Mẹ vì vẫn giữ được sự khôi hài trong những giây phút quý quýet của cậu con trai thứ này đến tận ngày nay.

- Homer H. Hickam, Jr.

Tháng 5 năm 1998

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

^[1] Tiến sĩ Mark A. Hill là Giám đốc Viện Giáo dục quốc tế (IIE) tại Việt Nam. IIE-Vietnam (www.iiev.vn) thay mặt Ủy ban Văn hóa Giáo dục của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ quản lý các trung tâm tư vấn Education USA ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Các trung tâm này cung cấp tư vấn giáo dục miễn phí và khách quan cho những người Việt Nam muốn du học ở Hoa Kỳ. Kể từ khi được thành lập năm 1919, suốt 90 năm qua IIE vẫn luôn “Opening Minds to the World®” (Mở lòng ra với thế giới - tên một chuyên mục trên website của IIE).

[2] Dr. Mark A. Ashwill is Director of the Institute of International Education (IIE) office in Vietnam. IIE-Vietnam (www.iievn.org) manages Education USA advising centers in Hanoi and Ho Chi Minh City on behalf of The U.S. Department of State's Bureau of Educational and Cultural Affairs. These EducationUSA centers provide free and unbiased educational advising to Vietnamese interested in studying in the U.S. Founded in 1919, IIE has been "Opening Minds to the World®" for 90 years.

[3] Cherokee là thổ dân Mỹ, từng định cư ở các bang miền đông nam nước Mỹ (Alabama, Georgia, Kentucky, North Carolina, South Carolina, Tennessee và Virginia).

[4] Than bitum là dạng than phổ biến nhất, còn được gọi là than mềm, chứa nhiều lưu huỳnh, tạp chất (nhựa đường, hắc ín...) (Tất cả những chú thích trong cuốn sách này là của dịch giả).

[5] Một loại dược phẩm chiết xuất từ thuốc phiện, nhằm giảm đau.

[6] Harry S. Truman (1884 - 1972) là Phó tổng thống thứ 34 (1945) và là Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ (1945-1953), kế nhiệm Nhà Trắng sau cái chết của Franklin D. Roosevelt.

[7] UMWA (hay UMW) là Liên minh Công nhân ngành Mỏ (United Mine Workers of American). John L. Lewis (1880 - 1969) là một lãnh đạo người Mỹ của các tổ chức công đoàn, giữ chức chủ tịch UMWA từ 1920 đến 1960.

[8] John Davison Rockefeller, Cha (1839 - 1937): là một nhà công nghiệp người Mỹ, người đóng một vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ thời sơ khai, người sáng lập công ty Standard Oil - công ty lớn nhất và có lợi nhuận cao nhất trên thế giới. Ông có thời là người giàu nhất thế giới.

[9] American Bandstand (1952-1989): show truyền hình âm nhạc, gắn với người dẫn chương trình kiêm nhà sản xuất Dick Clark.

[10] John Constantine "Johnny" Unitas (1933 -2002): là một cầu thủ bóng bầu dục chuyên nghiệp từ những năm 1950 đến những năm 1970, được coi là một trong những tiền vệ xuất sắc nhất mọi thời đại của Liên đoàn bóng bầu dục Mỹ.

[11] Bart Starr (sinh ngày 9 tháng 1 năm 1934): là cựu cầu thủ bóng bầu dục chuyên nghiệp của Mỹ và là huấn luyện viên.

[12] Nơi đặt căn cứ không quân của Mỹ.

[13] Dwight D Eisenhower là Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953-1961).

[14] Ngày 4 tháng 7 là ngày Lễ Độc Lập tại Hoa Kỳ.

[15] The Star Spangled Banner - quốc ca chính thức của Hoa Kỳ.

[16] Konstantin Eduardovich Tsiolkovsky (1857 - 1935): là một nhà khoa học lý thuyết, nhà nghiên cứu, người đặt nền móng cho ngành du hành vũ trụ hiện đại, nhà sư phạm, nhà văn Nga - Xô Viết. Ngoài ra ông được biết đến với vai trò là nhà sáng chế tên lửa Xô Viết, người tiên phong trong lý thuyết du hành vũ trụ.

[17] Robert Hutchings Goddard (1882 -1945): giáo sư vật lý, nhà khoa học người Mỹ, là người

tiên phong trong lĩnh vực tên lửa dùng nhiên liệu lỏng.

[18] Tropic of cancer.

[19] Errol Leslie Thomson Flynn (1909 - 1959): diễn viên điện ảnh người Úc, nổi tiếng nhất với các vai giang hồ lãng tử đầy chất lãng mạn trong các phim Hollywood và lối sống khoa trương của mình.

[20] “Invictus” là bài thơ ngắn của nhà thơ Anh William Ernest Henley, xuất bản lần đầu tiên vào năm 1875. Tựa đề này là tiếng Latin, có nghĩa là “không bị đánh bại”.

[21] Crawdad - một loại tôm sông có hình dáng gần giống như tôm hùm.

[22] George: chỉ các thời kỳ vua George của Anh (1714-1830).

[23] Henry Fonda (1905-1982) là nam diễn viên phim kiêm nghệ sĩ sân khấu nổi tiếng của Mỹ.

[24] Nguyên tác: “say mềm như Cooter Brown”. Cooter Brown là một nhân vật huyền thoại về khả năng uống rượu. Cái tên mang tính ẩn dụ và ví von, được dùng khi so sánh với một người nào đó uống nhiều rượu.

[25] Ichabod Crane là một nhân vật trong truyện ngắn của Washington Irving, The Legend of Sleepy Hollow, xuất bản lần đầu tiên năm 1820. Ichabod Crane được khắc họa như một giáo viên gầy còm và cao lêu nghêu. Truyện ngắn này được dựng thành phim Sleepy Hollow, trong đó nhân vật Crane do Johnny Deep đóng.

[26] Lowell Jackson Thomas (1892-1981) là một nhà văn Mỹ, nhà diễn thuyết và lữ hành. Tên tuổi của ông gắn với cuốn sách “With Lawrence in Arabia”, kể về tiểu sử của đại tá Lawrence, cũng như những thước phim về nhân vật này khi ông làm nhiệm vụ tại Arab.

[27] Doughnut là một loại bánh rán tròn, có một lỗ tròn ở giữa.

[28] Half eye-glasses.

[29] Máy kinh vĩ là dụng cụ của những người vẽ bản đồ địa hình dùng để đo các góc chiều ngang và chiều thẳng đứng.

[30] Cây mại châu (hickory) thuộc dòng Carya, có nhiều loài khác nhau, với lá kép và hạt lớn. Hoa mại châu màu vàng phớt xanh, nở vào mùa xuân. Trái hình oval hoặc hình cầu, dài 2-5cm và có đường kính 3cm.

[31] Moccasins: giày da đánh - một loại giày của thổ dân Bắc Mỹ.

[32] Sears hay còn được biết đến với cái tên Sears, Roebuck & Company, là một thương hiệu bán lẻ của Mỹ.

[33] Salvation army: đội quân cứu tế, một hoạt động từ thiện quốc tế mang tính chất tôn giáo.

[34] Nguyên văn: Yankee, chỉ những Mỹ sống ở khu vực phía Bắc nước Mỹ, những người ảnh hưởng nhiều bởi văn hóa Anh.

[35] 1 foot = 0,3048 mét.

[\[36\]](#) Peter Gunn là series phim truyền hình trinh thám của Mỹ được chiếu trên kênh NBC sau đó là ABC từ 1958 đến 1961. Vai chính do Craig Stevens đảm nhiệm. Người sáng tạo ra show này (thỉnh thoảng kiêm đạo diễn, người viết kịch bản) là Blake Edwards.

[\[37\]](#) Appalachia là tên chỉ đến vùng ở miền Đông Hoa Kỳ kéo dài từ Tiểu bang New York đến Mississippi, nằm xung quanh dãy Appalachian.

[\[38\]](#) Tennessee Valley Authority (TVA) là tập đoàn của chính phủ Hoa Kỳ được thành lập bởi Quốc hội vào tháng 5 năm 1933 với trách nhiệm là cung cấp vận tải, điện, phân bón, phòng lũ lụt, và phát triển kinh tế trong khu vực thung lũng Tennessee, một khu vực bị thời kỳ Đại Suy thoái ảnh hưởng nghiêm trọng. Đây còn là một cơ quan phát triển kinh tế cho khu vực bằng cách dùng các nhà chuyên môn liên bang và điện lực để hiện đại hóa xã hội và kinh tế khu vực một cách nhanh chóng.